TUYỂN TẬP

TRUYỆN NGẮN THẾ GIỚI

CHỌN LỌC

★

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

vh

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

TUYỂN TẬP
TRUYỆN NGẮN THẾ GIỚI
CHỌN LỌC

TẬP I

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
HÀ NỘI

Các tác giả:

A. Austin, R. Akưtagáoa, D. Cambell,
X. Đamdinnuren, C.B. Gilford, Ô. Henry,
R. Hardwick, C. Howard, E. Heminguây,
Iukhanxôn, V. Khaufman, G. Lânđơn,
J. Morrison, C. Lânđơn, T. Mann, G.G. Mackết,
U. Malmgren, T. Natxácđoógiơ, K. Ôikava,
A. Porges, W. Saroyan, H. Clesar, B. Walton.

Các dịch giả:

Nguyễn Trung Đức, Thái Hà, Hoàng Hữu Kỳ,
Vũ Đình Phòng, Nguyên Tâm, Thúy Toàn,
Hoàng Túy, Dương Tường, Ngô Vĩnh Viễn,
Lê Văn Viện.

Ban Văn học nước ngoài
Nhà Xuất bản Văn học sưu tầm, tuyển chọn.

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Truyện ngắn là một thể loại mang tải được nhiều sắc thái và lượng thông tin, nó đi vào lòng người như những trận mưa phùn. Có những hình tượng nghệ thuật đọng lại trong lòng người rất lâu, vun đắp cho tâm hồn thêm phong phú, mặc dù người đọc có thể đã quên cả tên tác giả lẫn tên truyện hoặc nhân vật. Ngoài ra truyện ngắn còn là thể loại dễ giới thiệu: trong một tập sách nhỏ có thể giới thiệu được nhiều nhà văn, mỗi nhà văn là một cách viết riêng, mỗi truyện ngắn là một bông hoa, một bông hoa đại diện của đủ các loài hoa: xa gần, Đông tây, kim cổ.

Biết rằng còn nhiều khiếm khuyết, Nhà xuất bản Văn học vẫn cố gắng cho ra mắt bạn đọc Tuyển tập Truyện ngắn thế giới chọn lọc. Trong quá trình tuyển chọn, chúng tôi cố chắt lọc những gì là tinh túy của thể loại văn học này, có chú ý tới các hương vị sắc mầu không những đặc trưng cho mỗi nhà văn mà còn đặc trưng cho từng dân tộc. Nếu bạn đọc có gặp một cái gì đó đăng đắng, nhằng nhặng, hay chua, hay chát, thì đó cũng chỉ là một vị trong thang thuốc bổ mà thôi.

Để cho việc tuyển chọn được tinh túy hơn, chúng tôi rất mong bạn đọc và bạn văn gần xa đóng góp thêm cho những ý kiến xây dựng, hoặc cộng tác cùng chúng tôi tuyển chọn vì văn chương thì mỗi người một khẩu vị.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Ô.Henry
(Mỹ)

CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG

Trong một khu nhỏ ở phía Tây công viên Oasinhtơn, phố xá chạy ngang chạy dọc lung tung như hóa rồ, rồi đứt quãng ở những mảnh đất nhỏ gọi là "quảng trường". Những quảng trường này tạo nên những góc độ và những đường cong kỳ lạ. Một đường phố tự cắt nó một hoặc hai lần. Một nghệ sĩ có lần đã phát hiện ra là phố này có một khả năng rất qúy. Hãy tưởng tượng một tay thu ngân nào đó mang hóa đơn đòi tiền sơn hay giấy và vải vẽ đi qua con đường này, đột nhiên lại gặp ngay chính mình quay trở ra, tiền nợ không thu được một xu nhỏ!

Bởi vậy, chẳng bao lâu, giới nghệ sĩ liền mò tới cái làng Griniz cổ kính, kỳ quặc này, lùng thuê những phòng có cửa sổ hướng bắc, đầu hồi kiểu thế kỷ mười tám. Những buồng xép sát nóc kiểu Hà Lan và tiền thuê rẻ. Rồi từ đại lộ thứ sáu, họ nhập cảng vào vài chiếc cốc vại bằng thiếc, một hai chiếc lò hâm thức ăn và họp thành một xóm.

Phòng họa của Xiu và Giônxy đặt ở tầng thượng một ngôi nhà gạch ba tầng thấp lè tè. "Giônxy" là tên gọi

thân mật của Giôana. Một cô từ bang Men tới, cô kia quê ở Califonia. Họ đã gặp nhau tại bàn ăn chung của hiệu "Đemmônicô" ở phố thứ tám và thấy những sở thích của họ về nghệ thuật, món rau diếp xoăn trộn dầu rán và kiểu ống tay rộng hợp nhau đến nỗi kết quả là họ cùng chung nhau thuê một phòng họa.

Khi ấy là khoảng tháng năm. Đến tháng mười một, có một gã khách lạ, lạnh lẽo, chưa ai từng thấy, mà thầy thuốc gọi là chứng viêm phổi, oai vệ đi khắp xóm, ngón tay lạnh ngắt của gã chạm vào chỗ này một người, chỗ kia một người. Bên kia phía Đông, tên phá hoại này xăm xăm bước đi đánh ngã hàng chục nạn nhân, nhưng khi qua những "quảng trường" chật hẹp, chằng chịt và mọc rêu thì hắn lại từ tốn thong thả tiến bước.

Ông viêm phổi không phải là hạng người được gọi là lịch sự mã thượng. Một phụ nữ nhỏ bé, thiếu máu vì những cơn gió hiu hiu của miền Califonia, đâu có phải là đối thủ xứng đáng của tên bợm già có hơi thở dồn gấp và nắm tay đỏ lòm ấy. Thế mà hắn vẫn cứ đánh vào Giônxy và cô ta nằm lăn như bất động trên chiếc giường sắt sơn và qua những tấm kính cửa sổ nhỏ kiểu Hà Lan, cô trân trân nhìn cái đầu hồi của tòa nhà gạch bên cạnh.

Một buổi sáng, viên bác sĩ bận rộn, nháy cặp lông mày rậm, đốm bạc, mời Xiu ra ngoài hành lang.

- Bệnh tình của cô ấy có thể nói là mười phần chỉ còn hy vọng được một thôi, ta hãy tạm nói thế - ông vừa nói vừa vẩy cái cặp sốt cho thủy ngân hạ xuống - Và muốn có được một phần đó thì cô ấy phải có ý muốn sống kia. Cái cung cách con người ta cứ sắp hàng đứng

sẵn bên phía anh chủ thầu đám ma, làm cho mọi thứ thuốc men đều trở thành vô dụng. Cô bạn nhỏ nhắn của chị yên trí là mình không thể khỏi được. Cô ta có điều gì lo nghĩ không?

- "Cô ấy... cô ấy mong muốn có ngày được về vịnh Naplơ [1] - Xiu đáp.

- Về à? Bậy! Cô ấy không có điều gì đáng kể bận tâm hơn gấp đôi sao? Chàng trai nào đó chẳng hạn?

- Một chàng trai nào ư? - Xiu nói, giọng rít lên như tiếng dàn môi - Một người đàn ông đáng gì để... nhưng không, không có cái chuyện ấy đâu, bác sĩ ạ.

- Thế thì đây là bệnh suy nhược - bác sĩ nói - tôi sẽ làm tất cả những gì khoa học có thể làm được thông qua những cố gắng của tôi. Nhưng khi nào bệnh nhân bắt đầu đếm những chiếc xe đi theo đám tang của mình thì tôi sẽ phải trừ khả năng chữa bệnh của thuốc men đi năm mươi phần trăm. Nếu chị làm cho cô ta hỏi được một câu về mốt tay áo mới của áo choàng mùa đông thì tôi xin thua với chị khả năng khỏi bệnh của cô ấy sẽ là một trên năm chứ không phải trên mười nữa.

Sau khi bác sĩ đi khỏi, Xiu vào phòng làm việc và khóc đến ướt đẫm cả một chiếc khăn trải bàn Nhật Bản. Rồi cô lại thản nhiên mang chiếc bảng vẽ của mình đi vào phòng Giônxy, miệng huýt sáo một điệu nhạc Jaz.

Giônxy nằm quay mặt về phía cửa sổ, tấm khăn trải giường phủ lên người, hầu như không có một gợn. Xiu ngừng huýt sáo, tưởng bạn đang ngủ.

---

(1) Vịnh nổi tiếng về phong cảnh đẹp của Ý.

Cô bày bảng vẽ của mình ra và bắt đầu vẽ bằng bút sắt và mực để minh họa cho một truyện ngắn đăng trên một tờ tạp chí. Các nghệ sĩ trẻ phải lát con đường dẫn tới nghệ thuật bằng những bức tranh minh họa cho những truyện ngắn của các tạp chí, do các nhà văn trẻ viết để lát con đường của họ dẫn tới Văn học.

Xiu đang vẽ phác chiếc quần cưỡi ngựa đúng mốt và chiếc kính một mắt trên mặt nhân vật chính, một tay chăn bò Aiđahô, thì bỗng nghe thấy có tiếng thì thầm cứ nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Cô vội chạy tới bên giường.

Mắt Giônxy mở to. Cô đang nhìn ra ngoài cửa sổ và đếm - đếm ngược.

"Mười hai" - cô lẩm bẩm rồi một lát sau - "mười một" rồi "mười", "chín"; rồi "tám" và "bảy" thì hầu như được đếm cùng một lúc.

Xiu lo lắng nhìn ra phía cửa sổ. Có cái gì ngoài đó mà đếm? Chỉ thấy một cái sân trơ trụi, ảm đạm và bức tường bên trống trơn của tòa nhà gạch cách đấy chừng sáu thước. Một dây thường xuân già, già lắm, rễ đã mục nát và sần sùi những mấu, leo lên đến giữa bức tường gạch. Hơi thở lạnh lẽo của mùa thu đã bứt rụng hết lá của nó, chỉ còn lại bộ xương cành, gần như trơ trụi, bám vào những viên gạch vỡ nát.

- Gì thế, Giônxy? - Xiu hỏi.

- Sáu, - Giônxy nói, giọng gần như thì thào - Bây giờ chúng rụng mau hơn. Trước đây ba ngày còn có tới gần một trăm. Em đếm nhức cả đầu. Nhưng bây giờ thì thật là dễ. Lại một chiếc nữa. Giờ chỉ còn lại có năm thôi.

- Nãm gì, Giônxy? Cho Xiudi[1] của em biết đi.

- Những chiếc lá. Trên cây thường xuân khi nào chiếc lá cuối cùng rụng thì em cũng ra đi thôi. Em biết điều đó đã ba ngày nay rồi. Ông bác sĩ không nói với chị sao?

- Ồ, chị chưa bao giờ lại nghe thấy một chuyện vô lý đến như thế, - Xiu trách, làm ra vẻ mạnh bạo khinh thường. - Những chiếc lá thường xuân già đó thì có liên quan gì đến việc em khỏi bệnh kia chứ? Tại em vốn mến cái cây leo ấy đấy, em hư lắm. Đừng nói chuyện ngốc nghếch nữa. Ấy sáng nay ông bác sĩ đã nói với chị là em sẽ chóng bình phục thôi, đúng ra là ông ta nói thế nào nhỉ - khả năng khỏi là mười phần chắc chín; ông ta nói thế! Ấy, cũng tựa hồ như là khi chúng ta ngồi trên xe hàng hay đi qua một tòa nhà mới đang xây ở Niu-ooc này, mười phần thì họa chăng chỉ có một phần mới xảy ra tai nạn. Giờ thì em cố ăn tý cháo nhé và để Xiudi quay về với bản vẽ của mình, có thế chị mới bán được tranh cho lão chủ bút, để mua rượu pooc-đô[2] cho đứa em ốm của chị và mua sườn lợn cho cái bản thân háu ăn của chị chứ.

- Chị chẳng cần phải mua thêm rượu nữa đâu, - Giônxy nói, mắt vẫn nhìn trân trân ra ngoài cửa sổ - Lại một chiếc nữa rụng kìa. Không, em không muốn ăn cháo đâu. Còn lại đúng bốn chiếc. Em muốn thấy chiếc cuối cùng rụng xuống trước khi trời tối. Đến lúc đó thì em cũng ra đi thôi!

---

(1) Tên gọi thân mật của Xiu.

(2) Một thứ rượu vang đỏ ngọt và mạnh.

- Giônxy yêu quý - Xiu nói và cúi xuống bên người bạn, - em hãy hứa với chị là em hãy nhắm mắt lại và không nhìn ra ngoài cửa sổ nữa cho tới khi chị xong việc được không? Mai chị phải trao những bức tranh này rồi. Chị cần ánh sáng, nếu không thì chị đã kéo mành mành xuống rồi đấy.

- Chị không vẽ ở buồng bên được ư? - Giônxy lạnh nhạt hỏi.

- Chị muốn ở đây bên cạnh em kia, - Xiu đáp - Vả lại chị không muốn em cứ nhìn mãi những chiếc lá thường xuân vó vẩn đó nữa.

- Bao giờ xong chị bảo em ngay nhé! - Giônxy nói, rồi nhắm mắt lại, nằm yên và trắng bệch như một pho tượng đổ, - vì em muốn được thấy chiếc lá cuối cùng rụng xuống. Em đợi mãi ngán lắm rồi, em nghĩ mãi mệt lắm rồi. Em muốn buông trôi hết thấy và rong buồm xuôi dòng như một trong những chiếc lá mệt mỏi và tội nghiệp kia.

- Cố ngủ đi - Xiu nói. - Chị phải đi mời cụ Becman lên làm mẫu cho chị vẽ một người thợ mỏ già khổ hạnh. Chị sẽ không đi lâu quá một phút đâu. Đừng có động đậy, chờ chị quay lại nhé.

Cụ Becman là một họa sĩ ở tầng dưới cùng, dưới tầng của họ. Cụ đã ngoài sáu mươi và có một bộ râu loăn xoăn như Môi dơ[1] của Miken Angiêlô và mái đầu.

---

(1) Nhân vật lịch sử Do Thái. Tượng Môidơ do nhà nghệ sĩ Ý trứ danh Miken Angiêlô (1475-1564) tạc là một pho tượng nổi tiếng, đặt tại nhà thờ thánh Pie ở Rôm (Ý).

như đầu thần Xatia[1] lòa xòa xuống cái thân hình như thân hình một tiểu yêu. Becman là một người thất bại trong nghệ thuật. Cụ múa cây bút vẽ đã bốn mươi năm mà vẫn không với tới được gấu áo vị nữ thần của mình. Cụ luôn luôn có ý định vẽ một bức tranh kiệt tác, nhưng chưa bao giờ bắt đầu cả. Bao năm nay cụ chẳng vẽ được gì, ngoài việc thỉnh thoảng bôi bác một bức cho ngành buôn bán hay quảng cáo. Cụ kiếm được chút ít bằng cách ngồi làm mẫu cho các nghệ sĩ trẻ cùng ở xóm đó, không đủ tiền thuê nổi một người làm mẫu chuyên nghiệp. Cụ uống rượu nặng quá độ và vẫn nói về cái tác phẩm kiệt xuất sắp tới của mình. Còn thì ngoài ra cụ là một ông già nhỏ nhắn dữ tợn, hay chế nhạo cay độc sự mềm yếu của bất kỳ ai, và tự coi mình là một con chó xồm lớn chuyên gác cửa bảo vệ hai nữ nghệ sĩ trẻ ở phòng vẽ tầng trên.

Xiu tìm thấy cụ Becman sặc sụa mùi rượu đâu loại nặng trong gian buồng tối om om của cụ ở tầng dưới. Trên giá vẽ ở góc buồng là một tấm vải trống trơn, từ hai mươi lăm năm nay vẫn cứ chờ đợi mãi nét vẽ đầu tiên của bức tranh kiệt tác. Cô kể cho cụ nghe ý nghĩ kỳ quặc của Giônxy và nói cho cụ biết cô lo lắng như thế nào về Giônxy, cô ấy yếu đuối và mảnh mai như một chiếc lá, quả thật, rất có thể sẽ bay đi mất, khi mối ràng buộc mỏng manh giữa cô ấy ở trên trần thế này suy yếu.

---

(1) Bán thần trong thần thoại Hy Lạp, đầu tóc bù xù, có sừng, chân như chân dê.

Cụ Becman cặp mắt đỏ ngầu, nước mắt chảy dòng dòng, hét lên sự khinh bỉ và nhạo báng của mình đối với những chuyện tưởng tượng ngốc nghếch ấy. Cụ quát to:

- Sao! Trên đời này lại có những người ngớ ngẩn muốn chết chỉ vì một cây leo chết tiệt nào đó rụng hết lá ư? Tôi chưa bao giờ nghe thấy một chuyện như thế cả. Không, tôi sẽ không ngồi làm mẫu cho cô vẽ cái lão già ngu xuẩn ngơ ngẩn của cô đâu. Tại sao cô lại để cho những chuyện vớ vẩn ấy chui vào đầu óc cô ta? Chà, tội nghiệp cô bé Giônxy.

- Em nó ốm nặng và yếu lắm - Xiu nói, - cơn sốt đã làm đầu óc nó đâm ra bệnh hoạn, đầy những ý nghĩ kỳ quái. Thôi được cụ Becman ạ, cụ không muốn ngồi làm mẫu cho cháu thì thôi. Nhưng cháu thấy cụ thật là một ông già kinh khủng, sao mà lắm nhời, lắm điều thế.

- Cô thật đúng là đàn bà! - Cụ Becman hét lên. -Ai bảo là tôi không muốn ngồi làm mẫu? Đi, tôi lên cùng với cô. Tôi đã nói suốt nửa tiếng đồng hồ rằng tôi sẵn sàng ngồi làm mẫu kia mà. Trời, đây không phải chỗ cho một con người tốt như cô Giônxy nằm. Một ngày kia tôi sẽ vẽ một tác phẩm kiệt xuất và tất cả chúng ta sẽ đi khỏi nơi này. Trời, nhất định thế.

Khi hai người lên tới gác trên thì Giônxy đang ngủ, Xiu kéo tấm mành mành xuống che kín cửa sổ và ra hiệu cho cụ Bexman sang buồng bên cạnh. Sang đến nơi, họ ngoái ra ngoài cửa sổ, sợ sệt nhìn cây thường xuân. Rồi họ nhìn nhau, không nói mất một lúc. Một cơn mưa lạnh lẽo dai dẳng, pha lẫn tuyết đang đổ xuống. Cụ Becman

mặc chiếc sơ mi cũ màu xanh, ngồi làm một tay thợ mỏ già trên cái ấm đun nước lật úp giả là một tảng đá.

Sáng hôm sau Xiu tỉnh dậy sau khi chợp mắt được một giờ thì thấy Giônxy đang mở to cặp mắt thẫn thờ nhìn tấm mành mành màu xanh đã kéo xuống.

- Kéo nó lên, em muốn xem, - cô thều thào ra lệnh.

Xiu làm theo một cách chán nản.

Nhưng ô kìa, sau trận mưa vùi dập và những cơn gió phũ phàng kéo dài cả một đêm, tưởng chừng như không bao giờ dứt, vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên bức tường gạch. Đó là chiếc lá cuối cùng trên cây. Tuy ở gần cuống lá còn giữ màu xanh xẫm, nhưng rìa lá hình răng cưa đã nhuốm màu vàng úa, tuy vậy, chiếc lá vẫn dũng cảm bám vào cành cách mặt đất chừng sáu thước.

- Đó là chiếc lá cuối cùng. - Giônxy nói - Em cứ tưởng là nhất định hôm qua nó đã rụng. Em nghe tiếng gió thổi. Hôm nay nó sẽ rụng thôi và cùng lúc đó thì em sẽ chết.

- Em thân yêu - Xiu nói, cúi khuôn mặt hốc hác xuống gần gối. - Nếu em không còn muốn nghĩ đến mình nữa thì hãy nghĩ đến chị, chị sẽ làm gì đây?

Nhưng Giônxy không trả lời. Trong khắp thế gian, cái cô đơn nhất là một tâm hồn đã chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến đi xa xôi, bí ẩn của mình. Những sợi dây ràng buộc cô với tình bạn, với thế giới này cứ lơi lỏng dần từng cái một thì ý nghĩ kỳ quặc kia hình như lại càng choán lấy tâm trí cô mạnh mẽ hơn.

Ngày hôm đó trôi qua và ngay cả trong ánh hoàng hôn, họ vẫn trông thấy chiếc lá thường xuân đơn độc bám lấy cái cuống của nó trên tường và rồi, cùng với màn đêm buông xuống, gió bấc lại lồng lộn, trong khi mưa vẫn đập mạnh vào cửa sổ và từ mái hiên thấp kiểu Hà Lan mưa rơi lộp độp xuống mặt đất.

Khi trời vừa hửng sáng thì Giônxy, con người tàn nhẫn, lại ra lệnh kéo mành lên.

Chiếc lá thường xuân vẫn còn đó.

Giônxy nằm nhìn lá hồi lâu. Rồi cô gọi Xiu đang quấy món cháo gà trên lò hơi đốt.

- Em thật là một con bé hư, chị Xiu ạ, - Giônxy nói - Có một cái gì đó đã làm cho chiếc lá cuối cùng kia vẫn còn đấy để cho em thấy rằng mình đã tệ như thế nào. Muốn chết là một tội. Giờ thì chị có thể cho em xin tí cháo và chút sữa pha ít rượu poocđô và, không, mang cho em chiếc gương tay trước đã, rồi xếp những chiếc gối lại quanh em, để em ngồi dậy xem chị nấu nướng.

Một giờ sau cô lại nói:

- Xiu ơi, em hy vọng một ngày nào đó sẽ được vẽ vịnh Naplơ.

Buổi chiều bác sĩ tới và khi ông ta về, Xiu kiếm cớ theo ông ra ngoài hành lang.

- Được năm phần mười rồi, - bác sĩ nói và cầm lấy bàn tay mảnh dẻ run rẩy của Xiu - Chăm sóc chu đáo thì chị sẽ thắng. Và bây giờ tôi phải xuống dưới nhà thăm một bệnh nhân khác. Tên ông cụ là Becman, hình như là một nghệ sĩ gì đó. Cũng lại chứng sưng phổi, ông cụ già

yếu, bệnh tình nguy kịch, chẳng còn hy vọng gì, nhưng hôm nay ông cụ sẽ vào nằm bệnh viện để được chăm sóc chu đáo hơn.

Hôm sau, bác sĩ bảo Xiu: "Cô ấy khỏi nguy hiểm rồi, chị đã thắng. Giờ, chị chỉ còn bồi dưỡng và chăm nom, có thế thôi".

Và buổi chiều hôm đó Xiu tới bên giường Giônxy đang nằm và đang vui vẻ đan một chiếc khăn choàng len màu xanh thẫm rất vô dụng. Xiu ôm lấy cả người Giônxy lẫn chiếc gối.

- Chị có câu chuyện muốn nói với em, con chuột bạch của chị, cô nói. Hôm nay cụ Becman đã chết vì sưng phổi ở bệnh viện rồi. Cụ ấy ốm chỉ có hai ngày. Buổi sáng ngày thứ nhất, bác gác cổng thấy cụ ấy ốm nặng trong căn phòng của cụ ở tầng dưới. Giày và áo quần cụ ướt sũng và lạnh buốt. Mọi người không ai hiểu được cụ ấy đã đi đâu trong một đêm khủng khiếp như thế, nhưng rồi họ tìm thấy một chiếc đèn bão vẫn còn cháy sáng và một chiếc thang đã bị lôi ra khỏi chỗ để của nó, vài chiếc bút lông rơi vung vãi và một bảng màu xanh vàng pha trộn lan lộn và em ạ, hãy nhìn ra ngoài cửa sổ kia, hãy nhìn chiếc lá thường xuân cuối cùng ở trên tường. Em có tự hỏi tại sao chẳng bao giờ nó rung rinh hoặc lay động khi gió thổi không? Ồ, em thân yêu, đó chính là tác phẩm kiệt xuất của cụ Becman đấy. Cụ vẽ nó vào cái đêm mà chiếc lá cuối cùng đã rụng.

NGÔ VĨNH VIỄN *dịch*

Ô.Henry
(Mỹ)

MÓN QUÀ CỦA CÁC ĐẠO SĨ[1]

Một đô la tám hào bảy xu. Tất cả chỉ có thế. Trong đó sáu hào là tiền xu. Những đồng xu dành dụm được bằng cách cò kè ráo riết với lão chủ hiệu tạp hóa, người bán rau, ông hàng thịt cho đến lúc má phải nóng rát lên vì thái độ thầm dè bỉu là keo kiệt do cái lối mặc cả quá chặt chẽ ấy gây ra. Đó là lần Đêla đếm đi đếm lại số tiền. Một đô la tám hào bảy xu. Thế mà ngày mai đã là Nôen rồi.

Rõ ràng là chẳng còn làm được gì khác ngoài việc gieo mình xuống chiếc giường nhỏ tồi tàn mà gào khóc. Và Đêla cũng làm như vậy. Tình cảnh này khiến người ta phải triết lý rằng cuộc đời chỉ toàn là những tiếng nức nở, những tiếng khóc thét và những nụ cười, trong đó những tiếng thét chiếm nhiều hơn cả.

Trong lúc bà chủ nhà đang nguôi dần từ nức nở chuyển sang thút thít, mời bạn hãy ngó qua căn buồng.

---

(1) Theo kinh thánh Thiên chúa giáo, khi Giêxu ra đời, ba đạo sĩ đã theo sau dẫn đường đến Betlêem tặng quà cho Giêxu. Do đó có tục tặng quà nhân lễ Nôen.

Một căn buồng thuê tám đô la một tuần với cả đồ đạc. Đúng ra, không phải là không thể mô tả được căn buồng, nhưng chắc chắn là nó phải đề phòng đội cảnh sát bắt ăn mày đến kiểm soát.

Trong phòng đợi ở tầng dưới, có một hòm thư và một cái nút chuông, nhưng hòm thì chẳng bao giờ có lấy được một bức thư bỏ vào, còn chuông thì chẳng hề có ngón tay người ấn nút, reo chuông. Ở đấy còn có một tấm thiếp mang tên "Ông Giêm Đilinhghêm Iơng"

Thời kỳ sung túc trước đây, khi chủ nó còn được trả 30 đô la một tuần, tấm thiếp "Đilinhghêm" đã theo gió bay đi khắp nơi. Bây giờ thu nhập co lại chỉ còn 20 đô la thì những chữ Đilinhghêm nom cũng mờ đi như thể thật sự muốn thu mình lại chỉ còn lại một chữ "Đ" khiêm tốn và nhũn nhặn. Nhưng mỗi khi ông Giêm Đilinhghêm, Iơng về đến nhà, leo lên tới buồng mình trên gác, ông ta vẫn được bà Giêm Đilinhghêm Iơng - đã được giới thiệu với các bạn là Đêla - ôm choàng lấy mà gọi là "Gim"[1]. Và như thế thật là hạnh phúc.

Đêla thôi không khóc nữa và lấy núm bông đánh phấn sửa sang lại đôi má. Cô đứng bên cửa sổ, ủ dột nhìn một con mèo xám đang đi trên một hàng rào màu xám trong một cái sân cũng một màu xám xịt. Ngày mai đã là Nôen rồi, thế mà cô chỉ có một đô la tám hào bảy xu để mua quà tặng Gim. Cô đã hết sức dành dụm từng xu một hàng bao nhiêu tháng trời. Vậy mà kết quả chỉ được có thế. Hai mươi đô la một tuần chẳng được mấy nỗi. Chỉ

---

(1) Tên gọi thân mật của Giêm.

tiêu đã vượt quá mức cô dự tính. Bao giờ cũng vậy. Chỉ có một đô la tám hào bảy xu để mua quà tặng Gim. Gim của cô. Cô đã bỏ ra không biết bao nhiêu giờ sung sướng dự tính mua một cái gì thật đẹp cho Gim. Một cái gì đẹp, hiếm, có giá trị thật sự, một cái gì có thể tạm xứng đáng với vinh dự được là của Gim.

Trong phòng giữa hai cửa sổ có gắn một tấm gương dài. Có lẽ các bạn đã từng trông thấy một cái gương dài gắn vào tường trong một căn buồng giá thuê 8 đô la một tuần. Một người thật mảnh dẻ và thật nhanh nhẹn, có thể có được một ý niệm khá chính xác về dung mạo của mình bằng cách ngắm bóng mình qua một loại hình ảnh phản chiếu rất nhanh trên gương thành những vệt dài. Đêla thanh mảnh nên đã nắm vững được nghệ thuật soi gương ấy.

Bỗng cô rời cửa sổ quay ngoắt lại đến đứng trước gương. Mắt cô sáng lên long lanh, nhưng chỉ hai mươi giây sau, sắc mặt cô đã tái nhợt. Cô vội xổ tóc ra cho xõa xuống.

Xin nói rằng vợ chồng Giêm Đilinhghêm Iơng có hai vật sở hữu mà cả hai đều rất đỗi tự hào. Một là chiếc đồng hồ vàng của Gim đã từng là của cha và của ông nội anh. Hai là bộ tóc của Đêla. Giả sử như nữ hoàng xứ Seba[1] sống ở căn phòng phía bên kia đường phố hẹp như một ống thông hơi thì có ngày Đêla sẽ xõa tóc hong khô trước cửa sổ để hạ giá trị tất cả châu báu, tặng phẩm

---

(1) Một nhân vật huyền thoại, nổi tiếng về sự giàu sang, xa xỉ (Seba ở vào vùng Yêmen ngày nay).

của nữ hoàng. Ví thử vua Xalômôn[1] là bác gác cửa có kho tàng của cái chất đầy dưới hầm thì mỗi lần đi qua Gim sẽ rút đồng hồ ra để được thấy nhà vua phải bứt râu vì ghen tị.

Cho nên lúc này bộ tóc đẹp của Đêla xõa xuống, gợn sóng và óng ả như một thác nước màu nâu. Tóc dài tới quá đầu gối và hầu như tạo thành một chiếc áo dài cho cô vậy. Rồi Đêla lại run run cuốn vội tóc lên. Cô ngập ngừng trong giây lát và đứng im, một hai giọt nước mắt nhỏ xuống tấm thảm dỏ dã sờn.

Cô khoác vội chiếc áo cũ màu nâu, chụp vội chiếc mũ cũ màu nâu lên đầu. Tà váy tung lên, khóe mắt vẫn còn tia sáng long lanh, cô như bay ra khỏi phòng, bay xuống cầu thang, ra phố.

Nơi cô dừng lại có một tấm biển đề "Bà Xôphrôni. Hàng bán tóc đủ các loại". Đêla chạy một mạch lên cầu thang, rồi trấn tĩnh lại, thở hổn hển. Bà chủ to béo, trắng bệch, lạnh lùng, trông chẳng có vẻ gì giống cái tên "Xôphrôni":

- Bà có mua tóc của tôi không? - Đêla hỏi.

- Tôi mua. - Bà chủ đáp. - Chị bỏ mũ ra cho tôi xem tóc chị thế nào.

Cái thác nước màu nâu đổ xuống gợn sóng.

- Hai mươi đô la, - bà chủ vừa nói vừa nâng mớ tóc lên với một bàn tay thành thạo.

- Bà đưa tiền đây cho tôi nhanh lên, - Đêla nói.

---

(1) Vua xứ Israen cổ xưa (970-931 trước CN) cũng nổi tiếng về sự giàu sang, xa xỉ.

Ôi, hai tiếng đồng hồ sau đó đã trôi qua trên đôi cánh màu hồng. Xin các bạn hãy bỏ quá cho cái lối ví von lộn xộn ấy. Cô sục sạo các cửa hàng để tìm quà mua tặng Gim.

Cuối cùng, cô đã tìm thấy. Rõ ràng là người ta đã làm ra nó để dành cho Gim chứ không phải một ai khác. Không có gì sánh được với nó ở bất cứ một cửa hàng nào. Mà cô thì đã lục lọi tung bành tất cả các cửa hàng rồi. Đó là một chiếc dây đeo đồng hồ bằng bạch kim, kiểu giản dị và thanh nhã, tự thực chất của nó thôi cũng đã nói lên đầy đủ giá trị của nó rồi, chứ không phải vì cái lối trang sức hào nhoáng bên ngoài, mọi vật quý đều phải như thế. Ngay cả với chiếc đồng hồ của Gim, nó cũng xứng đáng. Vừa nhìn thấy nó, cô biết ngay rằng nó phải là của Gim. Nó cũng giống như Gim, trầm tĩnh và qúy giá. Sự mô tả này hợp với cả hai. Cô đã phải trả mất hai mươi mốt đôla, rồi hối hả trở về nhà với 87 xu còn lại. Có chiếc dây này móc vào đồng hồ, Gim có thể dàng hoàng xem giờ trước bất kỳ một ai. Chiếc đồng hồ quý giá là thế, vậy mà nhiều khi anh ấy cũng phải len lén xem giờ vì không có dây, anh phải dùng một mẩu dây da cũ.

Khi Đêla về đến nhà thì cảm giác say sưa của cô đã phần nào nhường chỗ cho sự dè dặt và lý trí. Cô lấy cái cặp uốn tóc ra, đốt bếp hơi lên rồi bắt tay vào việc sang sửa lại những tàn phá do lòng rộng rãi cộng với tình yêu đã gây ra. Việc này bao giờ cũng là một công việc to tát, các bạn ạ, một công việc khổng lồ.

Bốn mươi phút sau, đầu cô như đầy những món tóc loăn xoăn xoắn vào nhau, khiến cô trông giống hệt một

cậu học trò lười hay trốn học. Cô nhìn bóng mình trong gương một hồi lâu, chăm chú và xét nét.

"Nếu Gim không giết mình trước khi nhìn lại mình lần thứ hai, - cô tự nhủ, - thì anh ấy sẽ bảo là mình giống một cô gái của đội hợp xướng ở Đảo Côni[1]. Nhưng mình làm gì được, ôi, mình có thể làm gì được với một đô la tám hào bảy".

Đến bây giờ cà phê đã pha xong, chảo đặt lên lò đã nóng và sẵn sàng để rán món sườn.

Gim không bao giờ về chậm. Đêla gập chiếc dây đeo đồng hồ trong lòng bàn tay và ngồi vào góc bàn chỗ gần cửa mà Gim thường vẫn đi vào. Rồi còn nghe thấy tiếng chân anh ở tầng dưới, trên cầu thang thứ nhất và trong giây lát, mặt cô tái nhợt. Cô thường có thói quen cầu nguyện thầm về những việc đơn giản nhất hàng ngày và lúc này cô thì thầm: "Lạy chúa, xin chúa hãy làm cho anh ấy nghĩ rằng con vẫn đẹp".

Cửa mở, Gim bước vào rồi đóng cửa lại, trông anh gầy gò và rất nghiêm trang. Tội nghiệp, mới có hai mươi hai tuổi đầu mà anh đã phải nặng gánh gia đình. Anh cần một chiếc áo khoác mới, lại găng tay nữa anh cũng không có.

Gim dừng lại bên cửa, đứng im không nhúc nhích như một con chó săn khi đánh hơi thấy chim cun cút. Mắt anh nhìn Đêla chằm chằm, trong mắt có một vẻ thế nào ấy Đêla không hiểu được, làm cô hoảng sợ, không

---

(1) Nơi giải trí bình dân thường xuyên ở Niu Yooc.

phải là giận dữ, hay ngạc nhiên, hay chê trách, cũng chẳng phải là kinh tởm hay bất cứ một thứ tình cảm nào mà cô đã chuẩn bị chờ đón. Anh chỉ giương mắt nhìn cô trừng trừng với cái vẻ mặt lạ lùng ấy.

Đêla vùng dậy rời khỏi bàn, đến bên chồng.

- Gim, anh yêu quý, - cô kêu lên. - Đừng nhìn em như thế. Em đã cắt tóc bán rồi, vì em không thể nào sống qua được Nôen mà không có chút quà gì để tặng anh. Rồi tóc em sẽ mọc lại, anh đừng giận em, anh nhé! Em buộc lòng phải làm thế. Tóc em mọc nhanh lắm. Thôi, Gim, anh hãy nói "Chúc mừng Nôen" đi, và chúng ta hãy vui lên. Anh biết không, em đã mua tặng anh một món quà rất tuyệt, một món quà rất đẹp, rất tuyệt.

- Em đã cắt mất tóc rồi à? - Gim hỏi như rặn ra từng lời, tựa hồ anh vẫn chưa nắm được sự việc hiển nhiên ấy ngay cả sau khi đã suy nghĩ rất vất vả.

- Đã cắt tóc và đã bán rồi. - Đêla nói. - Dẫu sao, anh vẫn yêu em chứ? Không còn tóc thì em vẫn là em kia mà, phải không anh?

Gim nhìn quanh phòng một lát lạ lùng.

- Em bảo là em đã bán tóc đi rồi à? - anh hỏi, vẻ gần như ngó ngẩn.

- Anh tìm làm gì, - Đêla nói. - Bán rồi, em đã nói với anh là bán mất rồi mà. Đêm nay là đêm Nôen anh ạ. Hãy yêu em vì em bán tóc đi là vì anh đấy. - Rồi cô nói tiếp, giọng bỗng nhiên nghiêm trang và dịu dàng. - Tóc trên đầu em họa chăng có thể đếm được, nhưng không

ai có thể đếm được tình yêu của em đối với anh. Gim, em đi rán sườn nhé!

Gim như choàng tỉnh khỏi cơn mê. Anh ôm lấy Đêla của anh, trong mười giây đồng hồ, chúng ta hãy kín đáo quay đi phía khác xem xét một vật gì đó không quan trọng mấy. Tám đô la một tuần hay một triệu một năm, có gì là khác nhau kia chứ? Một nhà toán học hoặc một nhà thông thái sẽ cho bạn một câu trả lời sai. Các đạo sĩ đã đem những món quà tới, nhưng trong số đó không có món quà ấy. Điều khẳng định tối mò này sẽ được làm sáng tỏ dưới đây.

Gim lấy trong túi áo áo khoác ra một gói nhỏ, ném lên bàn và hỏi:

- Không, Đêla ạ, đừng hiểu lầm về anh. Anh không hề có ý nghĩ cho rằng một kiểu cắt tóc, một kiểu cạo hay một kiểu gội có thể làm anh bớt yêu em của anh đi một chút nào. Nhưng nếu em mở cái gói này ra em sẽ thấy tại sao lúc đầu em làm anh sững sờ như thế.

Những ngón tay trắng trẻo nhanh nhẹn cắt đứt sợi dây buộc và xé giấy gói. Tiếp theo là một tiếng rú vui mừng đến cực độ rồi, hỡi ôi, sau đó là một sự biến đổi mau lẹ vốn dĩ của nữ giới chuyển sang những giọt nước mắt xúc động và những tiếng rên rỉ, đòi hỏi vị chủ nhà phải sử dụng ngay tất cả mọi khả năng an ủi, dỗ dành của mình.

Vì rằng nằm trên bàn kia là những chiếc lược. Một lược dùng để cài hai bên và đằng sau, mà Đêla đã say mê từ lâu trong một cửa hàng ở Brôtuê. Những chiếc lược tuyệt đẹp, bằng đồi mồi thật, viền nạm đá quý, đúng là

thứ để cài trên bộ tóc đẹp đã mất. Đó là những chiếc lược rất đắt tiền. Đêla biết vậy và cô chỉ dám tơ tưởng, ao ước trong lòng mà không hề có một chút hy vọng nào có được những chiếc lược ấy. Và giờ đây, chúng đã là của cô, nhưng những bím tóc đáng lẽ được trang điểm bằng những đồ trang sức hằng khao khát ấy thì lại không còn nữa.

Nhưng Đêla vẫn ôm lấy những chiếc lược vào lòng và mãi về sau cô mới ngước đôi mắt mờ lệ nhìn lên và mỉm cười nói:

- Tóc em mọc nhanh lắm, anh Gim ạ!

Bỗng cô choàng bật dậy như một con mèo phải bỏng kêu to "Ôi, ôi!"

Gim vẫn chưa được trông thấy món quà tuyệt đẹp tặng anh. Cô vội xòe rộng bàn tay chìa ra, chất kim loại mờ mờ quý giá như được nhiệt tình rạng rỡ và sôi nổi của cô dọi vào, sáng lóe lên.

- Trông đẹp đấy chứ, có phải không Gim? Em đã lùng khắp thành phố mới tìm được đấy. Từ nay anh sẽ phải xem giờ mỗi ngày một trăm lần đấy nhé. Anh đưa đồng hồ đây cho em. Em muốn đeo sợi dây này vào, nó sẽ ra thế nào?

Gim không làm theo lời Đêla mà nằm lăn ra giường, chắp hai tay vào sau gáy, mỉm cười bảo:

- Đêla, ta hãy dẹp những món quà Nôen của chúng ta lại, để chúng đấy một thời gian. Những món quà ấy đẹp quá chưa thể dùng ngay bây giờ được. Anh đã bán

chiếc đồng hồ để lấy tiền mua lược cho em rồi. Nào, bây giờ thì em hãy rán sườn đi, được không?

Như các bạn đều biết, các vị đạo sĩ là những con người khôn ngoan, khôn ngoan tuyệt vời, đã mang quà đến tặng đức chúa hài đồng nằm trong máng lừa. Các vị ấy đã phát minh ra nghệ thuật tặng quà Nôen. Các vị ấy là những con người khôn ngoan, cho nên nhất định là quà của các vị ấy cũng khôn ngoan, đem sao chép lại còn có thể có ưu điểm là đổi chác được. Ở đây, tôi đã kể lại một cách vụng về cho các bạn nghe câu chuyện không có gì là ly kỳ về hai đứa trẻ ngốc nghếch sống trong một căn buồng nhỏ, đã hy sinh cho nhau một cách chẳng khôn ngoan tí nào những của cải quý giá nhất trong nhà. Nhưng để nói một lời chót với các kẻ khôn ngoan thời buổi ngày nay, ta hãy khẳng định rằng trong số tất cả những người tặng quà thì hai người ấy là những người khôn ngoan nhất. Trong số tất cả những người tặng và nhận quà, những người như họ cũng là những người khôn ngoan nhất. Ở bất cứ đâu họ cũng là những những người khôn ngoan nhất. Chính họ là những đạo sĩ.

NGÔ VĨNH VIỄN *dịch*

William Saroyan
(Mỹ)

CÂU CHUYỆN CŨ

I

Đã lâu lắm rồi, vào năm 1933, khi nước Mỹ còn là một nước to lớn và thơ ngây, một nhà văn trẻ tên là Jack Leynon đi từ thành phố San Francisco tới thủ đô điện ảnh Hollywood, và để kiếm tiền trả nợ. Chàng nhận làm chân biên tập kịch bản phim với số lương ba trăm đô la một tuần.

Nhưng suốt ba tuần đầu Leynon không làm gì, chỉ kết bạn, mở rộng giao thiệp, ăn uống, nói chuyện phiếm, cười đùa, và chiều thứ bảy nào cũng nướng hết số lương cả tuần trong khoảng hai mươi phút ở sòng bạc trong câu lạc bộ Clover. Đó là cách giết thời gian thông thường nhất, không cần sáng tạo, suy nghĩ, không cần tính toán trước.

Một tối thứ bảy tháng mười một, khi Leynon đứng chờ anh chàng Bayley "ba hoa" bên cạnh xe ô tô của anh ta đậu ngay trước cửa câu lạc bộ Clover thì bỗng một chiếc Rolls-Royce chạy tới đỗ ngay trước mặt. Từ trong

xe, anh lái bước ra mở cửa, hiện ra một cô gái đẹp choáng hồn.

Vừa lúc đó Ba hoa từ trong câu lạc bộ xộc ra, suýt đâm sầm vào cô gái. Anh ta ngoái đầu nhìn theo cô và kêu lên: "Ôi, đẹp quá!" rồi cùng Leynon bước vào ô tô và họ phóng vụt đi .

- Ai thế?

- Làm sao tôi biết được? - Leynon trả lời. - Anh là tay ăn chơi số một ở đây, anh phải biết chứ.

- Hình như người ta có giới thiệu cô ta với mình ở trong một buổi dạ hội nào đó trước đây vài tuần thì phải. Mà cũng có thể không phải như vậy. Lúc quay về ta sẽ hỏi cho ra. Hôm nay cậu thua mất bao nhiêu?

- Sạch sành sanh, cũng như mọi khi.

- Coi như cậu hỏng rồi - Ba hoa nói - Cậu sẽ sa lầy ở cái đất Hollywood xa xôi này cho đến khi tận số, mà ngày tận số của cậu cũng chẳng còn xa nữa đâu. Cho nên hãy chịu khó động não, tìm cách nào moi được một ngàn đô la mỗi tuần, chứ ba trăm thì ăn thua gì.

- Anh bảo làm cách nào?

- Cậu hãy khua lưỡi nhiều vào trong các cuộc họp chuyên gia như mình vẫn làm ấy. Cậu đã có một cuốn sách được in. Ấy thế mà mình lại kiếm được hai ngàn rưỡi đô la mỗi tuần trong khi mình chưa viết được một cái gì được in cả, trừ bản bố cáo vỡ nợ cách đây mười năm, trước khi mình vừa đến đất này. Vỡ nợ của hiệu "Trang phục đàn ông" trên quảng trường Time-Scoe.

- Anh làm thế nào mà kiếm việc được ở đây, trở thành nhà văn?

- Lúc đầu mình có phải nhà văn đâu. Cậu biết thừa tên mình là Daniel nhưng bạn bè cứ gọi là Ba hoa, vì chúng nó cho rằng cái biệt hiệu này ám chỉ một khả năng đặc biệt nào đó của mình. Suốt một năm đầu mình đóng vai thằng đại dột, ngu ngốc. Mình rủ bọn diễn viên tổ chức nhậu nhẹt. Một lần, trong tiệm Marceau và France, mình nhìn thấy Moler và cả bậu sậu chuyên gia của lão. Thế là mình sà đến làm quen, uống rượu với họ và bắt đầu làm việc luôn. Làm việc đây ý mình nói là tán dóc ấy mà. Mình phịa ra ngay lập tức một cốt chuyện. Thậm chí bây giờ mình chẳng còn nhớ cái nỗi chuyện hôm ấy nó thế nào nữa. Hôm sau Moler mời mình tới chơi. Mình với lão nói đủ thứ chuyện nhưng chẳng chuyện nào ra chuyện nào. Thế là lão nhận mình vào làm cho lão với số lương một trăm đô la mỗi tuần. Và mình trở thành nhà văn. Bất cứ ai viết xong một cái truyện ngắn, một kịch bản phim hay quay xong một bộ phim là mình biết ngay cái đó có ăn hay không. Ngồi trên khán đài đua ngựa cũng vậy, cứ đến vòng cuối cùng là mình thấy ngay con nào sẽ về đầu. Sự thể như vậy. Còn con bé mà chúng mình vừa nhìn thấy, nó thuộc loại đang tìm cách vượt những đứa khác đấy. Nếu chưa có thằng cha nào đóng cương con bé, mình xin sẵn sàng sử dụng nó.

- Anh định đưa cô ấy vào điện ảnh à?

- Mình sử dụng cho bản thân mình, cho Ba hoa! Dù cô ta là thứ gì đi nữa thì cũng sẽ có ích cho mình.

Cậu đã nhìn thấy cô nào có cái miệng như con bé này chưa?

Không, Leynon chưa hề thấy ai có cái miệng như thế thật, nhưng chàng phục Ba hoa vô cùng, anh ta chỉ liếc qua cô gái đã tìm ra nét chủ yếu nhất. Đôi môi nàng lúc nào cũng hơi hé mở, không biết vì đau đớn hay vì vui mừng, mà cũng có thể vì cả hai. Hàm răng to và trắng muốt, hơi thưa một chút. Toàn bộ khuôn mặt, nước da hơi tái, gò má hẹp, làn tóc đen và dày, đôi mắt không to nhưng mở rộng, gây nên một ấn tượng hết sức mạnh đối với nam giới.

- Không, tôi chưa thấy ai có cái miệng như vậy. - Chàng nói.

- Mình định sẽ tấn công cái miệng ấy đấy. - Ba hoa tuyên bố. - Nào ta đánh cuộc một trăm đô la. À không, ba trăm, nghĩa là số lương mỗi tuần của cậu. Nếu đến mười hai giờ đêm thứ bảy sau cô ấy chưa thuộc về mình thì mình sẽ mất tiền cho cậu. Còn nếu trước lúc đó cô ấy đã thuộc về mình rồi - thì cậu phải mất tiền cho mình.

- Đồng ý, - Leynon nói.

- Một trăm hay ba trăm?

- Ba trăm.

- Cậu có vẻ tự tin gớm nhỉ, tại sao vậy - Ba hoa nói.

- Tôi dám đánh cuộc tới sáu trăm đô la, hai tuần lương của tôi ấy chứ, rằng anh sẽ không chinh phục nổi cô ấy.

- Nếu vậy thì chín trăm đô la. Ba tuần lương của cậu.

- Đã thế thì, - Leynon nói, - chẵn một ngàn đô la đi! Toàn bộ số lương tôi trong ba tuần cộng với vài ngày nữa.

- O.K - Ba hoa nói.

- Nhưng anh đừng lừa tôi. Anh có thể mời cô ấy về hãng phim của anh, hoặc đi chơi phố với cô ấy, hoặc cô ấy chịu ăn với anh một bữa ở hiệu. Nhưng như thế chưa có nghĩa cô ấy đã thuộc về anh.

- Mình nói rồi, cô ấy sẽ thuộc về mình thực sự trước mười hai giờ đêm thứ bảy sau. Thuộc về mình thật, chứ không phải chỉ là kiểu bạn bè quen biết thông thường.

Họ đi tới tiệm Beverly Wilshire, và Ba hoa bảo người bồi đừng đưa xe vào bãi gửi: "Chúng tôi ra ngay bây giờ". Lão Moler ngồi bên một chiếc bàn nhỏ trong góc tiệm. Nhìn thấy Ba hoa lão đưa mắt nhìn đồng hồ.

- Xin trả ông năm trăm đô la - Ba hoa nói. - Đúng như tôi đã hứa, mà lại sớm hơn hẹn đấy nhé. Vì đã đến một tiếng đồng hồ đâu. Kiếm tiền cách này đơn giản hơn lao động nhiều. À, mà lúc ở sòng bạc ra, tôi dâm xầm ngay vào một cô gái. Cô ta có cái miệng đẹp nhất nước Mỹ

- Cô nào thế? - Lão Moler vừa hỏi vừa nhét tiền vào túi, đứng dậy.

- Chưa biết. Bây giờ chúng tôi quay trở lại đấy để tìm cho ra. Ông có đi cùng không?

- Còn những chuyện khác?

- Đều ổn cả.

- Cái miệng ấy ra sao?

- Một cái miệng trẻ con - Ba hoa nói, - một cái đầu trẻ con, đôi tay trẻ con, đôi chân trẻ con. Mọi thứ đều như nhắc: "Hãy bước tới và chiếm lấy". Ông có thể dùng cô ấy cho phim. Còn tôi thì dùng cô ấy cho những thứ mà người ta trình bày ra trên phim. Nói chung thì đó là con người cả hai chúng ta đều có thể sử dụng được.

Moler quay về phía Leynon.

- Thật không?

- Cũng gần như thế. - Leynon trả lời. - Ông cứ thử nhìn cô ấy một cái xem. Cô ấy ngồi xe limousin. Đi có một mình.

Moler đứng lại:

- Này tôi bảo, - lão nói với Ba hoa. - Tôi về nhà và đi ngủ đây. Con bé đi một mình trong limousin! Nghe thế là tôi đủ hiểu rồi.

- Biết đâu cái xe limousin tàng ấy là xe riêng của cô ta thì sao?

- Những cô gái đẹp không sinh ra ở nơi giàu có. Sáng thứ hai ta sẽ gặp nhau ở hiệu giặt.

- Ông sẽ ân hận đấy, - Ba hoa nói. - Tôi có lầm bao giờ đâu?

- Chúng tôi đánh cuộc một ngàn đô la, nếu cô ấy thuộc về anh ta trước mười hai giờ đêm thứ bảy sau. - Leynon nói. - Chính anh ấy đưa ra chuyện đánh cuộc này.

- Tôi không bao giờ đánh cuộc nhiều tiền thế, - lão Moler nói. - Nhưng có lẽ tôi cũng sẽ theo các ông, và

uống với các ông một cốc rượu. Nếu ông tìm thấy cô ta, ông hãy mời cô ta đến tiệm. Nói rằng tôi muốn gặp cô ta.

- Tôi sẽ làm quen được với cô ta không cần viện đến ông. Tôi sẽ dẫn cô ta đến tiệm, ông cứ yên tâm. Có thể ông chưa biết, nhưng tôi nổi tiếng hơn ông đấy. Tất cả mọi người đều biết Bayley Ba hoa. Nhưng có ai nghe thấy nhắc đến Felix đâu.

- Ông, - lão Moler nói, - quên mất rằng chính nhờ sự nổi tiếng của tôi mà các ông trở thành nổi tiếng! Thôi ta sẽ gặp nhau ở tiệm.

Khi hai người lái xe đến trước cửa câu lạc bộ Clover, đã một giờ hai mươi phút. Anh bồi xua các xe ô tô về phía bãi gửi vào bảo:

- Cảnh sát vừa sục vào đây. Mọi người vẫn còn trong đó, nhưng cũng sắp ra cả bây giờ. Chắc họ sẽ bắt đóng cửa độ vài ngày.

Điều này làm Leynon có thêm khả năng thắng cuộc trong cuộc thách đố, nhưng chàng thấy buồn vì không được gặp lại cô gái. Thậm chí chàng còn dám hy vọng đứng bên cạnh một kẻ tán dóc như Ba hoa, chàng sẽ dễ được nàng chú ý hơn. và rất có thể chàng sẽ dám đánh bạo mời nàng đi ăn hiệu với chàng không biết chừng.

Khi lão Moler đến. Ba hoa bảo lão ta:

- Cô ta sắp ra đây bây giờ. Cứ để bồi đưa ô tô của ông vào bãi gửi.

Người bồi liếc nhìn Ba hoa vẻ hơi ngạc nhiên, rồi ngồi vào xe, lái xe ra. Xe của Ba hoa vẫn ở chỗ cũ.

- Ta vào đón cô ấy đi, - lão Moler nói.

- Cô ta sắp ra đây bây giờ, - Ba hoa trả lời.

- Có sao đâu? Tôi muốn uống một cốc gì đó. Ta còn kịp nhìn thấy cô ta.

Một cảnh sát trẻ mở cánh cửa.

- Ông là ai? - Cảnh sát hỏi.

- Felix Moler. Sao lại thế? Bây giờ cảnh sát bao thầu cái nhà này à?

Người cảnh sát lùi lại nhường chỗ cho lão Moler vào, Ba hoa chạy tới cửa và bảo:

- Chúng tôi cùng đi với ông ấy.

- Ông tránh ra - Người cảnh sát nói.

- Tôi sẽ khiếu nại.

- Ông tránh ra.

Ba hoa quay ra làu bàu.

- Không thể hiểu nổi lão ta làm thế nào mà họ cho vào nhỉ? Hay lão ta cứ đàng hoàng như sứ thần Ethiopi và những thằng nhãi ranh kia tưởng lão là nhân vật quan trọng thật. Cô ta sắp ra bây giờ.

- Ta thử nhìn xem chiếc xe limousine của cô ta có còn ở đây không. - Leynon nói.

Chàng tìm thấy chiếc xe Rolls-Royce và người lái xe đang ngủ gà ngủ gật sau tay lái.

- Vừa có cuộc khám xét, - chàng giải thích cho lái xe.

Leynon cho rằng nếu bắt chuyện với người này thì sẽ tìm ra lai lịch cô gái.

- Tôi biết. Tôi có nhìn thấy.

Người lái xe tỏ vẻ không muốn bắt chuyện, Leynon đành quay về chỗ Ba hoa.

- Xe ô tô của cô ta còn ở đây. Kia kìa!

Ba hoa uể oải bước tới gần chiếc xe và Leynon đoán anh ta sẽ lại phải quay trở về chỗ cũ. Ai ngờ Ba hoa đứng ở đó được khá lâu.

- Cô ta tên là Marthe Conig. - Lúc quay trở lại chỗ Leynon, anh ta nói. - Từ New York để xin vào điện ảnh. Cô ta có một căn hộ nhỏ. Còn xe limousine này là của lão Clare Twker. Lão ta cho lái xe của lão đến đón cô ấy tại đây. Cậu gặp may rồi.

- Tại sao?

- Mình đã nói rồi thôi - lão Clare Tuker. Chưa hiểu à?

- Thì đã sao?

- Còn sao nữa? Nếu như giữa nửa đêm thằng cha ấy cho lái xe đi đón con bé thì ta có thể tin chắc rằng ít nhất cũng phải một tuần lễ nữa chúng mình mới hòng bắt quen được với con bé.

- Đã chắc gì. - Leynon nói. - Cô ta còn trẻ con ấy mà.

- Nhưng bà mẹ thì lại không trẻ con chút nào. Bà ta muốn con gái giàu có và nổi tiếng, đúng không nào? Thế là bà ta dẫn cô ta đến nộp cho một trong những nhân vật nổi tiếng nhất trong cái câu lạc bộ này, cậu đã hiểu chưa? Cậu đòi bao nhiêu đô la hả?

- Lúc nãy là nói đùa thôi, chứ đánh cuộc gì đâu. - Leynon nói.

- Không - Ba hoa một mực. - Đánh cuộc là đánh cuộc. Nếu như mình thắng cậu phải nộp đủ. Nhưng thế này là cậu đã thắng. Bảy trăm rưỡi, được không?

- Thế là quá nhiều đấy. Nhưng sao anh không chờ cho đến hết hạn? Biết đâu Clare Tuker chỉ quan tâm đến cô ấy như quan tâm đến một nữ diễn viên thì sao?

- Thôi đi! Mình muốn cho qua ngay chuyện này để khỏi bận tâm. Nếu vậy cậu cầm năm trăm và thế là sòng phẳng nhé.

Ba hoa đếm ra năm trăm và dút vào túi Leynon.

- Ô kê. Cảm ơn. Tôi cũng đang cần tiền.

- Nếu cậu cần tiền lắm thì ta đi Santa Monica. Ở đó cũng có một sòng bạc khá tốt.

- Số tôi đen lắm.

- Kể cũng khó nói chuyện đó. Nhưng cậu đến đây cốt để kiếm đủ tiền trả hết món nợ rồi lại quay về nhà kia mà? Cậu nợ tất cả bao nhiêu?

- Hai ngàn đô la. Và cần thêm độ vài trăm đi đường về San Francisco.

- Thế thì ta cứ đi Santa Monica.

Họ đến nơi lúc năm giờ rưỡi, Ba hoa được chưa đầy một trăm. Leynon cũng được khoảng ngàn ấy. Họ về Hollywood ăn điểm tâm ở hiệu Brown Derby.

- Cậu dành ở lại thêm một tuần nữa vậy, - Ba hoa nói.

2

Chàng ở thêm sáu tháng nữa và làm cho ba xưởng phim.

Có một lần, ban đêm, ở hiệu "Luxi" chàng nhìn thấy Marthe ngồi ngay bàn bên cạnh, và nàng đã lại có một diễn viên khác rồi. Có thể Clare Tuker đã bỏ nàng hoặc cũng có thể nàng thấy lão không giúp ích gì được cho mình nên chủ động bỏ, mà cũng có thể bà mẹ nàng đã thay đổi kế hoạch. Đây là một diễn viên cũng nổi tiếng nhưng không bằng Tuker. Và có lẽ giữa bà mẹ, cô con gái và ngôi sao màn bạc này đang có chuyện "làm ăn" với nhau.

- Cô ấy đấy. - Leynon nói.

- Cô nào? - Lão Moler hỏi.

- Cô có cái miệng ấy. Cô mà ông định xem mặt ở câu lạc bộ Clover cái đêm có cảnh sát đến khám ấy. Ba hoa có nói tên cô ấy một lần mà tôi quên mất. Marthe thì phải. Kia chắc là bà mẹ. Trông giống nhau lắm. Ông thấy cô ta thế nào?

Lão Moler đợi một lát rồi quay phía sau gọi hầu bàn, đưa mắt nhìn sang bàn bên cạnh.

- Cho hai xuất giống như thế, - lão Moler nói và hầu bàn đi ra.

- Thế nào?

- Thì tôi đang hỏi ý kiến ông.

- Cô ấy trẻ, - lão Moler nói. - Cô gái nào lúc trẻ cũng đẹp cả. Lại được mẹ sửa sang thêm cho thật hấp dẫn nếu như các bà muốn đem rao bán. Quần áo, son phấn và một bà mẹ cương nghị chiếm phần quyết định cho thành đạt của bất cứ cô gái trẻ nào.

- Ông có cho rằng cô ấy đang muốn đóng phim không?

- Không nhất thiết. Cái thằng cha diễn viên "công tử" kia có vẻ bao cho cô ta cũng kha khá.

- Ông khó chịu với anh ta thì phải.

- Vì hắn khuyến khích những bọn con buôn.

- Thế ông thì không ư?

- Tôi không bao giờ nhân nhượng với phụ nữ. Tôi có cách bảo thẳng cho họ biết tôi sẽ không giao vai nào cho họ và cũng không giới thiệu họ với những người có thể giao vai. Tôi còn nói thẳng với họ là tôi cũng không có ý định lấy vợ.

- Thế họ thường có thái độ ra sao?

- Họ không tin.

- Nhưng cuối cùng họ vẫn cứ tự bán họ cho ông kia mà?

- Biết làm sao được? Họ muốn thế mà lại. Nhưng tôi không khuyến khích những tình trạng ấy.

Suốt buổi tối Leynon quan sát cô gái. Lần này chàng thấy khó nhìn nàng hơn lần đầu cách đây ít lâu. Hôm ấy Marthe đẹp choáng lộn trong sự giả tạo, hôm nay cô ta lại càng choáng lộn hơn, giống như một hình ảnh nhạo

báng rực rỡ vai trò của người phụ nữ trong các câu chuyện cổ tích xinh xắn nói về cuộc sống con người.

- Ông nhích ghế lại gần đây thêm chút nữa, ông sẽ nhìn rõ cô ấy hơn. - Leynon nói. - Cô ta sinh ra trong một thành phố khắc nghiệt, trên những phố xá khắc nghiệt. Điều ấy hiện rõ trên nét mặt cô, đặc biệt trên đường viền của cái miệng. Khi cô ta nói, người nghe cảm thấy như mình đang chứng kiến một phép thần thông vậy.

- Cô ấy sẽ không đóng phim.

- Cô ấy đã là ngôi sao. Cô ấy đã là ngôi sao tự bao giờ rồi. Cô ấy đã là ngôi sao từ trước khi bà mẹ nghĩ đến chuyện đem bán cô ấy như bán món hàng. Ông hãy nhìn xem cách cô ta nhả chữ. Hãy nhìn cách cô ta nghe người khác nói. Ông hãy xem cách cô ta suy nghĩ, hồi tưởng hay chỉ ngồi thế không thôi. Ông thấy chứ?

- Tôi sẽ tìm hiểu xem cô ta tên là gì và tình hình công việc ra sao - lão Moler nói - Có thể tôi sẽ mời cô ta đóng một vai nhỏ.

Ba ngày hôm sau họ gặp lại nhau và lão Moler nói:

- Tên cô ta là Marthe Harper.

- Mấy tháng trước cô ta khác kia. không phải Harper.

- Thế thì là gì?

- Tôi không nhớ, nhưng không phải Harper.

- Nghĩa là cô ấy đã đổi họ.

- Ông có định mời cô ta đóng phim không?

- Thế theo anh thì cô ta có chút khả năng nào không?

- Ông cứ giao cho cô ta một vai nhỏ xem thử.

- Cũng có thể. Nhưng tôi không chịu nổi trò buôn bán trong nghệ thuật.

- Thế ông đã thấy ai không buôn bán ở cái đất Hollywood này?

- Chưa. Nhưng tôi vẫn không chịu nổi họ.

Hai tháng sau Moler vẫn không mời Marthe đóng vai nào và nàng lại có một nhân tình mới. Chắc là diễn viên.

3

Lão Moler có thể nói về bất kỳ nhà văn nào trên thế giới, nhưng hầu như lão không đọc tác phẩm họ, có chăng chỉ là đọc lướt. Ấy thế mà lão vẫn lôi kéo được nhiều nhà văn Mỹ có tài cộng tác. Mặc dù chưa đọc sách của họ, Moler vẫn có thể nói đôi điều về họ, khi ông gặp họ.

- Toàn những con người đáng ngán cả, - có một lần lão nói với Leynon. - Tại sao thế nhỉ?

- Tại vì họ bận rộn, lo lắng nhiều thứ quá. Ông đã hứa cho cô ta một vai kia mà?

- Tôi 40 tuổi rồi. Tôi đã hứa nhiều thứ với nhiều người quá! Anh định nói tới cô nào nhỉ?

- Cô Marthe Harper.

- Cũng đến phải cho cô ta một vai. Tôi đang muốn hiểu xem cô ta có cái gì khiến anh cứ nhắc đến cô ta luôn thế? Hai người quen nhau rồi chứ?

- Chưa. Mới cách đây một giờ tôi nhìn thấy cô ta ở hiệu Brown Derby đang đi với thằng cha lạ mặt nào ấy. Tại sao ông không mời cô ấy đến và giao một việc gì đi cho cô ấy? Ngày nào ông cũng giao việc cho người này người khác mà. Nếu có lầm thì cũng là chuyện thường xảy ra. Ông cứ cho cô ta một vai rồi mới biết cô ta có triển vọng gì không chứ.

- Anh hãy nói với Michael Springer. Hắn đang dựng kịch bản của anh. Sao anh không giới thiệu cô ta với hắn.

- Sợ ông ta lại tưởng tôi thích vênh mặt với con gái.

- Ở đây nhiều con gái lắm. Tôi đã thấy anh đi chơi với khá nhiều cô. Tại sao anh không giới thiệu họ vào đóng phim? Họ cũng thèm được nổi tiếng lắm chứ, đúng không nào?

- Đúng. Nhưng vấn đề là ở chỗ cô Marthe này đã là người đặc biệt. Trong các cô gái, có một số đặc biệt, một số không. Nhưng cô này thì nổi tiếng. Có vậy thôi. Chính vì thế tôi không đề nghị ông giao vai cho ai khác. Và với cô ta ông cũng đừng giao. Tôi có được lợi gì trong chuyện này? Chỉ có là nếu ông giao cho cô ta một vai, thì rất có thể, hôm nào đó ở San Francisco tôi bỏ ra ba mươi lăm xu, vào rạp chiếu bóng gần nhà, và sẽ nhìn thấy cô ta trên màn ảnh.

- Cô ta đang tự bán mình, - lão Moler nói. - Ta đi Santa Monica nhé? Chơi một vài ván.

Lần này Leynon gặp may. Chàng được hơn năm trăm đô la. Trong khi chờ lão Moler, chàng rẽ vào quầy rượu. Lão ta cũng đang thắng và chưa muốn rời chiếu bạc. Chợt Marthe Harper bước vào chỗ quầy rượu cùng

với anh chàng diễn viên Leynon đã thấy cùng đi với nàng một lần ở hiệu Derby. Vừa lúc ấy người ta mời hắn ta ra ngoài nói chuyện điện thoại.

Leynon bước tới chiếc bàn nhỏ nơi cô gái đang ngồi.

- Tôi muốn cô biết rằng, không phải bây giờ mà sau này, khi nào chúng ta đã hiểu nhau... Xin cô đừng hiểu sai ý tôi. Tôi muốn cô biết rằng số trời đã định chúng ta sẽ phải gặp nhau. Có vậy thôi.

Thái độ của chàng có vẻ ngó ngẩn. Chàng ta nói như nhân vật thằng ngốc nào đó đã nói trong bộ phim, mặc dù điều chàng muốn nói ra không hề ngu ngốc chút nào. Nói xong Leynon quay trở lại phòng đánh bạc. Lão Moler vẫn đang vận đỏ. Leynon đứng ở đầu bàn đối diện, cũng đặt tiền và khi lão Moler bắt đầu thua ván đầu tiên thì chàng lại được thêm hai trăm đô la nữa.

Cả hai người đi lĩnh tiền xong, lão Moler nói:

- Thế này nhé. Tôi sẽ mời cô ta đóng vai trong một bộ phim găngxtơ mà tôi đang quay. Tôi làm việc đó chỉ là vì anh. Một vai không lời. Cô ta chỉ việc đi theo thằng cha hung thủ ở khắp mọi nơi. Vì đó là bạn gái của hắn ta. Cô ta chỉ đi theo và chờ đợi hắn thôi. Cuối phim hắn sẽ giết cô ta. Được không nào?

- Còn gì bằng!- Leynon nói.

- Vai không lời. Không một câu đối thoại.

- Tuyệt vời.

- Ta uống cốc gì đi.

- Ở nơi khác thì xin sẵn sàng. Ở đây tôi không thích. Leynon không muốn gặp lại Marthe. Và cũng không muốn lão Moler nhìn thấy nàng. Họ quay về thành phố, vào một hiệu ăn. Ở đó họ gặp mặt hai cô gái đã sống mười năm ở Hollywood mà vẫn ôm hy vọng kiếm được chút tiếng tăm thừa.

Vài tuần sau Leynon và Ba hoa ăn cơm tối ở nhà Frank cùng với Stanley Rose và ngồi vào bàn của họ. Lão không nhắc gì đến cô gái và Leynon hiểu rằng lão lại quên phắt mất cô ta rồi.

Ít lâu sau, khi đã trả hết nợ nần, chàng bỏ việc và rời Hollywood về San Francisco.

Một lần, sau đó gần một năm, chàng mới nhìn thấy cô gái ấy trên màn ảnh. Vai nhỏ thôi nhưng không thể không chú ý đến cô ấy được.

4

Sau khi đóng vai trong ba bộ phim Marthe trở thành một trong những ngôi sao màn bạc nổi tiếng nhất của nước Mỹ. Nàng lấy chủ một hãng phim lớn, ly dị ông ta, nhận một món tiền bồi thường lớn rồi lại lấy một ông già 60 tuổi quê ở Texas nghe đâu có gia tài tới 30 triệu đô la. Mấy tháng sau ông chồng già qua đời trong một tai nạn máy bay và tất cả các báo đều đăng lên trang đầu cái tin nói rằng, bất chấp dư luận của toàn thế giới, lão ta để lại cho người vợ trẻ một món tiền vẻn vẹn có hai chục đô la.

Suốt một năm trời, một ông hoàng ở một nước phương Đông nào đó theo đuổi Marthe nhưng cuối cùng nàng từ chối và trả lại cho ông hoàng kia tất cả những trang sức qúy giá mà ông ta đã tặng. Trong khi đó thì năm ấy trên báo chí, người ta lại viết nhiều về Marthe. Nàng càng nổi tiếng thêm được tham gia đóng những bộ phim khá hơn và những buổi chiếu ra mắt của những bộ phim nàng tham gia đã thành những sự kiện được chú ý.

Năm 1930 Felix Moler đáp máy bay đến San Francisco. Leynon ra gặp lão ở tiệm Fermon.

Chà, - Moler nói - tôi đáng bị đòn vì đã không nghe lời anh khuyên về vụ cô Marthe Harper. Tại sao lúc ấy anh không thuyết phục tôi thêm nữa?

- Tôi không muốn làm ông nhàm tai. Công việc của ông ra sao?

- Rất tốt. Hoàn toàn tốt. Tôi muốn xây dựng một bộ phim về thành phố San Francisco. Đây là một trong ba thành phố lớn nhất của nước Mỹ: New York, New Orleans và San Francisco.

- Thành phố này chẳng có gì đáng ca ngợi hơn Pittsburg, Memphis và Bakersfleld,- Leynon nói.

- Tôi muốn đặt anh viết về San Francisco.

- Thế còn Ba hoa thì sao? Anh ấy vẫn làm việc chứ?

- Đến một năm nay rồi cậu ta không làm gì cả. Chắc đang để dành tiền. Cậu ta đánh lớn lắm và thua rất nhiều. Điện ảnh đang phồn vinh và tôi cho rằng đã đến lúc những nhà văn cỡ như anh nên viết cho điện ảnh.

Anh hãy viết một kịch bản về San Francisco và hai chúng ta sẽ lại được một món tiền lớn.

- "Lại" à? - Leynon nghĩ. - Thế còn Samnel Landy ra sao?

- Bây giờ ai còn cần chủ thầu nữa?- Lão Moler trả lời.- Đấy là một sự phá sản hoàn toàn. Bọn họ chỉ nghĩ đến tiền không thôi. Tôi đã đọc tất cả những tác phẩm của anh rồi. Tuyệt vời, nhưng không hợp với điện ảnh. Nghệ thuật điện ảnh là để cho tất cả mọi người. Bộ phim về thành phố San Francisco bảo đảm sẽ thành công.

- Để tôi xem đã - Leynon nói. - Nếu viết được cái gì đó tôi sẽ gửi cho ông. Thế còn Stanley Rose?

- Vẫn thế, vẫn thế. Vậy khoảng thời gian nào anh có thể gửi bản thảo cho tôi?

- Độ một tháng nữa, mà cũng có thể là hai tháng. Đó sẽ không phải truyện vừa cũng chẳng phải tiểu thuyết, mà là một kịch bản phim. Có vậy thôi. Khoảng hai đến ba ngàn chữ.

- Đúng là số lượng tôi cần. - Moler nói. - Tôi sẽ chờ. Khi nào nhận được tôi gọi điện cho anh. Chúng ta sẽ giàu to.

Ba năm sau Leynon đến New York dự buổi diễn ra mắt một vở kịch của chàng và chàng ngạc nhiên khi thấy vở rất được hoan nghênh. Chàng đang ngồi trong góc hiệu ăn thì thấy Marthe bước vào cùng với người nhân tình lúc đó của nàng. Nàng vẫn đẹp nhưng miệng đã có một chút gì không như trước. Tuy nhiên vẫn có thể hình dung được cái miệng đó trước kia như thế nào. Một năm sau Leynon

lại tới New York. Trong thời gian đó đã thêm một cuốn sách của chàng ra mắt bạn đọc và một vở kịch được trình diễn. Một lần, ba giờ đêm người gác cổng khách sạn đem đến cho chàng mấy bức điện truyền bằng điện thoại. Trong đó có một bức của Marthe Harper. Và chàng gọi điện cho nàng.

- Tôi được tin anh vừa viết xong một vở kịch mới. Tôi muốn gặp anh nói chuyện về việc ấy.

Từ ngày chàng nói với Marthe rằng một ngày nào đó họ sẽ nhận ra nhau, tám năm dòng trôi qua, và bây giờ cả hai đều đã không còn ở tuổi thanh xuân nữa.

Liệu có bao giờ nàng nhận ra chàng không? Hay đó chỉ là một niềm tự tin của thời niên thiếu?

Và liệu có bao giờ nàng nhận ra chàng không?

Chàng bèn tìm đến chỗ Marthe.

- Tôi rất thích những vở kịch của anh - nàng nói. - Ngày mai tôi sẽ phải đáp máy bay đi Hollywoood và ở đó vài ngày để quay phim. Nhưng sau đó tôi sẽ trở về thành phố New York cổ kính và phúc hậu này. Tôi sẽ ở đây ít ra là ba tháng. Tôi rất tha thiết với sân khấu. Tôi rất muốn diễn dịch. Tôi chưa biểu diễn trên sân khấu bao giờ nhưng từ lâu rồi tôi vẫn mơ ước được biểu diễn. Vở kịch mới của anh nói về gì?

- Lại vẫn về con người. Tôi thành tật mất rồi.

- Thế còn nhân vật nữ chính?

- Nhân vật nữ chính là một bà già. Bà ta xấu xí, thô lỗ và hay ăn cắp vặt. Cứ mỗi lần vào cửa hàng thực phẩm, bà lại ăn cắp một quả trứng.

Nàng cười rũ ra.

- Tuyệt vời? Tôi đã bắt đầu thấy thú đóng vai ấy đấy.

- Tại sao? - Leynon hỏi.

- Tôi cảm thấy tôi sẽ đóng đạt vai ấy. Kỳ này người ta không chịu gia hạn hợp đồng cho tôi nữa. Thời gian qua người ta trả lương tôi khá cao. Chuyện vặt thôi, nhưng tôi không muốn làm ở hãng phim nào trả lương tôi thấp hơn. Vì nhận như thế tức là bắt đầu của sự xuống dốc. Tôi rất thèm làm một thứ gì khác. Tôi phải diễn kịch, phải đóng vai trong một vở kịch hay. Tôi gọi điện cho anh vì muốn anh viết một vở kịch dành cho riêng tôi.

- Thế chị muốn đóng nhân vật như thế nào?

- Một nhân vật tuyệt diệu.

Chuông điện thoại réo. Marthe chạy tới nhưng không nhấc ống nói. Chuông điện thoại lại réo thêm lần nữa. Sau đó nàng gọi cô giữ tổng đài, yêu cầu đừng cắm phích của nàng dù bất cứ người gọi là ai.

- Tôi muốn được tuyệt diệu. Bao giờ cũng vậy.

- Nhưng chị bao giờ cũng tuyệt diệu rồi còn gì? Vậy chị sợ cái gì? Sợ xuống dốc?

- Tôi sẽ không bị xuống dốc đâu. Tôi đang chuẩn bị làm việc, tôi sẽ học thêm. Tôi muốn tiến lên. Tôi không chịu dừng lại. Sân khấu là bước thứ hai của tôi. Có thể thỉnh thoảng tôi cũng vẫn tiếp tục đóng phim. Nhưng diễn kịch là mơ ước của tôi. Tôi đã thỏa thuận với một bà người Anh... Bà ta tên là... Bà ta sẽ hàng ngày tập cho tôi. - Nàng sang phòng ngủ và nói từ bên ấy vọng sang. - Ông bầu có chọn cho tôi khoảng nửa tá kịch bản, nhưng tôi đều thấy không hợp. Thậm chí chẳng vở nào tôi đọc được đến hết. Anh có quen ai trong số những nhà văn

này không? Tôi chưa nghe thấy tên của họ bao giờ. Và những vở của họ sao mà giống hệt nhau, cứ như cùng do một người viết vậy. Không vở nào xứng đáng được gọi là tác phẩm nghệ thuật. Chàng bước sang phòng ngủ để xem những thứ nàng vừa nói đến. Nàng ngồi trên giường vài tập bản thảo để trên đầu gối.

- Anh nói tôi nghe, họ là những ai vậy?

Chàng ngồi xuống cạnh nàng.

- Một trong số tác giả này chính là tôi, - chàng nói.

- Anh hãy viết một vở dành cho tôi đi. Tôi đề nghị anh đấy.

- Tôi cũng rất muốn thế. Nói thế này thì nghe có thể lạ tai và vô lý, nhưng có nhiều nguyên nhân khiến tôi muốn viết một vở dành cho chị. Chính tôi cũng chưa hiểu rõ những nguyên nhân ấy, nhưng tôi rất muốn viết, vì cũng phải có một người nào đó làm cái công việc này, trong khi còn chưa quá muộn.

- Anh nói cái gì vậy? - Nàng cười phá lên, hỏi. - Mà có ai nói với anh rằng tâm thần anh không được bình thường chưa?

Họ trò chuyện với nhau cho tới sáng. Và sau đó trên đường phố số 36 chàng có một cuộc gặp gỡ với các đạo diễn.

5

Sau chiến tranh Leynon trở về San Francisco, tậu một ngôi nhà nhỏ gần vườn bách thú trên một phố có đường xe điện và bắt tay viết một vở kịch mới. Chàng

chưa biết vở có được dựng hay không, nhưng vẫn hoàn thành, gửi cho một đạo diễn không quen và bỗng nhiên được biết, người đạo diễn kia sẽ bắt tay vào dàn dựng nó. Leynon đáp máy bay đi New York.

- Anh thấy vai nữ chính nên mời diễn viên nào. - đạo diễn hỏi.

- Tôi không biết. Đã ba năm nay tôi không đi xem kịch.

- Nữ diễn viên mà tôi sắp đề nghị chắc anh sẽ cho rằng không hợp với vai này, nhưng mong anh cố hiểu cho tôi. Chị ta đã ngoài ba mươi tuổi, mà vai nữ chính trong vở của anh mới có mười tám. Chị ta đã có thời rất nổi tiếng, bây giờ thì thôi rồi. Vai chính cuối cùng của chị là trong vở diễn của U.S.O. Kịch kèm theo biểu diễn Hacmônica và điệu nhảy tsa-tsa. Tuy thế trông chị ta vẫn có một cái gì đó. Trả lương cho chị chỉ cần độ vài trăm đô la một tuần là được. Chị ta tên là Marthe Harper.

- Tán thành.

- Hay lắm.

Trước khi công diễn vở một tuần nàng gọi điện cho Leynon tới khách sạn lúc đêm đã khuya.

- Tôi đã đọc vở kịch anh mới viết. - nàng nói. - anh đừng hỏi tôi đã kiếm được nó ở đâu. Tôi nghe tin Prambley rất không thích cô diễn viên hiện đang tập vai chính trong vở. Tại sao anh không giới thiệu tôi vào cái vai ấy? Vai ấy rất gần với tôi.

- Sao chị không đề nghị thẳng với đạo diễn Prambley?

- Sợ anh ta không nhận. Anh làm ơn nói hộ cho tôi một câu. Anh sẽ nói hộ tôi nhé?

- Tôi đã nói với anh ấy từ khá lâu rồi. Thật ra thì lúc đầu anh ấy có nghĩ đến chị, nhưng rồi lại cho rằng một nhân vật chưa nổi tiếng sẽ làm vở kịch có chất tươi mát. Theo tôi thì cô diễn viên này cũng không đến nỗi tồi.

- Tôi khá hơn. Anh đến tôi, tôi sẽ thoại thử một đoạn anh nghe.

- Tôi vừa gặp Prambley cách đây một giờ ở quán Cherry Netherland.

- Anh không muốn nghe tôi thoại thử à?

- Tôi đã ngán cái vở kịch ấy rồi. Tôi tin rằng diễn ra sẽ chẳng ai xem đâu.

- Nếu tôi đóng vai, vở kịch chắc chắn sẽ thành công.

- Chị cứ thử nói với Prambley xem sao.

Mười phút sau nàng lại gọi điện thoại tới.

- Ta không nói đến vở kịch nữa. Dù sao anh cũng đến tôi chơi đi. Ta sẽ uống một chút rượu với nhau.

- Prambley trả lời sao?

- Anh ta bảo muộn mất rồi. Anh ta nói rằng sẽ nghĩ đến tôi nếu quyết định xong việc dựng vở này ở Chicago. Anh đến nhà tôi đi.

Leynon biết rằng ở khách sạn mà nàng vừa nói tên và mời chàng đến, phòng sang nhất có bốn đô la một ngày. Chàng đang còn một chai Whisky Scotland chưa mở và một chai Bourbon. Chàng bèn đem cả hai đi theo.

Nàng đón chàng trong bộ quần áo mặc nhà. Trong phòng không khí ngột ngạt. Nói trong này không sạch sẽ là chưa đủ mà phải nói thẳng là bẩn thỉu. Có vẻ nàng ốm yếu và đang say rượu. Chàng có cảm tưởng như răng nàng bị làm sao thì phải. Có vẻ như răng giả, nhưng chàng biết không phải như thế. Đôi môi mỏng lại và mím chặt, chỉ mở khi nàng nói hay cười. Và nàng cười chỉ cốt để cố tỏ ra là đang sung sướng. Leynon mở chai Uytxki và rót ra cốc, còn Marthe thì bịa ra những chuyện đã xảy ra với nàng thời gian họ xa nhau.

Đột nhiên nàng ho sặc sụa, mặt đỏ bừng và chạy sang bên phòng tắm. Lúc quay trở vào, một tay nàng cầm hai viên thuốc và một tay cốc nước trắng. Nàng uống viên thuốc, nằm xuống giường và đề nghị chàng ngồi nói chuyện thêm chút nữa.

Sau đó ngày nào Leynon cũng gặp Marthe và ngày nào đến cũng thấy nàng đang say rượu.

Trước hôm vở kịch ra mắt khán giả lần đầu, nàng đề nghị Leynon dẫn nàng cùng đến xem. Chàng đưa nàng hai chiếc vé và đề nghị rủ bà mẹ cùng đi.

- Mẹ tôi ấy ư? Tôi không nói chuyện với bà cụ nữa rồi. Đã từ nhiều năm nay. Tôi đề nghị anh đi với tôi. Tôi không muốn đi với ai khác.

- Tôi không đến xem các buổi công diễn lần đầu bao giờ. Hơn nữa tôi sắp trở về San Francisco.

- Tôi rất yêu thành phố San Francisco. Xưa nay tôi vẫn yêu. Tôi đau khổ vì cái thành phố bẩn thỉu này. Anh hãy cho tôi theo anh đến đấy.

- Chị không thể muốn đến San Francisco chút nào đâu.

Tối hôm sau, Leynon rẽ vào phòng Marthe uống rượu.

- Tôi loay hoay với họ suốt cả ngày hôm nay, - nàng nói - Hết cô xoa bóp đến ông thợ uốn tóc giỏi nhất New York, lại đến thợ hóa trang mà tôi quen từ hồi còn ở Hollywood. Tôi làm cái đầu này chỉ cốt để đi xem đêm biểu diễn ra mắt vở kịch của anh đấy. Anh thấy được chứ?

- Chị quả là tuyệt vời.

- Thật không?

- Thật.

- Rất muốn tin rằng anh nói thật, - nàng nâng cốc. - Chúc vở kịch thành công.

- Vở kịch sẽ thất bại thôi.

- Đi xem về đến nhà, tôi sẽ gọi điện thoại cho anh ngay, - nàng nói. - Tôi đi với một ông tướng mà tôi quen được từ năm tôi nghỉ hè ở Ý. Hôm nay tình cờ ông ta lại có mặt ở thành phố này. Ông ta vừa gọi điện cho tôi lúc trưa. Tôi đã nói với ông ấy rằng, xem xong tôi muốn về nhà ngay để đi ngủ. Và anh sẽ đến tôi nói chuyện phiếm chứ?

Khoảng trước khi đóng màn, chấm dứt đêm diễn, Leynon rẽ vào tủ giải khát tự động trên đường phố số 57 uống một tách cà phê sữa. Chàng ngồi đó khá lâu, và cứ 15 phút lại lấy thêm một tách. Cứ thế trong một tiếng đồng hồ. Rồi chàng đi ra, rẽ sang đại lộ số 6. Chàng trả

6 xu, nhìn vào ống thiên văn xem mặt trăng, rồi đi dọc theo phố số 42 về phía đại lộ số 3, ghé vào tiệm rượu uống hai cốc rượu mạnh rồi trở về khách sạn. Khi về tới phòng đã 11 giờ 15 . Mấy phút sau chuông điện thoại réo và Marthe nói:

- Vở kịch tuyệt vời. Suốt buổi tối nay tôi rú lên vì thán phục. Và bây giờ tôi vẫn còn rú. Làm sao anh có thể viết hay đến thế nhỉ? Tất cả khán giả đều lịm đi. Còn nhân vật chính, thì ở đâu ra cái hình tượng ấy nhỉ? Nhưng thôi, anh đừng kể gì hết. Hãy đến tôi đi, ta tha hồ trò chuyện.

Ba giờ sáng nàng bắt Leynon gọi tắc xi và họ ra quảng trường Time-Scoe mua những số báo buổi sáng có đăng bài bình luận về vở kịch ra mắt lần đầu tiên đêm trước

- Nào, bây giờ ta đến quán "Ruben". Đến đấy ta sẽ đọc

- Không, - chàng nói. - Về chỗ tôi hơn.

Đầu tiên họ đọc báo Ttmes. Nhà phê bình ca ngợi vở kịch. Rồi họ xem tờ Herald Tribune. Cũng lại những lời khen. Thật ra tác giả bài báo không tâng bốc gì lắm, nhưng nói chung là bài bình luận tốt. Sau đó nàng đọc cho anh nghe bài của tờ Mizor và tờ News. Cũng lại ca ngợi. Và nàng cũng phấn khởi và xúc động như chàng khi lần đầu tiên chàng nhìn thấy nàng trên màn ảnh.

- Nếu tôi được đóng nhỉ. - Marthe nói. - Tôi hiểu nhân vật chính. Tôi hiểu chị ta hơn tất cả mọi người khác trên thế giới. Anh sung sướng không? Anh sẽ giàu có. Vở kịch này sẽ diễn trong nhiều năm. Anh sẽ ký được với

Hollywood đủ mọi kiểu hợp đồng. Bây giờ anh sẽ không về San Francisco nữa chứ, đúng không nào?

- Tôi sẽ về đó tối nay.

- Tại sao?

- Tôi có nhà có cửa ở đó.

Trời sáng hẳn, chàng chở nàng về khách sạn, ăn điểm tâm cùng với đạo diễn Prambley ở hiệu Plaza và ngay tối hôm đó lên máy bay về San Francisco.

Vài tháng sau Leynon mim cười khi đọc báo thấy đăng tin Marthe Harper diễn vở kịch của anh ở Chicago. Tác giả bài báo quả quyết rằng nàng đóng tốt hơn diễn viên đóng trong vở diễn ở New York rất nhiều.

6

Vở kịch lẽ ra thất bại. Đạo diễn Prambley bỏ ra quá ít tiền cho việc dàn dựng. Vai chính lại không do một ngôi sao mà do một cô gái không ai biết đến, 20 tuổi và mới vào đoàn được có một mùa sân khấu, lại là vụ hè. Cô lập tức trở thành ngôi sao. Tên cô là Lily Laroux. Thật thú vị khi quan sát một cô gái đang từ chỗ e thẹn, đãng trí, chan chứa hy vọng, thỉnh thoảng thực sự xinh đẹp và cao thượng, trở thành như lời quảng cáo tâng bốc "một cá tính mạnh mẽ, đã thấu hiểu bí mật của cuộc sống và của nghệ thuật, một trong những nữ diễn viên vĩ đại nhất thời nay" và còn một loạt tính từ to tát khác.

Các nhân vật của vở kịch ở những mức độ khác nhau đều là những tên lái buôn ngu dốt. Liều lĩnh và hơi điên dại.

Felix Moler gửi điện từ Hollywood, rồi lại đích thân đáp máy bay tới San Francisco mời Leynon cộng tác làm một bộ phim dựa theo kịch bản sân khấu của chàng. Lão gọi điện thoại từ khách sạn Phermon tới cho Leynon.

- Anh đến đây, ta sẽ bàn các điều kiện.

- Điều kiện gì?

- Hợp đồng! Tôi đang ngồi ở quầy rượu. Anh hãy đến thẳng đây.

- Tôi không có xe hơi.

- Thật ư? Anh không có xe hơi à?

- Không.

- Tại sao?

- Phố tôi ở có đường xe điện rồi. Và nói chung tôi thích đi bộ.

- Nếu vậy thì anh gọi Tắc-xi và đến đây. Chỉ mất 10 phút thôi, không hơn đâu.

- Tôi đang làm việc. Độ ba hoặc bốn tiếng nữa mới xong. Ông còn ở đây lâu chứ?

- Hai tiếng nữa tôi sẽ lên máy bay về. Thôi đành, tôi thuê tắc xi và đến chỗ anh vậy. Anh xem bản hợp đồng rồi ký vào đấy. Tôi sẽ ngồi tắc xi ra thẳng sân bay.

- Ông muốn đến đây thì xin mời. Còn chuyện hợp đồng thì tôi không ký đâu.

- Tôi đến anh đây. - Lão Moler nói.

Khi Moler nhìn thấy ngôi nhà, lão không tin ở mắt mình. Đến khi bước vào bên trong lão càng sửng sốt. Hầu như không có đồ đạc gì. Thảm trải cũng không.

- Anh là một trong những nhà văn nổi tiếng nhất nước Mỹ. Vậy thế này là thế nào?

- Nghĩa là sao?

- Cái nhà này. Cái phố này. Cái khu vực này. Anh không thể tự cho phép anh sống khá hơn ư?

- Không. Tôi không thể. Nếu có thêm thứ gì quý giá hơn thì tôi sẽ không còn hào hứng làm việc nữa.

- Nhưng vẫn có thể vừa làm việc vừa sống đầy đủ chứ? Phải không nào?

- Đối với tôi thế nấy đầy đủ rồi.

Moler tự rót lấy cho mình một cốc to, uống một nửa rồi lấy trong cặp ra một số giấy tờ.

- Điều khoản tối ưu, chưa bao giờ một nhà văn được ưu đãi đến như thế này. Anh sẽ giàu to.

- Tôi nói với ông rồi. Tôi không ký một hợp đồng nào hết. Tôi chỉ muốn giải trí đôi chút và muốn biết tin tức Stanley Rose, Bayley Ba hoa và những người quen khác ở Hollywood.

- Ba hoa thì hỏng từ mấy năm nay rồi. Thật ra anh ta cũng chưa bao giờ có tài. Chỉ là một tay buôn bán quần áo. Chỉ độc có biệt hiệu nghe kêu. Anh ta nên suốt đời đi buôn cravat thì hơn. Còn Stanley Rose mới phá sản cách đây chừng hai tháng.

- Hiện anh ta làm gì?

- Tôi không biết. Lâu rồi không gặp. Tôi không thích những kẻ bị phá sản.

Lão Moler không hề một lời nào nhắc tới cái kịch bản về San Francisco mà lão đề nghị Leynon viết, cái kịch bản chàng đã viết xong và gửi đi cho lão từ nhiều năm về trước. Moler nói suốt một tiếng đồng hồ rồi gọi tắc xi và ra sân bay, để bản hợp đồng lại cho chàng có lúc nào rảnh thì xem chơi.

Suốt cả một năm người ta gọi điện thoại, gửi thư và điện tới xin dựng phim theo vở kịch của chàng. Nhưng chàng vẫn hoàn thành xong được cuốn tiểu thuyết.

Một tháng trước khi cuốn tiểu thuyết in xong, trên đường đi New York, chàng ghé vào Chicago để xem Marthe diễn trong vở kịch của chàng. Hình tượng nhân vật chính được viết trên nguyên mẫu của chính nàng và bấy giờ nàng diễn vai đó trên sân khấu. Một phụ nữ 30 tuổi diễn bản thân mình năm 18 tuổi! Marthe diễn khá tốt. Và do nàng già hơn nhân vật, già hơn bản thân nàng thời đó khá nhiều nên hình tượng nàng diễn tả trên sân khấu càng xúc động thêm. Phòng khán giả chật ních. Khi hạ màn lần cuối, Marthe được khán giả yêu cầu ra để họ vỗ tay tới bảy lần, và Leynon thấy rõ nàng hết sức sung sướng, có lẽ còn sung sướng hơn cả hồi ấy, khi nàng còn trẻ. Điều quan trọng nhất là cuối cùng nàng đã thành diễn viên kịch. Nàng đã trở thành ngôi sao cả trong sân khấu, tuy không phải ở New York mà ở Chicago, nhưng cũng có khác gì đâu.

Khi người ta thôi diễn vở kịch đó ở Chicago chàng đọc trên báo Variety thấy đăng tin Marthe lại trở về New

York, vẫn đang đọc các kịch bản, và sau đó một hoặc hai tháng, chàng đọc trên báo chí thấy tin nàng hát trong một câu lạc bộ hộp đêm. Ở New York người ta cũng thôi không diễn vở kịch của chàng nữa và nữ diễn viên Lily Laroux, ngôi sao mới, đã đi Hollywood. Tạp chí Life đăng một bài bình luận về cô và sau đó đến các tạp chí khác.

Về báo chí thôi không nhắc đến nữa. Đã xuất hiện những ngôi sao mới. Nàng đã già rồi.

7

Tháng 10 năm 1950 Leynon lại đến New York một tuần lễ, trước khi lên đường sang châu Âu. Một buổi tối chàng tình cờ ghé vào một hiệu ăn nhỏ mang tên Conig. Hiệu ăn chiếm tầng hầm của một khách sạn to loại bình dân. Chàng ngồi chiếc bàn ngay cạnh cửa ra vào.

Nhận ra người nữ ca sĩ đang vừa hát vừa đi đi lại lại trên chiếc bục nhỏ, chính là Marthe Harper, chàng không ngạc nhiên lắm.

Leynon nhìn quanh và đôi mắt chàng cứ luôn trở lại hướng vào một bà có tuổi to béo, tóc nhuộm màu hung. Ai thế nhỉ? Cuối cùng chàng sực nhớ ra: đó là mẹ của Marthe. Rồi chàng lại sực nhớ câu Ba hòa đã nói, lúc rời khỏi chiếc limousine của Clare Tuker:"Cô ta tên là Marthe Conig".

Biểu diễn xong bài hát, Marthe xuống ngồi vào chiếc bàn có bốn chàng thủy thủ. Leynon nhìn thấy mẹ nàng gọi người hầu bàn và bảo anh ta đến chỗ Marthe. Người hầu bàn bước ra, và một phút sau xuất hiện với chiếc

khay trên đặt bốn cốc rượu và một cốc sâm banh cho Marthe.

Nàng béo ra, và bây giờ rất giống mẹ. Cái miệng không còn nhận ra được nữa. Đôi môi trở nên thô thiển, méo mó.

Khi nàng sang bàn khác, chỗ có mấy người đàn ông đang ngồi. Leynon đứng dậy, và đi ra ngoài.

Từ châu Âu Leynon trở về vào tháng 6 và dừng lại ở New York năm ngày trước khi về nhà ở San Francisco. Ai ngờ tạp chí Time đưa một cái tin ngắn về việc chàng đang ở thành phố này.

Khi thấy Marthe gọi điện tới, chàng ngạc nhiên, vì vẫn đinh ninh đã đến lúc nàng phải rời bỏ sân khấu, nhưng ai ngờ không phải như thế.

- Bao giờ chúng ta bắt đầu tập?- Nàng hỏi.

- Tôi không có vở mới nào cả, chị Marthe ạ.

- Thế anh viết đi. Tôi có một cái ý tuyệt vời. Một câu chuyện thực trong đời tôi. Tôi chưa kể ra với ai. Anh viết thì sẽ hay hơn bất kỳ tác giả nào khác. Anh nghe xong nhất định sẽ mê chuyện ấy ngay.

- Tôi rất vui được gặp lại chị. Nhưng tôi chưa tin tôi sẽ viết kịch lúc này.

- Mời anh đến, tôi sẽ kể anh nghe và anh sẽ thấy thú.

- Chị hiện ở chỗ nào?

- Tôi có nhà riêng. Tầng bốn nhưng rất xinh xắn. Tôi ở đấy với con gái tôi.

- Với cháu?

- Cháu 17 tuổi rồi.

- 17 tuổi? Thế mà bây giờ tôi mới biết chị có con.

- Cũng ít người biết. Chính tôi cũng mới đón cháu về sau chuyến đi Chicago.

- Nghĩa là cách đây ba năm?

- Đã đến ba năm rồi kia à? Trước đó cháu sống với người bà con, sau đó đi học phổ thông. Cháu nó đẹp lắm.

Marthe nói địa chỉ nơi ở và bảo:

- Bây giờ gần một giờ. Tôi làm việc đến hai giờ mới xong. Hai giờ mười phút tôi sẽ có mặt ở nhà. Anh đến bây giờ đi, cháu nó sẽ pha cà phê mời anh uống.

- Sau hai giờ tôi sẽ đến.

- Không. - Marthe nói. - Cháu nó được nghe tôi kể về anh nhiều lắm. Nó đã đọc tất cả những cuốn sách của anh. Anh đến cháu sẽ rất sung sướng. Anh đến đi. Tôi sẽ gọi điện báo trước cho nó biết. Anh uống xong tách cà phê là tôi về ngay ấy mà. Cháu nó mong được làm quen với anh lắm. Hãy làm cho nó sung sướng một chút. Anh sẽ rất hài lòng về cháu và về câu chuyện của tôi.

Leynon đoán sẽ gặp một cô gái 17, 18 tuổi, giống như các cô gái 17 tuổi khác và anh như thấy lại Marthe Conig lúc nàng bước ra khỏi chiếc xe limousine của 18 năm về trước. Đúng quá rồi, vẫn cái miệng ngày xưa, trẻ trung và hơi hé mở, rồi hàm răng, đôi mắt cũng giống hệt như thế.

- Mẹ cháu báo trước rồi, là bác sẽ đến ngay, - cô gái nói nhanh. - Cháu sướng quá suýt ngất đi đấy. Cháu đã chọn chiếc áo đẹp nhất của mẹ cháu để mặc, và lúc

mặc, cháu hồi hộp quá suýt khuỵu chân xuống. Cháu muốn được bác vừa lòng. Ở vào cáituổi 17 thật là đáng ghétXấu hổ đến chết mất. Bác hãy nghĩ xem, một đứa con gái 17 tuổi có thể biết được những gì nào? Cháu chẳng biết cái gì hết. Đúng thế, mù tịt. Bác đưa mũ đây.

Chàng đặt mũ lên chiếc bàn con ở hành lang rồi đưa cô gái gói quà.

- Quà tặng mẹ cháu đây.

- Nhà cháu đang chẳng còn thứ gì uống. Bác thích uống cách nào?

- Bỏ đá.

- Cháu cũng thế. Cháu xin nâng cốc để thêm tự tin, và để giấu nỗi vụng dại.

Chàng mở chai rượu, lấy nước đá trong tủ lạnh. Khi hai cốc đã được rót đầy, cô gái liếc nhìn chàng rồi nói:

- Bác hãy khoan cho một chút, cháu sẽ kể chuyện này cho bọn bạn. Ở trường cháu tất cả bọn con gái đều biết tên tuổi bác. Thật không ngờ cháu lại được làm quen với bác. - Cô gái nâng cốc. - Chúc vở kịch mới của bác.

- Chúc cô và chúc mẹ cô.

Họ uống cạn và chàng nhận thấy cô gái uống thẳng một hơi.

- Tôi vẫn chưa biết tên cô là gì. - Leynon nói.

- Moat! Tên cháu xấu quá phải không?- Cô gái cười vang và lần đầu tiên Leynon nghe thấy trong tiếng cười của cô gái pha chút khàn khàn. Chàng tưởng cô gái sẽ nói đầy đủ cả tên họ, nhưng cô ta chỉ nói có thế.

- Tên hay đấy chứ. Tôi lại thích cái tên ấy.

Cô gái dẫn Leynon vào phòng khách, và họ tiếp tục đứng nói chuyện.

- Như cái cũi chó, có phải không bác? Nhưng chúng cháu thích cái căn hộ này. Cháu cho rằng nghệ sĩ cần phải sống đơn giản, có phải thế không? Bác cũng có một cô nhân tình trẻ như cháu chứ?

- Không.

- Cháu rất muốn được làm nhân tình của bác. Chắc là thú vị lắm. Cháu rất ghét bọn choai choai. Bọn họ nhạt nhẽo lắm, chẳng biết gì cả. Và cũng không biết cách. Cháu ngán họ đến tận cổ rồi. Trong ảnh bác rất đẹp trai. Ngoài đời bác còn đẹp hơn gấp mười lần, bác thích nhảy không?

- Không.

- Cháu cũng ghét nhảy lắm. Bọn choai choai rất thích nhảy, lúc nào cũng nhảy. Cháu ngán chúng nó lắm rồi. Chơi với chúng không bao giờ được hưởng một cái gì cho hẳn hoi. Cháu biết một nơi thực sự thú vị. Hai mươi phút tắc xi thôi. Bác cháu mình đến đấy nhé?

- Xin vui lòng.

- Ta đi bây giờ chứ? Hay uống thêm ít rượu nữa.

Cốc của cô gái đã cạn từ bao giờ.

- Sắp đến hai giờ rồi. Mẹ cô sắp về bây giờ.

- Ồ, mẹ cháu sẽ hiểu thôi. Mẹ cháu với cháu bình đẳng như bạn bè ấy mà. Có chuyện gì cũng nói cho nhau biết. Không giấu nhau cái gì bao giờ. Bà ấy là người phụ nữ tuyệt vời nhất trên đời. Mà lúc nào bác nói với bà ấy chẳng được. Hay ta đi chơi đâu nữa đi? Bác có máy quay đĩa không? Cháu rất thích nhạc cổ điển?

- Đợi mẹ cô đã. Rồi đi đâu ta sẽ rủ cả mẹ cô đi cùng.

- Bà cụ còn lâu mới về.

- Mẹ cô bảo với tôi là sau hai giờ sẽ có mặt.

- Hôm nào bà cụ chẳng nói thế. Nhưng bao giờ cũng về muộn, hôm 5 giờ, hôm 6 giờ, hôm 7 giờ, hôm 8 giờ thậm chí 9, 10 giờ ấy chứ. Rồi đến sáng hôm sau mới nói lý do tại sao về muộn. Và kể hết mọi chuyện rồi lại còn bảo:"chiều nay tao sẽ về thẳng nhà, không rẽ vào đâu hết. Tao mệt kinh khủng". Ấy thế nhưng rồi vẫn cứ lại về muộn. Bà ấy không về sớm đâu. Bác có thích "co" người của em không? Em thật hẩm hiu. "Co người em chẳng ra làm sao cả. Không ai yêu em hết. - Cô ta giơ hai tay ra phô bầy thân hình. - Có phải chẳng ra làm sao không nào? Bác thử nhìn vào cái eo này xem. Rất nhỏ. Còn vai thì lại quá to.

- Thôi được, Moat, cô hãy gọi điện cho mẹ cô và bảo chúng ta đang chờ bà ấy về.

- Bác cần gặp bà cụ thật à?

- Tất nhiên.

- Nhưng bác đã gặp bà cụ rồi còn gì. Em đã bảo bà cụ kể hết với em rồi. Em nói thật đấy. Bác đã gặp mẹ em rồi, còn em thì ông chưa hề gặp bao giờ. Mẹ em già rồi. Những nhân tình của bà toàn loại chẳng ra làm sao cả. Ông có máy quay đĩa không? Em có thể nghe nhạc cổ điển suốt ngày không chán. Máy quay đĩa của em hỏng mất rồi.

Cuối cùng Moat vẫn gọi điện thoại và ba giờ hơn thì Marthe về, cùng với một người đàn ông thấp béo chừng 60 tuổi.

- Marx! - nàng nói, nháy mắt với Leynon.

- Đây là Joe Wilson.

- Chào anh Joe, rất hân hạnh được làm quen với anh. - Marx nói.

- Anh Marx chỉ ghé vào một phút thôi phải không, anh?

- Đúng thế. - Marx nói. - Tôi phải đi bây giờ, Hêlô, cô bé, - ông ta quay sang phía Moat. - Hôm nay trông cô đẹp lắm, đáng giá một triệu đô la đấy. Chưa bao giờ tôi thấy cô đẹp như hôm nay, cô đánh bại bà mẹ già của cô rồi, cô em xinh đẹp ạ.

Marthe mím chặt môi lắc đầu, Marx hôn gió một cái với nàng rồi nói:

- Tạm biệt Joe. Hãy giành giật lấy cô bé con. Đó không phải đứa con gái bình thường đâu, mà là quả mìn đấy.

Marx đi khỏi, Marthe nói:

- Đó là ông anh họ của tôi. À thế nào, không cho tôi uống với à?

Leynon rót ba cốc. Trong khi họ đang uống thì chuông điện thoại réo. Moat nhấc máy, nói chuyện bằng một giọng mềm mại, khẽ và thỏ thẻ. Cô nói chuyện điện thoại độ 15 giây. Sau đó cô chạy sang phòng bên cạnh và lúc quay vào đã mặc một chiếc áo lông rộng thùng thình.

- Em phải đi một lát, - cô nói với Leynon. - Nếu như ông không đợi em mà cứ về trước thì em sẽ không bao giờ tha thứ cho ông đâu. - Cô quay sang mẹ: - Như thế đấy. Ôi! Đàn ông! Mẹ hãy thử làm cách nào cho ông ta hoạt bát lên một chút nào. - Cô ôm Leynon, hôn vào má chàng và thì thầm. - Ông đợi em nhé. - Rồi cô hôn mẹ, Leynon nhận thấy cô đã nói thầm với Marthe một câu gì đó rồi mới chạy đi.

- Con bé! - Marthe nói, - tôi yêu nó lắm. - Nàng nhấp một chút Whisky. - anh làm những gì suốt mấy năm vừa rồi? Tại sao anh cứ ở mãi San Francisco? Sao không dọn về đây, nơi trung tâm của mọi thứ này?

- San Francisco là nhà của tôi.

- Còn New York anh không thể biến thành nhà của anh được à?

Chàng đề nghị nàng kể chuyện về bản thân nàng.

- Anh thừa biết tính tôi rồi. Tôi thích thoải mái. Sau chuyến đi diễn ở Chicago tôi thuê thầy dạy hát và đi hát ở các quán rượu. Tôi làm quen được với vô số người thú vị, và để khỏi phải nhàm chán tôi tìm cách không chồng. À phải rồi, anh đã nhắc tôi, tôi có định kể anh nghe một chuyện gì đó. Đúng là như thế thật. Anh sẽ viết thành một vở kịch tuyệt vời. Nếu anh viết thì phải hứa là vai chính sẽ dành cho tôi. Vì tôi chính là cái nhân vật nữ đó. Ai còn có thể đóng được ngoài tôi? Anh hứa chứ?

- Tất nhiên - chàng nói. - Nếu như tôi viết xong được thì chị sẽ đóng. Đã đành là cũng phải có đạo diễn nào nhận dựng đã.

- Sẽ có người dụng. Anh đừng lo. - Nàng lại uống một ngụm rượu nữa. - Anh vào bếp đem nước đá và một chai nữa ra đây.

Leynon vào bếp lấy rượu, nước đá, rót cho bản thân. Chàng đứng cạnh chiếc cửa sổ đã lâu không lau chùi và chờ đợi.

- Thế này nhé, - nàng nói và chàng biết rằng trong những điều nàng sắp nói, ngoài sự thật có cả bịa đặt, và đó là do nàng tưởng tượng thêm. - Bắt đầu từ chỗ nào nhỉ? Tóm lại, mẹ tôi rất nghèo. Nghèo thật sự. Bà ham chơi và rất chóng bị sa ngã. Cha tôi bỏ rơi mẹ tôi từ khi bà còn đang có mang. Sau đó một năm ông ấy quay lại nhưng mẹ tôi không nhận. Hai người ly dị. Tên bố tôi là Arthur Harper (dối). Ông là người Anh (dối) từ đầu đến chân (dối) mẹ tôi không thể tha thứ cho ông vì tội đã bỏ nhà. Mẹ tôi lúc đó còn rất trẻ, nhưng rất kiêu hãnh. Thiếu ông, mẹ tôi làm tất cả những gì bà có thể làm, nhưng lại vướng tôi. Nên tôi rất cô độc. Tôi thấy thiếu người cha. Tôi không còn nhớ gì về cha tôi. Không biết ông, nhưng vẫn cứ cảm thấy thiếu ông. Tôi nhớ cả mẹ nữa. Hết hồi một O.K.?

- O.K.

- Năm tháng trôi qua. Tôi tròn 13 tuổi. Mẹ tôi đến đón tôi ở trường về và chúng tôi sống trong một nhà to và đẹp. Mỗi tuần khách đến vài ba lần đều là những người thú vị. Hai năm sau mẹ tôi đưa tôi sang châu Âu. Ở đó sáu tháng. Đi khắp mọi nơi. Chúng tôi làm quen được với nhiều người. Mẹ tôi rất đẹp. Bà có thể lấy chồng nhưng lại thương tôi. Sự thật là như thế. Bà biết tôi mơ

ước thành diễn viên nên bà đưa tôi đi Holydwood. Tôi chưa đầy 17 tuổi nhưng tôi cảm thấy tôi già lắm rồi. Cuộc sống đầy đủ nhưng lúc nào tôi cũng thấy cô đơn. Tôi không hề nói với ai điều đó, nhưng tôi đã đóng vai trong vở kịch của anh và tôi biết anh hiểu được. Tôi không biết cách diễn tả như anh, nhưng tôi đưa ra vài chứng có. Suốt thời gian ấy lúc nào tôi cũng thèm được có cha tôi bên cạnh dù ông là ai đi nữa. Tôi chơi khá nhiều, làm quen với rất nhiều người Hollywood. Và ai cũng mê tôi. Tất cả mọi người đều tán tỉnh tôi, và thật là thơ mộng. Tuyệt vời nữa ấy chứ. Những hộp đêm, những quà tặng đắt tiền, thậm chí cả tiền nữa... Nhưng tất cả những thứ đó không phải mơ ước của tôi. Hết hồi hai ô kê?

- Ô Kê!

- Liệu có thành một vở kịch không?

- Có thể thành.

- Anh không nói đùa đấy chứ?

- Tất nhiên là không.

- Thế đấy. Bây giờ đến đoạn kết. Trong số bạn bè tôi lúc đó, có một người giàu có, nổi tiếng nhưng đã có vợ. Anh ta có ba con. Và sắp có đứa thứ tư, không phải của vợ anh ta mà là của tôi. Câu chuyện xảy ra như vậy, nhưng mẹ tôi can thiệp vào. Anh hiểu chứ? Thường xảy ra tình trạng như vậy mà. Tôi rất sợ, một là vì anh ấy đã có vợ, hai là vì tôi không yêu anh ấy, ba là vì tôi muốn được đóng phim. Tôi nói với mẹ tôi tất cả, nhờ mẹ tôi giúp. Thế là mẹ tôi gọi anh ấy đến. Mẹ tôi bảo anh ấy rằng bà không muốn hủy hoại nghề nghiệp và cuộc đời con gái và mẹ tôi yêu cầu anh ấy, hoặc ly dị vợ và lấy

tôi, hoặc phải trả tôi mỗi năm một món tiền lớn. Anh ấy đã trả, nhưng không phải năm mà trả tiền một lần. Anh ấy muốn quên chuyện này đi cho gọn. Số tiền rất lớn. Tôi phải tránh đi ba tháng. Trong thời gian đó tôi suy nghĩ rất nhiều. Cái đêm hôm xảy ra chuyện đó, tôi hiểu ra rằng tôi cần một người chồng yêu tôi thực sự.

Mẹ tôi đem con tôi đi và gửi ở một nơi cho người ta chăm nom. Chúng tôi trở về Hollywood và cuộc sống tiếp tục như cũ. Không ai nghi ngờ gì. Ngoài anh ấy, và tất nhiên anh ấy chẳng bao giờ nói ra. Người quen ngày càng đông. Ai cũng mê tôi. Họ muốn lãng mạn nhưng tôi thì lại không muốn thế.

Bây giờ đến đoạn đóng màn cuối: Một đêm đang ngồi ăn bữa khuya với một người mà theo ý mẹ tôi, sẽ giúp ích được cho tôi. Anh ấy mời tôi đến sòng bạc và bảo được bao nhiêu tiền sẽ cho tôi tất. Thế là chúng tôi đi Santa Monica. Chúng tôi vào, ngồi xuống bên một chiếc bàn cạnh quầy rượu. Lúc đó anh ấy phải ra ngoài, tôi không nhớ là để đi vệ sinh hay gọi điện thoại. Khi anh ấy ra khuất, tôi cảm thấy cô đơn khủng khiếp đến mức muốn trốn ngay khỏi nơi ấy tìm một người nào có thể cho tôi được tình yêu, cuộc sống và con cái. Bên quầy có một chàng trai trẻ đang đứng. Anh ta không đẹp và không có nét gì đặc biệt. Hình như anh ta đang băn khoăn điều gì và có vẻ cáu kỉnh. Tôi biết, anh có thể hiểu được chuyện này. Tôi thấy rất muốn cho anh chàng kia bớt cáu kỉnh, rất muốn anh ta cứu tôi thoát ra khỏi tình trạng cô đơn. Tôi thầm ước ao anh ấy đến cầm tay tôi, dẫn tôi đi khỏi nơi này và lấy tôi làm vợ. Bao năm tháng trôi qua

rồi, nhưng tôi vẫn còn nhớ rất kỹ cái cảnh tượng lúc đó. Tôi xin thề rằng điều tôi kể là sự thật. Tôi suýt nghẹt thở khi thấy anh ấy đột nhiên bước lại gần tôi. Có lẽ chưa bao giờ tôi xúc động đến thế. Tôi không còn nhớ rõ câu anh ta nói lúc đó. Hình như thế này: "Tôi chưa biết cô là ai, nhưng rồi tôi sẽ biết. Và không phải như những người khác biết cô đâu". Có vậy thôi. Anh ta nói xong thì đi ra ngay. Từ đó tôi không được gặp anh ta lần nào nữa. Hết, vở kịch kết thúc O.K?

O.K!

- Anh hiểu ý của tôi chứ?

- Hiểu.

- Tôi không hề biết anh ta là ai, hiện giờ anh ta thế nào. Và tại sao đêm đó anh ta lại xúc động và cáu kỉnh đến thế. Chắc là tại tôi. Tôi biết khi đó anh ấy yêu tôi. Không biết gì về tôi, ấy thế mà vẫn yêu. Tất cả những người khác, hoặc gần như tất cả, tôi đều quên, nhưng anh ta thì không bao giờ tôi quên. Nghe tôi nói thế nhiều người sẽ cho là tôi ngu ngốc, nhưng anh ta thì tôi tin anh không nghĩ như vậy. Anh có thấy như vậy là tôi ngu ngốc không?

- Không.

- Anh viết chứ? Anh sẽ viết thành một vở kịch và tôi sẽ đóng vai trong đó chứ?

- Tôi tưởng chị đã ngán sân khấu rồi?

- Có thể. Nhưng anh hiểu cho tôi. Xin chúa chứng giám. Tôi muốn đóng trong vở kịch đó chỉ vì một nguyên nhân. Tôi hy vọng anh ta sẽ đến xem và sẽ nhớ lại câu

anh ta nói hôm đó. Tôi không cần biết lúc này anh ấy ra sao. Tôi chỉ muốn được gặp lại anh ấy. Biết đâu anh ấy vẫn xúc động và cáu kỉnh như trước. Tôi cần phải gặp anh ấy. Anh sẽ viết chứ?

- Hay là hôm đó hắn ta đang say rượu? - Leynon nói. - Và chỉ sau đó ba phút hắn đã quên phứt mất chị rồi? Và rất có thể chỉ một tiếng đồng hồ sau hắn ta lại nói, cũng vẫn cái câu đó, với một cô gái khác không biết chừng.

- Như thế cũng chẳng sao. Thế nào, anh sẽ viết chứ?

- Tôi sẽ thử viết.

- Anh định đặt tên vở là gì?

- "Những con buôn".

- Sao lại "những con buôn"? Sao lại có chuyện buôn bán ở đây?

- Có thể tôi sẽ tìm được cái tên hay hơn. Thế chị thích đặt tên vở kịch này là gì?

- Tôi có hiểu gì về việc đó đâu? Có thể là "Đám cưới" Hoặc "hôn phối bí mật", chữ gì đại loại như thế.

- Tôi chưa biết. Tôi sẽ suy nghĩ thêm.

Nàng lại rót thêm cốc nữa và uống cho tới say mềm. Có thể nàng không có gì đặc biệt, chỉ có điều nàng rất mệt.

Chàng dìu nàng về phòng ngủ và đặt nàng lên giường. Sau đó chàng ngồi cạnh. Trước mắt chàng nàng hiện ra cô gái mà chàng đã trò chuyện cùng, cách đây lâu lắm rồi. Con gái nàng về lúc gần bảy giờ tối. Cô ta cũng đang

say rượu, đôi môi hơi sưng lên, mặt tái đi một vẻ bệnh hoạn, và trên cánh tay có một vết bầm.

- Rất sung sướng được gặp ông. - Cô nói. - Em đến nhà cô bạn, ngủ ở đấy một giấc. Bây giờ em đi tắm một cái rồi có lẽ ta sẽ đi nghe nhạc cổ điển nhé?

Leynon níu vai cô gái lại.

- Ôi! Ông đừng nhìn em như thế. Em đi tắm một cái. Ông thích em chứ?

- Mẹ cô đang rất mệt. Cô hãy giúp bà ấy ngủ, và cô cũng nên đi ngủ đi

Chàng ra đến cửa. Cô gái chạy theo, ôm lấy chàng thầm thì.

- Anh đừng đi. Em cô đơn quá. Anh đợi em một chút. Em tắm thật nhanh thôi mà.

Chàng mở cửa.

- Ngày mai ta sẽ lại gặp nhau chứ? - Cô gái hỏi. - Ngày mai em sẽ thật đẹp. Bà cụ vừa mua cho em một chiếc áo dài mới. Ngày mai em sẽ làm anh được vừa lòng.

- Vài tiếng đồng hồ nữa tôi đáp máy bay đi San Francisco. Cô hãy chăm sóc mẹ cô. Và chăm sóc cả bản thân cô nữa. Cô là một thiếu nữ rất đẹp, cô Moat ạ.

Leynon đi xuống cầu thang ọp ẹp, chàng không cười, vẫn còn bị xúc động, vì căm giận cái câu chuyện cũ này, câu chuyện về nhưng con buôn và nhưng hôn phối bí mật của chúng.

VŨ ĐÌNH PHÒNG *dịch*

Giắc LănĐơn
(Mỹ)

SÓNG LỚN CANACA

Khi đôi vợ chồng Li Bácton, và Ida bước ra khỏi phòng thay quần áo, đám phụ nữ Mỹ đang nghỉ ngơi dưới bóng rặng cây "hao" bao quanh bãi tắm của khách sạn Môn đều khẽ thốt lên "A!". Và họ tiếp tục tỏ thái độ như thể suốt trong lúc đôi vợ chồng Bácton đi ngang qua chỗ họ nghỉ để ra phía bờ biển. Anh chồng chắc gì đã tạo cho họ ấn tượng mạnh đến như vậy. Những phụ nữ Mỹ nghỉ ở đây đâu thuộc loại người phải thốt lên "A!" khi nhìn thấy một người đàn ông mặc đồ tắm biển, cho dù đấy là một chàng trai tuyệt diệu, vạm vỡ và rắn rỏi đi nữa. Thật ra một thân thể hoàn chỉnh đến như thế sẽ phải làm cho bất kỳ huấn luyện viên bơi lội nào nhìn thấy cũng phải thở dài một cách hài lòng sâu sắc. Nhưng những huấn luyện viên ấy sẽ không kêu "A" lên như đám phụ nữ trên các bãi tắm, bởi vì những người phụ nữ này đã bị xúc phạm đến những tình cảm tốt đẹp nhất.

Chính chị vợ anh, Iđa Bácton mới là người làm cho đám phụ nữ kia khó chịu và lo lắng. Họ đe bìu chị. Họ chê trách một cách dứt khoát, ngay từ khi mới nhìn thấy chị lần đầu. Họ chính là những người có biệt tài tự lừa

dối bản thân. Họ tưởng tượng ra rằng, bộ đồ tắm của chị làm họ chướng mắt. Nhưng Phrôido đã có lý khi ông quả quyết rằng, mỗi khi đụng đến vấn đề giới tính, con người ta dễ có chiều hướng dùng điều mình tưởng tượng ra thay thế cho điều có thật một cách vô tình, rồi lại đau khổ với cái điều do chính mình tưởng tượng ra, không kém so với trường hợp khi điều ấy là có thật.

Bộ đồ tắm biển của Iđa Bácton rất hấp dẫn, đan bằng thứ sợi len màu đen rất mịn, đường viền và thắt lưng màu trắng, mở cổ không rộng, hai ống tay rất ngắn và váy cũng rất ngắn. Dù cho váy của chị có ngắn đến mấy đi nữa thì đồ lót dệt kim bên trong vẫn cứ còn ngắn hơn. Tuy nhiên, ở bãi tắm cạnh đấy của Câu lạc bộ Thuyền buồm, và ở dải cát sát bờ biển có cả hàng chục phụ nữ ăn mặc còn táo bạo hơn, nhưng có khiến ai chú ý đến một cách đặc biệt như thế đâu. Đồ tắm của họ cũng ngắn cũn cỡn và cũng ôm chặt lấy người như thế, mà lại hoàn toàn không có ống tay, giống như áo tắm đàn ông. Còn cổ, lưng và nách của họ đều mở rất rộng, chứng tỏ họ nắm vững thời trang năm 1916.

Như vậy, không phải bộ đồ tắm của Iđa làm đám phụ nữ kia khó chịu, mặc dù họ đinh ninh rằng đúng là như thế. Thật ra cái làm họ thấy chướng mắt lại chính là đôi chân của chị, hay nói cho đúng hơn, là toàn bộ con người Iđa, vẻ đẹp rực rỡ của tính nữ lồ lộ đầy quyến rũ và khiêu khích của chị. Từ những mệnh phụ tuổi tác và đáng kính đến những bà trung niên và những cô gái trẻ đều cảm thấy rõ ràng sự khiêu khích ấy. Họ là những người sợ nắng gió đang cố bảo vệ tấm thân yếu ớt, mềm

nhẽo và làn da mặt nhợt nhạt của họ khỏi bị mặt trời chiếu vào. Đúng, nhìn chị người ta thấy sự khiêu khích, sự thách thức lẫn sự khinh miệt đối với tất cả những nữ đối thủ trong cuộc giành giật nhỏ nhen do chính họ tự bày đặt ra rồi tiến hành với một niềm tin rằng nhất định họ phải thắng.

Nhưng đám phụ nữ kia không nói thẳng ra điều ấy. Thậm chí cả trong ý nghĩ họ cũng không tự cho phép được thú nhận điều ấy. Họ tưởng tượng ra rằng toàn bộ tội lỗi của cô gái kia là nằm trong bộ đồ tắm. Họ lên án nó, làm như thể họ không nhìn thấy hàng chục phụ nữ khác ăn mặc còn táo bạo hơn Iđa, nhưng không đẹp đến mức nguy hiểm như chị.

Nếu có cách nào sàng lọc ý nghĩ của những vị bảo vệ đạo đức ấy được, thì sẽ đọng lại trên mặt sàng cái ý nghĩ ghen ghét thuần túy phụ nữ: "không thể cho phép một đứa con gái nào được xinh đẹp đến thế! Không thể cho phép nó tự do khoe khoang toàn bộ sắc đẹp của nó như thế được!". Để một đối thủ nguy hiểm như thế xuất hiện thì liệu còn người đàn ông nào ngó ngàng đến họ nữa?

Họ nghĩ như thế là đúng. Bởi vì khi hai ông bà Páttecxơn tắm xong, nằm nghỉ trên bãi cát bên cạnh con suối, nơi vợ chồng Li Bácton và Iđa lội ngang qua để sang bãi tắm của Câu lạc bộ Thuyền buồm, thì ông Atenli Páttecxơn đã nói với vợ như sau:

- Ôi, lạy vị thánh bảo hộ nghệ thuật và bảo hộ các cô gái đẹp làm mẫu cho các họa sĩ! Bà nhìn kìa, bà đã thấy một cô gái nào có đôi giò tuyệt diệu đến mức kia

bao giờ chưa? Thon, chắc và cân đối kỳ lạ! Như hệt chân con trai vậy! Tôi chỉ mới được thấy một đôi giò như thế của một tay võ sĩ hạng nhẹ trên võ đài quyền Anh. Nhưng đây lại là đôi giò thuần túy của phái nữ! Vì chân phụ nữ có cái dáng khác hẳn chân đàn ông. Kia kìa, đường cong phía trước của bắp đùi và ở phía sau lượn tròn vừa đủ mức cần thiết. Rồi hai đường cong ấy chụm lại chỗ đầu gối. Mà cái đầu gối mới đẹp làm sao! Tiếc mình không có sẵn đất sét ở đây mà nặn.

- Đầu gối cô ta tuyệt vời thật! - Bà vợ cũng thán phục không kém, vì bà cũng là một nghệ sĩ điêu khắc. - Mình nhìn kìa, các mỏm xương di động dưới làn da mới nhịp nhàng làm sao! Đầu gối cô ta lại không hề có lớp mỡ bao bọc! Lạ thật! - Bà thở dài, sực nghĩ đến hai đầu gối của bản thân. - Chà! Vừa cân đối, vừa đẹp lại vừa duyên dáng. Đây đúng là sự quyến rũ của da thịt. Cô ta là ai thế nhỉ?

Ông Xtenli Páttecxơn, mắt không rời chị phụ nữ không quen biết kia, sôi nổi biểu diễn phần của mình trong bản song tấu gia đình:

- Bà thấy không? Chị ta không hề có bắp thịt đệm ở phía bên trong đầu gối, những bắp thịt đệm khiến cho hầu hết các bà các cô đều trở thành cong chân. Chính vì thế đôi giò của chị này hệt giò con trai: rắn chắc, vững chãi...

- Nhưng lại vẫn là chân phụ nữ: tròn trịa, mềm mại, - bà vợ vội bổ sung. - Ông thử nhìn cô ta đi kìa, Xtenli! Cô ta đặt mũi chân xuống trước cho nên dáng đi nhẹ như lông chim. Mỗi lần cất bước, cô ta chỉ khẽ nhấc chân lên

khỏi mặt đất, tưởng chừng như cô ta bay cao dần lên, và chị lát nữa sẽ thoát khỏi mặt đất, bay bổng lên không trung.

Ông Xtenli Páttecxơn và bà vợ thán phục đến như thế. Nhưng họ là nghệ sĩ. Mắt họ không giống như dần pháo đại bác của những cặp mắt đang chĩa nòng về nơi Iđa đang sắp đặt chân tới, những cặp mắt từ trên hàng hiên của Câu lạc bộ Thuyền buồm, từ dưới rặng cây hao bao quanh khách sạn Bờ biển. Trong Câu lạc bộ Thuyền buồm đa số không phải khách du lịch mà những vận động viên thể thao và những người dân đã sống lâu năm ở quần đảo Haoai. Nhưng ngay cả những người dân bản địa này cũng phải thốt lên "A".

- Con bé chẳng lịch sự chút nào! - bà Henli Blếch nói với chồng. Bà là một người đẹp đã hết thời chừng bốn chục xuân xanh, vốn sinh trưởng ở Haoai và thậm chí cũng chưa hề nghe thấy nói đến thành phố nghỉ mát Oxtendơ bao giờ.

Ông Henli Blếch đưa cặp mắt suy tư và tàn nhẫn liếc nhìn tấm thân sồ sề đến mức quái gở và bộ đồ tắm cổ lỗ của bà vợ, bộ đồ tắm mà đến các nữ tu sĩ chân chính ở miền Tây Anh Cát Lợi cũng chẳng ai buồn chê trách. Hai ông bà lấy nhau từ lâu lắm rồi, lâu đến nỗi bây giờ ông có thể nói toạc ra mọi điều suy nghĩ của mình mà không phải e dè gì hết.

- Nếu so sánh giữa bà với cô ấy thì chính bộ đồ tắm của bà mới không lịch sự. Tưởng chừng như bà quấn những mảnh vải đó dẩn ấy vào người để che giấu một khuyết tật xấu xí gì bên trong vậy.

- Cô ta đi đúng y hệt một vũ nữ Tây Bạn Nha! - Bà Páttecxơn nói với chồng. Để khỏi mất hút bóng dáng của cô gái đẹp kia, họ cũng lội qua con suối đi theo.

- Đúng thế, - ông Xtenli Páttecxơn tán thành. - Tôi cũng sực nhớ đến cô vũ nữ Extrêlita. Bộ ngực đầy đặn nhưng không to quá. Eo nhỏ nhưng không nhỏ quá, lại chắc nịch như bụng các nhà võ sĩ quyền Anh vậy. Nếu eo không như thế thì cô ta không thể đi đúng duyên dáng như thế được. Mà bộ ngực với cái eo sao lại cân xứng với các bắp thịt ở lưng đến thế. Bà có thấy đường cong ở sống lưng của cô ta không? Y hệt như lưng cô vũ nữ Extrêlita vậy.

- Ông đoán cô này cao bao nhiêu? - Bà vợ hỏi.

- Khó đoán lắm, - câu đáp có vẻ thận trọng. - Có thể là năm phút một insơ[1] mà cũng có thể hơn thế, đến bốn insơ không biết chừng. Kiểu đi của cô ta dễ làm ta lạc hướng lắm. Kiểu đi như bà vừa nói ấy. Đi mà giống như bay.

- Đúng, đúng, - bà Páttecxơn tán thành. - Trông cô ta lúc nào cũng như kiễng chân. Chứng tỏ cô ta rất nhiều sức sống.

Ông Xtenli không đáp lại ngay.

- Bà nói đúng, - mãi sau này ông mới kết luận. - Cô ta vóc người bé nhỏ. Chỉ đến năm phút hai insơ là cùng. Còn cân nặng, tôi đoán khoảng trăm mười hoặc trăm

---

(1) Phút = 30,480 cm. Insơ = 2,540 cm. Pao =

linh tám, cùng lắm là một trăm mười lăm pao, không thể hơn được.

- Cô ta không nặng đến một trăm mười pao đâu, - bà vợ kiên quyết phản đối.

- Là tôi nói khi cô ta mặc đầy đủ quần áo, - ông Xtenli Páttecxơn nói tiếp. - Với lại nhìn cách cô ta đi đứng (do dồi dào sức sống và mạnh mẽ ý chí) tôi tin rằng cô ta không thuộc loại người nhỏ bé đâu.

- Tôi biết loại con gái này, - bà vợ gật đầu. - Nhìn họ người ta có cảm tưởng họ không to lớn, nhưng dù sao cũng trên trung bình. Ông đoán cô ta bao nhiêu tuổi?

- Về tuổi thì chắc bà đoán giỏi hơn tôi, - ông chồng lảng tránh câu hỏi.

- Có thể hai mươi lăm mà cũng có thể là ba mươi tám.

Nhưng ông Xtenli, quên cả phép lịch sự, không nghe vợ nói.

- Mà không phải chỉ cặp giò! - Ông thét lên vẻ thán phục. - Toàn bộ con người của cô ta là tuyệt vời. Bà nhìn kia: cánh tay! Từ bàn tay đến khuỷu thì thon nhỏ, lên gần vai lại thành tròn trĩnh. Bắp cơ hai đầu mới tuyệt vời làm sao! Tôi đánh cuộc rằng nếu cô ta lên gân, hai cái bắp ấy sẽ phình ra khá lớn cho mà xem!

Bất cứ một phụ nữ nào, nhất đây lại là Iđa Bácton, không thể không nhận thấy nỗi chấn động do mình gây ra trên bãi biển Vaikiki. Nhưng điều ấy không hề làm chị thấy hãnh diện thêm mà trái lại còn làm chị khó chịu.

- Sao họ đê tiện đến thế nhỉ! - Chị cười nói với chồng. - Em vốn là người sinh trưởng ở nơi này, đã sống ở đây suýt soát một phần ba thế kỷ rồi. Ngày đó con người ta đâu có lố bịch như bây giờ. Phải chăng vì ngày ấy chưa có ai đi du lịch đến đây. Ngày nhỏ em đã học bơi ở đúng chỗ này, ngay trước cái Câu lạc bộ Thuyền buồm kia. Em còn nhớ vào những dịp nghỉ hè hoặc chủ nhật, bố thường đưa em ra đây. Hai bố con nghỉ trong một túp lều lợp cọ. Túp lều ngày ấy nếu còn thì nằm ở đúng chỗ các bà ở Câu lạc bộ Thuyền buồm đang ngồi uống trà kia kìa. Ban đêm lũ cuốn chiếu lao xuống chỗ hai bố con nằm. Bố với em ăn sò huyết, ăn cá sống, suốt ngày bơi lội và đánh cá, không mặc quần áo gì hết. Mà bấy giờ đường xá từ thành phố đến đây có ra cái gì. Những hôm mưa to, đường ngập hết, hai bố con em phải về làng bằng thuyền, luồn lách qua những tảng đá ngầm rồi vào thẳng bến, ngay giữa thành phố Hônôlulu ấy.

Li Bácton tiếp lời vợ:

- Em đừng quên rằng cũng chính vào thời gian ấy, thằng bé mà bây giờ là anh đây này, thằng bé ấy đã từng nằm lại đấy liền mấy tuần lễ trong dịp đi chu du vòng quanh thế giới. Chắc chắn rằng bấy giờ anh đã nhìn thấy em trong đám trẻ con bơi lội ở đây như cá. Đến bây giờ anh còn nhớ, ở đây phụ nữ đã cưỡi ngựa như đàn ông, trong khi ở các xứ sở khác, mãi khá lâu sau này nữ giới mới khắc phục được thói ủy mị và mới dám ngồi bỏ hai chân sang hai bên lưng ngựa. Bản thân anh cũng đã học bơi ở nơi này. Rất có thể hai chúng mình đã cùng tập cưỡi trên một ngọn sóng, và không biết chừng đã có lúc

anh té nước vào mặt em và để cảm ơn, em đã thè lè lưỡi ra với anh...

Vừa lúc ấy, một tiếng "A" rất to, giọng khó chịu cắt lời anh. Tiếng ấy thốt ra từ miệng một mụ gầy đét, có vẻ là một bà cô già, đang nằm phơi nắng trên bãi cát trong bộ đồ tắm dị dạng. Và Li Bácton cảm thấy vợ mình co rúm người lại như phải bỏng.

- Anh rất hài lòng, - anh nói. - Em như thế cũng là giỏi lắm rồi. Chẳng bao lâu nữa em sẽ trở thành gan lì cho mà xem. Cái thái độ vừa rồi đã làm em hơi khó chịu. Nhưng không sao, càng làm em tự tin hơn mà thôi. Chỉ có điều em phải thật vững.

Bởi vì, rồi bạn đọc sẽ thấy, Li Bácton là một siêu nhân, và Iđa cũng thế. Ít ra, đấy cũng là cách xếp loại của những phóng viên mới vào nghề, những kẻ chuyên dập gót giày trên các sàn khách sạn và của những nhà phê bình uyên bác bị thiếu mất cơ quan sinh dục. Họ không có khả năng nhìn nhận ra những người hoàn chỉnh hơn họ ở nơi chân trời, đằng sau bình nguyên đơn điệu của cuộc sống bản thân họ. Họ là những sinh vật tẻ nhạt, dư âm của quá khứ đã chết, là những kẻ đào huyệt tự phong của hiện tại và tương lai. Họ sống cuộc sống của người khác và cũng giống như những hoạn quan, họ phục vụ cho nhục cảm của kẻ khác. Do bản thân họ cằn cỗi, do môi trường của họ và những cảm xúc tủn mủn của họ què quặt và thô bỉ, họ quả quyết rằng không một anh đàn ông nào, không một chị đàn bà nào vươn được lên trên sự què quặt và thô bỉ.

Trong bản thân con người của họ làm gì có vẻ đẹp và tầm cỡ. Vì vậy họ không công nhận rằng người nào

đó lại có những phẩm chất ấy. Do quá hèn nhát, họ không dám làm việc gì táo bạo. Họ khẳng định rằng sự táo bạo đã không còn tồn tại trên cõi đời này, từ thời Trung thế kỷ kia, nếu không phải là từ trước nữa. Bản thân họ chỉ là những ngọn nến leo lắt, và cặp mắt bạc nhược của họ nhìn sao thấy nổi ngọn lửa chói lòa trong tâm hồn người khác, và đang chiếu sáng bầu trời của họ. Sức lực trong thân thể họ chỉ vừa bằng sức lực của loài chim chích, và họ không thể biết được rằng lại có người khỏe mạnh hơn họ. Đúng, thời xa xưa trên trái đất đã từng có những con người khổng lồ. Nhưng trong những cuốn sách cổ cũng lại có nói rằng, đã lâu không còn những người khổng lồ nữa. Bây giờ chỉ còn sót lại xương cốt của họ. Những kẻ nhỏ mọn ấy không bao giờ nhìn thấy núi. Và như thế nghĩa là, đối với họ, chẳng làm gì có núi.

Nấp kín dưới đám bùn trong cái vũng nước đọng của bản thân, họ đinh ninh rằng, những tráng sĩ hiển hách mang vầng trán cao với những bộ giáp trụ sáng loáng chỉ có trong truyện cổ tích, trong lịch sử xa xưa và trong những mê tín hoang đường của dân gian. Họ chưa bao giờ nhìn thấy tinh tú, cho nên họ phủ nhận sự tồn tại của các tinh tú. Mắt họ không thấy được những con đường vinh quang, và cũng không thấy được những con người bằng xương bằng thịt đi trên những đường ấy. Vì vậy họ không công nhận có những con đường vinh quang và những con người dũng cảm. Coi cặp mắt mờ của mình là trung tâm vũ trụ, họ tưởng như mọi vật đều được tạo thành theo mẫu của họ, và họ dùng nhân cách thảm hại của họ làm thước để đo những tâm hồn khí phách rồi lên giọng chê trách: "Mọi tâm hồn đều chỉ bằng ngần này, không

lớn hơn. Không thể có ở đâu những tâm hồn lớn hơn chúng tôi, mà các vị thần thánh của chúng tôi đã thừa biết là chúng tôi to lớn".

Nhưng khi Iđa đặt chân xuống nước, tất cả hoặc gần như tất cả những ai đang trên bờ đều tha thứ cho bộ đồ tắm của chị, cho tấm thân tuyệt diệu của chị. Đôi mắt chị ánh lên một vẻ mời mọc, bàn tay chị khẽ chạm vào tay chồng và họ chạy vài bước theo sát chân nhau, rồi cùng một lúc, đập mạnh xuống nền cát cứng dưới đáy nước, nhảy lên, tạo thành một đường vòng thấp bên trên mặt nước, rồi đâm đầu xuống nước.

Ở Vaikiki có hai loại sóng: sóng lớn, sóng bạc đầu Canaca tức là sóng ông, lồng lộn tít tận ngoài khơi và sóng nhỏ gọi là sóng Vakhina, nghĩa là sóng bà, vỗ nhẹ vào bờ. Dọc bờ biển là một dải nước nông khá rộng. Ở chỗ này có thể lội ra xa tới một trăm hoặc hai trăm phút vẫn chưa ngập đầu. Tuy nhiên nếu như sóng ông lồng lộn ngoài khơi thì sóng bà cũng cao đến ba - bốn phút, cho nên ngay sát bờ, đáy nước có thể sâu từ ba insơ đến ba phút, nếu tính từ đáy lên đến đỉnh sóng ngầu bọt trắng xóa. Muốn nhảy vào đám bọt trắng ấy, nghĩa là lấy đà rồi đạp mạnh xuống đáy cát, nhảy vọt lên không trung, xoay người cho chân chổng lên trời, lao đầu xuống nước, cần hiểu rõ các đợt sóng và biết cách khéo lựa. Đó là một nghệ thuật phải tập dượt nhiều năm để lao đầu vào cái hiện tượng tự nhiên bất định ấy bằng một động tác dứt khoát và đẹp mắt mà lại không xuống sâu quá trong nước.

Cái tiết mục biểu diễn táo bạo, đẹp mắt và duyên dáng ấy không phải ai muốn làm là cũng làm được ngay.

Cần tập luyện khá lâu. Một sự tập luyện kèm theo nhiều trận đập đầu xuống đáy cát, không phải chỉ đau có khi còn vỡ sọ hay vẹo cổ nữa. Ở ngay chính cái chỗ mà đôi vợ chồng trẻ Bácton lao đầu xuống nước một cách ngon lành như vậy, trước đây hai ngày, một lực sĩ nổi tiếng Mỹ đã bị vẹo cổ. Ông ta không biết ước tính sự dâng lên và hạ xuống của những đợt sóng Vakhina.

- Cô ta là tay bơi lội nhà nghề đấy mà, - bà Henli Blếch thốt lên khi theo dõi Iđa Bácton.

- Chắc chắn đây là một diễn viên xiếc chuyên nhào lộn.

Đám phụ nữ ngồi dưới bóng cây đã dùng những nhận xét như thế và tương tự như thế để an ủi nhau. Họ dùng phương pháp đơn giản là tự lừa dối. Họ đề ra khoảng cách to lớn giữa những người làm nghề để kiếm sống với tầng lớp của họ, những người chẳng phải làm lụng gì mà cũng vẫn được ăn uống no nê.

Vào ngày hôm ấy, sóng ở Vaikiki rất mạnh. Ngay sóng bà cũng đã làm thỏa mãn những tay bơi giỏi. Không có ai định ra đến chỗ sóng ông Canaca. Chẳng phải vì những vận động viên bơi lội tụ tập trên bãi tắm sợ bơi lạc ra xa, mà chỉ vì họ biết rằng, những đợt sóng khổng lồ cuộn xuống dưới đáy, dám nhận chìm cả những chiếc thuyền lớn nhất của họ, và sẽ lật úp bất cứ một tấm ván nào. Thật ra đa số trong bọn họ cũng có thể nhảy xuống nước để bơi, vì con người có thể bơi qua được những ngọn sóng mà thuyền mảng không thể theo nổi. Nhưng những chàng trai trẻ từ Hônôlulu đến đây đâu phải để làm như thế. Điều thích thú nhất của họ là đùa giỡn trên

ngọn sóng rồi đột nhiên rướn cả người lên khỏi mặt nước, bay cùng với đợt sóng vào bờ như một mũi tên.

Thuyền trưởng chiếc thuyền số chín, một trong những sáng lập viên của Câu lạc bộ Thuyền buồm, đồng thời là quán quân nhiều lần về môn bơi cự ly dài, đã không nhìn thấy lúc đôi vợ chồng Bácton xuống nước. Và bây giờ khi ông nhìn thấy họ thì họ đã vượt ra xa ngoài cả sợi dây chằng để đánh dấu, cách tốp người bơi xa bờ nhất một quãng lớn. Từ lúc ấy, đứng lên hàng hiên của Câu lạc bộ, ông không rời mắt khỏi họ. Khi họ vượt qua đập chắn sóng bằng thép, cạnh đó chỉ có một vài vận động viên táo tợn nhất đang lặn hụp, thì người thuyền trưởng bực tức lẩm bẩm: "Đồ malakhini quái quỷ!"

Tiếng Haoai "malakhini" nghĩa là lính mới, tập sự. Nhưng thuyền trưởng thuyền số chín, mặc dù nhìn thấy đôi trai gái kia bơi rất giỏi, biết rằng chỉ những kẻ "tập sự" mới không hiểu gì hết và liều lĩnh dám bơi ra đến dòng nước khủng khiếp sâu thẳm và chảy xiết ở ngoài đập chắn mà thôi. Điều đó làm ông bực tức. Ông bước xuống dưới bãi, khẽ ra lệnh cho một người nào đó trong số những tay chèo khỏe nhất của ông, rồi quay lên hiên, đem theo chiếc ống nhòm. Sáu thủy thủ, cố không để ai chú ý đến họ, lặng lẽ khiêng chiếc thuyền số chín ra sát rìa nước. Họ kiểm tra lại các mái chèo và cọc chèo, rồi ngồi ngả nghiêng trên bãi cát, làm như kiểu thờ ơ. Nhìn họ không ai nghĩ rằng đang sắp xảy ra chuyện nguy cấp. Còn bản thân họ thì thỉnh thoảng ngước mắt lên nhìn người thuyền trưởng, và ông này thì vẫn dán mắt vào chiếc ống nhòm.

Độ sâu khủng khiếp ở bên ngoài đập chắn là do con suối từ trong đất liền chảy ra biển tạo thành. San hô

không sống được ở nước ngọt. Còn dòng chảy xiết là do những đợt sóng lao quá mạnh vào bờ. Nước do những đợt sóng Canaca dữ tợn liên tiếp xô vào phía bờ. Trong khi hạ xuống, chúng lại chảy ngược ra khơi cùng với dòng chảy nói trên, lẩn xuống bên dưới những đợt sóng dữ tợn khác đang xô tiếp đến. Ngay cả ở chỗ này, nơi có dòng chảy, sóng cũng dâng lên rất cao, nhưng vẫn không ghê gớm bằng ở hai bên. Do đó, đúng chỗ dòng chảy, thuyền bè không gặp nguy hiểm gì đáng kể. Nhưng phải là loại thủy thủ có tay chèo thật khỏe mới cưỡng lại được với dòng nước chảy xiết. Chính vì vậy, thuyền trưởng thuyền số chín bám chắc vị trí quan sát, miệng không ngớt càu nhàu. Ông tin chắc rằng hai kẻ "lính mới" kia sẽ bắt ông phải hạ thủy con thuyền để bơi ra cứu, khi họ đã kiệt sức. Ngay bản thân ông, vào địa vị của họ, cũng sẽ bơi sang bên trái, về phía mỏm Kim cương, và phó mặc cho sóng lớn Canaca đánh bạt vào bờ. Nhưng vì ông, chính là ông, một lực sĩ hai mươi hai tuổi với làn da đen cháy do phơi quá nhiều dưới ánh nắng mặt trời nhiệt đới và có màu như gỗ mun, với tấm thân và các bắp thịt cứng như của Điúc Cahanômốc. Trong những cuộc bơi thi cự ly một trăm phút, người quán quân thế giới kia bao giờ cũng đến đích trước anh cả một giây đồng hồ. Nhưng khi bơi cự ly dài, anh lại bỏ rơi người quán quân kia khá xa.

Trong số mấy trăm người có mặt trên bãi tắm lúc bấy giờ, ngoài người thuyền trưởng và các thủy thủ của ông, không một ai biết rằng đôi vợ chồng trẻ Bácton đã bơi ra khỏi đập chắn. Tất cả những người nhìn thấy họ bơi ra khỏi bờ đều đinh ninh rằng, họ đã cùng với những người khác, nhảy từ trên đập xuống.

Đột nhiên người thuyền trưởng nhảy phốc lên lan can hàng hiên rồi một tay bám chiếc cột, một tay hướng ống nhòm ra phía hai chấm đen phía xa kia. Dự đoán của anh đã chính xác. Hai kẻ ngu ngốc kia, thoát được ra khỏi dòng chảy, đã quay sang, bơi về phía mỏm Kim cương. Muốn vào đến bờ, họ phải vượt qua những đợt sóng lớn Canaca. Nguy hiểm hơn nữa, có vẻ họ còn định bơi ngang qua những con sóng dữ tợn ấy.

Ông liếc nhanh xuống phía dưới. Nhưng đến khi các thủy thủ - đang giả vờ lim dim ngủ - đáp lại cái liếc mắt ấy, từ từ đứng dậy và chiếm lĩnh vị trí trên chiếc thuyền, thì người thuyền trưởng lại thay đổi ý kiến. Đôi nam nữ kia chắc chắn sẽ chết trước khi thuyền của ông kịp đến cứu. Thậm chí nếu thuyền cứu có đến kịp thì nó cũng sẽ bị lật chìm ngay lúc rời khỏi dòng chảy bơi vào vùng sóng lớn. Và những thủy thủ lành nghề nhất trong đội thuyền của ông chắc gì đã cứu sống được một người đã bị những ngọn sóng bạc đầu khủng khiếp và tàn nhẫn kia quật xuống đáy biển?

Người thuyền trưởng nhìn thấy, ở xa tít ngoài khơi, đằng sau hai chấm nhỏ xíu kia, ngọn sóng Canaca đầu tiên đang xô tới, ngọn sóng này khá lớn nhưng chưa phải loại lớn nhất. Rồi ông nhìn thấy đôi nam nữ kia bơi trườn bên cạnh nhau, úp mặt xuống nước, vươn dài người, chân dập như chân vịt, tay sải dài về phía trước, cố theo kịp với tốc độ của ngọn sóng đang đuổi theo họ, để khi nó chạm vào sóng, họ không bị tụt lại phía sau, mà để nó cuốn họ theo. Đến lúc ấy, nếu như họ có đủ bình tĩnh và khôn ngoan để giữ vững mình trên ngọn sóng chứ

không để cho nó cuốn đi rồi quật xuống đáy, thì họ cũng sẽ bị nó đẩy vào bờ, bằng sức của nó, chứ không còn bằng sức của bản thân họ nữa.

Và họ đã làm được đúng như thế. "Giỏi đấy!" Viên thuyền trưởng thuyền số chín tự nhủ thầm như vậy. Nhưng ông vẫn không rời mắt khỏi chiếc ống nhòm. Vì tay bơi lội giỏi nhất cũng chỉ có thể bơi trên những ngọn sóng như vậy được vài trăm phút. Còn hai người này? Nếu như họ không đuối sức thì cũng chỉ vượt được một phần ba quãng đường mà họ đã tự ý lựa chọn. Và đúng như người thuyền trưởng dự đoán, chị phụ nữ gặp khó khăn trước. Vì phần nổi của cơ thể chị nhỏ hơn. Bơi được khoảng bảy chục phút, người thuyền trưởng thấy chị không giữ vững được nữa và chị biến mất. Cả một khối nước hàng mấy tấn trùm lên người chị. Rồi người đàn ông cũng biến mất. Nhưng lát sau cả hai lại hiện ra trên mặt nước, đằng sau ngọn sóng một quãng xa, ngọn sóng mà họ để tuột mất.

Đợt sóng tiếp theo, người thuyền trưởng nhìn thấy trước họ. "Nếu như họ định bắt lấy ngọn sóng này nữa thì thế là hết!" - ông rít lên qua kẽ răng. Ông biết rằng bất cứ ai táo tợn dám làm như thế thì sẽ nguy. Ngọn sóng này chiều dài chừng một dặm, chưa có bọt, nhưng nguy hiểm hơn mọi ngọn sóng bạc đầu. Nó đang dâng dần lên ở khá xa sau lưng họ, cao mãi, cao mãi rồi đến khi biến thành một bức tường lừng lững che lấp cả đường chân trời, mới bắt đầu xuất hiện một đường bọt trắng trên đỉnh, lúc đầu mảnh mai rồi sau mới to rộng.

Nhưng rõ ràng là đôi nam nữ kia rất thông thuộc biển cả. Đáng lẽ tránh ngọn sóng thì họ lại quay mặt về

phía đó để đón đợi. Người thuyền trưởng thầm phán phục họ. Một mình ông chứng kiến cảnh tượng này, và nhìn thấy hết sức rõ ràng nhờ chiếc ống nhòm. Bức tường bằng nước dâng cao dần, và ở tít phía trên đỉnh, chỗ nước mỏng hơn, ánh hoàng hôn xuyên qua lớp nước xanh biếc. Màu xanh lục sáng dần rồi trở thành màu xanh lam. Và màu xanh lam này lóe lên dưới ánh mặt trời, thành muôn vàn tia lấp lánh màu hồng và màu kim tuyến. Cả một đám màu sắc dâng lên cao, cao nữa, đến tận đỉnh bạc đầu, lan tỏa ra mãi cho đến khi toàn thể ngọn sóng biến thành một khối loang loáng những ánh cầu vồng đủ mọi màu sắc.

Trên cái nền của ngọn sóng, hai cái đầu, một nam, một nữ, biến thành hai chấm đen. Đó cũng là hai cái chấm lọt thỏm giữa sức mạnh mù quáng của thiên nhiên và đang thách thức với mãnh lực vô biên của đại dương. Sức nặng của ngọn sóng cao vút, khi đổ xuống, có thể đè bẹp người đàn ông, bẻ gãy xương cốt của người đàn bà. Viên thuyền trưởng thuyền số chín bỗng nín thở lúc nào chính bản thân ông cũng không để ý thấy. Ông quên mất người đàn ông. Ông chỉ chăm chú vào người đàn bà. Chỉ cần chị ta luống cuống, hay hốt hoảng, hoặc làm một động tác kém chính xác một cái, là lập tức một sức mạnh khủng khiếp sẽ hất chị ra xa một trăm phút, đè bẹp rồi quật cái thân xác dúm dó kia xuống đáy san hô, để mặc cho dòng nước dưới sâu cuốn chị ta ra ngoài biển khơi làm mồi cho đàn cá mập háu đói, nhưng nhát gan, không dám tấn công những người đang còn sống.

Tại sao, viên thuyền trưởng tự hỏi, tại sao họ lại không lặn từ trước xuống sâu hơn một chút, mà lại dại dột đón đợi cho cái giây phút an toàn cuối cùng biến thành giây phút đầu tiên của nỗi hiểm nguy chết người kia? Ông nhìn thấy chị phụ nữ vừa cười vừa quay mặt sang phía anh đàn ông và anh chàng này cũng cười vang đáp lại. Ngọn sóng đã đang nâng họ lên trên cao, và phía trên nữa, đỉnh sóng màu trắng đục như sữa bật lên những đám bọt lấp lánh như vàng ngọc. Ngọn gió mát mẻ từ trong bờ thổi ra, hứng lấy những đám bọt trắng ấy, đưa chúng lên cao rồi tạt chúng về phía sau. Đến đúng lúc ấy, vẫn giữ khoảng cách giữa họ sáu phút, đôi nam nữ đột nhiên cùng lặn xuống dưới đáy con sóng một lượt. Và cũng chính lúc ấy, ngọn sóng tan ra và hạ xuống. Đôi nam nữ biến mất hút như hai con côn trùng biến đi trong một giò phong lan khổng lồ. Còn ngọn sóng bạc đầu và đám bọt trắng xóa cùng những giọt nước bắn lên cao kia, tất cả đều ầm ầm đổ xuống vào đúng chỗ mà đôi nam nữ vừa ngụp xuống.

Cuối cùng, đôi nam nữ kia lại hiện ra ở phía sau lưng ngọn sóng. Họ vẫn giữ khoảng cách sáu phút giữa họ. Họ sải dài hai tay, bơi về phía bờ, luôn luôn sẵn sàng hoặc đón ngọn sóng tiếp theo, hoặc chờ nó đến để ngụp xuống dưới chân nó. Viên thuyền trưởng thuyền số chín vẫy tay ra hiệu cho đội thủy thủ, ý nói họ có thể giải tán. Ông ngồi lên hàng lan can, cảm thấy một nỗi mệt mỏi khó tả, nhưng vẫn cầm ống nhòm theo dõi đôi nam nữ đang bơi.

- Họ là ai thế nhỉ? - ông lẩm bẩm. - Có điều chắc chắn họ không phải là malakhini. Điều ấy thì mình dám khẳng định.

Sóng ở Vaikiki không phải thường xuyên lên đến độ cao. Thậm chí còn rất hiếm khi. Và mặc dù thời gian sau đó hai vợ chồng Bácton vẫn tiếp tục làm cho các bà các cô đến đây nghỉ phải chú ý và khó chịu, nhưng các thuyền trưởng trong Câu lạc bộ Thuyền buồm thì thôi không lo lắng gì cho họ nữa. Những người thuyền trưởng này đã nhìn thấy đôi vợ chồng này bơi ra xa bờ, tan biến giữa làn nước xanh biếc rồi sau đấy vài tiếng đồng hồ, họ sẽ nhìn thấy hoặc không nhìn thấy hai người kia quay trở về. Các viên thuyền trưởng không lo lắng gì, vì họ biết chắc rằng đôi vợ chồng kia sẽ trở về.

Bởi vì họ không phải là malakhini. Họ là dân bản địa. Nói cách khác, hay nói cho đúng hơn, có thể gọi họ theo tiếng Haoai: đấy là những Camaaina. Những người dân địa phương đều còn nhớ cậu bé Li Bácton, khi cậu đúng còn là một malakhini, mặc dù còn rất nhỏ tuổi. Từ bấy đến nay, do hay đến nơi này và do ở đây lâu, cậu đã vinh dự được mọi người coi là một camaaina.

Còn Iđa Bácton thì những phụ nữ bản địa trạc tuổi chị, mỗi khi gặp chị đều ôm hôn thắm thiết theo kiểu Haoai (trong bụng thầm ngạc nhiên làm sao chị lại giữ giữ thân thể trẻ lâu như vậy). Các bà già thường mời chị uống trà và trò chuyện nhắc lại quá khứ trong những góc sân, những ngôi nhà trong ngõ hẻm, nơi khách du lịch không ai nhìn thấy bao giờ. Ngay sau hôm chị về đây, chưa được một tuần lễ, bà hoàng già lụ khụ Liliucalani

đã sai người tìm chị để mời đến chơi nhà và đã quở mắng đầy tớ về tội, chưa tiếp đãi chị cho thật chu đáo. Còn những cụ già móm mém, ngồi trên những chiếc chiếu mát rượi và thơm phức, thường kể chị nghe về ông nội của chị, thuyền trưởng Uynton. Bản thân họ chưa hề được gặp cụ nhưng lại thích gợi lại những kỷ niệm về cuộc đời phóng đãng, về những hành vi điên rồ của cụ, mà họ biết được do cha mẹ họ kể lại. Ông nội chị - thuyền trưởng Uynton - chính là Đêvít Uynton, cũng còn được gọi là "Người bách nghệ" - biệt danh do dân Haoai yêu mến đặt cho cụ thời bấy giờ. Cụ lúc đầu là người buôn bán ở vùng Tây - Bắc hoang dã, về sau trở thành kẻ giang hồ, năm 1820, đứng trên bờ biển Cailoa đã chào đón những nhà truyền giáo đầu tiên đến hòn đảo này trên chiếc thuyền buồm lớn "Ta đêus", và sau đấy vài năm chính cụ đã quyến rũ được con gái của một trong những nhà truyền giáo kia, cưới cô làm vợ, trở nên người chín chắn rồi phục vụ một cách chăm chỉ và trung thành các vị vua Camêhamêha trong một thời gian dài với chức vụ Thượng thư Bộ tài chính và Giám đốc Nha thuế vụ, đồng thời đóng vai môi giới và hòa giải giữa một bên là những nhà truyền giáo, một bên là đám người phức tạp và luôn thay đổi, gồm những dân du thủ du thực, lái buôn và những tù trưởng Haoai.

Li Bácton cũng không thể có gì phải phàn nàn về sự lạnh nhạt của mọi người ở đây đối với anh. Mỗi khi nhân một dịp nào đó, dân ở đây tổ chức những cuộc vui chơi ngoài biển, nhảy múa hoặc những bữa ăn uống, nhậu nhẹt theo kiểu dân tộc gọi là "luao", các bè bạn cũ đều không quên kéo anh vào dự vui với họ. Đã có thời họ là

những kẻ táo tợn, sống ngày nay không cần biết đến ngày mai. Bây giờ họ phát hiện ra rằng, thiên nhiên đã phú cho họ chức năng tiêu hóa và nhiều chức năng khác của cơ thể, thế là họ trở lại lành hiền, bớt càn quấy, tăng chơi quần ngựa và thường xuyên đến dự những cuộc đấu bóng. Những bè bạn cùng chơi bài Pôke với Li Bácton cũng đã trải qua một cuộc biến hóa tương tự. Bây giờ họ hạ thấp mức tiền đặt cọc xuống rất nhiều, uống toàn nước suối và nước cam, kết thúc canh bạc trước mười hai giờ đêm.

Giữa lúc sôi nổi nhất của các cuộc vui chơi, trên sân khấu bỗng xuất niện Xani Grendixon, người gốc rễ và đồng thời cũng là người hùng của quần đảo Haoai. Mới bốn mươi mốt tuổi anh đã có thể từ chối lời đề nghị anh làm chức thống đốc xứ sở này. Trước đây một phần tư thế kỷ, anh đã từng quẳng cô bé Ida vào con sóng ở bờ biển Vaikiki. Còn trước đó thì trong ' 'ıi nghỉ vụ hè ở trang trại chăn nuôi to lớn của cha anh trên đảo Lacanai, anh đã long trọng thu nạp cô bé Ida cùng vài cậu bé nữa từ năm đến bảy tuổi vào "băng" của mình mang tên là "Băng thợ săn đầu" hay còn gọi là "Bão tố Lacanai". Còn trước đó nữa thì ông của anh và ông của Ida đã cùng cộng tác với nhau trong những hoạt động chính trị và kinh doanh.

Sau khi tốt nghiệp trường Đại học Haoado, anh đã vừa chu du rất nhiều nơi, vừa nghiên cứu khoa học. Và đến mỗi nơi anh lại kết thân với những bạn bè mới. Anh đã phục vụ ở Philipin, đã tham gia một loạt đoàn khảo sát khoa học ở quần đảo Malaixia, với tư cách nhà côn

trùng học ở quần đảo Malaixia, châu Phi và châu Mỹ Latinh. Năm bốn mươi mốt tuổi anh vẫn còn đứng trong biên chế của Học viện Xmítxơn. Và bè bạn quả quyết với anh rằng, anh hiểu biết về loài sâu đục thân mía còn hơn những chuyên gia côn trùng học ở Trạm thực nghiệm do anh cùng những chủ đồn điền mía khác sáng lập nên. Ở quê hương, anh là nhân vật có tiếng tăm và cũng là người đại diện nổi tiếng nhất của dân Haoai ở nước ngoài. Những người Haoai đã du lịch ra nước ngoài đều đồng thanh công nhận rằng, bất cứ đến nơi nào trên trái đất, cứ hễ biết họ là dân Haoai, lập tức người ta hỏi ngay: "Vậy ông (hay bà) có biết Xani Grendixơn không?"

Tóm lại, anh là con nhà giàu, lại là người đã đạt nhiều thành công lớn trong cuộc đời. Anh đã biến số tiền một triệu đô la thừa hưởng của cha thành mười triệu. Trong khi đó anh vẫn không giảm bớt những món tiền góp vào các hội từ thiện mà thuở sinh thời cụ vẫn thường góp, thậm chí còn tăng thêm.

Nhưng đấy chưa phải toàn bộ những gì có thể kể về con người này. Cách đây mười năm, vợ anh đã qua đời. Hai người không có con. Và không một người đàn ông nào trên khắp quần đảo Haoai lại được nhiều phụ nữ mơ ước được kết duyên như anh. Dáng người cao thon, bụng nhỏ như bụng lực sĩ, anh bao giờ cũng ăn mặc chỉnh tề, lịch sự. Tóc đen, nét mặt cương nghị, chỗ thái dương có ít sợi bạc, da mặt trẻ trung, nhẵn bóng, mắt sáng và linh hoạt, anh nổi bật lên ở bất cứ nơi đông người nào. Tưởng chừng như toàn bộ thời giờ của anh đều bị cuốn vào những cuộc vui chơi phù phiếm, những cuộc họp của các

ủy ban, các ban quản trị và các hội nghị chính trị. Ngoài ra anh còn làm đội trưởng đội bóng pôlô đã nhiều lần đoạt giải. Và trên hòn đảo Lacana của mình, anh nuôi ngựa chuyên phục vụ cho môn thể thao pôlô. Và công việc kinh doanh này cũng thu lợi không kém gia đình Bônouyn trên đảo Maoi.

Khi trên sân khấu đã có mặt hai nhân vật mạnh mẽ và độc đáo - một đàn ông và một đàn bà - nay lại xuất hiện thêm nhân vật đàn ông thứ hai, cũng mạnh mẽ và độc đáo không kém, thì hầu như tất yếu sẽ phải tạo nên một bộ ba đầy bi kịch. Nếu dùng ngôn ngữ của những kẻ chuyên lê gót giày ở những nơi công cộng thì một bộ ba như thế có thể gọi là một bộ ba "siêu bi kịch" hoặc bộ ba "kinh thiên động địa". Người đầu tiên nhận ra được tình thế này tất nhiên phải là Xani Grendixơn, bởi vì toàn bộ câu chuyện bắt đầu từ ý định táo tợn của anh. Hơn nữa, chắc gì trí thông minh của anh, cho dù nhạy bén đến mấy đi nữa, có thể vượt được trực giác của một phụ nữ như Ida Bácton. Nhưng điều này thì rõ ràng: Li Bácton là người cuối cùng nhận ra. Và anh tìm cách biến mọi chuyện thành trò đùa cợt, trong khi chuyện ấy chẳng phải trò đùa chút nào.

Nhưng chẳng bao lâu anh nhận ra rằng, mình biết quá muộn, nghĩa là khi quá nửa số người mà anh đến thăm đã biết hết cả rồi, ôn lại thời gian qua, anh nhận thấy rằng, đã từ lâu, bất cứ nơi nào vợ chồng anh được mời đến thì nơi ấy Xani Grendixơn cũng được mời. Vợ chồng anh đi đến đâu cũng có mặt Xani ở đó và là người thứ ba! Đám người vui vẻ kia đi bất cứ đâu, đến Cahuca,

Halâyva, Ahuimana, hoặc thăm những khu vườn san hô ở Canêôhê, hoặc tắm ở mũi Côcô, cũng dẫn đến tình trạng Iđa ngồi trong ô tô của Xani hoặc cả hai cùng ngồi trong xe của một người nào khác. Hai người ấy, Iđa và Xani, gặp nhau trong các cuộc vũ hội, các bữa tiệc, các cuộc tham quan, trong các "luao", tóm lại ở khắp mọi nơi.

Nhận xét được ra rồi, Li Bácton không thể không nhận thấy thêm nữa rằng, khi có mặt Xani Grendixon, vợ anh tươi tỉnh hẳn lên. Chị vui lòng ngồi cùng xe ô tô với Xani, nhảy với anh ta hoặc sẵn lòng bỏ một điệu nhảy để trò chuyện với anh ta. Nhưng lộ liễu nhất là nét mặt của bản thân Xani. Bất chấp tuổi tác, bất chấp tính điềm đạm và kinh nghiệm cuộc sống, nét mặt anh ta luôn luôn bộc lộ tình cảm một cách lộ liễu không kém gì một cậu trai hai mươi tuổi. Tuổi đã trên bốn mươi, có nghị lực, từng trải, nhưng Xani Grendixon vẫn chưa tập được cách che giấu những xúc cảm đằng sau một chiếc mặt nạ lạnh lùng. Vì vậy, Li Bácton, vốn cùng tuổi, chẳng phải tốn công sức gì cũng nhìn thấy được rõ ràng ruột gan của Xani, như qua một tấm kính trong suốt. Và không phải chỉ một lần, trong khi Iđa chuyện phiếm với những người phụ nữ khác, và khi câu chuyện đụng đến Xani, Li Bácton đã nghe thấy vợ mình ca ngợi anh ta, hết lời ca tụng cách Xani chơi pôlô, ca tụng các hoạt động xã hội và mọi ưu điểm khác của anh ta.

Thế là tâm trạng của Xani không còn có gì khó hiểu đối với Li Bácton nữa. Và không phải chỉ với anh, mà đối với bất cứ ai. Nhưng còn Iđa, người vợ mà anh đã cùng chung sống hạnh phúc hoàn toàn suốt mười hai năm trời, không một chút gợn, chị thì thế nào?

Anh thừa biết rằng phụ nữ là loại người khó hiểu. Họ rất biết cách giữ kín tình cảm thật. Thái độ thân mật một cách công khai với Xani Grendixơn phải chăng chỉ là do tình bạn thuở nhỏ? Hay thái độ ấy chính lại là tấm bình phong để che giấu một mối tình say đắm? Để che giấu một tình cảm đáp lại, biết đến đâu còn mãnh liệt hơn cả tình cảm lồ lộ trên mặt Xani?

Li Bácton rất buồn. Mười hai năm sống chung thủy và hợp pháp với vợ, anh thấy rõ rằng Ida là người phụ nữ duy nhất mà anh cần đến, rằng trên trái đất này không có một người phụ nữ nào có thể thay thế được vị trí của Ida trong tim và óc anh. Anh không thể tưởng tượng được ra một người phụ nữ nào lại có thể làm anh sao lãng được Ida, chứ chưa nói đến chuyện có thể vượt được chị trong việc làm vừa lòng anh mọi lúc và mọi nơi.

Anh hoảng hốt thầm tự hỏi mình, phải chăng giống như những người khác của dòng họ Bênêdic, khi đang yêu, đây là "chuyện lãng mạn đầu tiên" của vợ anh chăng? Điều băn khoăn ấy dằn vặt anh không nguôi. Và điều làm cho những bè bạn cũng chơi bài pôke với anh, những con người có tuổi và chín chắn, phải ngạc nhiên, cũng như làm cho những bà, những cô theo dõi anh trong các bữa tiệc lấy làm mừng rỡ, là Bácton bắt đầu dùng cô-nhắc thay cho nước cam, lớn tiếng tán thành việc tăng số tiền đặt cửa, chiều chiều phóng xe ô tô như điên trên con đường ra mũi Kim cương và ra bờ vực Pali, và trong bữa ăn, anh dùng nhiều rượu cốc tên và Uytki Scốtlen hơn mức dùng cho một người bình thường.

Xưa nay Iđa vẫn thường bỏ qua, không hề trách cứ gì thói say mê cờ bạc của chồng. Qua bao năm chung sống với vợ, anh đã quen với thái độ dễ dãi ấy. Nhưng đến nay, khi mối hiềm nghi đã xuất hiện, anh có cảm giác như vợ anh chỉ mong cho anh đánh bạc thật nhiều. Hơn thế nữa, anh còn nhận xét thấy rằng, đã lâu Xani Grendixơn thôi không đến những nơi chơi bài pôke và britgiơ nữa. Người ta bảo anh ta rất bận. Nhưng trong khi Li Bácton chơi bài thì Xani dùng thời gian ấy làm gì? Không thể lúc nào anh ta cũng họp với các hội đồng, các ban quản trị như thế được. Li Bácton bèn thử đi điều tra. Chẳng vất vả gì anh cũng kết luận được rằng, trong những thời gian ấy, Xani đã tiêu khiển với Iđa. Khi thì nhảy ở vũ hội, khi thì dự tiệc, khi thì tắm biển dưới ánh trăng. Và cái hôm mà Xani, viện có có việc không thể trì hoãn được để không chơi bài britgiơ với Li Bácton, Lenho Giônxơ và Giếch Hônxtâynơ trong Câu lạc bộ "Thái bình dương" thì ra anh ta bận phải chơi bài, cũng là bài britgiơ, nhưng ở nhà bà Đôra Nailodơ cùng với ba người phụ nữ, trong số đó có Iđa.

Một lần, sau khi đi kiểm tra việc xây dựng một ụ để tàu trên cạn, Li Bácton từ Piơclơ Habo trở về. Anh gài số ba cốt phóng xe thật nhanh để về đến nhà còn kịp thay quần áo trước khi ngồi vào bàn ăn bữa trưa. Hôm ấy xe anh đã vượt xe của Xani, và anh nhìn thấy trong xe của Xani chỉ có một người nữa là Iđa. Cách đấy một tuần lễ, mà trong tuần ấy anh không hề ngồi vào chiếu bạc lần nào, sau khi dự bữa ăn độc thân ở Câu lạc bộ Đại học, mười một giờ khuya anh mới về đến nhà, thì liền sau đấy, vợ anh cũng về. Iđa vừa ăn bữa tối và nhảy

ở nhà ông bà Anxtơn xong. Người chở xe đưa chị về chính cũng lại là Xari Grendixơn. Họ nói rằng Xani đã phải đưa cả vợ chồng thiếu tá Phrenelin về Phoóc Sápto ở tận đầu kia thành phố, cách trung tâm Vaikiki rất xa.

Li Bácton cũng chỉ là một con người và anh rất đau khổ trong lòng, mặc dù trước mặt mọi người anh vẫn tỏ ra vô cùng thân ái với Xani. Ngay đến Iđa cũng không biết chồng mình đang đau khổ, và chị vẫn hồn nhiên, vui vẻ không nghi ngờ gì cả, có chăng chị chỉ hơi ngạc nhiên đôi chút thấy gần đây chồng uống quá nhiều rượu trước các bữa ăn mà thôi.

Tưởng mọi sự vẫn y như trước, anh vẫn thổ lộ hết mọi điều với vợ. Nhưng thực ra anh giấu chị điều đau khổ và không cho chị biết chút nào về cuốn "sổ kế toán" mà anh tiến hành ghi trong óc, đêm cũng như ngày, cố mau chóng đạt đến một kết luận rõ ràng. Trong "cuốn sổ" ấy, một cột ghi tất cả những biểu hiện thực sự chân thành tình yêu của chị đối với anh: những sự chăm sóc, những lời an ủi, những lần hỏi ý kiến, và những việc chị đã làm để chiều ý chồng. Một cột khác ghi nhiều hơn, đó là những câu nói và thái độ của chị mà anh cho là khả nghi. Những câu nói và thái độ ấy có thực lòng không? Hay có chứa đựng một chút giả dối, mặc dù giả dối không có dụng ý? Cột thứ ba, dài nhất và cũng quan trọng nhất theo quan điểm tâm hồn con người, ghi những điều có quan hệ trực tiếp hay gián tiếp đến vợ anh và Xani Grendixơn. Li Bácton làm cuộc ghi chép đều đặn vào "cuốn sổ" này không định nhằm một mưu đồ gì hết. Chỉ đơn giản là anh không thể không ghi. Nếu như có thể

thôi được cái công việc này, thì anh sẽ vui vẻ mà chấm dứt nó ngay. Khốn nỗi anh đã nhiễm thói quen mọi thứ đều phải rành rọt. Và mọi điều anh nhận xét thấy đều cứ như tự chúng xếp vào từng cột một, ngoài ý muốn của anh.

Bây giờ mọi thứ anh đều nhìn một cách méo mó. Mỗi con ruồi anh đều nhìn thành con voi, mặc dù anh biết rõ đấy chỉ là con ruồi. Cuối cùng anh đã tìm đến Mắc Luâynơ, người mà có lần anh đã giúp cho một việc khá lớn. Mắc Luâynơ là Giám đốc sở Cảnh sát điều tra. Li Bácton hỏi ông ta: "Xani Grendixon có phải người đào hoa không?" - Người giám đốc cảnh sát không trả lời gì hết. Li Bácton kết luận "Nghĩa là có chứ gì?". Nhưng ông ta cũng vẫn im lặng.

Sau đấy ít ngày. Li Bácton nhận được một tờ giấy mật có chữ ký của Mắc Luâynơ, và đọc xong anh vội hủy ngay như hủy một vật nhơ bẩn nguy hiểm. Kết luận tổng quát là: "Kể từ khi vợ anh qua đời đến nay, Xani Grendixon đã sống không buông tuồng nhưng cũng không phải hoàn toàn đứng đắn. Cuộc hôn nhân giữa anh và vợ đã một thời từng là đề tài cửa miệng của giới thượng lưu ở Hônôlulu, vì họ yêu nhau say đắm, không phải chỉ trước khi cưới mà cả khi đã chung sống với nhau rồi, cho đến tận khi chị vợ anh chết một cách bị thảm cách đây đã mười năm, cả người lẫn ngựa đều tuột khỏi con đường mòn Nanicu và rơi xuống vực thẳm. Và theo như lời Mắc Luâynơ, trong một thời gian dài sau đó, Xani không hề chú ý đến người phụ nữ nào. Còn về sau thì nếu anh ta có quan hệ với người phụ nữ nào thì cũng hoàn toàn đứng

đắn, không gây nên điều tiếng gì. Vì vậy mọi người cho đến nay vẫn tin rằng Xani Grendixơn là người chồng chung thủy và sẽ không bao giờ lấy ai nữa. Riêng vài cuộc tình thoáng qua mà Mắc Luâynơ kê ra trong mảnh giấy thì theo như ông ta nhận định, chính bản thân Xani cũng đinh ninh rằng chỉ những người trong cuộc biết mà thôi.

Li Bácton đọc lướt qua rất nhanh, tuồng như thẹn với chính bản thân mình, cái bản kê ngắn ngủi những tên phụ nữ và những ngày tháng. Và chính bản thân anh cũng phải ngạc nhiên trước khi đưa tờ giấy vào ngọn lửa. Đúng! Cái gì thì chưa biết, chứ thận trọng thì Xani có thừa. Nhìn mảnh giấy đã cháy thành than, Li bỗng chợt nghĩ rằng, không biết trong số những chuyện tình thuở trẻ của mình, những chuyện nào đã vào hồ sơ mật của ông già Mắc Luâynơ kia. Và đột nhiên anh cảm thấy mặt nóng bừng. Sao anh ngốc thế! Nếu như Mắc Luâynơ đã biết rõ đời tư của bất kỳ người nào trong tầng lớp của họ đến như vậy thì cũng có nghĩa rằng bản thân anh, người chồng, người che chở cho Ida đã cung cấp cho ông ta một cái cớ để nghi ngờ vợ mình rồi còn gì.

- Không có chuyện gì lạ chứ? - anh hỏi vợ vào đúng cái buổi tối hôm ấy, khi chị vừa mặc quần áo xong, còn anh thì đứng cạnh, cầm sẵn chiếc áo măng tô.

Câu hỏi hoàn toàn phù hợp với điều đã quy ước giữa hai vợ chồng, là không giấu giếm nhau điều gì hết. Và trong khi chờ đợi Ida trả lời, Li Bácton ân hận là đã không hỏi vợ câu ấy từ trước.

- Không, - chị mỉm cười. - Không có chuyện gì lạ hết... Cũng có thể là để rồi lúc nào...

Chị soi gương, thoa phấn vào mũi, rồi lại lấy cái búp phẩy bớt phấn đi. Sau đó chị nói tiếp:

- Anh thừa biết tính em như thế nào rồi. Em cần phải có thời gian để nhìn ra cho rõ. Và sau khi đã rõ rồi thì thế nào em cũng sẽ nói hết với anh. Chỉ có điều là nhiều khi chưa có điều gì đáng nói, cho nên cũng chưa muốn để anh phải nghĩ ngợi làm gì.

Chị giơ hai cánh tay ra phía sau, để anh khoác áo măng tô vào cho. Đôi cánh tay dũng cảm và thông minh, khi vật lộn với sóng biển thì cứng như thép, đồng thời lại vẫn là cánh tay phụ nữ: tròn trĩnh, ấm áp, trắng ngần, lớp da mịn màng phủ lên những bắp thịt tuyệt vời và ngoan ngoãn, sẵn sàng tuân theo sự điều khiển của chủ nhân.

Li Bácton ngắm vợ với lòng khâm phục. Anh vừa thoáng buồn lại vừa đau xót. Lúc này sao vợ anh mảnh mai, yếu đuối đến thế. Nhìn chị người ta có thể tưởng như bất cứ một người đàn ông khỏe mạnh nào cũng có thể chỉ dùng một tay cũng nhấc bổng chị được.

- Nhanh lên, còn đi chứ, anh? - chị kêu lên vì thấy chồng còn chần chừ, chưa khoác chiếc áo măng tô ra ngoài chiếc áo dài tuyệt đẹp và mỏng dính của chị. - Trễ mất đấy. Nếu ở Nuuanu trời mưa thì lại phải lên lầu và vợ chồng mình sẽ không kịp tham gia điệu nhảy thứ hai đâu.

Anh quyết định sẽ phải xem cho kỳ được điệu vũ thứ hai vợ mình sẽ nhảy với ai. Và anh đi theo chị ra cửa, ngắm dáng đi của vợ, cái dáng đi mà anh vẫn thường thầm nhận xét rằng bao giờ cũng bộc lộ toàn bộ bản chất, cả tinh thần lẫn thể xác của chị.

- Em không giận khi thấy anh chơi bài pôke nhiều quá và bỏ mặc em đi một mình đấy chứ? - Lại một câu thăm dò nữa.

- Đấy là quyền của anh! Với lại anh thừa biết rằng em tán thành để anh mê đánh bạc. Vì sự say mê ấy làm cho anh thoải mái hơn. Không những thế, mỗi khi anh đánh bài, anh trở nên rất đáng yêu. Mà hình như có lần nào anh chơi bài khuya quá, đến sau một giờ sáng thì phải.

Đến Nuuanu trời chưa mưa. Gió nhẹ và trời đầy sao. Họ đến kịp điệu nhảy thứ hai vì Li Bácton nhìn thấy vợ mình bước vào sàn nhảy cùng với Xani Grendixon. Chuyện này chẳng có gì đặc biệt, nhưng anh vẫn thầm ghi nó vào cuốn sổ kế toán nằm trong óc.

Một tiếng đồng hồ sau, bỗng nhiên anh thấy bồn chồn. Anh rời khỏi chiếu bạc Britgiơ, lánh qua mấy người phụ nữ trẻ, bước ra ngoài vườn, đi lững thững. Bên kia ao có một rặng hoa quỳnh. Hoa quỳnh chỉ sống được có một đêm: khuya mới nở, và gần sáng đã tàn. Những bông hoa to, đường kính đến một phút, màu vàng nhạt, tựa như được làm bằng sáp ong, lấp lánh như những ngọn hải đăng trong đêm tối, tỏa hương thơm ngào ngạt và chúng đang cố tận hưởng mau kẻo đã sắp phải tàn.

Nhưng trên con đường nhỏ dọc theo rặng hoa quỳnh, người đi dạo rất đông. Họ đi thành từng đôi, vào quãng thời gian giữa hai điệu nhảy, hoặc có khi bỏ một vài điệu nhảy để chuyện trò với nhau. Họ nói rất khẽ, mắt như đắm đuối ngắm nghía điều huyền diệu kia: cuộc sống tình ái của một loài hoa. Bản hợp xướng nam hát bài "Hanalây"

du dương vẳng từ trên sân nhà vọng xuống vườn, Li Bácton hơi nhớ lại một truyện ngắn hình như của Ghi đơ Môpaxăng nói về một thầy tu. Ông ta tin một cách thành kính, rằng mọi vật trên thế gian này đều do Chúa Trời tạo nên nhằm những mục đích mà chỉ có Ngài mới biết được. Nhưng đến khi phải dùng cái cách nhìn ấy để giải thích sự tồn tại của hiện tượng ban đêm, thì ông thầy tu kia cuối cùng đã hiểu được ra rằng, Chúa Trời sáng tạo ra ban đêm là để nhằm phục vụ cho tình yêu.

Thấy cả hoa lẫn người đều say đắm ban đêm, Li Bácton thấy đau xót. Anh quay bước, định trở vào nhà theo con đường ngoằn ngoèo dưới bóng những cây xiêm gai và dừa. Đến chỗ con đường ló ra khỏi bóng cây, anh nhìn thấy cách mình vài bước chân, trên một con đường nhỏ khác, một đôi trai gái đang hôn nhau trong bóng tối. Anh phát hiện ra họ, vì nghe thấy giọng thì thào tha thiết của người đàn ông. Nhưng cũng đúng lúc ấy, đôi trai gái nhìn thấy anh. Anh con trai ngừng bặt, không nói nữa. Và cả hai cố giữ bất động hoàn toàn.

Anh bước chân tiếp, trong lòng xót xa với ý nghĩ rằng, bóng tối dưới các lùm cây chính là giai đoạn sẽ phải xảy tới với những người hiện còn đứng ngoài chỗ trống, đang ca ngợi những đóa hoa quỳnh kia. Ôi, anh nhớ rất rõ cái thời mà chỉ cốt để được hưởng một phút yêu đương, anh sẵn sàng dối trá, sẵn sàng mưu mẹo, và chỉ mong được đứng dưới bóng lùm cây càng tối càng tốt. Người ta giống như những bông hoa. Trước khi quay trở về với cuộc sống quen thuộc nhưng giờ đây anh cảm thấy không chịu nổi nữa, anh dừng chân lại một lát ngoài vườn, lơ đãng ngắm nhìn khóm phù dung hoa kép đang rực đỏ

dưới luồng ánh sáng từ trên hiên nhà hắt xuống. Và bỗng nhiên tất cả những gì làm anh đau khổ, những gì anh vừa nhìn thấy và nghe thấy, những bông hoa quỳnh chi nở trong có một đêm, những lời thầm thì của những kẻ đang yêu và đôi trai gái hôn nhau vụng trộm như kẻ cắp, tất cả những thứ ấy hòa lẫn vào nhau tạo thành một câu chuyện ngụ ngôn về cuộc đời, được thể hiện trong những đóa phù dung mà anh đang ngắm nghía. Anh cảm thấy cuộc đời và khát vọng của con người cũng giống như những đóa hoa kia: khi nở ra lúc bình minh, chúng trắng như tuyết, gặp ánh nắng mặt trời, chúng chuyển màu hồng, đến tối, chúng đỏ rực và sau đó thì bắt đầu tàn, không sống nổi cho đến bình minh hôm sau!

Không biết còn những ý nghĩ so sánh nào nảy ra trong óc anh nữa, bởi vì từ phía sau lưng anh, nơi có những rặng xiêm gai và dừa nước, chợt vọng đến một giọng cười quen thuộc, tiếng cười tươi vui và hồn nhiên của Iđa. Sợ phải nhìn thấy vợ mình, anh không dám ngoái đầu lại, bước vội lên hiên nhà. Do luống cuống, chân anh díu lại làm anh suýt ngã. Và mặc dầu anh thừa biết nếu quay lại anh sẽ nhìn thấy gì, nhưng anh cũng vẫn quay đầu lại và nhìn thấy vợ anh và Xani vừa mới hôn vụng nhau trong bóng tối. Mắt anh hoa lên. Và anh phải vịn vào lan can mới đứng được vững, đôi mắt lờ đờ hướng về phía tốp nam trong dàn hợp xướng đang hát đoạn điệp khúc ngọt ngào "Hani Caua Nikiviki" trong cái đêm cũng ngọt ngào này.

Một lát sau, anh liếm môi, gắng lấy lại bình tĩnh và nói được một câu pha trò với nữ chủ nhân, bà Insokip.

Nhưng không thể để chậm trễ được - hai kẻ tội lỗi kia đã đang bước lên những bậc thang lên hiên nhà rồi.

- Tôi khát cháy cả cổ, cứ như vừa vượt qua sa mạc Gôbi ấy, - anh nói. - Phải uống ngay một cốc rượu, kẻo chết khát bây giờ.

Bà Insokip mim cười đưa tay trỏ về phía góc sân dành cho những người hút thuốc lá. Anh đến nơi thì cũng đúng lúc mọi người tản ra. Anh sôi nổi trò chuyện với mấy ông già về tình trạng sản xuất đường hiện nay.

Có mấy chiếc xe cùng đi về thành phố Vaikiki. Li Bácton phải nhận chở ông bà Bécxton và đôi vợ chồng Lexli. Anh cũng vừa nhìn thấy Ida ngồi vào xe của Xani, ngay bên cạnh anh ta. Chị về đến nhà trước. Khi anh bước vào đã thấy chị đang chải tóc chuẩn bị đi ngủ. Hai vợ chồng tạm biệt nhau để đi nghỉ như thường lệ. Anh cố làm ra vẻ tự nhiên, nhưng chợt nhớ rằng môi một kẻ khác đã chạm vào môi vợ mình, anh phải gắng hết sức mới không lộ vẻ gì khác thường. Gắng đến nỗi, anh tưởng chừng mình suýt ngất đi.

"Chẳng lẽ bản tính của phụ nữ đúng là vô đạo đức thật, như những triết gia yếm thế, bi quan chủ nghĩa Đức đã quả quyết?" - anh tự hỏi, không làm sao ngủ được, cũng không thể đọc nổi một cuốn sách nào. Trằn trọc khoảng một tiếng đồng hồ, anh đành dậy, tìm trong tủ thuốc một liều thuốc ngủ tác động mạnh. Sau đấy một tiếng vẫn không ngủ được, sợ không dám một mình suy nghĩ vẩn vơ, anh lại uống thêm một liều thuốc ngủ nữa. Anh còn uống thêm hai lần nữa, mỗi lần cách nhau một tiếng đồng hồ. Nhưng thuốc tác động quá chậm, nên đến

khi anh ngủ thiếp đi được, thì bên ngoài trời đã bắt đầu rạng sáng. Đến bảy giờ anh lại thức giấc. Miệng đắng ngắt, mắt vẫn cay xè nhưng anh không làm sao ngủ lại được nữa. Đến khi thấy rõ rằng có cố cũng vô ích, anh gọi người phục vụ đem điểm tâm vào, anh ăn ngay trên giường và đọc báo chí buổi sáng. Nhưng thuốc ngủ tiếp tục tác động và thỉnh thoảng anh lại ngủ thiếp đi vài giây, ngay trong lúc vẫn đang đọc báo. Anh cứ trong tình trạng nửa thức nửa ngủ như thế cả trong lúc tắm và mặc quần áo. Và anh sung sướng thấy rằng, mặc dù thuốc không làm anh ngủ được ban đêm, nhưng cũng tạo được cho anh một cảm giác lơ mơ dễ chịu vào buổi sáng.

Mãi đến khi Iđa trở dậy và bước vào phòng anh, trong chiếc áo choàng duyên dáng, miệng nở một nụ cười hóm hỉnh, và vẫn như mọi khi, tươi vui và thanh thản, anh mới cảm thấy chất thuốc phiện đã ngấm vào người. Bằng thái độ đơn giản và rõ ràng, chị nói để anh hiểu rằng, tuy hai vợ chồng đã thỏa thuận với nhau từ lâu là phải nói thật và nói hết ra với nhau nhưng hôm nay chị cũng chưa có điều gì để nói với anh. Do thuốc ngủ tác động, Li Bácton bắt đầu nói dối. Khi Iđa hỏi anh có ngủ ngon giấc không, anh đã trả lời:

- Rất không ngon. Đêm qua anh phải thức dậy hai lần vì bị chuột rút ở chân. Thậm chí lúc chuột rút, mãi vẫn không ngủ lại được. May về sau chuột không rút lần nào nữa. Nhưng chân vẫn nhức khiếp lên được.

- Năm ngoái anh cũng bị một lần đúng y như thế, - chị nhắc.

- Bệnh theo mùa ấy mà, - anh mỉm cười. - Không nguy hiểm đâu, nhưng rất bực mình, khi thức dậy cả một

cái chân tê buốt. Chắc từ giờ đến tối sẽ không xảy ra chuyện gì nữa đâu. Nhưng anh có cảm giác người đau như dần.

Nhưng ngày hôm ấy, tất nhiên là sau đó một lúc, hai vợ chồng Li Bácton và Iđa đã lao đầu xuống nước chỗ khu vực nước nông cạnh Câu lạc bộ Thuyền buồm, rồi nhanh chóng vòng qua đập chắn, bơi ra xa, đến tận những ngọn sóng Canaca. Biển lặng đến nỗi khi quay vào phía hướng bờ, sau hai tiếng đồng hồ bơi lội, rồi từ tốn lướt qua những đợt sóng, họ chỉ còn hai người trên mặt nước. Sóng yếu quá chẳng khiến ai thích thú bơi thuyền hay mảng, và mọi người đã lên bờ từ lâu.

Đột nhiên, Li Bácton xoay người, chuyển sang bơi ngửa.

- Anh làm sao thế? - Iđa gọi chồng. Chị vẫn đang bơi cách anh khoảng hai chục phút.

- Chân lại bị chuột rút! - anh khẽ trả lời, toàn thân co rúm lại một cách khủng khiếp.

Chất thuốc phiện tiếp tục hiệu nghiệm khiến anh trong trạng thái nửa thức nửa ngủ. Nhìn vợ sải tay đều đặn, nhịp nhàng tiến về phía mình, anh thán phục sự bình tĩnh của chị. Nhưng lập tức anh thoáng có ý nghĩ nghi ngờ, chị bình thản phải chăng vì không yêu anh, hoặc nói khác đi, không yêu anh bằng yêu Xani Grendixon.

- Anh bị chân nào? - chị hỏi, chuyển sang bơi đứng.

- Chân trái... Ôi! Bây giờ thì sang cả chân phải nữa.

Anh làm như thể đầu gối bị quặp lại. Anh cố nghển đầu để vươn lên khỏi mặt nước, rồi liền sau đó chìm

nghim xuống dưới một làn sóng không lớn gì. Vài giây sau anh lại nhô đầu lên, khạc nước trong miệng ra và lại bơi ngửa.

Anh như cố mỉm cười, nhưng nụ cười biến thành một sự nhăn nhó. Chân anh bị chuột rút thật, ít ra thì cũng là một chân và anh cảm thấy đau đớn thực sự.

- Bây giờ thì chân bên phải đau hơn, - anh nói, khi nhìn thấy vợ định xoa nắn cho mình. - Nhưng em đừng lại gần. Thứ này đối với anh là thường. Nếu khó chịu hơn, anh sẽ bám vào em.

Iđa lấy tay nắn những bắp thịt bị chuột rút ở chân chồng và bắt đầu xoa nắn cho anh.

- Em lui ra! Anh tha thiết đề nghị em lui xa ra, - anh rít lên qua kẽ răng. - Để anh nằm yên. Anh co duỗi các khớp xương một lúc là khỏi thôi. Anh biết cách chữa chuột rút mà.

Chị buông chồng ra nhưng vẫn bơi đứng bên cạnh, mắt chăm chú nhìn mặt anh, cố đoán xem cách chữa của chồng có kết quả gì không. Còn anh thì cố tình gập đầu gối lại và căng bắp thịt để tăng thêm tình trạng co thắt. Năm ngoái đã một lần anh bị chuột rút như thế này. Anh đã tập được cách chữa. Anh nằm trên giường, tay cầm sách, buông lỏng các bắp thịt. Và trong khi chữa, anh vẫn không ngừng đọc. Còn bây giờ anh làm ngược lại, thầm thích thú cảm thấy sự co rút tăng thêm và chuyển sang cả bụng chân bên phải. Anh hét lên, làm bộ như hoảng hốt, cố nhoài người lên khỏi mặt nước, rồi lại chìm nghim xuống bên dưới một con sóng vừa xô tới.

Anh lại nhô lên, sặc sụa rồi bơi ngửa, duỗi hai tay ra. Lập tức những ngón tay mảnh dẻ nhưng cứng như sắt của Iđa nắm chặt lấy bụng chân của chồng.

- Không sao đâu, - chị nói, tay vẫn tiếp tục xoa nắn. - Kiểu chuột rút như thế này, không bao giờ kéo dài lâu đâu.

- Chưa bao giờ anh bị chuột rút mạnh như thế này, - anh rên rỉ.

- Chỉ mong nó không lan rộng lên những bắp thịt khác! Anh không thể cử động gì được nữa.

Đột nhiên anh bám cả hai tay vào vai Iđa, như một kẻ chết đuối bám lấy chiếc mái chèo để tìm cách leo lên thuyền. Bị sức nặng của chồng kéo xuống, chị chìm nghỉm. Trong lúc anh ghìm không cho chị ngoi lên, chiếc mũ cao su trên đầu chị tuột ra, mấy chiếc cặp tóc rơi xuống. Và đến lúc chị gắng hết sức mới ngoi lên được trên mặt nước, miệng thở dốc ra, thì những sợi tóc lòa xòa bết vào, che kín cả mắt mũi. Anh đoán chắc rằng, do bị bất ngờ, chị đã uống khá nhiều nước mặn.

- Đã bảo em tránh ra kia mà, - anh nhắc chị và lại thõng hai tay xuống, làm ra vẻ tuyệt vọng.

Nhưng những ngón tay của Iđa đã lần được tới bụng chân bị co rút của chồng. Và anh không rõ chị đang trong trạng thái ngập ngừng hay hoảng hốt.

- Chuột rút lan cả lên phía trên nữa rồi, - anh thốt lên như thể không ghìm lại được.

Anh lên gân toàn bộ các bắp thịt bên chân phải, và tình trạng co rút thực sự tăng lên ở bụng chân, cả bắp

thịt ở đùi cũng ngoan ngoãn tuân theo và co cứng lại, như thể chúng cũng bị chuột rút.

Chất nha phiến trong thuốc ngủ vẫn chưa tan hết, khiến Li Bácton có thể cùng một lúc vừa tiến hành trò chơi độc ác, vừa thích thú nhận thấy ý chí mạnh mẽ hiện lên trên bộ mặt bơ phờ của vợ, và nỗi sợ hãi mà chị cố nén lại nhưng vẫn lộ ra trong cặp mắt. Và đằng sau tất cả những cái ấy, anh nhận thấy ở chị một tâm hồn vững chắc, không gì lay chuyển nổi và một lòng quyết đoán đầy cương nghị.

Rõ ràng chị không chịu khuất phục với các chiêu bài rẻ tiền "em sẽ cùng chết với anh". Và Li Bácton cảm phục vợ vô cùng khi anh nghe thấy chị nói:

- Không sao! Anh cứ thả mình chìm thêm nữa cho khỏi mệt. Chỉ cần giữ miệng ở bên trên mặt nước, đủ để thở là được. Em sẽ đỡ cái đầu cho anh. Chuột rút không thể kéo dài vô cùng tận được đâu. Nếu ở trên cạn, không ai chết vì bị chuột rút bao giờ. Nghĩa là dưới nước, nếu bơi giỏi cũng không thể chết được. Các bắp thịt co rút đến một độ nào đấy sẽ phải ngừng. Cả hai vợ chồng mình đều bơi rất giỏi và lại cùng bình tĩnh.

Anh nhăn mặt làm như thể bị đau đớn cao độ, rồi níu vợ, kéo chị chìm xuống dưới nước. Nhưng đến khi ngoi được lên, chị vẫn ở bên cạnh chồng như cũ, vẫn bơi đứng, tay vẫn đỡ lấy đầu anh và miệng vẫn quả quyết:

- Anh cứ bình tĩnh! Tiếp tục buông thả các cơ bắp. Đầu đã có em đỡ cho rồi. Chịu khó một lúc nữa thôi, Sắp hết ngay bây giờ. anh đừng cố quẫy cựa. Đừng căng thẳng thần kinh thì thân thể sẽ không bị co cứng. Anh

quên là chính anh đã từng dạy em cách buông thả mình trên mặt nước rồi à!

Một con sóng nữa, cao vòi vọi so với làn sóng yếu lúc nãy, đang sắp ập tới. Li Bácton túm lấy vai vợ và kéo chị chìm nghim xuống dưới nước vào đúng lúc bọt trắng trên đỉnh con sóng cuộn lên rồi đổ xuống.

- Xin lỗi em! - anh thều thào bằng một giọng đau đớn sau khi hít vội một hơi. - Buông anh ra, - anh nói hổn hển, dằn từng tiếng, giọng đau đớn. Tội gì để chết cả hai đứa. Anh không còn hy vọng gì nữa rồi. Chuột rút cả tay nữa thì anh sẽ không buông em ra được đâu. Van em, hãy để mặc anh. Hãy để một mình anh chết. Cuộc đời em còn đáng sống lắm.

Chị nhìn anh với cặp mắt đầy oán trách, và không còn chút nào vẻ sợ hãi nữa. Tuy không dùng lời, chị cũng vẫn diễn tả được đầy đủ ý nghĩa hiện lên trong khóe mắt: "Em sống làm gì nếu không phải để vì anh?"

Nghĩa là chị quý chồng hơn Xani! Li Bácton cảm thấy sung sướng nhưng bỗng anh chợt nhớ lại rằng, Xani đã ôm hôn chị dưới bóng cây Xiêm gai, và anh thấy hành hạ vợ như thế vẫn còn chưa đủ. Có thể chất nha phiến trong thuốc ngủ đã đẩy anh sâu thêm vào tội lỗi. Chất nhựa cây quái ác kia như thì thầm: "Mi đã khởi đầu cuộc thử thách này thì phải đẩy nó đến độ cao nhất!"

Anh co chân, ngụp xuống rồi ngoi lên mặt nước, làm ra vẻ như cố duỗi chân nhưng không nổi. Chị vẫn một mực bám sát bên chồng.

- Không - Anh không thể! - anh thét lên, giọng bi thảm. - Thế là hết! Không thoát nổi đâu! Em có cố đến

mấy cũng không cứu nổi anh đâu. Em tránh ra. Nhanh lên kẻo chết cả hai bây giờ.

Nhưng chị không tránh. Chị quay đầu anh cho nước biển khỏi trào vào miệng, rồi nói:

- Không sao đâu! Không sao đâu! Anh đừng lo. Chịu khó một lúc nữa là hết thôi.

Li Bácton thét lên, mặt co rúm lại, rồi túm lấy vợ, kéo tuột xuống dưới nước. Lần này suýt nữa thì anh dìm chị chết. Nghĩa là anh đã diễn lớp kịch này khéo đến quá mức. Vừa ngoi được lên mặt nước chị đã đỡ luôn lấy đầu chồng nâng lên, và trong khi đang còn thở hồng hộc, chị vẫn tiếp tục thì thào vào tai anh những lời động viên:

- Bình tĩnh! Anh hãy bình tĩnh... buông lỏng các cơ bắp... Thấy chưa? Anh đã đỡ đau rồi đấy... Chịu khó một chút nữa thôi. Không sao đâu... Sắp khỏi bây giờ... Anh đã cảm thấy hơi dễ chịu rồi chứ?

Còn anh vẫn tiếp tục nhận chìm và nhận chìm và nhận chìm vợ xuống nước, lần sau phũ phàng hơn lần trước, bắt chị uống mãi nước biển. Trong đáy lòng, anh tin chắc rằng làm như thế vẫn chưa đến nỗi nguy hiểm cho tính mạng của chị. Họ thoáng nhô lên trên mặt đại dương vàng nắng rồi lại chìm nghỉm xuống. Và bọt trắng của những ngọn sóng trào qua đầu họ.

Chị vẫn kiên trì phấn đấu, cố thoát ra khỏi những ngón tay bấu chặt của chồng. Nhưng mỗi khi anh buông chị ra, ngoi lên được mặt nước, chị vẫn không chịu bơi ra xa. Sức chị kiệt dần, óc chị mụ đi nhưng chị vẫn cố giúp đỡ chồng. Cuối cùng, đến khi thấy đã trừng phạt vợ

như thế là đủ, anh trở nên bình tĩnh hơn, thả hai tay ra và trải dài người trên mặt nước.

Anh thở phào vẻ khoan khái, rồi nói giọng đứt quãng, vừa nói vừa thở hổn hển:

- Khỏi rồi! May quá. Ôi, anh uống nhiều nước biển quá. Nhưng bây giờ chuột không rút nữa. Anh thấy dễ chịu như đang trên thiên đường vậy!

Chị định đáp lời, nhưng mệt quá, không gắng được.

- Anh dễ chịu rồi, - anh lặp lại. - Ta nghỉ ngơi một chút đã. Em cũng bơi ngửa cho đỡ mệt.

Họ nằm ngửa nửa giờ đồng hồ liền trên mặt sóng Canaca hiền lành. Đã đỡ mệt, Ida lên tiếng trước:

- Anh cảm thấy trong người thế nào, anh yêu qúy? - chị hỏi.

- Như thể một cái xe lu vừa lăn trên người anh vậy. Còn em?

- Em thấy em là người phụ nữ hạnh phúc nhất trên đời này. Em sung sướng đến nỗi có thể khóc òa lên được. Nhưng em không muốn khóc. Anh vừa làm em sợ quá. Có một lúc, em tưởng như sắp mất anh của em rồi.

Tim Li Bácton đập rộn ràng. Vợ anh không hề nói đến chuyện chính chị cũng có thể chết. Thì ra đấy chính là tình yêu chân chính, tình yêu đã được thử thách, tình yêu lớn lao, khi con người ta quên đi bản thân, chỉ nghĩ đến người mình yêu.

- Còn anh thì là người đáng tự hào nhất trên trần gian, - anh nói, - bởi vì anh có người vợ dũng cảm nhất trên đời.

- Dũng cảm ư? - chị phản đối. - Tại em yêu anh. Khi chưa có nguy cơ mất anh, em vẫn còn chưa biết em yêu anh đến mức nào. Bây giờ thì vợ chồng mình quay vào bờ đi. Em muốn được riêng một mình bên anh, để anh ôm em và em sẽ kể anh nghe, em yêu anh đến mức độ nào và sẽ mãi mãi yêu anh như thế.

Sau đấy nửa tiếng đồng hồ, họ bơi một mạch vào đến bờ rồi bước trên mặt cát rắn và ấm, tiến vào phòng thay quần áo, giữa đám người ăn không ngồi rồi đang trên bãi tắm.

- Hai anh chị làm cái trò gì ngoài ấy thế? - một trong số thuyền trưởng của Câu lạc bộ hỏi đôi vợ chồng trẻ. - Chỉ đùa thôi chứ gì?

- Vâng, chúng tôi đùa đấy, - Ida mỉm cười trả lời.

- Các ông thừa biết vợ chồng tôi thích đùa giỡn rồi còn gì, - chồng chị phụ họa thêm với vợ.

Tối hôm ấy, bỏ cuộc đi dự tiệc thường lệ, họ ngồi ôm nhau trong chiếc ghế bành đặt trên sân trời nhà họ.

- Anh Xani sẽ đi khỏi đây ngày mai, lúc mười hai giờ trưa. - Ida nói, như câu chuyện không liên quan gì với những điều trước đấy. - Anh ấy đi Malaixia, kiểm tra hoạt động của Công ty cao su và Công ty gỗ của anh ấy tại đó.

- Sao anh chưa nghe thấy ai nói gì về chuyện ấy nhỉ? - Li Bácton thốt lên rất khẽ, như thể ngạc nhiên.

- Em là người đầu tiên biết việc anh ấy đi khỏi đây, - Ida giải thích. - Anh ấy nói với em tối hôm qua.

- Lúc ở vũ hội?

Ida gật đầu.

- Anh ấy quyết định hơi đột ngột, có phải thế không?

- Đột ngột quá đi ấy chứ, - Ida nhích ra xa chồng rồi vươn vai trong chiếc ghế bành. - Em muốn kể anh nghe về anh Xani. Chưa bao giờ em giấu anh điều gì. Chỉ vì em chưa muốn kể anh nghe đấy thôi. Nhưng hôm nay, lúc vật lộn với những đợt sóng Canaca, em thoáng nghĩ, nếu như chúng mình chết, thì giữa hai vợ chồng vẫn còn một điều chưa nói ra được với nhau.

Chị dừng lại và anh linh cảm được điều gì vợ mình sắp nói ra. Anh không giục mà chỉ bóp chặt bàn tay của vợ.

- Anh ấy yêu em, - giọng chị run run. - Chắc hẳn anh cũng đã nhận xét thấy... Và tối hôm qua anh ấy đã rủ em đi Malaixia với anh ấy... Nhưng em không hề tiếc chút nào...

Li Bácton lặng lẽ chờ đợi.

- Em chỉ ân hận, - chị nói tiếp. - Là em đã không nghiêm khắc trước mặt anh ấy. Em đã thấy rất buồn và rất thương hại anh ấy. Vì thực ra, ngay bản thân em cũng hơi... nói cho đúng ra, không phải chỉ hơi mà em có mến anh ấy thật. Chính vì thế mà tối hôm qua em đã dễ dãi với anh ấy. Em không ngu đần gì. Em thừa biết chuyện gì có thể xảy ra. Em cũng vẫn là một phụ nữ ưa được chiều chuộng. Thấy một người đàn ông như Xani yêu mình tha thiết, em cũng cảm thấy thích thú. Em đã không ngăn chặn ngay tình cảm của anh ấy. Em đã có lỗi. Nếu như em vững vàng thì sự việc tối hôm qua đã không xảy ra.

Lỗi không phải ở anh ấy mà lỗi do em, trong việc anh ấy đã dám ngỏ lời rủ em đi khỏi đây với anh ấy. Nhưng em đã từ chối. Em chưa đến mức chiều anh ấy như thế được. Tại sao, thì anh thừa hiểu rồi. Em chẳng nhắc lại làm gì. Em đã dịu dàng với anh ấy. Rất dịu dàng nữa kia. Em đã để anh ấy ôm mà không đẩy anh ấy ra. Đấy là lần đầu tiên nhưng cũng vì là lần cuối cùng. Em đã để cho anh ấy hôn, và cũng đã tự cho phép mình nhận cái hôn ấy. Em biết rằng anh sẽ hiểu, vì đó là cái hôn vĩnh biệt. Thực ra em không yêu anh ấy. Trước kia cũng như bây giờ, em chỉ yêu anh, chỉ yêu có mỗi một mình anh.

Chị ngừng bặt. Và ngay lúc ấy, chị cảm thấy bàn tay chồng ôm lấy vai mình và khẽ kéo về phía anh.

- Đúng thế. Em đã làm cho anh nhiều lúc phải lo sợ, - anh thú nhận. - Có lần anh đã nghĩ rằng em sẽ bỏ anh. Và anh...- Anh không nói được nữa, rõ ràng anh đã xấu hổ. Sau đó, trấn tĩnh lại được, anh nói tiếp. - Em thừa biết rằng, anh chỉ biết có một mình em. Nhưng thế là đủ.

Ida móc túi chồng lấy ra bao diêm, rồi bật lửa châm điếu xì gà của anh đã tắt từ bao giờ.

- Đúng, - anh nói qua đám khói thuốc bao bọc lấy họ. - Do quá hiểu rõ em, anh chỉ có thể nói rằng, anh rất thương Xani, rất thương. Anh ấy đã mất mát nhiều. Nhưng anh lại mừng cho anh. Và... còn một điều này nữa... Sau đây năm năm anh sẽ kể em nghe một chuyện rất thú vị, rất nực cười, về bản thân anh và về những điều ngu ngốc nhất mà anh có thể làm được vì em. Năm năm nữa! Em chờ được chứ?

- Năm chục năm em cũng chờ được, - chị thở dài và nép chặt vào người chồng.

Golen Enlen, Caliphoócnia

17 tháng Tám năm 1916

VŨ ĐÌNH PHÒNG *dịch*

Giắc Lăndơn
(Mỹ)

XÔLÔMÔNG QUẦN ĐẢO KHỦNG KHIẾP

Khó ai dám gọi Xôlômông là chốn thiên đường, mặc dầu trên trái đất có nhiều nơi còn tồi tệ hơn nó. Nhưng người nào vốn không quen với cuộc sống ở những nơi cách xa nền văn minh, và mới đặt chân lên quần đảo, thì có thể tưởng Xôlômông là một địa ngục thực sự.

Qủa thật cho đến nay trên quần đảo này các bệnh sốt nhiệt đới, bệnh lỵ và đủ các thứ bệnh ngoài da khác vẫn ngang nhiên hoành hành; không khí trên đảo độc đến nỗi nó có thể thấm vào bất cứ vết xước hay vết xây xát nào và biến chúng thành những vết lở loét hôi thối, nên hiếm có người nào có thể sống sót khi rời khỏi đảo, thậm chí cả những người khỏe mạnh, cường tráng nhất khi từ đảo trở về cũng chỉ còn là những cái thân tàn ma dại. Còn đám thổ dân trên đảo thì cũng đúng là vẫn đang sống trong tình trạng khá man rợ; họ rất thích ăn thịt người, và lúc nào cũng thèm khát kiếm thật nhiều sọ người.

Tất cả những chuyện đó là có thực, tuy nhiên cũng có nhiều người da trắng sống lâu năm trên đảo Xôlômông

lại tỏ ý luyến tiếc khi phải rời đảo. Người da trắng có thể sống lâu trên quần đảo Xôlômông. Muốn thế anh ta chỉ cần phải thận trọng và gặp may, ngoài ra còn phải là một kẻ gan góc liều lĩnh. Cái chất gan góc liều lĩnh phải thể hiện cả trong ý nghĩ lẫn hành động. Anh ta phải biết hết sức thản nhiên đón nhận những điều rủi ro, phải có tính quyết đoán cực kỳ mạnh mẽ, phải có lòng tin mãnh liệt rằng bất cứ việc gì anh ta làm đều tuyệt đối đúng.

Becti Arocrait không thuộc số những người da trắng đó. So với họ, anh ta là một người quá ư nhạy cảm và bồng bột, với đầu óc tưởng tượng quá thừa, bất cứ chuyện gì anh ta cũng đều tiếp nhận một cách quá bệnh hoạn, và phản ứng quá ư gay gắt. Vì thế quần đảo Xôlômông là cái nơi hết sức không thích hợp với anh ta. Của đáng tội, anh ta cũng không có ý định ở lâu trên đảo. Ở trên đảo chừng năm tuần, chờ đến ngày có chuyến tàu thường lệ, theo anh ta là hoàn toàn đủ để thỏa mãn cái khát vọng muốn đến thăm một bộ lạc nguyên thủy bấy lâu vẫn quyến rũ trí tưởng tượng của anh ta. Ít ra đó cũng là cái dự định được anh tâm sự, mặc dù với cách diễn đạt không hoàn toàn như thế, với các bà, các cô cùng đi với anh trên chiếc tàu "Macembô", và các bà, các cô này đã nhìn anh ta như một vị anh hùng, vì bản thân họ, cũng như các phụ nữ đi du lịch khác, chỉ dám có ý định ghé thăm đảo Xôlômông bằng cách ngồi trên boong tàu chắc chắn mà ngắm nhìn hòn đảo.

Trên chuyến tàu đó có một hành khách không được phải đẹp chú ý tới. Đó là một người thấp bé với lớp da nhăn nheo và khuôn mặt đen xạm vì nắng gió. Tên của

ông ta - như ông ta ghi vào bản danh sách hành khách, - chưa nói cho ai biết được điều gì. Song cái biệt hiệu "thuyền trưởng Malu" của ông thì dân bản xứ trong khắp một vùng từ Hanôve đến Tân hêbrit không ai là không biết; thậm chí họ còn mang cái biệt hiệu ấy ra để dọa những đứa trẻ hư. Biết cách lợi dụng tất cả - từ lao động của lũ người man rợ đến các biện pháp tàn bạo nhất, từ bệnh sốt nhiệt đới và nạn đói, đến súng đạn và roi vọt của bọn cai thợ, ông ta đã gây dựng được một cơ nghiệp chừng năm triệu đôla, thể hiện ở những cái kho khổng lồ chứa đầy hải sâm và gỗ đàn hương, ngọc trai và đồi mồi, quả dừa và cùi dừa khô, ở rất nhiều trang trại, đồn điền và đại lý thương mại.

Chỉ riêng trong ngón tay út bị cụt của thuyền trưởng Malu, cái chất gan góc liều lĩnh cũng nhiều hơn cả trong con người Becti Arocrait, nhưng biết làm sao khi các bà, các cô đánh giá con người chủ yếu vẫn bằng vào cái vẻ ngoài của nó, mà vẻ ngoài của Becti thì bao giờ cũng chinh phục được cảm tình của phái đẹp.

Trong một lần trò chuyện với thuyền trưởng Malu ở phòng hút thuốc, Becti thổ lộ với ông ta cái ý định cương quyết của mình muốn tìm hiểu "cuộc sống bão táp và đầy nguy hiểm trên quần đảo Xôlômông", như cách nói của anh ta. Thuyền trưởng Malu thừa nhận rằng đó là một ý định hết sức táo bạo và xứng đáng với một người đàn ông. Nhưng mãi mấy hôm sau, khi Becti bỗng đem khoe với ông khẩu súng lục tự động cỡ 44 ly của mình, thì thuyền trưởng Malu mới thực sự để ý đến người khách này. Sau khi giảng giải cách lắp đạn, Becti lắp ổ đạn vào chuôi súng để làm mẫu.

- Ông xem đấy, rất đơn giản, - anh ta nói và kéo nòng súng lại. - Bây giờ đạn đã lắp và súng đã lên cò. Chỉ còn việc là bóp cò, mà có thể bóp liên tiếp tám lần, với tốc độ nhanh bao nhiêu cũng được. Còn đây là chốt an toàn. Trong tất cả các bộ phận, tôi thích nhất cái chốt này đấy. An toàn tuyệt đối! Khả năng xảy ra chuyện đáng tiếc hầu như bị loại trừ! - Anh ta tháo ổ đạn ra rồi nói tiếp. - Đấy, ông thấy không, loại súng này an toàn biết chừng nào!

Trong lúc Becti làm các thao tác, đôi mắt đã vàng của thuyền trưởng Malu cứ nhìn chăm chăm vào khẩu súng, nhất là cuối cùng, khi nòng chĩa thẳng vào bụng ông.

- Xin ngài làm ơn chĩa súng ra chỗ khác cho, - ông yêu cầu Becti.

- Nhưng súng có đạn đâu, - Becti nói. - Tôi đã tháo đạn rồi mà. Súng không có đạn thì không bắn được, chắc ông cũng biết.

- Vậy mà có khi cái gậy cũng bắn được đấy.

- Nhưng loại súng này thì không bắn được.

- Nhưng dù sao cũng xin ngài chĩa súng về hướng khác cho!

Thuyền trưởng Malu nói từ tốn, vừa đủ nghe, giọng nói của ông chưa có âm thanh của kim loại, nhưng mắt ông không lúc nào rời khỏi nòng súng, cho đến khi Becti chĩa nó sang phía khác.

- Ông có muốn đánh cuộc năm bảng là súng không có đạn không? - Becti sôi nổi nói to.

Người nói chuyện với anh ta lắc đầu từ chối.

- Thôi được, tôi sẽ chứng minh cho ông vậy.

Nói đoạn Becti gí sát nòng súng vào thái dương, chuẩn bị bóp cò.

- Khoan! - thuyền trưởng Malu bình tĩnh chìa tay bảo. - Ngài cho tôi xem lại nó một lần nữa đã!

Đoạn ông cầm lấy khẩu súng, chĩa ra phía biển và bóp cò. Một tiếng nổ đinh tai vang lên, tiếp theo có tiếng tạch nhẹ và một chiếc vỏ đạn còn bốc khói rơi xuống sàn tàu. Becti sững người, tròn mắt kinh sợ.

- Chắc là tôi đã kéo nòng súng về phía sau, - anh ta lắp bắp không thành tiếng. - Thật là ngu xuẩn...

Anh ta nhếch mép cười thảm hại, ngồi phịch xuống ghế, mặt cắt không còn hột máu, hai quầng mắt tối sầm lại, tay run đến nỗi không đưa nổi điếu thuốc lên môi. Trí tưởng tượng của anh ta khá phong phú: anh ta đã hình dung thấy mình nằm sóng soài trên boong tàu, đạn xuyên qua thái dương.

- Lạ th-ậ-ậ-t! - Anh ta ấp úng nói.

- Không sao, khẩu súng khá đấy! - Thuyền trưởng Malu nói và đưa lại cho anh ta khẩu súng.

Trên chiếc tàu "Macembô" còn có một viên công sứ trên đường từ Xitnây về. Được phép của ông ta, chiếc tàu ghé vào cảng Ughi để cho một nhà truyền giáo lên bờ. Lúc đó có một chiếc tàu buôn nhỏ hai buồm "Arola" do thuyền trưởng Hanxen chỉ huy đang đậu ở cảng này. Tàu "Arola", cũng như nhiều tài sản khác, là của thuyền trưởng Malu. Nhận lời mời của ông ta, Becti chuyển sang tàu của

ông chơi vài ngày và tham dự vào chuyến đi mộ nhân công dọc theo bờ sông Malaita. Bốn ngày sau người ta phải cho anh ta lên đồn điền Romingiơ (cũng của thuyền trưởng Malu). Becti lưu lại đây một tuần rồi đi Tulaji-nơi ở của viên công sứ-và ở lại nhà ông này. Ta còn phải nhắc thêm hai yêu cầu nữa của thuyền trưởng Malu với thuyền trưởng Hanxen và viên quản lý đồn điền Hariven, vì sau đó vị thuyền trưởng này sẽ biến khỏi câu chuyện của chúng ta khá lâu. Thực chất hai đề nghị này của thuyền trưởng Malu chỉ là một: nghĩa là cố gắng chỉ cho ngài Becti Arơcrait biết "cuộc sống bão táp và đầy nguy hiểm trên quần đảo Xôlômông". Nghe đâu thuyền trưởng Malu còn nói mập mờ rằng người nào mang lại cho ngài Arơcrait những cảm xúc mạnh nhất sẽ được thưởng một thùng rượu uytxki Xcôtlen.

- Trong bọn chúng tôi, Xvarơtxơ bao giờ cũng là một anh chàng ngốc thực thà. Một hôm anh ta dẫn bốn người chèo thuyền đi Tulaji để người ta xăm mình cho họ. Tất nhiên là một cách hoàn toàn chính thức. Sau đó anh ta cùng họ trở về bằng xuồng buồm. Biển hôm đó hơi động và xuồng của họ bị lật. Mấy người kia thoát chết, riêng có Xvarơtxơ bị chết đuối. Tất nhiên đó chỉ là một trường hợp rủi ro.

- Thế nào? Lý thú thật! - Becti lơ đãng nhận xét, vì lúc này tâm trí anh ta đang để cả vào tay da đen lực lưỡng đứng cạnh bánh lái.

Cảng Ughi đã lùi dần về phía sau. Chiếc "Arơla" nhẹ nhàng lướt trên mặt biển lấp lánh, hướng về phía bờ Malaita đầy rừng rậm. Trên lỗ mũi của tay da đen cầm

lái mà từ nãy vẫn làm Becti phải chú ý, có xuyên một cái đinh, cổ thì đeo một xâu khuy quần, tai thì lủng lẳng một con dao mở đồ hộp, một chiếc bàn chải đánh răng gãy, một cái tẩu thuốc bằng đất nung, một cái bánh xe răng cưa đồng hồ báo thức bằng đồng và mấy cái vỏ đạn súng trường, ngực thì lủng lẳng một nửa chiếc đĩa sứ. Trên boong tàu có khoảng bốn mươi tên da đen khác nằm ngổn ngang, tên nào cũng mang những đồ trang sức hệt như vậy. Trong số đó chừng mười lăm người là thủy thủ của tàu, còn đâu là bọn người làm thuê.

- Tất nhiên đó là trường hợp rủi ro, - Giacốpxơn, viên thuyền phó của tàu "Arơla", một con người gầy gò, mắt sẫm, trông giống một vị giáo sư hơn là thủy thủ, lại lên tiếng. - Giôni Bêdin cũng suýt gặp trường hợp rủi ro như thế. Ông ta cũng dẫn mấy người đi xăm mình về nhà, và bọn này đã lật úp thuyền của ông ta. Nhưng ông ta bơi giỏi không kém gì chúng, nên cuối cùng thoát chết nhờ chiếc câu liêm và khẩu súng lục, còn hai tên da đen thì bị chết đuối. Cũng là một trường hợp rủi ro.

- Chuyện đó ở đây thì như cơm bữa, - viên thuyền trưởng nói. - Ngài hãy nhìn tay thanh niên đứng ở bánh lái kia, ngài Arơcrait. Hắn là một tay ăn thịt người chính cống đấy. Cách đây nửa năm hắn cùng một toán thủy thủ dìm chết viên thuyền trưởng cũ của tàu "Arơla" đấy. Ngay trên tàu "Arơla" này, ở chỗ cái cột buồm kia kìa!

- Rồi chúng gây ra bên boong tàu những cảnh tượng khủng khiếp làm sao! - viên thuyền phó tiếp thêm.

- Xin lỗi, ngài định nói về... - Becti hỏi.

- Về cái vụ ấy đấy, - thuyền trưởng Hanxen ngắt lời anh ta. - cái vụ chúng dìm chết người ấy!

- Còn trên boong thì sao?

- Trên boong ấy à? Nói riêng với ngài thôi nhé, trên boong tụi nó đã dùng rìu...

- Chính cái đám thủy thủ hiện giờ ấy à?

Thuyền trưởng Hanxen gật đầu.

- Viên thuyền trưởng cũ quá sơ ý, - ông thuyền phó giải thích thêm. - Ông ta đứng quay lưng lại phía chúng, thế là... bị hại ngay.

- Chúng tôi phải cố giữ không để câu chuyện thành ầm ĩ. - Thuyền trưởng Hanxen than vãn. - Vì chính phủ bao giờ cũng đứng về phía bọn da đen. Chúng tôi không được phép bắn trước, mà phải đợi khi nào bọn da đen nổ súng, nếu không, chính phủ sẽ tuyên bố đó là vụ tự sát, và chuyển chúng tôi về Phitfi. Vì thế mà có rất nhiều trường hợp đáng tiếc xảy ra. Bị dìm chết mà không làm gì được.

Bữa ăn trưa đã được dọn. Becti cùng viên thuyền trưởng xuống dưới tàu, còn ông thuyền phó ở lại trên boong.

- Anh phải hết sức để mắt đến tên Auki này nhé, - thuyền trưởng Hanxen nói khi họ chia tay nhau. - Không hiểu sao tôi thấy cái mặt hắn dạo này đáng ghét quá.

- Được, - viên thuyền phó đáp.

Bữa ăn gần xong thì cũng là lúc thuyền trưởng kể đến đoạn giữa câu chuyện về cảnh đám nhân viên trên tàu "Thủ lĩnh Xcôtlen" bị tàn sát ra sao.

- Phải, - ông ta nói, - chiếc tàu buôn đó thật là tuyệt vời. Đó là một trong những chiếc tàu tốt nhất vùng

ven sông. Họ chưa kịp bẻ lái, mới chỉ vừa chạy đến chỗ neo buồm thì cả một đoàn thuyền độc mộc ùa tới tấn công. Trên thuyền có năm người da trắng và hai chục người trong đội thủy thủ từ Xamoa và Xanta Cruxơ, vậy mà chỉ có mình viên thuyền phó thứ hai là sống sót. Ngoài ra còn hơn năm chục người làm thuê cũng bị giết hết. Tất cả đều bị bọn man rợ Kai-kai. Kai-kai nghĩa là gì ấy à? Xin lỗi, tôi muốn nói là tất cả đều bị chúng ăn thịt hết. Tiếp đó lại còn vụ tàu "Giêmxơ Etuôtxơ" nữa một chiếc tàu phải nói là trang bị rất đầy đủ.

Tiếng quát tháo ầm ĩ của người thuyền phó bỗng cắt đứt câu chuyện của thuyền trưởng. Trên boong tàu có nhiều tiếng rú man rợ, sau đó nghe thấy ba phát súng nổ, rồi một vật gì nặng rơi tõm xuống nước. Thuyền trưởng Hanxen nhảy phắt một cái đến chỗ cầu thang dẫn lên boong, một tay rút ra khẩu súng lục. Becti cũng nhảy lên theo mặc dù không nhanh bằng, rồi thận trọng thò đầu qua lỗ cửa thang, nhưng không có chuyện gì cả. Viên thuyền phó đang đứng trên boong, súng cầm tay, người run như lên cơn sốt. Thốt nhiên ông ta nhảy sang một bên như linh cảm có mối nguy hiểm đe dọa sau lưng.

- Một tên thổ dân bị ngã xuống biển, - ông ta báo cáo, giọng oang oang một cách không bình thường. - Nó không biết bơi.

- Ai thế? - Thuyền trưởng cau mày hỏi.

- Auki!

- Xin lỗi, nhưng hình như tôi nghe có tiếng súng, - Becti hỏi xen vào, trong lòng cảm thấy một nỗi hoảng hốt

thú vị vì ý thức được sự nguy hiểm, và còn thú vị hơn nữa vì biết rằng mối nguy hiểm đó đã qua.

Viên thuyền phó quay ngoắt về phía Becti, quát lên:

- Nói láo! Không có ai bắn cả! Chỉ có tên da đen bị ngã xuống biển thôi.

Hanxen nhìn Becti bằng cặp mắt không chớp và cũng không nhìn gì cả.

- Tôi thấy hình như... - Becti định lên tiếng.

- Có tiếng súng phải không? - Viên thuyền trưởng đăm chiêu nói. - Ông có nghe thấy tiếng súng không, ông Giacốpxơ?

- Không một tiếng nào hết! - Ông thuyền phó đáp.

Viên thuyền trưởng vẻ hài lòng quay sang bảo người khách:

- Rõ ràng đây lại là một trường hợp rủi ro. Thôi ta xuống dùng nốt bữa cơm, ngài Arơcrait.

Đêm hôm đó Becti ngủ trong căn phòng nhỏ giáp vách với căn phòng của đội chỉ huy và được gọi một cách trang trọng là phòng thuyền trưởng. Ở vách ngăn đằng mũi tàu có một cái giá để súng. Trên đầu giường có treo ba khẩu súng nữa. Dưới gầm là cái thùng gỗ to, trong đó Becti thấy có đạn, thuốc nổ, mấy cái hộp có dây cháy chậm. Becti đang định chuyển sang nằm trên đi văng kê bên vách đối diện, thì mắt anh ta bỗng dừng lại ở tờ tạp chí của tàu "Arola" đặt trên chiếc bàn con. Anh ta không ngờ rằng chính thuyền trưởng đã cố ý đặt tờ tạp chí ở đó cho anh đọc. Qua tờ tạp chí, Becti được biết ngày hai mươi mốt tháng chạp có hai thủy thủ bị ngã xuống biển.

Nhưng bây giờ Becti đã biết cách đọc theo khoảng cách giữa các dòng và hiểu được nội dung của chúng. Anh ta được biết thêm tin tức về chiếc xuồng buồm của tàu "Arola" bị phục kích tại khu bụi rậm trên sông Xuu và có 3 người bị giết; về việc viên thuyền trưởng tìm thấy trong chảo nấu ăn của người đầu bếp có thịt người mà đám thủy thủ đã mua khi lên bờ ở Phui; về việc trong một lần phát tín hiệu, một gói thuốc nổ bỗng nổ tung làm tất cả những người chèo thuyền bị chết. Ngoài ra anh ta còn đọc được tin tức về các cuộc tấn công ban đêm vào một chiếc thuyền buồm, chuyện nửa đêm chiếc thuyền đó phải vội vàng rời bến; về cuộc tấn công của bọn thợ rừng vào đội thuỷ thủ ở bụi cây đước, về trận giao chiến với đám người nguyên thủy trong các đầm, vịnh. Lác đác trên tờ tạp chí, Becti lại gặp những đoạn nói về những trường hợp chết vì bệnh lý. Anh ta kinh hãi khi được biết có hai người da trắng cũng đi chơi trên chiếc tàu "Arola" như anh ta, đã bị chết vì bệnh đó.

- Này, - hôm sau Becti hỏi thuyền trưởng Hanxen. - Hôm qua tôi có được xem tờ tạp chí của các ông.

Viên thuyền trưởng tỏ vẻ ân hận vì đã để tờ tạp chí lọt vào tay người ngoài.

- Nhưng cái bệnh lý ấy cũng chỉ là chuyện vặt như tất cả những chuyện rủi ro của các ông thôi. - Becti nói tiếp. Nhưng thực ra thì cái bệnh lý mà các ông nói đến đó là bệnh gì vậy?

Viên thuyền trưởng tỏ ý khâm phục đầu óc sắc sảo của vị khách, và đã định tìm cách phủ nhận, nhưng không hiểu thế nào, ông nghĩ lại.

- Ngài Arơcrait ạ, nguyên do là như thế này. Tất cả những cái đảo này chẳng cần nói thì cũng đã có quá nhiều tiếng đồn không hay rồi. Vì thế nên ngày càng khó tuyển mộ người da trắng đến làm việc ở đây. Chẳng hạn nếu có một người da trắng bị giết, thì Công ty phải tốn không biết bao nhiêu tiền mới thuyết phục được người khác đến đây. Nhưng nếu người đó chết vì bệnh thì không sao. Những người xung quanh đến đây không sợ bệnh tật, họ chỉ không thích bị giết. Khi mới lên làm trên chiếc "Arơla" này, tôi vẫn tin là viên thuyền trưởng cũ bị chết vì bệnh lỵ. Sau mới biết sự thật, nhưng lúc đó đã muộn rồi: giao kèo đã được ký!

- Thêm vào đó. - Giacômxơn chen vào. - Có quá nhiều trường hợp bất hạnh xảy ra. Những chuyện ấy có thể gây ra những xì xào bàn tán không cần thiết, mà lỗi chỉ tại chính phủ. Vì biết làm gì được khi người da trắng không có quyền tự vệ trước đám dân dã man ấy?

- Đúng thế, - thuyền trưởng Hanxen tán thành. - Chẳng hạn cứ xét trường hợp của tàu "Quận chúa" và của một người Mỹ làm thuyền phó trên tàu thì thấy. Ngoài ông ta, trên tàu còn có năm người da trắng, trong đó có cả một viên chức chính phủ. Viên thuyền trưởng, người viên chức chính phủ và người thuyền phó thứ hai đi vào bờ bằng hai chiếc xuồng. Họ bị giết sạch không còn một mống, trên tàu chỉ còn lại người thuyền phó, thủy thủ trưởng và mười lăm thủy thủ từ Xamoa và Tônga. Bất thình lình trên bờ xuất hiện một bọn thổ dân. Viên thuyền phó chưa kịp quay lại thì thủy thủ trưởng và cả đoàn thủy thủ đã bị giết sạch, thế là ông ta vớ lấy ba băng đạn và

hai khẩu súng trường, leo lên cột buồm và cứ ở trên đó bắn xuống. Ông ta gần như phát điên khi nghĩ đến chuyện tất cả bạn bè của ông đã bị giết. Ông ta cứ bắn liên tục cho đến khi khẩu súng nóng đỏ rồi vớ lấy khẩu kia. Khắp trong tàu bọn cướp đen như kiến, nhưng ông ta đã kết liễu đời của tất cả bọn chúng. Ông ta bắn vào thạng dây khi chúng định tháo chạy khỏi tàu, bắn thủng thuyền trước khi chúng kịp vớ lấy mái chèo. Thế là chúng xô nhau nhảy xuống nước định bơi vào bờ. Lúc đó ông hăng máu đến nỗi còn bắn chết thêm sáu tên nữa ở dưới nước. Nhưng rồi ông ta nhận được cái gì?

- Bảy năm khổ sai ở Phitji! - Viên thuyền phó tức giận vặng ra một câu.

- Phải, chính phủ tuyên bố rằng ông ta không có quyền bắn bọn mọi đó khi chúng ở dưới nước.

- Vì thế nên bây giờ họ chết vì bệnh lỵ, - Giacôpxơ kết luận.

- Hừ, lạ thật! - Becti nhận xét, lúc này anh ta đã thấy nóng ruột muốn kết thúc sớm cuộc hành trình.

Cũng trong ngày hôm đó Becti có nói chuyện với người thổ dân mà anh ta được giới thiệu là "một kẻ ăn thịt người chính cống". Tên người này là Xumadai. Hắn làm cho một đồn điền ở Covinxlendơ ba năm, đã đến cả Xitnây, cả Xamoa, cả Phitji. Làm thủy thủ trên một chiếc tàu đi mộ người, hắn đã có dịp đi hầu hết các quần đảo: Tân Briten và Tân Irơlen, Tân Ghinê và quần đảo Admiran. Tính hắn rất hay đùa và trong lúc nói chuyện với Bacti, hắn cũng bắt chước thuyền trưởng.

Ít lâu sau, một lần đang ngồi suy nghĩ trên thang tàu, Becti chợt nhận thấy người thổ dân ngồi cạnh anh ta mắc bệnh ngoài da khủng khiếp. Thế là anh ta đứng phắt dậy bỏ đi chỗ khác. Khi anh ta đi hỏi xem người thanh niên đó mắc bệnh gì, thì được biết là hắn mắc bệnh hủi.

Nghe thấy vậy, nhanh như chớp Becti nhảy bổ vào buồng lấy xà phòng sát trùng tắm rửa thật kỹ. Ngày hôm đó anh ta còn phải tắm thêm mấy lần nữa, vì được biết tất cả đám thổ dân trên tàu đều mắc một thứ bệnh ngoài da rất dễ lây.

Khi chiếc tàu "Arola" thả neo ở giữa vùng đầm đước, người ta phải chăng hai lần thép gai phía trên thành tàu, khiến cho con tàu nhìn có vẻ đáng sợ, và khi ở gần con tàu bỗng xuất hiện rất nhiều thuyền độc mộc, bọn thổ dân ngồi trên kẻ nào cũng vũ trang giáo mác tên nỏ, thì Becti lại càng sốt ruột mong cho chuyến đi sớm kết thúc.

Đêm hôm đó đám thổ dân trên tàu đềnh dàng không muốn rời tàu, mặc dù đã có lệnh không cho phép chúng ở lại trên tàu sau lúc hoàng hôn. Thậm chí bọn chúng còn ăn nói hỗn xược khi viên thuyền phó ra lệnh cho chúng phải rời tàu ngay.

- Không sao, bây giờ tôi sẽ làm cho chúng phải đổi giọng. - viên thuyền trưởng vừa nói vừa chui vào cửa.

Lúc bấy giờ, ông bí mật giơ cho Becti xem chiếc gậy có gắn lưỡi câu. Một cái vỏ chai thuốc tây, thông thường được gói vào trong giấy, ngoài để thòi một mẩu dây cháy chậm trông không khác gì thuốc nổ. Cả Becti lẫn đám thổ dân đều bị lừa. Thuyền trưởng Hanxen chỉ cần đốt mẩu dây cháy chậm rồi cho lưỡi câu móc vào cái

khố của tên da đen vừa đi tới, là lập tức tên này muốn nhảy lên bờ ngay lập tức. Thế là quên hết tất cả, thậm chí không nghĩ đến chuyện cởi khố ra, tên da đen khốn khổ chạy bổ đến thành tàu. Cái mẩu dây xì khói cứ lủng lẳng bám theo hắn, khiến các tên thổ dân khác trông thấy cũng thi nhau cắm đầu nhảy qua hàng rào dây thép mà lao xuống biển. Becti rất đỗi kinh hoàng. Thuyền trưởng Hanxen cũng vậy. Vì còn gì khủng khiếp bằng! Hai mươi lăm người thổ dân làm thuê - mà mỗi tên ông phải trả mất ba mươi bảng cũng nhảy hết xuống biển cùng đám thổ dân. Cả tên da đen với cái gói thuốc đang xì khói cũng theo gương họ.

Cái gói thuốc nổ đó về sau ra sao Becti không được thấy, nhưng vì đúng lúc đó viên thuyền phó cho nổ một gói mìn thật ở đầu mũi tàu, tất nhiên là gói mìn đó không làm ai việc gì, nên Becti sẵn sàng thành tâm thề trước tòa rằng anh ta đã tận mắt nhìn thấy tên da đen bị tan thành từng mảnh ra sao.

Cuộc bỏ chạy của đám người làm thuê khiến cho thuyền trưởng tàu "Arola" lỗ mất bốn mươi bảng Anh, vì sau đó không có hy vọng gì tìm lại những người chạy trốn trong các bụi rậm để bắt họ quay lại tàu. Viên thuyền trưởng và thuyền phó dành phải giải sầu bằng cách uống trà nguội. Nhưng vì trà đựng trong các vỏ chai rượu uytxki, nên Becti không hề nghĩ là họ uống thứ nước vô hại như vậy. Anh ta chỉ thấy họ uống đến say khướt rồi bắt đầu tranh cãi ầm ĩ xem nên thông báo về việc tên da đen bị mìn làm tan xác như thế nào nên thông báo như là hắn chết đuối, hay chết vì bệnh lỵ. Sau đó cả hai thi nhau

ngáy. Còn Becti, khi nhận ra trên tàu không còn một người da trắng nào tinh táo ngoài anh ta, thì suốt đêm không dám chợp mắt, mà ngồi làm nhiệm vụ canh gác, bụng lúc nào cũng thấp thỏm chờ cuộc tấn công từ trên bờ hay sự nổi loạn của đám thủy thủ.

Tàu "Arola" đậu ở bên bờ vịnh Malaita ba ngày nữa, và Becti lại phải mất ba đêm canh gác trong trạng thái lo âu mệt mỏi, trong khi đó cả thuyền trưởng lẫn thuyền phó cứ tối đến lại bắt đầu lôi nước chè nguội ra uống, rồi lăn ra ngủ một mạch đến sáng, ỷ dã có Becti thức canh: Becti tự nhủ, nếu còn sống, nhất định anh ta sẽ mách cho thuyền trưởng Malu biết về cái tội rượu chè say khướt của họ.

Cuối cùng tàu "Arola" thả neo ở cạnh đồn điền Romingio trên đảo Gvedancana. Becti thở phào bước lên bờ và bắt chặt tay viên quản lý Hariven. Ông này đã chuẩn bị sẵn sàng mọi thứ để đón khách.

- Chỉ xin ngài đừng bận tâm nếu thấy những nhân viên của tôi không được vui vẻ lắm. - Ông Hariven kéo Becti sang một bên nói nhỏ. - Số là đang có tin đồn rằng ở đây sắp sửa có cuộc nổi loạn, và cũng không thể không thừa nhận rằng lời đồn đại đó cũng có cơ sở của nó. Nhưng riêng tôi vẫn tin rằng tất cả những lời đồn đó chỉ là tầm bậy.

- Thế ở đồn điền của ông có nhiều thổ dân không? - Becti ngao ngán hỏi.

- Hiện có khoảng bốn trăm người. - Ông Hariven có vẻ sốt sắng thông báo, - nhưng chúng tôi có ba người, giờ lại thêm ngài, và tất nhiên, cả thuyền trưởng và thuyền

phó tàu "Arola" nữa - chúng ta lo gì mà không dẹp được bọn chúng.

Vừa lúc đó một người tên là Mac Teviso, làm nhiệm vụ coi kho, đi đến. Ông ta khẽ gật đầu chào Becti, rồi bối rối quay sang xin Hariven cho ông ta thôi việc ngay lập tức.

- Thưa ông Hariven, tôi có gia đình, con cái. Tôi không có quyền liều mạng! Tai họa đến nơi rồi, đến kẻ mù cũng thấy điều đó. Tụi da đen xem chừng sắp nổi loạn, và ở đây sẽ tái diễn mọi thảm họa Hôbônô!

- Thảm họa Hôbônô là thảm họa gì vậy? - Becti lo lắng hỏi, khi người coi kho sau một hồi thuyết phục, chịu ở thêm đến cuối tháng.

- Ý ông ta muốn nói cái đồn điền Hôbônô trên đảo Izaben, - ông quản lý giải thích, - Bọn da đen ở đó giết chết năm người da trắng trên bờ, cướp thuyền buồm, chặt đầu thuyền trưởng và thuyền phó rồi kéo cả đoàn chạy đến Malaita. Tôi vẫn luôn luôn bảo rằng mấy ông chỉ huy ở đó quá khinh suất. Chứ chúng ta không đời nào để chúng đánh úp như vậy!... Thôi, mời ngài lên gác hiên đi, ngài Arocrait. Ngài nhìn phong cảnh xung quanh có đẹp không!

Nhưng Becti còn tâm trạng nào nghĩ đến cảnh đẹp. Anh ta mải nghĩ xem làm thế nào để đến Tulaghi, sống trong dinh cơ của viên công sứ càng sớm càng tốt. Và trong khi anh ta đang mải mê suy nghĩ thì sau lưng bỗng vang lên tiếng súng, Hariven nhanh như chớp lôi anh ta vào phòng, suýt làm gãy tay anh ta.

- Chao ôi, thật là may cho ngài. Chỉ chệch một chút về bên trái là đi đời... - ông quản lý vừa nói vừa đưa tay sờ nắn Becti cho đến khi tin chắc anh ta không bị sây sát gì. - Xin lỗi, mọi tội vạ là do tôi cả, nhưng ai ngờ được giữa ban ngày ban mặt mà chúng dám...

Becti mặt tái mét.

- Chúng ám sát anh quản lý cũ đúng y như vậy, - Mac Teviso nhận xét với vẻ thương xót. - Thật đáng tiếc, một chàng trai rất tốt! Hôm đó óc anh ta văng ra khắp gác sân này. Ngài có nhìn thấy cái vết đen kia không, đấy, đấy, giữa bậc lên xuống với cửa ấy!

Becti ủ rũ đến nỗi ly rượu cốc tay mà ông Hariven pha rồi mang ra cho anh thật đúng lúc không gì bằng. Nhưng anh ta chưa kịp đưa cốc lên môi thì một người mặc quần cưỡi ngựa và đi ghệt bước vào.

- Lại có chuyện gì vậy? - Ông quản lý nhìn người mới vào hỏi. - Nước sông lại tràn sao?

- Sông suối gì, thưa ngài. Tụi da đen! Chúng từ trong bụi rậm cách đây chừng mươi bước chui ra và tấn công tôi, may mà chúng chỉ có súng trường chứ không có loại tốt hơn, với lại chúng bắn từ ngang đùi... Nhưng tôi muốn biết, chúng lấy đâu ra thứ súng ấy? A, xin lỗi ngài Arocrait. Rất sung sướng được gặp ngài.

- Đây là ngài Braun, trợ lý của tôi, - ông Hariven giới thiệu với Becti. - Thôi, bây giờ ta uống đã.

- Nhưng chúng lấy đâu ra thứ súng ấy? - Braun vẫn thắc mắc. - Tôi đã nói với ngài là không nên giữ súng trong nhà.

- Nhưng súng vẫn còn nguyên kia mà! - Ông Hariven bắt đầu cáu.

Ông Braun cười khẩy tỏ ý nghi ngờ.

- Ta vào nhà xem! - Viên quản lý đề nghị.

Becti cùng mấy người nữa cũng vào theo. Vào đến nơi, ông Hariven đắc thắng chỉ vào cái thùng lớn trong góc nhà mờ tối, bụi bặm.

- Tốt lắm, nhưng vậy thì bọn vô lại kia lấy vũ khí ở đâu? - Ông Braun nhắc đi nhắc lại không biết đến lần thứ mấy câu hỏi đó.

Nhưng ông Mac Teviso đã đến sờ tay vào chiếc hòm và trước sự kinh ngạc của mọi người, nhấc bổng nó lên một cách nhẹ nhàng. Ông quản lý chạy ngay lại, mở nắp hòm, hóa ra cái hòm rỗng. Mọi người ai nấy đưa mắt sợ hãi nhìn nhau, không ai nói với ai câu nào. Ông Hariven mệt mỏi cúi đầu. Mac Teviso chửi đổng một câu:

- Mẹ kiếp! Tôi đã nói là không nên tin bọn đày tớ mà.

- Tình hình đúng là nghiêm trọng, - ông Hariven thú nhận. - Nhưng không sao, chúng ta sẽ có cách. Cứ dọa chúng một trận là xong hết. Thưa các vị, đến giờ ăn trưa xin các vị mang súng theo, còn ngài Braun, xin ngài làm ơn chuẩn bị cho khoảng bốn, năm chục gói thuốc nổ. Cắt ngắn bớt dây cháy chậm đi. Chúng ta sẽ cho bọn khốn kiếp ấy biết tay! Bây giờ xin mời các vị ngồi vào bàn.

Bécti không sao chịu nổi món cơm gia vị nấu theo kiểu Ấn Độ, nên không chờ mọi người, anh ta ăn ngay

món trứng omlêt trông bề ngoài rất hấp dẫn. Lúc anh ta đã thanh toán xong phần mình, ông Hariven cũng với tay lấy món trứng. Nhưng vừa đưa miếng trứng vào miệng, ông quản lý phải nhổ ra ngay và văng một câu chửi.

- Lần thứ hai rồi đấy! - Mac Teviso lí nhí trong mồm.

Ông Hariven vẫn khạc nhổ.

- Lần thứ hai cái gì? - Becti hỏi, giọng run run.

- Thuốc độc, - ông này trả lời. - Thằng đầu bếp này nhất định phải bị treo cổ!

- Viên kế toán người đảo Macsơ cũng bị sang thế giới bên kia vì món đó đấy, - Braun lên tiếng. - Trước khi chết ông ta đau đớn khủng khiếp. Mọi người trên tàu "Gietxi" kể lại rằng từ xa ba dặm người ta cũng nghe thấy tiếng ông ta la hét.

- Tôi sẽ cùm cái thằng chó chết ấy lại! - Ông Hariven rít lên qua kẽ răng. - Cũng may mà chúng ta kịp thời phát hiện.

Becti ngồi mặt tái nhợt như tàu lá, không cử động, không thở. Anh ta muốn nói, nhưng chỉ phát ra những âm thanh yếu ớt trong cổ họng. Mọi người lo lắng nhìn anh ta.

- Chả lẽ ngài đã... Mac Teviso thất kinh kêu lên.

- Vâng, vâng, tôi đã ăn hết món trứng! Ăn nhiều lắm! Cả một đĩa! - Becti kêu lên đứt quãng, anh ta như người chết đuối vừa nhô lên được khỏi mặt nước và lấy lại được hơi thở.

Một không khí im lặng đáng sợ bao trùm căn phòng. Trong ánh mắt những người cùng ăn Becti như đọc được bản án tử hình của mình.

- Cũng có thể đó không phải là thuốc độc, - Hariven buồn thảm nhận xét.

- Lôi thằng cha đầu bếp ra hỏi xem, - Braun khuyên.

Người đầu bếp, một thổ dân trẻ, mũi xâu đinh và tai xuyên lỗ, vui vẻ bước vào.

- Này, Vivi! Cái này là cái gì vậy? - ông Hariven vừa gầm lên chỉ tay vào đĩa trứng, mắt dữ tợn.

Câu hỏi của ông tất nhiên làm Vivi khiếp sợ.

- Món này tốt lắm, ăn được, - hắn ấp úng, giọng có vẻ biết lỗi.

- Vậy thì mày ăn thử đi, - Mac Teviso yêu cầu. - Đó là cách tốt nhất để biết sự thật.

Ông Hariven xúc ngay một thìa trứng bước đến chỗ tay đầu bếp. Tên này sợ quá chạy ngay ra khỏi phòng.

- Thế là rõ, - ông Braun trịnh trọng tuyên bố. - Dù ông có cắt cổ hắn, hắn cũng không ăn đâu!

- Ông Braun, xin ông gông cổ nó lại ngay cho tôi! - Hariven ra lệnh, rồi nhìn Becti với vẻ an ủi. - Anh bạn cứ yên tâm, ngài công sứ sẽ xác minh vụ này, và nếu anh chết, tên vô lại kia cũng sẽ bị treo cổ ngay.

- Chắc gì chính phủ dám làm chuyện đó, - Mac Teviso tỏ ý hoài nghi.

- Nhưng mà... Thưa các ngài, các ngài chẳng nghĩ gì đến tôi cả! - Becti gào lên như khóc.

Ông Hariven dang hai tay đau khổ.

- Rất tiếc, người anh em ạ; đó là loại thuốc độc của dân bản xứ và hiện chưa có thứ gì trị được. Xin anh hãy can đảm, và nếu như...

Bỗng có hai tiếng súng trường vang lên cắt đứt lời ông. Braun bước vào, tháo đạn và ngồi xuống ghế.

- Tên đầu bếp chết rồi, - ông ta thông báo. - Vì lên cơn sốt đột ngột.

- Chúng tôi vừa nói là hiện chưa có thứ thuốc gì chống được thứ thuốc độc bản xứ.

- Trừ có rượu dzin, - Braun nhận xét.

Ông Hariven tự rủa mình là đầu óc tối tăm ngu ngốc rồi chạy đi lấy rượu dzin lại.

- Nhưng không được pha loãng đấy, - ông ta dặn trước và Becti uống một hơi hết luôn cả cốc rượu mạnh, nghẹn thở vì sặc, rồi ho sặc sụa, nước mắt giàn giụa.

Hariven sờ mạch anh ta và đo nhiệt độ; ông tìm mọi cách an ủi Becti, bảo rằng rất có thể món trứng không có thuốc độc. Braun và Mac Teviso cũng nói như vậy, nhưng Becti thấy trong giọng nói của họ có cái gì không thành thật. Anh ta không còn muốn ăn gì nữa, đưa tay xuống dưới bàn tự đo mạch, giấu không cho mọi người biết. Mạch anh ta rõ ràng đập mỗi lúc một nhanh. Có điều Becti không nghĩ ra đó là vì cốc rượu mạnh anh ta vừa uống. Mac Teviso xách súng đi ra ngoài hiên quan sát xung quanh nhà.

- Chúng đang tụ tập gần bếp, - ông trở vào báo cáo. - Tên nào cũng có súng trường Snaido cả. Tôi đề

nghị ta bí mật tiến đến đó từ phía khác và đánh áp chúng, tấn công là phương pháp phòng thủ tốt nhất, đúng không? Ông có đi với tôi không, ông Braun?

Hariven vẫn tiếp tục ăn như không có chuyện gì xảy ra, còn Becti thì hoảng sợ khi nhận thấy mạch của anh ta đập nhanh hơn đến năm đập nữa. Nhưng khi nghe thấy cuộc đọ súng bắt đầu thì anh ta cũng bất giác đứng phắt dậy, xen với tiếng đì đùng liên tục của các khẩu Snaiđơ là tiếng rền của các khẩu Vinchextơ của Braun và Mac Teviso. Rồi cộng thêm vào đó là những tiếng rú thét man rợ.

- Mấy ông bạn chúng ta đã làm chúng bỏ chạy rồi. - Hariven nói khi tiếng súng bắt đầu xa dần.

Braun và Mac Teviso đã trở lại bàn ăn, nhưng vừa về đến nơi Mac Teviso lại đi thám thính ngay. Lát sau ông ta chạy lại báo cáo:

- Bọn chúng đã mang mìn đến.

- Thế thì ta cũng dùng thuốc nổ, - Hariven đề nghị.

Nói đoạn họ nhét vào mỗi túi năm, sáu gói thuốc nổ, ngậm trên môi những điếu thuốc lá đang cháy, đi ra ngoài cửa. Thì bỗng... ầm! Sau đó mọi người trách Teviso không cẩn thận, và ông này thú nhận thuốc nổ có lẽ rơi nhiều quá. Một tiếng nổ long trời làm rung chuyển các bức tường, một góc nhà bay lên không rồi lại rơi xuống nền nhà. Bao nhiêu cốc chén bát đĩa trên bàn rơi hết xuống sàn, chiếc đồng hồ treo tường có bộ phận lên dây cót tám ngày bị dừng lại. Vừa hét to kêu gọi trả thù, và cả ba vị anh hùng lao vào trong bóng tối, thế là bắt đầu một cuộc giội bom.

Khi họ trở lại phòng ăn, Becti đã biến mất tăm. Té ra anh ta đã chui vào phòng bên, chặn kín cửa và đang nằm chết giấc trên sàn nhà, trong lúc xung quanh diễn ra trận giao chiến ác liệt, thì trong cơn ác mộng anh ta hình dung ra hàng trăm kiểu chết có thể xảy ra. Sáng hôm sau, người đau như dần, đầu nhức như búa bổ vì cốc rượu dzin, anh ta đi ra ngoài và kinh ngạc khi nhận thấy mặt trời vẫn rực rỡ như mọi khi và chúa rõ ràng vẫn đang trị vì thế giới, và những người chủ mến khách của Becti vẫn đang đi dạo trên đồn điền, thân thể vẫn lành lặn, nguyên vẹn.

Hariven cố mời anh ta ở chơi thêm ít lâu, nhưng Becti từ chối và lên tàu "Arola" đi Tulaghi. Ở đó, anh ta sống trong khu nhà của ông công sứ, không dám ló mặt ra khỏi nhà cho đến khi có chuyến tàu thủy đến đón. Trên tàu, anh ta lại gặp lại các bà, các cô đi du lịch, và họ lại nhìn anh ta như một vị anh hùng, mà không thèm để ý đến thuyền trưởng Malu. Như khi đến Xitnây, thuyền trưởng gửi lên bờ không phải một mà là hai thùng rượu uytxki Xcôtlen hảo hạng, vì ông không tài nào phân xử được, giữa hai người thuyền trưởng Hanxen và ông Hariven - ai là người giỏi hơn trong việc chỉ cho Becti Arocrait thấy "cuộc sống bão táp và đầy nguy hiểm trên quần đảo Xôlômông" là như thế nào.

THÁI HÀ *dịch*

Giắc LănĐơn
(Mỹ)

DƯỚI MÁI HIÊN BOONG TÀU

- Một người đàn ông, tôi muốn nói là một người đàn ông lịch sự, có thể gọi một phụ nữ là con lợn cái được không?

Người đàn ông nhỏ nhắn ném câu thách đố này ra trước mặt cả nhóm người, rồi anh ta ngả lưng vào chiếc ghế trên boong tàu và nhấp nước chanh với dáng điệu quan sát nửa tin nửa ngờ. Không ai trả lời. Mọi người đều quen biết người đàn ông nhỏ nhắn này, quen với những xúc động đột nhiên, những đức tính cao quý của anh.

- Tôi xin nhắc lại, chính ở ngay trước mặt tôi, anh ta đã gọi người phụ nữ đó là con lợn cái, các bạn không biết cô ta đâu. Anh ấy không nói là con lợn, nhưng muốn nhấn mạnh rằng người phụ nữ ấy là một con lợn cái. Tôi tin không có người đàn ông nào, nếu đó là một người đàn ông lịch sự, lại gọi bất kỳ người phụ nữ nào như vậy.

Bác sĩ Đoxơn vẫn tích cực hút chiếc tẩu đen từng hơi ngắn một. Me-thiu, cằm tì vào đầu gối, hai tay bắt chéo nhau, đang chăm chú xem con chim guni[1] bay lượn.

---

(1) Guni: một loài chim biển.

Xuýt vừa uống cạn cốc uytxki pha xôđa, đưa mắt tìm người hầu bàn.

- Tôi xin hỏi ông, ông Tơrilôơ này, một người đàn ông có thể gọi một phụ nữ là con lợn cái được không?

Tơrilôơ, tình cờ ngồi bên cạnh người đàn ông nhỏ nhắn, giật mình vì bị tấn công bất ngờ, tự hỏi không hiểu người đàn ông nhỏ nhắn dựa trên lý lẽ nào để tin rằng có thể gọi một phụ nữ là con lợn cái.

- Tôi muốn nói, - Tơrilôơ ngập ngừng đáp, - cái đó... ờ... còn phụ thuộc vào người... ờ... người phụ nữ.

Người đàn ông nhỏ nhắn ngạc nhiên, hỏi lại, giọng rung rung:

- Ông muốn nói...?

- Rằng tôi đã thấy nhiều phụ nữ tồi như lợn..., và còn tồi hơn.

Vẻ im lặng nặng nề kéo dài một lúc lâu. Người đàn ông nhỏ nhắn tựa như đau khổ bởi câu trả lời tàn ác, bất nhã. Vẻ buồn bã, đau đớn không nói ra lời hiện trên gương mặt anh ta.

- Ông đã nói tới một người đàn ông nói năng không được lịch sự và ông đã đánh giá anh ta rồi, - Tơrilôơ nói bằng một giọng lạnh lùng, đều đều. - Bây giờ, tôi sẽ kể cho các bạn nghe về một phụ nữ, xin các bạn tha lỗi, về một phụ nữ thượng lưu. Sau khi kể xong, tôi yêu cầu các bạn sẽ đánh giá cô ta. Tôi gọi cô ta là Cơrodơ, thật ra đó không phải là tên thực. Câu chuyện xảy ra cách đây mấy năm, trên con tàu của Công ty hàng hải Peninxulơ và Oriơntơn.

Cô Cơrơdơ rất duyên dáng. Không, dùng chữ ấy chưa đúng. Cô ta rất tuyệt mỹ. Đó là một thiếu nữ trẻ trung, một thiếu nữ quý phái. Bố Cơrơdơ là một công chức cao cấp, nếu tôi nói tên thì tất cả các bạn sẽ tức khắc nhận ra ngay. Khi ấy, Cơrơdơ cùng với mẹ và hai người hầu gái đang trên đường tới gặp ông bố tại một nơi nào đó ở phương đông.

Cơrơdơ, xin lỗi các bạn cho tôi nhắc lại một lần nữa, rất tuyệt mỹ. Đó là một chữ thích hợp. Còn muốn dùng những hình dung từ giản dị nhất để chỉ cô ta thì phải dùng ở cấp so sánh tuyệt đối. Không có tài năng nào mà Cơrơdơ không xuất sắc hơn tất cả các phụ nữ và hơn hầu hết các tay nam giới. Ca hát, các trò giải trí, có đáng kể gì? Phải nói như một số nhà tu từ học nói về Náp[1] thân mến: Cơrơdơ vượt ra ngoài mọi sự so sánh. Bơi lội! Cô ta có thể làm giàu và nổi danh như một người biểu diễn chuyên nghiệp. Cơrơdơ một trong những thiếu nữ hiếm có khi cởi bỏ hết xiêm áo, chỉ còn mặc bộ để bơi giản dị, thật là kiểu diễm. Còn về ăn mặc: Cơrơdơ đúng là một nghệ sĩ.

Còn về việc bơi lội của Cơrơdơ! Cô ta có một thân hình tuyệt mỹ - chắc các bạn hiểu lời tôi nói, không phải là theo kiểu ngồn ngộn bắp thịt của những tay nhào lộn chuyên môn, mà là vẻ tinh xảo của đường nét, vẻ mảnh mai của hình vóc. Kết hợp với các thân hình tuyệt mỹ đó là sức mạnh. Cơrơdơ có được cái sức mạnh như thế nào, đấy là một điều kỳ lạ. Các bạn sẽ thấy được vẻ

---

(1) Náp: Napôlêông Bônapác (Napoléon Bonaparte).

tuyệt diệu của cánh tay phụ nữ, đường nét dịu dàng của bàn tay tròn lẳn thuôn tới khuỷu tay nhỏ nhắn, rồi đến cơ bắp hơi phồng lên tuyệt đẹp, mạnh mẽ, thanh thanh, uốn nét tới cổ tay nhỏ nhắn, nhỏ nhắn tròn trĩnh và mạnh mẽ khó mà tưởng tượng được. Cánh tay của Cơrơdơ là thế đấy. Nhưng có nhìn cô ta bơi với những động tác nhanh, gọn thì tôi mới hiểu môn cơ thể học và môn thể thao là như thế đấy. Tuy nhiên, cô ta làm thế nào để bơi được như vậy vẫn là một điều bí mật đối với tôi.

Cơrơdơ có thể lặn dưới nước hai phút. Tôi đã bấm giờ cho cô ta. Trên con tàu đó, chỉ trừ Đênitxơn, còn không có người nào trong một lần lao xuống nước, lại có thể nhặt được nhiều đồng tiền như Cơrơdơ. Ở phía trước boong chính có một bể nước lớn bằng vải sơn chứa nước biển sâu sáu bộ[1]. Chúng tôi thường ném các đồng tiền vào đó. Cô Cơrơdơ từ trên cầu tàu - thật là một việc rất dũng cảm - nhào xuống bể nước sâu có gần hai thước để nhặt bốn mươi bảy đồng tiền nằm rải rác khắp đáy bể. Ngay cả Đênitxơn, một thanh niên trầm tĩnh người Anh, cũng chẳng bao giờ vượt được Côrơdơ trong việc này, mặc dù anh ta luôn luôn đặt cho mình mục đích là đuổi kịp Côrơdơ.

Côrơdơ thật là một nữ thần của biển cả. Cô ta còn là một nữ thần của đất liền nữa, một người cưỡi ngựa tuyệt giỏi... một... nữ thần của vũ trụ. Thấy Cơrơdơ ăn vận thanh nhã ở giữa đám bảy người đàn ông nhiệt tình, lúc thì cô ta hờ hững uể oải đối với họ, lúc thì tươi tỉnh,

---

(1) Đơn vị đo chiều dài Anh.

sắc sảo, người ta có thể nghĩ rằng đối với những chuyện khác trên đời này Cơrơdơ thật là vô tích sự. Những lúc như thế tôi buộc phải nhớ tới cái kỷ lục lao xuống đáy bể nước nhặt bốn mươi bảy đồng tiền. Phải, Cơrơdơ là thế đấy, một thiếu nữ mãi mãi kỳ diệu làm được mọi chuyện rất hoàn hảo.

Tất cả đàn ông ở gần Cơrơdơ đều say mê cô ta. Cũng như mọi người (thú nhận như thế cũng chẳng sao), tôi ngoan ngoãn bám theo Cơrơdơ. Những chàng trai trẻ trung cũng như những bác tóc bạc (mà lẽ ra phải hiểu biết hơn mới phải chứ), đúng thế, tất cả đều sán đến bò xung quanh vây Cơrơdơ, kêu ư ử vui mừng và vẫy đuôi khi cô ta huýt sáo gọi. Tất cả đều mắc vào vòng tội lỗi, từ anh chàng Átmo trẻ măng, một chàng trai trẻ hồng hào dễ thương mới mười chín tuổi, đang trên đường ra nước ngoài để làm thư ký ở Lãnh sự quán, cho tới ông thuyền trưởng già Benli, tóc đã hoa râm, đã mòn mỏi vì biển cả. Trong họ đều đa cảm như ông Thiện vậy. Một ông bạn đứng tuổi dễ thương, tên là Pơkin thì phải, đã quên mất bà vợ ở trên tàu cho đến khi Cơrơdơ bắt ông phải trở về đúng vị trí cũ.

Đàn ông là những cục sáp trong tay Cơrơdơ. Cô ta nung chảy họ, hoặc hơ nóng nhè nhẹ, hoặc đốt cháy theo ý muốn. Cô Cơrơdơ mảnh mai và lớn lao dường ấy, không có một người bồi nào ở dưới tàu nghe lệnh cô ta mà lại ngập ngừng trong việc hắt một đĩa xúp vào giữa mặt ông thuyền trưởng già. Tất cả các bạn hẳn đã thấy những người phụ nữ như vậy - toàn thể đàn ông khao khát say sưa cô ta. Cơrơdơ là kẻ chinh phục. Cô ta là

ngọn roi, là nọc độc, là ngọn lửa, là tia lửa điện. Phải, các bạn hãy tin lời tôi, sắc đẹp và vẻ quyến rũ của Cơrơdơ luôn luôn bừng cháy cái ý muốn xô đẩy nạn nhân vào vòng sợ hãi và đần độn một cách run rẩy, bối rối.

Còn một điều nữa cần phải nói, các bạn đừng quên rằng Cơrơdơ là một phụ nữ kiêu hãnh. Kiêu hãnh về dòng dõi, kiêu hãnh về sắc đẹp, kiêu hãnh về giới tính, kiêu hãnh về tài năng, - cô ta mang nặng tính kiêu hãnh, một sự kiêu hãnh lạ lùng và khủng khiếp.

Cơrơdơ điều khiển con tàu, điều khiển cuộc hành trình vượt biển, điều khiển mọi việc, điều khiển Đonitxơn. Anh ta đã vượt lên trên cả nhóm, ngay cả tay đần độn nhất trong bọn chúng tôi cũng phải thừa nhận thế. Cơrơdơ thích Đênitxơ, tình cảm này ngày một mạnh thêm, đúng như vậy. Tôi thấy rõ ràng Cơrơdơ nhìn Đênitxơn với ánh mắt dịu dàng hơn khi cô nhìn bất kỳ người đàn ông nào. Chúng tôi vẫn tôn thờ, vẫn bám xung quanh Cơrơdơ chờ cô huýt sáo gọi, tuy nhiên chúng tôi đều biết Đênitxơn đã vượt lên trên chúng tôi. Chúng tôi chẳng bao giờ biết câu chuyện sẽ ra sao, bởi vì khi tới Côlômbô bỗng xảy ra một chuyện khác.

Chắc các bạn biết ở Côlômbô có những chú bé thổ dân lao xuống nước để bắt những đồng tiền trong vịnh đầy cá mập. Tất nhiên chúng chỉ liều lĩnh khi có những con cá mập graonơ và phít loại nhỏ. Thật rất kỳ lạ về cái cách chúng hiểu biết cá mập và đánh hơi thấy được một con cá mập ăn thịt người xuất hiện, chẳng hạn loại cá mập hổ, hoặc loại cá mập nơxơ xám từ các biển châu Úc lạc tới. Khi có một con cá mập như thế xuất hiện,

khoảng thời gian rất lâu trước khi hành khách trên tàu biết được, tất cả bọn trẻ đã vội vàng xô đẩy nhau rời khỏi mặt nước.

Sau bữa ăn trưa, Corodo điều khiển buổi chầu thông thường trong triều đình của cô ta ở dưới mái hiên boong tàu. Ông thuyền trưởng già Benli cũng được huýt sáo gọi đến. Ông ta bằng lòng để Corodo cho phép những chú bé lên boong trên (từ trước Benli không bao giờ cho phép làm việc này... và sau này ông cũng không cho phép làm nữa). Các bạn đã biết Corodo là một nhà bơi lội, cô ta rất say mê bơi lội. Corodo thu tất cả những đồng tiền lẻ của chúng tôi ném xuống nước từng đồng một hoặc ném cả nắm, sắp xếp các điều khoản thi đấu, mắng mỏ đứa bắt trượt, thưởng thêm tiền cho những đứa thắng cuộc khéo léo; tóm lại, Corodo điều khiển toàn bộ cuộc biểu diễn.

Corodo đặc biệt thích thú với các kiểu nhảy của chúng. Chắc các bạn biết: từ trên cao, nhảy chân xuống nước thì rất khó giữ cho cơ thể thẳng đứng trong không gian. Trọng tâm của nam giới ở cao, nên bị lộn ngửa. Nhưng những chú bé này dùng một phương pháp mà Corodo tuyên bố là mới và cô ta muốn học tập. Chúng nhảy từ những thanh sắt để trèo xuống ở phía trên boong, lao xuống, đầu và vai uốn ra phía trước, hướng thẳng xuống mặt nước. Chỉ đến khoảnh khắc cuối cùng, chúng mới thình lình rướn thẳng người, lao xuống nước ở tư thế đứng thẳng.

Thật là một cảnh đẹp mắt. Bọn chúng nhảy không tuyệt lắm, tuy vậy có một chú bé biểu diễn rất xuất sắc.

Chắc có một người da trắng nào đã dạy nó, nó biết nhảy kiểu chim én rất chính xác, biểu diễn rất đẹp mắt mà tôi chưa từng thấy bao giờ. Chắc các bạn biết từ cao nhảy lao đầu xuống trước, thì phải lao vào nước theo một góc độ thích hợp. Nếu không đúng góc độ này, ít nhất lưng cũng bị vặn đi, cơ thể sẽ mang thương tật. Cũng đã có nhiều kẻ vụng về bị mất mạng vì nhảy như thế. Nhưng chú bé này có thể nhảy được theo kiểu đó. Từ độ cao bảy mươi bộ, nó vọt ra khỏi các loại dây chão và xích của con tàu, hai tay ôm lấy ngực, đầu ngửa ra phía sau, nó bay như một con chim, vọt lên cao và bật ra xa, tiếp tục bật ra xa rồi nhào xuống, thân thể nằm ngang giữa không trung đến mức tựa hồ nếu cơ thể chạm vào mặt nước ở tư thế như vậy thì tất sẽ bị chẻ làm đôi giống một con cá mòi. Song ngay trước khi chạm vào mặt nước, đầu nó lao xuống trước, hai bàn tay giơ ra, nắm vào cánh tay thành một vòng cung ở phía trước đầu, thân người duyên dáng cong xuống và lao gọn vào trong làn nước.

Chú bé đó đã biểu diễn như vậy, nó biểu diễn đi biểu diễn lại nhiều lần, tất cả bọn chúng tôi đều rất thích thú, đặc biệt là Corodo. Chú bé mới khoảng mười hai, mười ba tuổi, nhưng là đứa khéo léo nhất trong bọn trẻ. Cả bọn rất quý chú, coi chú là đứa đứng đầu. Tuy có mấy đứa nhiều tuổi hơn. Song chúng đều công nhận cái quyền thủ lĩnh của chú bé. Đó là một chú bé xinh đẹp, một vị thần bé nhỏ bằng đồng; nó có cặp mắt to, cách xa nhau, thông minh, dũng cảm, đầy sức sống, mãnh liệt, đẹp, say sưa. Chắc các bạn đã nhìn thấy những sinh vật kỳ diệu, mỹ lệ như vậy - các động vật, bất kỳ con gì, một con báo, một con ngựa - sinh vật đó sôi nổi, hăng hái, quá dồi dào

sức sống đến nỗi chẳng thể lặng lẽ, bắp thịt mịn màng, cử động nhẹ nhàng nhất cũng duyên dáng, mỗi hành động đều dữ dội, phóng túng, toàn bộ cơ thể toát ra sức sống mãnh liệt đầy sinh khí. Trong con người chú bé có mọi tính chất ấy. Cuộc sống trào ra từ con người này hầu như là một ánh rực rỡ chói lọi. Ánh rực rỡ ngời ngời khắp da thịt, bừng bừng trong cặp mắt. Tôi xin thề rằng, hầu như nghe thấy ánh rực rỡ này rì rào toát ra từ cơ thể chú. Ngắm nhìn chú tựa như có một luồng khí ôdôn xộc vào mũi - chú bé rất mực tươi trẻ, hết sức mạnh mẽ, vô cùng mãnh liệt.

Chú bé đúng là như vậy. Chính nó lên tiếng báo động giữa lúc trò giải trí này đang diễn ra. Bọn trẻ con va nhau để lên được boong tàu, chúng bơi rất nhanh, hỗn loạn, nhô lên, hụp xuống, nước bắn tung tóe, vội vã leo lên thành tàu, dùng đủ mọi cách rời khỏi mặt nước, cố giúp nhau để được an toàn, rồi cả bọn nối đuôi nhau ở lối đi trên boong tàu, mặt ngó xuống nước.

- Có chuyện gì thế? - Cơrodơ lên tiếng hỏi.

- Tôi đoán là có cá mập, - thuyền trưởng Benli đáp. Bọn trẻ may mắn đấy, cá mập đã không vó được một đứa nào.

- Chúng sợ cá mập à?

- Cô thì không ư? - Thuyền trưởng Benli hỏi vặn lại.

Cơrodơ nhún vai, ngó xuống biển và *bĩu môi*[1]

---

(1) Nguyên văn bằng tiếng Pháp: moue.

- Tôi chẳng đời nào liều mình lao vào chỗ có cá mập, - Cơrơdơ nói, lại nhún vai. - Chúng rất khủng khiếp! Thật khủng khiếp!

Bọn trẻ con leo lên boong trên, bám vào lan can, kính cẩn nhìn Cơrơdơ, người đã ném cho bọn chúng một số tiền thưởng hào phóng đến như thế. Cuộc biểu diễn đã kết thúc, thuyền trưởng Benli ra hiệu cho chúng tản đi, nhưng Cơrơdơ ngăn ông ta lại:

Cơrơdơ vẫy tay gọi chú bé nhảy kiểu chim én lại gần, ra hiệu cho nó nhảy lại. Chú bé lắc đầu, cả bọn trẻ con đều cười, coi như là một chuyện đùa vui vẻ.

- Cá mập, - chú bé giải thích, chỉ xuống biển.

- Không, - Cơrơdơ nói. - Không có cá mập.

Nhưng chú bé gật đầu quả quyết, những đứa đứng sau lưng nó cũng gật đầu quả quyết như vậy.

- Không, không, không. - Cơrơdơ hét lên, rồi quay sang phía chúng tôi. - Ai cho tôi mượn một đồng tiền bạc hai silinh rưỡi và một đồng tiền vàng một bảng.[1]

Ngay tức khắc, sáu người chúng tôi đều chìa ra những đồng tiền bạc, tiền vàng, Cơrơdơ cầm hai đồng tiền của anh chàng Átmo.

Cơrơdơ giơ đồng hai silinh rưỡi cốt để bọn trẻ con nhìn thấy. Song không có đứa nào hăng hái lao tới lan can chuẩn bị nhảy. Chúng đứng nhếch mép rụt rè, bối rối. Cơrơdơ chìa đồng tiền vào mặt từng đứa một, nhưng đến lượt đứa nào thì đứa ấy lắc đầu, đưa một bàn chân

---

(1) Một bảng bằng 20 silinh.

lên gãi gãi vào bắp chân bên kia và nhếch mép cười. Cơrơdơ bèn ném đồng hai silinh rưỡi ra ngoài mạn tàu. Với vẻ tiếc rẻ và khao khát, nhưng biết là không đạt được, chúng nhìn đồng tiền bay loang loáng, song chẳng có đứa nào lao theo.

Đênitxơ bảo Cơrơdơ, giọng trầm trầm:

- Đừng có ném đồng một bảng như thế.

Cơrơdơ không để ý, mà lại giơ đồng tiền vàng ra trước mặt chú bé nhảy theo kiểu chim én.

- Đừng làm thế, - thuyền trưởng Benli nói. - Tôi không muốn quẳng một con mèo ốm ra ngoài mạn tàu, rơi vào chỗ con cá mập.

Nhưng Cơrơdơ cười, vẫn khăng khăng làm theo ý mình, tiếp tục dử thằng bé.

- Đừng có dử nó, - Đênitxơn thốt lên. - Đối với nó đó là một gia tài đấy, nó có thể liều lao theo.

- Anh thì không à? - Cơrơdơ nhẹ nhàng hỏi, rồi nói dịu dàng hơn. - Nếu tôi ném đồng tiền này?

Đênitxơn lắc đầu.

Cơrơdơ nói:

- Giá của anh cao nhỉ. Vậy bao nhiêu đồng một bảng thì anh sẽ lao theo?

- Dù bao nhiêu tiền cũng không thể làm tôi nhảy qua mạn tàu.

Cơrơdơ ngẫm nghĩ một lát, trong lúc còn tranh cãi với Đênitxơn, cô ta quên mất chú bé.

- Vì tôi? - Cơrơdơ hỏi rất dịu dàng.

- Để cứu sống cô... phải. Không vì lý do nào khác.

Cơrơdơ quay lại phía chú bé. Một lần nữa, cô ta giơ đồng tiền vàng ra trước mặt nó, dùng giá trị to lớn của đồng tiền để dử nó. Rồi Cơrơdơ làm ra vẻ ném đồng tiền qua mạn tàu: bất giác, thằng bé rướn người định lao theo, nhưng những tiếng kêu thét trách móc của các bạn đã ngăn được nó lại. Tiếng kêu thét của chúng chứa cả sự giận dữ.

- Tôi biết việc này chỉ là một chuyện đùa, - Đênitxơn lên tiếng. - Cô có thể đùa cợt như thế nào mặc lòng, song hãy vì Thượng đế, chớ có ném đồng tiền.

Thật khó mà nói là do tính ương ngạnh lạ lùng của Cơrơdơ, hoặc do cô ta không tin chắc thằng bé đã bị thuyết phục. Tất cả chúng tôi đều cảm thấy bất ngờ. Từ dưới bóng mát của mái hiên boong tàu, đồng tiền vàng vọt ra, lóe sáng dưới ánh mặt trời chói chang, rơi xuống mặt biển theo một đường vòng cung lấp lánh. Trước khi có người kịp giữ chú bé lại, nó đã lao qua lan can, uốn người tuyệt đẹp bay theo đồng tiền. Chú bé và đồng tiền đồng thời cùng bay trong không gian. Một pha tuyệt đẹp. Đồng tiền vàng lao gọn vào mặt nước, cũng tại điểm ấy, gần như đồng thời, chú bé lao xuống làn nước, nước chỉ hơi bắn lên một chút.

Từ chỗ những đứa bé da đen mắt tinh đang chăm chú quan sát, một tiếng thét nổi lên. Chúng tôi đều xô ra lan can. Đừng có nói con cá mập cần phải lật ngửa người lại. Nó không làm như vậy. Nước biển trong suốt, từ trên cao chúng tôi nhìn rõ mồn một. Đó là một con

cá mập hung ác to lớn; chỉ bằng một động tác, nó gọn gàng cắt chú bé ra làm đôi.

Trong bọn chúng tôi có một tiếng rì rầm gì đấy, tôi không biết là do ai thốt ra, cũng có thể là tôi. Rồi im lặng. Người đầu tiên phá tan sự im lặng là Cơrơdơ, mặt cô ta nhợt nhạt như mặt người chết.

- Tôi... tôi không bao giờ nghĩ... - cô ta nói, cười nấc điên dại.

Toàn bộ những niềm kiêu hãnh trong con người Cơrơdơ làm cô ta tự chủ lại. Cô yếu ớt quay về phía Đênitxơ, rồi lần lượt nhìn hết người này đến người khác. Vẻ đau đớn khủng khiếp hiện trong cặp mắt, môi cô run run. Chúng tôi đều hung dữ... trời, hiện nay nhớ lại, tôi thấy rõ như vậy. Nhưng chúng tôi không có hành động gì cả.

- "Anh Đênitxơn, - Cơrơdơ nói, - anh Tôm[1], anh có thể đưa tôi xuống tầng dưới được không?"

Cái nhìn đăm đăm của Đênitxơn không hề đổi hướng, đó là cái nhìn lạnh lùng nhất mà tôi thấy in trên gương mặt một người đàn ông. Đênitxơn rút ở hộp thuốc lá ra một điếu thuốc, châm lửa. Thuyền trưởng Benli lẩm cẩm một lời tục tĩu và nhổ nước bọt ra ngoài mạn tàu. Tất cả chỉ có thế, chỉ có thế và sự im lặng.

Cơrơdơ quay người, bắt đầu bước xuống boong một cách vững vàng. Đi được hai mươi bộ, cô ta lảo đảo, đưa tay ra vịn vào bức vách cho khỏi ngã. Rồi cô ta tiếp tục bước rất chậm, dựa vào căn buồng để lần bước.

---

(1) Tôm: Tên gọi thân mật của Đênitxơn.

Torilôo ngừng kể. Anh quay đầu lại nhìn người đàn ông nhỏ nhắn với vẻ dò hỏi lạnh lùng. Cuối cùng, anh lên tiếng:

- Vậy ông có thể gọi cô ta bằng danh từ gì?

Người đàn ông nhỏ nhắn nuốt nước bọt nhiều lần:

- Tôi không biết gọi là gì. Tôi hoàn toàn không biết gọi là gì.

HOÀNG TÚY *dịch*

Jack Morrison
(Mỹ)

MA QUỶ TRONG LÒNG TÔI

ÔNG Stoddard cố thử nhớ lại cái ngày lần đầu tiên ông nảy ý nghĩ cần phải loại trừ thằng cha Jerôme. Cảm giác không thể chung sống với hắn ta rất có thể đã âm ỉ trong đáy lòng ông từ trước đó rất lâu, tuy ông chưa dám tự thú nhận với bản thân. Dù sao thì những con người lành mạnh về tinh thần đâu dễ trở thành kẻ giết người? Trên phim ảnh, vô tuyến truyền hình và những cuốn truyện vụ án mới có kẻ giết người, còn trong cuộc đời làm gì có, nhất là loại người như ông Stoddard, chủ nhà băng, nhà tài phiệt được xã hội trọng vọng, một con người nhân ái kiêm một công dân gương mẫu.

Lúc này ngồi trước bàn giấy, trong phòng làm việc riêng tại ngôi biệt thự nghỉ mát rộng rãi và sang trọng của ông, Stoddard trầm ngâm nhìn khẩu súng ngắn nằm trên mặt bàn ngay trước mắt.

Ông cầm lấy khẩu súng, tay run run đưa lên trán, che cặp mắt mệt mỏi. Ông tự hỏi, không hiểu sự đời quay quất thế nào mà đẩy ông vào tình trạng khốn khổ thế này? Các sự việc diễn ra đúng là tiệm tiến đồng thời cũng

hoàn toàn tất yếu, đúng thế, hoàn toàn tất yếu và vô cùng lô gich.

Ông nghĩ đến thằng cha Jerôme. Không còn nghi ngờ gì nữa, thằng cha này giống hệt ông thời trẻ, khi ông bằng tuổi hắn bây giờ. Cũng đầy tham vọng, cũng táo tợn như thế. Ông cũng đã từng giẫm đạp lên biết bao nhiêu người, thậm chí đã đẩy nhiều người đến chỗ chết cốt để vạch cho mình một con đường dẫn đến giàu sang và quyền lực. Quan sát Jerôme, ông Stoddard thấy kiểu suy nghĩ của hắn cũng chính là của ông ngày xưa: tàn bạo, không biết thương sót ai bao giờ hết. Tuy nhiên Jerôme còn vượt cả ông. Hắn là trường hợp đặc biệt. Lòng tham cũng như sự thâm hiểm của hắn khó tìm thấy ở ngay cả những kẻ thâm độc nhất mà ông đã gặp.

Ông Stoddard nhớ ra rồi. Ông ác cảm với hắn ngay từ buổi gặp gỡ đầu tiên, khi ông liếc mắt nhìn vào hắn. Hắn có thân hình và khuôn mặt quả là dễ mến, cử chỉ thái độ lịch thiệp nhã nhặn, nhưng cặp mắt không bao giờ nhìn thẳng và hai bàn tay thì mềm nhũn và ẩm ướt.

Ông Stoddard ngắm bàn tay ông đang run rẩy. Bàn tay ướt đẫm mồ hôi nhưng không phải bàn tay yếu đuối, nhất là lúc này. Ông đã học được cách tạo cho nắm tay ông có dáng quả cảm và cách nhìn thẳng. Và bây giờ đúng là cuộc đời giễu cợt ông: thằng cha Jerôme cũng tập được những thủ pháp ấy của ông, những thủ pháp tạo cho kẻ yếu có dáng vẻ của kẻ mạnh.

Nhìn vào bàn tay, ông bỗng thấy cảm giác ghê tởm. Ông vội gạt đi mọi suy nghĩ, đứng phắt dậy. Phải chăng ông muốn thoát khỏi những suy nghĩ cay đắng?

Ông bước đến gần cửa sổ, nhìn ra ngoài. Dinh cơ của ông trải rộng bát ngát dưới ánh trăng. Bây giờ tất cả những thứ đó đều đã là sở hữu của ông. Những đồ đạc bằng gỗ kia, chiếc đi văng, những ghế bành bọc da êm ái, bàn giấy đồ sộ bằng gỗ gụ, tấm thảm quý, bức họa đắt tiền treo trên tường... Tất cả đều là sở hữu của ông.

Lạ một điều vụ án mạng ông sắp gây ra đã làm trí óc ông hỗn độn. Tất cả những tài sản quý giá kia lúc này lại làm ông giận dữ. Hình như chúng đều có mắt và đang chằm chằm nhìn ông.

Ông cố gạt những ý nghĩ ấy đi để tập trung suy nghĩ vào thằng cha Jerôme. Ngay từ khi mới biết hắn, ông đã nhìn thấu ruột gan hắn: hắn muốn đào mỏ, hắn nhằm vào khoản gia tài con gái ông, cô Margaret sẽ được thừa kế. Ông biết thế nhưng không sao khuyên giải được con. Thậm chí ông đã phải bỏ khá nhiều tiền thuê mấy hãng thám tử tư điều tra về lai lịch của hắn. Nhưng tất cả những chứng cứ về cuộc hôn nhân trước đó của hắn cũng như về chuyện hắn đã ngồi tù đều không sao lay chuyển được Margaret.

Tội nghiệp con gái ông! Nó phải thừa hưởng nhan sắc xấu xí của mẹ nó mà không giống cha, ông khôi ngô, đẹp trai và quyến rũ chứ đâu xấu xí như thế. Nhưng tuy xấu và không biết cách làm duyên, con gái ông lại có những phẩm chất tuyệt vời. Ông vẫn hy vọng sẽ có chàng trai nào đó biết nhận thấy và quý những phẩm chất đó của con gái ông, nhưng rủi ro thay, mãi vẫn không có ai. Năm nay Margaret đã hai mươi chín tuổi và trước khi thằng cha Jerôme xuất hiện, con gái ông vẫn chi quanh

quẩn trong nhà với bố. Chẳng có gì lạ khi cô mê thằng cha đến như vậy. Đấy là người đàn ông đầu tiên chú ý đến nó. Và bây giờ thì chúng sắp sửa cưới nhau.

Ông Stoddard đã cố tự nhủ bản thân rằng không thể ngăn cản được cuộc hôn nhân ấy. Việc con gái ông lấy thằng cha Jerôme là điều không thể tránh. Nhưng không được. Mỗi lần nghĩ đến chuyện ông đã phải vất vả bao nhiêu năm trời mới có được gia tài lớn lao như thế này, vậy mà bỗng dưng rơi vào tay một thằng cha căng chú kiết, đã từng ngồi tù, đã có một đời vợ và bây giờ không một đồng xu dính túi khiến ông phát sốt lên.

Tuy nhiên ông có thể giết hắn. Ý nghĩ giết người nảy sinh không phải ngay từ đầu mà, oái oăm thay, lại chính từ lúc thằng cha Jerôme gợi ra cho ông.

Hôm đó trời bên ngoài mưa tầm tã và gió thổi lạnh giá, đúng là thời tiết thích hợp cho tội ác. Ông Stoddard nhớ lại, chính thằng cha Jerôme đã gợi ra chuyện này trước. Lúc đó đêm đã khuya, Margaret đã về phòng đi ngủ, để lại cha và người yêu ngồi trò chuyện với nhau trong phòng khách của biệt thự. Thằng cha Jerôme thì nán lại chờ cho mưa tạnh để về nhưng mưa cứ mỗi lúc một nặng hạt thêm. Mà từ biệt thự ra đến ga xe buýt khá xa.

Ông Stoddard đang kể về một vụ án mạng khủng khiếp xảy ra ngay trong làng này cách đây vài năm, đã làm xôn xao dư luận một thời gian. Sau đó thằng cha Jerôme kể về một vụ án mạng đầy bí hiểm mà hắn đọc được ở đâu đó. Thế là câu chuyện giữa chàng rể và bố vợ tương lai xoay quanh chuyện làm sao có thể tiến hành

giết người một cách hoàn toàn không lộ. Ông Stoddard quả quyết rằng ngày nay những phương tiện khoa học kỹ thuật tinh vi đến mức bất kỳ một vụ án mạng nào cuối cùng cũng đều phải ra ngoài ánh sáng. Nhưng thằng cha Jerôme không tán thành.

- Chẳng hạn bác có thể giết cháu một cách dễ dàng mà không ai có thể nghi ngờ bác được, cháu bảo đảm là như thế.

- Chà, nhân ngồi buồn nói chuyện chơi, ta thử đi sâu xem sao. Anh bảo tôi có thể giết anh mà không lộ? Bằng cách nào chẳng hạn?

Jerôme giảng giải:

- Ngôi biệt thự của bác ở nơi vắng vẻ như thế này, cháu đoán thỉnh thoảng tất phải có một tên vô lại nào đó lảng vảng bên ngoài dò xét, tìm cách đột nhập, đúng không ạ? Và bác cũng đã nhiều phen rất bực mình. Bây giờ cháu là người từ xa đến, dân xung quanh đây không biết cháu là ai. Rất ít người biết cháu qua lại gia đình nhà ta và thân tình với cô Margaret con gái bác. Vậy là bác đã có được hoàn cảnh thuận lợi rồi đó, nếu bác định giết cháu.

- Thuận lợi sao?

- Bác chỉ việc tiến hành theo cách này. Thoạt tiên bác gọi điện thoại cho đồn cảnh sát, than phiền rằng mấy đêm nay có một kẻ vô lại nào đó lọt qua hàng rào vào vườn và bác đề nghị cảnh sát giúp đỡ. Đêm hôm đó cảnh sát đến sục sạo thì lại không thấy gì. Hôm sau bác lại báo cảnh sát và khi họ đến lại vẫn không thấy gì. Vài lần cảnh sát đâm ngán không đến nữa. Bác bèn làm ra bộ

giận dữ, tuyên bố là bác buộc sẽ phải tự bảo vệ. Bác sắm một khẩu súng và nếu tên vô lại kia đến bác sẽ bắn. Vậy là đối với cảnh sát bác đã chuẩn bị tinh thần cho họ là nếu bác có giết người thì chỉ là vì không còn cách nào khác. Sau đó bác bố trí để dụ cháu đến đây vào một buổi tối nào đó mà cô Margaret không biết. Cháu nghĩ việc đó quá dễ, bác công nhận không? Và bác chỉ còn việc đứng rình. Cháu xuất hiện là bác bắn luôn, coi như bắn một tên vô lại thường xuyên lẻn vào đây định làm hại gì gia đình nhà ta. Với cảnh sát bác chỉ cần khai rằng, đang ngồi trong nhà, bác nghe có tiếng động ngoài vườn, bác cầm súng rón rén ra thì thấy một bóng người lom khom bên giữa các thân cây. Bác lên tiếng hỏi thì tên gian bỏ chạy, bác bèn quát hắn đứng lại, hắn không đứng thế là bác nổ súng. Ai ngờ lại chính là cháu, bác tỏ ra rất đau khổ. Lại có cả cô Margaret cũng đau khổ ghê gớm càng làm cho cảnh sát tin rằng bác bắn lầm vào con rể tương lai.

Nói đến đấy thằng cha Jerôme châm điếu thuốc hút. Tiếng sét bên ngoài. Hắn vừa nhả khói vừa hỏi ông:

- Bác công nhận là làm cách đó bác thủ tiêu được cháu mà cảnh sát không thể nghi ngờ gì được bác hết, đúng chưa nào?

- Nghe thì hợp lý đấy. Nhưng đại đa số các vụ án mạng đều khi lên kế hoạch thì rất hay, khốn nỗi lúc thực hiện mới đẻ ra đủ thứ sơ suất khiến cuối cùng người ta vẫn khám phá được hung thủ.

Đêm đã rất khuya. Cuộc trò chuyện không còn sôi nổi nữa. Lát sau mưa tạnh và Jerôme ra về.

Vừa đóng cổng xong, ông Stoddard chạy như bay về phòng riêng, tim ông đập thình thình. Câu chuyện lúc nãy và ý kiến của thằng cha Jerôme khiến ông bàng hoàng. Bao ý nghĩ quay cuồng trong đầu óc và ông ngủ một giấc đầy mộng mị.

Nhưng một tuần sau, ông bắt đầu gọi điện thoại cho đồn cảnh sát báo tin là mấy đêm nay có một tên vô lại lẻn vào khu biệt thự và ông đề nghị cảnh sát giúp đỡ. Tất nhiên cảnh sát đến sục sạo khắp vườn rộng và tối tăm nhưng không thấy gì hết. Từ đó đến nay là nửa tháng rồi. Trong thời gian mười lăm ngày đó ông đã năm lần báo cảnh sát và họ đều đến, sục sạo nhưng không lần nào thấy gì hết, tất nhiên. Sau mỗi lần ông Stoddard đều giả vờ nổi giận, phi bằng cảnh sát và cách đây hai ngày ông đã nói thẳng vào mặt viên đồn trưởng là ông không cần nhờ cảnh sát nữa mà tự lo, ông sẽ tậu một khẩu súng!

Về mặt cảnh sát thế là ông đã chuẩn bị xong, bây giờ đến việc dụ thằng cha Jerôme. Ông nát óc nghĩ cách nào mời hắn đến mà con gái ông không biết. Nếu ông gọi điện cho thằng cha đến thì tất hắn sẽ cảnh giác. Đang chưa biết tính cách nào thì trưa hôm đó thằng cha Jerôme bỗng nhiên gọi điện đến. Hắn nhờ ông báo hộ cho cô Margaret là thứ bảy này hắn bận không đến thăm cô được vì hắn sẽ phải đi xa một thời gian. Cho nên tối nay, tuy chưa hẹn nhưng hắn cũng đến chào tạm biệt cô vào tám giờ tối, mong cô cho hắn gặp, chỉ một lát thôi.

Ông Stoddard trả lời là sẽ nói lại với con gái. Khi đặt ống nói xuống, cả người ông run lẩy bẩy, và bây giờ đây ông ngồi một mình trong phòng giấy, mặt chăm chú

nhìn lên bức chân dung treo trên lò sưởi. Đó là bà Rhoda, người vợ quá cố của ông. Khi chụp bức ảnh này bà trạc tuổi Margaret bây giờ.

Từ tấm chân dung phóng rát to, bà nhìn ông. Ảnh chụp rất khéo, hoàn toàn như người thật và mỗi lần nhìn lên, ông Stoddard có cảm giác như bà định nói với ông điều gì, thậm chí mỗi lần mỗi khác. Thời gian đầu sau khi bà mới mất, bức chân dung nhìn ông vẻ trách móc và một thời gian dài ông tránh không bước vào đây, tuy nhiên ông vẫn để bức ảnh nguyên chỗ cũ.

Ông quan niệm rằng lương tâm chỉ là một thứ vô dụng, thậm chí cản trở con người ta thành đạt trong cuộc đời. Những người mạnh mẽ và nghị lực như ông không cần đến thứ xa xỉ phẩm đó. Ông đã gạt hẳn ra ngoài trí nhớ cái nguyên nhân đã đẩy bà vợ ông đến chỗ phải tự tử. Ông thừa nhận ông không yêu bà nhưng kiểm điểm lại, ông thấy không hề đối xử gì tồi tệ với bà. Còn việc ông kiếm tiền theo cách tàn bạo đâu có liên quan gì đến bà mà bà phải tự dằn vặt đến mức tự tử.

Đến một hôm ông quyết định vào phòng, nhìn thẳng lên tấm chân dung và thầm thì:

- Quả thật là anh đã dùng mưu mẹo để cướp không ngôi nhà này của gia đình em, nhưng anh đã tậu thêm bao nhiêu đất xung quanh, đã bỏ tiền sang sửa thành một tòa biệt thự sang trọng như thế này. Anh đã vất vả bao nhiêu để tạo nên cái gia tài này cho con gái của em. Bây giờ mọi thứ hoàn toàn là sở hữu của anh, của một mình anh, nhưng sau này sẽ là của con gái em, của Margaret...

Lần ấy ông thấy cặp mắt bà Rhoda trên ảnh chỉ buồn rầu chứ không trách móc gì ông nữa.

Ông ngả lưng ra ghế, hai tay ôm mặt nhưng vẫn cảm thấy bàn tay run rẩy. Ông nhìn đồng hồ. Đúng bảy giờ rưỡi. Còn nửa tiếng nữa thằng cha Jerôme khốn kiếp kia dẫn xác tới. Hắn có nhiều tật xấu nhưng được một ưu điểm là bao giờ cũng rất đúng giờ.

Ông Stoddard mở ngăn kéo, lấy ra tờ giấy trắng và phong bì. Ông bắt đầu viết. Viết xong, ông gấp tờ giấy bỏ vào phong bì, đề địa chỉ bên ngoài rồi đặt lên bàn. Sau đó ông nhét khẩu súng ngắn vào túi, bước nhẹ chân xuống thang gác. Ông theo lối cầu thang phụ, dành cho đầy tớ. Margaret đã về, đang ngồi trong gian phòng dành cho khách nào cần nghỉ qua đêm, đầy tớ đã xuống nhà ngang để đi ngủ.

Trời đêm hơi lạnh và ông Stoddard khẽ rùng mình. Ông nghĩ đến lúc con gái ông khi nhìn thấy người yêu của nó đã chết. Nhưng ông biết con gái ông sẽ vượt qua được nỗi đau thương ấy. Nó chưa già gì. Chỉ sáu tháng, một năm nó sẽ quên thằng cha thôi.

Trăng đầu tháng chiếu lờ mờ xuống lối đi lớn trong vườn. Ông Stoddard cẩn thận đi trong bóng tối, men dưới bóng cây. Ra đến góc vườn, cách ngôi nhà chừng một trăm mét, ông nghe thấy tiếng động sột soạt, hình như có kẻ nào ngay sau lưng ông. Ông vội quay phắt lại nhưng không kịp. Một quả đấm như trời giáng làm ông tối tăm mặt mũi và ngã xóng xoài ra mặt cỏ. Ông chưa kịp đối phó thì khẩu súng trên tay bị giật mất và quẳng ra xa. Ông cố gượng đứng dậy, cố nhìn vào bóng đen trước mặt.

- Vậy là ông đã theo đúng lời gợi ý của tôi. - Jerôme nói và nụ cười chế giễu hiện lên trên mặt hắn.

- Anh... anh nói vậy nghĩa là sao?

- Margaret đã nghe được một lần ông gọi điện thoại cho cảnh sát báo tin có kẻ vô lại lọt vào vườn. Cô tình cờ kể với tôi. Thế là tôi biết kế hoạch của tôi đã tiến triển một cách tuyệt vời. Tất nhiên tôi biết ông sẽ không dám mời tôi cho nên sáng nay tôi chủ động gọi cho ông trước.

- Tôi... tôi không hiểu anh nói gì hết.

- Ôi, sao ông ngu ngốc làm vậy? Cho đến giờ ông vẫn chưa biết rằng ông sắp chết ư? Ông bị giết bởi chính cái thằng cha vô lại mà ông bịa ra với cảnh sát ấy. Tôi sẽ giết ông và không ai nghi ngờ cho tôi hết. Để câu chuyện lắng đi một thời gian, tôi sẽ cưới đứa con gái xấu như ma của ông và chiếm lấy toàn bộ tài sản kếch sù này.

- Vậy là mình nghĩ không sai, - ông Stoddard nói lẩm bẩm như thế với chính mình. - Mày đúng là một con quỷ!

- Lão già ngu xuẩn ơi, lão quên mất rằng chính lão định giết ta trước chứ? Vậy thì ai là quỷ? Lão hay ta?

- Anh nói đúng. Nhưng ta báo trước, anh sẽ phải đền tội. Cái Ác bao giờ cũng phải chịu hậu quả. - Ông Stoddard nói rất khẽ.

- Lão nói rất đúng. Cho nên ta phải thực hiện cái việc hủy diệt ấy, - Jerôme nói và rút trong túi ra một con dao díp to.

Ánh trăng soi, làm lưỡi dao lóe sáng liền mấy lần. Ông Stoddard đã nằm co quắp trên mặt cỏ, toàn thân dẫm máu. Đợi cho ông không còn động đậy nữa, Jerôme

móc ví trong túi nạn nhân ra. Hắn lấy hết tiền bỏ vào túi hắn và xé nát chiếc ví vứt xuống cỏ. Rồi hắn nhặt khẩu súng ngắn lên, lấy khăn lau cẩn thận và đặt vào tay thi thể ông.

Báo chí sáng hôm sau đưa tin và bình luận rất nhiều về cái chết của một trong những nhân vật danh giá nhất thành phố này. Jerôme ngồi trong nhà trọ chật chội và tồi tàn, đọc những bài đưa tin về vụ án mạng. Càng đọc, hắn càng rạng rỡ nét mặt và hắn không nhịn được cười. Bài báo viết:

"Qua điều tra sơ bộ, Ngài Stoddard là nạn nhân của một kẻ vô lại lâu nay vẫn lẻn vào rình mò trong vườn biệt thự của Ngài. Cơ quan cảnh sát đang tiến hành săn đuổi tìm bắt hung thủ".

Jerôme đặt báo xuống nhấp ngụm cà phê. Sau một giấc ngủ ngon lành, hắn cảm thấy vô cùng tinh táo. Hắn nghĩ lúc này tốt nhất là đến biệt thự Stoddard tỏ lời chia buồn với cô con gái vừa bị mồ côi nốt bố. Hắn đứng dậy định sang phòng bên để thay quần áo thì hai cảnh sát bước vào.

- Anh là Jerôme Fetterman phải không? - viên sĩ quan cảnh sát hỏi.

- Vâng. Nhưng các ông cần gì tôi?

- Tôi là thanh tra cảnh sát Wilcox, còn đây là trung sĩ Holliman. Tôi đến bắt anh.

- Bắt tôi? Nhưng tôi phạm tội gì?

- Tội giết Ngài Philipp Stoddard, - thanh tra Wilcox nói giọng nghiêm nghị

- Sao lại thế được? Báo đưa tin hung thủ là một kẻ vô lại kia mà?

- Tác giả bài tường thuật chưa biết một điều chúng tôi vừa khám phá ra. Trước khi chết, Ngài Stoddard có để lại một lá thư.

- Một lá thư?

Thanh tra Wilcox không đáp, lấy trong túi một chiếc phong bì, lôi một tờ giấy gấp tư, mở ra.

- Anh khôn ngoan lắm, Jerôme, - ông ta nói. - Nhưng anh sơ suất một điều nhỏ. Vì anh không có lương tâm nên anh tưởng ông Stoddard cũng không có. Anh hãy nghe xem ta viết gì:

"Ông thanh tra Wilcox thân mến! Tôi sắp phạm một tội ác khủng khiếp và tôi tin rằng tôi sẽ thực hiện đến nơi đến chốn. Chỉ lát nữa thôi sẽ giết một cậu thanh niên tên là Jerôme Fetterman.

"Có điều hài hước là chính cậu Jerôme ấy đã bày ra cho tôi cách thức giết cậu ta và đã tạo cho tôi một hoàn cảnh cực kỳ thuận tiện. Chính hắn, hoàn toàn vô tư, đã gợi cho tôi bịa ra có một kẻ vô lại hay lẻn vào vườn biệt thự của tôi, cốt để tôi giết cậu ta mà không khiến ai nghi ngờ gì tôi hết. Chính hắn sáng nay đã gọi điện thoại, báo là tối nay vào tám giờ hắn sẽ đến đây để gặp con gái tôi. Hắn không biết rằng làm như thế hắn sẽ tạo cho tôi điều kiện thuận tiện để tôi giết hắn.

"Trước lúc cầm bút viết lá thư này cho ông, tôi vẫn tính sẽ giết hắn và thoát khỏi sự trừng phạt của công lý. Bởi vì tôi tin rằng tôi làm việc ấy là đúng, để cứu con

gái tôi thoát khỏi một thằng chồng khốn nạn và tàn bạo, một kẻ theo tôi là xấu xa và độc ác hơn mọi người trên thế gian này.

"Nhưng đến phút chót này đột nhiên tôi thấy hồ nghi. Tôi nhận ra tên Jerôme là tượng trưng cho cái Ác và cái Ác ấy chính là nằm ngay trong con người tôi. Cái Ác ấy cần phải bị tiêu hủy. Và chắc qua đây ông đã thấy tôi căm giận cái Ác đến chừng nào.

"Cho nên tôi đã quyết định: sau khi giết hắn xong tôi sẽ tự giết tôi. Đấy là cách tôi tiêu diệt cái Ác nằm trong bản thân tôi. Mong ông thứ lỗi cho tôi, thưa ông Wilcox. Ký tên Philipp Stoddard".

Jerôme há hốc miệng nghe lá thư.

- Bây giờ thì anh mặc quần áo và theo tôi về đồn!

VŨ ĐÌNH PHỘNG *dịch*

Alex Austin
(Mỹ)

ĐỨA TRẺ KHÔN TRƯỚC TUỔI

Nghe vợ là cô giáo Susan kể, Walsh hình dung cậu học trò nhỏ mười một tuổi Tommy là một tài năng hiếm có trong lớp của cô. Không ngày nào ở trường về Susan không kể cho chồng nghe về những năng khiếu đặc biệt của Tommy. Cô khoe với chồng những bức tranh tuyệt đẹp của cậu học sinh vẽ, những bài thơ duyên dáng và những câu trả lời hết sức thông minh của cậu bé trong lớp học.

- Thằng bé đôi lúc khiến em sờ sợ, - một lần cô thú thật với chồng. - Nó vượt xa bè bạn trong lớp đến mức em cảm thấy trong con người nó có một thứ yêu quái nào đó. Nhưng phải công nhận đấy là một đứa trẻ hết sức đáng yêu.

Walsh chưa biết mặt đứa học trò thông minh tuyệt vời của vợ và lần đầu tiên anh gặp nó là trong một trường hợp rất ngẫu nhiên. Hôm đó chiều thứ bảy, anh đang bận bịu trong nhà để xe. Walsh mải đóng đanh áp những mảnh dạ vào chân bức tường gỗ để bịt kín những khe hở giữa tường và nền nhà.

- Trông ông làm vụng về quá thế! - Tommy nói.

Walsh ngẩng đầu lên và thấy một đứa trẻ trên mười tuổi đang nhìn anh, miệng mim cười rất kẻ cả.

- Trông ông làm ngứa cả mắt, - Tommy nói tiếp. - Thấy ngay là ông không biết làm.

- Cậu nói gì mà lạ vậy? - Walsh nói và đặt búa xuống đất ngay bên cạnh.

- À mà ông chưa biết tôi, - đứa trẻ nói. - Tôi là Tommy Demster.

- Tôi là Herry Walsh.

Tommy chìa ngay bàn tay ra và Walsh nắm lấy, vẫn có phần ngơ ngác. Đứa trẻ nói ngay:

- Tôi biết ông rồi, ông là Walsh.

- Cậu học trong lớp của vợ tôi phải không nhỉ?

Đứa trẻ gật đầu nhưng xem chừng nó không quan tâm đến chuyện ấy. Nó chăm chú nhìn những miếng dạ đã đóng vào chân tường nhà để xe rồi suy nghĩ một lát và nói:

- Không được thật. Ông đóng thế này không ổn.

- Tại sao? - Walsh hỏi, trong lòng đột nhiên bối rối.

Tommy vẫn gật gù đầu nói tiếp:

- Có những phương pháp đơn giản hơn nhiều mà lại kết quả rất tốt.

- Phương pháp đơn giản hơn để làm gì kia chứ? - Walsh hỏi.

Nhưng Tommy không đáp. Nó chỉ mim cười nhìn anh rồi nói:

- Bây giờ tôi phải đi. Chúng nó tổ chức chơi bóng và tôi trót nhận lời mất rồi, cái trò bóng dớ dẩn ấy. Nhưng lúc nào tôi sẽ dạy ông phương pháp làm cái này.

Walsh chưa kịp nói gì thì thằng bé đã chạy biến về phía con đường cái rợp bóng cây.

*

* *

Walsh vẫn ngồi im lặng trên mặt đất một lúc lâu, nhớ lại những câu nói của đứa trẻ. Thằng bé Tommy kia mới mười một tuổi mà để lại cho anh, một người lớn, nỗi sờ sợ. Thế là sao nhỉ? Walsh cố tự giải thích hiện tượng ấy nhưng không nổi. Anh thử nhớ lại mấy câu nó nói và anh đột nhiên nhận thấy những câu nói của đứa trẻ không có gì đặc biệt lắm. Hay nó hàm ý gì chăng? Nhưng anh không thấy nó nói có ẩn ý gì hết. Tuy nhiên trong đáy lòng, Walsh vẫn ngờ ngợ là anh chưa nhận ra đấy thôi.

Suốt cả tuần lễ tiếp sau đó. Walsh không hề đụng đến công việc đóng dạ vào chân tường nhà để xe. Anh tin rằng thằng bé Tommy thế nào cũng sẽ đến và chỉ dẫn cho anh cách thức làm Walsh cảm thấy việc chờ đợi như vậy là dớ dẩn nhưng cuối cùng Tommy cũng đến.

Chiều thứ bảy sau, Walsh ra nhà để xe và lúc đi, anh bảo với Susan là anh bận phải làm cho xong một công việc ở đó. Như thường lệ vợ anh lại nhăn nhó, cô bảo hôm nay thời tiết rất đẹp, lẽ ra anh phải rủ vợ đi chơi bằng ô tô hay ít nhất cũng đi bộ ngắm phong cảnh.

- Sao lúc này anh cũng miệt mài trong cái xưởng chết tiệt ấy thế? Mà em chẳng thấy anh làm được thứ gì

ra hồn cả. Anh phải nghĩ đến em chút ít chứ? Làm gì để chiều em một chút đi nào!

Nhưng Walsh đã quen nghe những câu trách móc kiểu như thế của vợ rồi. Suốt mười hai năm, từ khi cưới nhau đến nay, Susan đã lấp lại những câu đại loại như thế hàng trăm lần rồi. Vợ anh đâu có hiểu rằng trên đời còn bao nhiêu công việc khác cần thiết hơn là ngắm cảnh mặt trời lặn, nghe tiếng chim ríu rít trong đám cành lá hoặc "lang thang" trong viện bảo tàng chiêm ngưỡng những bức họa chẳng có gì bổ ích hết.

Nhưng buổi chiều thứ bảy hôm ấy, Walsh vào nhà để xe mà không làm gì hết. Anh ngồi lên chiếc hòm gỗ, hai tay đặt lên đầu gối và chờ. Lát sau Tommy đến thật, mắt nó hơi nheo lại vì ánh nắng tháng Tư. Nó hỏi ngay:

- Tôi hy vọng không bắt ông phải chờ lâu quá chứ, ông Walsh?

- Có gì đâu mà tôi phải chờ? - Walsh nhún vai.

- Ông biết bơi không, ông Walsh?- Tommy hỏi thăm.

- Bơi à? ... Không. Thú thật là tôi không biết, - Walsh đáp. - Nhưng sao cậu hỏi thế?

- Thế cô Susan có biết không?

- Không. Hoàn toàn không biết.

- Tốt - Tommy nói. - Rất tốt. Việc ông không biết bơi sẽ không làm ai nghi ngờ ông hết.

- Nghi ngờ cái gì? - Walsh chưa hiểu.

Tommy lại nở nụ cười rất "bề trên" và không thấy cần phải trả lời.

- Ta đi dạo ra ngoài hồ đi, ông Walsh, - Tommy rủ - Tôi sẽ trỏ để ông thấy điều tôi định nói với ông.

- Tôi đang bận, - Walsh đáp.

- Nhưng trời hôm nay đẹp quá, - Tommy lại nói. - Trời đẹp thế này mà ngồi trong một xó tối tăm, buồn tẻ và sực mùi xăng thế này thì dại quá.

- Mùi xăng thì có gì lạ? Xưởng nào chẳng có mùi xăng, - Walsh phản đối. Nhưng vừa nói anh thấy ngay lời lẽ cùng thái độ của mình là vô lý. Thằng bé kỳ quái này hình như có tài thôi miên hay sao ấy. Tại sao nói chuyện với nó anh cứ cảm thấy như mình ngu xuẩn thế nào vậy.

- Tháng Tư, - thằng bé vẫn nói tiếp, giọng như thể suy nghĩ một mình, - là tháng thời tiết đẹp nhất trong một năm và cũng là lúc ngoài hồ còn vắng vẻ.

Thằng bé nhìn thẳng vào mặt Walsh hỏi:

- Ông thỉnh thoảng có đem thức ăn nguội ra nghỉ ngơi ngoài ấy với bà nhà cả một buổi không, thưa ông Walsh?

- Có, thỉnh thoảng thôi.

- Hình như cô giáo Susan rất thích kiểu đi "pic-nic" dạo chơi cả buổi đem thức ăn phải không?

- Đúng thế, nhưng...

- Đúng rồi, - Tommy không để cho Walsh nói hết câu. - Cô giáo Susan là loại phụ nữ thích nơi vắng lặng và yên tĩnh. Cô thích cô đơn ngồi bên hồ, nghe tiếng chim ríu rít và đem theo một tập thơ để đọc nữa. Cô Susan rất yêu thơ phải không, thưa ông Walsh?

- Cậu hỏi những câu ấy làm gì, Tommy? - Walsh có vẻ khó chịu.

- Tôi hy vọng những câu hỏi không làm ông khó chịu, thưa ông Walsh. Chỉ vì tôi rất muốn giúp ông. Ông có thể lấy xe và chở tôi đi cùng ra hồ được không? Đi một lát thôi. Ngoài ấy có một thứ tôi rất muốn trỏ ông thấy.

Chắc hẳn là nụ cười trên môi thằng bé đã khiến Walsh bằng lòng. Nụ cười của nó lanh lợi và giữa cặp môi hơi dày trông hoàn toàn không có vẻ trẻ con chút nào. Đến bây giờ Walsh mới nhận ra, những lời kể của vợ anh về cậu học sinh Tommy này thể hiện là cô coi thằng bé không phải như mọi đứa trẻ khác mà chín chắn hơn nhiều, gần như một con người đã trưởng thành. Thậm chí hình như Susan không coi thằng bé này là học trò của cô mà gần như một người quen biết lớn tuổi và bình đẳng với cô.

Walsh bước vào ô tô và thằng bé ngồi ghế bên cạnh anh.

- Tôi rất yêu tháng Tư. - nó nói lúc anh đưa xe ra.

Walsh rất mong vợ anh không nhìn thấy anh ngồi xe cùng với thằng bé ra khỏi nhà. Thậm chí có một lúc, anh đã định dỗ xe lại giữa đường, bỏ nó xuống và bảo nó cút đi. Cái chuyện đi cùng với nó ra hồ anh cảm thấy dó dẩn thế nào ấy. Nhưng cuối cùng anh vẫn để xe chạy.

Hai người ngồi lặng lẽ trong khi chiếc xe chạy dọc theo đường cái rợp bóng cây rồi quặt sang con đường nhỏ gồ ghề mấp mô dẫn ra hồ Eastman.

- Ông có thấy lạ là vẫn còn quá ít người ra bờ hồ vào tháng Tư này không, ông Walsh - Tommy? hỏi. - Mọi người đều đợi trời nắng nữa mới ra để tắm và đến lúc đó thì ở đây thật là ồn ào đến khủng khiếp! Chỗ nào cũng đầy người và họ làm huyên náo cả lên. Họ đâu biết đánh giá vẻ đẹp tuyệt vời của Thiên Nhiên tại nơi này.

- Cậu định trỏ tôi xem cái gì ở đây, ngoài hồ này, Tommy?

Walsh hỏi và anh cố lấy giọng thật bình thản và tươi vui không để thằng bé nhận thấy được nỗi rờn rợn của anh khi ngồi bên cạnh nó.

- Ồ, chẳng có gì nhiều lắm đâu. - Tommy đáp. Thằng bé khẽ cười tinh quái như thể thích thú ngầm thứ gì đó. Và nó nói thêm: - Xin lỗi ông Walsh, tôi cảm thấy như đang chơi trò ú tim với ông và đang làm ông hồi hộp.

- Tommy, - Walsh nói giọng nghiêm nghị. - Cái trò này của cậu thế là quá đủ rồi đấy. Tôi không phải là đứa trẻ lên ba.

- Ôi, đây đâu phải trò trẻ con, thưa ông Walsh? - Tommy ngắt lời anh. - Tôi nghĩ ông cũng thừa hiểu như vậy rồi. Tôi chỉ muốn giúp ông vì tôi thấy mọi việc ông làm cứ vụng về thế nào ấy cho nên tôi muốn... À, mà đến nơi rồi.

Xe đỗ lại trên một bãi trống hơi cao, bên dưới là mặt hồ Eastman xanh trong. Tommy mở cửa xe bước ra và lập tức co chân chạy theo lối mòn dẫn xuống hồ.

Walsh ngồi lại trong xe thêm một lúc, nhìn thằng bé. Khi nó chạy, mặc mỗi chiếc quần đùi và đi đôi dép

mảnh dẻ, anh lại thấy nó chỉ là một đứa trẻ ngây thơ và hiếu động, anh thấy yên tâm đôi chút. Cảm giác nó là một đứa ma quái, dử anh như người lớn dử trẻ con biến mất trong óc Walsh. Anh thở phào nhẹ nhõm. Thì ra tất cả những cảm giác ròn rợn trước đây đều là do trí tưởng tượng của anh đẻ ra. Thật ra Tommy tuy có phát triển hơn những học sinh khác nhưng vẫn chỉ là một đứa trẻ. Anh thấy sờ sợ nó hoàn toàn vô lý.

- Ông xuống đây đi, ông Walsh! - tiếng thằng bé dưới bờ hồ hét vọng lên. - Phong cảnh dưới này đẹp tuyệt vời.

Walsh bước ra khỏi xe, từ từ đi xuống phía ven hồ, nơi thằng bé Tommy đang đứng. Khi nhìn thấy anh, nó đưa mắt ra mặt hồ mênh mông nói giọng say sưa:

- Ông nhìn kìa! Mặt nước lặng như tờ không một gợn sóng. Ngày trước tôi có làm vài bài thơ lẩm cẩm về cái hồ này, - nó nói tiếp rồi cười khúc khích như thể tự chế giễu bản thân nó. - Tôi rất thích ra đây và cũng rất hay ra. Còn gì tuyệt vời bằng ngồi đây, nhìn ra mặt nước mênh mông, phẳng lì, lắng nghe tiếng chim hót líu lo. Chắc ông thấy tôi gàn dở lắm nhỉ, bởi ông thuộc loại người thực tế. Tôi biết rằng không bao giờ ông chịu mất thời giàn vào những thứ giải trí vô tích sự như thế này: ngồi một mình ngắm sóng nước, nghe chim hót và lại làm những bài thơ dở dẩn nữa.

Thằng bé lại cười khúc khích và đập tay vào bắp tay Walsh khiến anh rùng mình.

- Đúng, tôi biết. Ông là người thực tế, ông Walsh. Nhân loại cần đến những người như ông. Còn tôi và những

kẻ mơ mộng như tôi thì chẳng có ích gì cho ai hết, đúng vậy không, thưa ông Walsh? Loại như chúng tôi chỉ làm được cái trò là tiêu khiển cho những người phụ nữ lãng mạn tội nghiệp bằng vài vần thơ dở dẩn và mấy bức vẽ nguệch ngoạc mà thôi. Trong khi loại người như ông mới thật sự cần thiết cho xã hội. Ôi giữa loại người như ông và loại người như tôi, sự khác biệt mới lớn làm sao! Ông kinh bang tế thế còn chúng tôi chỉ vô ích sự. Và ban đêm ông nói với cô Susan cũng chỉ toàn chuyện đại sự mà thôi, đúng thế không, ông Walsh?

- Chúng tôi nói chuyện với nhau, có vậy thôi.

- Đúng, đúng, ông và cô Susan nói chuyện với nhau, - Đứa trẻ gật đầu, - đúng là hai ông bà nói chuyện với nhau...

- Nhưng thôi, - Walsh nói kiên quyết. - Tôi phải về nhà bây giờ.

- Vâng, đúng thế! - Thằng bé Tommy nói ngay, như thể câu Walsh nói đột nhiên kéo nó ra khỏi trạng thái mơ màng. - Xin ông tha lỗi cho tôi, ông Walsh. Đúng là tôi đã làm ông mất thời giờ. Nhưng ông hiểu cho. Tôi mời ông ra đây không phải chỉ để nói những câu dở dẩn làm chán tai ông mà còn việc khác quan trọng hơn. Ông hãy đi theo tôi, tôi dẫn ông đến chỗ này. Nào, mời ông đi cùng với tôi, ông Walsh!

Thằng bé đi men theo bờ hồ. Walsh ngần ngừ rồi cất bước đi theo nó. Xung quanh, tiếng chim hót líu lo và tiếng cành lá xào xạc.

Tommy đứng lại bên một chiếc thuyền cũ nát không còn mái chèo bỏ mặc bên bờ nước. Lúc đi tới, Walsh nhìn

thấy một con sóc đang ngồi trên mũi thuyền, hít làn không khí ấm áp. Thấy người, con sóc chạy biến vào khu rừng bên cạnh đó.

- Đến rồi, - Tommy nói. - Ông làm ơn giúp một tay, ông Walsh...

- Giúp gì? - Walsh hỏi.

Tất nhiên là dựng lại chiếc thuyền! - đứa trẻ đáp, có vẻ ngạc nhiên sao ông ta là người lớn mà chậm hiểu đến thế. - Ta phải lật lại chiếc thuyền chứ ai lại để nó úp thế này!

- Tôi không có thời giờ để bơi thuyền dạo chơi đâu, - Walsh nói.

- Ôi, sao lại thế, ông Walsh? - Tommy nói vẻ trách. - Tôi hoàn toàn chỉ muốn giúp ông thôi. Ông hãy tin ở tôi, ông Walsh. Ông cần nhận ra thiếu sót của ông, bởi vì tôi rất muốn giúp ông nhìn thấy thứ này.

Cặp mắt thằng bé nhìn thẳng vào mắt Walsh và anh cũng nhìn thẳng trở lại. Nhưng chỉ lát sau anh cụp mắt xuống rồi không hề suy nghĩ thêm nữa, anh cúi xuống lật chiếc thuyền lên, đẩy nhẹ cho nó bập bềnh trên mặt nước.

Tommy chạy vào bụi cây gần đó, lôi ra một cặp mái chèo.

- Tôi nghĩ ta có thể bơi thuyền một lát, - nó nói miệng mỉm cười, nhìn vẻ mặt lo lắng vì chưa hiểu gì hết của Walsh. - Lên thuyền tôi sẽ kể ông nghe những suy nghĩ của tôi.

Walsh nghĩ bụng, mất công ra tận đây, bây giờ bỏ thêm mười phút đồng hồ cho thằng bé này cũng chẳng là chuyện gì mất thời gian lắm.

Tommy bước lên thuyền. Walsh đẩy con thuyền ra rồi bước lên.

- Ông làm có vẻ thành thạo lắm. - Tommy khen và cười vui vẻ.

Walsh móc mái chèo vào cọc thuyền rồi bắt đầu chèo nhẹ nhàng đưa con thuyền ra xa, về phía giữa hồ.

- Bây giờ thì ông đã thấy là vấn đề đơn giản, đúng không, thưa ông Walsh? - Lát sau Tommy mới lên tiếng.

Anh không trả lời và thằng bé mim cười, nhún vai nói tiếp.

- Ngay nếu ông có gõ những miếng dạ ông đóng vào chân tường thì vẫn còn lại vết đanh. Trong khi ở đây... Ông thử đưa mắt xem, sau khi ông nhấc chèo lên, mặt nước trở lại phẳng lì như cũ, không còn dấu vết gì nữa. Chà, ông công nhận phong cảnh đẹp chưa nào và dạo chơi trên mặt hồ thú vị biết bao! Ông là người thực tế đến đâu thì ông cũng phải thấy rằng bồng bềnh trên mặt nước thế này làm sao không thấy thi hứng được kia chứ? Mà mọi việc trên đời ta nên tiến hành một cách thú vị. Thậm chí tội ác cũng nên tiến hành một cách thi vị như làm thơ vậy...

Walsh tái mặt và Tommy có vẻ thích thú thấy anh sợ hãi như vậy.

- Ôi, điều ấy tôi đã hiểu ra từ lâu rồi, - nó nói tiếp. - Và tôi đề nghị ông đừng tỏ vẻ ngạc nhiên như thế. Tôi

đã nhận ra được điều đó trong cặp mắt của bà vợ ông, cô giáo Susan ngay từ buổi tôi gặp cô lần đầu tiên. Rồi sau đó cô giáo đã kể tôi nghe mọi chuyện về ông...

- Về tôi?... - Walsh hỏi lại. Anh có cảm giác đang sống trong một cơn ác mộng.

Thằng bé gật đầu. Nó vừa đánh rơi viên sỏi cầm tay và đang lúi húi tìm dưới sàn thuyền.

- Đúng thế, - nó đáp. - Vợ ông và tôi đã trò chuyện với nhau rất nhiều lần, có thể nói là luôn tâm sự với nhau. Hai chúng tôi bình phẩm những bài thơ, những bức họa của tôi. Cô Susan rất quan tâm đến nghệ thuật. Nàng có một tâm hồn diệu kỳ, ông có biết điều đó không, ông Walsh?

- Tôi rất mừng là cậu thích học lớp vợ tôi.

Tommy phá lên cười chế giễu:

- Đúng thế! Tôi rất thích, ông nói đúng, ông Walsh - Nó kêu lên và vỗ tay vào đùi.

Rồi lát sau tiếng cười dứt và Walsh nhìn thấy trên khuôn mặt tròn trĩnh rất trẻ con cặp mắt của nó ánh lên những tia độc ác.

- Ông Walsh, vậy ông tưởng tôi làm những bài thơ ấy tặng vợ ông vì tôi thích học lớp của vợ ông ư? Ôi, tôi không thể ngờ ông lại ngu xuẩn đến thế kia đấy!

- Khoan đã! Cậu nói hỗn như vậy đủ rồi đấy! - Walsh nghiêm nghị nói.

- Nhưng ông không nhận thấy vợ ông cũng xin đủ ông rồi hay sao? Bao nhiêu năm phải chung sống với một kẻ khô khan, thực dụng, chỉ biết có công việc, chỉ biết

kiếm tiền, không hề quan tâm đến nhu cầu tâm hồn của vợ... Ôi, cô Susan phải chịu đau khổ biết chừng nào và bây giờ, ông biết không, chỉ nhìn thấy mặt ông là nàng đã buồn nôn rồi.

- Cậu quả là đứa trẻ thông minh, - Walsh mỉm cười nói nhưng môi anh run lên.

- Ông Walsh, chẳng lẽ ông lại ngu xuẩn đến mức không nhìn thấy rằng tôi yêu vợ ông hay sao?

Walsh choáng váng một lát nhưng rồi đột nhiên anh chợt hiểu ra điều bí ẩn. Nỗi hoảng sợ nhường chỗ cho sự khoái trá. Cả người anh run lên trong một trận cười sặc sụa:

- Ôi, thì ra cậu yêu vợ tôi!

- Đúng thế! *Tôi yêu vợ ông!* - Thằng bé quát lên giận dữ và đứng ra phía mũi thuyền. - Còn ông... - nó nói tiếp vẫn giọng đanh lại như trước. - Ông đang muốn giết cô ấy. Ông tính sẽ loại trừ cô ấy cho khỏi vướng chân. Ông định dùng oxít cacbon... Ông định đợi đến lúc Susan thiếp ngủ trong ô tô, sau một bữa tiệc ở nhà bạn bè trở về chẳng hạn, hơi uống quá nhiều rượu... Ông xem quá nhiều phim vụ án, những phim nguy hiểm, ông Walsh, nhưng ông thử nghĩ xem, nếu vụ án mạng xảy ra tại đây thì ai biết và ai có thể điều tra ra? Một cuộc đi thuyền dạo chơi trên hồ, rồi một tai nạn rủi ro, đơn giản có vậy thôi. Dạo chơi trên thuyền ra giữa hồ vào một buổi chiều đẹp thế này làm sao ai có thể nghi ngờ gì được? Thật đáng tiếc là con thuyền bị thủng, nước vào và ông cũng như cô Susan đều không biết bơi!

Tommy đã đứng trên mũi thuyền và cất tiếng cười hiểm ác. Mãi đến lúc ấy, Walsh mới nhận ra là nước đã lọt vào thuyền và ngập hai bàn chân anh. Thằng bé Tommy đã gỡ miếng gỗ bít lỗ thủng ở đáy thuyền lúc nào và bây giờ nước đang chảy vào rất mạnh. Walsh chạy tới định túm lấy thằng bé nhưng nó đã kịp nhảy xuống nước và đang bơi thoải mái về phía bờ.

Walsh cố gắng hết sức bịt lỗ thủng lại nhưng không nổi. Thằng bé Tommy vừa bơi vừa hét to với anh:

- Thật đáng tiếc, ông Walsh, thật đáng tiếc là ông có một cô vợ xinh đẹp đến như vậy mà ông lại phải chịu một tai nạn khủng khiếp như thế này.

Walsh thấy chiếc thuyền chìm rất nhanh, trong khi thằng bé Tommy, khuôn mặt tròn trĩnh lộ vẻ thương hại anh, vẫn vừa bơi thoải mái như cá ngay gần đó, vừa nhìn anh. Nó muốn ngắm nghía nét mặt của nạn nhân trước lúc chìm hẳn xuống làn nước. Nó thấy đã tạo cho Walsh một nấm mồ tuyệt đẹp dưới làn nước hồ phẳng lặng và trong vắt. Ôi, Susan với tâm hồn thơ mộng và tinh tế kia, nàng đừng trách ta! Chính những phẩm chất tuyệt diệu của nàng đã hủy hoại cuộc đời của chồng nàng đấy thôi.

VŨ ĐÌNH PHÒNG *dịch.*

Arthur Porges
(Mỹ)

ĐỊNH LUẬT RƠI TỰ DO

Khi Ronald suy đi tính lại và quyết định loại trừ bà dì y là Frances, y không cưỡng nổi một cảm giác lạnh toát người vì lương tâm cắn dứt. Bà Frances không phải là người hiểm ác. Sau khi hai cụ thân sinh ra bà bị chết trong một tai nạn máy bay, bà đã mang đứa cháu nhỏ, tức là Ronald, về nuôi và thậm chí chăm sóc trìu mến như con bà đẻ ra vậy.

Nhưng chính đấy mới là điều tai hại, Ronald nhiều lúc nghĩ như vậy, bởi bà dì già không chồng của y vốn khao khát tình cảm nên đã coi y như của Trời ban để bà đỡ cô đơn trong lúc tuổi già. Và mặc dù bà chỉ làm toàn điều tốt cho y, y vẫn chưa bằng lòng và còn đòi hỏi nhiều hơn nữa. Chẳng hạn bà gìn giữ y hết sức cẩn thận, chỉ lo lỡ xảy ra chuyện gì bà phải sống một mình trên cõi đời.

Vì là người cuối cùng của dòng họ Howard, bà được hưởng một gia tài kếch sù, trên một triệu đô la. Nhưng bà chỉ cho Ronald mỗi tháng được tiêu riêng trong vòng 600 đô la.

- Bao giờ cháu có nghề nghiệp hẳn hoi... một trong mấy nghề cháu đã học ấy, dì mới có thể yên tâm được. Dì phải có trách nhiệm với hương hồn mẹ cháu và không thể nuông chiều cháu quá đáng để cháu hư hỏng được - Bà Frances thường nói với đứa cháu như vậy.

Thật ra Ronald có một nghề. Hồi ở Trường Laguna Beach College, y đã vật lộn với môn kế toán trong suốt bốn năm trời, nhưng vì cuối cùng y thiếu mảnh bằng tốt nghiệp bậc Trung học nên y không được nhận giấy chứng chỉ tốt nghiệp môn kế toán và không được hành nghề. Mà bằng tốt nghiệp Trung học thì y chịu không sao thi nổi.

Vả lại y cũng không thích nghề kế toán. Thà tham gia câu lạc bộ bơi lội và vùng vẫy dưới nước trong bộ đồ lặn suốt ngày còn hơn ngồi cặm cụi với những con số trong phòng giấy. Thú nhất của y có hai thứ: săn cá dưới đáy biển và săn những đứa con gái tóc vàng trên cạn.

Năm nay Ronald hai mươi chín tuổi, đành bằng lòng với khoản sáu trăm đô la dì Frances cấp cho mỗi tháng. Khoản tiền ấy với những cậu trai khác đã là khá nhiều vì chỉ để tiêu chơi còn ăn uống thì bà dì lo, thuế má không phải đóng, nhưng đối với Ronald thì hoàn toàn không đủ. Bởi y còn phải chơi bời với đám con gái đẹp mà bọn họ đều uống rượu như nước, toàn những thứ đắt tiền và uống nguyên chất, không pha thêm sô đa hay thứ nước khoáng nào hết. Nhìn họ, người ta có thể cảm tưởng bên trong tấm thân với những đường cong tuyệt mỹ kia chỉ toàn là giấy thấm. Bao nhiêu rượu đổ vào cũng không thấm tháp gì. Chỉ cần một đêm đập phá tại một nhà hàng

trong thành phố là đủ tiêu ma một phần tư "lương tháng" của y.

Khốn nhưng cứ hễ Ronald ngỏ ý đề nghị bà dì tăng thêm "trợ cấp" là y như nghe thấy bà trả lời:

- Mẹ cháu cũng là dòng họ Howard. Họ nhà ta lâu đời và danh giá. Ít nhất cháu cũng phải cố sống sao cho nghiêm túc, làm công việc gì đó có ích cho xã hội để gìn giữ gia phong. Họ nhà ta nhiều người có công với nước. Có một cụ tổ đã từng tham gia trận thủy chiến Armada nổi tiếng đấy...

Một lần tức quá, Ronald đã vặn lại bà dì: cụ tổ ấy chiến đấu cho bên nào, bên thắng hay bên thua; và bị bà Frances lừ mắt giận dữ.

Ronald đã tính đến một lối thoát khác mà không cần phải giết bà dì, đó là lấy vợ. Nhưng ngay trong chuyện này bà Frances cũng giữ những quan điểm rất cứng nhắc. Ronald rất muốn lấy cô Melita Marlowe, chuyên giới thiệu các kiểu quần áo tắm phụ nữ trong chương trình tạp kỹ trên Ti vi. Rồi y lại muốn lấy cô Coam "ngon như mật ong", làm nghề thoát y vũ, có bộ ngực và cặp mông đồ sộ nhưng bộ óc lại bé xíu. Bà Frances thì khuyên cháu lấy cô Jane Colwell người thẳng đuồn đuỗn, không có ngực mà cũng chẳng có mông mà lại hiểu biết về nghệ thuật Byzantin thấu đáo, thứ mà Ronald hoàn toàn dốt đặc.

- Dì mong cháu lấy một đứa con gái hiền lành, ngoan ngoãn, gia đình nề nếp, - bà bảo đứa cháu. - Nếu cháu lấy được một đứa con gái như thế dì sẽ tăng tiền trợ cấp hàng tháng cho. Còn nếu cháu cứ chơi bời với bọn con

gái hư hỏng kia thì dì sẽ cắt bớt khoản cho cháu hàng tháng đấy, dì báo trước.

Ronald có cảm giác như bà Frances cố tình làm thế để giữ y ở lại với bà cho đến già. Anh hy vọng bà chết đi. Năm nay bà đã sáu mươi tuổi rồi, nhưng rồi y lại buồn rầu ngao ngán thấy bà còn khỏe mạnh lắm. Dòng họ Haward có gien di truyền sống lâu. Cụ thân sinh ra bà Frances đồng thời là ông ngoại của y năm nay tám mươi bảy tuổi vậy mà vẫn chưa chết, thậm chí năm ngoái còn cưới một bà già kém cụ hơn hai chục tuổi, và hiện sống tại dinh cơ của tổ tiên tại Devon.

Khi Ronald quyết định thủ tiêu bà dì, y chưa hề có kinh nghiệm thực tế nào, nhưng rất lạ là y lại khá hiểu biết về loại công việc này. Hồi học trường Trung học, y đã kết bạn thân thiết với một cậu, thành một cặp tạm gọi là "Óc và bắp thịt" và hai đứa vẫn thân thiết với nhau cho đến ngày hôm nay. Ronald vóc nhỏ bé nhưng lanh lợi, lắm sáng kiến, nhiều mưu mẹo, trong khi Ferdie thì to lớn, vạm vỡ nhưng hơi đần. Cặp Ronald - Ferdie đã làm cho ban giám hiệu nhiều phen uất lên đến tận cổ. Bây giờ chúng kết hợp với nhau rất ăn ý cả trong những cuộc săn bắn cá dưới biển cũng như săn gái trên cạn và nhiều "phi vụ" khác. Mỗi khi không may bị bắt quả tang thì Ronald với bộ óc siêu việt bịa ngay ra cả một mạng lưới lý lẽ về ngoại phạm khiến giá như ra toà Đại hình, các vị quan tòa cũng phải chịu chết. Còn Ferdie thì nghiến cặp hàm to bạnh, câm như thóc, nhất định không chịu nhận gì hết kể cả nhận quen y.

Ferdie thích chơi máy bay. Y có một chiếc máy bay nhỏ và sáng thứ bảy nào y cũng lái, nghiêng cánh rồi nhào lộn vài vòng trên khu dinh cơ của gia đình Howard. Bà Frances mỗi lần nhìn thấy đều ngẩng đầu lên nheo mắt nhìn và rất khó chịu. Trong khi đó Ronald giơ cao tay vẫy bạn thích thú. Và y càng thấy sự tương phản giữa tự do của Ferdie với tình trạng bị trói buộc của y.

Gia đình Ferdie không giàu gì cho lắm, nhưng cha của cậu ta rất rộng rãi với con trai. Dinh cơ của ông sánh sao được với dinh cơ của bà Frances, một tòa nhà lớn kèm theo hai mươi héc ta vườn lại nằm trong khu vực Santa Barbara. Khốn nhưng hạnh phúc ở đời đâu ở thứ đó và ở cách sử dụng tiền bạc, Ronald nghĩ.

Một chút phản ứng nhẹ của lương tâm lập tức bị Ronald giập tắt ngay và y bắt đầu nghĩ kế thủ tiêu bà dì. Y có sẵn trong nhà khoảng một chục tạp chí chuyên đề về các vụ án, mỗi tập đăng từ mười đến mười lăm vụ án, đủ các loại từ hết sức tinh vi đến đơn giản, thô bạo. Thật ra tất cả cuối cùng đều bị khám phá ra, nhưng mỗi vụ đều cung cấp cho Ronald những kinh nghiệm cần tránh. Lần này y giở ra đọc lại hết sức cẩn thận, nghiên cứu kỹ càng từng vụ để rút ra bài học. Y tìm cách tổng kết các phương pháp điều tra của cảnh sát, xem thử những chi tiết gì có thể khiến cảnh sát nghi rằng cái chết không phải tự nhiên.

Cuối cùng Ronald đi đến kết luận, tốt nhất là tạo cho vụ án mạng có vẻ như một tai nạn ngẫu nhiên. Chẳng hạn một thằng cha rủ bạn đi săn và giết bạn trong rừng nhưng bố trí như một vụ bắn nhầm, hoặc súng cướp cò.

Cảnh sát có tài giỏi cũng không thể tìm đâu ra chứng cớ đấy là một vụ cố tình giết người. Làm thế nào chứng minh được không phải là hắn ta trượt chân và ngón tay vô tình chạm vào cò súng? Dù không ai tin cách lý sự ấy nhưng cũng không thể ai bác lại được. Và nếu trường hợp xấu nhất thì Tòa cũng chỉ có thể xử hai năm tù về tội "giết người không có dụng ý". Vậy là phải tạo cho bà dì một cái chết do nguyên nhân rủi ro.

Trong lúc đang nát óc tìm, bỗng nhiên Ronald vớ được tờ báo cũ đăng tin một chiếc máy bay của không quân làm rơi một thùng nhiên liệu đeo trên cánh xuống thành phố Los Angeles ngay bên cạnh một chiếc xe buýt suýt giết chết gần tám chục hành khách. Ronald nảy luôn ra giải pháp: Khai thác hiện tượng rơi của các vật thể.

Y liền tìm Ferdie và cặp "khối óc và bắp thịt" ngồi nhấm nháp ly Whisky trong một quán rượu vắng vẻ ở đầu thành phố. Ronald thấy không cần gì phải quanh co. Y nói toạc ra dự định.

Đầu óc Ferdie vốn tối tăm. Y hỏi:

- Mình làm sao thả được thứ gì nặng vào trúng đầu bà dì cậu? Máy bay bay trên cao như thế, họa có ống ngắm tối tân chưa chắc bắn đã trúng ấy chứ. Chỉ thả xuống không thôi thì dứt khoát là trượt.

- Ra cậu vẫn chưa hiểu. Cậu có cần thả gì đâu. Mình chỉ cần đúng lúc ấy cậu lượn trên cao. Dưới này mình sẽ cầm một vật nặng bổ vào đầu bà cụ. Khi cảnh sát đến, đưa vật đó ra, chẳng hạn cái búa, thì cậu nhận rằng đó là cái búa của cậu để trên máy bay, không may

rót xuống. Thế thôi! Mình chỉ cần lúc nhìn thấy cái búa cậu giả vờ hoảng hốt và đau đớn là đủ.

- Sau đấy mình sẽ bị sao?

- Họ làm gì được cậu nào? Một sự rủi ro mà cậu hoàn toàn không muốn. Tất nhiên họ sẽ thu bằng lái của cậu một thời gian. Trường hợp xấu nhất cậu cũng chỉ bị ngồi tù vài tháng là cùng. Nhưng cả cậu và tớ đều đã từng ngồi tù rồi, có gì đáng phải sợ lắm đâu. Và sau khi nhận thừa kế gia tài của bà dì, mình sẽ biếu cậu mười ngàn đô la. Đấy là chưa kể sau này mình giàu rồi, mình sẽ bao cậu trong các vụ ăn chơi, đập phá. Hãy tin ở mình đi, đây là một kế hoạch tuyệt đỉnh, đảm bảo thành công to.

- Nhưng mình không thể ném trúng đầu bà cụ được. Cậu tính trên cao sáu trăm mét...

- Khổ lắm, mình có cần cậu ném đâu, Ferdie. Mình sẽ phang cái búa ấy vào đầu bà cụ dưới này kia mà. Chuyện rơi từ trên máy bay xuống chỉ là ta bịa ra thế thôi. Và mọi người đều tin là như thế. Chỉ mình với cậu biết sự thật thôi. Rõ chưa nào?

- Bây giờ thì mình hiểu rồi. Vậy là mình chỉ cần bay và nhào lộn trên trời. Và đến khi cảnh sát chìa cái búa ra mình mới cần nhận và tỏ ý rất tiếc...

- Hoàn toàn đúng. Hai chúng mình đã phối hợp thành công bao nhiêu vụ rồi. Nhưng vụ này là lớn nhất: một triệu đô la kia đấy, cậu hiểu chưa?

Đôi bạn chia tay và Ferdie chậm hiểu hoàn toàn không hề nghĩ đến chuyện Ronald được một triệu mà chỉ chia cho y có mười ngàn đô la.

*
* *

Hôm sau Ronald đến nhà Ferdie và lục trong đống dụng cụ được một chiếc búa, đầu rất nặng và có cán nhỏ bằng thép. Y nhấc thử và mừng rỡ nói:

- Tuyệt vời! Cậu có hiểu tại sao không, Ferdie?

- Vì cái búa này rơi từ sáu trăm mét xuống thì đến voi cũng phải chết.

- Đúng thế. Nhưng chưa đủ. Cái búa này giống như một đầu đạn đại bác, khiến không ai có thể nghi ngờ được. Duy có điều, - y dừng lại suy nghĩ. - Mình không thể cầm vào cái cán này mà phang xuống sọ bà cụ được...

- Cậu nói vậy là ý sao?

- Mình phải làm đúng như cái búa từ trên cao rơi xuống. Bọn bác sĩ pháp y tinh quái lắm, không dễ lừa chúng đâu. Nếu mình cầm vào cán này, phang lên đầu bà cụ, chúng khám vết thương tích và phát hiện ra ngay là không phải búa từ trên rất cao rơi xuống. Chúng có đầy đủ phương tiện mà. Nào kính hiển vi, nào các hóa chất tạo phản ứng, rồi cả quang tuyến X quang tuyến y để khám xét vết thương trên đầu bà cụ. Mình đọc sách và đã thấy có trường hợp như thế rồi. Cho nên mình sẽ phải buộc cái búa này vào một sợi dây thừng rồi quăng dây cho búa rơi xuống đầu bà cụ đúng như rơi từ trên cao xuống.

Khuôn mặt đang đăm chiêu của Ferdie tươi lên:

- Giỏi! Cậu tinh ý thật đấy. Làm gì với cậu cũng yên tâm. Cậu suy tính không sót một chi tiết nào hết. Giỏi!

Ronald cũng lộ vẻ mãn nguyện:

- Thế hai đứa chúng mình phối hợp nhau mới thành công được. Tớ lo phần mưu trí còn cậu lo phần thực hiện. Nhưng cậu nhớ đóng một tấm thảm lên sàn chỗ buồng lái nhé, coi như cái búa cậu để quên dưới thảm và đã tưởng mất cho nên không quan tâm đến. Rồi cậu bỏ thảm ra nhưng vẫn để lại mấy cái đầu danh để sau này cảnh sát vào máy bay nghiên cứu khỏi nghi. Phải hết sức chu đáo, không được sơ suất chi tiết nào hết.

- Đồng ý.

- Bây giờ, - Ronald lấy giẻ chùi kỹ chiếc búa, - cậu in dấu tay vào cán búa đi để chứng tỏ búa của cậu. Vân tay của mình thì phải chùi cho sạch.

Ferdie đưa bàn tay ra và rụt lại ngay như phải bỏng.

- Không, - y phản đối. - Mình không muốn để vân tay mình trên vật gây tội ác...

- Nhưng đây không phải tội ác mà chỉ là một sự rủi ro. Cậu không được quên điều đó. Nếu cán búa không có vân tay của cậu có nghĩa cậu không hề sử dụng cây búa này trên máy bay. Và như thế cảnh sát sẽ nghi ngờ ngay. Còn vân tay của mình thì họ không thấy, có nghĩa mình hoàn toàn không dính dáng gì vào chuyện này.

- Thế nếu họ buộc tội mình?

- Ngốc lắm! Ngoài sân bay người ta sẽ chứng minh tình trạng ngoại phạm của cậu. Trong lúc bà cụ Frances bị chết, cậu đang ngồi trên máy bay và bay cao năm trăm mét kia mà. Nếu có điều khiến mình còn hơi lo là liệu mình có quật cây búa lên đầu bà cụ thật mạnh, như thế nó rơi từ trên cao năm trăm mét xuống hay không. Nhưng mình sẽ cố gắng. Còn cậu thì không phải lo gì hết. Dừng băn khoăn cho mất công, Ferdie! Cậu hãy tin ở mình.

Ferdie tin Ronald, tất nhiên rồi. Dù sao...

- Và chắc cậu hiểu mình không bao giờ bỏ rơi cậu, đúng thế không, Ferdie?

- Đúng, - Ferdie khẽ nói.

Và y cầm tay vào cán búa, cố tình để vân ngón tay in lên đó.

*
* *

Thứ bảy sau, trong lúc bà Frances ngồi trong ghế bành ngoài vườn đang đọc tờ tạp chí mới thì một chiếc máy bay thể thao hiện ra sau rặng cây. Tiếng động cơ kêu ì ì như tiếng một con côn trùng to bay qua. Bà ngẩng đầu, cau mày nhìn rồi lại cúi xuống tiếp tục đọc báo. Bà rất ghét cái tiếng động này và đã mấy lần bảo bạn của cháu bà đừng lượn máy bay trên đầu khu vực dinh cơ của bà.

Trong khi đó Ronald quan sát và tin chắc rằng lúc này không có tên gia nhân nào ở quanh đây, y mới rón rén đến gần ghế bà dì. Y đã cẩn thận buộc vào cán búa một thanh gỗ. Lấy đà y quật thật mạnh đầu búa lên trán

bà già. Không kịp kêu một tiếng, bà Frances tội nghiệp ngoẹo đầu lên mặt chiếc bàn nhỏ bằng đá hoa cương. Máu phun ra đầy trang tạp chí và rây cả khắp xung quanh. Ronald nhanh như cắt bình tĩnh tháo sợi dây buộc cán búa với thanh gỗ, cố gắng không đụng tay vào cán búa, hất nó xuống mặt cỏ, ngay bên cạnh thi thể bà dì. Sau đó y vứt sợi dây vào thùng rác đang cháy, còn thanh gỗ thì vào giữa đống củi lẫn vào những thanh củi khác.

Xong xuôi, y gọi điện báo đồn cảnh sát là vừa "phát hiện" ra một tai nạn. Khi cảnh sát đến nơi thì chắc chắn sợi dây đã cháy thành than rồi.

Tuy nhiên cảnh sát đã đến rất nhanh. Bà Frances Howard là nhân vật danh giá tại thành phố này. Cảnh sát chụp rất nhiều kiểu ảnh và thẩm vấn tất cả mọi người trong nhà cũng như mấy gia đình xung quanh khu biệt thự. Sau khi không thấy hiện tượng một tên bất lương nào lảng vảng quanh vùng này trong thời gian đó, Ronald mới định đưa ý kiến với cảnh sát về chuyện chiếc máy bay thể thao đã bay ngang qua vào đúng thời gian xảy ra cái chết của bà dì y. May thay y chưa kịp nói thì chị đầu bếp Harris đã đưa ra trước. Ronald chỉ cần nói thêm rằng, đó là chiếc máy bay của bạn y, tên là Ferdie Davis. Ferdie thứ bảy nào cũng lái máy bay lượn và nhào lộn vùng này.

Viên Trung úy cảnh sát cau mày suy nghĩ:

- Nghe nói ông bạn ông rất vô ý. Tôi tin rằng cái búa rơi xuống đầu nạn nhân chính là trên máy bay của ông ta.

Ronald trợn mắt nhìn viên Trung úy, làm bộ thán phục:

- Ôi, đúng rồi! Ông thật thông minh. Đúng là cậu ta để rơi cái búa xuống và rủi ro thay lại rơi trúng đầu bà dì tội nghiệp của tôi. Tôi nhận ra chiếc búa này rồi, đúng là của Ferdie. Có lần tôi đã nhìn thấy trong đống dụng cụ của cậu ta. Thật không may. Hoàn toàn ngẫu nhiên. Chú tôi cũng đã nghĩ mãi, dì tôi tính nết hiền lành, tốt bụng với mọi người, có ai thù oán đâu mà nỡ giết bà. Nhưng trường hợp ngẫu nhiên như thế này đúng là hiếm hoi. Khéo hàng triệu lần rơi, mới có một lần trúng mà lại trúng đầu con người ta.

Viên sĩ quan cảnh sát gật đầu. Đúng là rủi ro, hết sức rủi ro.

Nhưng gần tối hôm sau, một sĩ quan cảnh sát khác đến. Mặt mũi viên đại úy Swingle này Ronald thoạt trông đã thấy đáng ghét rồi. Ông ta bảo Ronald:

- Tôi đã thẩm vấn ông Ferdie Davis...

Điều này thì Ronald đã biết. Ferdie đã gọi điện báo cho y đồng thời chia buồn về cái chết của bà Frances Howard, đúng như kế hoạch hai đứa đã thỏa thuận. Ferdie kể là đã thú nhận với cảnh sát cái búa đó đúng là của y để trên máy bay và y vô ý đã làm rơi xuống lúc nào chính y cũng không biết, chắc là lúc cho máy bay nhào lộn.

Ronald buồn bã gật đầu:

- Thật không may cho cậu Ferdie. Lúc này cậu ta chắc ân hận lắm. Chỉ vì một sơ suất nhỏ mà giết chết con người ta. Cậu ấy quý dì tôi lắm, vậy mà đâm thành kẻ gây ra cái chết cho bà. Nhưng thưa ông Đại úy, ông có nghi ngờ chút nào là cậu ta cố tình giết bà dì tôi không? Theo tôi thì không thể có chuyện ấy vì trên cao

năm trăm mét làm sao cậu ta ném trúng được vào giữa trán một người ngồi tận dưới đất? Chỉ là rủi ro, một sự rủi ro thật khó mà tưởng tượng được. Hay là ông nghĩ sao, thưa ông Đại úy?

- Tôi lại cho rằng đây là một vụ giết người được bố trí rất tinh vi.

Ronald giận dữ:

- Ông nói gì vậy, ông Đại úy?

Đúng là bọn cảnh sát chuyên môn như thế. Chúng chẳng có chứng cớ gì hết nhưng cứ đưa ra những câu hỏi để bắt nọn và dọa dẫm người khác. Không! Chúng bay không tìm ra được chứng cớ gì đâu!

Đại úy Swingle nhìn thẳng vào mắt Ronald, chậm rãi nói:

- Không phải ông Ferdie Davis sơ suất mà là ông, ông Ronald! - Ronald há hốc miệng, chưa hiểu ra sao. - Ông đã bị câu chuyện về cái ngòi bút làm cho lầm lẫn. Chắc ông nhớ, thời xưa đã có người cho rằng, nếu dánh rơi quản bút thì ngòi nặng sẽ đâm xuống trước. Và họ đã nghĩ đến cách làm quản nặng để khi rơi, ngòi nhẹ hơn sẽ chổng lên. Họ đã lầm...

- Nhưng chuyện ấy liên quan gì đến cái búa này?

- Khoan đã, hãy nghe tôi nói. Nếu như cái búa rơi từ trên cao xuống, lúc xuống đất nó vẫn giữ đúng tư thế ban đầu chứ đâu phải phần nặng chúc xuống như ông tưởng và nhiều người khác cũng lầm tưởng. Galilée đã chứng minh định luật rơi của các vật là tốc độ rơi không tùy thuộc ở trọng lượng. Nếu cây búa nằm ngang, khi rơi

xuống đến đất nó vẫn nằm ngang. Ông Galilée đã chứng minh cách đây ba trăm năm rồi.

Óc Ronald suy nghĩ rất nhanh:

- Nếu như cái búa rơi có thể ở bất cứ tư thế nào, vậy căn cứ vào đâu ông dám khẳng định rằng tư thế ban đầu của nó không phải là theo chiều đầu búa xuống trước mà cán xuống sau?

Viên sĩ quan cảnh sát nhếch mép cười giễu cợt:

- Tôi nói định luật đó là dành cho các vật thể khi rơi trong chân không. Khi đó vật nặng mười tấn và vật nặng một ki lô cũng rơi bằng tốc độ ngang nhau. Nhưng trong không khí, có sức cản thì tốc độ bị chậm lại. Riêng trong trường hợp này, cán búa chịu sức cản ít hơn sẽ chúc xuống. Qua năm trăm mét, thời gian thừa đủ để xoay tư thế. Và nếu cái búa quả thật rơi từ trên máy bay xuống, cán búa sẽ rơi xuống trước, đập thủng trán bà Howard chứ không phải đầu búa như trên hiện trường vừa rồi. Chúng tôi đã làm thử thí nghiệm này và sáng nay đã thả cái búa từ trên trực thăng xuống. Đúng là cán búa xuống trước, cắm vào mặt đất chứ không phải đầu nặng của búa. Bây giờ ông có thể nói thêm gì được nữa nào, ông Ronald?

Ronald im lặng một lát. Cặp môi y mấp máy nhưng y không nói được. Lát sau y mới thốt lên, giọng khàn đặc:

- Ferdie vô tội, đúng thế. Cậu ta chỉ phạm tội là giữ im lặng thôi để khỏi phản bội bạn.

Nét mặt viên đại úy giãn ra. Giọng ông ta dịu lại:

- Vậy ông hãy đi theo tôi!

Hôm sau ông ta nói với viên cảnh sát trưởng thành phố:

- Thằng cha quan tâm đến gái nhiều hơn đến nhà bác học Galilée.

VŨ ĐÌNH PHÒNG *dịch*

Richard Hardwick
(Mỹ)

LƯƠNG TÂM NHẮC NHỞ

Từ trên núi cao vẳng xuống một thứ tiếng gì nghe như tiếng xe hơi đang rú máy. Không thể là xe hơi được vì trên đó có đường xá gì đâu. Nghe tiếng nổ thì giống tiếng xe nhưng nơi đó cây cối rậm rạp lại cách xa đường cái đến trên một cây số chứ ít à? Và cũng chẳng có lối đi nào trên đấy. Billy Joe nhún vai bỏ qua rồi nhấc chai rượu lên, tu một ngụm cho tinh thần phấn chấn. Y đậy nút chai lại rồi lại lắng nghe. Tiếng gió thổi vào đám cây cối khiến cái tiếng động khác thường kia càng khó nghe. Nhưng có lẽ là tiếng xe ô tô thật.

Nhưng lần này thì tiếng động vọng xuống khá rõ. Đúng là ôtô thật và nghe có vẻ xe chạy một cách vất vả lắm. Thôi đúng rồi, chỗ ấy có một lối mòn dẫn lên đỉnh núi, lối đi của những người kiếm củi. Tiếng động cơ bây giờ nghe khá rõ, có vẻ chạy một cách nặng nhọc, giống như tiếng gầm gừ của một con thú bị tử thương. Billy ngước mắt nhìn lên phía đó.

Y mở nút chai Whisky làm một ngụm nữa, đặt khẩu súng săn lên đầu gối, ngửa đầu, tựa lưng vào thân cây thông to. Lát sau y nhìn thấy một chiếc xe kiểu du lịch màu đen bóng loáng đang chạy rất chậm, nghiêng bên này lại ngả bên kia, giữa đám cây cối chen chúc. Xe chạy thêm khoảng chục mét nữa thì đỗ lại dưới một gốc cây thông rất to.

Billy chăm chú quan sát. Y thấy cửa xe mở, một người đàn ông rất cao, lưng hơi gù, mặc một bộ đồ màu sẫm, bước ra. Ông ta quăng chiếc mũ dạ lên ghế sau rồi lấy khăn mùi xoa ra phủi áo, mắt thận trọng nhìn xung quanh.

"Mình đã gặp lão này ở đâu rồi nhỉ?" - Billy tự hỏi.

Người lạ nhìn đi nhìn lại khắp các phía nhưng không thấy Billy vì y mặc một bộ quần áo đi săn cũng màu sẫm, lẫn vào với cây cối.

Không thấy gì khả nghi, người lạ dáng cao lớn kia bước ra phía sau xe, lấy chùm chìa khóa ra, chọn lấy một chiếc rồi mở ngăn đựng hành lý.

"Khéo lão cũng đi săn như mình!" - Billy lại nghĩ thầm.

Nhưng không phải. Bởi vì lúc này y đã thấy người lạ mặc một bộ đồ hết sức sang và chiếc xe hơi kiểu tối tân choáng lộn kia không có lý gì để đi vào con đường mòn gập ghềnh này.

Người lạ đã mở ngăn đựng hành lý ở sau xe. Nắp ngăn tự động bật lên do tác động của lò so. Ông ta lại thận trọng nhìn khắp xung quanh một lần nữa và khi cảm

thấy tin chắc không ai nhìn thấy mình lúc này, mới lấy trong xe ra xẻng và cuốc. Ông ta dựa hai dụng cụ vào thành xe rồi cúi xuống lôi ra một chiếc hòm có kích thước khá to khiến ông phải vất vả lắm mới nhấc lên được, đặt trên vai. Sau đó, vác chiếc hòm trên vai, một tay giữ và một tay cầm xẻng cuốc đi sâu vào trong khóm rừng thông, bước chân sải dài và như đã có chủ định trước nên không phải do dự gì hết.

Lát sau, tiếng lưỡi cuốc bổ xuống đá vọng lại theo nhịp đều đặn đến tai Billy vẫn đang chăm chú nghe. Y cau mày theo dõi, ngửa cổ nốc thêm một ngụm Whisky nữa để lấy thêm sức. Chỗ người lạ đào đất chỉ cách y hai chục mét, còn xe hơi của ông ta thì cách y chỉ mười lăm mét trên đầu y. Billy ngắm chiếc xe. Loại xe này không chỉ sang mà còn thuộc loại rất khỏe và có vỏ dày để tránh đạn, loại của những tên trùm găngxtơ mới dùng, bởi vì giá rất đắt.

"Thôi đúng rồi, đây chắc hẳn là một tên tội phạm cỡ bự và mình đã thấy ảnh lão ta đăng nhiều lần trên báo, đúng là như thế rồi!" Billy vẫn tiếp tục cố đoán về người lạ kia. "Và đúng là lão ta mới cướp được vụ nào lớn, bây giờ đem chôn giấu số tiền vớ được!"

"Mà cũng có thể, lão ta là một chủ tư bản cỡ lớn, đem của đến đây chôn để trốn thuế chăng?" - Billy lại nảy ra một giả thuyết thứ hai "Dù sao thì khoản tài sản lão đem chôn trong rừng sâu này cũng rất lớn. Chúa phù hộ ta rồi. Mình chờ mong dịp may như thế này cả một cuộc đời bây giờ mới gặp". Billy nở một nụ cười. Y thấy cuộc đời y sắp sang trang. Thế là chấm dứt quãng đời

nghèo khổ, cuộc sống không hơn gì của con hoang. Còn từ nay trở đi sẽ là cuộc sống thiên đường. Số của cải kia sẽ biến đổi hoàn toàn thằng cha Billy rách như tổ đia thành một nhà qúy tộc giàu sang hết mức!

Lát sau tiếng lưỡi cuốc bổ xuống đất đá ngừng và Billy nhìn thấy lão ta. Lão bước trong đám thông rậm rạp ra, hai ống tay sơ mi đã sắn cao, chiếc áo vét vắt trên vai. Chiếc hòm không còn nữa, chỉ có chiếc xẻng và chiếc cuốc lão vẫn đem theo ra xe.

Billy chăm chú theo dõi. Người lạ cất xẻng cuốc vào ngăn đựng hành lý ở sau xe, đóng nắp lại rồi bước vào ngồi chỗ tay lái nổ máy. Chiếc xe vất vả lắm mới quay đầu được và lại nghiêng ngả lăn xuống theo lối mòn lúc nãy. Tiếng máy chạy cùng với tiếng xe quặt trái quặt phải lẫn vào tiếng gió thổi vào cành lá trong rừng. Lát sau chiếc xe chạy khuất khỏi tầm mắt của Billy.

Billy ngước mắt lên nhìn trời. Những tảng mây nặng nề màu xám báo hiệu tuyết sắp rơi nặng hạt. Y đứng lên, khoác cây súng săn lên vai rồi bước nhanh lên chỗ chiếc xe ô tô đã đậu ban nãy rồi đi sâu vào giữa đám thông rậm rạp, nơi người lạ đi vào để chôn của. Người lạ đã cẩn thận lấy lá thông rậm che vết chân lão ta, nhưng Billy không khó khăn gì cũng tìm ra được đúng chỗ lão đã chôn cái hòm mà lão vác trên vai. Billy không chần chừ gì hết, vội vã xỏ tay vào đôi găng bằng vải rất dày, bắt đầu bới đất.

Bới xuống khoảng gần một mét thì tới chiếc hòm. Tuy rất mệt nhưng y quyết định không nghỉ. Tuyết sắp rơi và trời sẽ tối sầm xuống bây giờ. Tuy nhiên y cũng

ngửa cổ nốc thêm một ngụm Whisky nữa để tăng sức khỏe, bắt đầu bới lấy chiếc hòm ra.

Bỗng nhiên y giật mình, vội ngoái đầu lại phía sau. Lỡ lão chủ nhân cái hòm quay trở lại bắt gặp y "cuốn" tài sản của lão thì nguy.

Y đứng lên, cẩn thận nhìn ngó khắp xung quanh. Vì rất có thể lão rón rén đến gần và lúc này đang theo dõi y thì sao?

Trời tối rất nhanh. Những đám mây tuyết đã phủ kín bầu trời và gió bấc bắt đầu thổi mạnh. Y soi mói nhìn vào từng bụi cây nhưng không thấy ai hết. Chắc chắn là lão đã ra về rồi. Billy yên tâm cúi xuống bới tiếp. Y đã bốc hết đất trên nắp chiếc hòm và bắt đầu tìm ổ khóa. Hòm không được khóa cẩn thận mà chỉ đóng sập vào thôi. Billy ấn mạnh ngón tay vào bộ phận giống như nút đài. Nắp hòm khẽ bật lên, để hở ra một khe hở nhỏ. Y nhấc mạnh nắp lên và sửng sốt!

Trong hòm là một phụ nữ còn trẻ, rất trẻ với làn tóc vàng óng. Và cô ta đã chết!

*

* *

Mặc dù với động tác rất nhanh, Billy cố vội vã lấp "nấm mồ" lại nhưng khi làm xong thì tuyết đã rơi và bầu trời tối sầm lại. Billy đứng lên, chạy thật nhanh xuống dốc, miệng không ngớt rủa cái số phận hẩm hiu, cái số kiếp đen đủi của y. Y đã sinh ra trên cõi đời này dưới ngôi sao nào không biết mà cuộc đời y toàn gặp vận rủi như thế này. Giá như một thằng cha nào khác gặp trường hợp

như thế này ắt đã vớ được một hòm đầy vàng và kim cương rồi, nhưng rơi vào tay y thì chỉ là một cái xác người!

Y về đến nhà lúc vợ Y đang rửa phin và tách đựng cà phê. Trên bàn vẫn đầy những mẩu bánh vụn. Hôm nay là thứ bảy và theo lệ thường mấy mụ bạn của Ella Mae kéo đến cùng khâu vá và dở dói ra ăn uống đôi chút.

- Hừm, lại tụ tập ngồi lê đôi mách toàn chuyện vớ vẩn chứ gì? Mấy con bạn của cô ấy, đúng chưa nào?

Ella Mae nghe thấy chồng nói thế liền nổi khùng ngay:

- Đừng có giở cái giọng ấy ra, mà tôi đập một cái vào giữa đỉnh đầu cho biết tay!

Nói xong, chị vợ Y bước tới, ghé mũi sát miệng chồng, hít:

- Lại nốc đến say khướt rồi chứ gì? Mà sao quần áo lấm lem thế kia? Hay say quá ngã quay ra đất, hả?

Lúc này Billy mới nhìn xuống và thấy quần áo y đầy đất cát. Y bèn lầu bầu câu gì đó để cắt nghĩa nguyên do nhưng vợ y không nghe rõ và cũng chẳng buồn nghe làm gì. Sau đấy lầm lũi ra nhà tắm để rửa ráy.

Suốt trong bữa ăn, Billy chỉ lặng lẽ nhai và nghe đủ thứ lời lẽ sỉ vả của vợ. Đã có lúc y thoáng có ý định kể câu chuyện ban chiều cho Ella Mae nghe, nhưng y lại thôi vì nghĩ, vợ y đang bực bội thế này mà y kể thì chỉ tổ bị vợ mắng té mắng tát thêm mà thôi. Và lại chuyện cũng chẳng có gì hay ho, chỉ càng chứng tỏ thêm là chị ta đã

không may vớ phải anh chồng toàn gặp vận rủi như thế này.

Mãi đến lúc ăn xong, y vừa đứng lên thì Ella Mae bỗng nói:

- Sao từ lúc về không thấy anh hở miệng nói lấy một câu thế? Hay anh ốm rồi?

- Cô liến thoắng suốt cả bữa ăn có để tôi chêm vào câu nào đâu? - Billy đáp. - Với lại tôi còn đang nghĩ.

- Ôi, lạy Chúa tôi, anh ta còn đang nghĩ! - Ella Mae rít lên thảm thương, trong lúc cũng đứng lên xếp bát đĩa bẩn lại để bưng đi. - Hôm nay tôi mới lại thấy anh ta nghĩ đấy. Có dễ đến tám tháng rồi đấy nhỉ? Kể từ cái hôm anh để xổng con bò cái, khiến xe chạy ngoài đường va vào làm nó chết.

- Hôm ấy không phải lỗi của tôi. - Billy càu nhàu.

- Còn lần trước nữa tôi thấy anh nghĩ là cái hôm anh quên không hãm phanh khiến xe tải nhỏ của nhà mình cứ thế lăn xuống dốc và va phải ụ đá, bẹp cả một bên thành xe.

- Không phải tôi quên mà là phanh mòn quá rồi.

- Tôi như anh thì tôi thôi không có nghĩ có ngợi gì nữa hết, - Ella Mae mỉa mai. - Mỗi lần thấy anh nghĩ là tôi lo, lại sắp mất, sắp hỏng cái gì đấy.

- Nguyên do chỉ là do cái số tôi. Chính do cái số không ra gì ấy mà tôi đi lấy cô, cô hiểu không?

- Số tôi còn không ra gì hơn cho nên tôi mới vớ phải anh. Ôi, sao lúc ấy tôi ngu thế không biết, lại đi

nhận lời lấy anh để đời tôi phải chịu bao nhiêu nỗi khổ khốn nạn như thế này!

Billy nhăn mũi mia mai rồi lẳng lặng đi ra góc phía trước nhà lấy thuốc ra ngồi hút. Y hiểu rằng cãi nhau với đàn bà thì chỉ mất công. Bao giờ câu cuối cùng là của họ thì họ mới chịu im. Y chợt so sánh mụ vợ đã xấu lại còn mồm loa mép giải với cô gái nằm trên sườn núi kia, xinh đẹp tuyệt trần và chắc chắn tính tình cũng hiền hậu. Nhưng tại sao lão đàn ông sang trọng ngồi chiếc xe hảo hạng kia lại đem chôn cô ta trên đó? Đấy là vợ lão chăng? Nếu vậy thì tức là lão đã phải chịu đựng cô ta cũng khốn khổ không kém gì mình phải chịu đựng con vợ đanh đá này. Chắc là như thế thì lão mới chấm dứt cuộc đời cô ta và đem chôn giấu trên sườn núi vắng vẻ kia.

Billy mim cười thầm nghĩ: giá như Ella Mae lúc này cũng nằm trong cái hố ấy thì mình thảnh thơi biết bao nhiêu. Nhưng nếu như hàng xóm đột nhiên thấy cô biến mất khỏi cái nhà này thì họ sẽ nghĩ sao và y sẽ phải cắt nghĩa cách nào để họ khỏi nghi ngờ?

Billy hình dung lúc mấy người hàng xóm đến, những câu họ sẽ hỏi và vẻ mặt của họ lúc ấy. Y bất giác liếc nhìn vợ y đang rửa bát đĩa ở góc cuối phòng, nơi có bếp và chậu rửa.

Rồi y lại nghĩ, lão ăn mặc sang trọng kia sẽ trả lời như thế nào khi có người hỏi thăm đến vợ y, cô vợ xinh đẹp đột nhiên đã biến mất? Y chưa biết đấy có phải là vợ lão kia không, nhưng cứ tạm giả định là như vậy. Thôi được lão ta chôn xong cô ta và thế là từ nay được thảnh thơi. Đấy là việc của lão. Billy không có thói thóc mách

việc người khác mà chỉ tiếc giá như cái hòm ấy không đựng xác người mà đựng vàng bạc tiền nong có phải hay cho y không! Bắt gặp một kẻ đang bí mật chôn cái hòm là một điều đâu phải ai cũng tình cờ thấy được. Y đã may mắn hơn người ở cái điểm ấy vậy mà cái hòm lại không đựng thứ gì đáng tiền có đau không?

*

* *

Hôm sau, Billy lại gặp một thứ nữa kích thích suy nghĩ của y, đó là bức ảnh in trên tờ báo chụp một người dáng rất cao có cái lưng lom khom, y cảm thấy đã từng gặp người này ở đâu rồi. Tên họ ghi bên dưới tấm ảnh là Leonald Cramer, con trai của thượng nghị sĩ Thompsom Cramer, chủ tịch Đảng đang chiếm đa số ghế trong Nghị viện, người đang làm mưa làm gió trên chính trường của nước Mỹ. Anh con trai Leonald rất giống ông bố về mọi phương diện...

Tờ báo đưa tin về việc vợ của Leonald đột nhiên mất tích một cách hết sức bí mật. Tác giả bài báo cho rằng đây là một hành động trả thù đối với thượng nghị sĩ Thompson Cramer của những người đối lập ông ta về chính trị. Trên trang báo có đăng cả một bức thư ngỏ thống thiết của ông già thượng nghị sĩ kêu gọi những ai đã bắt cóc con dâu ông xin cho ông chuộc lại bằng bất cứ giá nào, còn nếu như họ đã thủ tiêu cô gái thì cũng xin trả lại thi hài để gia đình và người chồng xấu số của cô có thể làm lễ an táng cô theo đúng nghi thức tôn giáo. Bên cạnh có in ảnh của nạn nhân: một thiếu nữ cực kỳ

xinh đẹp với làn tóc vàng óng, đang mim cười duyên dáng. Billy nhận ngay ra chính là cô gái trong cái hòm chiều hôm qua y đã bới lên. Hai tấm ảnh và bài viết trên báo đã khiến Billy suy nghĩ miên man rất lâu.

Báo còn đưa tin cơ quan điều tra liên bang F. B. I hiện đang tích cực tiến hành điều tra và đã thẩm vấn một số người tình nghi.

Chà! Thì ra là như thế. Rõ ràng là sẽ không ai tìm ra được thi hài cô gái kia và ít lâu sau câu chuyện sẽ bị lùi vào quên lãng. Thật giản dị biết bao.

Billy liên tưởng đến vợ y: Ella Mae. Chắc chắn sẽ không ai bắt cóc và thủ tiêu mụ... Chẳng ai thèm nghĩ đến cái chuyện ấy. Y đã ngán vợ y đến tận mang tai rồi... Billy nhấc tờ báo trên đầu gối lên xem lại bức ảnh chụp anh chàng Leonald Cramer rầu rĩ, đau đớn. Đúng là anh ta có tài đóng kịch! Billy hình dung lại quang cảnh chiếc xe màu đen bóng lộn đang ì ạch leo dốc, nghiêng ngả lách qua các tảng đá, rễ cây. Rồi y nhớ lại bộ âu phục bằng vải đắt tiền và cắt rất đẹp trên người anh ta chiều hôm qua. Rồi lúc anh ta vác cái hòm trên vai, tay cầm xẻng cuốc đi sâu vào cánh rừng thông rậm rạp. Cả những tiếng cuốc bổ xuống đất sỏi...

Bao nhiêu ý nghĩ kỳ quái thi nhau hiện lên trong óc Billy. Dần dần những ý nghĩ lộn xộn ấy được sắp đặt thành hàng lối và y lờ mờ nhận ra rằng cái hòm đựng xác người kia có thể biến thành cái hòm đựng vàng và tiền nếu như y biết cách khai thác. Y mim cười, ngước mắt lên nhìn qua ô cửa cái lưng bè bè đáng ghét của mụ vợ.

Đột nhiên một ý nghĩ thiên tài lóe lên trong đầu y.

Đúng ra là hai ý.

*
* *

Việc thực hiện ý thứ nhất không khó khăn gì, nhất là trong bước đầu tiên. Sáng hôm sau, lúc Ella Mae đi làm ở xưởng kéo sợi, Billy đem một cái thuổng và một cái xẻng lên chỗ sườn núi hôm trước. Y cẩn thận đem theo nửa lít Whisky để chống rét. Đến nơi y bắt tay vào việc ngay. Y đào một cái huyệt cách đấy khoảng một trăm mét rồi chuyển cái hòm dựng thi hài cô gái xinh đẹp xấu số kia sang chôn ở nơi mới. Y lấp đất cẩn thận, phủ vài cành cây lên trên để không ai phát hiện ra rồi đứng ngắm nghía, ghi nhớ những đặc điểm để khỏi quên địa điểm. Xong việc y quay về nhà.

Sau khi tắm rửa và thay quần áo xong. Y lái chiếc xe tải nhỏ của y ra thành phố, đỗ lại trước cửa một hiệu cắt tóc, chui vào tủ điện thoại công cộng gần đó. Y xin đường dài. Lúc đó đột nhiên y nảy ý nghĩ hay thôi không tiến hành tiếp ý đồ. Nhưng đúng lúc đó tiếng cô điện thoại viên vang lên trong máy; hỏi y cần gì.

- Tôi muốn nói chuyện với ông Leonald Cramer ở Washington, xin cô làm ơn. - Sau đấy trong máy im một lát rồi cô điện thoại viên báo y khoản phí tổn. Rồi trong máy vang lên giọng nói ở đầu dây bên kia.

- Tôi, Leonald Cramer, nghe đây.

- Chào ông Cramer. Tôi xin phép không xưng danh. Vả lại lúc này tôi là ai, tên tôi là gì chưa phải điều quan trọng. Điều duy nhất ông cần biết là câu tôi sắp nói ra

đây, mong ông lắng nghe cho kỹ. Và tốt nhất là ông không nên để có ai gần đó bởi vì nếu họ nghe được câu chuyện giữa ông và tôi sẽ rất phiền cho ông, tôi tin là như thế.

Nói những lời này, trong lòng Billy thấy khoan khoái: y dám nói cái giọng ấy với Leonald Cramer, con trai của thượng nghị sĩ Thompson Cramer, con người hét ra lửa và tất nhiên không coi thằng cha Billy Joe là cái thá gì.

Đầu dây bên kia im lặng như đang nóng lòng chờ đợi để nghe.

- Xin phép ông Leonald cho tôi được nói kỹ hơn. - Billy nói tiếp.

- Cách đây hai ngày tôi tình cờ có mặt ở trên sườn núi Hooker Ridge. Tôi đã trông thấy một chiếc xe màu đen bóng lộn đang lắc lư leo lên dốc theo con đường mòn mấp mô. Chắc ông thừa biết tôi rất ngạc nhiên, sao chiếc xe đẹp và sang như thế lại chui vào nơi rừng núi hoang vu ấy làm gì. Nhưng đấy chưa phải điều ly kỳ nhất mà tôi đã khám phá ra. Và ông thử đoán xem tôi đã trông thấy gì sau lúc chiếc xe màu đen đậu lại dưới gốc cây thông lớn?

- Nhưng ông là ai? - Giọng Leonald như đứt quãng.

- Ôi, biết nói thế nào được nhỉ? Tôi chính là lương tâm của ông đang lên tiếng... - Billy thích thú vì tìm ra một câu nói thông minh làm sao "lương tâm của ông đang lên tiếng". Y nói tiếp đầy hào hứng. - Đây chính là lương tâm của ông lên tiếng, để báo ông biết rằng, cái bài báo kia không phải đã lừa được tất cả mọi người. Ít nhất thì cũng có một đứa hiểu rằng lời lẽ trong bài báo toàn là chuyện dựng đứng. Nhưng thôi, hôm nay hãy tạm thế. Tôi

sẽ còn gọi điện thoại cho ông và ta sẽ có dịp cộng tác với nhau.

- Khoan đã! - Tiếng trong máy hét lên, hốt hoảng.

Nhưng Billy đã nhẹ nhàng đặt máy xuống, đứng một mình trong tủ điện thoại, cười khúc khích. Y bước ra, bước vào hiệu cắt tóc, cởi áo khoác treo lên mắc rồi ngồi đàng hoàng và oai vệ vào ghế bành.

- Cạo râu cho tôi, bác Luke!

Bác thợ cắt tóc nhăn mặt cười, đưa mắt nhìn hai người khách cũng vừa bước vào:

- Chà, anh vừa kiếm được món nào bở lắm phải không, Billy? Bởi vì theo tôi nhớ thì lâu lắm rồi anh chưa hề chi tiền một xu cho cửa hiệu của tôi. Hay chị Ella Mae mới được tăng lương đấy?

Hai người khách kia cười cùng với bác chủ hiệu cắt tóc. Riêng Billy không cười mà nói giọng hách dịch:

- Các vị cứ việc cười. Các vị có cười mấy thì cũng không cản được một khi vận may đến với một ai đó, hiểu chưa? - Billy ngả đầu ra phía sau, tựa gáy lên chiếc đệm bọc da êm ái, lim dim mắt, tận hưởng cảm giác khoan khoái khi chiếc khăn bông dấp nước nóng thoa trên mặt y. Lúc này khắp thân thể y giãn ra và y nghĩ đến lúc y tha hồ hưởng mọi khoái lạc của cuộc đời.

Chỉ cần cơn thịnh nộ của anh chàng Leonald Cramer kia dịu đi. Bởi vì cũng cần để "cậu ta" (y thú vị nghĩ về chàng công tử con nhà giàu bậc nhất nước Mỹ kia bằng hai chữ thân tình ấy) để cậu ta tức giận, hoảng hốt, suy tính và khi cậu ta bình tĩnh, y mới đề ra yêu sách. Khi

đó thì không thể chuội được. Dứt khoát "cậu ta" sẽ phải chấp thuận. Nhưng ta đòi "cậu ta" trả bao nhiêu nhỉ? Cậu ta rất giàu điều ấy đã rõ. Nhưng để khỏi phải lên ngồi ghế điện thì cậu ta chịu trả giá bao nhiêu. Ít ra cũng là mười ngàn đôn. Giá ấy là rẻ quá rồi còn gì. Nhưng thôi, ta cũng chỉ cần ngần ấy là ung dung hưởng mọi khoái lạc trên đời cho đến hết đời.

Nhưng đột nhiên Billy nhớ đến một điều. Muốn một mình hưởng cái may mắn này thì việc đầu tiên là phải thủ tiêu con mụ Ella Mae! Chà, chuyện này hơi phức tạp đây. Mình có thể bố trí một tai nạn. Nhưng liệu có lộ không? Hay lại dùng phương pháp của thằng cha Leonald kia, bịa ra một chuyện mất tích? Nhưng tại sao mụ lại mất tích? Mụ đang sống yên ổn, có công ăn việc làm ổn định, có một thằng chồng đứng đắn. Việc gì mụ phải bỏ đi? Mà bịa ra chuyện có kẻ bắt cóc mụ thì không ai tin, bởi vì thằng nào bắt cóc mụ làm gì kia chứ?

Tính đi tính lại thì cách tốt nhất vẫn là tạo ra một tai nạn. Nhưng kiểu tai nạn thế nào để xung quanh khỏi nghi vấn? Chà khó đấy. Nhưng rồi ta sẽ nghĩ ra thôi.

- Anh lẩm bẩm cái gì thế, Billy?

Billy choàng mở mắt. Bác thợ cắt tóc đang liếc lưỡi dao cạo lên miếng da, miệng cười toác ra đến tận hai mang tai.

- Anh ta bắt đầu lẩm bẩm một mình, hai ông thấy chưa? Thế nghĩa là thế nào, anh hiểu không, Billy? - bác thợ vừa cạo má cho Billy vừa nói với hai người khách đang ngồi đọc báo, chờ đến lượt.

Và cả ba lại cười rộ lên vui vẻ.

Lần này Billy cũng há miệng mim cười và lại nhắm nhẹ mắt khoan khoái hưởng cảm giác lưỡi dao lướt trên má. Y bất chấp ai cười. Với lại chẳng bao lâu nữa Billy này cũng ngồi trong chiếc xe màu đen choáng lộn giống như con trai thượng nghị sĩ Cramer! Khi đó liệu các bạn còn cười nữa hay không? Lúc đó kẻ cười sẽ là ta!

*

* *

Hôm sau Billy vác khẩu súng săn lên chỗ sườn núi Hooker Ridge. Y đến chỗ huyệt mà Leonald đã chôn cô gái tóc vàng, thấy đã bị bới lên, đất sỏi tung tóe khắp bốn xung quanh. Billy thầm nghĩ đến nét mặt hoảng hốt và tuyệt vọng của "cậu chàng" Leonald Cramer khi thấy cái hòm đựng thi hài đã không còn!

Mấy ngày sau, y chăm chỉ theo dõi báo chí: giả thuyết về cô gái kia bị bắt cóc đã không thấy bàn đến nữa và hình như việc điều tra cũng đã chấm dứt. Báo đưa tin là có nhiều khả năng cô gái đã bị thủ tiêu. Tin tức về vụ mất tích này cứ nhạt dần và rồi không thấy báo chí nào nhắc đến nữa.

Billy vẫn đều đặn gọi điện cho Leonald Cramer, nhưng y chú ý mỗi lúc dùng một máy để khỏi bị ai phát hiện. Chiếc xe tải nhỏ lúc này rất được việc bởi y phải thường xuyên ra thành phố và tìm những tủ điện thoại ở tận các khu vực khá xa. Và mỗi lần thấy Leonard Cramer ở đầu dây bên kia, y lại lập đúng cái câu y đột nhiên nghĩ ra hôm đầu: "Đây chính là lương tâm của ông lên tiếng... Ông nên chuẩn bị sẵn một khoản tiền kha khá để ta có

thể gặp nhau nói chuyện..." Và nói xong, y lập tức nhẹ nhàng đặt máy xuống, bất chấp người cầm máy ở đầu dây bên kia hoảng hốt và đòi được nói chuyện thêm vài câu với y.

Vậy là "cậu chàng" Leonald Cramer kia lúc này đã sẵn sàng trao tiền cho y rồi. Chỉ còn một khâu cuối cùng cần giải quyết nốt nữa là xong: đó là thủ tiêu mụ vợ. Billy đã trằn trọc bao nhiêu đêm mà vẫn chưa nghĩ ra cách loại trừ Ella Mae kiểu nào êm ả nhất.

Giết mụ thì dễ ợt nhưng trả lời hàng xóm thế nào mới là điều khó. Phải làm cách nào để không ai nghĩ đây là vụ giết người. Billy đã tính đến chuyện dùng súng. Trước nay đã xảy ra bao nhiêu trường hợp súng cướp cò, lúc đang lau chùi... Đấy cũng là một cách, nhưng cứ thử nghĩ thêm xem có cách nào hay hơn không. Cách giản đơn nhất, mà ít gây nghi ngờ nhất.

Thứ bảy đó, trời rất xấu. Mưa tầm tã suốt ngày. Billy lái chiếc xe tải nhỏ của y ra thành phố. Và trong lúc y thận trọng lái để xe khỏi bị trơn, đưa y xuống vệ đường thì chợt y nghĩ ra một giải pháp tuyệt diệu. Tại sao không dùng ngay chiếc xe này cán chết mụ Ella Mae nhỉ? Bộ phanh vốn đã không tốt và xung quanh nhà thì toàn bùn trơn! Sẽ không có ai nghi ngờ gì hết. Mọi người chỉ thấy đấy là một tai nạn ngẫu nhiên. Còn nếu như có đứa nào nghi ngờ thì kiếm đâu ra bằng chứng là y giết vợ?

Billy khoái trá huýt sáo miệng, lúc dừng xe trước cửa nhà. Y hạ tấm kính bên phải xuống một chút rồi ấn còi inh ỏi. Cửa mở và bộ mặt cau có của Ella Mae ló ra. Billy hét:

- Ra đây! Mình ra đây giúp tôi một tay với. Nhanh lên!

- Sao lại phải giúp? Xe làm sao à? - Mụ vợ gắt.

- Ra đây, tôi sẽ trỏ cho mà thấy.

Mụ chạy vào nhà. Thoạt đầu Billy đã tưởng mụ không chấp nhận mệnh lệnh của chồng. Nhưng lát sau thấy mụ bước ra, vừa đi vừa buộc chiếc khăn trùm đầu. Ella Mae cúi đầu chạy dưới làn mưa nặng hạt ra trước đầu xe. Billy nhả phanh, cho xe chạy thẳng về phía mụ, mỗi lúc một tăng tốc độ, Ella Mae vội nhảy sang một bên nhưng bùn trơn làm mụ ta loạng choạng. Thế là bánh xe đằng trước hất mụ ngã. Billy thấy rõ khung xe nghiến trên người mụ vợ hơi mềm mềm.

Chiếc xe lướt qua rồi dừng hẳn lại. Billy thở phào, dừng hai bàn tay trên vô lăng một lát để định thần. Đến lúc này y mới nhìn thấy một chiếc xe đã đỗ từ lúc nào ngay gần đó để tránh mưa. Đồng thời y nhìn trong kính hậu thấy xác Ella Mae nằm phía sau xe và ba cái đầu phụ nữ ló ra ở khung cửa mở rộng. Lúc này y mới chợt nhớ ra là chiều thứ bảy, vợ y vẫn thường rủ vài bạn thân đến cùng khâu vá và ăn uống chút ít với nhau.

*

* *

Không còn cách nào chối cãi, Billy Joe nhanh chóng bị đưa ra tòa xét xử và Tòa cũng nhanh chóng kết án mức độ nặng nhất: tử hình trong tiếng hò reo đồng tình của những người đến dự xem phiên tòa. Billy không ngờ mụ vợ đáng ghét của y lại được mọi người đánh giá cao

như thế. Và khi nghe tuyên án "bị cáo sẽ bị treo cổ...!" khắp người y giá lạnh như thể ruột gan y biến thành nước đá tự bao giờ.

Tuy nhiên ngồi trong xà lim tử hình, Billy vẫn chưa hoàn toàn thất vọng. Mới cách đây ít ngày số phận đã ưu đãi y, vậy vận may đâu có bỏ y nhanh đến thế. Hơn nữa chẳng lẽ Chúa lại bất công đến như vậy hay sao: thằng cha Leonard thì thoát mà y thì lại bị tội! Không thể như thế được. Phải có cách nào gỡ lại chứ?

Billy suy nghĩ rất căng và cuối cùng y chợt hiểu ra rằng, hai cha con ông thượng nghị sĩ Cramer kia vẫn còn có tác động được vào số phận của y. Ông già Cramer quyền lực còn trên cả Tổng thống nữa kia, tại sao y không khai thác cái quyền lực ấy nhỉ? Chỉ cần chữ ký của tổng thống bên dưới một mảnh giấy là y lập tức thoát khỏi số phận tệ hại này. Và ông già của Leonard Cramer thừa sức lấy được mảnh giấy có cái chữ ký ấy. Tóm lại kế hoạch của Billy là đổi mạng. Nếu Leonard thoát khỏi được án tử hình thì y cũng phải được thoát.

Tính toán xong, Billy lập tức yêu cầu luật sư tới phòng giam gặp. Thời gian không còn dài nữa rồi. Khi luật sư đến, Billy kéo ông ta vào tận góc phòng giam, để có thể trò chuyện mà không bị ai nghe trộm, trước hết là viên gác ngục.

- Có chuyện gì vậy, anh Billy Joe? - ông luật sư hỏi.
- Tôi đã làm tất cả những gì trong khả năng của tôi để giảm nhẹ tội cho anh. Bây giờ anh còn gọi tôi đến đây làm gì nữa? Cái xà lim tử hình này khiến da tôi nổi gai ốc rồi đây! - ông ta nói và vẻ kinh hoàng hiện trên nét mặt.

- Mọi thứ đó không quan trọng gì hết! - Billy nói. - Ông không cần thảo bản kháng cáo gì hết. Tôi sẽ ra khỏi được đây thôi.

Viên luật sư lo lắng nhìn Billy:

- Anh nói giỡn! Nhà giam này không phải là nơi để anh vượt ngục dễ dàng như thế đâu.

- Khoan, ông nghe tôi nói đã. - Billy sốt ruột ngắt lời. - Và hãy làm đúng như lời tôi sắp yêu cầu đây. Ông hãy gọi điện thoại cho Leonard Cramer ở Washington, đấy là con trai của ngài thượng nghị sĩ Thompson Cramer...

- Sao? Gọi điện cho ông Cramer...

Nhưng Billy vẫn đang nóng vội nói ra hết kế hoạch của y.

- Đúng, ông gọi điện cho ông ta, ông Leonard ấy, tự giới thiệu ông là luật sư và nói rằng khách hàng của ông đang gặp khó khăn... (Viên luật sư định ngắt lời nhưng Billy xua tay nói tiếp). Ông bảo ông ta đúng những lời thế này, - nói đến đây Billy nở một nụ cười ranh mãnh. - Khách của ông có đến Hooker Ridge và biết chuyện. Anh ta mời ông đến gặp anh ta ngay.

Thấy viên luật sư lắc đầu quầy quậy, Billy ngạc nhiên, ngừng nói.

- Tôi không hiểu anh định nói gì, Billy, nhưng tôi khuyên anh đừng nghĩ đến chuyện ấy nữa...

- Tại sao vậy? Nhưng bố ông ta có thể kiếm được lệnh của tổng thống ân xá cho tôi!

- Tôi không hiểu tại sao lại như thế. Nhưng về ông Leonard Cramer thì... anh hãy quên ông ta đi. Sáng nay

ông ta đã tự sát bằng súng bắn vào giữa sọ. Tôi vừa mới nghe tin trên đài cách đây một tiếng đồng hồ. Ông ta để lại lá thư tuyệt mệnh, thú nhận đã giết vợ. Chuyện bà vợ ông ta bị bắt cóc là do ông ta dựng lên thế thôi.

Billy há hốc miệng:

- Hắn ta đã thú nhận à?... Nhưng tại sao kia chú? Tại sao? Chỉ có mỗi một người biết chuyện đó là tôi. Và nếu như tôi không nói ra thì...

Viên luật sư bước ra phía cửa, nhấc chiếc cặp da vẫn để ngoài đó rồi nói tiếp:

- Ông Leonard Cramer ấy còn viết trong lá thư tuyệt mệnh là lương tâm ông ta cắn rứt khiếp quá, khiến ông ta không sáo sống nổi. Ai ngờ được một con người nhẫn tâm như thế mà vẫn còn bị lương tâm cắt rứt! Ôi, tôi nói vậy không phải ám chỉ gì ai đâu! - ông ta nói và liếc nhanh về phía Billy.

Ông ta từ từ đội mũ lên đầu và nói tiếp:

- Đơn kháng cáo và xin ân xá tôi vẫn tiếp tục làm, nhưng chỉ khuyên anh đừng đặt hy vọng vào đó nhiều.

Rồi ông ta quay ra cửa phòng giam, gọi người canh gác mở cửa.

VŨ ĐÌNH PHÒNG *dịch.*

C.B. Gilford
(Mỹ)

NHỮNG CÁI CHẾT ĐƯỢC ĐẶT TRƯỚC

KREBS chờ một người hẹn sẽ đến gặp ông vào đúng mười một giờ. Mặc dù chuông đồng hồ chưa điểm nhưng ông đã sốt ruột, không ngồi yên được mà phải đứng lên, đi đi lại lại từ đầu đến cuối phòng giấy. Và mỗi lần quay bước để đi lần nữa, ông lại dừng chân, ngước mắt nhìn chiếc đồng hồ treo tường bóng lộn chế tạo tại Leipzich. Không có lý gì để hồ nghi độ chính xác của hãng chế tạo đồng hồ nổi tiếng khắp thế giới này. Đúng là chưa đến mười một giờ thật.

Lúc này ông chưa thể nghĩ được chuyện gì khác ngoài việc mong người đã hẹn kia. Cửa ra phố ông đã cố tình không khóa để y có thể tự đẩy ra rồi khép lại, đi dọc theo hành lang bên trái để tới phòng giấy này. Cách thức tới gặp mình, ông đã dặn y rất kỹ và y hẹn sẽ đến vào thời gian chính xác.

Khi chiếc kim dài chỉ phút nhích đến số mười một, nghĩa là còn năm phút nữa, Krebs quyết định ngồi vào chiếc ghế đệm bọc da mềm, cố gắng lấy vẻ bình thản. Ông không muốn "thằng cha" bắt gặp thái độ sốt ruột của

ông và y sẽ có ấn tượng không đẹp về "ông chủ". Bởi vì thằng cha sắp đến đây chỉ là kẻ làm thuê cho ông để lấy tiền, có vậy thôi.

Chuông đồng hồ treo tường vừa gõ tiếng thứ nhất thì Krebs nghe thấy cánh cửa ra phố mở. Tiếng động rất khẽ, nếu không lắng tai, ông không thể nghe thấy được.

Krebs đã lắng nghe nhưng đến lúc này có thể nói là ông dỏng tai, cố không để sót một tiếng động nhỏ nào. Sau tiếng cánh cửa ra phố mở là một quãng im lặng chừng vài giây đồng hồ: chắng là hành lang nhà ông được trải bằng thứ thảm rất dày. Tiếp đến tiếng vặn quả đấm cửa phòng giấy, nơi ông đang ngồi đợi. Cánh cửa hé chỉ vừa đủ để một người chui lọt. "Thằng cha!", Kerbs nghĩ thầm.

Người mới đến thận trọng khép cánh cửa phòng giấy lại, cũng vẫn hết sức khẽ khàng.

Krebs chưa hề giáp mặt "thằng cha" này lần nào. Việc ông liên hệ với y đã được tiến hành theo kiểu đặc biệt. Hai bên không gặp nhau trực diện mà thông qua những cách phức tạp ngoắt ngoéo, tốn khá nhiều công sức để đảm bảo tuyệt đối bí mật cho cả đôi bên. Nhưng bây giờ thì "thằng cha" đã xuất hiện tại đây. Krebs nhìn y và bất giác khẽ rùng mình lạnh gáy.

Người mới đến cao, gầy, mặc bộ đồ đen hoặc có thể không phải đen mà là xanh thẫm, dù sao thì cũng là màu tối, hoàn toàn thích hợp với nghề nghiệp của y. Y bước đến trước mặt Krebs với dáng điệu tự tin, và lúc này ông nhìn thấy khuôn mặt y bên dưới vành mũ: một khuôn mặt gồ ghề như chỉ là một cái sọ bọc da với hai hốc mắt sâu, cặp má hóp. Giá như gặp khuôn mặt này bất chợt,

ngoài đường phố, chắc hẳn Krebs đã giật mình hoảng hốt. Nhưng lúc này ông là người chủ và hắn chỉ là kẻ làm thuê, cho nên ông thấy cần phải giữ cho được thái độ lãnh đạm kiểu kẻ cả. Không thèm đứng dậy. Krebs chỉ đưa tay ra hiệu mời y ngồi vào chiếc ghế đệm gần đấy. Khách vừa ngồi xuống thì chuông đồng hồ cũng đánh tiếng chuông thứ mười một, tiếng chuông cuối cùng.

- Tôi đây, thưa ngài Krebs, - y nói giọng trầm, đục và nhả ra những âm đơn điệu một cách lạnh lùng, hoàn toàn không có chút xúc động nào hết.

Krebs đã cân nhắc rất kỹ xem nên giữ thái độ thế nào trong buổi tiếp xúc với "thằng cha" hôm nay. Ông thấy phải giữ tư thế ông chủ với người làm thuê. Công việc này ông thuê hắn làm và trả tiền đàng hoàng. Nhất thiết không được tỏ ra một cái ý nào như thể ông nhờ vả hắn ta. Hắn cũng giống bất cứ người làm công nào mà ông vẫn thường thuê họ làm việc gì đó và ông trả tiền họ.

- Tên anh là gì? - Julian Krebs mở đầu cuộc tiếp xúc.

- Ngài không cần phải biết tên tôi, thưa ngài Krebs. - kẻ mới đến đáp. - Bởi vì Ngài đâu có phải viết tên tôi lên tờ ngân phiếu! Ngài chỉ công cho tôi bằng tiền mặt kia mà.

Krebs cảm thấy hơi bị hẫng. Ông không quen nghe thấy ai nói với ông bằng cái giọng hỗn hào như thế. Định đưa ra một câu hỏi để buộc "thằng cha" phải trả lời bằng giọng lễ phép hơn, nhưng ông lại thôi. Ông tự nhủ "hắn

giấu tên cũng phải thôi, để giảm đến mức tối đa sự nguy hiểm đối với hắn".

- Đúng thế, - Krebs nói. - Nhưng tôi cần biết anh có đúng là người tôi cần gặp không? Anh chuyên giết người thuê?

Khách lại làm một cử chỉ khá kỳ quái bằng hai bàn tay khẳng khiu với những ngón dài và xương xẩu, giống hệt những nét trên con người hắn.

- Tôi không thích ai nói về tôi như vậy.

- Nhưng tôi cần phải biết, anh có đúng là người tôi cần đến không?

- Đúng.

- Nếu vậy ta đi ngay vào công việc.

Thật ra Krebs cũng rất muốn dứt điểm chuyện này cho nhanh, nhưng vừa rồi "thằng cha" có thái độ rất kỳ quái khiến ông khó chịu. Ông móc từ túi áo vét một tấm ảnh nhỏ chìa ra cho hắn. Tấm ảnh truyền từ bàn tay này sang bàn tay kia mà các ngón không hề chạm vào nhau. Krebs rụt bàn tay nhanh đến nỗi tấm ảnh suýt rơi xuống! May mà "thằng cha" vồ lấy nhanh như con diều hâu dùng móng vuốt cặp vội lấy con mồi.

Họ im lặng một lúc khá lâu: y còn phải ngắm rất kỹ tấm ảnh.

- Một cô gái? - cuối cùng hắn ta hỏi.

- Đúng thế. Tên cô ta là Sally Viston.

- Cô ấy còn quá trẻ và rất đẹp! Vậy mà ngài muốn cô ấy chết?

- Đúng thế.

- Tội nghiệp. Tôi rất không muốn nhìn thấy những cô gái trẻ và đẹp chết.

- Anh muốn nói rằng anh không nhận làm công việc này? - Krebs vội hỏi.

Tên giết người thuê ngước mắt nhìn chủ nhà. Nhưng hốc mắt của y quá sâu nên Krebs không thấy được gì hết. Nhưng cảm giác cặp mắt kia chăm chú nhìn mình khiến ông khó chịu.

- Tôi sẵn sàng nhận bất cứ việc gì. Còn chuyện việc này thích hơn việc khác là chuyện tất nhiên. - Y lại cúi nhìn tiếp vào tấm ảnh, vẻ mặt càng rầu rĩ hơn. - Nhưng tại sao Ngài lại muốn làm cô gái này chết? Cô ta đã làm gì hại đến Ngài ư?

Krebs đã lấy lại tư thế "ông chủ":

- Chuyện ấy không liên quan gì đến anh.

- Nhưng tôi muốn biết.

- Tôi thuê anh và tôi trả tiền. Chính anh đã nói anh sẵn sàng nhận bất cứ việc gì. Như thế là đủ!

- Đúng là lý do ngài muốn thủ tiêu cô gái này không liên quan gì đến công việc, nhưng tính tôi nó thế. Với lại tôi sẽ làm tốt hơn nếu tôi biết được các chi tiết. Ngài thừa hiểu rằng mỗi trường hợp, cách thức thực hiện cũng nên lựa chọn cho phù hợp.

Thôi được. Trường hợp này là như sau: Con gái tôi tên là Paula, hiện nó đang ngủ trên gác kia. Cách đây vài tuần lễ nó đính hôn với một thanh niên rất đáng mến và có học thức tên là Mark. Con bé yêu cậu ta đến mức mê mẩn. Ấy thế mà gần đây cậu ta xin từ hôn và nguyên nhân chính là cô Sally kia. Cô ta chỉ là một nhân viên

quèn mới được nhận vào làm cùng một văn phòng với Mark. Tôi không có cơ sở nào để bảo cô ta đã dùng những thủ đoạn thâm hiểm để chài cậu ta, nhưng rõ ràng là cô ta đã cướp cậu ta trên tay con gái tôi. Cậu ta tuyên bố sẽ cưới cô Sally kia. Tất nhiên chuyện này làm con gái tôi đau đớn đến mức gần như suy sụp hoàn toàn.

Tên giết thuê ngồi tựa lưng hẳn trong ghế đệm êm ái, tai lắng nghe, mắt vẫn không rời tấm ảnh. Y đáp thản nhiên, không biểu lộ một xúc động nào hết:

- Ngài nghĩ rằng cô Sally này chết thì anh Mark kia chắc chắn sẽ quay lại với con gái Ngài sao, thưa ngài Krebs?

- Tôi tin là như vậy, tất nhiên không phải ngay sau đấy, mà sau một thời gian. Dù sao thì chuyện ấy cũng không liên quan gì đến anh.

Tên giết người thuê buồn bã lắc đầu:

- Nhưng thú thật tôi chẳng thú vị gì phải giết một cô gái xinh đẹp như thế này trong khi tôi chưa tin chắc việc cô ta chết có thể thay đổi được tình hình, - y nói rất chậm rãi.

- Tôi không ngờ một người chuyên giết thuê như anh mà cũng đa cảm đến như vậy. - Krebs lầu bầu.

Người khách lạ không hề tỏ ra khó chịu trước nhận xét của Krebs:

- Ngài tha lỗi, thưa Ngài Krebs. Như đã nói với Ngài lúc đầu, tính tôi nó thế, đôi lúc tôi đâm quan tâm đến những thứ chẳng đáng quan tâm.

Krebs đứng dậy, bước tới gần lò sưởi, đứng quay lưng về phía lửa để sưởi một lát. Hơi nóng làm ông dễ

chịu, bởi vì không hiểu tại sao, từ lúc người khách lạ bước vào, gian phòng bỗng như lạnh hẳn đi.

- Tôi muốn đưa ra một yêu cầu, - Krebs nói với con người gầy gò đang ngồi lọt thỏm trong ghế nệm, mắt vẫn không rời tấm ảnh. - Về phương pháp tiến hành của anh. Tôi nghĩ anh làm theo yêu cầu của tôi thì lương tâm anh cũng bớt áy náy phần nào.

Người khách lạ không ngẩng đầu lên:

- Xin Ngài cứ nói, thưa Ngài Krebs. Tôi vẫn đang nghe.

- Tôi không muốn cô bé Sally Viston phải chịu một cái chết trông thảm thương quá. Bởi vì làm như thế rất có thể kết quả sẽ ngược lại. Nhìn thấy cô người yêu chết theo cách quá thê thảm, biết đâu cậu Mark sẽ thương tâm đến mức không còn bụng dạ nào quay lại với con gái tôi nữa. Tính cậu ta rất đa cảm. Tốt nhất là anh làm cách nào thủ tiêu cô Sally mà đồng thời lại làm mất uy tín của cô ta trong con mắt của Mark...

Tên giết thuê gật đầu:

- Mời Ngài nói tiếp, thưa Ngài Krebs.

- Giết bằng cách nào là tùy anh, nhưng cố làm thế nào để không ai tìm thấy xác nạn nhân. Và tốt nhất là trước khi mất tích cô ấy viết cho Mark một lá thư báo là cô ấy đi theo một người đàn ông nào đó chẳng hạn. Tôi tin rằng anh có cách thuyết phục để cô ấy viết một lá thư với nội dung như thế.

- Chuyện ấy quá dễ, - người khách lạ đáp đơn giản.

- Vậy là xong. Cô Sally ấy hiện sống tại một căn hộ trong khu chung cư Wellington. Anh tiến hành càng sớm càng tốt bởi vì để chậm cô Sally kia sẽ lấy cậu Mark mất.

Julian Krebs lại thọc tay vào túi trong, lôi ra một phong bì khá dày. Ông đi một quãng khá dài từ đầu đến cuối gian phòng để trao cho khách.

Y đứng lên đỡ chiếc phong bì, nhưng không mở ra xem mà nhét luôn vào chiếc áo pan tô.

- Xin Ngài tin ở nơi tôi, thưa Ngài Krebs, - Y nói.

- Tốt lắm, - Krebs nói nhanh, mong "thằng cha" chóng ra khỏi căn phòng này.

- Nhưng tôi còn băn khoăn...

- Chuyện gì vậy? - Krebs sốt ruột ngắt lời.

- Ngài bỏ tiền ra để mua lấy hạnh phúc cho Ngài và con gái của Ngài. Nhưng các cụ ta có câu ví...

- Tôi bỏ tiền ra thuê anh không phải để anh dạy khôn tôi!

Khách nhún vai theo kiểu rất lạ, nét mặt vẫn thản nhiên.

- Ngài nói đúng, thưa Ngài Krebs, - y nói. - Quả là chuyện ấy không liên quan gì đến tôi thật.

Y quay gót đi ra. Krebs không tiễn chân y. Ông đứng yên trong phòng giấy, lắng tai nghe cho đến khi tiếng cánh cửa ngoài khẽ mở ra rồi khép lại.

*

* *

Một buổi chiều chủ nhật cuối tháng Năm, Krebs đang chăm chú đọc tạp chí tài chính số mới ra thì con gái ông, cô Paula đẩy cửa chạy vào.

- Ba ơi! - Cô thét lên ngay từ ngoài cửa.

Krebs sửa lại gọng kính trên sống mũi để nhìn con gái cho rõ hơn và ông vui mừng thấy nét mặt con rạng rỡ. Chưa bao giờ ông thấy con gái tràn trề hạnh phúc như lúc này. Bình thường Paula đã xinh đẹp, mái tóc dài đen nhánh, nước da trắng nõn và cặp mắt long lanh y hệt mắt mẹ cô ngày xưa, nhưng lúc này Krebs thấy con gái mình xinh đẹp lạ thường. Cô lao tới và khuỵu chân gần như quỳ xuống trước mặt cha:

- Đố ba đoán chuyện gì nào?

Ông già vờ không biết:

- Chuyện gì thế, con yêu quý?

- Anh Mark lại quay về với con rồi, và lễ đính hôn hôm xưa vậy là vẫn y nguyên giá trị! - cô nói đầy kiêu hãnh.

- Thật không?

- Tháng sau chúng con tổ chức đám cưới, ba ạ. Anh Mark và con đã thống nhất như thế. Nghĩa là sang tháng sáu con sẽ là gái có chồng!

- Tốt thôi.

- Sao? Ba không thấy mừng cho con ạ?

Krebs xoa mái tóc con gái:

- Mừng chứ. Ba rất sung sướng thấy con gái của ba hạnh phúc.

*
* *

Krebs mời đôi vợ chồng trẻ, sau thời gian du ngoạn trăng mật ở nước ngoài, về ở tạm với ông vì lúc này tòa

biệt thự quá vắng vẻ, và Mark chưa tìm được ngôi nhà nào vừa ý. Anh ta không thú sống chung nhà với bố vợ nhưng vì thấy Paula vui vẻ nhận lời nên anh đành phải chấp nhận.

Khi đưa ra đề nghị này, Krebs hoàn toàn xuất phát từ ý định tốt muốn vì con cái chứ không phải vì muốn giữ con lại bên cạnh, nhất là không hề muốn kiểm soát cuộc sống của họ. Tuy nhiên khi hai vợ chồng họ tranh cãi quá to, mối quan tâm của người làm cha bắt ông phải lắng nghe xem con rể và con gái đang có chuyện gì bất hòa.

Đêm ông thường xuống phòng giấy để nghỉ ngơi, nhất là về mùa đông vì căn phòng ấy có lò sưởi tốt nhất. Nhưng mỗi lần xuống đó ông phải đi qua cửa phòng ngủ của cặp vợ chồng trẻ. Một lần ông nghe thấy tiếng nói chuyện khá to, bèn đứng lại nghe.

Đầu tiên là tiếng Paula:

- Mark, anh không yêu em!

- Chưa bao giờ anh nói như thế, Paula.

- Anh không nói ra miệng nhưng em biết. Em là phụ nữ, em nhạy cảm chuyện ấy lắm.

- Em nói vô lý! Em không thấy là anh vẫn chiều chuộng em đấy ư?

- Em biết anh đã cố gắng rất nhiều, Mark! Và em cũng có trách cứ gì anh đâu. Chỉ có điều cố gắng là một chuyện còn tình cảm thật lại là một chuyện khác...

- Vậy em đòi anh phải làm gì bây giờ, Paula?

- Người chồng nếu yêu vợ thì phải thèm khát và gạ gẫm với chứ!

- Anh vẫn gạ gẫm em đấy thôi?

- Nhưng đã lâu em không thấy anh đụng vào người em. Em có ghi cả lại những hôm anh thèm khát, tán tỉnh, gạ gẫm em và chúng mình đã thực sự được hưởng hạnh phúc. Anh có biết đã bao nhiêu ngày anh không thèm khát em rồi không?

Krebs đã định đi tiếp xuống cầu thang để vào ngồi trong chiếc ghế nệm bên cạnh lò sưởi cháy đỏ trong phòng giấy dưới nhà, nhưng không hiểu tại sao chân ông không muốn bước, mặc dù một cảm giác giá lạnh làm thân thể ông run rẩy và ông đang rất cần được sưởi ấm.

- Paula, em hiểu cho anh! Có những lúc anh...

- Có những lúc anh làm sao? Phải chăng là những lúc anh chán em? Em hiểu là người đàn ông nào cũng có những lúc chán vợ.

Nhưng những lúc như thế chỉ nhất thời và đều qua nhanh, đâu phải cứ kéo dài mãi? Vậy mà lần này em thấy nó kéo quá dài đấy.

- Paula, em đừng nghĩ vớ vẩn!

- Em không nghĩ vớ vẩn đâu! Mark, anh hãy nói thật đi! Anh chán em rồi phải không?

- Không. Không phải như thế...

Sau đấy cặp vợ chồng trẻ im lặng một lúc lâu và Krebs thấy máu trong huyết quản như đông lại. Ông cảm thấy như thấu rõ nỗi đau khổ của đứa con gái mà ông hết lòng yêu thương.

- Hay đã có chuyện gì ảnh hưởng tệ hại đến tình cảm của anh đối với em chăng?

- Paula, em hãy bình tĩnh nghe anh nói...

- Anh vẫn chưa quên cô Sally chứ gì? Anh cứ nhận thật đi nào!

Họ lại im lặng, một sự im lặng căng thẳng, day dứt. Thế là mọi sự đã rõ. Ông thấy cổ họng như nghẹn lại. Ông vội vã rón rén bước nhanh xuống cầu thang gác. Vào đến phòng giấy, ông khẽ khàng ngồi xuống chiếc ghế nệm bọc da, nhắm mắt lại, cố gắng không suy nghĩ gì hết.

Một lát sau, ông thấy tiếng cửa phòng bật mở và Paula hiện ra, đứng sững giữa khung cửa. Nhìn thấy mái tóc bù rối, cặp mắt ướt đẫm của cô, ông vội đứng dậy bước ra cửa, dìu con vào, đặt ngồi vào ghế. Bản thân ông thì ghé ngồi lên tay vịn và kéo đầu con gái vào ngực mình.

- Con gái ba làm sao thế này? - Ông cố lấy giọng hết sức dịu dàng hỏi.

- Anh Mark không yêu con!

- Nhưng tại sao, tại sao?

Ông không thể hiểu nổi tại sao lại có ai không yêu Paula được.

- Anh ấy chưa quên Sally.

- Nhưng cô ta đã bỏ đi với người yêu khác rồi kia mà? - suýt nữa ông buột miệng thốt lên "cô ta chết rồi kia mà!".

- Vậy mà Mark vẫn cứ nhớ cô ấy.

- Rồi nó sẽ quên thôi. Con chịu khó chờ một thời gian.

- Con không tin anh Mark có thể quên được Sally.

- Nếu vậy tức là Mark sẽ không bao giờ đem lại hạnh phúc cho con, Paula ạ. Nó chỉ làm con đau khổ mà thôi. Tốt nhất là con hãy chia tay với nó, để nó đi nơi khác.

Đang nép vào ngực cha, Paula đột nhiên vùng ra, nhìn ông bằng cặp mắt kinh hoàng.

- Ôi, sao ba lại có thể nghĩ ra chuyện ấy được nhỉ? - cô hỏi và trong giọng nói vẫn như còn hồ nghi có thật cha cô vừa đưa ra cái giải pháp quái đản như thế hay cô nghe lầm.

Krebs nhìn con gái thương xót. Cặp mắt cô chứa đầy một nỗi tuyệt vọng không phương cứu chữa và lúc này ông không còn thấy con gái ông đẹp nữa.

- Nhưng còn ở đây ngày nào nó còn làm con đau khổ ngày ấy.

- Con làm sao có thể xa anh Mark được, thưa ba?

- Nghĩa là con định cứ bám lấy nó mặc dù nó làm con đau khổ? Tại sao lại thế, con gái yêu của ba? - Ngay cả chuyện này nữa, ông cũng không sao hiểu được. - Con thử nghĩ xem, sống mà lúc nào cũng đau khổ như thế thì ích lợi gì kia chứ? Con sẽ héo hon và tình trạng này kéo dài được bao lâu?

Con không biết.

- Rồi con đến phát điên mất thôi. Không, không thể cứ tiếp tục như thế này mãi được, - Krebs đứng dậy đi đi lại lại trong phòng suy nghĩ.

- Paula này, - ông nói tiếp. - Con hãy nghe ba nói, con hãy tin vào lời khuyên bảo của ba. Ba lớn tuổi hơn con, giàu kinh nghiệm hơn con và lại yêu quý con. Ba làm mọi việc đều vì hạnh phúc của con. Nỗi đau khổ của con sẽ chỉ mỗi ngày nặng thêm. Cho nên tốt nhất là con hãy chia tay với Mark, càng sớm càng tốt.

Vẫn quỳ dưới sàn, Paula ôm mặt nói rất khẽ:

- Hôm cưới, con đã bảo anh ấy rằng "chỉ có cái chết mới chia lìa được hai chúng ta". Con đã nói đúng suy nghĩ của con lúc ấy. Và hiện giờ con vẫn nghĩ thế.

*

* *

Người khách lạ, đúng một năm sau lại đến và lại ngồi vào đúng cái ghế bọc da ấy. Y chăm chú và kính cẩn nghe Krebs nêu ra những yêu cầu của ông.

- Anh phải bố trí cái chết của Mark cách sao cho người ngoài chỉ thấy đó là một tai nạn giao thông. Và cũng đừng máu mê nhiều quá. Làm thế nào chỉ như một cái chết bất thần, sao cho người bên ngoài không cảm thấy ghê rợn mà chỉ thương tâm và tiếc cho người thiệt mạng. Anh thấy có thể làm được chứ?

Tên giết người thuê hôm nay có vẻ đăm chiêu:

- Tất nhiên là được. Hoàn toàn chỉ do Ngài quyết định thôi.

- Theo tôi đoán thì một cái chết kiểu như thế sẽ khiến cho con gái tôi hết sức tiếc thương. Nó sẽ phải chịu một nỗi đau khổ lớn nhưng chỉ trong một thời gian. Và nỗi đau khổ ấy thấm tháp gì với nỗi đau khổ mà nó phải chịu đựng hiện nay. Khi thấy chồng đã chết, không có cách nào gỡ lại được, con gái tôi sẽ nguôi dần. Chứ còn như hiện giờ thì nó quá đau khổ: hạnh phúc vừa ở ngay bên cạnh đồng thời lại xa tít tắp. Vết loét khó chữa quá thì tốt nhất là phẫu thuật nó đi.

- Vậy là Ngài muốn tôi loại con rể Ngài ra khỏi cõi dời?

- Đúng thế và tôi sẽ trả anh đúng bằng lần trước. Tôi có tính không tiếc tiền khi cần đạt được điều mà tôi muốn. - Krebs chìa chiếc phong bì dày cộm và người khách lạ vội vồ ngay lấy. - Tôi tin rằng anh thực hiện được đầy đủ những yêu cầu của tôi?

- Điều đó là tất nhiên.

Bỗng nhiên Krebs rất thèm biết được luồng ý nghĩ đang được giấu kín trong đầu kẻ chuyên giết người thuê này, nhưng vẻ mặt y quá lạnh lùng như thể được tạc bằng gỗ.

- Tôi có cảm giác anh đang cười thầm tôi, - Krebs nói.

- Ngài nhầm rồi, thưa ngài Krebs. Tôi không có tính ưa hài hước.

- Hoặc anh cho tôi là lão già ngu xuẩn, mất tiền lần này chỉ là để sửa cái dại của lần mất tiền trước? Anh mà nghĩ như thế thì hoàn toàn sai. Nếu cô Sally kia không chết thì tất nhiên Mark sẽ lấy cô ấy và con gái tôi cũng sẽ đau khổ không kém gì hiện giờ. Cho nên tôi cho rằng

cả hai việc tôi thuê anh làm đều cần thiết cho hạnh phúc con gái tôi ngang nhau.

Người khách lạ đứng lên một cách nặng nhọc.

- Tôi rất mừng thấy Ngài không bị lương tâm cắn dứt gì hết, thưa Ngài Krebs. Tôi cũng tán thành cách suy nghĩ của Ngài, nhưng không tán thành hoàn toàn. Dù sao thì dâm lao đành phải theo lao. Ngài đã kết án tử hình cô gái Sally Viston thì bây giờ Ngài cũng buộc phải khử tiếp anh chàng Mark. Nhưng đấy là việc của Ngài, tôi chỉ là kẻ thực hiện mệnh lệnh của Ngài thôi.

Hai người nhìn thẳng vào mắt nhau một lúc lâu. Và cũng như trong lần gặp nhau cách đây một năm, Krebs cũng cảm thấy khó chịu vì nỗi kẻ kia nhìn thẳng vào mắt ông mà ông không thể cũng nhìn vào mắt y một cách soi mói như thế được.

Trong phòng, lò sưởi vẫn cháy hừng hực vậy mà Krebs cảm thấy ớn lạnh, như thể con người quái đản kia đem theo hơi lạnh từ ngoài trời vào, làm át cả hơi nóng trong phòng.

Tuy nhiên lần này cuộc tiếp xúc diễn ra chóng vánh và trơn tru hơn lần trước: hai bên rõ ràng đã hiểu nhau hơn.

- Bây giờ anh có thể đi, - Krebs nói.

Khách cúi đầu chào rồi bước nhanh ra ngoài.

*
* *

Krebs chăm chú nhìn con gái lúc này đang ngồi bệt xuống sàn phía trước lò sưởi, đăm đăm nhìn ngọn lửa bập

bùng như thể bị thôi miên vào đó. Ông biết lửa bao giờ cũng có tác dộng đặc biệt tới Paula: hình như mỗi khi dăm dăm nhìn ngọn lửa bập bùng như thế này, cô đều cảm thấy trong lòng thư thái. Chính vì vậy, mặc dù đã sang tháng ba, trời bắt đầu nóng, ông vẫn chiều cô và vẫn cho đốt lò sưởi.

- Lúc này anh Mark đang ở đâu, thưa ba? - đột nhiên Paula cất tiếng hỏi.

Krebs chưa trả lời con gái vội. Paula có nhiều lúc tính khí thất thường, nhưng kiểu đưa ra những câu hỏi đột ngột như thế này là thứ khiến ông ngại nhất.

- Ba trả lời con đi: anh Mark hiện đang ở đâu? - cô gái lại hỏi, lần thứ hai dằn giọng và cũng khẩn thiết hơn.

Ông buộc phải trả lời:

- Ba chắc nó dạo quanh đây, lát nữa sẽ về thôi.

Paula bĩu môi một cách rất trẻ con rồi chau mày:

- Tại sao anh ấy đi mà không rủ con đi cùng?

- Vì thời tiết xấu, chắc thế, - ông nói thế, mặc dù rèm cửa thả xuống kín các cửa sổ, vẫn để ánh nắng rọi vào mặt ngoài của lần vải. Rõ ràng thời tiết hôm nay không hề xấu mà trái lại còn rất đẹp là đằng khác. - Trời vẫn hơi lạnh và con ở nhà ngồi bên cạnh lò sưởi ấm áp vẫn hơn là đi lang thang ngoài đường chứ?

Paula gật đầu tán thành và miệng khẽ nở một nụ cười:

- Ba nói đúng. Con rất thích ngồi bên cạnh bếp lửa. Ba nhìn kìa, những ngọn lửa cháy hồng mới đẹp làm sao.

Cô co đầu gối lại sát cằm rồi lấy hai cánh tay ôm gối, người khẽ đu đưa vẻ khoan khoái. Krebs rất biết tính nết con gái cho nên mặc dù thấy con bình thản vui tươi ông vẫn lo lắng đón đợi một sự thay đổi đột ngột trong tâm trạng cô.

Mà quả như thế. Mặc dù vẻ ngoài vui vẻ, trong mắt cô vẫn le lói một tia sáng long lanh như còn băn khoăn điều gì đó. Và ông đã đoán đúng.

- Anh ấy đi đâu được nhỉ? - Lần này giọng cô trầm tĩnh hơn.

- Nó đi dạo. Lát nữa sẽ về thôi.

- Ba nói dối. Con biết rằng lúc này ba đang nói dối con.

Câu nói của Paula làm Krebs giật mình. Con gái ông thỉnh thoảng lại có giọng nói như bị ma làm khiến ông rất sợ.

- Không. Ba không nói dối con dâu, Paula. - ông cãi nhưng yếu ớt.

- Có. Ba có nói dối con. Chồng con không đi dạo gì hết. Anh ấy đã chết. Mark đã chết.

Trong những tình huống như thế này, cái khó nhất đối với Krebs là giữ được bình tĩnh, ghìm được bản thân, không để lộ tình cảm thật có thể tác động xấu đến tinh thần con gái.

- Sao con lại có những ý nghĩ kỳ quái đến thế nhỉ? - ông hỏi.

Cô không đu đưa người nữa mà quay mặt nhìn thẳng vào mắt cha.

- Con đã nhìn thấy người ta chôn anh ấy. Bây giờ thì con nhớ ra rồi: con thấy cả người ta đưa quan tài anh ấy xuống huyệt.

- Không làm gì có chuyện ấy. Chỉ là con tưởng tượng ra đấy thôi.

- Tại sao ba cứ nói dối con mãi như thế nhỉ?

Krebs phản đối một cách yếu ớt. Và Paula vẫn nói tiếp:

- Anh Mark chết bởi vì anh ấy không muốn sống nữa. Anh ấy không yêu con.

- Con lầm rồi. Chắc chắn là nó yêu con. Chỉ có điều nếu như không có chuyện... Tức là ý ba nói nó yêu con. Paula ạ... Trước kia và cả bây giờ nữa, cho đến lúc này, nó vẫn yêu con.

- Không. Trước kia thì đúng. Mark có yêu con, nhưng là từ lâu lắm rồi. Con không còn nhớ anh ấy đã yêu con trong bao lâu, con chỉ nhớ là anh ấy đã từng có lúc yêu con. Nhưng rồi anh ấy gặp một cô gái tên là Sally, thế là anh ấy không yêu con nữa, mà yêu Sally. Đến bây giờ anh ấy vẫn yêu cô ấy.

- Không phải đâu, Paula. Sally có còn nữa đâu? Làm sao Mark có thể vẫn yêu cô ấy được?

Suýt nữa ông buột miệng nói ra: "Mark đã chết làm sao có thể yêu ai được?".

Đúng lúc ấy, Paula đứng phắt lên, mắt long sòng sọc nhìn thẳng vào mắt cha:

- Hiện giờ Mark đang yêu Sally! Ba biết tại sao lại thế không? Vì anh ấy đã chết để được đến với cô ấy. Và lúc này họ đang ở bên nhau.

- Không phải thế, Paula. - Krebs hét lên một cách tuyệt vọng.

Nhưng Paula không còn nghe ông nói nữa. Cô đi đi lại lại quanh căn phòng.

- Con biết Sally đã chết, bởi vì không thể có chuyện cô ấy bỏ Mark để yêu một người khác. Không thể có chuyện ấy được. Mark là người con trai tuyệt diệu nhất trên đời. Cô gái nào được Mark yêu không đời nào lại bỏ anh ấy vì một người đàn ông khác. Bởi vậy con tin chắc là Sally đã chết...

Nói đến đấy Paula dừng lại, nhìn thẳng vào mắt cha và lộ vẻ kinh hoàng.

- Bây giờ thì họ lại được ở bên nhau. Cả hai đều đã chết: Mark và Sally. Họ đang hạnh phúc ở thế giới bên kia. Lúc này Sally đang trong vòng tay của Mark!

Ông Krebs không biết trả lời ra sao. Paula có một linh cảm chính xác đến mức kỳ lạ và ông biết lúc này có nói gì cũng không tác động được đến cô. Ông đứng lặng đi, toàn thân như bị tê liệt không cử động nổi.

Trước thái độ của cha, Paula càng thêm tự tin vào những điều cô linh cảm. Cô nắm chặt hai bàn tay, nhắm nghiền mắt, hét lên:

- Ba hãy cứu con! Hãy giúp con đến với Mark! Con van ba!

Đầu cô đảo và trên khuôn mặt đột nhiên già hẳn đi, xuất hiện những nếp nhăn đau khổ. Lúc cô mở mắt ra, ông Krebs nhìn thấy trong cặp mắt con gái ánh lên nỗi hung bạo. Đột nhiên cô quay phắt về phía lò sưởi, tiến hai bước chân dài. Và ông Krebs chưa kịp ngăn thì cô đã lao đầu vào giữa đống lửa đang cháy bập bùng.

Ông hoảng hốt vội lao tới lôi con ra. Mặc dù Paula giãy giụa cưỡng lại, cuối cùng ông cũng kéo được con gái ra ngoài, sau khi cô bị lửa làm bỏng vài chỗ và ông thì bị con gái quẫy đạp, cào cấu, cắn... Đang trong cơn tuyệt vọng, ông không còn thấy đau đớn gì hết mà chỉ vội vã dập tắt những lưỡi lửa đang cháy trên quần áo Paula. Cứu được con gái thoát chết xong thì ông cũng mệt rũ, nằm vật ra thở hổn hển.

Paula không bị bỏng nhiều lắm. Cô nằm đó, kiệt sức nhưng miệng vẫn lẩm bẩm:

- Hãy giúp con, ba ơi! Cho con đến với anh ấy, ba ơi...

*
* *

- Ngài tin chắc rằng điều Ngài vừa yêu cầu đúng là điều Ngài mong muốn chứ? - người khách lạ hỏi.

- Tôi tin chắc là như thế, - Krebs đáp.

- Nhưng Ngài có kể rằng sau lần đó cô con gái Ngài không hề có ý định tự tử lần thứ hai kia mà. Thậm chí cô ấy cũng không tỏ ra muốn tự hành hạ bản thân.

Krebs vẫn khăng khăng lắc đầu.

- Nhưng nó rất đau đớn trong lòng. Ngay tôi cũng không đoán được nỗi đau của nó sâu sắc đến đâu. Nhưng tôi tin rằng khủng khiếp lắm.

- Hay là Ngài... Hiện có những phòng khám tâm bệnh, những bác sĩ chuyên về tâm lý. Ngài thử mời họ xem, thưa Ngài Krebs?

- Điều con gái tôi cần là tình yêu. Bác sĩ, chuyên gia nào làm sao có thể đem thứ đó đến cho con gái tôi được? Ngay bản thân tôi cũng chịu nữa là. Mọi thứ chữa trị đều chẳng đem lại hiệu quả gì mà chỉ hành hạ nó thêm mà thôi. Không, tôi đã suy tính rất kỹ. Chỉ còn mỗi cách này và tôi nhờ anh, đúng hơn là tôi thuê anh. Chẳng lẽ tôi không thể bỏ tiền ra để thỏa mãn một mong muốn của tôi hay sao?

- Ngài muốn gì tôi cũng xin thực hiện đúng như thế, thưa Ngài Krebs. Tôi là kẻ làm thuê. Hễ ai có tiền trả là tôi sẵn sàng phục vụ.

- Nếu vậy thì anh đừng dạy khôn tôi nữa mà hãy làm đúng như điều tôi yêu cầu.

- Vậy Ngài muốn tôi tiến hành vào lúc nào và ra sao?

- Cố không làm nó đau đớn và hết sức mau lẹ... Ngay hôm nay, nếu được... Thậm chí ngay bây giờ...

Đứng bên khung cửa sổ mở rộng trong phòng giấy Krebs nhìn ra bên ngoài. Vầng trăng trắng ngà và lạnh lẽo thấp thoáng sau đám cành lá tỏa một thứ ánh sáng huyền ảo. Ông đang nghĩ tới con gái.

Từ lúc nhớ đến Paula, ông thấy trong người ớn lạnh. Tình trạng này diễn ra từ hôm cô qua đời. Ông quay vào nhìn lò sưởi nguội tanh. Ông không thể sai ai nhóm lửa ở đó và bản thân ông cũng không thể đốt, bởi vì ngọn lửa trong lò sưởi sẽ gợi ông nhớ tới đứa con gái thân yêu. Không! Thà chịu lạnh còn hơn. Ông quay vào trong phòng. Trong đó tối tăm, nhất là khi lò sưởi không được đốt. Ông lại quay ra đứng bên cửa sổ, nhìn xuống mặt đất ngoài vườn đang được ánh trăng tỏa sáng.

Gần đây Krebs thích nhìn xuống mặt đất. Ông thích ngắm những cây non, những mầm lá, nụ hoa. Nhưng không hiểu tại sao, ông thấy những thứ đó như thể bắt đầu tàn héo dần... Ông nhìn mặt đất và nghĩ rằng: đất là cái đích cuối cùng của mọi con người, và đứa con gái yêu quý của ông, Paula, người thân thiết cuối cùng của ông hiện cũng đang nằm trong đất.

Cuộc đời trôi chảy, thời gian trôi chảy... Đột nhiên ông chợt nghĩ: sao đồng hồ không gõ chuông nữa? Thì ra đã lâu rồi ông không lên dây cót cho nó. Nó cũng chết rồi, chắc thế.

Cũng như Paula...

Một tiếng động rất khẽ, giống như một tiếng mở cửa. Ông định gọi người làm ra xem ai đến, nhưng lại thôi. Lát sau cửa phòng giấy mở. Ông quay lại nhìn và nhận ngay ra người quen. Y bây giờ không còn xa lạ với ông như buổi đầu nữa. Y đã gần thành người quen, mặc dù ông vẫn chưa biết tên y là gì.

Y mặc đồ đen cho nên lẫn trong bóng tối. Tuy vậy Krebs vẫn không thể lầm được.

- Xin Ngài tha lỗi cho tôi đã đường đột. Tôi biết Ngài không còn cần đến tôi nữa. Nhưng mùa đông đã tới và tôi nghĩ bụng...

- Ông nghĩ gì?

- Tôi nghĩ, cứ thử đến xem Ngài có việc gì cho tôi làm không. Rất có thể Ngài chợt nghĩ ra một người nào đấy cần loại trừ... Ngài thử soát lại xem, có ai như thế không?

Krebs cảm thấy mệt mỏi đến mức rã rời. Ông không cần phải suy tính gì nhiều:

- Có đấy, tôi có việc muốn thuê anh. - ông nói...

VŨ ĐÌNH PHÒNG *dịch*

Donald Campbell
(Mỹ)

HAI CÔ GÁI, MỘT CHÀNG TRAI

NEIL phụ trách ngăn hàng dành cho phụ nữ trong cửa hiệu buôn bán lớn "Martell". Anh rất thỏa mãn với chức trách này vì suốt ngày được lượn lờ trước mười lăm nữ nhân viên bán hàng làm việc dưới quyền. Không phải tất cả đều trẻ đẹp nhưng họ có chung một nét: đều là những nô lệ tận tụy và sùng bái cấp trên tức là anh.

Bởi vì, như lời một nữ nhân viên loại nhiều tuổi nhất đã nhận xét thì Neil là "rất nhiều chất đàn ông". Anh ba mươi mốt tuổi, tóc đen nhánh lượn sóng, mắt cũng đen, nước da căng và bóng chứng tỏ một sức khỏe tuyệt vời. Cặp môi hơi mọng rất gợi tình với một đường cong khoáng đạt. Thêm vào đó là hàng ria mép nhỏ và luôn được xén tỉa công phu. Dáng người cao, vai rộng, anh cảm thấy rõ giá trị "nam nhi" của mình và hài lòng với sự cảm phục của phái yếu.

Tuy không tài giỏi gì mấy, nếu thế anh đã là giám đốc rồi, nhưng cũng không sao, bởi vì phụ nữ đâu có quan tâm nhiều đến trình độ tri thức của nam giới.

Một ngày xuân, Neil không hề ngạc nhiên khi thấy hai cô khách mua hàng chú ý đến mình hơi nhiều hơn mức bình thường. Chuyện ấy là quen thuộc đối với anh. Vả lại vẻ điển trai của anh chính cũng là một thứ thu hút khách nữ đến cửa hàng.

Nhưng hai cô gái đến mua hàng hôm đó lại không thuộc loại thông thường, xét theo quan điểm của Neil cũng như của hãng Martell. Mới thoạt nhìn thấy họ, anh đã chú ý. Hai cô khách hàng này có vẻ xuất thân từ gia đình quý tộc thôn quê, hoặc tại một thị trấn nào đó hôm nay ra thành phố sắm sửa. Nhìn thật kỹ thì thấy trên người cả hai cô đều không có lấy một thứ gì gọi là sang.

Trước hết phải kể đến việc cả hai cô đều đi tất dệt bằng sợi bông. Neil có tính quan sát phụ nữ bao giờ cũng nhìn từ dưới lên, đầu tiên là hai bắp chân, cho nên thấy hai cô đi tất sợi bông là anh đã tởm rồi. Áo liền váy của hai cô bằng lụa, một cô mặc màu xanh lá cây còn một cô màu hạt dẻ. Hai cô đều đội loại mũ khá diêm dúa may bằng nhung và có đính hoa màu sắc lòe loẹt, nhưng kiểu hết sức cổ lỗ. Trên người cả hai cô đều không có một chút gì bằng sợi tổng hợp là thứ đang thịnh hành mấy chục năm gần đây.

Nhưng khi hai cô bước đến gần thì Neil phát hiện ra là họ không đến nỗi "nhà quê" như anh đánh giá lúc ban đầu. Anh đoán hai cô đều quãng tuổi bốn chục, nhưng sau đó anh nghĩ, có thể tại vì hai cô không đánh phấn và lại búi tóc sau gáy cho nên trông có vẻ già đấy thôi.

Khi hai cô bước đến thật gần, Neil mới ngạc nhiên phát hiện ra họ là hai chị em sinh đôi. Chắc hẳn thế, bởi

vì hai cô giống nhau đến mức kỳ lạ. Điều phát hiện này khiến anh sửng sốt. Về anh chưa kịp hoàn hồn thì anh lại nhận thấy thêm là anh chú ý đến hai cô nhưng hai cô cũng chú ý đến anh không kém.

Hai cô có vẻ lúng túng, hết lên cầu thang lại xuống rồi lại lên, xem chừng rất muốn bắt chuyện với anh nhưng chưa dám. Cuối cùng hai cô mới quyết định bước đến gần anh:

- Chào ông, ông có biết ngăn bán túi xách phụ nữ ở đâu không ạ?

Giọng cô ta khô khốc chẳng khác gì tiếng lá khô lạo xạo dưới gót giày của khách bộ hành.

Ngăn bán túi xách nằm ngay gần chỗ Neil đứng. Anh bèn trỏ bằng dáng điệu rất sang và mỉm cười với hai cô khách hàng một nụ cười rất tươi và rất ăn ảnh. Hai cô gái cảm ơn rồi bước tới quầy anh trỏ, cúi xuống xem các kiểu túi xách bày trong tủ kính.

Neil đi tiếp. Anh rất mãn nguyện với bản thân. Mặc dù hai cô khách hàng kia dân nhà quê, nhưng họ vẫn là phụ nữ và thái độ họ cảm phục cũng vẫn làm anh khoan khoái. Neil thầm nghĩ, thế nào lúc anh quay đi, hai cô gái kia cũng lén nhìn theo để chiêm ngưỡng dáng cao lớn và hai vai rộng của anh.

Mười phút sau, đang đi dọc theo các quầy hàng, Neil thấy cô nhân viên ở quầy túi ví tên là Marilyn kéo ống tay áo của anh lại:

- Hai mụ cù lần kia, - cô nói rất khẽ, - đòi mua kiểu túi đắt tiền nhất và lại còn xin trả bằng séc phiếu

có khiếp không kia chứ! Ông có bằng lòng cho họ trả bằng séc không ạ?

Neil bước nhanh, nhưng không vì thế mà giảm đi dáng đĩnh đạc tới quầy túi xách. Hai cô khách hàng lộ vẻ mừng rỡ. Neil nhận thấy mắt hai cô đều đen nhánh và cả hai đều đang rất mong anh tới.

Anh xem xét một cách thành thạo tờ hóa đơn bán hàng. Giá tiền lên tới 750 đôla, được ghi theo tên của khách là cô Regina Dunbar. Địa chỉ rất đơn giản: Phố Hoàng gia, thị trấn Tanbury.

- Thưa cô, Tanbury là ở đâu nhỉ? - anh lịch sự hỏi.

- Cách đây sáu chục cây số về hướng Bắc, - cô mặc áo váy màu xanh lá cây đáp.

- Cô làm ơn cho tôi xem giấy tờ căn cước, được không ạ?

Anh cố trì hoãn để cân nhắc, bởi vì việc nhận một tấm séc 750 đôla từ bàn tay của hai cô gái hoàn toàn xa lạ rất có thể kéo theo nhiều hậu quả phiền toái. Nhưng lòng hiếu kỳ kích thích anh. Hai cô gái này nhất định không phải gian phi rồi. Nhưng lý do gì khiến họ mua hai chiếc túi xách tay loại đắt tiền đến như vậy?

Cô mặc áo xanh lá cây, chắc là cô có tên ghi trong hóa đơn bán hàng: Regina, đã mở túi xách cũ đang dùng, cái túi cổ lỗ và xấu xí lấy ra một tấm thiếp, đưa cho Neil. Thật ra đây không phải giấy căn cước mà chỉ đơn giản là tấm bìa cứng ghi một cái tên và địa chỉ để nếu cần, nhà chức trách có thể báo tin cho thân nhân. Thân nhân

trong tấm thiếp được ghi là Rosalie Dunbar, chắc là tên cô mặc áo váy màu hạt dẻ.

- Tôi không đem theo giấy tờ gì khác ngoài tấm thiếp này, thưa ông, - cô Regina nói. - Nhưng ông không phải băn khoăn nhiều về tấm séc. Nếu như có gì không ổn, chúng tôi sẽ trả thay bằng tiền. Chúng tôi có rất nhiều tiền gửi nhà băng.

Cô đã đưa ra đúng cái điều tác động vào Neil mạnh nhất: "Rất nhiều tiền gửi nhà băng". Câu nói đó kích thích mạnh lòng hiếu kỳ của chàng trai chưa vợ này.

Tuy nhiên Neil vẫn băn khoăn. Nếu như tấm séc này không được bộ phận tài vụ chấp nhận, ông chủ hãng buôn, ông Martell sẽ trừ lương anh cho đủ khoản 750 đô la đồng thời sẽ khiển trách anh về tội nhẹ dạ trong việc kinh doanh. Chưa kể, hình thức kỷ luật này sẽ bị ghi vào sổ lao động và sẽ gây khó khăn cho sự tìm việc ở nơi khác sau này. Đây đúng là một trò mạo hiểm, và Neil linh cảm thấy rằng triển vọng sẽ rất lớn, bõ để anh đánh liều một phen. Con số 750 đô la này sẽ không thấm tháp gì so với những khoản tiền lớn hơn gấp bội. Và thế là Neil quyết định.

- Chúng tôi bằng lòng nhận séc. Xin quý cô hãy ghi số tiền và số tài khoản vào séc rồi tôi sẽ ký nhận dưới tờ hóa đơn này, - anh nói bằng giọng trịnh trọng.

Cô Regina lấy cuốn sách và cây bút máy màu đen kiểu cổ trong túi xách ra, ghi vào tấm séc. Neil không thèm nhìn cô nhân viên bán hàng Marilyn và không biết rằng trong thâm tâm cô này hoàn toàn không tán thành với anh. Anh đỡ tấm séc trong tay cô Regina rồi lấy bút

phóng một chữ ký khá cầu kỳ, bên dưới ghi tắt tên họ bằng chữ rất nhỏ "N.A" tức là Neil Admire.

Cô nhân viên Marilyn gói hàng, trao cho hai chị em sinh đôi. Cô Rosalie đỡ lấy gói. Họ nồng nhiệt cảm ơn Neil rồi như cố tình chần chừ chưa chịu đi ngay để được đứng thêm một lát với anh.

Vóc hai chị em sinh đôi này rất nhỏ, chỉ khoảng một mét năm mươi cho nên hai cô phải ngước mắt lên mới nhìn được vào mắt anh, cao một mét tám mươi. Nỗi thán phục Neil hiện rõ trong cặp mắt của cả hai cô. Đến lúc phải chia tay, hai cô không tỏ ra cần giấu nỗi luyến tiếc. Và Neil nhìn theo hai chị em sinh đôi nắm tay nhau đi nhanh ra phía cầu thang dẫn xuống tầng dưới.

- Ông đã phạm một sai lầm rồi, ông Neil, - cô nhân viên Marilyn nói.

Nhưng Neil không cho là như thế.

Mãi một tuần sau, một nhân viên bộ phận tài vụ mới báo cho Neil biết là tấm séc đã được thẩm tra và thu nhận một cách yên ổn. Anh rất mừng và cảm thấy mình xét đoán người không sai. Điều mừng hơn nữa là anh được biết thêm, câu cô Regina Dunbar nói hôm trước "rất nhiều tiền gửi nhà băng" là đúng sự thật. Và lại mấy bà mấy cô dám mua thứ túi xách tay đắt tới 375 đô la một chiếc?

"Rất nhiều tiền gửi nhà băng", câu nói ấy ám ảnh đầu óc anh chàng Neil Admire không kể ngày đêm. Rồi hình ảnh cô Regina Dunbar mặc áo liền váy màu xanh lá cây và cô Rosalie mặc màu hạt dẻ. Ba yếu tố ấy kết hợp với nhau tạo thành một bài toán. Tuy nhiên còn cần biết

cụ thể cái "rất nhiều" ấy là bao nhiêu? Mấy vạn? Mấy triệu? Hay mấy chục triệu? Nhưng thôi, hãy sử dụng những yếu tố nằm trong đầu đề bài toán: hai cô gái chưa chồng có một tài sản lớn lại có cảm tình với mình. Đáp số là trường hợp này đáng để đánh một canh bạc. Hôm trước anh đã mạo hiểm chuyển tấm séc rồi. Bây giờ tại sao không mạo hiểm tiếp?

Neil có chiếc xe du lịch kiểu thể thao xinh xắn, cặp kính mát rất mốt và chiếc áo bơ lu dông choáng lộn. Buổi chiều chủ nhật liền sau đấy anh tự trang bị cả ba thứ "vũ khí" ấy, kèm thêm một tấm bản đồ giao thông và lên đường!

Neil tìm ra thị trấn Tanbury dễ dàng. Tấm biển chỉ dẫn dựng ngay ở đầu thị trấn cho biết số dân trong thị trấn chỉ khoảng mười ngàn. Nhưng Neil có cảm giác dân ở đây khá sung túc. Một số lui về đây để ẩn dật, một số sống ở đây nhưng làm việc ngoài thành phố.

Một người dân trỏ anh phố Hoàng Gia và ngôi nhà của hai chị em dòng họ Dunbar. Đó là một biệt thự rất cổ nhưng được chăm sóc chu đáo nên trông rất ngăn nắp, sạch sẽ. Biệt thự chỉ có hai tầng, xung quanh là một vườn cây rộng chừng nửa héc ta cỏ xanh mơn mởn.

Thế là mọi việc cho đến lúc này đều trót lọt. Không hề chần chừ gì hết. Neil đỗ xe ở trước cửa biệt thự, bước ra, kéo dây chuông ngoài cổng.

Lập tức một trong hai cô chủ ra mở và chăm chú nhìn khách. Neil không biết đấy là cô nào: Regina hay Rosalie, bởi vì hai chị em giống nhau như hai giọt nước, rất khó phân biệt. Cô tỏ ra không nhận ra anh, nhưng

Neil cho rằng cô ta chỉ giả vờ, chứ thừa biết anh là ai rồi.

Tuy vậy anh cũng đóng kịch luôn:

- Chào cô Dunbar! Tôi là Neil Admire, phụ trách ngăn hàng phụ nữ trong cửa hiệu hãng Martell. Hôm trước hai cô có đến chiếu cố ngăn hàng chúng tôi, cách đây đã một tuần lễ.

Cô chủ vẫn làm như thể chưa nhớ ra:

- À, phải rồi, - cô nói giọng hơi ngập ngừng. - Vậy mời ông vào chơi, thưa ông Admire.

Cô dẫn Neil vào một phòng tiếp khách trang trí cầu kỳ, diêm dúa nhưng toàn đồ đạc cổ lỗ.

- Có chuyện rắc rối về tấm séc của chúng tôi phải không, thưa ông?

- Ồ, không. Tấm séc đúng thể thức. Nhưng tôi ghé vào thăm hai cô không phải vì chuyện tấm séc ấy...

Không đợi anh nói hết, cô chủ nhà hướng vào phía trong gọi to:

- Chị Regina, ra đây!

Vậy có nghĩa cô này là em và tên là Rosalie.

Lát sau Regina vào. Lại tái diễn màn kịch "không nhận ra, khách phải tự giới thiệu rồi họ mới nhớ ra..."

- Chẳng là chủ nhật được nghỉ tôi lái xe dạo chơi ra ngoài thành phố, - Neil kể với hai cô chủ nhà. - Tôi sống một mình, không có gia đình cho nên ngày nghỉ không biết làm gì. Hôm nay tôi lái xe về hướng này, chợt thấy tấm biển ghi tên thị trấn Tanbury, thế là nhớ đến hai cô. Tôi bèn đường đột ghé vào thăm sức khỏe hai cô

đồng thời thay mặt hãng cảm ơn hai cô đã chiếu cố đến hãng chúng tôi.

- Chúng tôi có làm gì mà các ông cảm ơn? - Rosalie nói. Mà không khéo đấy là Regina. Sao hai chị em giống nhau đến thế, không làm thế nào phân biệt nổi. Cứ lẫn mãi thôi.

- Có chứ. Hai cô đã chiếu cố và chúng tôi rất mong hai cô sẽ là khách hàng thường xuyên của cửa hàng chúng tôi.

Câu nói xã giao đó không ngờ làm hai cô chủ nhà xúc động đến thế và hai cô niềm nở mời Neil ngồi xuống và nán lại thêm chút nữa. Tất nhiên khách nhận lời ngay.

Trong cuộc thù tạc, Neil nói nhiều nhất. Anh luyên thuyên về đủ mọi thứ đồng thời lại không nói về cái gì hết. Neil thuộc loại nam giới may mắn không phải lo tập cách ăn nói để tranh thủ cảm tình của nữ giới. Hai cô chủ đâu có cần nghe khách nói những gì. Đối với hai cô, nguyên việc được ngồi nhìn con người điển trai kia, ngắm hàm răng trắng bóng, những cử chỉ đầy "tính đàn ông" của anh cũng đủ sung sướng rồi. Thậm chí nguyên việc ngồi tiếp chuyện với một người đàn ông cũng đã là đủ vui cho hai cô rồi.

Và tất nhiên ngay buổi chiều hôm đó câu chuyện đã được Neil lái vào chủ đề mà anh quan tâm nhất.

- Hai cô biết không - anh nói - Sau chuyện tấm séc của hai cô, tôi rất tự hào là tôi đã xét người không sai. Bởi vì hai cô mới lần đầu tiên đến ngân hàng của tôi. Số tiền lại quá lớn, loại túi xách tay hai cô chọn thuộc loại rất sang, giá đắt gấp mấy chục lần loại túi xách thông

thường. Xin lỗi hai cô chú trông bề ngoài hai cô không có vẻ loại người dùng hàng sang đến như thế. Nếu chỉ căn cứ vào vẻ ngoài thì rất có thể nghi hai cô là kẻ lừa đảo và séc của hai cô là séc giả. Đây là một cách bọn gian phi sử dụng để ăn cắp hai cái túi xách sang trọng và đắt tiền đó thôi.

Hai cô chủ nhà cười vui vẻ:

- Chúng tôi không ăn cắp bao giờ - một cô nói.

- Tất nhiên rồi. Tôi quan sát hai cô và thấy hai cô không thể là kẻ gian.

- Chị em chúng tôi không bao giờ phải dùng đến thủ đoạn ấy. Thậm chí chúng tôi không cần phải đi làm cũng vẫn sống đầy đủ thừa thãi.

- Hai cô nói thật ư? Sao lại như thế được?

- Hai chị em chúng tôi rất nhiều tiền, thừa thãi để chi tất cả những gì hai chị em chúng tôi cần thiết. Thậm chí chúng tôi cũng không biết chính xác là hiện có bao nhiêu tiền, bởi tính toán mất thời giờ và công sức lắm. Đã có ông quản lý lo tất cả mọi việc ấy giúp hai chúng tôi. Thưa ông, đúng là hai chị em chúng tôi may mắn quá sức.

Lời công bố ấy được đưa ra ngay trong nhà riêng của họ, trước mặt chị nấu bếp và cô hầu bàn đứng tiếp thức ăn cho khách trong bữa ăn - bởi vì Neil nhận lời mời của hai cô chủ ở lại dùng bữa. Lời công bố ấy với anh thế là đủ. Hôm đó anh được ăn một bữa tuyệt vời, hưởng một buổi tối vui vẻ. Lúc ra về, anh hứa với hai cô chủ nhà là thế nào cũng sẽ lại đến thăm họ lần nữa.

Và lời hứa tất nhiên anh thực hiện và thực hiện nhiều lần là dằng khác. Anh tấn công vào cả hai chị em, với động cơ nhằm vào tài sản lớn lao của họ. Anh không nề hà sử dụng mọi thủ pháp, kể cả vày vò, dối trá, nịnh bợ, thậm chí lừa bịp cốt chài cho bằng được không chỉ một mà cả hai cô, đẩy cả hai chị em sinh đôi đến chỗ mê anh, trong khi bản thân anh thì cười thầm trong bụng thấy hai cô sa vào cái bẫy do mình chăng ra.

Và Neil cũng không thấy cần cụ thể nhằm vào cô nào trong hai chị em. Thật ra đây chính là chỗ vướng mắc của anh. Hai chị em sinh đôi giống nhau đến mức không sao phân biệt nổi. Neil đã cố gắng rất nhiều, tìm mọi cách nhận dạng nhưng vẫn không nhớ được cô nào là chị cô nào là em, cô nào là Regina, cô nào là Rosalie. Mỗi khi ngồi với một cô, anh dành chờ cô thứ hai ra và nghe họ xưng hô với nhau mới phân biệt được.

Tuy nhiên anh cũng không thấy phải băn khoăn gì nhiều lắm, bởi vì chắc chắn tài sản sẽ được chia ra hai phần bằng nhau, cho nên cô nào "mắc câu" thì cũng vẫn như thế. Anh thấy hai cô giống hệt nhau và cũng vô duyên như nhau, cho nên dù "Rơi" vào cô nào thì cũng đành nhận số kiếp tồi tệ như nhau mà thôi. Chẳng cô nào đỡ vô duyên hơn cô nào.

Nhưng Neil vẫn chưa quyết định ngỏ lời. Đêm nằm suy tính, anh đã thử hình dung xem lớp kịch sẽ diễn ra như thế nào nếu như anh ngỏ lời. Chẳng hạn anh nói: "Thưa cô Regina, cô bằng lòng kết hôn với tôi không? - và anh sẽ được nghe câu trả lời - Ông Neil, ông nhầm rồi, tôi là Rosalie kia mà". Hoặc ngược lại.

Trong khi Neil đang loay hoay chưa biết tính kế nào để giải quyết được bài toán hóc búa, thoát được sự lầm lẫn lỗ bịch kia thì hai cô chủ nhà, chắc là đã thấy sốt ruột, đành chủ động mở đường cho ông khách đẹp trai và dáng yêu. Một buổi chiều chủ nhật cuối mùa hè lúc Neil đến chơi, hai cô ra tiếp và trong lúc ngồi chơi trong phòng khách, một cô có khắc phục thói e lệ vốn có, hỏi thằng khách:

- Thưa ông, Neil, xin ông cho biết ý định ông là thế nào?

Neil bị bất ngờ, lúng túng chưa biết trả lời ra sao, còn đang ấp úng thì cô gái nói tiếp:

- Ý tôi định nói thế này, xin thưa với ông, Tanbury là một thị trấn nhỏ. Dân ở đây đã chú ý thấy chủ nhật nào cũng có một chiếc xe ô tô ở trước cửa nhà chúng tôi và họ đã hỏi chúng tôi về ông, thậm chí họ còn hỏi những chuyện mà hai chị em chúng tôi rất khó trả lời. Cho nên chúng tôi muốn được ông cho biết ý đồ của ông trong việc đến thăm hai chị em chúng tôi. Và nếu như ý đồ của ông là đàng hoàng và chính đáng thì...

Mắt trợn tròn, Neil hỏi lại:

- Cô định nói đến chuyện hôn nhân ư?

- Vâng đúng thế, thưa ông Neil. Ông thấy tôi suy nghĩ thế có đường đột và bậy bạ lắm không?

- Ồ không, hoàn toàn không. Bởi vì nếu không hướng tới hôn nhân thì tôi đến thăm gia đình nhà ta thường xuyên như thế này để làm gì? - Anh cảm thấy tài "ăn nói" của mình mỗi lúc một tiến bộ - Chủ nhật nào

tôi cũng đến đây, suốt trong ba bốn tháng trời nay. Và như tôi đã nói với hai cô, tôi chưa có gia đình và cũng không có họ hàng thân thuộc gì ở đây. Tôi rất cô đơn. Chỉ đến đây tôi mới thấy được chút ấm lòng, nhất là từ khi một tình cảm đặc biệt nảy sinh trong tim tôi đối với một cô gái tại đây...

Và thế là Neil trổ hết tài hùng biện đề cao tình cảm của mình, dường như trên đời không có người đàn ông nào yêu tha thiết, say đắm như anh. Anh nói dối và cường điệu thêm điều dối trá ấy không một chút xấu hổ hoặc áy náy trong thâm tâm. Và anh cũng đóng vai chàng trai si tình rất giỏi, mắt say đắm nhìn cả hai cô gái, đúng ra là từng cô một và không thiên vị riêng cô nào hết, mặc dù trong đáy lòng anh thấy khinh ghét cả hai cô, vừa xấu vừa vô duyên với hai đôi tất sợi bông quê kệch. Anh "thú thật" với hai cô rằng anh đang là nạn nhân trước sắc đẹp và đức hạnh của họ!

- Nhưng cụ thể là tình cảm của ông hướng vào ai trong hai chúng tôi?

- Cô hỏi thế nghĩa là sao ạ?

- Ông nói đến dự định hôn nhân. Vậy cụ thể là với ai trong hai chúng tôi?

Neil chưa nghĩ ra được câu trả lời, nhưng sự khôn ngoan đã giúp anh tìm ra lối thoát.

- Thưa hai cô - anh nói - tôi xin thú thật rằng chính đây là nguyên nhân khiến tôi chậm trễ cho đến hôm nay chưa ngỏ lời cầu hôn. Hai cô giống nhau quá và đều đáng yêu ngang nhau khiến tôi mến hai cô cũng hoàn toàn như nhau...

- Phải chăng đấy là nguyên do duy nhất khiến ông trì hoãn?

Neil thấy ngay rằng anh đang trong tình thế nguy hiểm. Giọng nói của câu vừa hỏi có chứa đựng một nét móc mỏi khiến anh giật mình. Phải chăng cô ta ám chỉ gì chăng? Neil chợt nhận ra rằng suốt trong thời gian qua, hai cô chỉ giữ vị trí thụ động, đây là lần đầu tiên hai cô dành lấy chủ động, lái cuộc trò chuyện đi theo hướng hai cô mong muốn. Phải chăng hai chị em nhà này đã đoán được động cơ thật của anh?

- Tôi chưa hiểu cô hỏi như thế nghĩa là sao? - anh đáp cách đó để hoãn binh, thăm dò thêm.

- Rosalie và tôi đúng là giống hệt nhau (Vậy ra cô này là Regina và là chị). Không chỉ hình dáng bên ngoài giống nhau và tính tình hai chị em chúng tôi cũng giống hệt nhau. Thậm chí cả đến các ý thích. Cả hai chúng tôi đều hồi hộp với mức độ như nhau chờ đợi lời cầu hôn của ông.

Neil đã thấy lưng bắt đầu đổ mồ hôi. Anh lắp bắp:

- Có nghĩa ... như thế nào, thưa cô?

- Chắc ông còn ngại ngùng chưa nói thật tình cảm của ông ra vì ông sợ nếu cầu hôn với một người trong hai chúng tôi thì người kia sẽ rất buồn, tủi thân và đau khổ chứ gì? Có đúng thế không, thưa ông Neil?

- Nói như cô cũng đúng một phần - Neil nói nước đôi, cảm thấy chưa hiểu hai cô gái này định dẫn anh đến đâu.

- Do đoán như vậy nên chị em chúng tôi thấy cần nói thêm để ông yên tâm. Thưa ông Neil, chuyện hai

chúng tôi giống hệt nhau không phải là điều gây trở ngại cho những người đàn ông muốn cầu hôn với chúng tôi. Chẳng hạn ngay khi chúng tôi mười sáu tuổi, chúng tôi đã phát hiện ra rằng tôi yêu ai thì Rosalie cũng yêu người đó y hệt như vậy. Và nếu như một người đàn ông nào tỏ ra quý riêng một đứa thì đứa kia đau khổ vô cùng vì ghen. Đâm ra hai chúng tôi không dám nhận tình cảm của ai vì không muốn làm đứa kia đau đớn. Kết cục cả hai chị em chúng tôi đều từ chối mọi lời cầu hôn, cốt để khỏi làm tổn thương đến tình cảm chị em. Và như ông thấy đấy, đến nay cả hai chúng tôi đều nhiều tuổi mà vẫn chưa có chồng.

Đầu óc Neil quay cuồng. Anh chưa nghĩ ra cách nào để đối đáp lại. Trí thông minh của anh lúc này như tê liệt. Anh đành ngồi im nghe cô Regina nói tiếp xem có hé ra một cách giải quyết nào không.

- Tình thế của chúng tôi hiện giờ là như vậy. Chúng tôi thừa nhận ý đồ của ông là chính đáng và cả hai chúng tôi đều yêu quý ông ngang nhau. Tuy nhiên chúng tôi đã bàn và quyết định một cách để giải quyết tình trạng nan giải này. Đành phải một người hy sinh thôi. Cho nên ông yên tâm. Ông được hoàn toàn thoải mái bộc lộ tình cảm với người nào trong hai chúng tôi mà ông thấy thực sự thương yêu. Người may mắn đó sẽ kết hôn với ông, còn người kia sẽ tự tử.

Hướng giải quyết hai cô gái đưa ra đã vượt khỏi khả năng tưởng tượng của Neil. Anh vẫn biết rằng với hình thức đẹp trai một cách "rất đàn ông" và với tài ăn nói, đóng kịch để chiếm lĩnh cảm tình của phụ nữ thì không một cô gái nào không bị anh chinh phục. Nhưng chưa bao

giờ anh lại nghĩ đến khả năng một phụ nữ nào phải tự tử vì anh.

Tiếp lời chị, cô Rosalie nói rõ thêm vào các chi tiết. Cô đứng dậy, ra hiệu bảo Neil đi theo mình và dẫn anh đến bên một chiếc bàn nhỏ. Cô mở cánh cửa hộc bàn tủ, trỏ cho Neil thấy hai tờ giấy đặt bên cạnh nhau và giải thích:

- Hai chị em chúng tôi đã viết sẵn hai lá thư tuyệt mệnh, đúng tên từng người và đã ký bên dưới. Số phận rơi vào ai thì đúng là thư của người ấy còn lá thư kia sẽ được hủy.

Lời giải thích ấy không hề khiến đầu óc chàng trai hám của kia bớt quay cuồng đi chút nào.

Chưa xong, cô gái dòng họ Dunbar còn trỏ cho Neil thấy một chai rượu vang đỏ cùng với mấy chiếc ly kèm theo, đặt trong chiếc khay bằng bạc để trên mặt bàn giấy. Nghi thức tiếp rượu này Neil đã quen. Hai chị em nhà Dunbar rất thích uống rượu vang đỏ.

- Rượu vang lúc nào cũng bày sẵn ở đây - Rosalie nói - Để cho tiện khi nào cần dùng đến.

Neil gật đầu như cái máy. Anh vẫn chưa hiểu sao cô gái xấu xí và ế chồng này dẫn anh đến đâu. Vì chai rượu chưa nói lên điều gì. Tối chủ nhật nào hai cô chẳng mời anh và mỗi cô cùng uống một ly với anh. Nhưng liền sau đó cô Rosalie mở ngăn kéo bàn ra cho anh thấy một gói giấy nhỏ:

- Đấy là gói thuốc độc - cô nói - Thứ thuốc này tan rất nhanh trong rượu và hiệu quả rất nhanh, không gây đau đớn gì mấy.

Neil đưa mắt nhìn lần lượt cả hai cô gái. Anh vẫn chưa tin là họ nói thật. Tuy nhiên anh cũng dần dần hiểu ra được một điều quan trọng mà cả hai cô khéo cũng chưa ý thức được ra. Tức là nếu anh kết hôn với một cô, cô kia sẽ tự tử và có nghĩa tài sản sẽ không phải chia đôi, anh sẽ được hưởng toàn bộ.

- Ông thấy cách giải quyết của chúng tôi khiến ông có thể chấp nhận được không, thưa ông Neil?

Neil không dại gì lại để lộ ý nghĩ thật của mình.

- Tôi không thể yên tâm khi thấy một trong hai cô đang trẻ trung, xinh đẹp thế kia mà chỉ vì tôi mà chịu nhận số phận đau thương ngần ấy. Tuy nhiên chuyện này hoàn toàn là thuộc hai cô quyết định, xin đừng bắt tôi phải tỏ bày thái độ.

- Ông nói rất đúng, thưa ông Neil. Đây là việc riêng của hai chị em chúng tôi. Chúng tôi hy vọng rằng chủ nhật sau ông đến đây, ông đã quyết định xong việc chọn ai trong hai chị em chúng tôi.

*

* *

Chủ nhật sau, Neil đã nghĩ xong một giải pháp. Không phải anh quyết định chọn cô nào cả mà sẽ phó mặc cho sự ngẫu nhiên. Vả lại lấy cô nào đối với anh chẳng thế. Cũng ngần ấy tiền, cũng phải chịu cô vợ xấu xí và vô duyên như nhau.

Nói cách khác là giấy chứng chỉ hôn nhân đã sẵn sàng tên chồng là Neil Admire, tên vợ tạm bỏ trống. Sự

ngẫu nhiên sẽ điền tên một trong hai cô gái nhà Dunbar kia.

Lúc anh bước vào, hai chị em sinh đôi đã ngồi bên nhau trên đi văng, với thái độ dè dặt y hệt nhau để chờ đợi sự phán quyết của Neil. Hôm nay là ngày quyết định số phận của họ nên hai chị em đều mặc bộ trang phục sang trọng nhất của họ, một màu xanh lá cây và một màu hạt dẻ. Neil phải cố nhớ lại xem màu áo nào là cô chị hay cô em. Và anh thấy phải xác định thật nhanh.

- Tôi xin được nói chuyện riêng với từng cô một, có được không ạ? - anh nói - Bởi vì vấn đề hết sức quan trọng.

- Đúng thế. Nhưng ông muốn gặp ai trước?

- Cô Rosalia, được không ạ?

Cô áo xanh quay sang bảo cô áo hạt dẻ:

- Em ngồi lại, chị ra đã nhé, Rosalie,- cô nói- Chúc em may mắn.

Nghĩa là Rosalie mặc màu hạt dẻ còn Regina mặc màu xanh. Regina đứng dậy bước ra ngoài. Rosalie ngồi lại, hồi hộp: cô sắp nhận thứ gì đây? Bản chứng chỉ kết hôn hay bản án tử hình? Cô ngồi bất động, mặt tái xanh và tay chắp lại đặt trên đầu gối.

Nhưng khi Neil sụp quỳ gối xuống trước mặt cô, nét mặt cô rạng rỡ hẳn lên. Hai má đang nhợt nhạt trở nên hồng hào. Cô đưa hai bàn tỳ lên ngực vẻ e lệ đầy trinh bạch.

- Rosalie yêu quý - Neil bắt đầu nói, lấy giọng run run như của một chàng trai si tình thật sự - Tôi vô cùng

tha thiết mong cô chấp nhận lời cầu hôn của tôi và trở thành vợ tôi.

Do tin chắc về tên cô, không sợ nhầm lẫn nên anh nói bằng giọng hoàn toàn tự tin.

Nhưng cô gái chưa trả lời ưng thuận hay không mà hỏi tiếp anh:

- Trước tiên tôi cần được biết, tại sao ông lại chọn tôi, thưa ông Neil?

Lần này thì không phải do đóng kịch, mà anh thật sự. Biết trả lời thế nào đây khi anh chưa hề nhận ra được nét nào riêng của cô Rosalie này khác với cô Regina. Anh đành đáp một cách mơ hồ, nhằm đối phó:

- Bởi vì cô đáng yêu hơn, cô Rosalie ạ! - anh nói.

- Tôi đáng yêu hơn chị tôi ở điểm nào?

- Cô hỏi ở điểm nào ư?

- Đúng thế? Ông Neil, ông hãy cho tôi biết ông thấy tôi đáng yêu hơn chị tôi ở chỗ nào?

Neil như thấy cả một vực thẳm hiện ra trước mắt anh. Anh lúng túng đáp:

- Điều cô hỏi quá riêng tư và thầm kín, chỉ là cảm nhận của cá nhân tôi, làm sao tôi có thể diễn tả ra thành lời được?

Cô Rosalie đứng phắt dậy bước ra gần cửa, để mặc chàng trai ngồi một mình ngơ ngác.

- Chị Regina - cô Rosalie gọi to, hướng vào trong nhà.

Liền sau đấy Regina bước nhanh vào. Thoạt nhìn thái độ hai người cô đoán được ngay tình hình. Rosalie cũng giải thích thêm:

- Đúng như khả năng xấu nhất mà hai chị em mình đã dự đoán. Đúng là ông Neil Admire chỉ quan tâm đến tài sản, tiền bạc của hai chị em mình. Ông ấy không hề yêu quý gì hai chị em mình. Bởi vì qua mấy câu ông ấy trả lời em, em thấy rõ là ông ấy không hề phân biệt được em với chị.

Hai cô chủ nhà nhìn thẳng vào mắt khách một cách nghiêm khắc. Neil hiểu được rằng họ đã quyết định đuổi thẳng anh. Anh vội vã lao ra khỏi nhà.

*
* *

Suốt cả tuần sau làm việc ở cửa hàng, Neil cố phân tích những sự việc đã xảy ra, đặc biệt là sự việc chủ nhật vừa rồi. Trước tiên anh tự trách mình đã dại dột, ngu xuẩn cho nên bị hai cô vạch mặt một cách quá dễ dàng. Tuy rất đau đớn nhưng Neil quyết tâm chuyển bại thành thắng, nhất định không chịu bỏ dở mưu đồ.

Đến ngày thứ tư trong tuần thì óc anh bắt đầu hình thành đại cương kế hoạch mới. Và anh hiểu ra rằng chưa phải thế đã là hết hy vọng. Từ trong đống tro tàn vẫn có thể thúc bay lên một con đại bàng bách thắng. Rõ ràng hai chị em nhà Dunbar vẫn mê anh, hoặc ít nhất vẫn còn khả năng phục hồi tình cảm của họ đối với anh trước đây. Nhưng ưu thế của anh: cái mã điển trai và tài ăn nói anh vẫn còn nguyên. Gia tài của hai cô gái ấy vẫn nằm đó.

Cần tổ chức tiếp cuộc tấn công. Nếu thất bại thì cũng có mất mát gì đâu kia chứ?

Quyết định xong, Neil xoay ra lau chùi lại chiếc xe du lịch cho thật bóng. Và chủ nhật sau đó anh lên xe phóng về phía thị trấn Tanbury vào giờ giấc như mọi khi.

Nhưng lần này hai cô chủ nhà không chuẩn bị đón anh như những chủ nhật trước. Khi anh giật dây chuông cô hầu ra mở cửa, dẫn anh vào phòng khách. Cô hầu cho biết hai cô chủ đang làm ngoài vườn ở sau nhà. Neil nhờ cô hầu báo với hai cô chủ là anh đến thăm.

Cô hầu chạy đi, để khách ngồi một mình trong phòng khách.

Neil không ngờ dịp may lại đến với anh dễ dàng như thế. Neil thấy trước hôm nay sẽ thành công. Trước khi đến đây anh đã dự tính đủ mọi phương án và chiến thuật để làm sao có được một lúc nào đó một mình trong phòng khách lấy vài phút đồng hồ. Vậy mà bây giờ chẳng phải thực hiện phương án nào cũng đạt được mục đích ấy. Rõ ràng là Chúa đã phù hộ cho anh.

Ngay lập tức anh bước nhanh đến bàn giấy. Hai tờ giấy vẫn trong hộc bàn, đúng là số anh may mắn rồi. Trong ngăn kéo vẫn còn nguyên gói giấy nhỏ đựng thuốc độc. Neil mim cười: Hai chị em sinh đôi nhà Dunbar quên chưa vứt đi hay họ vẫn hy vọng còn có dịp dùng đến những thứ này, hai lá thư tuyệt mệnh và gói thuốc độc? Neil tin rằng khả năng thứ hai phù hợp với sự thật hơn.

Anh bắt tay ngay vào công việc. Anh rót rượu vang đỏ ở chai ra ba chiếc ly, mở gói thuốc độc ra, dốc vào một ly và ghi nhớ cái ly ấy có dấu vết gì đặc biệt để sau

khỏi lầm với hai ly kia. Sau đó anh vò nát mảnh giấy gói thuốc độc, vứt vào sọt rác và đóng ngăn kéo bàn giấy lại.

Vẫn còn thời gian. Anh ung dung chờ hai chị em nhà Dunbar vào. Bốn phút sau họ bước nhanh vào. Chắc họ phải rửa chân tay và chỉnh đốn y phục đôi chút trước khi lên gặp khách cho nên mới chậm như thế này. Vậy mà lúc bước vào, Neil thấy cả hai chị em đều hơi thở hổn hển.

- Ôi, chào ông Neil - một trong hai chị em niềm nở chào.

Nghe giọng nói của cô, Neil đoán ngay rằng anh đến là đúng lúc. Rõ ràng hai chị em nhà này đang nóng lòng mong gặp anh. Chắc chắn cũng như anh, họ đều mong tìm ra một giải pháp cho sự bế tắc trong quan hệ giữa họ và anh hôm chủ nhật trước.

Nhưng Neil không chọn con đường vượt ra ngoài khả năng của anh là phân biệt được hai chị em sinh đôi. Cũng như họ, anh đã chuẩn bị cho cuộc gặp gỡ này những điều bất ngờ.

- Thưa hai cô thân mến, - anh bắt đầu nói - Tôi hết sức mừng được gặp cả hai cô tại đây hôm nay. Tuần lễ vừa qua đối với tôi quả là một tuần lễ khủng khiếp. Và tôi không thể không đến đây lần nữa để gặp hai cô.

Hai cô gái chăm chú lắng nghe. Neil thấy là anh đã đi đúng hướng điều anh cần là xuất hiện trước mắt hai cô gái này một cách khác thường, đánh tan mọi ấn tượng cũ của họ về anh, đồng thời buộc họ phải lắng nghe đầy đủ tất cả những gì anh đã chuẩn bị để nói với họ hôm

nay. Bây giờ thì đúng như thế. Hai cô như nín thở, không bỏ sót một lời của anh.

- Tôi đến đây để xin lỗi hai cô và thừa nhận sai lầm của tôi. Chủ nhật trước, hai cô đuổi tôi ra khỏi nhà là đúng. Hai cô hoàn toàn có quyền làm như thế, khi nhận thấy tôi chỉ là một kẻ đào mỏ, cầu hôn với hai cô chỉ cốt chiếm đoạt cái gia tài này. Tuy nhiên hai cô đã lầm. Xin hai cô tin lời tôi nói. Không phải tôi yêu quá ít mà trái lại, tôi yêu quá mãnh liệt đến nỗi gây hiểu lầm cho hai cô.

Neil thấy anh đưa mồi ra và hai con cá kia đã cắn vào. Hai cô gái đưa mắt nhìn nhau bối rối, rồi lại quay sang nín thở nghe ông khách quý thao thao.

- Tôi xin thành thật thừa nhận rằng tôi không sao có thể phân biệt được hai cô - Neil nói - Hai cô giống nhau hoàn toàn, kể cả những chi tiết nhỏ nhất, giống nhau cả trong mọi ưu điểm và mọi vẻ yêu kiều. Tôi yêu một nét nào đó ở cô này thì tôi lập tức thấy nét đó cũng có ở cô kia và cũng làm tôi yêu mến. Và tiếp chuyện cô nào tôi cũng có những hồi hộp xúc động như nhau. Do đấy tôi không thể chọn một cô nào trong hai cô được. Chọn cô nào tôi cũng thấy không trung thực và tôi nghĩ đấy không phải là lỗi của tôi. Tôi yêu cả hai cô kia mà, chính vì thế mà tôi không thể đang tâm chọn lấy một trong hai cô được. Tình cảm của tôi đối với hai cô hoàn toàn ngang nhau. Xin hai cô hãy tin lời tôi nói. Giá như không có điều luật cấm lấy hai vợ thì ngay bây giờ tôi xin quỳ gối trước hai cô, cầu hôn với cả hai cô. Và nếu như hai cô đều chấp thuận thì tôi sẽ là người đàn ông

hạnh phúc nhất trên thế gian này, bởi vì tôi được lấy không chỉ một mà những hai phụ nữ đáng yêu nhất trên đời.

Bài diễn văn này Neil soạn rất kỳ công và đã học thuộc lòng, đã tập luyện công phu và hôm nay được trình diễn một cách xuất sắc, khiến hai cô vô cùng xúc động. Tiếc rằng Neil ra đời hơi muộn. Giá như anh ra đời sớm hơn vài chục năm hẳn anh đã là nghệ sĩ biểu diễn bi kịch xuất sắc rồi. Và hai cô gái Rosalie và Regina nhà Dunbar kia cũng lại sinh ra quá muộn cho nên vẫn còn những người hâm mộ tài nghệ của các diễn viên bi kịch kiểu đầu thế kỷ. Do đấy khi xem Neil biểu diễn, các cô xúc động ghê gớm, hai bàn tay nắm chặt lên ngực, mắt mở to, môi run rẩy. Neil cảm thấy mình bắt đầu sai khiến được hai cô gái giàu có nhưng ế chồng và xấu xí này. Chàng nghĩ, đã biến được hai cô thành hai con mèo ngoan ngoãn và giá chàng có đặt thức ăn trên bàn tay, hai cô cũng sẽ vui lòng bước tới ăn trên đó.

Nhưng Neil muốn cho hai cô uống. Chạy đến bàn giấy, bưng chiếc khay trên có ba ly rượu vang, anh mời hai cô uống với anh mỗi người một ly, tất nhiên anh chú ý xoay chiếc khay để ly có thuốc độc về phía một cô, cô nào thì anh không cần quan tâm, bởi vì anh chỉ cần cho một cô uống ly đó là đủ.

- Xin hai cô uống với tôi một lần này, hai cô mà tôi đều yêu say đắm và không còn hy vọng được kết duyên nữa. Chúng ta đang sống trong một thời đại nghiệt ngã. Xin hai cô cùng cạn với tôi mỗi người một ly rượu này để kỷ niệm những ngày hạnh phúc đã qua.

Như bị thôi miên, mỗi cô nhận một ly. Neil thấy rõ cô đứng bên phải cầm ly có thuốc độc. Anh hơi áy náy nhưng lại thầm gạt đi ngay, dâu phải anh cố tình giết cô mà là số phận run rủi cô cầm đúng phải cái ly ấy! Hai cô cầm xong, đến lượt anh cũng cầm lấy một cốc rồi đặt chiếc khay lên mặt bàn giấy như cũ.

Quay về phía hai cô, anh giơ cao ly rượu nhìn họ. Lúc này anh thầm nghĩ cô bên phải lát nữa uống xong ly rượu có thuốc độc sẽ xỉu đi và nằm xuống sàn thở hơi cuối cùng. Khi đó anh sẽ bước tới cô sống sót bằng giọng chân thành và tha thiết nói với cô: "Em Regina - hoặc Rosalie - anh đã bắt buộc phải làm như vậy, bởi vì không có cách nào khác. Đây là cách duy nhất khiến chúng ta có thể đạt được hạnh phúc. Rosalie - hoặc Regina - lúc này không còn nữa và được thoát khỏi mọi nỗi đau đớn khổ ải trên cõi thế gian này. Anh không muốn thế, nhưng biết làm sao được? Bây giờ toàn bộ tình yêu trước đây anh dành cho hai người đều dành trọn cho một mình em. Regina - hay Rosalie " Lại đã có sẵn lá thư tuyệt mệnh khiến cho cơ quan cảnh sát khỏi gây chuyện rắc rối. Rồi sau đó đến đám cưới và sau nữa là một cuộc sống phong lưu sung túc.

- Mời hai cô cạn ly - anh nói to rồi bản thân uống một hơi cạn chiếc ly của mình. Nhưng cả hai cô gái đều không làm theo anh.

Thoạt đầu Neil hơi khó chịu: sao hai cô gái này bướng bỉnh đến thế? Anh đã tha thiết mời và đã tự uống trước vậy mà hai cô không chịu uống là sao nhỉ? Chẳng lẽ mọi sự diễn biến từ đầu đến giờ suôn sẻ như vậy đến lúc này lại hỏng hay sao?

- Mời hai cô! - anh năn nỉ - Hãy ban cho tôi vinh hạnh cuối cùng trước khi ta chia tay nhau vĩnh viễn là được hai cô cùng cạn ly với tôi. Phần tôi đã xong rồi, bây giờ đến lượt hai cô. Rồi sau đây tôi hứa đi khỏi nơi đây và sẽ không bao giờ còn đến làm phiền hai cô nữa.

Nhưng hai cô gái vẫn thoái thác. Họ không uống ly rượu mà chỉ đưa mắt nhìn nhau và Neil có cảm giác như họ trao đổi với nhau một thông tin nào đó.

- Ông Neil, ông làm chúng tôi thất vọng đấy, - một cô lên tiếng.

- Tôi đã làm gì để hai cô phải buồn phiền vậy? - anh ngạc nhiên.

- Thì ra ông giống hệt như mọi kẻ khác. Chúng tôi đã có kinh nghiệm và chúng tôi dựa trên một số biểu hiện, có thể đoán khá chính xác thực chất của vấn đề.

- Hai cô nói gì vậy, tôi không hiểu?

- Hai chúng tôi đều sẵn sàng tự tử vì ông, thưa ông Neil, nhưng cả hai chúng tôi đều không thích bị ám sát.

Trong lúc Neil còn đang hoang mang chưa biết cái gì đang diễn ra thì một cô bước đến bàn giấy, mở ngăn kéo bàn ra, lục tìm.

- Đúng như chúng tôi dự đoán, gói giấy trong này không còn ở đây. Ông khách này định giết một trong hai chị em mình.

Neil vội vã thanh minh:

- Tôi yêu cả hai cô nếu như tôi phải làm như vừa rồi chỉ là vì tôi muốn được kết hôn với một trong hai cô.

- Để chiếm tài sản của chúng tôi chứ gì?

- Hoàn toàn không phải thế.

- Chính là thế đấy, thưa ông Neil. Tự tử vì tình là điều hợp lý, nhưng giết một người mà mình yêu là không hợp lô gich chút nào. Nếu thật ông yêu chúng tôi thì không đời nào ông nỡ giết một người. Cả hai chị em chúng tôi sẵn sàng nhận cái chết vì một tình yêu chân chính, nhưng chúng tôi hoàn toàn không muốn chết để chiều theo một kẻ gian phi chạy theo đồng tiền.

Làm sao có thể tranh luận với những kẻ gàn dở như hai đứa con gái này được. Neil thấy uất giận. Người anh điên lên. Anh muốn có một thứ vũ khí nào trong tay. Kiếm đâu ra một con dao? Con dao nào cũng được khiến anh có thể tiến hành một vụ giết người, vụ giết người sau đây có thể diễn giải là một vụ tự tử. Chỉ cần giết chết một cô, còn cô thứ hai anh sẽ có cách thuyết phục để cô ta hiểu và bằng lòng lấy anh. Hai chị em dựa vào nhau mới đáng sợ chứ, khi chỉ còn một thì anh thừa sức lái cô ta đi theo bất cứ hướng nào anh thích.

Một con dao! Một con dao! Đúng là thứ anh đang rất cần lúc này. Như thằng điên, Neil lao về phía nhà bếp. Anh lại gặp may rồi, chị nấu bếp không có ở đấy. Neil nhìn thấy một cái giá để dao, anh chọn lấy một con dao bầu rồi chạy lên phòng khách.

Hai chị em sinh đôi nhà Dunbar vẫn đang chờ anh tại đó. Thấy anh họ vội núp vào sau lưng ghế đi văng. Neil lao vào họ nhưng khi anh vòng qua đầu ghế thì họ đã chạy sang nấp đầu bên kia.

Neil đứng lại, thở hổn hển rồi lại lao. Chỉ cần túm được một cô, cô nào cũng được, chém một nhát là xong.

Nhưng khốn nỗi vướng cái đi vãng. Anh cứ sang bên này thì hai chị em chủ nhà đã chạy sang núp bên kia.

Neil có cảm giác như hai chị em sinh đôi cười giễu anh. Rõ ràng là họ vẫn bình tĩnh và tự tin lắm, chưa hoảng hốt gì hết. Mà đúng là cảnh tượng này có một dáng vẻ khá hài hước. Nhưng Neil đâu có óc hài hước. Vả lại anh còn đang điên đầu lên với hai đứa con gái hâm hấp này. Anh lao người về phía họ, tay giơ cao con dao. Nhưng đột nhiên anh thấy hai đầu gối như tê dại đi khiến anh đứng không vững nữa dành nằm dài lên ghế đi vãng, mắt anh hơi hoa lên và mọi thứ xung quanh bắt đầu chao đảo. Sao thế này? Neil chưa hiểu sao lại có hiện tượng này, bàn tay anh oặt ra buông con dao rơi xuống sàn.

- Em nghĩ rằng hắn không còn làm chị em ta nguy hiểm được nữa.

Một ý nghĩ thoáng qua trong óc Neil: "Đây là Rosalie". Một nỗi mỏi mệt làm toàn thân anh rã rời. Cặp mắt anh dại đi và anh lờ mờ nhìn thấy hai chị em sinh đôi rón rén bước tới gần anh như đôi chim sẻ nhảy nhảy đến gần một con rắn đã bị thương.

- Em nói đúng đấy, Rosalie. Mà chị đã báo trước với em rồi, hắn là kẻ hung bạo, bây giờ thì em đã thấy rồi chứ?

- Em thấy rồi, chị Regina ạ. Lão này hung bạo không kém gì lão Fitzmason.

- Hoặc như lão Penwell.

- Thì lão Spindle cũng vậy. Bọn chúng đều cùng một giuộc hết.

- Chỉ trừ có ông Winckely, tội nghiệp ông ta.

- Em công nhận là đối với ông ta chị em mình đã làm quá tay. Đến lúc biết ông ta là người phúc hậu thì đã muộn mất rồi.

- Làm sao mà chị em mình biết được kia chứ? Thì chị em mình cũng phải tự vệ chứ?

- Rồi lại ông Hesperson nữa, cũng tội nghiệp.

Neil cố thều thào:

- Hai cô nói chuyện gì đấy? - Anh muốn hét to lên nhưng không đủ sức.

Một trong hai chị em sinh đôi quay sang nói với anh:

- Kinh nghiệm cay đắng đã dạy chúng tôi, thưa ông Neil, là những kẻ tham lam không đời nào chịu ngồi yên khi họ thấy mưu đồ của họ không thành và lại sẵn có những vật giúp họ biến chuyện giết người thành vụ tự tử. Nếu kể cả ông thì đã có bảy người rồi. Trong đó năm ngoái đã định giết chúng tôi, ba người dùng rượu, một người dùng xe hơi và một dùng que cời bếp. Ông là người duy nhất mưu đồ giết chúng tôi bằng cả hai thứ: rượu và dao. Vì thế chúng tôi xếp ông vào loại hung bạo nhất.

Đầu Neil nhức như búa bổ. Anh vẫn chưa hiểu gì hết.

- Trong ngần ấy trường hợp, có trường hợp ông Hesperson thực ra đến nay chúng tôi vẫn chưa khẳng định là đáng hay không. Còn trường hợp ông Winckerly thì đúng là chúng tôi đã lầm. Dù sao trong bảy trường hợp thì năm hoặc sáu chính xác là họ đến với chúng tôi để

đoạt gia tài và khi thấy không được thì đều tìm cách giết chúng tôi. Đã có lúc chúng tôi bi quan, khéo chị em chúng tôi sẽ không gặp được ai là người đàn ông chính trực.

Neil hất đầu vẻ tuyệt vọng, mắt anh đã phủ một làn sương mỏng.

- Tôi làm sao thế này? - anh rên rỉ.

- Ôi, thế ra chúng tôi chưa nói để ông biết à, ông Neil? Chỉ là thế này thế: kinh nghiệm cho chúng tôi thấy là phải cảnh giác kẻo có ngày mất mạng. Trong cái gói ấy chỉ là đường, mặt khác chai rượu lại có thuốc độc.

Neil không còn lên cơn thịnh nộ được nữa, sức anh đã kiệt.

- Bảy người, - anh lẩm bẩm. (Anh thấy thuốc độc đúng như họ nói, không gây đau đớn gì nhiều lắm). Bảy người...bấy người và vẫn không ai trong số đó phân biệt được hai cô với nhau...

Một trong hai cô gái mỉm cười bước đến, nghiêng đầu, vén một nhúm tóc rủ xuống trán, để lộ một vết sẹo nhỏ.

- Phân biệt không phải chuyện khó lắm đâu. Tôi có cái sẹo này, do que cời bếp đập vào. Đấy là người đầu tiên. Hắn ta định giết tôi và bố trí như thể tôi bị tai nạn. Hắn tưởng tôi đã chết. May thay chị Regina thông minh đã giả vờ nhận lời rồi mời hắn một ly rượu... Cũng chính từ lần ấy chúng tôi đâu dùng rượu.

- Quả là vết sẹo đẹp, - Neil vẫn thì thào với cái giọng nịnh đầm đến lúc này vẫn chưa hết. Đúng là vết sẹo đáng quý, để phân biệt được hai cô với nhau...

Anh không nói thêm được lời nào nữa.

*

* *

Sáng thứ hai, một chiếc xe du lịch kiểu thể thao đỗ ở trước cửa hiệu Martell người ta nhận ra đó là xe của Neil Admire, phụ trách ngân hàng dành cho nữ giới. Cảnh sát nhận định rằng chủ nhân chiếc xe đã ngồi xe này đến đây nhưng sau đó đi đâu không biết. Nhận định ấy cho đến nay vẫn được coi là gần với sự thật nhất vì không tìm thấy xác của anh ta.

VŨ ĐÌNH PHÒNG *dịch*

Clark Howard
(Mỹ)

SỰ PHỐI HỢP NGẪU NHIÊN

Martin bước vào quán rượu ngay sau phố Randolph. Y đi thẳng vào tận trong, nơi Hans bạn y đang đợi. Thấy y đến, người bạn lớn tuổi kia đứng dậy, mỉm cười niềm nở:

- Chào cậu, Martin. Khỏe chứ?

- Vâng, cảm ơn bác. - Martin nồng nhiệt nắm chặt bàn tay của Hans. - Còn bác thế nào ạ?

- Mình cũng rất tốt. Chưa bao giờ mình sảng khoái như hồi này.

Bồi bước đến. Martin gọi thức uống cho y và cho bạn.

- Trông cậu tươi lắm. Công việc tốt lắm hả? - Hans ngắm nghía bộ cánh rất sang, loại hai trăm đô la và chiếc cà vạt đắt tiền, giá phải tới ba chục cùng với chiếc ghim bằng bạch kim cài trên đó.

- Vâng, công việc đang chạy, - Martin thừa nhận, liếc nhìn chiếc nhẫn trên ngón tay út của Hans. - Tôi thấy là bác có vẻ thú hạt soàn.

Hans cười ngượng nghịu.

- Mình chỉ bị có chỗ yếu ấy thôi, - người bạn lớn tuổi thú nhận, - Có lẽ mình không nên mê mải thứ này. Hiện trong nhà mình đã có cả một hộp đầy hạt soàn. Nhưng mình vẫn còn kiếm ra tiền mà, chơi một chút cũng không sao, đúng không? Hơn nữa đây cũng là cách để dành lúc về già bán đi mà tiêu.

Martin nhìn người bạn thông cảm. Hans đã khá nhiều tuổi. Tóc đã nhiều sợi bạc, tuy vậy vẫn rất dày. Trên mặt đã xuất hiện khá nhiều nếp nhăn, tuy nhiên dáng vẻ vẫn khỏe khoắn, linh lợi. Martin khẽ mỉm cười:

- Bác còn trẻ lắm, bác Hans. Mười năm nữa chưa chắc bác đã chịu nghỉ đâu, tôi tin là như thế.

Lần này thì người cười lại là Hans.

- Cậu tốt với mình quá, Martin.

- Bồi bưng thức uống ra. Martin nâng cốc:

- Chúc sức khỏe bác, bác Hans.

- Còn mình cũng xin chúc cậu, Martin!

Họ cùng uống. Hans hơi nghiêng đầu về phía người bạn trẻ.

- Lần này mình có thể giúp gì cậu được đây?

- Có đấy, bác Hans, - Martin nói luôn. - Tối mai tôi cần làm việc, nhưng chiếc đài bán dẫn của tôi lại bị trục trặc gì đó, không thể chữa kịp được, chắc chắn là như thế. Cho nên tôi nghĩ không biết hỏi mượn bác một buổi tối có sao không? Chỉ riêng tối mai thôi. Được không ạ?

- Tất nhiên là được rồi, - Hans đáp ngay. - Làm việc ban đêm có chiếc đài bên cạnh giải sầu là đúng rồi, mọi thứ đều trôi chảy nhanh chóng.

- Vâng, đúng thế. Chính bác đã mách cho tôi cái kinh nghiệm ấy, chắc bác còn nhớ chứ?

Hans mỉm cười.

- Nhớ. Mình còn nhớ là lần đầu khi nghe mình kể kinh nghiệm này, cậu chưa tin, còn bảo mình điên! Loại công việc "ăn sương" như thế này mà lại còn đem theo đài bán dẫn! Ôi, Martin, hồi ấy cậu đúng là còn ngờ nghệch.

- Bác nói đúng. Nhưng sau đấy nhờ bác bảo ban, đặc biệt là những chuyến đi theo bác... Phương pháp làm việc của tôi hiện giờ hoàn toàn chép đúng theo bác và ngày càng thấy kết quả ghê gớm.

- Cậu nói quá đấy, Martin, - Hans nhún vai trước lời ca ngợi nồng nhiệt của người bạn trẻ. - Cậu thành công như hiện giờ là do cậu có những phẩm chất đặc biệt. Với tài ba như của cậu thì đi theo phương pháp nào cũng thành công hết.

- Bác nói thế cũng đúng một phần. À, vậy là tối mai tôi có thể mượn cái đài của bác được?

- Tất nhiên rồi. - Hans đáp. - Nhưng cậu đến sớm sớm một chút nhé. Tối mai mình cũng có việc cho nên đi sớm. Bà Anna thì mai là ngày làm việc ở trại mồ côi. Cho nên cả hai vợ chồng mình chiều mai đều không có nhà. Tốt nhất là cậu đến vào buổi sáng, khoảng mười giờ, được không?

- Chiều mai bác cũng phải đi làm ạ? Vậy bác cũng cần đài chứ?

- Không. Tối mai mình làm việc nhưng ở ngoài trời, không cần đến đài. Mình gặp một khách hàng.

- Bác không cần thật chứ? - Martin hỏi gặng. Y không muốn làm gì phiền cho người bạn lớn tuổi.

- Không - Không! Mình đã nói rồi mà. Cậu cứ yên tâm lấy mà dùng. - Hans nói. - Sáng mai mười giờ cậu đến lấy và cứ dùng thoải mái.

- Vâng. Cảm ơn bác quá, bác Hans. - Martin nhìn đồng hồ tay và thấy đã quá năm giờ. - Bác dùng ly nữa nhé? - y hỏi.

- Đủ rồi, cảm ơn. Mình phải về nhà bây giờ. Những hôm không làm việc mà về muộn là bà vợ mình dễ hoảng hốt lắm.

Martin gật đầu vẻ hiểu biết:

- Bác gái đúng là người vợ tuyệt vời, vừa đẹp vừa chăm chồng. Số bác may lắm đấy, bác Hans ạ.

Hans cười thích thú:

- Bà ấy vẫn nhắc đến cậu luôn đấy, Martin. Hai vợ chồng mình già lại hiếm hoi mà. Bà Anna rất qúy cậu. Cậu ít đến thăm vợ chồng mình quá. Hôm nào phải đến mình ăn một bữa mới được.

- Vâng, đúng thế, thưa bác, - Martin nói. - Để dịp nào rảnh rang một chút.

- Mình hiểu chứ. Công việc trên hết mà. Nhưng mà này, cậu đang còn trẻ, làm việc nhưng cũng phải dành thời giờ chơi chứ. Chơi đồng thời cũng là nghỉ ngơi nữa.

- Vâng, tôi xin cố gắng theo lời bác khuyên, - Martin nói.

Hai người đứng dậy. Martin lấy ví, nhưng ông bạn già đã nhanh tay hơn, bất chấp lời kêu ca của y, đã lấy tờ năm đô la đặt lên bàn. Họ cùng ra cửa và Martin gọi một chiếc tắc xi cho Hans.

- Chào bác, ngày mai tôi sẽ đến, - Martin nói.

- Chào cậu, sáng mai đến mình sớm một chút nhé, - Hans nói.

Martin nhìn theo cho đến khi chiếc tắc xi rẽ ở một ngã tư, không nhìn thấy nữa. Sau đó y lững thững đi dọc theo đường phố, đến một tủ điện thoại lẩn kín trong góc tường, nhét một đồng xu vào rồi nhấc máy quay số. Tiếng chuông báo trong máy mới reo đến tiếng thứ ba thì một giọng đàn ông vang lên.

- A lô?

- Ngài Prindle? - Martin hỏi.

- Tôi đây.

- Tôi là Martin. Tôi đã được vị chung vốn với Ngài bằng lòng cho gặp. Vậy Ngài cho biết hẹn với ông kia giờ nào cho tiện?

- Tốt lắm. Vậy thế này nhé: tôi làm việc ở đây cho đến bảy giờ tối. Ông bạn tôi sẽ còn ngồi lại đến tám giờ. Khoảng thời gian ấy thích hợp với anh chứ?

- Vâng, rất thích hợp, - Martin lạnh lùng đáp. - Nghĩa là tôi sẽ đến gặp vị kia vào bảy giờ mười lăm. Tôi nghĩ rằng tôi có thể gặp Ngài tại phòng chờ Khách sạn Colonial vào tám rưỡi.

- Nhanh thế à? - Người ở đầu dây bên kia có vẻ sửng sốt.

- Việc tôi tiến hành với vị hùn vốn của Ngài sẽ không kéo dài, Ngài hãy tin là như thế, ngài Prindle. Tôi tin chắc chắn có thể có mặt ở Khách sạn Colonial trước tám giờ rưỡi tối mai.

- Tốt lắm, - ông Prindle nói trong máy.

- Và tất nhiên lúc đó ngài sẽ trao nốt cho tôi...

- Tất nhiên rồi, - ông Prindle nói nhanh. - Anh sẽ nhận đầy đủ khoản tiền mà anh đề xuất.

- Rất tốt. Vậy xin hẹn ngài tối mai, tám rưỡi. Xin chào ngài Prindle.

Martin treo máy lên rồi bước ra khỏi tủ điện thoại.

Năm giờ chiều hôm sau, Martin tắt vòi hoa sen đang tưới nước lên người y trong phòng tắm nhà y tại trung tâm thành phố. Y lau nhanh người bằng chiếc khăn bông khô rất to rồi xỏ tay vào chiếc áo choàng mặc nhà. Y ra khỏi buồng tắm, đi ngang qua phòng ngủ xuống bếp. Chú Lin, người giúp việc gốc Hoa đã nấu xong bữa tối gồm một đĩa xúp nóng và khoanh thịt ướp đúng như Martin yêu cầu.

- Tối nay ông chủ phải làm việc phải không ạ? - Lin hỏi trong lúc Martin ngồi xuống chuẩn bị ăn. Anh chàng người Hoa biết chủ thường không ăn nhiều mỗi khi chuẩn bị "làm việc".

- Ừ, - Martin đáp. - Bây giờ cho chú về. Ăn xong tôi sẽ xếp bát đĩa bẩn vào chậu cho.

- Cảm ơn, thưa ông chủ, - Lin nói mừng rỡ.

Và anh ta khẽ hát một điệu gì đó. Martin biết rằng chỉ mười phút nữa, cậu người Hoa kia sẽ ra khỏi nhà này.

Martin ngồi nhai thật chậm và hết sức thanh thản cho đến gần sáu giờ mới xong bữa. Y bước sang phòng ngủ thay quần áo. Y chọn bộ đồ "làm việc" màu xẫm và chiếc cà vạt Anh rất đắt tiền. Y mở hộp đựng đồ trang sức đặt trên bàn giấy, chọn chiếc đồng hồ đeo tay có dạ quang, lên dây rồi lấy giờ theo đúng như chiếc đồng hồ điện tử treo trên tường. Đúng lúc y đeo đồng hồ vào tay thì Lin bước vào chào để về.

Đợi cho người đày tớ ra khỏi nhà, Martin mở một cánh tủ, bật ngọn đèn soi sáng bên trong, lấy một tập hồ sơ, đem đặt ra gần cửa ngoài. Sau đấy y quay vào, đẩy những cái mắc có treo quần áo cách sao để y có thể chui lọt vào bên trong sát tường. Tại đây y lấy một chiếc chìa khóa đặc biệt mở một hốc tường. Lộ ra một cánh cửa nhỏ. Y mở "cánh cửa bí mật" này bằng một chìa khóa khác, rồi y quỳ xuống suy nghĩ một chút xem trong chuyến "công cán" chiều nay cần đến những thứ gì.

Tủ xây ngầm vào trong tường mở rộng để lộ hai phần. Một bên là những giá đựng và một bên là những ngăn kéo. Phần có những giá đựng được bọc kín những tấm mút và cao su. Ngăn trên là những lọ đựng chất nitroglycérine bọc trong những băng vải quấn chặt nhiều lớp. Ngăn thứ hai là những thỏi chất nổ dynamite, bọc từng năm thanh một trong vải ga. Ngăn thứ ba đựng những gói gắn xi chứa chất cháy màu đen. Ngăn thứ năm tính từ trên xuống là những kíp nổ điện, pin và những lựu đạn

chiếu sáng. Và ngăn cuối cùng là những bộ phận điều chỉnh chạy bằng điện và bằng lò xo.

Bên phải là bảy ngăn kéo giống hệt nhau, không đề chữ ngoài. Tất nhiên Martin thuộc như cháo những gì đựng trong từng ngăn. Hai ngăn kéo trên cùng đựng các kiểu súng ngắn, tất cả đều sản xuất ở nước ngoài và đều là súng tự động. Hai ngăn thứ ba và thứ tư là các loại giảm thanh có thể lắp vào bất cứ khẩu nào ở hai ngăn trên. Hai ngăn kéo thứ năm và thứ sáu đựng các loại đạn dùng cho tất cả các kiểu súng ở trên. Ngăn kéo thứ bảy dưới cùng đựng những dụng cụ linh tinh như găng các loại, bằng da và bằng cao su, thông nòng và các dụng cụ lau chùi súng, những kính hồng ngoại...

Tất cả những thứ Martin cần đến trong "công việc" đều nằm tại cái tủ ngầm này. Mỗi khi chuẩn bị thực hiện một "công việc" gì, y chỉ cần mở ra và tha hồ chọn, sẽ không thiếu bất cứ một thứ cần thiết nào. Hiện giờ đúng là y đang làm việc ấy. Trước tiên y nhấc khẩu Bretsi tự động cỡ 9 ly, lắp băng đạn gồm chín viên vào rồi đóng cơ bẩm, hạ chốt an toàn, lắp thêm vào súng bộ phận giảm thanh dài mười xentimét. Thế là xong phần vũ khí. Bây giờ đến một cặp còng tay y cho vào cặp, chìa khóa bỏ vào túi áo vét.

Martin quay sang phần tủ bên trái, lấy một lọ nitroglycérin bọc vào bông, gắn thêm một ngòi cháy chậm dài mét rưỡi, cho vào một ngăn riêng trong cặp tài liệu. Bên cạnh lọ đựng chất nitrogly cérin, y nhét thêm mấy gói thuốc cháy màu đen. Thứ cuối cùng y lấy tại đây là một đôi găng Thụy Điển đen mà y nhét vào túi áo trong.

Y thận trọng dem tất cả ra ngoài phòng khách. Tại đây y lấy chiếc dài bán dẫn nhỏ xíu y vừa mượn sáng nay của Hans, nhét vào cặp rồi đóng cặp lại.

Y nhìn đồng hồ và thấy còn mười lăm phút nữa mới đến giờ mà y dự tính sẽ rời khỏi nhà. Y đi ngang qua phòng đến tủ lấy một điếu xì gà ngoại châm hút. Sau đấy y sang một phòng nhỏ có kê bàn giấy và nhiều tủ sách, nơi y gọi là "phòng giấy". Y ngồi vào bàn giấy, mở ngăn kéo to ở giữa lấy ra tấm bản đồ thành phố. Y mở bản đồ ra trước mặt, tìm địa điểm cần thiết. Địa điểm này nằm ở góc Tây-Nam trong phạm vi kiểm soát của đồn cảnh sát Đại lộ Racine. Đồn cảnh sát được y khoanh sẵn một đường bút chì đỏ. Martin nhận ra rằng tối nay y "hoạt động" ngay sát nách đồn cảnh sát.

Trong khi nghiên cứu địa điểm, Martin đưa ngón tay lên phía Đông - Bắc của quận này tới một nơi cách rất xa nhưng vẫn thuộc phạm vi kiểm soát của đồn cảnh sát này, tới một phố tên là Groves, vào khoảng số nhà trên dưới một ngàn tám trăm. Martin ghi nhớ trong óc chi tiết ấy thật kỹ rồi gấp tấm bản đồ, cho vào ngăn kéo, đóng lại.

Y đứng dậy, với trên giá sách cuốn chỉ dẫn về phố xá, mở ra tìm phố Groves. Y lần từ số nhà 1800 trở đi, xem tên các chủ nhà trong quãng phố này. Tình cờ y chọn được một người tên là Joseph Mangle số nhà 1834 phố Groves. Y ghi tên và địa chỉ ông ta lên một tờ giấy xé ở blôc lịch ra, rồi lật giở cuốn sách chỉ dẫn đến chỗ kê tên các đồn cảnh sát, thấy được số điện thoại của đồn Đại lộ Racine. Y bèn ghi lại số điện thoại ấy.

Martin cất cuốn sách vào chỗ cũ trên giá rồi đứng nguyên, hít vài hơi khói xì gà, trước khi bỏ vào gạt tàn.

Đã đến giờ khởi hành. Y sang phòng khách, nhấc chiếc cặp lên với dáng điệu thản nhiên, bước ra hành lang, đội chiếc mũ dạ màu thẫm rồi ra đường.

Lúc này đã sáu giờ ba mươi lăm.

Martin gọi một chiếc tắc xi, bảo chở đến trung tâm thành phố. Y bước ra khỏi xe tại một ngã tư đông đúc, náo nhiệt rồi đi nhanh về phía ga xe điện ngầm. Y lên tàu chạy theo hướng Bắc và đứng ở đầu toa suốt quãng đường. Y ra khỏi tàu và lên mặt đất ở khu vực bến tàu thủy. Lúc này đã bảy giờ kém hai phút. Địa điểm y cần đến đã ở gần ngay đây. Y đi bộ thoải mái chừng mười hai phút rồi dừng chân bên một tủ điện thoại công cộng. Y quay số điện thoại của đồn cảnh sát Đại lộ Racine.

- Đồn cảnh sát Racine đây. Nhân viên trực: Trung sĩ Ledbetter.

- Tôi là Joseph Mangle, số nhà 1834 phố Groves. Ông có thể cử một nhân viên cảnh sát tới đây ngay bây giờ được không ạ? Hiện đang có một người lởn vởn trong ngõ bên hông nhà tôi, tay anh ta lại cầm một khẩu súng ngắn.

- Ông không biết y là ai ư, thưa ông Mangle? - viên trung sĩ cảnh sát hỏi. - Là ý tôi muốn hỏi y có phải hàng xóm hoặc người quen biết của ông không?

- Không- không? Anh chàng này trông rất lạ, tôi không hề thấy bao giờ. Xem chừng có vẻ anh ta đang sắp làm một trò gì hoặc hành hung ai đó chẳng hạn. Tôi

không biết, nhưng tôi nghĩ tốt nhất là nên báo đồn cảnh sát.

- Ông làm thế là rất đúng, thưa ông Mangle. Chúng tôi sẽ cử đến đó một xe chở cảnh sát. Ông vừa nói là số nhà 1834 phố Groves phải không?

- Vâng. Đúng thế.

- Tốt lắm. Chỉ vài phút nữa xe cảnh sát sẽ tới đó.

- Cảm ơn, - Martin nói rồi bỏ máy.

Y ra khỏi tủ điện thoại rồi đi nhanh về phía "địa điểm". Đấy là một hãng buôn lớn, hai tầng, nằm ở mặt đường. Bên hông ngôi nhà là một ngõ hẹp, đường chở hàng vào. Có cổng sau trong ngõ.

Mặt trước của ngôi nhà khá đồ sộ. Cửa vào lắp kính và bên trên có hàng chữ to bằng đồng sáng loáng HÃNG HORNER và PRINDLE. XUẤT NHẬP KHẨU.

Martin đi ngang trước cửa chính nhưng không vào mà tiến thẳng tới cảng sông, đến chỗ bốc hàng đưa vào nhà. Một tấm biển nhỏ ghi dòng chữ "Lối ra vào cho nhân viên". Trước khi tới đó, y đã đưa nhanh mắt và không thấy ai, bèn lấy đôi găng tay ở túi áo trong ra xỏ thật nhanh. Bây giờ y thận trọng nắm tay cầm ở cánh cửa xoay một vòng. Cửa mở đúng như lão Prindle đã dặn trước. Y bước vào thản nhiên, đóng cánh cửa lại như cũ.

Sau đó, y đi dọc theo hành lang, chân bước nhẹ để không gây tiếng động. Y đi giữa những hòm gỗ đủ các cỡ và đều đóng đai sắt, rồi đến những hộp bằng các tông đã đóng gói chuẩn bị để gửi đi, chắc thế. Nhiều hộp đang còn đóng dở dang. Martin nhìn thấy trong ánh sáng mờ

mờ những dòng chữ ghi bên ngoài các hộp, đề các địa chỉ tận Tây Ban Nha, Hà Lan, Châu Phi, các nước Viễn Đông... tóm lại là hãng này gửi hàng đi cho khách trên khắp thế giới. "Chà, kinh doanh đang phát đạt lắm đây" - y thầm nghĩ. Chẳng có gì lạ khi lão Prindle kia muốn độc chiếm toàn bộ cơ ngơi này.

Đi đến cuối hành lang, Martin đứng lại ngắm toàn bộ kho chứa hàng rồi tiến về một cánh cửa nhỏ lắp kính và bên trong thắp đèn sáng. Y nhìn vào trong, thấy đấy là một phòng giấy. Một bóng người đang cúi trên mặt bàn bừa bộn giấy tờ. Ông ta đang hý hoáy ghi chép vào cuốn sổ to.

Y gõ cửa.

"Xin mời!" - tiếng đáp từ trong vọng ra.

Martin mở cửa. Người đang ngồi ở bàn ngẩng đầu lên.

- Chào Ngài Horner, - Martin nói giọng từ tốn.

- Ông là... Ông là ai vậy? - Horner hỏi.

- Ngài Prindle trỏ tôi đến đây gặp Ngài, thưa Ngài Horner, - vừa nói, Martin vừa mở cặp.

- Ông Prindle à? Nhưng làm thế nào anh vào đến đây được?

- Tôi vào theo cửa dành cho nhân viên của hãng. Ngài Prindle lúc nãy ra về đã không khóa, cốt để cho tôi vào được dễ dàng. Người hùn vốn với Ngài quả là chu đáo, tính toán mọi việc đâu vào đấy cả.

Bàn tay Martin đã đặt trong cặp.

- Nhưng khoản đã, ông.... - Horner vừa bắt đầu nói bỗng im bặt khi nhìn thấy khách không mời mà đến đã lấy trong cặp ra khẩu súng ngắn chĩa về phía ông ta.

- Ngài Prindle đã giao việc này cho tôi, thưa Ngài Horner, - Martin nói bằng giọng nghiêm túc. - Cho nên xin Ngài làm theo đúng những gì tôi yêu cầu và khi đó công việc sẽ trôi chảy cả cho tôi lẫn Ngài. Bây giờ thì Ngài hiểu rồi chứ?

Horner liếm cặp môi khô khốc rồi gật đầu.

- Tốt lắm! - Martin nói. - Ngài hãy mở két tài liệu của Ngài ra, càng nhanh càng tốt. Nào, Ngài vui lòng.

Horner đứng dậy, đi về phía két sắt. Mặt ông ta tái nhợt, như không còn một giọt máu, hai bàn tay run lẩy bẩy. Nhưng ông ta vẫn quỳ được xuống trước cái két kiên cố, run rẩy xoay các con số, khiến cho tấm bảng nhỏ bằng kim loại hơi tụt xuống một chút, báo hiệu khóa két đã được mở.

- Rất tốt, thưa Ngài Horner, - Martin lạnh lùng nói rồi lấy trong cặp ra chiếc còng đặt lên mặt bàn. - Bây giờ xin Ngài ngồi vào chiếc ghế này, quặt hai tay ra sau lưng cho. Được không ạ, thưa ngài Horner?

- Ông... ông định làm gì tôi vậy?... - Horner lắp bắp hỏi.

- Chỉ đơn giản là còng hai tay Ngài lại, có vậy thôi. - Martin an ủi. - Cốt để tôi có thể lấy tài liệu của Ngài trong két kia mà không sợ bị Ngài gây phiền, thưa Ngài Horner. Bởi vì mọi động tác anh hùng của Ngài lúc này đều chỉ làm vướng tôi.

- Ông muốn nói rằng ông... định cướp hết tài liệu đựng trong két chăng? - Horner hỏi bằng giọng có phần hồ nghi, tuy vẫn ngoan ngoãn đi về phía bàn giấy, ngồi xuống ghế. - Chẳng lẽ ông Prindle, người hùn vốn và là đồng giám đốc hãng này với tôi lại thuê tiền ông để cướp đi hết tài liệu của cả ông ấy lẫn của tôi hay sao?

- Dùng chữ "cướp" ở đây chưa được chính xác lắm, - Martin vừa nói vừa còng hai tay Horner lại một cách khéo léo, thành thạo.- Ngài Prindle chỉ cần vài thứ giấy tờ cất trong két và Ngài thuê tôi lấy để trao lại cho Ngài, trong lúc tôi có mặt ở đây.

Martin cất khẩu súng vào cặp rồi lôi ra chiếc đài bán dẫn. Y xoay núm điều chỉnh tìm chương trình phát nhạc của đài phát thanh địa phương. Tiếng nhạc du dương của bản "Sông Đanuýp xanh" vang lên trong căn phòng nhỏ. Martin lắng nghe trong vài giây, hưởng nỗi khoan khoái do tiếng nhạc mang lại. Rồi nhìn đồng hồ, y chợt thấy đã bảy giờ hai mươi sáu phút, cần phải tiến hành công việc ngay.

Y mở cánh cửa két, chọn trong các tập hồ sơ, tập để ngoài "bản giao kèo hợp tác hùn vốn và kinh doanh", để riêng ra. Rồi y tiếp tục nhấc ra hồ sơ "Bản kê tài sản hiện có" rồi hồ sơ " Qũy không công bố". Ba hồ sơ ấy y đặt lên bàn giấy bên cạnh cặp của y rồi lấy gói thuốc pháo màu đen cùng với ngòi cháy chậm quay ra chỗ két đựng tài liệu. Y quỳ xuống, tỏ sợi dây cháy chậm. Horner lại nói:

- Tôi... tôi chưa hiểu lúc nãy ông nói về ông bạn Prindle của tôi nghĩa là sao? Tại sao Prindle lại yêu cầu

ông lấy những hồ sơ ấy? Bởi vì chẳng lẽ Prindle thuê ông đến đây chỉ để làm có mỗi việc lấy mấy văn bản kia?

- Vậy là Ngài thấy rõ tôi không phải loại trộm cắp tầm thường rồi chứ gì, thưa Ngài Horner?

Mặt Horner càng tái nhợt hơn và ông ta liếm môi liên tiếp. Đến lúc này thì cả lưỡi ông ta cũng đã khô nốt.

- Vậy ông đến đây đúng ra thì để làm gì?

Martin nhìn Horner và y mỉm cười:

- Để giết Ngài, thưa ngài Horner. Ngài đã đoán trúng đấy.

Horner nuốt nước bọt thành tiếng động khá to rồi ngoẹo đầu như sắp ngất. Hai mắt ông ta trợn lên vì quá hoảng sợ.

- Chẳng phải là thời gian gần đây Ngài không được thuận hòa lắm với Ngài Prindle là gì?- Martin bình thản nói. - Về chuyện hướng phát triển kinh doanh của hãng, đúng không nào? Ngài Prindle đề nghị chuyển địa điểm sang khu vực khác nhưng Ngài không chịu. Rồi lại vì Ngài Prindle tỏ ra thân thiết với bà vợ Ngài cũng làm Ngài khó chịu. Tôi nói có đúng không, thưa Ngài Horner?

Horner chậm chạp gật đầu:

- Những chuyện đó đều có. Nhưng tôi không ngờ là thằng cha lại tàn nhẫn đến mức này.

- Dễ hiểu thôi. Con người ta hay ngộ nhận kẻ ở ngay bên cạnh mình. - Martin nói giọng triết gia. - Có lẽ là bộ máy thị giác của ta hoạt động kém, khi ta nhìn những người mà ta đinh ninh là đã hiểu rất rõ. Dù sao khiếm khuyết này hầu như ai cũng có, chẳng cứ Ngài.

Để mặc Horner tiếp tục suy nghĩ, Martin làm tiếp công việc. Y tỏ sợi dây cháy chậm và luồn dưới các hồ sơ còn lại trong két một cách khéo léo để khi châm lửa, toàn bộ giấy tờ trong đó sẽ bị tiêu hủy hết. Trong lúc làm, y vớ bất cứ văn bản nào tiện tay là xé và dệm vào chỗ này, chỗ kia. Cuối cùng y mở gói thuốc pháo mầu đen, rắc lên.

Xong việc, đứng dậy, Martin nhìn đồng hồ một lần nữa. Đã bảy giờ ba mươi bảy phút. Y bước đến bàn giấy, nhấc máy điện thoại và quay số. Đầu dây kia trả lời ngay:

- Đồn cảnh sát Đại lộ Racine đây. Nhân viên trực: trung sĩ Ledbetter.

- Tôi là Joseph Mangle đây, - Martin nói. - Lúc nãy tôi có gọi điện báo về một thằng cha khả nghi mang vũ khí ở khu vực 1834 Phố Groves.

- Đúng thế, thưa ông Mangle. Chúng tôi đã cử một xe tới đó.

- Có, tôi có thấy. Chính vì vậy mà tôi gọi điện bây giờ cho các ông. Một nhân viên của các ông đã bị trúng đạn chết và xác hiện đang nằm trong ngõ...

Một tiếng động trong máy, hình như người cầm máy đã quăng máy xuống. Martin mỉm cười hài lòng rồi đặt máy xuống. Với tay sang dài bán dẫn, y thay đổi làn sóng. Tiếng nhạc dứt và bây giờ là tiếng các nhân viên cảnh sát gọi nhau ý ới. Martin ngồi xuống ở góc nhà lắng nghe.

"Số 22 đây... Số 22 đây... 22... Tất cả các nhóm lẻ ở các khu vực sau đây: Đại lộ Racine, phố Wabash, Halsted... đến ngay điểm 1834 phố Groves... Có một nhân

viên cảnh sát bị trúng đạn, tử thương... Một tám ba bốn Groves... Nghe rõ chưa?... Một tám ba bốn..."

Mỉm cười thích thú, Martin xoáy núm điều chỉnh sang chương trình âm nhạc ban nãy. Y lấy lọ nitroglycérin, quay ra chỗ đặt két. Y đặt lọ thuốc nổ vào giữa hai tập hồ sơ, rồi bật lửa châm vào đầu dây cháy chậm. Sợi dây bắt lửa, bắt đầu cháy lan vào.

Martin nhìn đồng hồ: bảy giờ bốn mươi hai phút. Y nhẩm tính: ba mươi xentimet dây cháy trong sáu phút. Tất cả sẽ là hai mươi tư phút. Rồi bột thuốc pháo màu đen cháy kích thích lọ nitroglycérin nổ. Cần mười đến mười hai phút hệ thống báo động mới được khởi động và phải năm hoặc sáu phút sau xe cảnh sát mới tới được. Y vẫn còn an toàn ít nhất là bốn mươi phút nữa. Tha hồ ung dung.

Martin khẽ đóng cửa két, xoay bảng chữ số lại như cũ.

- Xong rồi, nó sẽ tự hoạt động, thưa ngài Horner, - Martin nói, lúc y quay vào bàn giấy lần cuối cùng. Y tắt đài, cất cả đài cùng với mấy tập văn kiện kia vào cặp. Horner thở dài tuyệt vọng.

- Chỉ cần một viên đạn vào đầu tôi là xong, việc gì phải làm trò với cái két như vậy? - Horner hỏi Martin.

- Bởi vì tôi là chuyên nghiệp, - Martin đáp, giọng thoáng tự hào.- Tôi được chuyên môn hóa vào những loại công việc mà khi hoàn thành xong, không gây rắc rối gì cho khách hàng nữa hết. Mỗi lần nhận việc tôi đều nghiên cứu tính toán rất kỹ, không để sót một sơ xuất nào. Trong trường hợp của Ngài đây, mọi người sẽ chỉ cho rằng đây

là một vụ cướp có vũ khí. Ngài đã chống cự cho nên bị giết, hoàn toàn không ai nghi ngờ gì Ngài Prindle cả.

Martin lại nhìn đồng hồ: bảy giờ bốn mươi bảy phút.

- Nếu tôi trả ông nhiều hơn số tiền của Prindle thì sao? - Horner vội vã hỏi. - Tôi có thừa khả năng trả cao hơn Prindle, ông biết rồi. Vậy nếu như ông thả tôi và lại giết Prindle cho tôi thì tôi sẽ biếu ông phần tài sản của Prindle trong hãng, và thêm...

Nét mặt Martin lộ vẻ ghê tởm:

- Rất tiếc, thưa Ngài Horner, là tôi không thể làm như thế. Đề nghị của Ngài trái với những nguyên tắc đạo đức của tôi. Công việc của tôi trông bề ngoài có vẻ khó hiểu nhưng thật ra tôi vẫn tuân theo những nguyên tắc về đạo đức. Và Ngài đừng nên đánh giá tôi là...

- Tất nhiên là tôi hiểu rồi, - Horner vội vã chống chế. - Tôi không bao giờ coi công việc của ông là...

- Tôi biết chính xác Ngài đánh giá thế nào về công việc của tôi, thưa ngài Horner, - Martin nói, mắt đưa nhìn đồng hồ lần cuối cùng. - Tôi phải đi thôi. - Y lấy khẩu súng tự động đã lắp bộ phận giảm thanh ở nòng. - Xin chào tạm biệt Ngài, thưa Ngài Horner.

- Khoan đã... - Horner van vỉ. - Đừng... đừng!

Nhưng lời năn nỉ của ông ta lúc này không có tác dụng gì hết.

Martin đã nâng khẩu súng lên và bóp cò. Ba tiếng nổ đục... păng, păng, păng... gắn ba viên đạn vào ngực của vị cộng tác, hùn vốn và đồng giám đốc của hãng buôn Horner và Prindle, xuất nhập khẩu. Từ nay thế là không

có sự "và" nữa. Trước đây hai đồng giám đốc thì nay chỉ còn một người duy nhất toàn quyền.

Martin lấy chìa khóa mở còng ở tay nạn nhân để mặc ông ta ngã sóng soài trên mặt sàn, rồi y bắc ghế ra chỗ khác, xa cái xác và cất còng cũng như súng vào cặp.

Trước khi rời khỏi căn phòng, y kéo rèm cửa sổ lên, ô cửa sổ trông ra ngoài phố, rồi đưa tay ra phía ngoài lấy búa đập mạnh vào làm vỡ một mảng kính, coi như kẻ gian vào theo lối đó. Sau đấy y ngắm nghía, hài lòng về cách bố trí của mình: cảnh sát sẽ kết luận như thế và sẽ không điều tra thêm những khả năng khác. Y đóng cửa sổ lại rồi xách cặp bước ra ngoài.

Lúc ra tới bến tàu, đồng hồ đeo tay của y đã trỏ bảy giờ năm mươi mốt phút. Trời đã tối mịt. Martin khoan thai đi về đường phố có ga xe điện ngầm.

Nửa giờ sau, y đã ngồi bên chiếc bàn trong khách sạn Colonial, trước mặt y là ông Prindle. Thái độ y lúc này cũng thoải mái không kém gì hôm qua trong quán rượu cùng với người bạn lớn tuổi Hans. Chỉ một khác biệt rất nhỏ nằm kín bên trong tâm lý, đó là hôm qua y hoàn toàn thanh thản, còn hôm nay y vẫn phải hơi căng thẳng đôi chút, chỉ vì thần kinh dễ bị kích động của khách hàng.

- Tôi nghĩ Ngài nên trấn tĩnh, thưa Ngài Prindle. Ngài không phải lo gì hết. Tôi đã kể Ngài nghe về cách bố trí của tôi trước khi rút và sau đấy cảnh sát sẽ kết luận như thế nào rồi kia mà. - Martin nói. - Bây giờ Ngài đã cầm trong tay những văn bản và hồ sơ Ngài cần để từ nay Ngài có thể đứng làm chủ hoàn toàn doanh nghiệp của Ngài. Bà Horner bây giờ đã là quả phụ. Ngài thì có

đủ bằng chứng ngoại phạm. Tóm lại mọi thứ đều suôn sẻ một cách hoàn hảo. Chỉ trừ mỗi một điều.

- Anh nói đúng, - Prindle vội vã ngắt lời Martin. - Tha lỗi. - Ông ta lấy trong túi áo pan tô ra một chiếc phong bì đày cộm đưa cho Martin. - Số lượng từng loại đúng như anh yêu cầu. Không có tờ nào quá năm chục.

- Rất tốt. Cám ơn Ngài, thưa Ngài Prindle. Và xin Ngài cho phép tôi là người đầu tiên được chúc mừng hạnh phúc tuyệt vời của Ngài với bà quả phụ Horner, và tất nhiên xin chúc cả công việc kinh doanh của hãng lúc này còn lại mỗi tên Prindle được phát đạt. Xin chào Ngài, thưa Ngài Prindle!

Martin bước nhanh ra cửa khách sạn. Y đang đứng bên hè phố định gọi tắc xi thì bỗng nhận ra khuôn mặt quen thuộc của người bạn già Hans bên kia đường. Y vội vã sang đó.

Hans đang đi lững thững trước cửa một hãng buôn thuốc lá, làm ra vẻ như đang đọc báo, nhờ ánh sáng trong tủ kính hắt ra. Martin đến sát tận nơi mà Hans vẫn chưa biết gì hết. Martin khẽ đặt tay lên vai người bạn lớn tuổi.

- Bác Hans! Bác làm gì ở đây thế? - Martin niềm nở hỏi.

Mặt Hans đột nhiên ánh lên một nỗi hoảng hốt. Nhưng liền sau đấy bác ta nhận ra người bạn trẻ, bèn thở phào nhẹ nhõm.

- Cậu đấy à, Martin? Hay quá. Mình đang chờ một người. À, mà ông ta kia rồi.

Theo hướng mắt của Hans, Martin quay lưng lại và thấy Prindle vừa bước ra khỏi cửa khách sạn Colonial. Y rất ngạc nhiên:

- Sao? Bác định gặp ông ta để nói chuyện gì à?

- Không. Mình chỉ chờ ông ta ra thôi. Cậu xem nhé.

Martin chợt hiểu. Y nheo mắt nhìn Prindle đang đi về phía chiếc xe, bước vào, nổ máy. Chiếc xe lao về phía ngã tư, tới đó thì đột nhiên nổ tung! Chắc chắn là người ngồi trong xe cũng tan xác.

Đường phố náo động. Mọi người chạy và gào thét vang động. Chiếc xe bốc lên một làn khói đen kịt rồi cháy bùng bùng lên thành ngọn lửa.

- Mình dùng vẫn cái thủ pháp ấy thôi, - Hans nói bằng một giọng của một nhà chuyên nghiệp. - Cậu biết không, chỉ cần chọc một lỗ nhỏ ở bình đựng nhiên liệu bằng cái cắt kính, rồi buộc một viên đá nhỏ vào phía trong của một bánh xe đằng sau để khi xe chạy, viên đá này đánh lửa bén xăng chảy trong bình ra. Thủ pháp xưa lắm rồi nhưng lần nào cũng kết quả trăm phần trăm.

Martin còn đang mải quan sát không khí náo động xung quanh.

- Ai thuê bác làm chuyện này, bác Hans? - miệng hỏi nhưng Martin cảm thấy đã đoán ra được là ai rồi.

- Vị hùn vốn và đồng giám đốc với lão ta, - Hans đáp. - Ông ta nói rằng lão này cặp bồ với vợ ông ta và định chiếm đoạt toàn bộ doanh nghiệp.

Martin thở một hơi rất dài.

- Nhiều lúc tôi cứ tự hỏi, không biết thế giới mình đang sống là kiểu thế giới nào, - y bình thản nói. - Bác chưa biết đấy, tôi vừa mới gặp cái lão Horner của bác xong? Vì lão Prindle kia chính là khách hàng của tôi mà.

Hans há hốc miệng:

- Vô lý! - Hắn ta kinh ngạc. - Không thể có chuyện như thế được.

- Vậy mà có đấy, - Martin nói.

- Thật là quái đản, - Hans nói, mắt nhìn chiếc xe đang cháy bùng bùng ở ngã tư.

- Nền văn minh này sẽ dẫn tới đâu, bác Hans? Nếu như những người cộng tác gần gụi với nhau không thể tin cậy nhau mà đối xử với nhau như kẻ thù? - Martin nói giọng ngán ngẩm.

- Cậu đa cảm quá đấy, Martin, - người bạn già của y nhận xét. - Một mình cậu mà đòi làm lương tâm của toàn thế giới sao nổi!

Martin lại thở dài, tiếc rẻ nhưng có vẻ đã bị thuyết phục:

- Có lẽ bác nói đúng, bác Hans. Bác bao giờ cũng có cách suy nghĩ đúng.

Từ xa, tiếng còi rú của xe cảnh sát và xe cứu hỏa vang động bóng đêm. Chiếc xe sơn đỏ thứ nhất, rồi thứ hai, rồi thứ ba...

Hans quàng tay qua vai Martin.

- Về nhà mình đi, Martin. Bà Anna nhà mình sửng sốt và mừng lắm đấy. Lúc mình đi, thấy bà ấy nhóm lò

nướng. Chắc thế nào cũng có món gì đó làm cậu vừa ý. Nào, đi.

- Đúng là tôi đang cần được một tối vui vẻ và thân tình bên bác và bác gái, - Martin nói.

Đôi bạn đi dọc theo đường phố trong lúc tiếng còi rú mỗi lúc một vang động thêm.

VŨ ĐÌNH PHÒNG *dịch*

Bryce Walton
(Mỹ)

NẠN NHÂN

Tên tôi là Thompson: nhân vật chẳng quan trọng chút nào hết. Một nhân viên quèn trong xí nghiệp hàng không, đã trên bốn chục cái xuân xanh và lại hói nhẵn trên đỉnh đầu. Chỉ được mỗi một cái là chuyện làm nhân viên xí nghiệp hàng không đã lui vào quá khứ. Đấy là điều sung sướng của tôi. Đầu đuôi hơi rắc rối. Xin các bạn chịu khó lắng nghe.

Khởi đầu là buổi tối hôm đó. Tôi la cà ở quán rượu gần nhà cho tới 10 giờ mới mò về. Tôi quyết định ngó qua chương trình Tivi và uống một cốc bia rồi đi ngủ. Cho đến lúc đó cuộc sống của tôi vẫn cứ trôi phẳng lặng và cái ngày hôm đó cũng chưa có gì khác với mọi ngày. Giữa lúc ấy có tiếng gõ cửa.

Và tôi đã làm một động tác mà sau này nghĩ lại quả là can đảm, tức là đứng phắt dậy và ra mở. Mà tại sao lại không kia chứ? Khu vực tôi cư trú đều là người đứng đắn. Tôi không nợ ai số tiền lớn đến nỗi phải lo người ta thuê côn đồ đến đòi hộ. Cũng có dăm ba kẻ ghét tôi nhưng khéo họ quên mất cả tên tôi rồi. Tôi lại là dân

quê vùng Missouri là nơi có truyền thống niềm nở với khách.

Vậy là tôi đã mở cửa. Thậm chí tôi còn mỉm cười tươi tỉnh. Khách là hai người mặc bộ đồ màu thẫm và đều cao lớn hơn tôi. Họ dồn tôi vào tận phía trong của gian phòng. Người lớn tuổi hơn ra đóng cửa lại. Người thứ hai ép tôi tới chân tường. Tôi nghĩ bụng: hai vị này nhầm nhà rồi, chắc họ tưởng tôi là người họ cần tìm.

Nhưng tôi đã thôi không cười được nữa.

Họ bắt tôi úp mặt vào tường rồi lục soát người tôi, lấy cả ví của tôi mà không thèm trả lại, mở tủ quăng tất cả áo quần ra ngoài.

Rốt cuộc tôi cũng lấy được hết can đảm hỏi họ xem thế này nghĩa là sao.

- Chúng tôi mới là người có quyền hỏi anh chứ không phải anh hỏi chúng tôi, - tên trẻ nói.

- Thôi được! Tùy các ông vậy. - Tôi miễn cưỡng nói.

Tên trẻ tuổi đấm nhẹ vào sườn tôi khiến tôi bật ho lên một tiếng.

- Tôi là thanh tra Martin. Còn kia là thanh tra Santino.

- Nếu vậy thì các ông lầm rồi, - tôi nói - Tên tôi là Thompson, Ellis Thompson...

Thanh tra Santino đã nhấc áo mưa của tôi treo trên mắc và chiếc mũ phớt xem xét rất kỹ lưỡng.

- Chúng tôi biết tên anh rồi. Không phải chúng tôi lầm đâu mà là anh.

- Vậy lệnh khám nhà của các ông đâu?

Họ cười:

- Thì chính anh mời chúng tôi mà lại. Nhưng thôi, bây giờ thì chúng tôi mời anh đi.

Nói xong họ dùng sức mạnh lôi tôi ra cửa. Tôi cưỡng lại.

- Nhưng tôi đã làm gì phạm pháp kia chứ?

- Thompson! Chẳng lẽ anh không giúp đỡ cơ quan cảnh sát hay sao? Chúng tôi cần anh trả lời cho vài câu hỏi.

Thanh tra Santino tắt đèn rồi đóng cửa. Họ dẫn tôi ra đường và ấn tôi vào xe cảnh sát. Bà chủ nhà mà tôi ở thuê đang kéo rèm hé ra nhìn.

- Các ông định hỏi gì? - tôi vẫn năn nỉ.

- Đến Sở cảnh sát hãy hay, - thanh tra Santino nói. - Trong xe đâu phải nói những chuyện ấy.

Thôi được, tôi nghĩ bụng, đừng có cãi bướng với cảnh sát mà dại.

Lát sau tôi bị dẫn vào một căn phòng trong Sở cảnh sát. Tại đấy có mặt viên cảnh sát trưởng, vài sĩ quan và cả một số thám tử. Khói thuốc lá mù mịt làm đầu óc tôi đã váng vất vì những cốc rượu buổi tối lại càng như mụ thêm.

Người ta hỏi tôi tối thứ bảy vừa rồi tôi làm gì, ở đâu và tại sao có vết bùn trên áo mưa.

Tôi trả lời họ ngay vì tôi chẳng có gì phải giấu giếm. Tối thứ bảy tôi lái xe dạo chơi, rồi ghé vào quán "Trefles" ở đại lộ Hoàng gia uống vài ly rượu.

Nghĩa là anh thú nhận có đến quán "Trefles" tối thứ bảy chứ gì?

Đúng thế. Nhưng tôi có làm gì đâu để mà không dám nói ra sự thật? Ngồi xe dạo chơi rồi ghé vào một quán rượu uống vài ly là chuyện chẳng phải chỉ riêng tôi mới làm!

Thế còn vết bùn trên áo mưa?

Bùn trên áo mưa thì có gì lạ? Rây ở đâu đó, làm sao tôi nhớ được? Bùn là bùn, bao giờ chẳng thế. Có gì lạ mấy vết bùn kia chứ? À, phải rồi, tôi nhớ ra rồi. Xe đang chạy thì bị xẹp lốp và thế là tôi phải xuống lấy đồ nghề ra thay. Phải rồi, chính vì thế mà áo mưa của tôi dính bùn. Nhưng tôi không còn nhớ thay lốp xe ở quãng nào. Chỉ mang máng nhớ lúc ấy là khoảng sau mười hai giờ đêm và trước khi tôi vào quán uống rượu. Hình như cũng trên cái đại lộ Hoàng gia ấy.

Lúc ở quán ra tôi đi đâu?

Tôi lái xe dạo một lúc nữa rồi về nhà ở phố Marathon và đi ngủ.

Vào mấy giờ?

Tôi không nhớ. Hình như khoảng hai giờ sáng hôm chủ nhật, mà vào giờ nào thì có gì quan trọng đâu nhỉ? Nhưng đến bây giờ thì tôi bắt đầu hiểu ra rằng cảnh sát nghi tôi phạm vào một tội gì đó.

Lát sau họ dẫn một ả tóc vàng vào. Ả ta mặt trát bụ phấn còn tóc thì rõ ràng là được nhuộm. Mi mắt ả bôi phẩm xanh lè. Lúc viên cảnh sát trưởng trỏ tôi và hỏi

ả xem có đúng người này không thì ả nhìn tôi rồi trợn mắt lùi lại làm như tôi là một con vật gớm ghiếc vậy:

- Đúng hắn rồi! Chính là hắn!

Liệu cô có chắc không?

- Tôi làm thế nào được!

- Cảm ơn cô. Lúc này thế là đủ... - viên cảnh sát trưởng nói.

Dẫn cô ta ra, họ đưa một người khác vào. Y bé nhỏ và người quắt lại, dầy nếp nhăn trên mặt với một hàng ria mép mảnh màu hung. Tôi nhận ra y chính là lão chủ quán rượu "Trefles".

- Ôi, đúng người này rồi. Ông ta đã nhiều lần đến quán của tôi. Cả tối thứ bảy vừa rồi nữa, ông ta cũng thế. Tôi nhận ra ngay, cái nét mặt ấy, cả cái áo mưa và cái mũ dạ ấy. Không thể lẫn với ai khác được.

Tôi đến quán lúc nào tối thứ bảy à?

- Ông ta đến khoảng chín rưỡi.

Tôi ra khỏi quán lúc nào?

- Nếu tôi không lầm thì khoảng hơn 12 giờ.

Thế cô Helen Lôgan kia thì ra khỏi quán lúc nào?

- Cũng khoảng thời gian đó.

Viên cảnh sát trưởng cảm ơn lão chủ quán rồi cho lão về. Tôi định nói cho họ biết là tôi đã ly dị vợ cách đây một năm và cho đến nay tôi vẫn chưa định thần lại được. Chính vì thế mà buổi tối tôi thường lái xe đi dạo lung tung rồi ngồi quán uống rượu đến nửa đêm mới về ngủ. Đúng là tối thứ bảy tôi có vào quán "Trefles" nhưng

không nhó ngồi đến mấy giờ. Đối với một thằng độc thân và đang chán đời như tôi thì quan tâm đến giờ giấc làm gì kia chứ? Có lẽ tôi ngồi ở đấy trong khoảng từ 9h30 đến 12 giờ.

Nhưng tôi không bám theo một đứa con gái nào hết. Nhất là dính với bọn gái ra vào quán "Trefles" thì tôi sợ mắc bệnh lắm.

- Anh đã đi theo cô gái ấy, Thompson. Chúng tôi biết rõ.

Tôi lau mồ hôi trán. Tôi nghĩ bụng giá có một luật sư giúp tôi thì tốt quá, nhưng tôi không nói ra vì tôi sợ nhắc đến luật sư, họ càng nghi ngờ tôi là có tội gì đó. Thôi được rồi, sự thật vẫn là sự thật.

- Cô gái nào? - Tôi hỏi. - Các ông nói gì vậy?

- Một cô gái chừng 17 tuổi. Tóc nâu. Áo len đỏ. Tên là Helen Logan. Có khi anh quên tên cô ta rồi, Thompson, bởi vì hình như anh cũng chỉ mới quen cô ta gần đây thôi.

- Tôi không quen cô gái nào như thế. Tôi cũng chưa nhìn thấy cô gái nào 17 tuổi, tóc nâu và mặc áo len đỏ cả.

Và tôi nghe thấy họ nói điều gì đó mà tôi hoảng. Cổ họng tôi đột nhiên khô khốc.

... Lúc cô ấy ra khỏi quán, anh đã đi theo và mời cô ấy lên xe. Anh đã chở cô ấy đến quán Jonathan rồi ở đằng sau quán ấy anh đã... Đúng vậy không, Thompson?

- Không, - tôi đáp. - Mà các ông nói gì vậy?

Trong phòng bỗng nhiên bức bối và tôi thấy như không thể thở được.

...Thú nhận đi, Thompson! Hãy khai đúng sự thật đi. Đấy là cách tốt nhất đối với anh. Chúng tôi đã biết rõ, anh chối vô ích...

- Các ông nói gì vậy? Tôi không hiểu gì hết. - tôi hét lên.

... Chúng tôi có đầy đủ mọi bằng chứng, Thompson. Cô Travis đã nhìn thấy đầy đủ và đã khai hết với chúng tôi rồi.

Tai tôi như ù lên. Tuy vậy tôi vẫn nghe thấy đầy đủ. Họ bảo tôi đã có những hành động thô bạo với cô gái tóc nâu kia và cuối cùng đã lấy đá đập vào đầu cô ấy đến chết.

*

* *

Số tôi toàn gặp rủi. Ngồi trong trại giam đầu óc tôi không còn nghĩ được gì hết, cho đến cái hôm họ đánh thức tôi dậy và báo cho tôi sửa soạn ra tòa, phiên tòa xử tội tôi. Họ còng tay tôi dẫn ra ngoài cổng trại giam. Bên ngoài trời vẫn mưa lất phất.

Một thằng cha gầy còm, gù lưng, đeo kính cận, trạc 23-24 tuổi đợi tôi trong phòng xử án. Với giọng như nhận lỗi, y cho biết Tòa chỉ định y làm luật sư bào chữa cho tôi. Tên thằng cha là Mercer. Tôi thừa hiểu tôi không có tiền để mời luật sư, nhưng loại luật sư do tòa chỉ định thế này thì đời nào chịu bênh tôi mà còn đẩy tôi tiến

nhanh thêm đến ghế điện ấy chứ. Nhưng biết làm sao được?

Còn luật sư giỏi, có thể gỡ tội cho tôi được thì giá đắt khủng khiếp, tôi hoàn toàn không bao giờ dám mơ tới.

Mercer ngồi với tôi khoảng 15 phút. Hắn nghe tôi kể. Tôi có nói hắn biết là tất cả những điều ấy tôi đã kể cho cảnh sát rồi và tôi không có ai làm nhân chứng để xác nhận những lời tôi khai là đúng. Ngược lại bên cảnh sát lại có nhiều nhân chứng để khẳng định tôi có tội, tôi là thủ phạm giết cô Helen kia. Mặc dù hoàn toàn không phải thế. Thậm chí tôi chưa hề gặp cô nào là Helen... Hôm đó tôi say rượu, chẳng còn nhớ gì nữa. Ngay cả chuyện tôi đỗ xe để đổ xăng cũng một nhân chứng của sở cảnh sát khai ra chứ tôi đâu có nhớ. Tôi chỉ mang máng là mình lái xe một mình, chẳng chở cô gái nào hết. Và tôi về đến nhà rồi đi ngủ lúc hai giờ sáng. Trong khi ả Travis thì khai với cảnh sát là vụ án mạng xảy ra lúc một giờ và ả nhìn thấy tôi rõ là thủ phạm.

Tôi cũng kể thằng cha luật sư rõ tôi chẳng có bạn bè, họ hàng nào ở cái thành phố này và trong túi tôi hiện không có lấy một xu để trả công cho luật sư.

Nghe xong, Mercer nhét luôn sổ và bút vào cặp, đóng ngay lại, không thèm hỏi thêm tôi một câu. Rồi hắn đứng dậy bỏ đi ngay cũng không thèm liếc nhìn tôi xem mặt mũi ra sao nữa.

Hai ngày sau Tòa án kết tôi tội giết người. Họ chỉ nghe có bốn nhân chứng và cả bốn đều là người do bên công tố triệu tập. Tôi mới đến trú ở thành phố này để

vào làm trong xí nghiệp sửa chữa máy bay, chưa quen ai hết để có thể nhờ bênh vực.

Mercer bảo có tìm được một vài người biết tôi nhưng không ai chịu xác nhận điều gì gỡ tội cho tôi hết. Rồi bà chủ nhà nơi tôi thuê trọ cũng không chịu phát biểu gì về tôi. Hiểu được thôi. Tội gì đi dính vào chuyện rắc rối này, ăn cái giải gì kia chứ? Trong khi đó mấy thanh tra cảnh sát cứ bám lấy chi tiết vết bùn trên áo mưa của tôi.

Ả Travis khai rằng lúc một giờ sáng chủ nhật ả hú hí với một bạn trai trong chiếc ô tô con đỗ gần nơi xảy ra án mạng và nhìn thấy rõ lúc tôi đỗ xe, bởi vì ả nhận dạng đúng chiếc xe của tôi, nhãn đúng như thế và màu xanh nước biển thẫm. Đêm hôm đó sáng trời và ả nhìn thấy tôi đỗ xe lại gần chỗ đỗ xe của ả với người bạn trai. Chắc tôi không nhìn thấy xe của họ bởi vì lấp bụi rậm nhưng ả thì thấy xe của tôi rất rõ. Ả nhìn thấy cô Helen Logan bị tôi đẩy trong xe ra. Cô ta hét váng lên. Ả và bạn trai của ả thấy rõ tôi đánh đập cô Helen cho đến chết nhưng không dám tới can bởi vì quá hoảng sợ. Đến lúc họ định thần lại thì mọi việc đã xong, Helen Logan đã chết, nằm đấy, còn tôi thì đã lên xe phóng đi mất.

Ả Travis còn kể nhìn thấy tôi cầm hòn đá, đuổi theo cô Helen Logan, vừa đuổi vừa la và hòn đá dính đầy máu như thế nào. Nghe ả kể mà chính tôi cũng dựng đứng cả tóc gáy. Sau khi tôi chạy mất, ả và bạn trai của ả đã đến tận nơi xem và thấy cô Helen đã tắt thở không còn thể cứu được nữa.

Thế tại sao họ không báo cảnh sát ngay mà đến thứ hai mới báo?

Ả khai rằng vì nhát, sợ tôi làm gì ả. Nhưng rồi ả nghĩ trách nhiệm công dân, phải báo cảnh sát tất cả những gì mình biết, ả mới quyết định gọi điện cho họ. Ả Travis không nói gì về người bạn trai của ả và mọi người cũng không ai băn khoăn gì về chuyện đó.

Vả lại thế là rõ quá rồi còn gì. Tôi đúng là tên man rợ. Ả Traivis nhận dạng đúng hết, cả chiếc xe màu xanh lam, cả mặt mũi, dáng điệu tôi cho đến chiếc áo mưa tôi khoác lúc gây án.

Lão chủ quán "Trefres" thì khai tôi ngồi ở quán của lão tối thứ bảy. Lão khai tôi đã đến đấy mấy lần cho nên lão nhớ mặt. Thậm chí lần nào đến tôi cũng mặc chiếc áo mưa ấy, đội cái mũ dạ ấy. Tôi ngồi đó đúng là lúc cô gái Helen Logan kia cãi nhau với cậu người yêu và đùng đùng bỏ ra ngoài. Lúc đó là mấy giờ?

- Khoảng 12 giờ đêm, - lão khai. - Và liền sau đó thì anh Thompson kia cũng ra theo.

Lão thề là lão khai đúng sự thật. Thì tôi cũng khai đúng sự thật và sự thật của tôi là tôi không biết Helen Logan là ai và không hề gạ gẫm cô ấy lên xe của tôi. Hơn nữa cái quán ấy lúc nào cũng tối tăm, khói thuốc là mù mịt, làm sao lão có thể nhìn rõ mặt tôi được. Khốn nỗi không ai chịu nghe tôi nói và tin tôi.

Lão công tố mặt sắt đen xì phát biểu luận tội, vu cho tôi là kẻ du đãng, trụy lạc và tàn bạo, chuyên mò gái lạc ban đêm để cưỡng hiếp. Tôi đã chứng kiến cặp nhân tình Helen Logan với cậu bạn trai cãi nhau và đã lợi dụng lúc đó, rủ rê cô gái 17 tuổi thơ ngây kia lên xe, đưa đến nơi vắng vẻ để cưỡng hiếp. Khi cô bé chống cự lại đã

tàn bạo giết chết cô và giết bằng gì kia chứ? Bằng hòn đá, đập lên đầu! Lời luận tội của lão đầy sức thuyết phục và gây phẫn nộ cho tất cả mọi người đối với tôi.

Tôi ngồi nghe và luôn cảm giác như nghe kể về một kẻ nào khác, chỉ thỉnh thoảng mới chợt nhớ ra là người ta đang nói về mình.

Thằng cha luật sư Mercer thì phát biểu rằng sự thật đã rõ ràng không ai có thể chối cãi được. Hắn đã không cãi cho tôi mà còn làm tội tôi nặng thêm. Kết quả là tôi bị khép án tử tình bằng ghế điện.

Những ngày nằm trong xà lim tử hình tôi như phát điên phát rồ. Một hôm tên luật sư Mercer đến hỏi xem tôi có cần đề nghị gì không, tôi đá túm cổ hắn và quẳng hắn vào tường. May thay một đêm trong đầu tôi chợt lóe lên một cái tên: Jim Ferras!

Đó là vị luật sư lừng danh, chuyên gỡ cho những bị can sắp lên ghế điện. Ông ta chưa bao giờ chịu thất bại trong một vụ cãi nào. Tôi được biết tất cả những điều đó một cách rất tình cờ, nhân đọc trong một tờ tạp chí bài viết về ông ta. Tất nhiên tôi không có tiền để thuê ông ta, nhưng biết đâu đấy. Ông ta đâu phải chỉ biết có tiền. Tôi bèn viết một lá thư, nhờ người cai tù chuyển hộ:

Kính thưa luật sư Ferras!

Tôi viết lá thư này cho ông với niềm hy vọng cuối cùng. Tôi không có may mắn được quen biết ông và chắc chắn ông cũng không biết tôi. Tôi bị kết án tử hình nhưng tôi vô tội. Tòa cho tôi một luật sư bào chữa nhưng đó là một kẻ bất tài bất tướng mang cái tên là Mercer. Anh ta phó mặc cho tôi bị kết tội oan. Tôi sắp phải lên ngồi ghế

diện. Tôi thấy rõ là Tòa không có chứng cứ nào có giá trị hết mà chỉ căn cứ vào những lời khai bậy của nhân chứng duy nhất là mụ Travis. Thật ra mụ không nhìn thấy tôi gây án, vì tôi có gây án đâu. Thậm chí lúc xảy ra vụ án, tôi không có mặt ở chỗ đó nữa. Tôi không có tiền nhưng liệu có thể hy vọng ông can thiệp giúp cho không?

Elis Thompson

Luật sư Ferras mảnh mai, người tầm thước, vẻ mặt bình thản và luôn tươi cười. Ông ta đến gặp tôi ngày chiều hôm sau.

Ông ta mời tôi hút thuốc và thái độ niềm nở phúc hậu, cặp mắt sáng, tinh anh. Nghe tôi trình bày xong, ông không nói gì, chỉ chìa tay cho tôi bắt. Tôi hỏi:

- Liệu tôi có chút hy vọng nào không, thưa ông?

- Còn sống ngày nào, người ta còn hy vọng ngày ấy. Thậm chí sau khi chết cũng chưa phải đã hết sạch hy vọng. Tôi sẽ kiếm một bản sao toàn bộ hồ sơ của Tòa án và sẽ hỏi tất cả những người có dính dáng vào vụ án này. Anh đã có một thuận lợi cơ bản. Nhân chứng mà anh nói đến trong lá thư là nhân chứng duy nhất. Tôi sẽ nói chuyện với chị ta.

- Cảm ơn ông, - tôi nói.

- Dừng cảm ơn vội. Hiện còn quá sớm.

Ông Ferras không ngủ suốt ba ngày đêm liền. Ông nghiên cứu tất cả những khả năng, những hoàn cảnh và những người liên quan. Ông hỏi các nhân chứng. Ông tìm gặp người đàn ông mà ả Travis khai là có mặt cùng với ả lúc nhìn thấy tôi gây án. Ông gặp cả lão chủ quán

"Trefles". Ông lại lấy cả số liệu về thời tiết đêm hôm xảy ra vụ án mạng. Và ông mang tất cả những tư liệu thu thập đến Tòa án.

Thẩm phán Winters ngồi nghe ông nói và đọc những lập luận của viên trạng sư tài ba. Winters gọi ba nhân chứng đến để thẩm tra lại. Trước tiên là lão chủ quán. lão khai là thấy tôi ra khỏi quán *sau* cô Logan. Lão khai tôi ra khỏi quán lúc 12 giờ đêm. Nhưng bây giờ lão lại thừa nhận lão không nhớ chính xác tôi ra khỏi quán lúc nào, cũng như lúc nào cô Logan ra. Lão khai là do viên công tố thẩm vấn đã mớm khiến lão bị ảnh hưởng và cảm thấy như thế.

Tối hôm đó ông Ferras đến gặp tôi trong nhà giam.

- Sao rồi, thưa ông? - tôi hỏi.

- Chẳng sao cả, - ông ta cười. - Anh đã được trả tự do. Lại đây, tôi mời anh uống với tôi ly rượu.

Chân tôi khuỵu xuống. Tôi muốn cảm ơn ông nhưng không nói được lời nào.

Thẩm phán Winters ra nghị quyết tôi trắng án. Ông khẳng định nhân chứng Travis đã khai sai. Ả khai là ngồi trong xe với một người đàn ông. Nhưng khi hỏi kỹ thì mỗi lúc ả khai một người khác. Nhưng trong hai người đàn ông mà ả đưa tên ra thì một người khẳng định tối hôm đó không gặp ả lần nào. Còn người đàn ông thứ hai thì khai đêm hôm đó trời tối đen như mực và y không nhìn thấy gì hết. Đêm hôm đó ả say khướt và chẳng còn nhớ gì. Đài khí tượng thủy văn cũng cho biết đêm thứ bảy sang ngày chủ nhật bầu trời đầy mây và không trăng không sao, tối đen như mực. Người đàn ông này còn khẳng

định thêm là ả nhân tình của y say quá, đầu óc mụ mẫm và kể toàn những điều bịa đặt.

Đúng là ả Travis có nhìn thấy tôi trong quán "Trefles" thật. Và không chỉ trong một buổi tối. Hôm thứ bảy đó, ả đã đến trước và tha hồ quan sát tôi. Nhưng luật sư Ferras đã chứng minh rằng ban đêm không ai có thể phân biệt được màu sắc của xe ô tô nếu nó là màu xẫm dù có sáng trăng đi nữa. Ban đêm các màu xanh lục, xanh lam, tím và đen trông hoàn toàn giống nhau, không thể có mắt ai phân biệt nổi.

Luật sư Ferras còn cho tôi biết sự việc vừa qua là một lỗi nhầm lẫn do làm việc vô trách nhiệm của cơ quan tư pháp. Tất cả những ai tham gia vào đều sẽ nhận hình thức kỷ luật. Và sơ suất đối với tôi là không thể tha thứ.

Ông nói như thế và ông làm đơn đòi bồi thường cho tôi, người đã suýt nữa bị chết oan.

Vụ "án" của tôi được báo chí thi nhau tường thuật và lên án cơ quan tư pháp đồng thời đòi nhà nước phải bồi thường cho tôi. Và bây giờ thì đến lượt tôi yêu sách nhà nước.

Tôi đem bài đăng trên báo "Tin tức buổi chiều" đến cho ông Ferras xem. Nhưng ông cũng đã biết. Ông nhìn tôi với cặp mắt ngờ vực:

- Bài báo viết tốt đấy. Đọc thấy rất có sức thuyết phục.

- Đây là sự thật, - tôi đáp.

- Bài báo này sẽ giúp anh và tôi kiện lại nhà nước. Anh thì được tiền bồi thường, còn tôi thì vạch mặt được những trò bậy bạ của cơ quan cảnh sát và tòa án.

- Chúng ta được quyền hưởng lợi ích. Nhưng như thế có làm quá đối với nhà nước không, thưa ông? - tôi hỏi.

- Không quá gì hết! Anh không thấy là họ đã hành hạ anh đến mức nào à? Nhà nước có tiền và họ phải bồi thường cho anh. Và cũng phải nhắc cho những người giữ gìn trật tự và công lý phải có trách nhiệm trong công việc của họ. Trước hết là phải cử những người xứng đáng vào các chức trách quan trọng.

- Tôi cũng nghĩ y như thế, - tôi nói. - Xin chào ông. Có tin gì mới ông làm ơn báo ngay cho tôi biết. Ông cứ gọi điện thẳng cho tôi ở khách sạn.

Ông hứa sẽ báo nếu có gì mới. Sau đó tôi xuống dưới nhà, ra phố và chui vào một tủ điện thoại công cộng để khỏi sợ ai nghe trộm. Tôi gọi điện cho cô Travis.

Máy đầu dây bên kia bận. Tôi treo ống nói lên chờ. Trong lúc này tôi nghĩ miên man, nhớ đến sự việc từ lúc khởi đầu. Thật ra nhớ lại cũng khá hoảng, bởi vì mưu đồ có lúc tưởng như thất bại và tôi suýt nữa phải lên ngồi ghế điện thật. Ra người đời nhiều khi có ý đồ lớn mà không dám thực hiện vì họ suy tính cân nhắc nhiều quá. Còn tôi thì số kiếp có ra gì, chẳng cần suy tính nhiều, cứ lao. Nếu lỡ trục trặc mà phải bỏ mạng thì cũng chẳng tiếc lắm, vì cuộc sống như của tôi thì cũng chẳng hơn cái chết là mấy.

Bây giờ tôi xin kể lại đầu đuôi. Hôm ấy tôi đến quán ăn nơi cô Travis làm hầu bàn. Quán ăn này ngay gần quán rượu "Trefles". Lúc đó là buổi tối chủ nhật, sau

khi cô Helen Logan bị giết gần một ngày một đêm. Tôi đã đọc báo kể đầy đủ về cái chết của cô ta.

Tôi ngồi tán gẫu với cô Travis đến khuya. Lúc này khách đã về hết. Quán vắng tanh. Travis cũng buồn và thèm có người trò chuyện. Cô trạc tuổi tôi và hoàn cảnh cũng khốn khổ gần như tôi. Cũng như tôi cô đang thèm gặp được một "dịp may tuyệt diệu" để thay chuyển số phận, nhưng cô đang chưa biết làm cách nào. Nhân ngồi chuyện nọ dọ chuyện kia đột nhiên tôi nghĩ ra cách.

Đấy là lúc nhân nói chuyện đến vụ Logan bị giết. Trevis kể là tối hôm trước cô có ngồi trên xe ô tô với một người đàn ông và xe đỗ ngay gần nơi cô Logan kia bị giết. Mãi sáng nay cô mới biết lúc hai người tình tự trong xe thì ngay gần đó có một xác chết. Nghĩ lại mà khiếp.

Thế là tôi nảy ngay ra cái sáng kiến thiên tài mà cả đời tôi chỉ có được một lần, nhưng lại đủ để giúp tôi sống sung sướng cho đến hết đời. Lúc tôi đưa ý kiến ra Travis gạt đi ngay, cho là ý kiến viển vông, không thể thực hiện được. Nhưng sau đấy cô ta cũng bị nó hút.

- Cô bảo viển vông à? Đã muốn ăn to thì phải táo tợn. Vả lại tôi với cô cứ chịu kéo dài cái cảnh sống khốn khổ khốn nạn này mãi sao? Liều một cái! Được ăn cả ngã về không! Sợ gì.

- Nhưng lỡ trục trặc thì anh mất mạng.

- Không sao! Tôi cũng chẳng muốn sống nữa nếu như cuộc sống cứ thế này.

Và tôi kể Travis nghe tại sao tôi lại nảy ra cái sáng kiến ấy. Chẳng là tôi đã thấy ở quê tôi, vùng Missourri

có một anh chàng kiện nhà nước về một vụ bất công thế là anh ta được hưởng khoản bồi thường rất lớn đủ để anh ta thôi việc và ngồi hưởng nhàn cho đến hết đời.

- Vả lại trong chuyện này, phần nguy hiểm là tôi, - tôi nói.- Và cô thì không phải chịu gì hết. Cô cứ báo cô say và lầm tưởng, thế là không ai trách cứ gì cô được hết.

Travis sau đấy phá lên cười, cười đến đau cả bụng. Thế là chiều thứ hai cô ta gọi điện báo cho cảnh sát và tối hôm đó họ đến bắt tôi. Trong chuyện này, phải thừa nhận Travis sắm vai rất tuyệt.

Tôi nhấc máy và quay số. Lần này thì Travis trả lời.

-Có tôi đây, - tôi nghe giọng cô và đằng sau là tiếng bát đĩa va nhau ở quán ăn.

Thompson đây. Anh vừa ở nhà ông Ferras ra. Tình hình rất tốt.

- Ôi vậy mà đến giờ thỉnh thoảng nghĩ lại em vẫn còn sởn gai ốc. Bây giờ mà ai bảo em làm một lần nữa cái chuyện như thế thì dù các toàn bộ kho vàng dự trữ của nước Mỹ em cũng xin kiếu.

- Anh với em cần gì đến ngần ấy vàng. Ông Ferras đã kiện và đòi thêm 50.000 đô la tiền thù lao và 2.000 đô la phí tổn điều tra. Nghĩa là anh và em không phải lo đến chuyện biếu ông ta nữa.

- Ôi đúng là điên! Lúc nào em có thể gặp anh được?

- Lúc này vẫn phải cẩn thận. Khi mọi việc yên ổn hoàn toàn, ta sẽ gặp bù, trước tiên ở bãi biển Acapulco...

- Hai chúng mình sẽ được tất cả là bao nhiêu?

- Tròn một triệu.

Không thấy cô ta nói gì, chắc là nghe số tiền cô ta nghẹn thở. Tôi mắc ống nói rồi bước ra ngoài. Đột nhiên tôi rùng mình, vội ngoái lại sau, nhưng không thấy ai. Tuy nhiên một câu hỏi vẫn ám ảnh tôi: *Vậy thủ phạm thật đã giết cô Logan là ai?*

VŨ ĐÌNH PHÒNG *Dịch*

Henry Slesar
(Mỹ)

BÀO CHỮA THEO LỐI NGHỆ THUẬT

Ông Crawford nằm lọt thỏm trong chiếc ghế nệm êm ái trong phòng sách đang chìm đắm trong giấc mơ hướng về quá khứ. Và mặc dù mái tóc đã bạc gần hết ông vẫn có nét mặt của cậu trai trẻ thơ ngây. Bà giúp việc Jenny trìu mến ngắm ông chủ một lúc như mẹ hiền ngắm đứa con rồi mới đánh thức ông.

- Ngài Crawford! Ngài Brody đợi ngài ngoài cửa đã nửa giờ đồng hồ rồi. Chẳng lẽ ngài quên là có hẹn ngài Brody đến chơi hay sao?

- Ông Brody à?

Nói xong ông ta vùng ngay dậy với dáng trẻ trung hoàn toàn không hợp với cái tuổi sáu mươi của ông, rồi đi nhanh ra phía cửa.

- Sao anh cứ ngồi ngoài này thế? Không vào đánh thức tôi dậy?

Ông Brody ngồi ngả lưng trên chiếc đi văng nệm, tay cầm cốc rượu giơ lên chào bạn:

- Anh đã có tuổi, cần nghỉ ngơi.

- Anh nói thế mà nghe được à? - Crawford cằn nhằn khó chịu.

Ông ta vớ chiếc áo len đan vắt trên lưng ghế, nói to giọng rất vang:

- Bà Jenny, tăng nhiệt độ trong phòng cho tôi. Lạnh quá!

Khoác áo len lên người ông ngồi xuống chiếc ghế nệm bên cạnh khách:

- Thế nào? Năm nay ta làm một chuyến xuống miền nam hưởng nắng ấm chứ, anh thấy thế nào?

- Nhưng rồi anh lại vác theo máy quay phim và lại suốt ngày quay phong cảnh chứ gì? Không, tôi không đi đâu với anh hết. Và tôi cũng khuyên anh tự bằng lòng với cái nghề luật sư hiện nay đi, đừng luyến tiếc nghề diễn viên điện ảnh ấy nữa.

- Nhưng cái nghề này chẳng thể giàu được, - Crawford than vãn. - Chắc anh đã biết tôi vừa nhận việc dàn xếp vụ Desborn chứ? Bà già đâm xe vào ông ta đề nghị bồi thường ba trăm đô la và ông ta đã bằng lòng. Nếu làm ăn khéo, tôi với anh cũng chỉ nhận được một trăm của tòa là cùng.

- Thế là may rồi. Ở cái thành phố nhỏ này kiếm ăn đâu có dễ dàng. Muốn làm ăn to, khéo anh phải tìm một cộng sự khác vậy.

- Không đời nào. Anh với tôi hợp tính nhau, không phải chỉ trong công việc mà cả trong vui chơi nữa. Thế nào ta làm vài ván chứ anh Brody?

Miệng cười khúc khích, ông Crawford đứng dậy mở tủ lấy cỗ bài mới mua. Ông đang bóc giấy bọc ngoài cỗ bài thì có tiếng kẹt cửa. Ông đưa mắt nhìn khách vẻ ngạc nhiên kèm theo lo ngại.

- Chắc thằng Tod, con trai tôi, - ông lẩm bẩm. - Mọi khi nó có đi đâu theo kiểu này đâu nhỉ?

Ông đi nhanh ra phía cửa ngoài. Đúng là Tod. Ông Crawford lo ngại nhìn khuôn mặt tái nhợt của con trai. Tod mới hai mươi tuổi. Mắt cậu ta màu nâu giống mẹ, người vợ thứ hai của ông. Còn hốc mắt sâu kia thì đúng là của ông rồi.

- Có chuyện gì thế? Con đi đâu mà mười giờ khuya mới về thế này? Mà định hỏi ba cái gì chăng? Con cần gì, hả Tod?

Bàn tay phải cậu ta đỡ khuỷu tay trái. Không trả lời bố, cậu ta chỉ nhìn ông bằng cặp mắt tối xầm rồi quay ra đi về phía cầu thang lên tầng hai.

Tod! - Ông Crawford dịu dàng gọi. Ông biết tính con trai thất thường và hay cáu bẳn nên không tỏ thái độ bực dọc gì với cậu ta hết. - Ba hỏi thì con cũng trả lời một câu chứ?

- Ba để con lên gác. - cậu ta nói.

Và ông Crawford nghe tiếng chân con trai chạy thình thình trên các bậc cầu thang rồi tiếng cửa phòng của cậu ta mở.

"Chuyện gì thế nhỉ?" - ông Crawford tự hỏi.

Bước vào phòng khách, ông nhìn bạn:

- Thằng bé hôm nay làm sao ấy.

- Thì anh biết tính nết cậu ta rồi thôi, - ông Brody đột nhiên bước nhanh về phía chân cầu thang, mắt chăm chú nhìn xuống đất:

- Anh Crawford, sao thế này? Hay là mắt tôi hoa, mà tôi lại thấy như có vết máu thế này?

Ông Crawford vội bước ra và nhìn xuống chỗ khách trỏ. Đúng là có những vết thẫm màu. Ông cúi xuống lấy ngón tay quệt đưa lên nhìn thì đúng là máu thật. Ông đưa mắt nhìn lên gác.

- Anh cần tôi lên cùng không? - Ông Brody hỏi.

Ông Crawford lắc đầu. Ông bước hai bậc một và trái với thường lệ ông không hề do dự lúc đến trước cửa phòng con trai. Tod có thói không thích ai vào phòng của cậu ta dù đó là bố cậu đi nữa. Nhưng hôm nay ông Crawford đẩy cửa vào.

Tod đã bỏ áo vét và đang bước trong phòng tắm ra. Ống tay sơ mi bên trái được kéo lên và một chiếc khăn mặt bông bọc cánh tay trần. Thấy bố bước vào, cậu ta lộ vẻ khó chịu vừa như thể nhận lỗi.

- Con làm sao thế? - ông Crawford hỏi. - Con bị thương à?

- Hơi một chút thôi, - Tod lúng búng. - một tai nạn xe cộ nhỏ thôi mà, không có gì trầm trọng hết. Ba yên tâm và xuống nhà đi. Con cần nằm nghỉ một chút.

- Không hơi đâu, vì máu chảy nhiều lắm. Đưa ba xem nào, Tod, - ông nói giọng kiên quyết.

Ông chìa tay ra nhưng Tod quay phắt đi.

- Con đã bảo không sao mà lại! Ba đừng gặng hỏi con thêm nữa.

Cậu cử động mạnh cánh tay và chiếc khăn bông bật ra một góc để lộ một vết thương khá lớn. Cậu nhăn mặt lại bực bội.

- Để ba mời thầy thuốc. Dễ bị nhiễm trùng lắm đấy. Nhưng con bị thương trong trường hợp nào? Con va vào người nào chăng?

- Xe không làm sao cả, - Tod nói sẵng giọng.

- Ba không nói đến xe. Ba muốn biết có chuyện gì xảy ra.

Ông bước nhanh đến gần, nắm vai khiến Tod không kịp tránh.

- Tai nạn thế nào? Tod!

- Thôi được. Không phải tai nạn mà là con đã đánh nhau.

- Đánh nhau dữ dội lắm à?

- Cũng như mọi cuộc đánh nhau khác.

Tiếng chân bước nặng nề dưới nhà. Ông Brody đã đứng dưới chân cầu thang gọi to:

- Anh Crawford, anh xuống đây ngay.

- Có chuyện gì thế?

Ông Brody đã bước lên mấy bậc thang thở hổn hển nói to:

- Một chiếc xe cảnh sát vừa đậu trước cửa nhà. Họ sắp vào đây. Thế cháu sao rồi?

Ông đã đứng trước cửa phòng Tod, nhìn vào trong dò xét.

- Xe cảnh sát à? - ông Crawford hỏi rồi quay sang nhìn con trai. Nghĩa là không phải chỉ đánh nhau bình thường. Con đã làm chuyện gì vậy, Tod?

- Con không làm gì hết, con đã bảo rồi mà.

- Anh Crawford, anh nên xuống tiếp họ thì hơn, - ông Brody năn nỉ.

- Vâng, tôi xuống đây.

Hai người đi xuống dưới nhà. Tod không buồn khép cửa phòng cậu ta lại nữa.

Hai ông già vừa xuống đến chân cầu thang thì chuông ngoài cửa gọi. Crawford mở cửa. Một sĩ quan cảnh sát thái độ lịch sự bước vào chào, rồi hỏi.

- Thưa, đây là nhà ngài Crawford phải không ạ? Xin lỗi ngài, con trai ngài có nhà không ạ? Vừa có một tai nạn trên quốc lộ 4. Đúng ra không chỉ là tai nạn. Tôi xin phép được hỏi con trai ngài vài câu.

Thêm một sĩ quan cảnh sát nữa bước vào, thái độ lịch sự nhưng thận trọng, tay đặt lên chiếc thắt lưng da to bản bóng loáng.

- Tod! - ông Crawford gọi to. - Xuống đây, Tod!

Không thấy tiếng trả lời. Ông quay sang nhìn ông Brody bằng cặp mắt lo lắng. "Liệu Tod có làm hành động gì liều lĩnh không?"

Nhưng liền sau đấy Tod xuất hiện, cậu ta đứng trên đầu cầu thang tầng trên nhìn xuống. Khăn bông trắng vẫn quấn khuỷu tay bên trái. Chiếc áo vét không mặc mà vắt

trên vai phải. Mặt cậu ta nở một nụ cười khinh bạc. Nhưng với kinh nghiệm diễn viên điện ảnh của mình, ông Crawford nhận ra ngay đó là một nụ cười gượng gạo.

Ông nghe thấy đằng sau tiếng bật mở khuy bao súng của viên sỹ quan cảnh sát. Nhưng mọi sự đều diễn ra bình thản. Tod xuống thang gác.

- Anh tên là Tod, con trai ngài Crawford?

- Chính thế.

- Khoan đã, thưa ông sỹ quan...

Ông Crawford đỡ lời, nhưng hai viên sỹ quan cảnh sát cau mày và đề nghị ông đừng cản trở họ thi hành nhiệm vụ. Trong lúc đó Tod nhếch mép cười như thể coi mọi chuyện đang diễn ra là trò hài hước.

- Chẳng lẽ các ông lại không biết ba tôi, nghệ sĩ điện ảnh nổi tiếng một thời, Miles Crawford? - Cậu ta nói.

Và lúc nói câu ấy, Tod đưa mắt nhìn bố, cặp mắt tự hào và biết ơn. Rồi cậu ta nói tiếp:

- Các ông cần gì tôi vậy tôi xin sẵn sàng.

- Chúng tôi tạm giữ anh. - Một sĩ quan cảnh sát nghiêm nghị nói.

- Nhưng con trai tôi đã làm gì? - ông Crawford hét to lên. - và các ông có giấy tờ gì không mà có quyền đưa con tôi đi?

- Thưa ngài Crawford! Tất nhiên chúng tôi có mang theo lệnh tạm giam. Con trai ngài đã xô xát với một thanh niên tên là Juley Herman, hai người đánh nhau trên quốc lộ 4. Anh thanh niên kia bị thương rất nặng.

- Nặng đến mức nào, - ông Crawford hỏi.

- Anh hãy đem theo những thứ gì cần đến trong đêm nay. Ngày mai ngài thân sinh ra anh sẽ đem áo quần và vật dụng cần thiết vào cho anh sau. Tôi rất tiếc nhưng đành phải giải con trai Ngài đi ngay bây giờ.

- Khoan đã! Khoan đã! Cho tôi cùng đi với các ông. - nói xong ông Crawford nhảy hai bước tới giá áo ngoài cửa, lấy chiếc pantô.

- Các ông giải con tôi đến đâu bây giờ? Các ông thuộc đồn nào?

- Khu vực tám, thưa Ngài. Nhưng nếu đi Ngài sẽ phải dùng xe của ngài. Tốt nhất là sáng mai Ngài hãy đến. Tối nay chúng tôi cũng chưa tiến hành được gì đâu.

- Tôi đi cùng với các ông! - Ông Crawford nhắc lại, rồi ông quay sang con trai. - Dừng lo lắng gì hết, Tod. Ba sẽ đem đến cho con các thứ cần thiết cho tối nay và đêm nay. Sáng mai ba sẽ làm thủ tục xin bảo lãnh và đón con về nhà.

- Thưa Ngài Crawford...

Ông Crawford cau mặt nhìn viên sĩ quan cảnh sát.

- Ngài dừng nên đặt quá nhiều hi vọng vào chuyện bảo lãnh và các chuyện gì khác. Vì Ngài hẳn thừa hiểu. Bản thân Ngài là luật sư. Ngài không lạ gì những trường hợp như thế này...

- Như thế này là sao, các ông định nói gì vậy?

- Cậu thanh niên kia... Juley Herman đã chết.

Ông Brody nắm lấy vai ông Crawford bóp mạnh:

- Để tôi đưa anh đi. Tôi sẽ chở anh đến đồn cảnh sát. Anh có tuổi rồi và cầm tay lái không được bảo đảm lắm. Nào, ta đi.

Nói xong ông ra lấy áo pantô khoác lên người rồi dìu bạn đi như dìu một đứa trẻ.

Mãi đến hai giờ sáng hai người mới về đến nhà. Họ không được gặp Tod. Cậu ta bị đưa đi chụp ảnh, lấy vân tay rồi bị nhốt riêng như một tội phạm nguy hiểm. Một thanh tra cảnh sát tên là Raphael nhận tiếp hai ông Crawford và Brody mười phút nhưng cũng chẳng làm họ rõ thêm sự việc được mấy.

Đại cương câu chuyện đã diễn ra là như thế này. Tod cùng với hai thanh niên khác thách nhau uống rượu và phóng xe, đây không phải lần đầu tiên họ lao vào những chuyện như thế này. Một cuộc tranh cãi nổ ra. Và họ phân thắng bại bằng võ lực ngay bên đường quốc lộ. Họ dùng dao lưỡi dài mười xentimet. Kết quả Tod thắng trận còn Juley thì hiện nằm trong nhà xác của đồn cảnh sát số Tám. Bà mẹ anh ta đã li dị chồng hiện đang ngồi khóc thảm thiết bên cạnh xác con.

Về đến nhà, ông Crawford bắt đầu tự buộc tội mình.

- Tôi còn làm gì khác được kia chứ? - Ông đau đớn than thở với bạn. - Tôi không làm được gì hết! Anh thừa biết tôi đã một thời sống điên rồ như thế nào ở Hollywood. Rồi đến cái vụ xảy ra ở đó khiến tôi suy sụp đã tưởng không ngóc lên được. Sau đấy đến cái văn phòng luật sư khốn kiếp mà tôi ở thành phố này...

- Thế này cũng là tốt rồi. Anh đừng ngoái nhìn quá khứ để mà tự dằn vặt như thế nữa. Có ích gì đâu? - Brody an ủi bạn.

- Thế rồi chuyện li dị với Elena cũng chẳng đưa lại điều gì khấm khá hơn! Anh thừa biết đấy, tôi lấy vợ lần thứ ba cũng chỉ vì lo cho thằng Tod.

- Thôi đi, tôi xin anh... - ông Brody năn ni.

- Tôi hiểu là cô Fern không có máu làm mẹ, nhưng anh phải công nhận cô ấy đã cố gắng đến mức tội nghiệp và cuối cùng cô ấy không chịu nữa thì ta cũng phải hiểu cho cô ấy.

- Anh đi ngủ cho lại sức, anh Crawford, - ông Brody nói.

- Cứ tưởng rời xa ngành điện ảnh là mọi sự sẽ lại yên ổn. Cứ tưởng sau đó tôi có thể tạo cho nó một cuộc sống bình thản giống như mọi đứa trẻ khác. Nhưng khốn nỗi nó nhiễm phải cái thói *lạnh lùng* đến sợ! Cái thói ấy trở thành như bệnh mãn tính của nó. Chính do đấy mà nó đâm uống rượu, do không biết làm cái gì để giết thời giờ mà lại. Chẳng hay nêu lí do như vậy có làm giảm được tội của nó không nhỉ, anh nghĩ sao?

Anh biết luật rồi còn gì, anh Crawford. Dù say hay tỉnh thì cũng không khác là bao. Các quan tòa không ưa gì những kẻ làm chết người.

Ông Crawford dấm mạnh tay xuống chiếc bàn nhỏ.

- Tôi sẽ đến nói với họ, anh Brody! Tôi sẽ đích thân đến nói với họ rằng trong tội của thằng Tod có tội của tôi. Và họ sẽ thấy không thể đổ toàn bộ trách nhiệm lên đầu một mình nó được. Mà phải xử cả tôi. Phải bắt tôi chia xẻ phần án của nó.

Ông ôm thật chặt đầu. Ông Brody đứng dậy, bước tới gần bạn. Nhưng không phải Crawford khóc. Ông ta chỉ ôm chặt lấy đầu, che kín bộ mặt. Ông Brody ra tắt bớt đèn cốt để giục bạn đi ngủ. Lúc quay vào ông thấy bạn đang chăm chú nhìn những hình vẽ trên thảm.

- Mà tại sao lại không nhỉ, anh Brody? Tại sao tôi lại không nói với nhà chức trách để nhận đỡ một phần tội cho con tôi nhỉ? Tại sao?

- Tại sao?

- Tại sao tôi không đứng lên bào chữa cho thằng Tod nhà tôi nhỉ? Ngay trong phiên tòa xử nó?

- Anh không phải là luật sư hình sự, anh Crawford! Nhất là trong những vụ xét xử như thế này. Anh là luật sư kinh tế. Chỉ tranh chấp tài sản mới thuộc phạm vi anh, không phải những vụ hình sự!

- Không đúng. Tôi đã đăng kí để được tham gia các phiên tòa. - Mắt ông Crawford sáng rực lên. - Không có điều luật nào cấm con người ta bào chữa cho người ruột thịt. Mà ai có thể bào chữa cho bị cáo hơn người thân của anh ta? Tất nhiên tôi sẽ nhờ một nhà chuyên môn về luật hình sự lo hồ sơ cho tôi. Mà anh biết hội đồng xét xử là thứ gì rồi. Anh đã bao nhiêu lần dự các phiên tòa. Mười hai người, mỗi người mỗi ý, phải làm sao thuyết phục được tất cả mười hai người đó, phải gây được thiện cảm với họ thì mới hi vọng giảm nhẹ tội cho thằng Tod. Mà cái công việc thuyết phục, gây thiện cảm ấy, còn ai làm hiệu quả hơn cha của nó?

- Cha nó hay một diễn viên điện ảnh?

- Thì có gì cản trở đâu, việc tôi đã từng là diễn viên? Và nếu như trong lúc bào chữa cho nó tôi có dùng đến kinh nghiệm của người nghệ sỹ? - Crawford kêu lên. - Ai chẳng biết tôi đã đóng vai trạng sư trong hơn một chục bộ phim. Chính điều đó khiến sau khi rời khỏi điện ảnh tôi đã chọn vào học trường luật. Anh Brody! Tôi tin rằng tôi có thể bào chữa cho con trai tôi và tôi sẽ làm tốt!

- Tôi thấy phải nhắc anh rằng có thể coi đây là một thứ biểu diễn của anh và phiên tòa là một bộ phim, nhưng có điều khác mà anh không thể bỏ qua: Nó là một bộ phim siêu hạng! S-i-ê-u h-ạ-n-g, anh nhớ cho, anh Crawford.

Ông Crawford đứng phắt dậy:

- Sáng mai tôi sẽ gặp cậu Charles, nhờ cậu ta giới thiệu cho một luật sư hình sự loại giỏi. Sau đấy chúng ta sẽ tính xem nên thế nào.

Ông bước lên thang gác, dĩnh đạc, đã bắt đầu giống như một nghệ sĩ lớn, hoặc nói cách khác, giống như bản thân ông vào cái thời huy hoàng ngày nào.

*
* *

Ở đầu dây bên kia, Charles có vẻ vẫn còn ngái ngủ, mặc dù lúc ông Crawford gọi điện cho anh ta, đồng hồ đã chỉ tám giờ. Nhưng vẻ khó chịu của anh ta biến mất ngay, khi nghe ông Crawford trình bày ý định. Charles rất tán thành ý đồ của ông và họ sôi nổi bàn bạc bằng điện thoại trong gần nửa giờ đồng hồ. Lúc đặt máy xuống, ông

Crawford ghi lên cuốn sổ điện thoại địa chỉ của một luật sư: EDWIN C. RUTHEFORD, 74 Phố Wall.

Thật ra ý đồ của ông Crawford, Charles không mặn mà gì lắm, nhưng anh cố không để lộ ra, định phó mặc cho ông luật sư Rutheford.

Rutheford là một người vóc cao lớn nhưng dáng điệu thì lại õng ẹo lúc nào cũng có vẻ như uể oải chán chường. Ông ta luôn luôn nghiêng bên này lại nghiêng bên kia trên chiếc ghế kê sau bàn giấy như người ngồi trên lưng ngựa và chiếc bàn giấy kia là một con ngựa quý vậy. Trong lúc ông Crawford trình bày, Rutheford ngọ nguậy không yên, hết lắc người lại gãi gáy gãi cổ, rồi lấy bàn tay đập ruồi, ngoáy ầm ĩ chiếc thìa trong tách cà phê và ấn gãy hai chiếc bút chì lúc ngoáy những chữ gì đó trên tờ giấy.

Nhưng khi ông Crawford nói xong, ông rất ngạc nhiên thấy ông luật sư uể oải kia đột nhiên biến đổi hẳn. Ông ta bắt đầu phân tích sự việc một cách chính xác và tỷ mỷ vô cùng, về trách nhiệm pháp lý của cậu Tod cũng như những khả năng có thể khai thác để làm giảm tội lỗi. Và điều đáng ngạc nhiên hơn cả là ông ta rất thông cảm với ý định của ông Crawford muốn được đích thân bào chữa cho con trai trước tòa.

- Tôi thấy có gì không được đâu nhỉ? - Rutheford nói bằng giọng thô lỗ. - Ông là luật sư chính thức mặc dù ông chưa làm cái công việc bào chữa trước tòa trong những vụ án hình sự như thế này. Chắc ông biết câu tục ngữ: "Kẻ nào tự đảm nhận bào chữa cho bản thân thì coi mọi luật sư đều là xuẩn ngốc hết?"

Crawford mỉm cười:

- Tôi nhớ một câu có lẽ thú vị hơn: "Chỉ ai đứng trong cuộc mới thấm thía pháp luật". Đó là câu của Halifax.

Rutheford gõ mạnh ngón tay xuống bàn như thể đè chết một con ruồi nào đó.

- Và ông định sẽ theo đúng phương châm ấy chăng, thưa ông Crawford? Và ông định làm cho các vị quan tòa "thấm thía" vấn đề?

- Ông nên nhớ, tôi là cha của bị can.

- Và còn một vấn đề nữa. Ông Charles có cho tôi biết ông đã từng là diễn viên, là nghệ sỹ màn ảnh?

- Đúng thế nhưng đã lâu quá rồi, đấy là vào thập kỷ 20, lần cuối cùng tôi đóng phim là năm 1933. Đến năm 1940 thì tôi được phép đứng bào chữa trong các phiên tòa. Cũng đã tốt nghiệp trường luật và thôi hẳn nghề nghệ thuật.

Rutheford tò mò nhìn khách.

- Mà có lẽ, - Crawford nói tiếp. - Chính vì tôi đã từng đóng phim mà tôi muốn tự đứng ra bào chữa cho con tôi. Nghề diễn viên buộc tôi phải tập cách chinh phục tình cảm của cử tọa.

- Tôi hiểu.

- Tôi không định làm thay công việc trạng sư vụ án của ông mà tôi chỉ xin đảm nhận phần biểu diễn. Biểu diễn vai ông dành cho tôi.

Cách dùng từ có vẻ không chính xác, khiến Rutheford hơi cau mày. Nhưng ông Crawford thấy không cần đính chính lại.

- Chuyện ấy để sau chúng ta sẽ bàn, - Rutheford nói. - Theo tôi vấn đề chính yếu hiện nay là cậu con trai ông. Cậu ta tên là gì?

- Tod

- Tod. - Rutheford nhắc lại. - Theo tôi cậu ta được quyền có tiếng nói trong vụ này. Ông có tin chắc cậu ta chịu để ông bào chữa cho cậu ta trước tòa không? Cậu ta phạm tội giết người và cậu ta đã đủ tuổi để có thể ngồi vào ghế điện. Ít nhất ông cũng phải hỏi xem cậu ta có chịu để ông bào chữa không đã!

Crawford đột nhiên hồ nghi:

- Ông nói đúng, tôi phải hỏi nó thật.

Sáng hôm sau ông được phép gặp con trai. Sau khi bộ phận kiểm sát định tội, Tod được giải đến giam tại nhà tù trên đại lộ Fleet và liền sau đó, cậu thích nghi ngay với hoàn cảnh mới. Lúc ông Crawford nhìn thấy con trai bước vào phòng tiếp khách của nhà tù, ông thấy cậu ta có vẻ lạnh lùng và nhẫn nhục trong bộ quần áo tù nhân màu xám.

- Con khỏe không? - Ông Crawford hỏi con trai. - Họ đối xử với con ra sao?

Tod nhún vai. Cậu có vẻ không muốn có cuộc thăm viếng này.

- Tình hình tiến triển tốt. - ông Crawford nói tiếp. - Ba đã kể hết với ông Rutheford, ông luật sư mà con đã gặp chiều hôm qua ấy. Ba e rằng không bảo lĩnh để con ra và về ở nhà trong thời gian này được.

- Bao giờ thì viện kiểm sát có bản luận tội chính thức ạ?

- Tuần sau. Từ nay đến đó ông luật sư và ba phải tìm ra đủ lý lẽ để chứng minh đây là vụ giết người không có dụng ý từ trước. Con hiểu sự khác nhau chứ?

Tod cúi xuống nhìn vào bàn tay cậu ta.

- Toàn bộ vấn đề là ở chỗ ấy: cố tình hay không cố tình, - ông Crawford nói nhỏ. - Chuyện đánh nhau nếu không có dụng ý giết người thì khác với có dụng ý. Ông Rutheford đã giảng cho con hiểu rồi chứ?

- Ông ấy nói suốt hai tiếng đồng hồ, nhưng con không nghe kỹ lắm.

Crawford ghé sát tai con hơn nữa.

- Tod! Ba muốn hỏi con một điều quan trọng, rất quan trọng.

- Điều gì ạ?

- Nếu ba nhận đứng bào chữa trước tòa cho con thì con nghĩ sao? Tất nhiên không phải một mình ba mà cả ông luật sư Rutheford nữa. Ông ấy làm toàn bộ công việc chuẩn bị. Ba chỉ là người phát ngôn thôi. Con thấy được không, Tod?

Cậu trai có vẻ khó chịu:

- Con chưa hiểu. Ba có phải luật sư hình sự đâu?

- Đúng thế. Và ba rất có thể sẽ phạm những sơ suất tai hại. Nhưng đã có ông Rutheford cùng ở đấy, sẽ gỡ lại cho ba. Ba đứng lên bào chữa cho con vì ba tin rằng ba có thể gây cảm tình với hội đồng xét xử. Ba có thể "buộc" họ phải hiểu vấn đề theo hướng ba đề ra.

Crawford ngừng nói, đau xót thấy nét mặt lạnh lùng của đứa con.

- Nếu con không đồng ý thì ba cũng thôi. Chẳng nói con cũng biết, đây là vấn đề hết sức quan trọng. Con đã đủ tuổi thành niên và con có quyền từ chối.

- Ba làm việc đó là vì con ư?- Tod nhẹ nhàng hỏi.

Cậu nhìn lên và thấy mắt cha cậu ướt.

- Ơ kìa, ba!

Cậu đưa cả hai bàn tay ra nắm tay ông và Crawford bắt gặp trong mắt con trai một ánh ngạc nhiên và như thể vừa khám phá ra được điều gì đó.

*

* *

Ngay sau khi có bản luận tội chính thức, luật sư Rutheford bỗng như thành con người khác hẳn. Thái độ uể oải hờ hững của ông hôm trước đột nhiên biến đâu mất tăm và thay vào đấy là cặp mắt sắc sảo.

Việc ông bắt ông Crawford ngốn cho hết bộ luật hình sự chứng tỏ ông đã "nhập cuộc". Không những thế, Rutheford còn không ngày nào không tỏ vẻ nghi ngờ Crawford, đoán trước rằng việc ông này bào chữa trước tòa sẽ phạm rất nhiều sơ suất và chỉ thành trò cười cho mọi người. Rutheford sỉ vả Crawford thậm tệ, có lúc còn mia mai ông này chỉ là thứ "trạng sư trên phim ảnh" mà thôi. Thậm chí đến độ ông ta còn dọa nếu ông Crawford giở trước phiên tòa những cử chỉ dáng điệu "nghệ sĩ Hollywood" thì ông ta sẽ từ chối không nhận vụ án này nữa. Mặt khác Rutheford lại đề ra những giải pháp bắt

Crawford phải tập để thực hiện sau này trong phiên tòa xét xử.

Luật sư Rutheford dẫn ra hàng chục chứng lí, những trích dẫn trong văn bản bộ luật, bắt ông Crawford phải nghe và nhớ kỹ. Chẳng hạn:

- "Sự cố ý, dụng ý phải xuất hiện trước hành động một khoảng thời gian nhất định. Tất nhiên khoảng thời gian ấy không đòi hỏi phải dài, nhưng cũng phải đủ để đương sự suy tính, cân nhắc, chọn lựa giữa quyết định nên giết đối phương hay không nên giết, tóm lại là khoảng thời gian cần thiết để hình thành một quyết định. "Đoạn bào chữa trên là trích trong *Vụ án Majore*, - Rutheford nói. - Toàn bộ vấn đề là ở giai đoạn gọi là nghị luận. Điều quan trọng nhất chúng ta cần chứng minh là ở đây *không có dụng ý giết người.*

- Nhưng liệu chúng ta có chứng minh được như thế không? Ông đã nghe thằng con tôi trình bày lại diễn biến. Bọn chúng dỗ xe bên vệ đường một cách dàng hoàng rồi bước ra và bắt đầu choảng nhau. Chúng biết là chúng đang làm gì chứ!

- Ông tưởng thế à? Chúng ta phải chứng minh là Tod không hề có ý định giết bạn. Ranh giới giữa có dụng ý và không có dụng ý rất mong manh và ông với tôi phải thuyết phục tòa tin vào lập luận chúng ta đưa ra. Tôi với ông cần chứng minh rằng không có thời gian nào để cậu Tod hình thành dụng ý. Sự việc diễn biến nhanh đến mức không còn lấy một phút dành cho đương sự cân nhắc. Điều đó quả là hết sức khó chứng minh. Và tôi cũng đã biết rõ lão công tố viên vụ này. Lão Hanley ấy đúng là

một thứ mặt sắt đen sì. Lão thuộc trường phái "Sát nhân giả tử", nợ máu phải trả bằng máu!

- Ông nói có lẽ đúng, - Crawford buồn bã nói. - Có lẽ nên để ông đứng ra bào chữa thì hơn là tôi.

- Ông nói thật lòng đấy chứ? - Rutheford cau mặt hỏi, giọng khinh bỉ.

- Không đâu! - Crawford vội vã đáp. - Sự việc ở đây rõ ràng là một chuỗi diễn biến dồn dập các sự kiện. Điều quan trọng là những ý nghĩ gì đã diễn ra trong óc thằng con tôi? Đấy chính là khe hở tôi tính khoét sâu vào. Tôi sẽ bắt các thành viên hội đồng xét xử phải tin vào những lý lẽ tôi đưa ra.

Rutheford định thở phào nhẹ nhõm nhưng cố nén lại:

- Ta nghi đã. Ngày mai, cũng vào giờ như hôm nay, ông Crawford!

Tối hôm đó, về gần đến nhà, ông Crawford đã nhìn thấy bà Jenny giúp việc đang giằng co với bốn nhà báo, kiên quyết đuổi họ đi. Ông phải lách qua bà giúp việc và đám khách không mời đó mới vào được nhà. Ông gặp ông bạn Brody đang đứng ở sau cửa với bộ mặt giận dữ. Brody bàn với bạn cách tống khứ đám phóng viên quấy rầy này, nhưng Crawford nghĩ khác. Ông lại thấy cần tiếp các nhà báo. Cần lôi kéo họ về phía mình. Brody bực tức đành ngồi phịch xuống chiếc ghế nệm kê ở hành lang.

Bà giúp việc Jenny được lệnh mời các nhà báo vào phòng khách. Bà không hiểu sao ông chủ lại quyết định như vậy, cho nên bà vẫn bực tức hét: "Các ông có chùi

đế giày rồi hãy bước vào không nào?" Lát sau lại thấy giọng bà vang lên: "Có gạt tàn đấy sao các ông gạt xuống thảm thế kia?".

Mấy phóng viên thì nhau hỏi Crawford. Họ muốn biết kế hoạch dự tính của ông để giảm tội cho con trai. Đến khi họ đề cập đến điện ảnh, Brody ngồi ở một góc càu nhàu, nhưng Crawford vẫn để yên cho họ hỏi. Một nhà báo nói:

- Xin ông cho biết, thưa ông Crawford, có phải thời gian làm nghệ sĩ màn ảnh, ông nhiều lần đóng vai trạng sư bào chữa trước tòa không?

- Đúng thế. Nhưng chuyện đó hoàn toàn không giống với việc đứng bào chữa trước tòa lần này.

- Đã bao nhiêu năm ông bỏ nghệ thuật rồi, thưa ông Crawford? Hình như gần hai chục năm phải không, thưa ông?

- Quả là gần hai chục năm thật!

- Anh Crawford!

Brody không nhịn nổi đã bật đứng dậy, đầu lắc rất mạnh như để ngăn chặn một sự dại dột không sao sửa chữa nổi.

- Anh hãy mời họ về ngay đi, nghe tôi! Đừng tiếp họ nữa, Crawford.

- Thưa ông Crawford, ông tin rằng kinh nghiệm đóng phim sẽ giúp ông bào chữa kết quả cho con trai ông chứ?

- Tất nhiên là không rồi.

- Trong những phim ông đóng, có bộ phim nào vai trạng sư bào chữa bị thất bại không?

- Không thể có chuyện như thế.

- Vậy là ông tính quay lại màn ảnh một lần nữa, thưa ông Crawford?

- Đời nào lại như thế! Crawford giận dữ đáp, mắt long lên nhìn thẳng vào người phóng viên trẻ vừa đưa ra câu trên. - Tôi là trạng sư và đã làm nghề này hai chục năm rồi!

Chàng phóng viên mỉm cười lấy lòng:

- Nhưng lần này ông bào chữa trước tòa thì cũng gần như một sự quay trở lại với nghề diễn viên ngày trước, đúng không thưa ông Crawford? Nói cách khác, lần này ông đóng vai trước tòa và nếu như một đạo diễn điện ảnh nào đây...

Tiếng một cái tát tai vang lên không ai có thể ngờ được. Đột nhiên khắp phòng khách im lặng và mọi người như còn nghe thấy tiếng vọng của cái tát tai vừa rồi. Má chàng phóng viên trẻ tuổi trắng dần trở lại. Brody vội cứu vãn ngay tình thế. Ông mời các phóng viên nhà báo đi ra. Trong lúc tiễn họ ông luôn miệng xin lỗi và thanh minh để dịu bớt nỗi giận dữ đã bị chủ nhà đối xử thô bạo.

Lúc Brody trở vào phòng khách, ông thấy bạn đang ngắm nghía bàn tay vừa nãy đã đập vào mặt người phóng viên trẻ.

- Ta uống chút rượu đi, anh Crawford. Và lần sau anh đừng nói nhiều như thế. Để dành lúc ra trước tòa và lúc cần nói để tranh thủ tình cảm trên trang báo.

Crawford quay nhìn bạn.

- Anh thấy thế nào, Brody?

- Tôi thấy anh rất mệt mỏi, anh Crawford ạ.

- Brody, tôi cam đoan với anh rằng tôi nhận việc bào chữa trước tòa lần này hoàn toàn không phải do tôi nhớ nghề đóng phim. Đã lâu lắm rồi, trong óc tôi không thấy xuất hiện cái ý muốn ấy. Anh thừa biết rồi, phải không?

- Anh nói thì tôi biết vậy thôi! - Brody nói và rót rượu ra đầy hai ly.

*

* *

Crawford đã từng đứng trước tòa, từng đối phó với các chánh án, các phụ thẩm để bảo vệ quyền lợi các khách hàng của ông. Nhưng chưa bao giờ ông lo lắng cho kết quả việc bào chữa của ông như lần này. Lúc tòa bắt đầu làm việc, suýt nữa ông bảo với Lutherford rằng ông đã thay đổi ý kiến, rằng ông không đủ hiểu biết và kinh nghiệm cần thiết để bào chữa trong một vụ án hình sự như thế này, rằng vị trí của ông phải là dưới hàng ghế công chúng dưới kia chứ không phải tại đây, nơi dành cho luật sư bào chữa.

Nhưng ông không nói gì hết. Phiên tòa đã bắt đầu. Các bồi thẩm đã ngồi vào chỗ. Vị chánh án trịnh trọng bước ra trong bộ áo quần tòa màu đen. Lutherford bước đến sát tấm hàng rào gỗ để đưa Crawford bản ghi những ý kiến cần phát biểu đó mà ông ta đã chuẩn bị. Trong lúc đó công tố viên Hanley, chừng năm chục tuổi, với mái tóc vàng và nét mặt thông thái nhờ thêm có cặp kính kẹp

mũi không gọng, đã đứng lên mở đầu bản cáo trạng. Giọng lão ta bình thản, không bộc lộ tình cảm gì hết. Các câu nói cấu trúc giản dị mạch lạc, thuật lại những diễn biến trong cái đêm ấy, làm hội đồng xét xử lắng nghe chăm chú nhưng không tỏ cảm xúc gì hết.

Trong lúc nghe viên công tố đọc, trong óc Crawford thoáng nghĩ lóe tia hy vọng: bản cáo trạng được đọc bằng giọng đơn điệu và làm ngán tai mọi người. Ông ghé nói nhỏ vào tai Lutherford điều nhận xét ấy và thấy Lutherford lắc đầu không tán thành. Khi ấy ông Crawford mới hiểu cần chăm chú lắng nghe hơn và bỗng ông nhận ra rằng lão Hanley rất cáo. Lão dùng cái giọng đều đều kia đánh lừa cử tọa để về cuối mới đanh thép lên án. Khi lão ngồi xuống, các bồi thẩm tuy không bị kích động nhưng đều có vẻ thấy lập luận của công tố viên là chính xác và không cần phải cân nhắc gì thêm nữa.

Crawford đã bàn trước với luật sư của mình, ông Lutherford là chưa lên tiếng gì hết, cứ để phiên tòa bước qua phần hỏi nhân chứng. Bây giờ là nhân chứng thứ nhất.

Hanley quả là táo tợn. Lão đề nghị hỏi ngay nhân chứng quan trọng nhất của vụ xét xử: bị cáo Tod, con trai ông Crawford.

Tod đầu óc đang lơ lửng tận đâu. Lúc nghe gọi đến tên, cậu ta mới sực tỉnh, ngạc nhiên thấy mình đang đứng trước vành móng ngựa. Rõ ràng cậu không nghĩ rằng mình lại có thể bị ai gọi tên kiểu như vậy. Khi nghe viên công tố Hanley yêu cầu kể lại những diễn biến vào cái đêm hôm ấy, cậu ấp úng kể chẳng thành đầu đuôi và mạch lạc gì hết khiến lão Hanley luôn luôn phải định hướng lại cho

cậu. Cậu nói cậu đã uống quá nhiều rượu và chuyện ấy vẫn thường xảy ra. Cậu nêu tên hai người bạn trẻ cùng uống với cậu và nêu nguyên nhân dẫn họ đến chỗ xô xát.

- Chúng tôi kéo đến thăm mấy cô gái. Mấy cô này nhà ở đầu bên kia thành phố và thường tiếp bạn trai. Juley đem theo một chai lên xe và cả bọn chúng tôi cùng uống. Tôi không muốn để Juley uống vì cậu ta cầm tay lái và bởi vì đấy không phải xe của tôi mà là của ba tôi. Cậu ta nổi nóng và từ chuyện này chúng tôi giọ sang chuyện khác. Cuối cùng chúng tôi cãi nhau xung quanh một trong mấy cô gái mà chúng tôi sắp đến thăm. Đúng lúc đó Juley hãm xe lại và đòi đánh nhau. Cậu bạn thứ ba tên là Rudy can nhưng tôi và Juley đều đang rất nóng. Đến lúc đấy thì có tiếng đề nghị thanh toán vụ cãi lộn này ngay bên vệ đường.

- Ai đề nghị? - Hanley hỏi.

- Tôi không nhớ nữa. Nhưng lúc chúng tôi ra khỏi xe, tôi chưa biết rằng Juley muốn thanh toán vụ cãi lộn bằng dao. Mãi đến lúc thấy cậu ta rút dao ra tôi mới hiểu. Thế là tôi cũng rút dao của tôi ra.

- Anh thường đem dao theo mỗi khi đi chơi à?

- Vâng.

- Anh kể tiếp đi.

- Tất cả chỉ có như thế thôi. Hai chúng tôi đánh nhau. Juley đâm trúng tôi trước, thế là tôi nóng máu lên và đâm cậu ta. Khi đó tôi không nghĩ là cậu ta có thể chết. Tôi lên xe về. Lúc đó đầu óc tôi quay cuồng và tôi đã để mặc cả hai cậu ấy ở lại chỗ đó.

- Anh đã để lại con dao vẫn còn cắm trên người nạn nhân?

- Vâng, - Tod nói. - Đúng như thế.

Theo lời Rutheford khuyên, ông Crawford không xin tòa cho được hỏi thêm gì nhân chứng. Hai người tính toán là nên để Crawford đứng theo tư thế nhân chứng giải tội. Và lần đầu tiên ông lên tiếng trước tòa là khi viên công tố gọi cậu Rudy Trask lên hỏi.

Lão Hanley thẩm tra lại xem có đúng Rudy là người thứ ba, cùng đi với bị can và nạn nhân không, sau đó lão yêu cầu Rudy kể lại diễn biến sự việc. Cậu ta kể không khác gì Tod, nhưng lão Hanley đưa ra một câu hỏi sinh tử:

- Trước cái đêm xảy ra việc chết người đó, giữa bị can Tod và nạn nhân Juley có xảy ra cãi cọ gì không?

- Có, - Rudy đáp.

- Lớn không? Có đến mức đánh nhau không?

- Có, nhưng hai cậu ấy chưa dùng dao mà chỉ bằng chân tay không.

- Hai người có hằn thù nhau không?

- Chỉ thỉnh thoảng thôi.

- Họ thù nhau về chuyện gì?

- Nhiều chuyện lắm. Đôi khi về chuyện gái. Có lần về việc Juley nói dụng đến bố của Tod.

Nghe đến đấy, có tiếng xì xào dưới ghế khán giả. Crawford xoay người và ho một tiếng, Rudy vẫn nói tiếp:

- Juley rất hay trêu trọc và làm nhục Tod, chẳng hạn cậu ta hỏi sao Tod không đi làm nghệ sĩ điện ảnh, để trở thành ngôi sao màn bạc như bố cậu ấy ngày nào. Mỗi lần Juley giở cái trò mia mai ấy ra, Tod rất cáu. Thêm nữa tính Tod cũng lại dễ tự ái cho nên nói chuyện với cậu ta không dễ dàng gì.

- Những cuộc đánh nhau chân tay không ấy có dữ dội lắm không?

- Có một lần Tod bẻ trẹo cổ tay của Juley.

- Có báo cảnh sát không?

- Không, - Rudy nói.

- Thế là đủ, - lão Hanley nói.

Bây giờ đến lượt Crawford. Ông đứng dậy, tim đập thình thịch, cảm giác hồi hộp còn hơn cả khi đứng trước ống kính máy quay phim. Nhận thức rõ hàng ngàn cặp mắt đang chăm chú nhìn mình, ông trấn tĩnh bước đến trước thành chắn của khu vực nhân chứng.

- Tôi xin hỏi cậu Rudy. Theo cậu biết thì Tod nhà tôi quen và chơi với cậu Juley đã lâu chưa?

- Khoảng tám đến mười tháng.

- Con tôi có hay gặp cậu Juley không?

- Mỗi tuần vài ba lần.

- Vậy hai đứa là bạn của nhau chứ không phải kẻ thù, cậu có tán thành như thế không?

Lão công tố Hanley đứng dậy phản đối, cho rằng câu hỏi của Crawford không được khách quan. Chánh án cũng tán thành nhận xét của công tố.

- Ta trở lại những cuộc đánh nhau tay không giữa hai cậu trai ấy, - Crawford nói tiếp. - Đặc biệt là cái lần mà Tod làm trẹo cổ tay của cậu Juley. Trước đó hai đứa có "dụng ý" là sẽ đánh nhau như cái lần đánh nhau bằng dao sau này không? Chắc cậu biết chứ?

- Không. Hai bạn ấy không định trước mà ngẫu nhiên xảy ra thôi.

- Tức là hoàn toàn không có dự định gì trước?

- Tôi nghĩ là thế. Juley đánh Tod trước.

- Cậu vừa nói Juley đánh trước?

- Nhưng trước đó Tod gọi Juley là thằng...

- Gọi là gì không quan trọng. Cái quan trọng là chỗ Juley đánh trước, đúng như thế chứ?

- Đúng.

- Thế cuộc xô xát đêm 14 tháng Mười cũng khởi đầu như vậy chăng? Cậu Rudy, cậu đã chứng kiến sự việc. Phải chăng ngay cả lần sau Juley cũng khởi đầu trước? Ai đánh cú đầu tiên?

- Điều ấy rất khó nói.

- Cậu Juley đã đâm Tod bị thương ở cánh tay, đúng thế không? Có phải đấy là cú đánh trước của cậu Juley không? Cậu có theo dõi cuộc đánh nhau chứ? Hay cậu không để ý, cậu Rudy?

- Tất nhiên là tôi theo dõi. Tod bị thương trước, đúng thế, nhưng...

- Thế là đủ rồi, tôi không cần hỏi thêm gì nữa.

Nói xong Crawford quay gót lui về chỗ. Tim ông đập rất mạnh và mắt ông mờ đi hầu như không nhìn rõ gì nữa. Tuy vậy ông vẫn nhìn thấy trên mặt luật sư Rutherford một nụ cười hài lòng. Nghĩa là ông đã xử sự đúng.

Sang đến ngày xử thứ hai thì rắc rối mới bắt đầu nảy sinh. Lúc Hanley bước vào, lão dẫn theo một cô gái khá đẹp nhưng có vẻ dễ dãi, môi son đỏ chót, tên là Barbara. Cô ta dáng điệu trơ trẽn và phấn sáp lòe loẹt, quá mức cái tuổi rất trẻ của cô: chỉ mới 17. Chính cô là nguyên nhân gây ra xích mích dẫn đến đâm chém nhau giữa hai chàng trai. Không hiểu Rutherford vốn ghét phụ nữ hay vì đã có kinh nghiệm mà ông dặn Crawford phải cảnh giác trước nhân chứng phụ nữ. Ông nói phụ nữ hay có định kiến và họ nhìn vấn đề bao giờ cũng lệch theo cảm tính. Và lời dặn dò của ông tỏ ra đúng đắn, nhất là trường hợp cô gái Barbara này.

Viên công tố hỏi trước:

- Cô có nhìn thấy Juley và Tod cãi cọ nhau? Và nhìn thấy cả việc hai người đánh nhau nữa chứ?

- Vâng, đúng thế, - cô gái hất đầu cho mái tóc lật ra phía sau rồi nói. - Hai anh ấy chuyên cãi cọ nhau, bất cứ lúc nào và bất cứ về chuyện gì. Đôi khi cả chuyện tôi nữa, - cô nói và khẽ mỉm cười.

- Vậy mà họ lại thường xuyên chơi với nhau. Cô có thấy chuyện đó là lạ không?

- Nhiều người thích chơi với họ, - cảm thấy nhận xét của mình thông minh, cô có vẻ kiêu hãnh.

- Cô cho rằng hai người đó ghét nhau?

- Chuyện ấy quá rõ.

- Cô căn cứ vào đâu?

- Không phải chỉ vì tôi thấy hai anh ấy cãi cọ nhau mà bởi vì Tod nói với tôi là như thế. Có lần anh ấy còn nói sẽ có ngày giết Juley. Thế chẳng phải họ ghét nhau là gì?

Nói xong cô nhìn sang Tod với vẻ thách thức và thú vị thấy trong phòng ồn ào.

- Cô bảo rằng Tod có lần đã nói ra miệng lời đe giết Juley?

- Mà không phải chỉ nói một lần. Đó là sự thật. Anh ấy bảo tôi rằng nếu Juley cứ tán tỉnh tôi thì anh ấy sẽ giết Juley.

Rutherford ghé tai Crawford dặn dò nhanh mấy câu về cách hỏi nhân chứng, nhằm làm mọi người thấy tư cách đạo đức đáng ngờ của cô gái, đồng thời kích cho cô nói lên những lời bôi xấu Tod để cho mọi người thấy là cô ta có định kiến với Tod. Nhưng khi Crawford nhận xét là cô Barbara không ưa Tod, cô mỉm cười rất tươi đáp:

- Nhưng chính tôi lại rất qúy Tod. Tôi rất mến anh ấy và không muốn nhìn thấy anh ấy phải khổ. Nhưng tôi cũng không thể giấu những điều anh ấy đã nói với tôi, đúng thế không?

Cảm thấy đã thắng một bàn, cô trâng tráo liếc nhìn ông Crawford.

Còn ba nhân chứng về hướng buộc tội nữa. Cả ba đều khẳng định tính tình thô lỗ và nóng nảy của Tod,

cũng như sự xung khắc giữa nạn nhân với Tod. Mấy nhân viên cảnh sát khai về vụ đâm chém nhau và việc con dao vẫn còn cắm trên người Juley, về việc Tod phóng ngay về nhà, việc đến bắt cậu ta và điều có lẽ quan trọng nhất là họ không thấy biểu hiện hối hận của bị can.

Bên buộc tội dùng thêm hai ngày nữa để đưa thêm chứng có và bức tường kết tội cứ mỗi giờ một cao thêm, khó có thể phá đổ. Nhưng câu hỏi của bên gõ tội đâm thành phản tác dụng, chỉ làm tăng thêm bằng chứng về tội lỗi của bị can. Khốn nỗi bên gõ tội không hề có nhân chứng riêng của mình và họ buộc phải sử dụng những gì họ có trong tay, tức là những lời khai của các nhân chứng và lập luận của họ.

Hai luật sư Rutherford và Crawford chỉ còn đặt hy vọng cuối cùng vào Tod.

Thấy bố gọi, cậu bước đến thanh gỗ. Ông Crawford cố cường điệu thái độ nghiêm khắc của mình để tỏ ra mình khách quan.

- Lúc bước ra khỏi xe ô tô, anh đã có dụng ý sẽ giết chết Juley chưa?

- Chưa.

- Hay anh có ý định làm anh ta bị thương? Hay anh hoàn toàn chỉ nghĩ đến chuyện tự vệ?

Tod ngập ngừng.

- Tôi không còn nhớ lúc ấy tôi nghĩ gì. Tôi đang say rượu và hầu như không còn biết gì hết.

Crawford thở rất mạnh.

- Anh có ghét Tuley không?

- Không.

- Nhưng anh thường xuyên cãi cọ với Juley. Tại sao vậy?

- Tôi không biết. Có người bảo cả hai chúng tôi đều nóng tính và lại hay trêu chọc nhau. Nhưng lần nào cãi cọ xong, chúng tôi cũng làm lành. Hai chúng tôi đã khá thân với nhau trước khi quen cô kia.

- Anh muốn nói đến cô Barbara?

- Vâng.

- Anh có yêu cô ấy không?

- Tôi không biết, có lẽ hơi một chút.

- Anh đã nói với cô ấy là sẽ giết Juley, có không?

- Theo tôi nhớ thì tôi không nói câu nào như thế với Barbara.

- Thế theo anh thì tại sao cô Barbara lại khai như vậy?

Tod nhún vai.

- Barbara yêu Juley. Cô muốn căm ghét tôi sau cái chuyện không may vừa rồi. Cô ấy muốn trả thù cho người yêu.

Bên công tố phản đối câu trả lời vừa rồi và Tòa tán thành lời phản đối ấy.

Mồ hôi chảy ròng ròng trên trán Crawford, xuống lọt vào cả mắt và ông liên tục dùng khăn thấm.

- Đã có lúc nào anh nghĩ đến giết Juley không?

Tod cúi đầu nhìn xuống đất.

- Không, - cậu đáp. - Tôi đã nói rồi.

- Ý nghĩ giết Juley chỉ đêm hôm đó mới nảy ra trong óc anh phải không?

Tod không đáp. Sự im lặng của cậu rất bất lợi cho cậu. Ông Crawford nghiêng hẳn người trên thanh gỗ ngăn.

- Tôi đề nghị cậu trả lời câu hỏi vừa rồi.

- Tôi không biết, - Tod nói. - Tôi hoàn toàn không biết lúc ấy tôi nghĩ gì.

- Nhưng anh có nghĩ đến việc giết?

Tod buông thả hai vai xuống.

- Lúc đó tôi không nghĩ điều gì cụ thể. Tôi chỉ làm cái hành động mà tôi cảm thấy phải làm. Có vậy thôi.

Cả hội trường im phăng phắc. Không khí nặng nề ngột ngạt. Hàng ghế dưới có tiếng ho và nghe giống như tiếng súng nổ.

- Tôi hỏi đã xong, - ông Crawford nói với con rất khẽ.

Ông quay về bàn bào chữa. Luật sư Rutherford lập tức đứng dậy, tuyên bố bào chữa không cần phát biểu thêm gì và đề nghị Tòa kết án bị can về tội giết người không có dụng ý. Nhưng viên chánh án không chịu và yêu cầu luật sư bào chữa chiều nay sẽ trình bày rõ các lập luận của họ.

Lúc ra khỏi phòng họp Crawford nói với Rutherford:

- Sẽ tốt thôi, rồi anh xem. Tôi sẽ bắt họ phải mến thằng Tod, rồi anh sẽ thấy tôi làm được.

*

* *

Hai giờ chiều hôm đó Crawford đứng dậy nói lời bào chữa cho bị can. Cho đến giờ phút ấy, các ủy viên hội đồng xét xử mới chỉ là từng cá nhân trước mắt ông.

có người đáng mến có người không đáng mến. Nhưng từ giờ phút này tất cả hòa lại thành một đối tượng chung, không thể tách biệt người này với người kia được, và họ thành "công chúng"!

Crawford đứng im lặng một lát khoảng 10 giây để định thần rồi bắt đầu nói bằng giọng trầm và đều đều.

- Thưa các vị trong hội đồng xét xử, thưa các ông các bà. Một cậu trai trẻ đã chết và tất cả những ai chịu trách nhiệm trước công lý đều đòi cậu ta phải được trả thù. Sát nhân giả tử, nguyên tắc ấy đã tồn tại bao nhiêu đời. Thần công lý với tấm khăn che mắt để khỏi thiên vị ngồi trước cửa phòng xét xử dưới hình dạng bức tượng cũng đòi như vậy. Và khi các qúy vị rời khỏi hội trường này, các vị đều mang nặng trĩu trong lòng trách nhiệm của việc đòi cái chết hoặc tha chết cho một nhân mạng. Nhưng lúc này, trong khi các qúy vị còn ngồi tại đây, tôi muốn xin phép được đặt một câu hỏi.

Liệu có công lý tuyệt đối không? Một thứ công lý tuyệt đối hoàn hảo, công bằng, không bị chi phối bởi những định kiến cũng như những lợi ích riêng tư? Nếu như có một công lý như thế thì chúng ta sung sướng biết bao. Khốn nỗi có phải bao giờ tội ác cũng bị trừng phạt và trừng phạt công bằng? Có phải những người không bị trừng phạt đều là những thiên thần vô tội cả chăng? Ôi, nếu như các vị chưa bao giờ phạm một lỗi lầm gì, không hề làm thiệt hại đến bất cứ ai, chưa hề làm ai đau đớn về tinh thần cũng như thể xác thì đúng là các qúy vị hoàn toàn có quyền quy định hình phạt cho cậu con trai đang đứng vị trí can phạm kia.

Giọng ông mỗi lúc một cao lên, vang to.

- Nếu như các qúy vị chỉ căn cứ vào một hành động trong chốc lát, một cái chớp mí mắt, một cánh tay giơ lên bổ xuống, một giây phút lầm lỡ trong cuộc đời một con người để gạt anh ta ra khỏi thế gian, tước đi của người ta cái quyền được sống, được hít thở khí trời, được luyến tiếc, được chuộc lại những lỗi lầm đã chót phạm phải - mà các vị không thấy áy náy chút nào hết thì thật là may mắn cho các qúy vị.

Nhưng xin các qúy vị hãy ngẫm nghĩ về những gì các qúy vị đang làm. Phải chăng các vị đã có lần nói một câu nặng lời với vợ với con và sau đó ân hận? Sửa lại lỗi lầm đó chẳng khó khăn gì. Một cái hôn, một lời nói trìu mến là yên ổn cả. Phải chăng các vị đã có lần cũng giáng một cái tát lên má con, nói một câu dối trá, đánh rơi vỡ một cái đĩa? Và hình phạt các vị đã phải chịu là gì? Một nỗi day dứt trong lòng. Nhưng không ai nỡ nhốt các vị vào trong phòng, khóa lại không cho các vị có dịp được tỏ lòng hối hận, được làm điều gì đó để chuộc lại lỗi lầm!

Cậu trai kia đã phạm một tội lớn hơn nhiều so với việc làm vỡ một cái đĩa. Cậu ta đã bẻ gãy cuộc sống của một con người. Trong một lúc nóng giận làm mờ mắt, không còn kịp suy nghĩ gì nữa. Phải chăng đó là một tội ác có dụng ý từ trước. Không! hoàn toàn không hơn gì dụng ý khi các vị làm vỡ một cái đĩa, tát một đứa con. Bởi vì cậu ta làm chết người khác trước mặt nhân chứng, đâu phải lén lút?

Crawford lúc lên giọng, lúc xuống giọng, luôn cố ghìm lại niềm tha thiết hoặc thương cảm đang tràn ngập trong tim. Ông cảm thấy nhiều lúc như không điều khiển

được bản thân nữa mà các câu các chữ cứ tự ý từ trong đáy lòng tuôn trào ra.

Nói xong bài diễn văn bào chữa, Crawford phải nắm lấy thanh gỗ để khỏi ngã rồi cúi đầu xuống quay gót lui về chỗ. Và lúc này ông mới chợt nhận ra rằng cả hội trường im phăng phắc trong một lúc lâu. Rồi đột nhiên, như sực tỉnh, cả phòng họp vang lên như sấm tiếng vỗ tay vang dội và kéo dài. Crawford cố làm như không nghe thấy tiếng vỗ tay báo hiệu sự thành công rực rỡ của bài bào chữa. Ông cúi đầu lặng lẽ ngồi xuống bên cạnh Rutherford.

Vị chủ tọa phiên tòa bối rối không nỡ rung chuông lấy lại trật tự của buổi xét xử. Tiếng vỗ tay đã ngừng nhưng âm vang vẫn như chưa dứt.

Lão Hanley đã đứng dậy. Lão lộ vẻ bối rối.

- Kính thưa Ngài chủ tọa...

- Ông cứ nói, ông công tố?

- Do thấy cử tọa nhiệt liệt hoan nghênh bài bào chữa của ông Crawford, tôi đề nghị ngừng phiên tòa và lui bài đáp của bên công tố lại sáng mai.

- Tôi bằng lòng. Tòa tuyên bố nghỉ. Sáng mai mười giờ sẽ tiếp tục.

Mọi người đứng dậy, ồn ào đi ra cửa, bàn tán sôi nổi. Luật sư Rutherford nói nhỏ với Crawford lúc họ ra đến hành lang:

- Thật không ngờ. Tôi không thể ngờ ông lại thành công đến như vậy, ông Crawford!

Còn lão công tố Hanley thì môi mím chặt, ôm chiếc cặp da to phồng vào nách bước đến gần họ, nhếch một nụ cười cay đắng:

- Một bài bào chữa tuyệt vời, thưa ông Crawford. Đúng là ông thật sự có tài. Trước này tôi vẫn đánh giá ông rất cao.

- Cảm ơn ông.

Lúc lão đi rồi, Rutherford nhìn theo, nói với bạn:

- Chưa thể tin được lão này đâu.

Sáng hôm sau khi phiên tòa họp lại, bàn công tố không đơn giản như mọi khi mà bày những hộp lớn nhỏ. Tòa bắt đầu làm việc, lão Hanley đứng dậy nói với Hội đồng xét xử:

- Kính thưa Tòa. Trước khi trình bày bản luận tội, tôi xin đề nghị một điều như sau tuy điều ấy không bình thường. Tòa xét xử các vụ án phải căn cứ vào những sự việc chứ không phải vào tình cảm.

Chủ tọa phiên tòa mim cười:

- Đúng là như thế. Chúng tôi đều cũng nghĩ như vậy. Bây giờ xin mời ông công tố phát biểu.

Lão Hanley rõ ràng nín thở và nói:

- Tôi đề nghị Tòa cho phép chiếu một đoạn phim để tham khảo.

Rutherford đưa mắt nhìn Crawford một cách hốt hoảng. Nhưng Crawford mải nhìn máy chiếu và màn ảnh nhỏ vừa được chăng lên.

- Đoạn phim này có dính đến vụ án?

- Thưa Ngài chủ tọa, không phải thế. Đây là đoạn phim kết thúc của bộ phim "Bị can" do hãng phim Liên hợp sản xuất năm 1931. Tôi may mắn mượn được trong kho lưu trữ ở Long Island. Tôi tin rằng một đoạn trong bộ phim này giúp chúng ta nhìn nhận đúng hơn bài bào chữa của ông Crawford hôm qua. Vậy Ngài chủ tọa cho phép?

Viên chánh án gật đầu. Ánh sáng trong phòng họp được giảm bớt và trên màn ảnh xuất hiện một phiên tòa khác: cũng lại một phiên tòa xét xử. Hội đồng xét xử gồm những diễn viên đóng vai. Một diễn viên đứng tuổi, tóc hoa râm đóng vai chủ tọa. Luật sư bào chữa bắt đầu phát biểu. Đó chính là Crawford, khi đó mới 31 tuổi và là diễn viên điện ảnh sắm vai này.

Tiếng máy quay xè xè và tiếng luật sư trong phim vang lên:

- Một cậu trai trẻ đã chết và tất cả những ai chịu trách nhiệm trước công lý đều đòi cậu ta phải được trả thù...

Bài bào chữa hôm qua được lặp lại gần như từng chữ. Tiếng xì xào trong phòng họp. Rutheford níu cánh tay Crawford, lúc này đang bối rối đến cực độ. Ông thấy mình bấy giờ trẻ trung và đẹp trai diễn cái đoạn mà hồi ấy báo chí hết lời ca ngợi, nhưng bây giờ thì lại gây hậu quả hoàn toàn ngược lại. Đoạn phim đã biến bài bào chữa của ông trong phiên họp hôm qua trở thành một trò hài hước.

- Liệu có công lý tuyệt đối không? Một thứ công lý hoàn hảo, công bằng, không bị chi phối bởi những định

kiến cũng như những lợi ích riêng tư, - tiếng trong loa vẫn vang lên.

Không chịu đựng thêm được nữa, Crawford nói như rên ri vào tai Rutherford:

- Anh làm ơn yêu cầu ngưng cái trò này lại cho tôi nhờ... Mau lên, tôi không thể chịu thêm được nữa!

Rutherford lên tiếng:

- Kính thưa Tòa... Kính thưa tòa...

Tiếng trong loa vẫn vang lên:

- Ôi, nếu như qúy vị chưa hề phạm một lỗi lầm nào, chưa hề làm thiệt hại đến ai, thể xác cũng như tinh thần...

Crawford thét lên:

- Dừng lại ngay!

Lão Hanley nói nhỏ vào tai người thợ máy và đèn bật sáng trở lại. Lão quay về phía bàn chủ tọa:

- Kính thưa Tòa, tôi nghĩ đoạn phim vừa rồi thế là đủ và đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu của bên bào chữa là ngừng chiếu. - Nói đến đây lão quay sang phía Crawford, thản nhiên: - Tôi vốn hâm mộ tài năng nghệ thuật của ông, thưa ông Crawford cho nên hôm qua về tôi chợt nhớ ra đã nghe những lời bào chữa ấy ở đâu rồi và tôi sực nghĩ đến bộ phim thuở trẻ tôi đã xem và rất mê, với ông trong vai chính, vai luật sư bào chữa. Hôm qua ông đã tác động mạnh đến tình cảm của chủ tọa mà theo tôi thế là không đúng. Việc xét xử phải căn cứ vào bằng chứng, vào sự việc chứ không phải vào tình cảm. Và tôi nghĩ cần cho mọi người xem đoạn phim này để xóa đi những tình cảm hôm qua do ông gợi lên. Đồng thời cũng để mọi

người một lần nữa thấy rõ ông Crawford đúng là một nghệ sĩ thiên tài về đóng kịch.

Nói xong lão về chỗ.

Crawford vẫn đứng yên như pho tượng nhưng vẻ mặt thể hiện một nỗi mệt mỏi vô cùng. Ông quay sang bàn chủ tọa và nói bằng giọng khàn đặc lại:

- Kính thưa Tòa! Đúng thế. Bài bào chữa hôm qua không phải do tôi soạn mà người khác viết ra cho tôi thể hiện. Nhưng tôi đã dùng nó vì thấy lời lẽ rất chính xác những tâm tư của tôi...

Một sự im lặng đáp lại lời Crawford. Ông nhìn thấy vẻ mặt nhẫn nhục của Tod. Nghĩa là ông đã làm hỏng việc bào chữa cho con trai ông! Ông đau đớn nói tiếp:

- Tôi đã biến thành trò cười cho các vị. Tôi thừa nhận. Chỉ xin các vị tha hồ cười vào mặt tôi, nhưng đừng vì thế mà nghiệt ngã với Tod, con trai tôi. Tôi mới là kẻ có tội. Xin trừng trị tôi. Đừng trừng trị nó mà hãy trừng trị tôi...

Crawford ngước nhìn các thẩm phán và chỉ thấy những bộ mặt lạnh lùng. Ông cúi đầu lê bước về chỗ. Nhưng đột nhiên ông đứng lại. Mọi người vẫn nhìn theo, chưa hiểu có chuyện gì.

- Kính thưa Tòa, - Crawford hướng về phía bàn chủ tọa. - Tôi đòi phải có sự công bằng...

- Nghĩa là sao? - vị chủ tọa chưa hiểu gì hết.

- Ngài đã cho phép bên công tố chiếu một đoạn phim thì bây giờ bên bào chữa cũng xin Ngài cho chiếu một đoạn khác.

- Tôi chưa hiểu để làm gì?

- Bởi vì có một đoạn, sau đoạn phiên tòa và cũng là đoạn kết thúc của bộ phim.

Lão Hanley đã đang cất các thứ dụng cụ chiếu phim vào trong:

- Kính thưa Tòa, tôi không hề có ý định biến phiên xét xử thành một buổi sinh hoạt điện ảnh.

- Khoan đã! - Crawford phản đối. - Như thế là không công bằng. Đã đưa phim ra phải để người ta xem phần kết thúc. Đó mới là đoạn quan trọng nhất, đoạn về số phận của chàng thanh niên kia sau phiên xét xử.

Vị chủ tọa phiên tòa ngơ ngác chưa hiểu gì hết, nhưng cũng tò mò muốn biết sự thể này dẫn đến đâu:

- Thôi được! Tôi đã đồng ý cho bên công tố chiếu một đoạn phim thì bây giờ tôi cũng bằng lòng để bên bào chữa chiếu một đoạn khác.

- Nhưng thưa Ngài chủ tọa...

- Ông vui lòng, ông công tố...

Viên công tố nhún vai rồi ra hiệu cho người thợ máy. Đèn trong hội trường được tắt bớt. Trên màn ảnh hiện lên quang cảnh phiên tòa, đoạn cuối. Các thành viên của hội đồng xét xử đi thành hàng một vào hội trường và chiếm vị trí. Vị chủ tọa đứng dậy long trọng tuyên án: "Chúng tôi, những thành viên của Hội đồng xét xử sau khi đã bàn luận, cân nhắc quyết định: bị can phạm tội giết người có dụng ý và nhận án tử hình!"

Trên màn ảnh hiện lên căn nhà giam với những xà lim nối tiếp nhau. Đến một xà lim án chém, trên tấm phản hẹp, một thanh niên đang ngồi đợi giờ thi hành án.

Cửa xà lim mở. Vị linh mục của nhà tù cầm cây thánh giá vào, đem tới cho tù nhân không phải niềm hy vọng mà là niềm an ủi. Cha đặt bàn tay lên vai tù nhân. Cậu ta òa khóc nức nở. Cha linh mục mở cuốn Kinh Thánh và đọc mấy lời để tiễn chàng trai sang thế giới bên kia.

Đến lượt viên quản đốc nhà tù vào cùng với hai lính canh. Chỉ còn mười phút nữa sẽ đến giờ hành quyết. Chàng trai trẻ tù nhân đứng dậy, khóc nức nở và nói rằng cậu ta rất ăn năn về việc đã gây ra rồi cậu ta nhân danh bà mẹ đã mất đề nghị tha tội. Viên quản đốc nhà tù rõ ràng rất cảm động nhưng không làm gì được hết. Ông ta gõ tay cậu trai đang níu chặt lấy ông rồi ra hiệu cho hai lính gác.

Lính cởi giày cho tù nhân, xỏ vào đó đôi giày vải nhẹ, rạch quần của cậu rồi xốc nách cậu đưa đi. Cậu tù nhân khuỵu xuống, người mềm oặt như cái giẻ rách. Cậu bị lôi đi trong tiếng lầm rầm cầu nguyện của cha cố, tiếng bản thân cậu khóc nức nở, van nài xin tha tội, hoặc ít nhất cũng cho cậu sống trên cõi đời thêm một ngày, một giờ thậm chí một lúc cũng được...

Đám dẫn giải lấp sau một cái cổng và khi họ ra hết, hai cánh cổng nặng nề khép lại với chữ "Hết".

* *
*

Đèn phòng họp lại bật sáng như cũ. Im phăng phắc. Rutherford đưa mắt nhìn các quan tòa xem phản ứng của họ ra sao.

Họ họp kín và chưa đầy một tiếng đồng hồ sau bước ra, công bố án của Tod Crawford là 20 năm tù về tội giết người không cố tình. Ông Crawford trào nước mắt nhưng ông vội chùi đi ngay để ôm trìu mến đứa con trai...

VŨ ĐÌNH PHÒNG *Dịch*

Hêminguây
(Mỹ)

TUYẾT TRÊN ĐỈNH KILIMANJARÔ

Kalimanjarô là một ngọn núi phủ tuyết cao gần 5850 mét [1] và nghe nói đó là ngọn núi cao nhất ở Châu Phi. Đỉnh phía tây của nó gọi là Masai "Ngã je Ngài", Ngôi nhà của Thượng Đế. Ở gần kề đỉnh phía tây, có xác một con báo đã khô và đông cứng lại. Con báo tìm kiếm gì ở độ cao ấy, nào đã có ai giải thích cho ra nhẽ.

- Cái kỳ diệu là nó chẳng có đau gì hết. - hắn nói. - Chính như thế mà người ta biết khi nào nó bắt đầu.

- Có thật thế không?

- Hoàn toàn thật. Dù sao anh cũng lấy làm ân hận ghê gớm về cái mùi tỏa ra từ anh. Chắc hẳn nó làm phiền em.

- Đừng nói thế! Em xin anh đừng nói thế!

---

(1). Nguyên văn: 19170 "fút". Chúng tôi quy từ đơn vị đo lường Anh này, vốn ít quen thuộc với bạn đọc Việt Nam, sang hệ mét thông dụng hơn. (N.D)

- Em nhìn chúng kìa, - hắn nói - Giờ thì do nhìn thấy hay do ngửi mùi mà chúng kéo đến thế kia?

Chiếc giường nhỏ trên đó người đàn ông nằm, đặt dưới bóng râm tỏa rộng của một cây mimôxa và, phóng mắt vượt quá bóng râm đó nhìn ra vạt đồng bằng chói chang, hắn thấy ba con chim to tướng ngồi chồm chỗm, nom đến là dâm tục, trong khi một tá con khác liệng trong bầu trời, đổ những vệt bóng vùn vụt khi chúng bay qua.

- Chúng đã lượn quanh đó từ hôm chiếc cam nhông bị gục, - hắn nói. - Hôm nay là lần đầu tiên có con đậu xuống đất. Thoạt đầu, anh đã quan sát rất cẩn thận cách chúng liệng, ngộ nhỡ có khi muốn tả chúng trong một truyện ngắn. Bây giờ, cái đó đâm buồn cười.

- Em mong anh đừng nói thế, - nàng nói.

- Anh chỉ chuyện gẫu thế thôi, - hắn nói. - Anh thấy dễ chịu hơn nhiều nếu anh nói chuyện. Nhưng mà anh không muốn phiền lòng em.

- Anh biết đấy, cái đó đâu có làm em phiền lòng, - nàng nói. - Chỉ tại em quá đỗi bồn chồn bực dọc về nỗi không thể làm được bất cứ cái gì đấy thôi. Em nghĩ chúng mình có thể ráng hết sức thu xếp êm ả mọi sự cho đến khi máy bay tới.

- Hoặc cho đến khi máy bay không tới.

- Xin anh bảo cho em có thể làm gì. Chắc phải có một điều gì đó em có thể làm được chứ!

- Em có thể phăng tẹo cái chân này đi, và biết đâu làm thế lại chả chấm dứt được cơ sự ấy, mặc dầu anh

chả tin mấy. Hoặc giả em có thể bắn anh. Bây giờ, em là tay súng cừ rồi. Anh đã dạy em bắn mà, đúng thế không?

- Em xin anh đừng có nói năng kiểu ấy. Em đọc cho anh nghe nhé, được không?

- Đọc gì?

- Bất cứ cái gì trong cặp đựng sách mà chúng mình chưa đọc.

- Anh không thể nghe đọc sách được, - hắn nói. - Chuyện gẫu vẫn là dễ dàng nhất. Chúng mình cãi vã, cái đó làm thời gian qua mau.

- Em không cãi vã. Em không bao giờ muốn cãi cọ. Chúng mình đừng cãi nhau nữa. Dù chúng mình có đâm bực bội đến thế nào đi nữa. Có thể hôm nay, họ sẽ mang về một cái cam nhông khác cũng nên. Cũng có thể là máy bay sẽ tới.

- Anh không muốn di chuyển, - người đàn ông nói. - Bây giờ, di chuyển chẳng có nghĩa gì hết, ngoại trừ để làm em yên tâm thanh thản hơn.

- Thế là hèn nhát.

- Em có thể để cho một thằng đàn ông chết yên ổn mà không nhiếc móc nó không? Xi và anh thì ích gì.

- Anh không phải là sắp chết.

- Đừng có ngớ ngẩn. Anh đang ngắc ngoải đây. Em hỏi những cái con khốn kiếp kia xem. - Hắn nhìn ra chỗ lũ chim dơ dáy to đùng đang ngồi, những cái đầu trần trụi rụt vào trong bộ lông uốn vồng lên. Một con thú tư

sà xuống, chân thoăn thoắt chạy, rồi từ từ di lạch bạch về phía những con kia.

- Bọn nó thì ở quanh chỗ cắm trại nào mà chẳng có. Đừng có để ý đến chúng.

Người ta không thể chết, nếu không nhắm mắt buông trôi.

- Cô đọc được cái ấy ở đâu vậy? Cô thật ngu hết chỗ nói.

- Anh có thể nghĩ về một người nào khác.

- Lạy chúa, - hắn nói, - đó trước nay vẫn là nghề của tôi mà.

Thế rồi hắn nằm và yên lặng một hồi, nhìn qua ánh nhiệt lung linh của dải đồng bằng đến tận bìa rừng. Có mấy con linh dương hiện ra nhỏ bé và trắng tinh trên nền vàng và, ở đằng xa, hắn thấy một bầy ngựa vằn, trăng trắng trên nền xanh lục của rừng. Đó là một chỗ cắm trại thú vị dưới những cây to sát một quả đồi có nước trong lành và kề bên là một hồ nước đã gần cạn khô, nơi sang sáng, gà gô trắng bay từng đàn.

- Anh muốn em đọc cho anh nghe không? - Nàng hỏi. Nàng đang ngồi trên một chiếc ghế bố cạnh giường hắn. - Có gió hây hẩy lên đấy.

- Không, cảm ơn.

- Có thể xe cam-nhông sẽ tới.

- Tôi đếch cần xe cam-nhông.

- Em thì em cần.

- Cô cần biết bao thứ mà tôi không cần.

- Đâu mà bao nhiêu thứ, Hari.

- Anh uống một ly, được không?

- Em nghĩ cái đó có hại cho anh. Từ điển Biêc[1] nói rằng phải tránh mọi thứ rượu. Anh không nên uống.

- Môlô! - Hắn gọi to.

- Dạ, thưa Buana.[2]

- Mang uytxki-xôda lại đây.

- Vâng, thưa Buana.

- Anh không nên uống, - nàng nói. - Vừa rồi em nói nhắm mắt buông trôi là có nghĩa như thế đấy. Người ta bảo cái đó có hại cho anh. Em biết cái đó có hại cho anh.

- Không, - hắn nói. - Cái đó tốt cho anh.

- Thế đấy, mọi sự đến đây là hết, - hắn nghĩ. - Vậy là bây giờ hắn tuyệt không hòng gì làm trọn được cái ấy. Vậy đây là cái cách nó kết thúc bằng một cuộc đôi co vặt vãnh về một ly rượu. Từ khi chân phải hắn bắt đầu bị hoại thư, hắn chẳng thấy đau gì và nỗi khiếp sợ cũng biến mất cùng với cái đau, và giờ đây hắn chỉ cảm thấy mệt ghê gớm và giận dữ về nỗi nó chấm dứt như thế này. Về cái hiện đang tới, hắn chẳng mấy quan tâm muốn biết. Hàng bao năm, nó ám ảnh hắn; nhưng giờ đây tự bản thân nó chẳng có ý nghĩa gì nữa. Thật kỳ lạ là cái mệt lại khiến cơ sự dâm dễ chịu biết bao.

---

(1). Một loại từ điển y khoa thông dụng (N.D)

(2). Thổ ngữ Phi: Ông chủ (N.D)

Giờ đây hắn sẽ không bao giờ viết những điều mà hắn đã để dành đến khi nào đủ điêu luyện để viết cho hay thì mới viết. Ờ, mặt khác, hắn cũng sẽ không phải chịu thất bại khi thử viết những điều ấy. Có thể là mày không bao giờ đủ sức viết những điều đó, và chính vì thế mà mày gác lại và trì hoãn mãi không dám bắt đầu hạ bút cũng nên. Thôi nhé, bây giờ thì hắn chả còn mong gì biết được nữa.

- Giá chúng mình đừng bao giờ tới đây, - người đàn bà nói. Nàng đang nhìn hắn cầm cốc rượu và nàng cắn môi. - Cứ ở Pari thì dâu đến nỗi anh bị một cái gì như thế này. Anh vẫn luôn nói là anh yêu Pari mà. Đáng lẽ chúng mình có thể cứ ở lại Pari hoặc đi bất cứ đâu. Em sẵn sàng đi bất cứ đâu. Em đã bảo em sẵn sàng đi bất cứ nơi nào anh muốn. Nếu lúc ấy anh muốn đi săn thì chúng mình đã có thể đi săn ở Hungari và tha hồ thoải mái.

- Cái đồng tiền chết tiệt của cô, - hắn nói.

- Nói vậy là không đúng, - nàng nói. - Tiền của em cũng là của anh, xưa nay vẫn vậy. Em đã bỏ tất cả và em đã đi bất cứ đâu anh muốn đi, và em đã làm những gì anh muốn làm. Song ước sao giá chúng mình đừng bao giờ đến đây.

- Trước cô bảo là cô thích nơi này kia mà?

- Em có nói thế, khi anh không sao cả. Nhưng bây giờ thì em căm ghét cái chốn này. Em không hiểu tại sao cái chứng ấy lại phải xảy đến với chân anh.

Chúng mình đã làm gì để xảy ra nông nỗi này?

- Tôi đồ rằng cái tôi đã làm là đã quên không bôi i-ốt ngay khi bị xước da. Thế rồi tôi đã chẳng để ý gì đến nó bởi lẽ tôi chả bao giờ bị nhiễm trùng. Rồi sau đó, khi nó dở chứng, chắc là tại đi dùng cái dung dịch cácbôlic loãng ấy thay vì các chất khử trùng khác đã hết, nên mới đâm ra liệt các mạch máu nhỏ và chứng hoại thư bắt đầu. - Hắn nhìn nàng. - Còn gì khác nữa?

- Em không định nói chuyện ấy.

- Nếu chúng ta thuê một gã thợ cơ khí tốt thay vì cái thằng cha tài xế non tay nghề người kikuyu ấy, thì ắt gã đã kiểm tra lại xăng dầu và chả bao giờ để cháy "biên" trong căm-nhông.

- Em không định nói chuyện ấy.

- Nếu cô không bỏ gia đình cô, bỏ cái lũ lĩ chết tiệt nhà cô ở Ôld Oextbari, Xuratôga, Pam Bits mà theo tôi thì...

- A, vì em đã yêu anh. Nói vậy thật bất công đấy. Bây giờ, em vẫn yêu anh.

Em sẽ yêu anh mãi mãi. Anh có yêu em không?

- Không, - người đàn ông nói. - Tôi không nghĩ thế. Tôi chưa bao giờ yêu cô.

- Hari, anh nói gì vậy. Anh quẫn trí rồi.

- Không. Tôi làm gì có trí mà quẫn.

- Anh đừng uống cái ấy, - nàng nói. - Anh yêu, xin anh đừng uống cái ấy. Chúng mình phải làm tất cả những gì chúng mình có thể làm.

- Để cô làm, - hắn nói. - Tôi mệt chán rồi.

Giờ đây, trong tâm trí hắn, hiện lên một cái ga xe lửa ở Karagals, hắn đang đứng với bọc hành lý và đèn pha đằng đầu đoàn tàu Ximplôn – Viễn Đông xẻ dọc bóng đêm; hắn đang rời khỏi miền Thrax sau cuộc rút lui. Đó là một trong những điều hắn dành lại để sau này sẽ viết, và cũng sáng hôm ấy, vào lúc điểm tâm, hắn nhìn ra ngoài cửa sổ, trông thấy tuyết trên những ngọn núi ở Bungari, cô thư ký của Nanxen hỏi lão già có phải tuyết đấy không, và lão già cũng nhìn ra mà rằng, không, đấy không phải là tuyết, và cả bọn cùng nói. Đấy không phải là tuyết, chúng mình nhầm rồi. Nhưng mà đấy đúng là tuyết thật và khi thực hiện trao đổi cư dân, hắn đã tống các cô ra lội tuyết. Và chính là lê bước trong tuyết mà các cô đã lang thang đến khi chết gục, mùa đông năm ấy.

Cũng chính là tuyết rơi suốt cả tuần Nôen cái năm ở trên vùng cao Gauéctal, cái năm học ở nhà bác tiều phu, căn nhà có cái lò sứ vuông to tướng chiếm nửa gian buồng, họ ngủ trên những chiếc nệm nhồi lá sồi, cứ ấy có anh chàng đào ngũ đến, đôi chân nhỏ máu trên tuyết. Anh ta bảo cảnh sát đuổi theo sát anh ta, họ đã cho anh ta đôi bít tất len và giữ bọn cảnh binh lại nói chuyện cho đến khi lấp hết dấu chân.

Ở Srunz, hôm Nôen, tuyết sáng đến chói cả mắt khi ta ngồi trong tiệm rượu nhìn ra và trông thấy từng người từ nhà thờ đi về nhà. Chính tại đó, họ đã leo lên con đường vàng màu nước tiểu được xe trượt qua lại bào nhẵn thín, men theo bờ sông với những trái đồi thông dốc đứng, ván trượt tuyết mang nặng trên vai, và cũng tại đó, họ đã lao cái chặng xuống dốc băng cực kỳ ấy bên trên

Madlơnơ-haux, tuyết nom mượt như kem bánh gatô và như bột, và hắn nhớ lại cái dà lao nhanh mà êm ru không tiếng động khi toàn thân liệng xuống như một con chim.

Đêm ấy, họ bị tuyết làm nghẽn đường một tuần, lưu lại Madlơnơ-haux trong bão tuyết, đánh bài dưới ánh đèn lồng khói mù và Herr Leut[1] *càng thua cay, tiền đặt cược càng cao lên mãi. Cuối cùng ông ta thua sạch sành sanh. Nhẵn nhụi hết tất cả, nào tiền qũy của trường dạy trượt tuyết, nào toàn bộ lãi trong mùa, rồi vốn liếng của ông ta nữa. Hắn có thể mường tượng lại ông ta với cái mũi dài, tay bốc bài và mở xòe ra "sans voir"*[2]*. Dạo ấy, lúc nào cũng có sát phạt, không có tuyết cũng đánh bạc, tuyết nhiều quá cũng đánh bạc. Hắn ngẫm nghĩ về tổng số thời gian hắn đã tiêu phí vào việc đánh bạc trong cả đời mình.*

Nhưng hắn chưa bao giờ viết lấy một dòng về cái đó cũng như về cái ngày Nôen giá rét, sáng sủa với rặng núi in bật lên nơi cuối dải đồng bằng, cái ngày Bácco bay qua chiến tuyến ném bom chuyến tàu chở bọn sĩ quan Áo về phép, xả súng máy vào họ khi họ chạy tán loạn. Hắn nhớ lại Bácco sau khi vụ ấy bước vào phòng ăn sĩ quan và bắt đầu kể chuyện. Và không khí mới ắng lặng đi làm sao chứ, rồi một tay nào đó nói: "Mày là thằng sát nhân chó đẻ khốn kiếp".

Cũng vẫn là người Áo, bấy giờ họ giết, ít lâu sau lại trượt tuyết với hắn.

---

(1). Tiếng Đức trong nguyên bản: ông. (N.D)

(2). Tiếng Pháp trong nguyên bản: không buồn xem.

Không, không phải vẫn những người ấy. Haux, bạn trượt tuyết với hắn trong cả năm ấy, đã từng ở đội săn của nhà vua, và khi họ cùng đi săn thỏ ở con thung nhỏ, mé trên nhà máy cưa, họ đã chuyện trò về chiến sự ở Paxubiô, về trận đánh ở Péclica và Axàlôn, và hắn chưa bao giờ viết lấy một chữ về cái đó. Cũng như về Mônté Coócnô, cũng như về Xictê Commun, cũng như về Acxiêđô.

Hắn đã sống bao nhiêu mùa đông ở vùng Voralbéc và vùng Aclbéc nhỉ? Tính ra là bốn, và hắn nhớ đến anh chàng có con cáo đem bán, cái lần họ đi bộ vào Bludenz để mua qùa tặng, nhớ đến cái vị hạt hạnh đào của rượu kiếcsờ ngon, tuyết bụi trút nhanh ào ạt trên mặt băng mỏng, họ vừa hát "Hì! Hô! Rôli kêu!" vừa lao nốt đoạn cuối xuống đến quãng dốc đứng, tuột thẳng một lèo, rồi băng qua vườn cây ăn quả, quặt ba lần, và vượt quãng hào đàm ra con đường băng giá đằng sau quán trọ. Tháo tung dây buộc, hất chân một cái cho rời ván trượt tuyết và dựng nó lên dựa vào vách gỗ quán trọ. Có ánh đèn từ cửa sổ, mé bên trong, người ta đang chơi phong cầm trong cái ấm cúng ám khói và nồng nồng mùi rượu vang mới.

- Ở Pari, chúng mình trọ tại đâu nhỉ? - Người đàn bà hỏi; giờ đây nàng đang ngồi trên một chiếc ghế bố cạnh hắn ở châu Phi.

- Tại khách sạn Criông. Cô biết thừa đi rồi còn hỏi.

- Tại sao lại biết thừa đi rồi?

- Bởi vì bao giờ chúng mình cũng trọ ở đấy.

- Không. Không phải bao giờ cũng vậy.

- Tại đó và tại Lầu Hăngri IV ở Xanh J[illegible]nh. Anh bảo anh yêu chỗ đó mà.

- Yêu, yêu, tình yêu là một đống phân, - Hari nói. - Và tôi là con gà trống nhảy lên trên đó mà gáy.

- Nếu số phận buộc anh phải ra đi, - nàng nói, - thì có nhất thiết là anh phải hủy hoại tất thảy những gì anh để lại trên đời không? Em muốn nói là anh có phải mang đi tất cả không? Anh có nhất thiết phải giết ngựa của anh, vợ của anh và đốt yên cương cùng áo giáp của anh đi không?

- Có chứ, - hắn nói. - Đồng tiền đáng nguyền rủa của cô là áo giáp của tôi. Tuấn Mã và Chiến Bào của tôi.

- Đừng nói thế.

- Thôi được. Tôi sẽ im. Tôi không muốn xúc phạm cô.

- Bây giờ thì hơi muộn mất rồi.

- Thế cũng được. Tôi sẽ lại tiếp tục xúc phạm cô. Thế lại vui hơn. Điều duy nhất tôi thực tình muốn làm với cô, bây giờ tôi không đủ sức làm nữa rồi.

- Không, nói thế không đúng. Trước đây anh muốn làm bao nhiêu thứ và tất cả mọi thứ anh muốn làm em đều đã làm.

- Ôi, Giêxu, lạy Chúa tôi, cô có thôi huênh hoang đi không? - Hắn nhìn nàng và thấy nàng khóc.

- Nghe đây em, - hắn nói. - Em tưởng anh làm thế là vui thú lắm sao? Anh không biết tại sao mình lại làm thế. Đó là cái lối cố giết để giữ cho mình sống sót, anh

ngờ vậy. Anh đã cảm thấy dễ chịu khi chúng mình bắt đầu trò chuyện. Anh đâu có định gây sự, thế mà bây giờ anh dâm điên điên khùng khùng như chó dại và hết sức phũ phàng với em. Em yêu, em đừng có để ý đến những gì anh nói. Anh yêu em, thực tình. Em biết đấy, anh yêu em. Trước đây chưa từng yêu ai khác như cách anh yêu em.

Hắn lại tự thả mình vào sự dối trá quen thuộc vốn là mánh khóe kiếm cơm của hắn.

- Anh thật dịu ngọt với em.

- Cô là con đĩ, - hắn nói. - Đĩ tĩ vàng. Thơ đấy nhé[1]. Giờ đây, trong tôi đầy chất thơ. Sự thối mục và chất thơ. Thối và thơ. Thơ thối.

- Im đi, Hari, tại sao giờ đây anh lại phải tự biến mình thành con qủy như vậy?

- Tôi không thích để lại cái gì, - người đàn ông nói.

- Tôi không thích để lại các thứ trên đời.

Bây giờ là buổi chiều, và hắn đã ngủ. Mặt trời đã khuất sau núi, một vùng bóng đen trải dài suốt cánh đồng bằng và những con vật nhỏ đang kiếm ăn gần chỗ cắm lều, đầu chúi nhanh và đuôi vắt ve, hắn quan sát thấy giờ đây chúng đã tách xa khỏi rừng cây bụi. Lũ chim thôi không rình đợi ở dưới đất nữa. Chúng tót cả lên một cái cây, nặng nề dậu trên đó. Chúng đông thêm nhiều. Gã bồi riêng của hắn đang ngồi cạnh giường.

---

(1) Nguyên văn: You rich bitch (Cô là con điếm giàu có). Rich gần với bitch theo thi pháp Anh-Mỹ-N.D.

- Memxahíp[1] đi săn, - gã bồi nói. - Buana cần gì ạ?

- Không cần gì cả.

Nàng đi giết tí thịt gà, vốn biết hắn rất thích theo đối thú săn, nàng đã đi thật xa để khỏi quấy rối cái khoanh đồng bằng nằm ngay trước mắt hắn. Cô ta bao giờ cũng lo xa, hắn nghĩ. Lo lắng đến bất cứ điều gì cô ta biết hoặc đã từng đọc được hay nghe thấy.

Khi hắn đến với nàng, đời hắn đã bỏ đi rồi, cái đó đâu phải lỗi tại nàng. Làm sao một người phụ nữ có thể biết được rằng những điều anh nói ra chẳng có gì là thực bụng; rằng anh nói chỉ do thói quen và chỉ cốt cho mình được thoải mái? Từ sau khi hắn thôi không chân thành nữa, những lời dối trá của hắn lại có tác dụng chinh phục phụ nữ hơn là hồi hắn nói thật với họ.

Kể ra bảo là hắn không có gì thật để mà nói, thì đúng hơn là hắn nói dối. Trước đó, hắn đã có một cuộc đời và cuộc đời ấy đã chấm dứt, thế rồi hắn lại tiếp tục sống trở lại cuộc đời ấy với những người khác, với nhiều tiền bạc hơn, với những gì hay ho, tốt đẹp nhất ở những chốn cũ và một số nơi mới nữa.

Ta tránh không suy tư và như thế thật là tuyệt. Bên trong ta là gang, là thép cứng rắn, nên ta thấy không suy sụp tan tành như số đông người khác, và ta tỏ thái độ bất cần cái công việc xưa nay ta vẫn làm, giờ đây khi ta không còn khả năng tiếp tục nữa. Nhưng trong thâm tâm,

---

1. Thổ ngữ Phi: bà. - N.D.

ta vẫn tự nhủ rằng rồi đây ta sẽ viết về những con người ấy, về những kẻ giàu sụ: rằng thực ra, ta không thuộc giới họ, mà chỉ là một tên gián điệp chui vào trong bọn họ; rằng ta sẽ từ bỏ cái thế giới ấy và sẽ viết về nó, và sẽ đến lúc cái đó được viết ra bởi một người thấu hiểu những gì mình viết. Nhưng mà hắn sẽ không bao giờ làm điều ấy, bởi vì mỗi một ngày không viết, mỗi một ngày sống đầy đủ tiện nghi, mỗi một ngày là cái đồ mà hắn khinh bỉ, cứ làm cùn khả năng của hắn và làm mềm những ý chí làm việc của hắn, đến nước là, cuối cùng, hắn chẳng làm gì hết. Những người hắn quen biết hiện nay đều cảm thấy thoải mái hơn nhiều khi hắn không làm việc. Châu Phi là nơi hắn từng thấy mình hạnh phúc nhất trong thời kỳ tốt đẹp của đời hắn, cho nên hắn đã đến đây để bắt đầu lại lần nữa. Họ đã tiến hành cuộc xafari[1] này với tiện nghi tối thiểu. Không gian khổ, thiếu thốn nhưng cũng chẳng chút xa hoa, và hắn đã nghĩ có thể dày dạn trở lại bằng cách ấy. Hắn đã nghĩ rằng, cách nào đó, hắn sẽ có thể khử đi lớp mỡ bao quanh tâm hồn hắn như kiểu một võ sĩ vào rừng làm việc, tập tành để làm tiêu mỡ khỏi cơ thể vậy.

Nàng đã lấy đó là thú vị. Nàng bảo nàng yêu thích cái đó. Nàng yêu thích bất cứ cái gì náo nức hồi hộp, kéo theo một thay đổi cảnh trí, ở đó có những bộ mặt mới và sự vật đều thú vị. Và hắn đã có cái ảo tưởng là ý chí làm việc đang hồi sức. Giờ đây, nếu cơ sự kết thúc như thế này, - và hắn biết rằng đúng là thế, - thì hắn cũng

---

1. Chuyến đi săn xa ở Châu Phi - N.D.

chả nên bắt chước con rắn ngoắt lại tự cắn mình vì nỗi lưng bị gẫy. Đâu phải lỗi tại người đàn bà này. Nếu không có cô ta thì cũng có một ả khác. Nếu hắn đã sống trong dối trá, thì cũng nên cố mà chết trong dối trá. Hắn nghe thấy một tiếng súng bên kia núi.

Nàng bắn rất cừ, cái cô ả tốt bụng ấy, cái con đĩ tĩ vàng ấy, người bảo vệ nhiệt thành mà cũng là kẻ hủy hoại tài năng của hắn. Tầm bậy: Chính hắn đã hủy hoại tài năng của mình. Tại sao hắn lại đổ tại cho người đàn bà này chỉ vì cô ta bao hắn chu tất? Hắn đã hủy hoại tài năng mình bằng cách không sử dụng đến nó, bằng những lần tự phản đối bản thân, phản bội những điều mình tin, bằng rượu chè vô độ đến nỗi cùn mòn cả cảm quan, bằng lười nhác, ẽo ọt, bằng mưu kế giảo hoạt. Gì vậy nhỉ? Một bản liệt kê các sách cũ chăng? Mà tài năng của hắn là gì mới được chứ? Thì đúng là hắn có tài thực, nhưng đáng lý sử dụng nó thì hắn lại đem buôn bán nó. Nó không khi nào thể hiện ra những gì hắn đã làm, mà bao giờ cũng ở những gì hắn có thể làm. Và hắn đã chọn cách kiếm sống bằng một cái gì khác, chứ không phải bằng ngòi bút. Cũng thật là kỳ lạ, ờ, đúng thế, mỗi lần hắn phải lòng một người đàn bà khác, thì bao giờ cũng vớ được một nàng lắm tiền nhiều của hơn nàng trước, cái đó chẳng kỳ lạ sao? Nhưng khi hắn thôi không yêu nữa, khi hắn thấy chỉ toàn nói dối, như đối với người đàn bà này, bây giờ đây, người giàu có nhất trong tất cả, người có tất cả tiền bạc trên thế gian, đã từng có chồng và mấy con, đã từng bồ bịch và không thỏa mãn với những người tình ấy, hiện nay hắn tha thiết như một nhà văn, như một đấng nam nhi, như một bạn đời và như một tài sản qúy

báu, phải, thật kỳ lạ là khi hắn chẳng yêu gì nàng và chi dối trá, thì hắn lại có thể làm cho nàng sung sướng, bõ với đồng tiền nàng bỏ ra, hơn là khi hắn yêu chân thành.

Tất cả chúng ta, ai làm công việc gì, ắt hẳn đã được phú bẩm từ lúc lọt lòng, hắn nghĩ. Anh kiếm sống như thế nào, thì tài năng của anh ở chỗ đó. Hắn đã suốt đời bán sinh lực dưới hình thức này hay hình thức khác, và chính khi không quá nặng tình nặng nghĩa, người ta lại cho đi những cái giá trị gấp bội số tiền bạc nhận được. Hắn đã khám phá ra điều đó, nhưng bây giờ cả cái đó, hắn cũng chả bao giờ viết ra nữa. Không, hắn sẽ không viết cái đó, mặc dầu nó rất đáng viết.

Kìa, nàng đã xuất hiện, nàng đang đi ngang qua bãi trống về phía cấm lều. Nàng mặc jodpua[1] và mang súng săn. Hai gã bồi khiêng một con linh dương tommi đi theo sau nàng. Cô ta còn đẹp, hắn nghĩ, và cô ta có một thân hình khả ái. Nàng có biệt tài trên giường và thích thi thố tài năng đó trên giường; nàng không xinh, nhưng hắn ưa bộ mặt nàng; nàng đọc rất nhiều, thích cưỡi ngựa, săn bắn, và rành là nàng uống rượu quá nhiều. Chồng nàng chết khi nàng còn là một thiếu phụ tương đối trẻ và trong một thời gian, nàng đã dốc hết mình vào hai đứa con vừa mới lớn (chúng chẳng những không cần đến nàng, mà còn thấy vướng víu khi có mẹ ở bên cạnh là đằng khác), vào chuồng ngựa của nàng, vào đọc sách, vào be lớn be nhỏ. Nàng thích đọc vào buổi tối trước bữa ăn và uống rượu xcôts pha xôđa trong khi đọc. Đến bữa khi nàng đã ngủ

---

1. Quần đi ngựa, chẽn ống từ đầu gối đến mắt cá. N.D.

ngà ngà và sau một chai vang trong khi ăn, nàng thường dủ say để sụp vào giấc ngủ.

Đó là trước thời kỳ bồ bịch. Sau khi đã có nhân tình nhân bánh, nàng không uống nhiều đến thế nữa, vì nàng khỏi cần say mới ngủ được. Song đám bồ bịch này làm nàng phát ngán. Nàng đã từng lấy một người đàn ông không bao giờ làm nàng ngán, mà cái đám này thì khiến nàng quá ớn.

Thế rồi một trong hai đứa con nàng chết trong một vụ máy bay rơi, và sau khi mọi việc đã kết thúc, nàng chẳng thiết bồ bịch nữa, và bởi rượu không đủ để gây tê, nàng buộc phải làm lại cuộc đời. Đùng cái, nàng bỗng sợ cảnh cô đơn, một nỗi sợ nhói buốt. Nàng muốn có ai đó bạn bầu, nhưng phải là người mà nàng kính trọng.

Mọi sự đã mở đầu rất đơn giản. Nàng thích những gì hắn viết và xưa nay nàng vẫn thèm muốn lối sống của hắn. Nàng ngỡ hắn làm đúng những điều hắn muốn. Những bước nàng tiến hành để chiếm được hắn và cái cách như thế nào mà rốt cuộc, nàng đâm yêu hắn, đều nằm trong một tiến trình quy củ mà qua đó nàng đã xây dựng cho mình một cuộc đời mới, và hắn đã bán chác nốt những gì còn sót lại từ cuộc đời cũ của hắn.

Hắn đã đánh đổi nó lấy an ninh, lấy tiện nghi nữa, cái đó là hiển nhiên không chối cãi được. Và lấy gì khác nữa? Hắn cũng không biết. Bất kỳ cái gì hắn muốn, nàng đều sẵn sàng mua cho hắn. Hắn biết vậy. Hơn nữa, nàng còn là một phụ nữ cực kỳ dễ thương. Hắn ưng ngủ với nàng như bất cứ ai; dễ thường là ưng hơn cả, vì nàng giàu, vì nàng rất dễ chịu, biết trân trọng và vì nàng không

bao giờ gây chuyện cãi cọ om xòm. Và giờ đây cuộc đời mà nàng đã ra công xây dựng lại này sắp đến chỗ kết thúc, chỉ vì cách đây hai tuần, hắn không chịu bôi i-ốt khi một cái gai cào xước đầu gối hắn trong lúc họ tiến lên định chụp ảnh một bày trâu nước đang đứng nghển đầu ngó nghiêng đồng thời hếch lỗ mũi đánh hơi, vểnh tai nghe ngóng, sẵn sàng lao vào rừng ngay từ tiếng động đầu tiên. Chúng đã vụt đi trước khi hắn kịp chụp.

Kìa, nàng đã đến.

Hắn xoay đầu trên giường nằm để nhìn về phía nàng "Chào", - hắn nói.

- Em bắn được một con linh dương đực, - nàng khoe với hắn. - Đem nấu xúp cho anh thì tuyệt. Và em sẽ sai nghiền với khoai tây ăn kèm món Klim. Anh thấy trong người thế nào?

- Đỡ nhiều.

- Tuyệt diệu! Anh biết đấy, em vẫn nghĩ là có lẽ anh sẽ đỡ mà. Lúc em đi thì anh đang ngủ.

- Anh đã ngủ một giấc ngon lành. Em đi có xa không?

- Không xa. Chỉ quành ra sau núi thôi. Em đã bắn con linh dương một phát ra bắn.

- Em bắn tuyệt vời, em biết đấy!

- Em mê bắn. Em mê châu Phi. Thật đấy. Nếu anh khỏe mạnh, thì đây là dịp vui thú nhất em từng được hưởng. Anh không biết là đi săn với anh thú vị nhường nào đâu. Em yêu cái xứ sở này.

- Anh cũng yêu nó.

- Anh yêu, anh không hình dung được là em cảm thấy tuyệt diệu nhường nào khi thấy anh đỡ đâu. Em không sao chịu đựng nổi khi anh bực bội như thế kia. Anh sẽ không nói với em như thế nữa chứ? Anh có hứa với em không?

- Không, - hắn nói. - Tôi không nhớ tôi đã nói những gì.

- Anh không nhất thiết phải hủy hoại em chứ, phải không anh? Em chỉ là một con đàn bà đúng tuổi yêu anh và muốn làm những gì anh muốn làm. Đời em đã bị hủy hoại hai, ba lần. Anh không muốn hủy hoại em lần nữa chứ?

- Tôi những muốn hủy hoại cô vài ba lần trên giường, - hắn nói.

- Ừ. Đó là một sự hủy hoại tốt. Trời sinh chúng ta là để được hủy hoại theo cách ấy. Ngày mai, máy bay tới đây.

- Làm sao em biết?

- Em chắc chắn thế. Nó nhất định phải tới. Bọn bồi đã chuẩn bị sẵn củi và cỏ khô để đốt làm hiệu. Hôm nay, em đã xuống kiểm tra lần nữa. Có khối chỗ để hạ cánh và chúng ta chuẩn bị dốt lửa ở cả hai đầu.

- Cái gì khiến em nghĩ rằng mai nó sẽ tới?

- Em chắc chắn là nó sẽ tới mà. Đáng lẽ nó đã phải ở đây rồi. Thế rồi, về thành phố, họ sẽ chữa lành chân anh và chúng mình sẽ tiến hành những cuộc hủy hoại tốt lành. Chứ đừng hủy hoại bằng cái kiểu nói năng dễ sợ nọ.

- Ta làm một ly chăng? Mặt trời lặn rồi.

- Anh thấy có nên không?

- Anh uống một ly.

- Chúng mình cùng uống mỗi đứa một ly. Môlô, letti dui whitskey - soda[1]! - nàng gọi.

- Em nên đi ùng chống muỗi vào, - hắn bảo nàng.

- Em đợi khi nào tắm xong mới đi.

Họ uống với nhau trong khi trời tối dần, và ngay trước lúc tối mịt, không còn đủ ánh sáng để bắn, thì một con linh cẩu đi ngang qua bãi trống trước khi quành ra sau núi.

- Cái con khốn kiếp này đêm nào cũng qua đó. - người đàn ông nói. - Hai tuần nay, đêm nào cũng thế.

- Chính nó là cái con vẫn làm ồn ban đêm. Nhưng em mặc kệ. Dù sao nó cũng là một giống vật ghê tởm.

Giờ đây cùng uống rượu với nàng, chẳng thấy đau đớn gì ngoài cái bất tiện là phải nằm trong một tư thế duy nhất, trong khi đám bồi nhóm một đống lửa, ánh bập bùng nhảy nhót trên các bạt lều, hắn có thể cảm thấy sự trở lại chấp nhận cuộc sống đầy khước từ êm ái này. Nàng rất tốt với hắn. Ban chiều, hắn đã tàn nhẫn và bất công với nàng. Quả là một phụ nữ cao đẹp, phải, thực sự là tuyệt diệu. Và đúng lúc ấy, hắn chợt nghĩ ra là mình sắp chết.

Ý nghĩ ấy ào ập tới, không phải như mưa trút, cũng chẳng như gió cuốn, mà xịch tới bất thần như một trống

---

(1). Bồi, mang uýtxki-xôđa lại đây. N.D.

rỗng tanh tưởi, và điều kỳ lạ là ở ngoài rìa lại thấy lấn quất bóng con linh cẩu.

- Gì thế, Hari? - nàng hỏi hắn.

- Chả có gì cả, - hắn nói. - Em nên chuyển sang mé bên kia thì hơn. Phía có gió ấy.

- Môlô đã thay băng chưa?

- Rồi. Anh chỉ cần bôi axitbôrich nữa thôi.

- Anh thấy trong người thế nào?

- Hơi choáng váng một tí.

- Em đi tắm đây, - nàng nói. - Em sẽ trở ra ngay, cùng ăn với anh rồi chúng mình sẽ dọn giường vào trong lều.

Thế đấy, hắn nghĩ thầm, chúng mình thôi cãi vã là tốt. Hắn chưa bao giờ cãi cọ nhiều với người đàn bà này, trong khi với những người phụ nữ hắn yêu thì hắn lại cãi cọ nhiều đến nỗi rốt cuộc bao giờ cũng vậy, với những eo xèo cãi vã gặm mòn, họ đã giết chết những gì họ từng có với nhau. Hắn đã yêu quá mãnh liệt, đòi hỏi quá nhiều và cuối cùng hắn đã làm mòn xác mòn xơ tất cả.

Hắn nhớ lại lần ấy hắn lủi thủi một mình ở Cônxtantinôp, hắn đã cãi nhau ở Pari trước khi ra đi. Hắn đã chơi đĩ suốt, rồi đến lúc tàn cuộc, thấy mình chẳng những không giết được nỗi cô đơn, mà còn làm cho nó tệ hơn, hắn bèn viết cho nàng, người tình đầu tiên, người đã bỏ hắn, một bức thư kể lể với nàng rằng hắn chẳng bao giờ đủ sức giết được nỗi cô đơn... Rằng có lần ngỡ trông thấy nàng trước cửa hiệu Rêjăngxơ, hắn đã thấy nôn nao trong người và suýt té xỉu như thế nào. Rằng thấy người

phụ nữ nào hao hao giống nàng là hắn theo liền, dọc suốt Đại lộ, sợ thấy ra rằng đó không phải là nàng và sợ mất mất cái cảm giác nó tạo cho hắn. Rằng tất cả những lần ngủ với ai khác chỉ làm cho hắn càng tiếc nhớ nàng thêm. Rằng những gì nàng đã làm chẳng mảy may hệ trọng, bởi lẽ hắn biết mình không thể nào khỏi được bệnh yêu nàng. Hắn viết lá thư đó tại Câu lạc bộ, hoàn toàn chay tịnh không uống một giọt và gửi qua bưu điện đến Niu Yoóc xin nàng viết cho hắn về địa chỉ văn phòng ở Pari. Như thế xem ra cũng đúng mức. Và đêm hôm ấy, nhớ nàng đến trống trếnh, nôn nao cả ruột gan, hắn lang thang qua hiệu Tắcxim, vớ được một cô gái và đưa cô ta đi ăn đêm. Sau đó, đến một tiệm nhảy cô ta nhảy tồi, và hắn bỏ cô ta để chuyển sang một ả người Ácmêni hừng hực nhục dục, ả cứ cọ bụng hoài vào người hắn đến mức hắn gần như bỏng rát lên. Hắn đã nẵng ả từ tay một gã pháo thủ quèn người Anh sau một trận ẩu đả. Tay pháo thủ yêu cầu hắn ra ngoài và họ đánh nhau trong bóng tối, trên lớp sỏi giữa phố. Hắn nện trúng gã kia hai lần vào quai hàm, mạnh ra dáng... và khi gã ta không ngã, thì hắn biết là phải quạng ra trò đây. Gã pháo thủ đánh trúng người hắn, rồi vào cạnh mắt. Hắn quai tay trái lần nữa, trúng, và gã pháo thủ ngã lên hắn, túm lấy áo véttông của hắn, xé đứt tay áo và hắn choảng hai cú vào sau tai gã, rồi vừa đẩy vừa thoi tay phải vào mặt gã. Khi gã pháo thủ đổ gục, đầu gã nện xuống trước, hắn kéo ả kia chạy vì nghe thấy tiếng quân cảnh tới. Họ nhảy vào một chiếc tắcxi và phóng ra Rimmili Hixa, dọc theo Bôxphorơtx, đi quanh quanh, và trở về trong đêm lành lạnh, lên giường ngủ và thân thể ả cũng chín nẫu như vẻ ngoài của ả... Hắn rời khỏi ả trước khi ả thức

giấc, coi bộ khá phờ phạc trong ánh ban mai, và xuất hiện ở nhà hàng Pera Pelix với một bên mắt tím bầm, áo véttông vắt trên cánh tay vì mất một ống.

Cũng đêm ấy, hắn đi Anatôlia và hắn nhớ lại là, về sau trong chuyến đi ấy, hắn đã phi ngựa suốt ngày qua những cánh đồng trồng cây thuốc phiện (rút cục, nó gây một cảm giác đến là kỳ cục, mọi khoảng cách đều như sai lạc đi), phóng miết tới chỗ đánh úp bọn sĩ quan mới chân trớt chân ráo từ Cônxtanlin đến, chả hiểu mô tê gì cả, và pháo binh đã nã vào đoàn quân, và tay quan sát người Anh đã khóc như con nít.

Ngày hôm ấy lần đầu tiên, hắn trông thấy những xác lính mặc váy balê màu trắng, đi giày mũi cong, có ngù ở trên. Bọn Thổ Nhĩ Kỳ cứ ùn ùn kéo đến. Hắn đã trông thấy những gã mặc váy chạy, và hắn với tay quan sát người Anh cũng chạy cho tới khi phổi hắn đau nhói và miệng đắng nghét như ngậm xu. Họ dừng lại sau mấy tảng đá và kia, bọn Thổ vẫn kéo đến đông nghìn nghịt như trước. Về sau, hắn đã thấy những điều hắn không bao giờ tưởng tượng nổi và về sau nữa, hắn còn chứng kiến những điều tệ hơn nhiều. Cho nên, khi trở về Pari lần ấy, hắn không bụng dạ nào nói chuyện về cái đó, thậm chí không chịu nổi khi nghe nhắc đến nó. Và kia, trong tiệm cà phê, khi hắn đi ngang qua, là cái anh chàng thi sĩ Mỹ với chồng đĩa để trước mặt, cái bộ mặt củ khoai mang một vẻ ngây ngô đần độn, đang nói chuyện về trào lưu Đađa với một người Rumani xưng tên là Trixtăng Zara[1]*, lúc nào cũng*

---

(1)Nhà thơ và nhà văn nổi tiếng gốc Rumani, quốc tịch Pháp (1896-1963), kiện tướng của phong trào Đađa.

đeo chiếc kính một mắt, lúc nào cũng đau đầu, và về tới phòng riêng với vợ mà bây giờ hắn lại yêu, tạnh hết cãi cọ tạnh hết điên khùng, sung sướng được trở lại tổ ấm, thì văn phòng đã chuyển thư từ giấy má về tận nhà. Thành thử, một buổi sáng, bức thư trả lời bức hắn viết hồi nọ được mang vào trên một cái khay và khi nhận ra nét chữ hắn lạnh toát cả người và toan nhét nó xuống dưới một cái thư khác. Nhưng vợ hắn đã hỏi: "Thư ai gửi thế mình?" và thế là kết thúc sự mở đầu của cái đó.

Hắn nhớ lại những giờ phút vui thú đã trải qua với tất cả những người đàn bà của hắn cùng những cuộc cãi lộn. Bao giờ họ cũng chọn những nơi thú vị nhất để gây sự cãi nhau. Và tại sao bao giờ họ cũng nhè những lúc hắn khinh khoái nhất để cãi nhau nhỉ? Hắn chưa bao giờ viết gì về cái đó, vì thoạt đầu, hắn không muốn làm người nào tổn thương và sau đó, xem chừng không cần cái đó cũng đủ đề tài để viết rồi. Song hắn luôn luôn nghĩ rằng, cuối cùng, hắn sẽ viết về nó. Có biết bao chuyện cần viết. Hắn đã chứng kiến thế giới đổi thay; không phải chỉ đơn thuần sự kiện; mặc dầu hắn đã thấy nhiều sự kiện và quan sát con người, song hắn còn thấy được sự biến đổi tinh tế hơn và hắn có thể nhớ lại những biểu hiện con người ở những thời kỳ khác nhau. Hắn đã ở trong cuộc, hắn đã theo dõi quan sát và bổn phận của hắn là phải viết về cái đó; nhưng giờ đây, hắn vĩnh viễn không làm được việc đó nữa rồi.

- Anh thấy trong người thế nào? - Nàng hỏi. Lúc này, nàng đã ra khỏi lều sau khi tắm xong.

- Tốt thôi.

- Bây giờ anh có thể ăn được không?

Hắn trông thấy Môlô mang chiếc bàn gấp đằng sau nàng, và gã bồi kia mang thức ăn tới.

- Anh muốn viết. - Hắn nói.

- Anh phải ăn tí xúp cho lại sức chứ.

- Anh sẽ chết đêm nay, - hắn nói. - Anh không cần lại sức.

- Đừng có lâm ly thế. Hary, em xin. - nàng nói.

- Mũi em để đâu nhỉ. Giờ đây anh đã bị thối hoại tới nửa đùi rồi. Anh ăn xúp làm cái cóc khô gì mới được chứ? Môlô, mang uýtxki -xôđa lại đây.

- Xin anh ăn xúp đi, - nàng dịu dàng nói.

- Thôi được.

Xúp nóng quá. Hắn phải cầm bát chờ cho đủ nguội để có thể húp được, và ngay cả bây giờ, hắn cũng phải cố mới nuốt trôi mà không nhổ ra.

- Em thật là một phụ nữ tuyệt vời, - hắn nói. - Đừng để ý đến anh.

Nàng nhìn hắn với bộ mặt nàng quen thuộc, xiết bao thân thương, được miêu tả trong *Đỉnh thúc ngựa* và *Thành thị và nông thôn*, có điều hơi tàn phai hơn vì rượu, có điều hơi tàn phai hơn vì chiếc giường ân ái, nhưng *Thành thị và nông thôn* không hề phô bộ ngực chắc mẩy kia, cặp đùi ân cần kia và đôi bàn tay nây nẩy ve vuốt kia, và trong khi hắn nhìn nàng mỉm cười, nụ cười khả ái quen thuộc của nàng, thì hắn lại cảm thấy cái chết tạt đến. Lần này thì không ào ào mà chỉ thoảng một hơi.

như một cơn gió làm ngọn nến chập chờn rồi lại bốc cao lên.

- Bảo chúng lát nữa mang màn của anh ra, mắc vào cây và khơi lửa to thêm. Đêm nay, anh không vào lều đâu. Chả việc gì phải di chuyển. Đêm sáng thế này chắc không mưa đâu.

Vậy ra người ta chết như thế đấy, thành những tiếng thì thào không nghe rõ. Ờ, sẽ chẳng có cái cọ gì nữa. Hắn có thể hứa vậy. Lẽ nào bây giờ hắn lại đi làm hỏng cái điều duy nhất hắn chưa từng kinh qua bao giờ? Hắn có thể làm hỏng. Mày đã làm hỏng đủ mọi thứ. Nhưng có lẽ lần này thì không.

- Em có ghi tốc ký được không?

- Em chưa bao giờ học, - nàng trả lời hắn.

- Thôi được, không sao.

Cố nhiên, chẳng còn thì giờ nữa, mặc dầu hắn có cảm giác như mọi sự dồn lại đến mức có thể thu gọn trong một đoạn văn ngắn, nếu biết cách.

Có một căn nhà gỗ, với những kẽ trát vữa trắng, trên một trái đồi ven hồ. Trên một cái cột cạnh cửa ra vào, có chuông để gọi mọi người về dùng sữa. Đằng sau nhà là những cánh đồng và đằng sau những cánh đồng là rừng cây to.

Một hàng bạch dương Lombácdi chạy từ nhà đến bến. Những cây dương khác viền quanh mỏm. Một con đường dẫn lên đồi, men theo bìa rừng và hắn thường hái quả mâm xôi dọc con đường ấy. Thế rồi căn nhà bằng gỗ thỏi ấy bị cháy trụi và tất cả những khẩu súng treo ở những

giá chân hươu phía trên lò sưởi trống đều cháy và sau đó, những nòng súng, với lớp chì chảy ra trong ổ đạn và báng cháy mất tiêu, nằm chỏng trơ trên đống tro dùng làm nước kiềm cho vào những nồi sắt to nấu xà phòng, và mình hỏi ông nội là có lấy những nòng ấy đem chơi được không, thì ông bảo không được. Mình biết đấy vẫn là những khẩu súng của ông và ông không bao giờ mua khẩu nào khác nữa. Ông cũng chẳng đi săn nữa. Bây giờ, căn nhà được xây dựng lại bằng gỗ xẻ, vẫn ở nguyên chỗ cũ, quét vôi trắng, và từ cổng nhà, có thể trông thấy rặng bạch dương và qua nữa là khu hồ, nhưng chẳng bao giờ còn có những cây súng nữa. Nòng những cây súng từng treo ở những chân hươu trên tường căn nhà bằng gỗ thỏi, nằm ngoài kia, trên đống tro và không ai đụng tới chúng.

Ở vùng Rừng Đen, sau chiến tranh, chúng tôi thuê một con suối cá hồi. Có hai lối đi tới đó. Một lối từ Tiribéc xuống thung lũng rồi theo đường thung dưới bóng của hàng cây chạy dọc con đường trắng, và tiếp đó, vào một con đường nhánh leo lên đồi, qua nhiều trại nhỏ với những ngôi nhà lớn của Schwarld [1] *cho đến chỗ con đường ấy vắt qua suối. Đó là chỗ chúng tôi bắt đầu câu cá.*

Đi lối kia thì phải leo dốc tới bìa rừng, rồi vượt đỉnh đồi qua những rừng thông, sau đó đâm ra ven một cánh đồng cỏ và đi ngang đồng cỏ ấy tới cầu. Dọc con suối có những cây bulô. Suối hẹp, không to, nhưng trong và chảy xiết, với những vũng lặng ở chỗ nước khoét vào dưới đám rễ bulô. Tại khách sạn ở Tiribéc, ông chủ được một mùa

---

1. Tiếng Đức: Rừng Đen. - N.D.

kinh doanh tốt đẹp. Thật là thú vị, và tất cả chúng tôi đều là bạn bè thân thiết. Năm sau, xảy ra nạn lạm phát, số tiền ông ta kiếm được năm trước không đủ mua trữ thực phẩm để mở khách sạn, và ông ta đã treo cổ tự vẫn.

Những điều ấy thì có thể đọc cho người khác ghi hộ song không thể làm thế với đoạn nói về Quảng trường Côngtroxcácpờ, ở đó những người bán hoa dem nhuộm hoà trên đường phố, thuốc nhuộm chảy lênh láng trên hè nơi các xe buýt khởi hành, và các ông bà già lúc nào cũng say rượu vang và rượu bã nho tồi; và lũ trẻ thò lò mũi xanh trong giá rét: mùi mồ hôi bẩn thỉu, mùi nghèo khổ và mùi say khướt ở quán Café des Amateurs[1] và những ả giang hồ ở tiệm Bal Musette[2] mà họ ở ngay tầng trên đó. Chị gác cổng tiếp đãi anh lính thuộc đội Vệ binh Cộng hòa trong phòng thường trực của mình, chiếc mũ sắt có chùm tua lông ngựa của anh chàng đặt trên ghế. Người phụ nữ ở thuê căn phòng trước mặt có chồng là một tay đua xe đạp và nỗi hân hoan của nàng buổi sáng hôm ấy tại cửa hàng đồ sữa khi giở tờ báo "L'Auto[3], thấy tin chồng về thứ ba trong cuộc đua Pari – Tua, cuộc đua lớn đầu tiên của anh ta. Nàng đỏ bừng mặt và cười vang, rồi vừa chạy lên gác vừa khóc, với tờ báo thể thao màu vàng trong tay. Tay chồng bà chủ tiệm Bal Mussette lái tắcxi và

---

1. Tiếng Pháp: tiệm cà phê của những người nghiệp dư. N.D.

2. Tiếng Pháp: vũ hội đồng quê. - N. D.

3. Tiếng Pháp: Xe hơi - một tờ báo thể thao của Pháp - N.D.

khi hắn, Hari đây, cần đáp một chuyến máy bay sớm, tay chồng ấy đến gõ cửa đánh thức hắn và họ uống mỗi người một cốc vang trắng tại quầy trước khi khởi hành. Hồi ấy, hắn quen biết những người hàng xóm trong khu phố đó, bởi vì tất cả đều cùng cảnh nghèo...

Ở quanh khu Quảng trường có hai loại người: cánh say rượu và cánh thể thao. Đám say rượu tìm cách giết cảnh nghèo của mình bằng hơi men; đám thể thao thì cố tống khứ nó bằng tập tành. Họ là con cháu những chiến sĩ Công xã Pari, và họ hiểu rõ chính kiến của mình không vất vả gì. Họ biết ai đã bắn cha chú, anh em, họ hàng và bạn bè của họ khi toán quân Vécxay vào chiếm thành phố sau thời kỳ Công xã và hành quyết bất cứ ai chúng bắt được mà có đôi tay sần chai, hoặc đội mũ cát két, hoặc mang bất kỳ dấu hiệu gì tố cáo nguồn gốc xuất thân công nhân của họ. Chính trong khung cảnh nghèo khổ ấy và trong cái khu bên phố trước cửa một hiệu bán thịt ngựa và một hợp tác xã rượu vang, hắn đã khởi bút mở đầu tất cả những gì hắn sẽ làm sau này. Chẳng có nơi nào khác ở Pari mà hắn yêu như thế, những cây tỏa lan man cành lá, những ngôi nhà cổ trát vữa trắng, mé dưới quét vôi nâu, cái dãy dài xe buýt màu xanh lục ở quảng trường trong đó, dòng đỏ tía thuốc nhuộm hoa chảy trên hè, quãng phố Giáo chủ Lơmoan đột ngột dốc tuột xuống tận bờ sông, và mạn kia là cái thế giới chật chội chen chúc của phố Muphơla. Con phố ngược lên về phía điện Păngtêông và con phố kia mà bao giờ hắn cũng rong ruổi qua bằng xe đạp, đường phố duy nhất được rải nhựa trong toàn khu, nhẵn thín dưới bánh xe, với những ngôi nhà cao hẹp và

cái khách sạn rẻ tiền, nơi Pôn Véclen[1] đã chết. Căn hộ họ ở chỉ có hai buồng, và hắn thuê một phòng ở tầng trên cùng của cái khách sạn ấy với giá sáu mươi phrăng một tháng làm chỗ viết lách, và từ chỗ đó hắn có thể nhìn ra các mái nhà, các ống khói và tất cả những điểm cao ở Pari.

Từ căn hộ, chỉ có thể nhìn thấy cửa hiệu của lão bán gỗ và than. Lão cũng bán cả rượu nữa, rượu tồi. Cái đầu ngựa óng vàng ngoài cửa hàng bán thịt ngựa, ở đó lủng lẳng những bộ xương ngựa vàng vàng đỏ đỏ giữa khung cửa sổ mở và cái hợp tác xã quét vôi màu xanh lá cây, nơi họ vẫn mua rượu vang; rượu vang ngon và rẻ. Còn lại tường trát vữa và cửa sổ của hàng xóm. Những người hàng xóm ấy, ban đêm, khi có kẻ say rượu nằm ềnh ra phố rên rẩm và rền rĩ theo cái kiểu "bét nhè"[2] điển hình Pháp mà người ta tuyên truyền là không có thật, thường mở cửa sổ ra ngó, và liền đó là tiếng xì xào bàn tán:

– Chà, cảnh sát đâu nhỉ? – Cái đồ chó chết, khi người ta không cần đến nó thì bao giờ nó cũng có mặt. – Hắn lại đang ngủ với một mụ gác cổng nào rồi! – Tìm "agent"[3] đến đây!

Cho đến khi có người nào đó hắt một xô nước từ một cửa sổ và tiếng rên ngừng bặt.

– Cái gì đấy? – Nước. – À, thông minh đấy.

---

1. Một trong những nhà thơ tiêu biểu của phái tượng trưng Pháp, thế kỷ XIX.- N.D.

2. Tiếng Pháp trong nguyên bản: ivresse. - N.D.

3. Tiếng Pháp: nhân viên cảnh sát. - N.D.

Và các cửa sổ đóng lại. Mari, người đàn bà giúp việc của hắn phản đối chế độ ngày làm tám tiếng: "Nếu anh chồng làm việc đến sáu giờ, trên đường về nhà, anh ta chỉ say tí ti thôi; và không vung phí quá nhiều tiền. Nếu anh ta chỉ làm đến năm giờ thì đêm nào anh ta cũng sẽ say mèm và nhà không có tiền. Chính vợ người công nhân chịu thiệt vì việc rút ngắn giờ làm việc".

- Anh có muốn húp thêm tí xúp nữa không? - Lúc này, người đàn bà hỏi hắn.

- Không, cảm ơn em. Xúp ngon lắm.

- Thử tí nữa thôi.

- Anh muốn uống một ly uýtxki-xôđa.

- Cái đó không tốt cho anh đâu.

- Phải. Nó có hại cho tôi. Nhạc và lời của Côn Poócto: Biết rằng anh đang phát điên vì tôi.

- Anh thừa biết rằng em thích anh uống rượu.

- À, phải. Có điều là nó có hại cho tôi.

Để cho cô ta đi khỏi đã, hắn nghĩ. Mình sẽ uống thỏa thích. Không phải là thỏa thích, mà là uống hết chỗ rượu hiện có ở đây. Ôi, hắn mệt. Qúa mệt. Hắn sẽ ngủ một lúc. Hắn nằm im và cái chết không thấy đến. Chắc nó đang đi tua ở một phố khác. Nó đi xe đạp thành từng cặp và di động lặng lẽ trên đường phố.

Không, hắn chưa bao giờ viết về Pari. Chưa bao giờ viết về cái phần Pari mà hắn yêu thương. Nhưng còn tất cả những cái khác mà hắn chưa viết thì sao?

Thế là cái trại nuôi súc vật và cái màu xám bạc của bụi cây xô thơm, dòng nước trong veo chảy siết trong những

con mương và màu xanh lục rậm rì của cỏ linh lăng thì sao? Con đường mòn leo lên đồi và trâu bò về mùa hè thì nhút nhát như hươu nai. Tiếng rống và tiếng rậm rịch liên tục đều đặn và vào mùa thu cả một khối từ từ di chuyển bụi mù lên khi người ta lùa chúng xuống. Và đằng sau rặng núi, ngọn cao nhất nổi bật lên sắc nét trong ánh chiều, và những phút ruổi ngựa xuôi theo con đường mòn đi xuống trong ánh trăng vằng vặc tràn ngập thung lũng. Giờ đây, hắn nhớ lại cái lần nắm đuôi ngựa xuyên qua rừng mò mẫm đi xuống trong bóng tối bưng mắt cùng tất cả những chuyện hắn định viết.

Còn cả câu chuyện về cái thằng nhỏ dở ngây dở dại mà bận ấy họ để lại coi trại, dặn không được cho ai lấy cỏ khô và cái lão già khốn kiếp ở Ngã Ba dạo xưa vẫn đánh đập thằng nhỏ, hồi nó còn làm cho lão, ghé vào xin ít thức ăn cho ngựa. Thằng nhỏ từ chối và lão già dọa đánh nó. Thằng nhỏ vớ lấy cây súng trên bếp và bắn lão khi lão định vào kho, và khi họ trở về trại thì lão đã chết được một tuần, cóng lạnh trong ràn, xác đã bị chó ăn mất một phần. Còn lại bao nhiêu, cậu đem bó chăn, chất lên một cái xe trượt, chằng dây thật chặt và bảo thằng nhỏ giúp cậu một tay kéo đi, rồi hai thầy trò cậu lướt ván trượt tuyết đưa xe ra đến đường cái đi tiếp sáu mươi dặm tới tận tỉnh để giao thằng nhỏ cho cảnh sát. Nó thì không ngờ mình sẽ bị bắt. Nó ngỡ mình đã làm tròn bổn phận và nó sẽ được thưởng cơ. Nó đã giúp một tay kéo xác lão già về tỉnh để mọi người thấy là lão xấu xa như thế nào, lão đã toan ăn cắp một số cỏ không phải của lão như thế nào, và khi tay quận trưởng cảnh sát còng tay thằng nhỏ, nó không thể tin đó là sự thật. Thế rồi nó òa khóc. Đó là

một câu chuyện hắn đã để dành định viết. Hắn biết chí ít là hai mươi câu chuyện lý thú ở vùng ấy hắn chưa hề viết một chuyện nào. Tại sao?

- Nào biết tại sao? - hắn nói.

- Tại sao cái gì, mình?

- Chả tại sao cái gì cả.

Từ khi có hắn, nàng không uống dữ như trước nữa, nhưng nếu hắn sống, hắn sẽ không bao giờ viết về nàng, bây giờ thì hắn biết chắc điều đó. Cũng chẳng viết về bất kỳ ai trong số các cô nàng, cái bọn giàu thật chán ngắt, và họ uống rượu quá uang, cờ bạc quá đáng. Họ vừa chán phèo vừa hay lặp đi lặp lại. Hắn nhớ đến anh chàng Julion tội nghiệp, cậu ta kính sợ họ một cách lãng mạn, có lần cậu ta đã khởi thảo một truyện ngắn, mở đầu như thế này: "Những người rất giàu có vốn khác anh, khác tôi". Và ai đó đã bảo Julion: Phải, vì họ có nhiều tiền hơn. Nhưng Julion không thấy đó là hài hước. Cậu ta nghĩ họ là một nòi giống đặc biệt, lộng lẫy, mê hồn và khi cậu ta thấy ra rằng họ không phải thế, cậu ta sụp xuống y hệt như khi gặp bất kỳ điều gì khác làm cậu ta sụp xuống.

Xưa nay hắn vẫn khinh những kẻ suy sụp. Đâu phải cứ hiểu rõ cái gì thì phải ưa thích cái ấy. Hắn có thể bất chấp tất, hắn nghĩ vậy, bởi vì không gì có thể làm hắn tổn thương, nếu hắn không thiết.

Được lắm. Giờ đây hắn sẽ dửng dưng với cái chết. Có một điều bao giờ hắn cũng khiếp hãi, đó là cái đau. Hắn có thể chịu đau như bất kỳ người đàn ông nào khác, miễn là đừng quá kéo dài và đừng làm hắn kiệt sức, nhưng ở đây, hắn bị một cái gì đó đã làm hắn đau, khủng khiếp

và đúng lúc hắn cảm thấy mình sắp quỵ thì cái đau bỗng dứt hẳn.

Hắn nhớ lại hồi đã lâu, khi Uyliơmxơn, sĩ quan giật bom, bị thương vì một quả lựu đạn chày do một tên trong một đội tuần tra Đức ném khi đêm hôm ấy cậu ta mò qua hàng rào dây thép gai, và cậu ta đã gào thét xin mọi người giết mình đi cho rồi. Đó là một gã béo rất dũng cảm, một sĩ quan tốt, mặc dầu nghiện những trò trưng trổ ngông nghênh. Nhưng đêm ấy, cậu ta bị kẹt trong hàng rào, dây thép gai, pháo sáng soi rõ mồn một, và ruột lòi ra lòng thòng vướng vào dây thép gai đến nỗi phải cắt rời ra mới mang được cậu ta sống sót trở về. Bắn tao đi. Hari! Lạy Chúa Jêxu, mày bắn tao đi cho rồi! Có một lần họ đã từng tranh luận về chuyện Thượng Đế không bao giờ giáng xuống chúng sinh cái gì mà con người không chịu nổi, và ai đó nêu ra cái thuyết là đến một lúc nào đó, cái đau sẽ tự khắc làm cho người ta ngoẻo. Nhưng hắn không bao giờ quên Uyliơmxơn cái đêm ấy. Không gì làm cho Uyliơmxơn tịch đi được, cuối cùng hắn đã phải cho cậu ta tất cả những viên moócphin hắn vẫn để dành riêng cho mình, và mặc dù vậy, vẫn không công hiệu ngay tức thì.

Tuy nhiên, cái mà hắn hiện đang phải chịu, vẫn rất nhẹ nhõm; và nếu nó cứ thế tiếp tục, không tệ hơn, thì chả việc gì mà lo. Có điều, hắn vẫn ưng có người tâm đắc hơn để bầu bạn.

Hắn ngẫm nghĩ một chút về tâm hồn bầu bạn mà hắn muốn có.

Không, hắn nghĩ, khi mà mọi điều mày làm, mày đều làm quá rề rà và quá muộn, thì mày đừng trông mong

gì mọi người. Mọi người đã đi cả rồi. Cuộc vui đã tàn và giờ đây chỉ còn có mày với nữ chủ nhân.

Mình đâm ớn luôn cả cái chết như ớn tất cả mọi thứ khác, hắn nghĩ.

- Thật phát ớn, - hắn nói ra thành tiếng.

- Ớn cái gì, mình?

- Bất cứ cái chết tiệt gì mà người ta làm bôi ra quá lâu.

Hắn nhìn bộ mặt nàng xen giữa hắn và đống lửa. Nàng ngả người trên ghế và ánh lửa soi tỏ những nếp nhăn dễ thương trên mặt nàng, và hắn thấy nàng đã buồn ngủ, hắn nghe thấy con linh cẩu lục xục ngay bên ngoài tầm chiếu sáng của đống lửa.

- Anh vừa viết, - hắn nói, - Nhưng thế mà hóa mệt.

- Liệu anh có thể ngủ được không?

- Chắc chắn được. Sao em không vào lều nằm?

- Em thích ngồi đây với anh.

- Em có cảm thấy gì lạ không? - hắn hỏi nàng.

- Không. Chỉ hơi buồn ngủ tí thôi.

- Anh thì có. - hắn nói.

Hắn vừa mới cảm thấy cái chết lại lướt qua lần nữa.

- Em biết đấy, cái duy nhất anh không bao giờ mất, là tính tò mò, - hắn nói với nàng.

- Anh chả bao giờ mất cái gì cả. Anh là người đàn ông hoàn hảo nhất em từng biết.

- Jêxu, - hắn nói. - Đàn bà chả biết gì mấy. Đó là cái gì nhỉ? Trực giác của em à?

Bởi vì đúng lúc ấy, cái chết đã đến dựa đầu lên chân giường, và hắn có thể ngửi thấy hơi thở của nó.

- Em đừng bao giờ tin những sự mường tượng ấy, nào lưỡi hái, nào đầu lâu, - hắn bảo nàng. - Nó cũng có thể là hai gã cảnh sát đi xe đạp hay một con chim. Hoặc giả nó có thể là một cái mõm bè bè như một con linh cẩu.

Giờ đây, nó đã tiến lên người hắn, nhưng nó không còn hình thù gì nữa, chỉ choán không gian mà thôi.

- Em bảo nó đi đi.

Nó không đi khỏi mà còn sáp lại gần hơn.

- Hơi thở mày gớm quá, - hắn bảo nó. - Đồ con hoang tanh hôi.

Nó nhích lại gần hắn hơn nữa, và bây giờ hắn không đủ sức nói với nó, và khi nó thấy hắn không thể nói được nữa, nó tiến sát hơn chút nữa, và lúc này hắn cố đuổi nó đi mà không phải lên tiếng, nhưng nó xấn lên người hắn đến độ toàn bộ sức nặng của nó đè lên ngực hắn, và trong khi nó ngồi thu lu đó khiến hắn không cựa quậy, nói năng gì được, hắn nghe thấy tiếng người đàn bà, "Buana ngủ rồi, nhấc giường lên thật nhẹ nhàng và khiêng vào trong lều".

Hắn không lên tiếng được để bảo nàng đuổi nó đi, và giờ đây, nó thu mình đè nặng hơn, khiến hắn không thở được. Thế rồi, khi họ nhấc bổng chiếc giường lên, mọi sự đột nhiên ổn định đâu vào đó và cái trọng lượng nọ biến khỏi ngực hắn.

Đó là buổi sáng, và sáng được một lúc thì hắn nghe thấy tiếng máy bay. Mới đầu hiện ra một chấm rất nhỏ rồi nó lượn một vòng rộng cả đám bồi chạy ra đốt lửa bằng dầu hỏa rồi chất cỏ khô lên thành hai đống to ở hai đầu bãi phẳng, gió sớm tạt khói về phía lều. Chiếc máy bay lượn hai vòng nữa, lần này thấp hơn, rồi là là xuống và hạ cánh êm ru, và khi lão Cômtơn quần thụng, áo vét tuýt, mũ phớt nâu, đang đi về phía hắn.

– Làm sao vậy, chú gà trống già. – Cômtơn nói.

– Chân tôi, – hắn đáp. – Ông dùng điểm tâm nhé?

– Cảm ơn. Tôi chỉ xin tí ti trà thôi. Đây là loại máy bay Pơx Môth, ông biết đấy. Tôi không thể chở cả Memxahip được. Chỉ có chỗ cho một người thôi. Xe căm nhông của ông bà đã lên đường.

Hêlen kéo Cômtơn ra một chỗ, nói riêng với ông ta. Cômtơn quay trở lại, vui vẻ hơn bao giờ hết.

– Chúng tôi sẽ đưa ông lên máy bay ngay lập tức, – ông ta nói. – Tôi sẽ quay lại đón Memxahip. Tôi e là phải ghé Arusa để nạp dầu. Tốt hơn là ta đi luôn thôi.

– Thế ông không dùng trà ư?

– Ông biết đấy, tôi cũng không mê trà lắm.

Đám bồi nhấc cái giường, khiêng đi vòng những lều bạt màu xanh lục, dọc theo vách đá xuống khoảng đồng bằng, qua chỗ những đống lửa lúc này đang cháy sáng rực, ngốn hết chỗ cỏ, được gió quạt bùng lên, tới chỗ máy bay. Đưa hắn lên được kể cũng khó khăn chật vật, nhưng khi đã vào được trong máy bay, hắn nằm ngủ trên chiếc ghế da, cái chân đau duỗi thẳng tựa vào một bên của chiếc

ghế Cômtơn ngồi. Cômtơn mở máy và vào khoang lái. Ông ta vẫy Hêlen và đám bồi, và khi tiếng đì đạch chuyển thành tiếng nổ giòn quen thuộc, chiếc máy bay quành góc (Cômtơn quan sát để tránh những hố do lợn rừng khoét), kêu ro ro, chồm chồm trên quãng mặt bằng giữa hai đống lửa, rồi sau cái xóc nẩy cuối cùng, bay lên khỏi mặt đất và hắn trông thấy cả bọn đứng ở dưới vẫy theo, cụm lều trại bên sườn núi lúc này bẹt xuống, cánh đồng bằng trải rộng, những lùm cây và khu rừng cũng bẹt xuống, với những dấu đường thú chạy nhẵn lì dẫn đến những hố nước đã cạn và lại thấy một điểm nước mới toanh mà hắn chưa từng biết đến. Lũ ngựa vằn, lúc này chỉ là những cái lưng tròn nhỏ, và những con linh dương đầu bò, giờ là những vật phình đầu, như đang leo lên, trong khi chúng di chuyển thành hàng dài qua cánh đồng bằng, thấy bóng máy bay lướt lướt tới, lại chạy tản ra, bây giờ chúng bé tí tẹo, di động đều, không phóng nhanh, và cánh đồng giờ đây xám vàng hút tầm mắt, còn ngay đằng trước là cái lưng của lão Cômtơn mặc áo vét tuýt và cái mũ phớt nâu. Thế rồi họ bay trên những ngọn núi với những quãng rừng đột ngột sâu thẳm màu xanh diệp và những dốc mọc đầy tre chắc khỏe, rồi lại rừng rậm nữa in bật nét điêu khắc chồi lên, lõm xuống cho đến khi họ vượt qua, và đồi núi thoải xuống thấp dần, rồi lại một dải đồng bằng giờ đây nóng thiêu và nâu tía, họ lắc lư vì nóng và Cômtơn ngoái lại xem hắn có chịu đựng tốt chặng đường bay hay không. Rồi lại thấy những ngọn núi khác đen sẫm trước mặt.

Thế rồi đáng lẽ tiếp tục bay đến Arusa thì họ lại rẽ trái, hắn nghĩ bụng hiển nhiên là họ có đủ xăng, và nhìn xuống, hắn thấy một đám mây hồng như bọt rày bay là là

mặt đất, và trên không tựa hồ tuyết đầu mùa trong một cơn bão lốc không biết từ đâu tới. Hắn biết là châu chấu đang từ phương Nam bay lên. Rồi họ bắt đầu vọt lên cao, hình như họ bay về phía đông, thế rồi trời tối sầm lại, và họ mắc vào một cơn dông, mưa dày đến nỗi tưởng như bay qua thác, thế rồi họ thoát ra và Cômtơn ngoảnh đầu lại, nhe răng cười, đưa tay chỉ và kia, ở đằng trước, tất cả những gì hắn nhìn thấy, rộng như cả thế gian, mênh mông, cao ngất và trắng xóa dưới ánh mặt trời, trắng đến độ không tin được, là cái chóp vuông của ngọn Kilimanjarô. Và hắn biết rằng đó chính là nơi hắn đang đi đến.

Đúng lúc ấy, con linh cẩu ngừng rền rĩ trong đêm và bắt đầu phát ra một âm thanh kỳ lạ gần như tiếng người khóc. Người đàn bà nghe thấy và cựa mình, không thoải mái. Nàng không thức giấc. Trong giấc mơ, nàng thấy mình đang ở ngôi nhà tại Long Ailen, và đó là đêm trước hôm con gái nàng ra mắt giới thượng lưu, không hiểu sao cha nó lại có mặt và ông ta rất thô bạo. Thế rồi tiếng con linh cẩu to đến độ làm nàng thức giấc và trong một lúc, nàng không biết mình đang ở đâu và nàng hốt hoảng. Rồi nàng cầm lấy đèn bấm rọi vào cái giường nhỏ kia mà đám người hầu đã khiêng vào lều sau khi Hari ngủ thiếp đi. Nàng nhìn thấy hắn nằm lù lù trong màn, nhưng không hiểu sao một chân lại tòi ra, thõng xuống lủng lẳng cạnh giường. Băng đã tuột hết và nàng không dám nhìn vào đó.

- Môlô. - nàng gọi. - Môlô! Môlô!

Rồi: "Hari. Hari!

Giọng nàng cất cao lên: "Hari! Em xin mình! Ôi Hari!"

Không thấy trả lời, nàng không nghe thấy hắn thở.

Bên ngoài, con linh cẩu vẫn phát ra cái tiếng kỳ lạ, đã làm nàng thức giấc. Nhưng nàng không nghe thấy vì tim nàng đang đập mạnh.

DƯƠNG TƯỜNG *dịch*.

Coiec Lăndơn
(Mỹ)

TRẬN QUYẾT ĐẤU

Chẳng ai biết lai lịch của anh ta. Những người trong Tổng bộ lại càng không biết. Đối với họ anh là một điều "bí mật nhỏ", là một "người yêu nước lớn". Và cũng như họ anh đã dốc sức ra làm việc cho Cách mạng Mêhicô. Điều này mãi về sau họ mới nhận ra được, vì lẽ chẳng ai trong Tổng bộ ưa thích anh. Cái ngày đầu tiên anh lọt vào văn phòng trong khi họ đang bận túi bụi với công việc, tất cả mọi người đều nghi anh là một tên gián điệp, một trong những công cụ mà cơ quan mật vụ của Diaz đã tung tiền ra mua chuộc. Biết bao nhiêu đồng chí đang bị giam giữ trong các nhà tù dân sự và quân sự trên khắp nước Mỹ; một số đồng chí khác, chân mang xích sắt, đang bị đưa qua bên kia biên giới để áp lưng vào tường xử bắn.

Thoạt mới nhìn anh chẳng ai có cảm tình cả. Anh nom như một chú bé, không quá mười tám tuổi, thân hình so với tuổi cũng chẳng to lớn gì. Anh tự xưng là Felipe Rivêra, và bày tỏ nguyện vọng làm việc cho cách mạng. Chỉ nói thế thôi, không phí thêm một lời, không giải thích thêm. Anh cứ đứng yên chờ đợi. Không một nụ cười trên môi, không một ánh mắt hiền hòa. Anh chàng Pôlinô Vêra

to béo, táo tợn, cảm thấy chòn chòn trong lòng. Ở đây có cái gì đáng sợ, kinh khủng, không lần mò nổi. Có cái gì độc địa, như một con rắn, trong cặp mắt đen của chú bé. Chúng rực lên như lửa ngấm, như mang theo một nỗi niềm chua chát sâu đậm, bao la. Anh đưa mắt vụt nhìn gương mặt của các đồng chí và nhìn chiếc máy đánh chữ mà bà Setbi nhỏ bé đang hì hục gõ. Đôi mắt anh dừng lại khi bắt gặp đôi mắt của bà, chỉ giây lát thôi. Bà tình cờ ngẩng lên: bà cảm thấy có một cái gì đó không biết gọi là gì khiến bà ngừng tay. Và bà buộc lòng phải đọc lại đoạn thư vừa đánh để lấy lại đà.

Pôlinô Vêra đưa mắt nhìn Arelanô và Ramôt để hỏi ý kiến, và họ cũng nhìn lại Vêra để thăm dò, rồi lại nhìn nhau. Trong ánh mắt họ phảng phất một nét do dự, ngờ vực. Chú bé mảnh khảnh này là một điều bí hiểm, không theo tất cả tính chất hãm dọa của điều bí hiểm. Không thể nhận ra là ai cả. Anh ta là một cái gì vượt ra khỏi khuôn khổ những nhà cách mạng bình thường, trung thực, những con người mà lòng căm thù mãnh liệt đối với Dia và sự tàn bạo của hắn, tựu trung chỉ là lòng căm thù của những người yêu nước bình thường và trung thực. Ở đây có cái gì khác hẳn, họ chẳng biết là cái gì. Nhưng rồi Vêra, vốn là người nhạy bén nhất, ứng phó nhanh nhất, đã phát hỏa.

- Được rồi, - giọng lạnh lùng anh ta nói, - cậu nói là cậu muốn làm việc cho cách mạng. Vậy cởi áo ngoài ra, treo ở trên kia. Tôi sẽ chỉ cho cậu, nào, chổi để xô và giẻ lau. Sàn nhà bẩn lắm. Cậu hãy cọ cho sạch, cọ cả sàn nhà các phòng khác luôn. Các ống phóng cũng cần cọ sạch. Rồi cọ cả các cửa sổ nữa.

- Như thế có phải là làm cho cách mạng không? Anh thanh niên hỏi.

- Dúng, như thế là làm cho cách mạng dó. - Vêra trả lời.

Rivêra đưa mắt ngờ vực nhìn mọi người, rồi bắt dầu cởi áo ngoài ra.

- Thế thì được. - Anh nói.

Không thêm gì nữa. Ngày này qua ngày khác anh dến làm việc, quét cọ, lau chùi. Anh dọn sạch tro ở bếp, mang than dến và nhóm lửa, dốt lò trước khi người tích cực nhất trong bọn họ dến bàn làm việc.

Một lần anh hỏi:

- Tôi ngủ ở dây có được không?

A ha! Đúng rồi! Tay chân của tên Diaz lộ nguyên hình! Ngủ ở trong phòng của Tổng bộ là dể nắm các bí mật, nắm danh sách, nắm dịa chỉ của các đồng chí ở trên dất Mêhicô. Họ bác ngay lời yêu cầu dó. Rivêra chẳng bao giờ nhắc lại. Anh ngủ ở dâu chẳng ai biết, ăn uống ở dâu, ra sao cũng chẳng ai biết. Có một lần Arelanô dưa cho anh hai dô-la. Rivêra lắc dầu từ chối. Khi Vêra xen vào và cố ép anh nhận, anh nói:

- Tôi làm việc cho cách mạng.

Muốn phát động một cuộc cách mạng hiện dại cần phải có tiền, và Tổng bộ luôn luôn bị thôi thúc về tiền. Anh chị em chịu dói, chịu khổ, và dối với họ chẳng có ngày nào là quá dài cả, ngay cả những ngày dài nhất. Thế mà có lúc hình như vận mệnh của cách mạng hoàn toàn phụ thuộc vào vài đồng dô la. Một lần, lần dầu tiên, khi

tiền thuê nhà chậm trả hai tháng và người chủ nhà dọa tịch biên tài sản, chính Felipe Rivêra, chú bé chùi sàn nhà mặc quần áo rách rưới, rẻ tiền, đã đặt sáu mươi đô-la bằng vàng trên bàn giấy của Mây Setbi. Và nhiều lần khác nữa. Ba trăm bức thư do những chiếc máy chữ bận rộn đánh ra. (những lời kêu gọi giúp đỡ, kêu gọi các tổ chức công đoàn chuẩn y; yêu cầu thanh toán các tin tức cho các biên tập viên các báo, phản đối cách đối xử vũ đoán của các tòa án Mỹ đối với những người cách mạng) vẫn nằm đấy chưa gửi đi, còn đợi dán tem. Chiếc đồng hồ của Vêra đã biến mất - chiếc đồng hồ vàng cổ lỗ sĩ của bố anh trước kia. Cũng theo con đường đó chiếc nhẫn vàng không chạm trổ đã rời khỏi ngón tay giữa của Mây Setbi. Tình hình tuyệt vọng. Ramôt và Arêlanô chán nản vuốt bộ ria dài. Thư phải gửi đi, mà bưu điện thì không bán chịu tem. Thế là Rivêra lại đội mũ ra đi. Lúc về, anh đặt một nghìn chiếc tem hai xu trên bàn giấy của Mây Setbi.

- Chẳng hiểu đây có phải là thứ tiền vàng khốn kiếp của Diaz không? - Vêra bảo các đồng chí.

Họ rướn lông mày, phân vân hết sức. Và cứ thế mỗi khi có dịp Felipe Rivêra, chú bé cọ sàn nhà vì cách mạng, lại tiếp tục đặt vàng và bạc trên bàn giấy cho Tổng bộ dùng.

Ấy thế mà họ vẫn không tài nào mến nổi anh ta. Họ không hiểu biết anh. Phong cách của anh không giống họ tí nào. Anh không làm cho người ta tin cậy được. Anh gạt phăng mọi thử thách. Anh còn trẻ thật, nhưng chẳng ai dám lên tiếng chất vấn anh.

- Đây là một tâm hồn vĩ đại, cô đơn, có lẽ thế, tôi không rõ, tôi không rõ nữa. - Arêlanô nói một cách vô vọng.

- Hắn ta không có tính người. - Ramôt nói.

- Tâm hồn hắn đã chai sạn rồi. - Mây Setbi nói. - Tính vui tươi và tiếng cười đã bị lửa đốt ra khỏi con người hắn rồi. Hắn giống như một người chết, ấy thế nhưng hắn vẫn sống trơ ra đấy.

- Hắn từ địa ngục trở về. - Vêra nói. - Không một người nào giống như thế mà lại chưa sống qua cảnh địa ngục, vậy mà hắn chỉ là một chú bé thôi đấy.

Tuy thế chẳng ai có thể thích anh được. Anh chẳng bao giờ trò chuyện, chẳng bao giờ hỏi han, chẳng bao giờ đề nghị. Anh chỉ đứng yên nghe, không để lộ một cảm xúc nào; anh là vật chết, trừ đôi mắt đang rực cháy, khi những đồng chí trong Tổng bộ say sưa bàn về cách mạng. Đôi mắt anh quay nhìn khắp lượt, hết gương mặt này đến gương mặt khác, hết diễn giả này đến diễn giả khác. Đôi mắt sắc như khoan vào băng đá, khiến cho người ta khó chịu và lo ngại.

- Hắn không phải là gián điệp đâu. - Vêra tâm sự với Mây Setbi. - hắn là một người yêu nước. Tôi cam đoan như thế, người yêu nước vĩ đại nhất trong tất cả chúng ta. Tôi biết rõ điều đó. Tôi cảm thấy như thế; trong tim tôi và trong óc tôi tôi cảm thấy như thế. Còn hắn ta thì tôi chẳng biết tí nào cả.

- Hắn tính rất cục. - Mây Setbi nói.

- Tôi biết. - Vêra nói, khẽ rùng mình. - Hắn đã nhìn tôi bằng đôi mắt của hắn. Đôi mắt không yêu thương. Đôi mắt hăm dọa. Đôi mắt man rợ như mắt hổ. Tôi biết rõ rằng nếu tôi tỏ ra không trung thành với sự nghiệp cách mạng, thì hắn sẽ giết tôi. Hắn không có tim. Hắn vô tình như sắt thép, sắc lạnh như sương giá. Hắn tựa như ánh trăng một đêm đông khiến con người chết cóng trên đỉnh núi cô quạnh. Tôi không sợ Diaz và bọn sát nhân của hắn. Nhưng chú bé này thì tôi sợ. Tôi nói thật, tôi sợ lắm. Hắn như hơi thở của Thần chết.

Song chính Vêra đã thuyết phục các đồng chí khác lần đầu tiên giao công tác cho Rivêra. Tuyến giao thông giữa Lotx Angioletx và Nam Califoocnia bị cắt đứt. Ba đồng chí đã tự đào lấy huyệt cho mình và bị bắn chết. Hai đồng chí nữa bị cầm tù tại Lôtx Angioletx, ở Mỹ. Tên tư lệnh liên bang, Giuan Anvaradô, là một tên hung bạo. Hắn đã phá mọi kế hoạch của họ. Họ chẳng còn liên hệ được với những người hoạt động tích cực và những người mới tham gia cách mạng ở Nam Califoocnia nữa.

Rivêra nhận chỉ thị và đi xuống phương Nam. Khi anh trở về, tuyến giao thông đã được lập lại và Giuan Anvaradô đã chết. Người ta tìm thấy hắn ở giường ngủ, một con dao đâm vào ngực, ngập tận chuôi. Điều này vượt quá những chỉ thị mà Rivêra nhận được, nhưng các đồng chí trong Tổng bộ biết rõ thời gian hoạt động của anh. Họ không hỏi anh. Anh chẳng nói gì cả. Song họ nhìn nhau và phỏng đoán.

- Tôi đã bảo mà, - Vêra nói, - Điaz sợ anh chàng này hơn sợ bất cứ ai. Anh ta là người không lay chuyển nổi. Anh ta là bàn tay của Thượng đế.

Cái tính cục mà Mây Setbi nói đến, mà mọi người đều cảm thấy, đã được chứng minh bằng những bằng chứng thể chất. Khi thì anh có một cái môi rách, một cái má bầm tím, khi thì tai bị sưng vù. Rõ ràng là anh chàng đã xô xát, ở nơi nào đó trong cái thế giới anh ăn, ngủ, kiếm ra tiền, và hoạt động theo cái kiểu mà mọi người đều không hay biết. Qua một thời gian anh lại đến để xếp chữ cho tờ báo cách mạng nhỏ xuất bản hàng tuần. Có những lúc anh không tài nào xếp chữ được, vì các khớp ngón tay đều xây xát, các ngón cái bị thương và tê dại; một cánh tay rã rời buông thõng bên sườn, còn gương mặt thì nhếch nhác vì quá đau.

- Một tên lưu manh. - Arêlanô nói.

- Một tên du đãng, - Ramôt nói.

- Thế hắn lấy tiền ở đâu ra? - Vêra hỏi, - đến hôm nay, vừa ban nãy, tôi mới biết là hắn đã thanh toán cái khoản tiền mua giấy trắng: một trăm bốn mươi đô-la.

- Hắn đã kiếm được trong thời gian vắng mặt, - Mây Setbi nói, - hắn chẳng bao giờ thích tại sao mình vắng mặt.

- Ta phải cử một người theo dõi hắn, - Ramôt kiến nghị.

- Tôi chẳng thiết theo dõi hắn, - Vêra nói, - tôi e rằng các anh sẽ không bao giờ lại trông thấy mặt tôi, trừ phi mai táng tôi. Hắn là một con người cuồng nhiệt khủng khiếp. Ngay cả Thượng đế, hắn cũng không cho phép can thiệp vào cái nhiệt tâm của hắn.

- Tôi cảm thấy mình như là một chú bé trước mặt hắn. - Ramôt thú nhận.

- Đối với tôi hắn là uy lực, hắn là con sói nguyên sơ, con sói dã man, con rắn đuôi kêu, con rết độc. - Arênalô nói.

- Hắn ta là hóa thân của cách mạng, - Vêra nói. - Hắn là ngọn lửa, là tinh thần cách mạng, là lời kêu gọi báo thù không bao giờ thỏa mãn, không rầm rộ mà giết ngấm ngầm. Đó là thiên thần mang sức tàn phá đi lại suốt canh trường của đêm đen quạnh quẽ.

- Tôi chỉ muốn khóc cho cảnh ngộ anh ta, - Mây Setbi nói. - Anh ta chẳng quen biết ai cả. Anh ta căm ghét mọi người. Chúng ta thì anh ấy khoan dung... vì chúng ta hợp với ý muốn của anh ấy. Anh ta sống một mình... cô đơn. - Giọng của bà như sắp nấc lên và mắt bà nhòa lệ.

Phong cách và hành vi của anh quả là khó hiểu. Có những thời kỳ suốt một tuần lễ chẳng ai trông thấy anh. Có lần anh đi vắng cả tháng. Những dịp như thế lại nổi bật lên khi anh trở về, không nói không rằng đặt lên bàn giấy của Mây Setbi những đồng vàng. Rồi anh trở lại sống bao nhiêu ngày, bao nhiêu tuần với các đồng chí trong Tổng bộ. Rồi lại biến mất, suốt ngày, từ sáng tinh mơ đến tối mịt. Có khi anh đến sớm và ở lại muộn. Arêlanô nhìn thấy anh vào lúc nửa đêm đang xếp chữ với những khớp ngón tay vừa mới sưng vù; hoặc giả đôi môi của anh vừa bị rách còn rớm máu.

II

Thời kỳ khủng hoảng đến gần. Muốn thế nào thì muốn, cách mạng vẫn phụ thuộc vào Tổng bộ, mà Tổng

bộ thì bấn vô cùng. Chưa bao giờ cần đến tiền như lúc này, mà tiền thì lại khó kiếm hơn. Những người yêu nước đã dốc đến đồng xu cuối cùng rồi, chẳng đóng góp thêm được nữa. Nông dân chạy trốn từ Mêhicô đang quyên góp một nửa số tiền công ít ỏi của họ. Nhưng phải cần nhiều tiền hơn thế. Công sức của những tháng năm đau lòng, hoạt động trong bóng tối sắp đến ngày đơm hoa kết quả. Thời cơ đã chín muồi. Vận mệnh của cách mạng như nằm trên cán cân. Đẩy thêm một cái nữa, một nỗ lực cuối cùng, là cách mạng sẽ rung chuyển khắp cán cân và dẫn đến toàn thắng. Họ hiểu Mêhicô của họ lắm. Một khi đã được phát động thì cách mạng cứ thế mà xốc tới. Toàn thể bộ máy của Điaz sẽ sập xuống như một ngôi nhà dựng bằng quân bài tây. Biên giới sẵn sàng nổi dậy. Một người Giăngki, với một trăm đoàn viên I.W.W. đang đợi lệnh để vượt biên giới và bắt đầu đánh chiếm Nam Califoocnia. Nhưng anh ta cần súng. Và dọc theo biên giới suốt tận Đại-Tây-Dương, Tổng bộ liên hệ với tất cả bọn họ và cả bọn họ đều cần súng, họ là những kẻ phiêu lưu, lính thuê, cướp đường, những đoàn viên công đoàn Mỹ bất mãn, những tổng đồ xã hội, những kẻ vô chính phủ, những tay thô bạo, những người Mêhicô lưu vong, những nông nô vừa thoát vòng nô lệ, những thợ mỏ bị đánh đuổi khỏi các trại giam của Cơ Dalen và Côlôradô chỉ muốn chiến đấu quyết liệt hơn nữa để phục thù, tất cả những hạng người cùng cực phản loạn điên cuồng của cái thế giới hiện đại vô cùng phức tạp. Và mãi mãi vẫn là tiếng gào không dứt: súng và đạn, đạn và súng.

Tung cái khối người ô hợp, khuynh gia bại sản nung nấu chí phục thù này qua bên kia biên giới là cách mạng sẽ thẳng đường xốc tới. Trạm hải quan, các cảng khẩu ở

phương bắc sẽ bị đánh chiếm, Điaz không tài nào chống nổi. Hắn không dám tung đại quân ra chống lại họ, vì hắn phải giữ cho được miền Nam. Và ngọn lửa sẽ tràn qua miền Nam, bất chấp. Dân chúng sẽ vùng lên. Các tuyến phòng ngự sẽ sụp đổ ở hết đô thị này đến đô thị khác, hết bang này đến bang khác sẽ rung động. Và cuối cùng, từ mọi phía, những đạo quân chiến thắng của cách mạng sẽ siết chặt vòng vây quanh thủ đô Mêhicô, dinh lũy cuối cùng của Điaz.

Nhưng còn tiền? Họ có bao nhiêu người nóng lòng hành động, phải sử dụng súng đạn. Họ biết những lái buôn sẵn sàng bán và giao súng ống. Song nuôi dưỡng cách mạng cho đến hôm nay đã làm Tổng bộ kiệt lực rồi. Họ đã tiêu đến đồng đô-la cuối cùng, họ đã vét cạn nguồn của cải cuối cùng, người yêu nước đói khổ cuối cùng; và sự nghiệp vĩ đại đang còn bấp bênh trên cán cân. Súng và đạn! Các tiểu đoàn xơ xác phải được vũ trang. Nhưng bằng cách nào? Ramôt? Ramôt ca thán về những tài sản bị tịch biên của mình. Arêlanô than khóc về chuyện ăn chơi phung phí thời niên thiếu. Mây Setbi nghĩ rằng giá trước kia anh em trong Tổng bộ chi tiêu dè xẻn hơn thì mọi việc sẽ khác hẳn.

- Nền tự do của Mêhicô đứng vững hay sụp đổ chỉ vì mấy nghìn đô-la vớ vẩn, nghĩ có ức không chứ! - Pôlônô Vêra nói.

Tuyệt vọng hiện lên nét mặt mọi người. Giôxê Amarilô, niềm hi vọng cuối cùng của họ, một người mới giác ngộ đã hứa sẽ giúp tiền, vừa bị bắt ở đồn điền ông Chihoahoa và bị bắn chết ở vách chuồng ngựa. Tin này vừa nhận được.

Rivêra, đang quỳ gối cọ sàn nhà, bỗng ngừng tay ngẩng lên nhìn; hai cánh tay anh nhớp nháp nước xà phòng bẩn thỉu.

- Liệu năm nghìn có đủ không? - Anh hỏi. Họ nhìn nhau kinh ngạc. Vêra gật đầu và nuốt nước bọt. Anh không nói ra lời, nhưng trong lòng bỗng tràn ngập một niềm tin rộng lớn, bao la.

- Đặt mua súng đi, - Rivêra nói. Và tiếp đó lần đầu tiên họ nghe anh nói thao thao, trước giờ anh chưa hề nói dài như thế. Anh nói:

- Chẳng còn bao nhiêu thời giờ. Ba tuần nữa tôi sẽ mang về năm nghìn. Được rồi. Thời tiết sẽ ấm hơn đối với những ai đang chiến đấu. Và đây cũng là điều tốt nhất tôi có thể làm được.

Vêra đấu tranh với niềm tin của mình. Không thể tin được. Bao nhiêu hi vọng tốt đẹp đã bị tan thành mây khói kể từ ngày anh bước vào cái trò chơi cách mạng này. Anh tin ở anh chàng cọ sàn nhà rách mướp này, nhưng lại không dám tin.

- Cậu điên rồi, - anh nói.

- Trong vòng ba tuần lễ, - Rivêra nói. - Đặt mua súng đi.

Anh đứng lên, bỏ tay áo xuống, mặc áo ngoài vào. anh nói, - Đặt mua súng đi. Tôi đi đây.

III

Sau những giờ tất tưởi ngược xuôi, gọi điện thoại và mắng mỏ ầm ĩ, họ triệu tập một cuộc họp tối ở văn

phòng Kêli. Kêli được cử lo liệu công việc. Y cũng thế, chẳng may mắn gì. Y đã đưa Đani Ước từ Niuooc đến, tổ chức cuộc đấu giữa hắn với Bili Cathi. Ngày đầu định vào ba tuần. Và đã hai ngày rồi, được giấu kỹ để các nhà báo viết về thể thao khỏi biết, Cathi đang nằm trên giường, bị thương nặng. Chẳng có ai để thay thế hắn. Cho đến nay Kêli vẫn liên lạc chặt chẽ bằng điện tín với các võ sĩ hạng nhẹ ở miền Đông, nhưng họ đều bị ràng buộc bởi những cuộc hẹn hò và hợp đồng cả. Và giờ đây lại chớm lên một tia hi vọng, tuy rất mong manh.

- Cậu làm quái gì mà rối rít lên thế, - Kêli liếc nhìn Rivêra và nói như thế khi hai người gặp nhau.

Trong mắt của Rivêra thoáng hiện nét căm thù sâu sắc, nhưng gương mặt anh vẫn bình thản.

- Tôi có thể hạ Ước. - Anh chỉ nói có thế thôi.

- Sao cậu quả quyết thế? Đã trông thấy hắn đấu chưa?

Rivêra lắc đầu.

- Hắn chỉ dùng một tay và bịt hai mắt cũng hạ được cậu.

Rivêra nhún vai.

- Cậu có muốn nói gì nữa không? - Lão bầu gắt lên.

- Tôi có thể hạ hắn.

- Thế cậu đánh với ai rồi nào? - Maicơn Kêli hỏi gặng. Maicơn là em trai lão bầu, và là chủ sòng bạc Đêlôxtôn; nơi hắn kiếm được khối tiền về đánh cá quyền Anh.

Rivêra nhìn hắn chòng chọc, không đáp.

Viên thư ký của lão bầu, một gã thanh niên diện rất sang, cười khẩy.

- Được, cậu đã biết Rôbơt. - Kêli phá tan cái im lặng căng thẳng. - Y sẽ có mặt ở đây. Tớ đã cho gọi y đến. Cậu hãy ngồi xuống đợi ở đây. Nom dáng cậu thì chắc chẳng ăn thua gì đâu. Tớ không thể làm cho công chúng la ó lên vì một trận đấu tồi được. Cậu nên nhớ rằng ghế sát "rinh"[1] đến mười lăm đô-la một vé đấy.

Khi Rôbơt đến, rõ ràng là hắn khá say. Người hắn cao dong dỏng. Hắn đi đứng cũng như nói năng chậm rãi, lề mề. Kêli đi ngay vào vấn đề.

- Này, Rôbơt, cậu khoe là đã phát hiện chú bé Mêhicô này. Cậu biết Cathi bị gãy tay rồi. Thế này nhé, chú bé này hôm nay cả gan nhảy vào đây bảo rằng có thể thay thế Cathi. Cậu nghĩ sao?

- Thế thì tốt lắm, Kêli ạ. - Rôbơt chậm rãi trả lời... Hắn chơi được đấy.

- Cậu lại định nói tiếp là hắn có thể hạ Ươc chứ gì? - Kêli gắt lên.

Rôbơt dẫn do suy nghĩ.

- Không. Mình chẳng nói thế đâu. Ươc là số dách, là vua vũ đài. Nhưng hắn không thể khử Rivêra chóng vánh được đâu. Mình biết rõ Rivêra. Chẳng ai kích động hắn được. Mình chẳng bao giờ thấy hắn mất bình tĩnh.

---

(1) Vòng dây quanh võ đài.

Hắn đấm cả hai tay. Ở tư thế nào hắn cũng có thể cho cậu đo ván được.

- Điều ấy không quan hệ. Liệu hắn sẽ đấm đá ra sao? Suốt đời cậu, cậu đã từng luyện tập cho các đấu thủ. Mình rất coi trọng nhận định của cậu. Liệu hắn có làm cho công chúng khỏi phí tiền đến xem không?

- Chắc chắn là được. Mình còn cho là hắn sẽ làm cho Ước vất vả nữa là đằng khác. Cậu chưa biết hắn đấy thôi. Mình thì mình biết rõ. Mình phát hiện ra hắn. Hắn bình tĩnh vô cùng. Hắn là một thứ ma quái. Hắn đúng là quỷ Xa tăng. Hắn sẽ làm cho Ước giật mình với cái tài năng tinh lẻ của hắn, và sẽ làm cho các cậu phải giật mình. Mình không nói là hắn sẽ hạ Ước đâu. Nhưng hắn sẽ đấm ra trò để cho các cậu biết hắn là một ngôi sao mới xuất hiện.

- Được rồi. - Kêli quay lại phía viên thư ký. - Gọi điện thoại cho Ước đi. Tôi sẽ báo cho hắn đến ngay nếu tôi thấy là bõ công. Bây giờ hắn đang ở Dêlôxtôn, đang khoa râu múa mép ở đó. Kêli quay lại phía huấn luyện viên hỏi: - Làm một cốc chứ?

Rôbơt nhấp cốc rượu mạnh và thổ lộ tâm tình:

- Mình chưa hề kể cho các cậu mình đã phát hiện chú nhóc đó như thế nào. Cách đây hai năm hắn đến ở chỗ sân tập. Mình đang chuẩn bị cho Prâynơ đấu với Đilanây. Prâynơ độc lắm. Hắn chẳng mảy may thương xót ai khi hắn tập. Hắn quai rất ác, nên mình chẳng tìm được chú bé nào dám tập với hắn. Mình nhận thấy chú bé Mêhicô chết đói này lảng vảng ở đấy và mình thì đang tuyệt vô hi vọng. Thế là mình vớ ngay lấy cu cậu, ấn găng

vào tay và đẩy cu cậu vào. Hắn dai hơn da chưa thuộc, nhưng yếu sức. Hơn nữa hồi đó hắn chẳng biết tí gì về quyền Anh. Prâynơ đập hắn như giã giò. Song hắn cầm cự được hai hiệp, sau khi bị đánh tơi bời hắn ngất đi. Đói, chỉ có thế thôi. Bị đánh tơi bời? Đúng thế thật, chẳng thể nào nhận ra hắn được. Mình cho hắn nửa đô-la và một bữa ăn ra trò. Các cậu phải xem hắn lao bổ vào bữa ăn đó như thế nào. Đã hai ngày hắn chẳng có miếng nào vào bụng. Thôi, hắn thế là xong, mình nghĩ bụng. Nhưng không, hôm sau hắn lại mò đến, đau ê chề, sẵn sàng nhận nửa đô-la và một bữa ăn ngon. Và cứ thế hắn đấm mỗi ngày một khá hơn. Đúng là trời sinh hắn để đấm đá, dại không chịu được. Hắn chẳng biết xúc cảm gì. Như là một cục nước đá. Và từ ngày mình biết hắn, hắn chẳng bao giờ nói một lúc được quá mười từ. Hắn cứ làm lì, cặm cụi làm thôi.

- Tôi trông thấy hắn rồi, - viên thư ký nói. - Hắn giúp ông được khối việc.

- Tất cả các tay võ sĩ lớn nhỏ đều thử sức với hắn. - Rôbơt trả lời. - Và hắn học ở họ. Mình đã thấy hắn hạ một vài tay. Nhưng hắn chẳng say mê gì. Mình đoán là hắn chả thích gì cái trò này. Hình như hắn phải làm như thế.

- Mấy tháng nay hắn đấu với một số ở các câu lạc bộ nhỏ. - Kêli nói.

- Đúng. Mình chẳng rõ cái gì xui khiến hắn như thế. Đùng một cái hắn bỗng đam mê cái trò đấm đá. Hắn hiện ra như lưỡi tầm sét và quét sạch các anh chàng võ sĩ nhỏ ở địa phương. Hình như hắn cần tiền, và hắn cũng

kiếm được chút ít, tuy cứ nom quần áo hắn thì hình như chẳng có gì. Hắn đặc biệt lắm. Chẳng ai biết hắn làm nghề ngỗng gì. Chẳng ai biết cả ngày hắn làm gì. Ngay cả khi hắn làm việc hắn cũng chẳng nói năng gì, và cứ xong việc là hắn biến mất, hôm nào cũng thế. Thỉnh thoảng hắn đi biến mấy tuần liền. Nhưng hắn chẳng nghe ý kiến ai cả. Tay nào mà nắm được hắn thì cũng vớ bở đấy, có điều là hắn không chịu nghe. Và sau khi ngã giá xong xuôi các cậu sẽ thấy hắn cứ khăng khăng đòi tiền mặt.

Đúng vào lúc đó Đani Ước đến. Thật như là một đám rước. Lão bầu và huấn luyện viên của hắn đi cùng hắn. Hắn mang đến một làn gió ấm áp, hiền hòa, và thu hút mọi người. Chào chào hỏi hỏi, pha trò chỗ này, đối đáp chỗ kia, cười với mọi người. Cái kiểu của hắn là thế, và chỉ một phần chân thật thôi. Hắn là một diễn viên cừ, và đã thấy được rằng hòa khí là cái vốn quý nhất để tiến thủ trên đời. Nhưng bên trong, hắn là một đấu thủ và một nhà kinh doanh trầm tĩnh, suy tính cẩn thận. Phần còn lại chỉ là một cái mặt nạ. Nhưng ai biết hắn, hay giao dịch với hắn đều nói rằng cứ đi vào công việc làm ăn thì hắn trở thành Đani ngay tức khắc. Lúc nào hắn cũng có mặt ở các cuộc bàn bạc kinh doanh, và một vài người bảo lão bầu của hắn là một người mù mà chức năng duy nhất làm cái loa cho hắn.

Phong cách của Rivêra thì khác hẳn. Trong tĩnh mạch anh có dòng máu Anh điêng và cả dòng máu Tây-ban-nha nữa. Anh ngồi lui vào một góc, yên lặng, không cử động, chỉ có đôi mắt đen của anh đưa đi đưa lại hết khuôn mặt này đến khuôn mặt khác và nhận xét mọi cái.

- Ra cái anh chàng ấy đấy à, - Đani nói, đưa mắt thăm dò kẻ được đề nghị làm đối thủ của mình. - Xin chào ông bạn.

Đôi mắt Rivêra nóng cháy lên, song anh không tỏ ra chấp nhận lời chào. Anh ghét tất cả những tên Gringô[1], mà cái tên Gringô này vừa trông thấy anh đã ghét cay ghét đắng. Điều này ngay cả đối với anh cũng không bình thường.

- Ngố! - Đani đùa cợt phản đối lão bầu. - Đừng hòng tôi đánh nhau với một tên vừa câm vừa điếc. - Tiếng cười vừa dứt, hắn lại tiếp tục đả kích. - Lôtx Angiơletx hết nhẵn người rồi sao mà các anh chọn tên này. Các anh lôi hắn ở vườn trẻ nào ra đấy?

- Đani, anh hãy nghe tôi đây: hắn là một chú bé cừ khôi đấy. - Rôbơt bênh vực. - Nom thế chứ chẳng phải dễ ăn đâu.

- Vả lại đã bán vé nửa rạp rồi. - Kêli nài nỉ. - Cậu phải nhận đấu với hắn thôi, Đani ạ. Bọn mình tìm được thế là nhất rồi đấy.

Đani lại đưa mắt lơ đễnh và khinh thường nhìn Rivêra, rồi thở dài.

- Mình nghĩ rằng phải nói tay với hắn. Quý hồ hắn đừng đi tong là được.

Rôbơt hự một cái rõ to.

---

(1) Tiếng khinh bỉ để gọi người Hoa Kỳ.

- Cậu phải cẩn thận đấy. - Lão bầu của Đani cảnh cáo hắn. - Đừng có mà liều với một tay tuy mới vào nghề nhưng gặp vận có thể hạ cậu được.

- Vâng, tôi sẽ cẩn thận, được rồi. - Đani mỉm cười. - Tôi sẽ nện hắn ngay từ đầu và vòn hắn suốt để thỏa lòng công chúng. Thế nào, Kêli, vòn mười lăm hiệp rồi kết thúc được chứ?

- Như thế đủ rồi, - Kêli trả lời. - Miễn là làm cho có vẻ thật một tí.

- Thế thì ta bàn vào công việc tiền nong đi. - Dani dừng lại và tính toán. - Dĩ nhiên là sáu mươi phần trăm tiền thu vé cổng, cũng như với Cathi. Nhưng chia thì có khác. Tôi nhận tám mươi cũng xong. - Và hắn hỏi lão bầu: - Được chứ?

Lão bầu gật đầu.

- Này. anh kia, nghe rõ chứ? - Kêli hỏi Rivêra.

Rivêra lắc đầu.

- Được rồi, thế này nhé. - Kêli trình bày. - Tiền thưởng là sáu mươi lăm phần trăm tiền thu vé cổng. Cậu là tay mới, chẳng tên tuổi gì. Cậu và Đani chia phần, hai mươi phần trăm sẽ về cậu, và tám mươi phần trăm về Dani. Công bằng đấy chứ, Rôbơt?

- Rất công bằng, Rivêra ạ. - Rôbơt thỏa thuận. -Cậu xem, cậu chẳng có tiếng tăm gì.

- Sáu mươi lăm phần trăm tiền thu vé cổng là bao nhiêu? - Rivêra hỏi.

- À, có thể là năm nghìn, có thể lên đến tám nghìn. - Dani xen vào giải thích. - Khoảng chừng đó. Phần cậu

sẽ khoảng một nghìn hay nghìn sáu gì đấy. Được một anh chàng nổi tiếng như tó hạ thì cũng khá đấy chứ. Cậu nghĩ sao?

Rivêra làm cho cả bọn nín thở chờ đợi.

- Được ăn cả. - Anh nói dứt khoát.

Một phút im lặng nặng nề tràn ngập trong phòng.

- Thế thì dễ như lút ốc. - Lão bầu của Đani trịnh trọng nói.

Đani lắc đầu.

- Tó ở trong nghề này đã lâu lắm rồi. - Hắn giải thích. - Tó chẳng chê trách gì các trọng tài hay những người có mặt hôm nay. Tó chẳng bàn đến chuyện bọn đánh cá và bọn cò mồi khi xảy ra. Nhưng tó muốn nói là làm cái nghề đánh nhau như tó thật chẳng ra cái gì. Tó phải nắm đằng chuôi. Thật khó nói lắm . Ngộ nhỡ tó gãy tay thì sao? Hoặc ngộ nhỡ có tên nào bỏ thuốc ngủ cho tó thì sao? - Hắn lắc đầu một cách trịnh trọng. - Được hay thua phần tó phải tám mươi. Cậu nghĩ thế nào, cậu Mêhicô?

Rivêra lắc đầu.

Đani nổ luôn. Được đã muốn thế thì hắn sẽ cho biết tay.

- Thế nào, thằng lai giống[1] kia? Tao chỉ muốn đánh vỡ sọ mày ngay tức khắc. - Rôbot khệnh khạng đứng lên hòa giải.

---

(1) Greaser: tiếng tục để chỉ người Mỹ gốc Tây-ban-nha.

- Được ăn cả. - Rivêra làu bàu nhắc lại.

- Tại sao mày cứ khăng khăng một mực như thế? - Đani hỏi.

- Tôi có thể hạ cậu. - Rivêra trả lời thẳng thừng.

Dani sắp sửa cởi phăng áo ngoài. Song, lão bầu hắn hiểu rõ hắn đang đóng kịch. Cái áo không cởi ra và Dani để cho cả bọn dỗ dành. Ai cũng đồng tình với hắn.

- Này, chú bé điên kia. - Kêli biện luận tiếp. - Cậu là một tên cha căng chú kiết. Chúng tớ cũng biết là cậu đã làm gì mấy tháng nay rồi. Cậu đã hạ được một số võ sĩ tỉnh lẻ. Nhưng còn Đani thì đã được xếp hạng rồi. Sau trận này anh ta tranh giải vô địch đấy. Còn cậu là vô danh tiểu tốt. Chẳng ai ở Lôtx Angioletx biết đến cậu cả.

- Họ sẽ biết. - Rivêra nhún vai trả lời. - sau trận này.

- Có thật mày cho là mày hạ được tao không? - Đani hỏi xen vào.

Rivêra gật đầu.

- Ơ, này cậu ơi. Hãy biết điều một tí. - Kêli năn nỉ. - Hay cậu muốn quảng cáo.

- Tôi cần số tiền đó. - Rivêra đáp.

- Một nghìn năm mày cũng chẳng thể thắng nổi tao. - Dani quả quyết.

- Thế thì việc gì anh lại cứ khư khư không chịu nhận? - Rivêra đập lại. - Nếu kiếm tiền dễ như thế tại sao không lao vào?

- Được rồi, giúp tao nhé! - Đani thét lên giọng đột nhiên đầy tin tưởng. - Tao sẽ đánh mày chết ngay trên đài, nhóc ạ. Mày đã muốn trêu tao thì được rồi. Kêli, làm giấy tờ đi. Được ăn cả. Cho đăng lên cột thể thao đi. Báo đây là một trận đánh rửa hờn. Tôi sẽ cho thằng nhóc này biết tay.

Viên thư ký của Kêli sắp sửa thảo giấy tờ thì Đani ngăn lại.

- Hãy gượm! - Hắn quay về phía Rivêra. - Cậu thế nào?

- Ở võ đài.

- Không đời nào, nhóc ạ. Nếu được ăn cả, thì ta cân lúc mười giờ sáng.

- Thế được ăn cả chứ? - Rivêra hỏi lại. Đani gật. Thế là giải quyết xong. Hắn sẽ bước lên võ đài với sức lực tràn trề.

- Cân lúc mười giờ. - Rivêra nói. Ngòi bút của viên thư ký tiếp tục lạo xạo.

- Thế có nghĩa là năm boòng[1]

Rôbơt phàn nàn với Rivêra:

- Cậu phí nhiều quá đấy. Cậu đã thua ngay từ đấy rồi. Đani sẽ khỏe như một con bò đực. Cậu ngốc lắm. Hắn chắc chắn sẽ hạ cậu. Cậu chẳng có tí hi vọng mảy may nào đâu.

Rivêra chỉ nhìn hắn bằng một cái nhìn căm hờn có tính toán, mà không đáp. Kể cả tên Gringô này anh cũng

---

(1)Boòng: đơn vị đo lường cũ của Mỹ, hơn 1/2 ki lô.

khinh nốt, và anh thấy tên Gringô này là tên trắng nhất trong cả bọn chúng.

IV

Hầu như chẳng mấy ai để ý đến Rivêra khi anh bước lên đài. Chỉ lác đác có vài tiếng vỗ tay khẽ và gượng gạo đón chào anh. Khán giả không tin tưởng ở anh. Anh như con cừu non mang đến cho Đani vĩ đại chọc tiết. Và lại khán giả đã thất vọng. Họ chờ đợi một trận đấu ác liệt giữa Đani Ươc và Bili Cathi, thế mà đành phải chỉ ngồi xem cái tên non choẹt khốn khổ này. Hơn nữa, họ đã biểu thị sự bất bình đối với chuyện thay đổi chương trình bằng cách đánh cá một ăn hai, thậm chí một ăn ba là Đani sẽ thắng. Mà tiền của khán giả đã đặt vào đâu thì cảm tình của họ đặt vào đó.

Anh chàng Mêhicô ngồi xuống một góc, chờ đợi. Giây phút chậm chạp kéo dài. Đani cố tình bắt anh đợi. Đây là một thủ đoạn cũ, nhưng bao giờ cũng có tác dụng đối với các đấu thủ trẻ, mới bước vào nghề. Họ đâm ra sợ, phải ngồi như thế đương đầu với nỗi lo lắng của mình và một đám khán giả tỉnh bơ, hút thuốc lá tràn. Nhưng lần này thủ đoạn đó không thành công. Rôbơt nói đúng. Rivêra bình tĩnh lạ lùng. Anh vốn được cấu tạo tinh vi hơn, vốn có thần kinh vững hơn mọi người khác, không hề xao xuyến tí nào. Cái không khí thất bại ở chỗ góc anh ngồi chẳng tác động mảy may đến anh. Các tay săn sóc anh đều là Gringô và người lạ cả. Chúng cũng là phường lưu manh nữa - thứ cặn bã của trò đấm đá, không

có chút danh dự nào, không được trò trống gì. Và bọn chúng lạnh lùng, vì chắc chắn là sẽ thua.

- Này cậu phải cẩn thận đấy. - Xpaiđơ Hagơti nhắc anh. Xpaiđơ là tên trợ thủ chính của anh. - Cậu phải cố kéo dài được chừng nào hay chừng ấy. Đó là chỉ thị tố nhận của Kêli. Nếu không thì các báo sẽ gọi đây là một trận hạng bét và lại càng bêu riếu trận này ở Lôtx Angioletx đấy.

Tất cả những cái đó chẳng lấy gì làm phấn chấn cả. Rivêra chẳng quan tâm. Anh khinh bỉ cái trò đấu giải. Đấy là cái trò đáng ghét của bọn Gringô đáng ghét. Sở dĩ anh phải tham gia, làm bao cát cho những kẻ khác ở sân tập, cũng chỉ vì anh đói. Bảo anh rất có khiếu đánh nhau thì thật chẳng có nghĩa lý gì. Anh ghét cái trò này lắm. Trước kia đến làm ở Tổng bộ anh chẳng đánh vì tiền bao giờ, và anh thấy kiếm tiền cũng dễ. Anh không phải là người đầu tiên thấy mình thành công trong một cái nghề mà anh khinh bỉ.

Anh chẳng phân tích gì cả. Anh chỉ biết anh phải thắng trận này. Chẳng thể có kết cục nào khác. Vì đằng sau anh, cái khiến anh tin tưởng như vậy, là những lực lượng mạnh mẽ hơn những cái mà đông đảo khán giả mơ ước. Đani Ươc đánh vì tiền và vì một cuộc sống ung dung do tiền bạc mang lại. Nhưng Rivêra thì đánh vì những cái khác. Những cái đấy đang nung nấu trong tâm trí anh. Đó là những huyễn ảnh rực lửa và khủng khiếp mà trong khi ngồi một mình trong góc võ đài, chờ đợi đối thủ xảo quyệt của mình, đôi mắt mở to, anh đã nhìn thấy rất rõ như đã sống qua. Anh nhìn thấy các nhà máy thủy điện có những bức tường trắng xóa của Riô Blancô. Anh

nhìn thấy sáu nghìn công nhân đói khổ, xanh lướt, và những đứa bé lên bảy lên tám phải làm quần quật theo ca kíp để kiếm mười xu một ngày. Anh nhìn thấy những xác người lảng vảng, những đầu lâu kinh khủng của những người làm việc ở các phòng nhuộm. Anh nhớ có lần nghe cha anh gọi những phòng nhuộm ấy là những "lỗ tự tử", sau một năm làm việc là chết. Anh nhìn thấy cái sân con, và mẹ anh đang nấu nướng, làm quần quật suốt ngày, vuốt ve, nựng nịu anh những lúc rảnh rang. Và anh nhìn thấy cha anh có bộ ria rậm, bộ ngực nở nang, hiền hòa hết mực, yêu thương tất cả mọi người, có trái tim rộng lớn đến nỗi vẫn còn tình yêu chan chứa dành cho người mẹ và chú bé đang chơi đùa ở góc sân con. Hồi đó tên anh không phải là Felipe Rivêra. Tên anh là Fecnandê, tên bố và tên mẹ. Người ta gọi anh là Giuan. Sau này tự anh đổi tên vì anh thấy tên Fecnandê bị bọn cảnh sát và sĩ quan cảnh sát thành phố rất ghét.

Giôaquin Fecnandê cao lớn và tốt bụng. Ông đã chiếm một chỗ lớn trong huyễn ảnh của Rivêra. Hồi đấy anh chưa hiểu, nhưng nay nhớ lại, anh đã hiểu ra. Anh có thể nhìn thấy ông xếp chữ trong phòng in nhỏ hay ngoáy bút viết hàng tràng những dòng chữ vội vã, nguệch ngoạc trên cái bàn bừa bộn đủ thứ. Và anh có thể nhìn thấy những đêm kỳ lạ, khi các công nhân, lén lút đến trong bóng tối như những kẻ làm những chuyện gian tà, gặp cha anh và chuyện trò mấy giờ liền. Tại đó anh, chú bé, vẫn nằm thức ở trong góc.

Như từ một nơi xa xôi vọng đến, anh nghe tiếng Xpaiđơ Hagơti bảo mình: "Đừng thua ngay từ đầu. Chỉ thị của họ đấy. Phải chịu đòn mà lĩnh tiền."

Mười phút trôi qua và anh vẫn ngồi ở góc của anh. Chẳng có tăm hơi gì về Đani cả. Rõ ràng là hắn muốn thực hiện triệt để mưu kế của hắn.

Nhưng ký ức của Rivêra còn trông thấy nhiều huyễn ảnh bừng cháy hơn. Cuộc đình công, hay đúng hơn là đóng xưởng, vì các công nhân Riô Blancô đã ủng hộ các anh em công nhân đình công ở Pucbla. Cảnh đói, những chuyến đi lên đồi hái quả dâu, đào rễ cây và cỏ rừng mà mọi người đều ăn làm cho dạ dày quặn đau khôn tả. Rồi đến cái cơn ác mộng; khoảnh đất quang trước kho của công ty; hàng nghìn công nhân đói; tướng Roxaliô Mactinê và quân lính của Poofiriô Điaz; những khẩu súng phun chết chóc hình như không bao giờ ngừng phun, trong khi những sai lầm của công nhân bị tắm đi tắm lại trong chính vũng máu của họ. Và cái đêm hôm đó. Anh thấy những chiếc xe bẹt, chồng chất những thi hài của người bị giết, chuẩn bị đưa đi Vêra Kura làm mồi cho cá mập. Anh lại bò lên những đống xác cao kinh khủng, tìm ra cha anh, mẹ anh bị lột trần và băm nát. Anh đặc biệt nhớ lại hình ảnh mẹ anh, chỉ có khuôn mặt hiện ra, còn thân mình thì bị đè dưới hàng chục xác chết khác. Súng của quân lính Poofirio Điaz lại nổ. anh lại cúi rạp xuống và lủi mất như một con sơn cẩu bị săn đuổi trên đồi.

Một tiếng gầm to, như tiếng gầm của biển cả, vang đến tai anh, và anh nom thấy Đani Ước, dẫn đoàn huấn luyện và trợ thủ của hắn đi xuống lối đi ở trung tâm. Cả rạp hò vang chào người anh hùng của dân chúng, con người chắc chắn sẽ chiến thắng. Mọi người tung hô hắn. Mọi người đều ủng hộ hắn. Ngay cả các trợ thủ của Rivêra

cũng rộn lên một niềm hân hoan khi Đani cúi người chui nhẹ nhàng qua vòng dây bước lên võ đài. Gương mặt của hắn không ngừng hướng về những nụ cười nối tiếp nhau, và khi Đani mỉm cười, hắn cười bằng mọi nét, ngay cả đến những nếp răn của khóe mắt và tận lòng sâu của đôi mắt hắn. Chưa bao giờ có một võ sĩ hiền hòa như thế. Gương mặt của hắn là một lời quảng cáo cho thiện cảm và hữu ái. Hắn quen biết tất cả mọi người. Hắn phà trò, cười phá lên, và qua vòng dây chào hỏi bạn bè. Những người ở xa hơn, không thể nén được lòng ngưỡng mộ, thét to: "Anh Đani ơi!" Cảnh hoan hô đầy trìu mến và hân hoan ấy kéo dài trọn một phút.

Chẳng ai đếm xỉa đến Rivêra cả. Mặc dù khán giả trông thấy anh, anh vẫn không tồn tại. Cái mặt phục phịch của Xpaiđơ Hagơti cúi sát vào mặt anh.

- Đừng sợ. - Con nhện[1] nhắc nhở. - Và nhớ chỉ thị nhé. Cậu phải kéo dài. Đừng bỏ cuộc. Nếu cậu bỏ cuộc thì chúng tớ được chỉ thị đánh cho cậu một trận trong buồng thay quần áo. Rõ chưa? Cậu phải đấu.

Cả rạp bắt đầu hoan hô. Đani đi ngang qua đài đến gần anh. Hắn cúi mình, nắm tay phải của Rivêra trong hai bàn tay mình và lắc mạnh đầy vẻ nhiệt tình. Gương mặt tươi cười của Đani kề sát mặt anh. Khán giả hò hét tán thưởng tinh thần thượng võ của Đani. Hắn đang chào đối thủ của mình với tình anh em đằm thắm. Đôi môi của Đani mấp máy, và khán giả, cho rằng những lời không

---

(1) Xpaiđơ, tiếng Anh là spider có nghĩa là con nhện.

nghe thấy đó là những lời của một con người hảo hán, nên lại hô lên. Chỉ có Rivêra nghe rõ những lời nói khẽ đó thôi.

- Con chuột Mêhicô oắt con kia, - giọng Đani rin rít qua đôi môi tươi cười. - Tao sẽ moi ruột mày ra.

Rivêra không cử động. Anh không đứng lên. Anh chỉ biểu hiện căm thù qua đôi mắt.

- Đứng lên, đồ chó! - Có người nào đó hét lên ở đằng sau, qua vòng dây.

Công chúng bắt đầu la ó, đả đảo anh vì đã tỏ ra thiếu tinh thần thượng võ nhưng anh vẫn ngồi tỉnh bơ. Khán giả lại reo hò khi Đani bước lui dọc theo võ đài.

Lúc Đani cởi trần có những tiếng "ô", "a" vui mừng. Thân hình hắn thật là tuyệt mỹ, mềm mại, khỏe mạnh, và lực lưỡng. Nước da trắng và mịn như da phụ nữ. Cả một sự duyên dáng, dẻo dai và sức mạnh nằm ở bên trong. Hắn đã chứng minh điều đó trong mấy chục trận đấu. Ảnh của hắn xuất hiện trên tất cả các tập san thể dục thể thao.

Một tiếng rú vang lên khi Xpaidơ Hagơti lột chiếc áo lót khỏi đầu Rivêra. Do màu da cam ngăm ngăm đen nên thân hình anh trông càng gầy guộc hơn. Anh cũng có bắp thịt nhưng không nổi lên như đối thủ của anh. Cái mà khán giả bỏ qua không nhìn thấy là bộ ngực nở nang của anh. Họ cũng không đoán được cái rắn rỏi của từng thớ thịt, tính đàn hồi của các cơ, sự tinh tế của các dây thần kinh chằng chịt quanh mọi bộ phận cơ thể anh khiến nó trở thành một cơ cấu chiến đấu tuyệt diệu. Khán giả chỉ nhìn thấy một chú bé da ngăm đen mười tám tuổi

với cái gì na ná như thân hình của một chú bé. Đani thì khác hẳn. Đani là một con người hai mươi bốn tuổi, và thân hình hắn là thân hình một người đàn ông. Sự tương phản lại càng nổi bật hơn khi hai người đứng cạnh nhau ở giữa võ đài nhận những huấn thị cuối cùng của trọng tài.

Rivêra để ý thấy Rôbơt ngồi ngay sau đám nhà báo. Y say hơn ngày thường và do đó nói năng cũng chậm rãi hơn.

- Rivêra, cậu cứ bình tĩnh. - Giọng Rôbơt lè nhè. - Hắn chẳng giết cậu được đâu, cứ yên trí. Hắn sẽ dồn cậu ngay lúc đầu, nhưng đừng cuống lên. Cứ che cho kỹ, đỡ và khóa chặt. Hắn không đánh cậu được bao nhiêu đâu. Cứ tưởng tượng như là hắn đang quai cậu ở phòng tập thôi.

Rivêra không tỏ vẻ đã nghe thấy những lời ấy.

- Thằng quỷ con đến là bẩn tính. - Rôbơt thầm thì với người đàn ông ngồi cạnh. - Tính hắn lúc nào cũng thế.

Nhưng Rivêra không có cái vẻ căm thù như thường ngày. Một huyễn ảnh về những khẩu súng nhiều vô kể đã làm đôi mắt anh không trông thấy gì. Mỗi khuôn mặt trong đám khán giả từ những chỗ mà anh nom thấy được cho đến những ghế giá cao đều biến thành một khẩu súng. Và anh trông thấy đường biên giới Mêhicô dài dằng dặc, đau đớn, khô cằn và ngập ánh mặt trời. Và dọc theo đường biên giới anh thấy những toán người rách rưới chỉ vì những khẩu súng mà phải hoãn cuộc tấn công.

Anh đứng ở góc anh chờ đợi. Các trợ thủ của anh đã bỏ ra ngoài vòng dây, mang theo cái ghế xếp. Ở tận góc bên kia võ đài vuông, Đani đối diện với anh. Tiếng kẻng vang lên và trận đấu bắt đầu. Khán giả hò lên vui sướng. Chưa bao giờ họ thấy một trận đấu mở đầu một cách vững chắc như thế. Báo chí nói đúng. Đây là một trận đấu rửa hờn. Ba phần tư khoảng cách Đani đã vượt qua khi lao đến giáp chiến, ý định ăn tươi nuốt sống anh thanh niên Mêhicô đã rõ ràng. Hắn đấm không phải bằng một cú, không phải bằng hai, không phải bằng chục cú. Hắn đấm như một cái chong chóng, như một cơn lốc hủy hoại. Chẳng nhìn thấy Rivêra đâu cả. Anh bị tràn ngập, chôn vùi dưới trận núi lở của những cú đấm giáng từ mọi góc độ, mọi vị trí, bởi một kẻ bậc thầy trong nghệ thuật này. Anh bị tung lên, bật ngửa trên dây, bị trọng tài ngăn ra, rồi bị bật lại vào dây.

Đây không phải là một trận đấu. Đây là một vụ giết chóc, một vụ thảm sát. Bất kỳ đám khán giả nào, trừ những ai đánh cá, sẽ không còn xúc cảm nào sau cái phút đầu tiên ấy. Chắc chắn là Đani đang trình bày cái điều hắn có thể làm được: một cuộc biểu diễn tuyệt vời. Khán giả đã quá tin vào điều đó, cũng như quá kích động và thiên vị, nên không nhận thấy anh chàng Mêhicô vẫn còn đứng vững trên hai chân. Họ quên bẵng Rivêra. Họ ít trông thấy anh, vì Dani trong cuộc tấn công giết người của hắn đã bọc chặt lấy anh. Một phút như thế trôi qua, rồi hai phút. Rồi, khi trọng tài tách hai người ra, họ nhìn thấy rõ anh Mêhicô. Môi anh bị rách, mũi anh chảy máu. Khi anh quay người, loạng choạng ôm quấp lấy đối thủ thì một dòng máu ộc ra, và do chạm vào dây, vạch những

vệt đỏ ngang lưng anh. Nhưng điều mà khán giả không thấy là ngực anh không phập phồng và mắt anh vẫn ngời cháy như cũ. Quá nhiều các võ sĩ hi vọng đoạt giải vô địch, trong trận loạn đã tàn nhẫn ở bãi tập đã thực hiện cuộc tấn công giết người ấy trên người anh. Anh đã học được cách chịu đựng để lãnh khoản thù lao từ nửa đô-la một trận đến mười lăm đô-la một tuần. Quả là một trường gian khổ, và anh đã được khổ luyện.

Rồi cái điều kỳ lạ xảy ra. Đột nhiên cái trò hỗn loạn quay cuồng mù mịt dừng lại. Rivêra đứng một mình. Dani, anh chàng Dani đáng sợ, đang nằm sóng sượt. Thân hình hắn rung lên khi hắn cố sức hồi tỉnh lại. Hắn không lảo đảo và khuỵu xuống, hắn cũng không ngã từ từ. Cú đấm móc tay phải của Rivêra đã làm hắn gục từ lưng chừng không khí xuống nhanh như cái chết. Trọng tài đưa một tay ấy Rivêra ra, và khom người trên võ sĩ vừa bị ngã mà đếm. Thông thường thì khán giả đánh cá vẫn hay hoan hô mỗi khi có một cú đấm đo ván rõ ràng. Nhưng khán giả trận đấu này không hoan hô. Sự việc xảy ra quá bất ngờ. Họ theo dõi tiếng đếm trong một sự im lặng căng thẳng, và qua sự im lặng đó giọng nói của Rôbơt rối rít vang lên:

- Tôi đã bảo hắn là một võ sĩ đấm cả hai tay mà.

Đến giây thứ năm Dani xoay người mặt úp xuống sàn, và khi đếm đến giây thứ bảy thì hắn quỳ một chân, sẵn sàng đứng lên khi đếm đến chín và trước khi đếm đến mười. Nếu đếm đến "mười" mà đầu gối hắn vẫn còn chạm sàn thì hắn bị coi là "đo ván". Cái lúc đầu gối hắn rời khỏi sàn thì hắn được coi là "đã dậy", và, vào lúc đó Rivêra

có quyền đấm ngã hắn trở lại. Rivêra không có cơ hội ấy. Vào lúc đầu gối kia rời khỏi sàn anh có thể đấm nữa. Anh lượn chung quanh, nhưng trọng tài cũng lượn quanh giữa hai đấu thủ. Và Rivêra thấy rõ y đếm rất chậm. Tất cả những tên Gringô đều chống lại anh, ngay cả trọng tài.

Đến "chín", trọng tài đẩy mạnh Rivêra về phía sau. Như thế là không công bằng, song điều ấy giúp cho Dani đứng dậy, nụ cười lại nở trên môi. Mình gập đôi, hai cánh tay che mặt và bụng, hắn khôn khéo ôm quặp lấy đối thủ. Theo đúng luật quyền Anh, trọng tài phải tách hai người ra, nhưng y không làm, và Dani cứ bám chặt như hà biển bị sóng giạt và dần dần hồi sức lại. Phút cuối của hiệp trôi qua rất nhanh. Nếu hắn đứng vững được đến cuối hiệp thì hắn sẽ có cả trọn một phút để lấy lại sức. Và hắn đã đứng vững đến cuối hiệp, vẫn tươi cười trong cảnh tuyệt vọng và cùng khốn.

- Nụ cười không bao giờ tắt. - Một người nào đó hét lên và đám khán giả cười vang nhẹ nhõm.

- Thằng lai giống ấy có cú đấm khủng khiếp thật. - Đani nói ở góc của hắn với cố vấn, trong khi các trợ thủ của hắn ra sức chăm sóc hắn.

Hiệp hai và hiệp ba rất tẻ. Dani, tên tướng võ dài xảo quyệt và hoàn hảo đã chặn, đỡ và bám trụ, tập trung lấy lại sức sau cú đấm làm hắn ngất ở hiệp đầu. Trong hiệp tư hắn đã trở lại như cũ. Tuy bị đánh choáng váng, thể chất khỏe mạnh của hắn đã giúp hắn lấy lại sinh lực. Song hắn không áp dụng chiến thuật áp đảo nữa. Tay Mêhicô đã tỏ ra là một địch thủ vô cùng lợi hại, cho nên hắn phải sử dụng những năng lực chiến đấu cừ nhất của

hắn. Về mặt mưu mẹo, kỹ năng, kinh nghiệm hắn là bậc thầy, và tuy hắn chẳng có những đòn hiểm độc, nhưng hắn vẫn có thể đánh một cách khoa học và làm đối thủ kiệt sức dần. Anh chàng Mêhicô mà đấm một thì hắn đấm trả ba, song chỉ là ba cú trả đũa thôi, chứ không chết người. Gộp nhiều cú như thế mới chết người. Hắn thấy kiểng anh chàng đấm cả hai tay với những cú quật ngắn lạ lùng bằng cả hai nắm tay.

Để phòng ngự Rivêra sử dụng cú đấm trực tiếp tay trái làm cho đối phương bối rối. Hết đợt này đến đợt khác, anh đánh những cú trực tiếp trái vào mồm và mũi Đani liên tiếp, gây tổn thương cho đối phương. Nhưng Đani quả thiên biến vạn hóa. Chính vì thế mà hắn sắp đoạt chức vô địch. Hắn có thể chủ động chuyển từ đấu pháp này sang đấu pháp khác. Giờ hắn áp dụng lối đánh tiếp cận. Lối đánh này rất quỷ quyệt vì hắn có thể tránh những cú trực tiếp tay trái của đối phương. Hắn liên tục làm cho cả rạp hét ầm lên, sau đó hắn gỡ người ra một cách tuyệt diệu và bằng một cú móc trong, hắn tung anh chàng Mêhicô lên trên không và quật anh ta xuống sàn. Rivêra tựa người trên đầu gối, cố tận dụng thời gian đếm, và trong thâm tâm anh biết rõ trọng tài đếm rất nhanh. Một lần nữa ở hiệp bảy, Dani lại thực hiện cú móc trong hiểm ác. Hắn chỉ làm Rivêra lảo đảo thôi, nhưng trong khoảnh khắc bó tay không kịp đề phòng, tiếp theo Rivêra bị hắn quật một đòn bật qua dây. Thân Rivêra nẩy lên đầu các nhà báo ngồi phía dưới, và họ đẩy anh trở lại men sàn bên ngoài dây. Ở đây anh quỳ một chân trong khi trọng tài đếm rất nhanh. Bên trong vòng dây, mà anh

phải luồn qua để vào lại võ đài, Đani đợi anh. Trọng tài chẳng xen vào giữa và cũng chẳng đẩy lùi Đani.

Cả rạp vui sướng đến phát cuồng lên.

- Giết chết hắn đi, Đani, giết hắn đi! - Có tiếng hét.

Hàng chục giọng người họa theo, nghe như tiếng hú xung trận của bầy sói dữ.

Dani chuẩn bị sẵn sàng, nhưng khi trọng tài đếm tám, chứ không phải chín, bất thình lình Rivêra chui qua vòng dây và quặp lấy Dani một cách an toàn. Lúc này trọng tài bèn lôi anh ra để anh bị đấm, tạo cho Đani mọi thuận lợi mà một trọng tài bất công có thể tạo cho hắn.

Song Rivêra đã đứng vững; đầu óc anh không còn choáng váng nữa. Chúng là một duộc cả. Tất cả bọn Gringô đều đáng ghét, tất cả bọn chúng đều bất công. Rồi các huyễn ảnh tiếp tục hiện lên trong óc anh, hết sức tồi tệ. Đó là những tuyến đường sắt xuyên qua sa mạc; những viên cảnh sát và những tên đội xếp Mỹ; những nhà tù và những tên giám ngục; những kẻ cầu bơ cầu bất cạnh những bể chứa nước - tất cả cái quang cảnh nhếch nhác và đau đớn trên bước đường lưu lạc của anh, sau Riô Blancô và cuộc đình công. Rồi, chói lọi và vinh quang, anh thấy cuộc cách mạng đỏ, vĩ đại, tràn ngập khắp đất nước. Trước mắt anh là những khẩu súng. Mỗi một bộ mặt đáng ghét là một khẩu súng. Chính vì súng mà anh chiến đấu. Anh là những khẩu súng. Anh là cuộc cách mạng. Anh chiến đấu cho cả nước Mêhicô.

Khán giả ngày càng căm tức Rivêra. Tại sao hắn không nhận sự thất bại đã dành sẵn cho hắn? Dĩ nhiên

là hắn sắp sửa bị đánh bại, nhưng tại sao hắn lại cứ ngoan cố đến thế? Rất ít người quan tâm đến Rivêra. Có chăng là một tỉ lệ phần trăm nhất định trong đám người đánh cuộc, những kẻ có gan đánh lớn ăn to. Họ tin Đani sẽ thắng, nhưng họ vẫn đặt tiền phía anh Mêhicô, bốn ăn mười hay một ăn ba.

Có người thách cá một số tiền nhỏ là Rivêra có thể chịu được bao nhiêu hiệp. Ở cảnh đài người ta vung tiền ra đánh cuộc là anh không chịu nổi bảy hiệp, thậm chí sáu hiệp. Những kẻ đã thắng cuộc rồi, lại tham gia hoan hô võ sĩ con cưng của họ. Rivêra không chịu để đánh bại. Qua hiệp tám đối thủ của anh hoài sức lặp lại cú móc. Đến hiệp chín Rivêra lại làm cho cả rạp kinh ngạc. Giữa lúc đôi bên quặp nhau, anh nhanh như thoắt gỡ ra, và trong cự ly nhỏ giữa hai thân hình, anh từ bụng đấm tay phải lên, Đani ngã xuống sàn, tranh thủ lấy lại sức khi trọng tài đếm. Đám công chúng kinh hoàng. Hắn đang bị tương kế tựu kế. Cú móc tay phải nổi tiếng của hắn lại đập trả vào lưng hắn. Rivêra không có ý định chộp hắn khi hắn đứng lên vào giây thứ chín. Trọng tài trắng trợn chắn ở giữa, mặc dù khi tình thế đảo ngược và khi Rivêra muốn đứng dậy, y tránh sang một bên.

Hai lần trong hiệp mười Rivêra sử dụng cú móc phải đấm thốc từ bụng lên cằm đối phương. Đani phát cuồng lên. Nụ cười vẫn không rời khỏi khuôn mặt hắn, nhưng hắn trở lại áp dụng đấu pháp ăn tươi nuốt sống. Hắn quay cuồng đến đâu cũng không làm Rivêra tổn thương được. Trong khi đó Rivêra gũa cơn lốc tít mù, ba lần liền đấm ngã hắn. Bây giờ Đani không hồi sức nhanh nữa.

và đến hiệp thứ mười một hắn lâm vào một cảnh ngộ gay go. Nhưng từ đó đến hiệp thứ mười bốn hắn biểu diễn lối đánh sở trường thiện nghệ của hắn. Hắn chặn và đỡ, đánh rất thận trọng, cố lấy lại sức. Hắn cũng giở ngón chơi bẩn như các võ sĩ thắng trận thường chơi. Hắn sử dụng mọi mưu ma, chước quỷ. Trong khi hai bên quặp nhau hắn vờ sơ ý húc đầu vào đối phương, kẹp chặt găng của Rivêra giữa cánh tay và thân hình, tọng găng của hắn vào mồm Rivêra để anh nghẹt thở. Đôi khi, giữa lúc quặp nhau, qua đôi môi rách và tươi cười, hắn buông những lời chửi rủa bẩn thỉu, dê tiện vào tai Rivêra. Tất cả mọi người, từ trọng tài đến khán giả, đều đứng về phía Đani và nâng đỡ Đani. Và họ biết trong đầu hắn đang nghĩ gì. Bị một tên vô danh tiểu tốt đánh ngã, hắn đang đặt cả hi vọng vào một cú đấm duy nhất. Hắn giơ lưng chịu bảng, vờ vĩnh, lừa lọc, dợi cái chỗ sơ hở để có thể giáng một đòn với cả sức lực của mình và do đó đảo ngược tình thế. Như một võ sĩ cừ khôi hơn hắn trước kia đã làm, hắn có thể thực hiện một cú phải và trái, đánh thúc vào mỏ ác, vụt ngang quai hàm. Hắn có thể làm được như thế, vì hắn nổi tiếng về sức mạnh của cú đấm nằm trong cánh tay hắn chừng nào hai chân hắn còn đứng vững.

Các trợ thủ của Rivêra chẳng săn sóc gì đến anh mấy trong thời gian giải lao giữa hai hiệp. Khăn của chúng cũng vờ quạt nhưng chẳng đưa bao nhiêu không khí vào hai lá phổi hổn hển của anh. Xpaiđơ Hagơti mách nước cho anh, nhưng anh biết đó là những lời mách nước xằng. Mọi người đều chống lại anh. Anh bị sự lừa phỉnh vây hãm. Ở hiệp thứ mười bốn anh lại đánh ngã Đani, còn anh thì đứng nghỉ, hai tay buông thõng, trong khi trọng

tài đếm. Rivêra phát hiện có tiếng thì thầm đáng ngờ ở góc bên kia. Anh thấy Maicơn Kêli đi về phía Rôbơt, cúi xuống thì thầm. Tai Rivêra là tai con mèo được luyện ở sa mạc, nên anh nắm được từng mẩu chuyển trao đổi giữa hai người. Anh muốn nghe thêm, và khi đối thủ của anh đứng lên anh lựa thế quặt người hắn sát vào vòng dây. "Phải thắng," anh nghe rõ tiếng Maicơn, còn Rôbơt thì gật đầu. "Đani phải thắng, mình đến thua to mất. Mình đặt một đống tiền, tiền của mình. Nếu hắn giữ được đến hiệp thứ mười lăm thì mình thua mất. Thằng nhóc sẽ nể cậu. Cứ bày một cái trò gì đó.

Và sau đấy Rivêra không còn nhìn thấy huyễn ảnh nữa. Bọn chúng đang ra sức úm anh. Một lần nữa anh đánh gục Đani và đứng nghỉ, hai tay buông thõng. Rôbơt đứng lên.

- Thế là xong đời hắn, - y nói. - Cậu trở về góc cậu đi.

Y nói bằng một giọng uy nghiêm, như y thường vẫn nói với Rivêra ở phòng tập. Nhưng Rivêra nhìn y căm thù và đợi cho Đani đứng dậy. Khi trở về góc mình vào phút giải lao, Kêli, lão bầu, đến nói chuyện với Rivêra.

- Thôi đi, đồ chết tiệt!- Hắn làu bàu giọng ồm ồm. - Mày phải chịu thua đi, Rivêra. Mày nghe theo tao thì tao sẽ giúp cho mày tiến thủ. Lần sau tao sẽ để cho mày hạ Đani. Còn chỗ này mày phải thua.

Rivêra đưa mắt tỏ ra mình đã nghe tất cả, song anh không để lộ là đồng ý hay phản đối.

- Tại sao mày không nói? - Kêli giận dữ hỏi.

- Đằng nào cậu cũng thua. - Xpaidơ Hagơti bổ sung. - Trọng tài sẽ bắt cậu thua. Hãy nghe theo Kêli và chịu thua đi.

- Chịu thua đi, nhóc. - Kêli năn nỉ. - Rồi tao sẽ giúp mày đoạt giải vô địch.

Rivêra không đáp.

- Tao sẽ giúp mày, giờ thì mày giúp tao đi, nhóc con.

Khi kèng nổi lên, Rivêra cảm thấy có một điều gì sắp xảy đến. Khán giả không hay biết gì cả. Cái gì chẳng rõ ở ngay trên võ đài và sát bên anh. Vẻ tin tưởng ban đầu của Đani hình như đã trở lại. Hắn tiến lên một cách tự tin khiến Rivêra hoảng sợ. Sắp giở trò bịp gì đây hắn. Đani lao tới, nhưng Rivêra không chịu giáp chiến. Anh cẩn thận né sang một bên. Đani chỉ muốn quấp lấy anh. Điều này rất cần thiết để thực hiện mưu kế. Rivêra lùi lại và quay người tránh, nhưng anh chắc rằng trước sau hai người cũng sẽ quấp vào nhau và mưu kế kia sẽ được thực hiện. Anh quyết tâm, trong nỗi tuyệt vọng, tránh cái giây phút đó. Anh vờ như chờ đến lúc Đani lao tới sẽ quấp hắn. Song, vào lúc cuối cùng, khi thân hình hai người sắp chạm nhau, Rivêra rút nhanh về phía sau. Và đúng lúc ấy phía góc Đani có tiếng thét lên bảo là chơi xấu. Hóa ra Rivêra đã lừa bọn chúng. Trọng tài tần ngần không biết nên làm gì. Cái quyết định mấp máy trên môi của y chẳng bao giờ được đưa ra, vì từ phía hàng ghế rẻ tiền một giọng con trai the thé nhận xét:

- Lộ quá!

Đani chửi thẳng vào mặt Rivêra và thúc ép anh, còn Rivêra thì cứ xáng xê tránh né. Anh quyết định không

đấm cú nào vào người đối thủ nữa. Như thế anh đã bỏ mất nửa cơ hội thắng, nhưng anh biết nếu anh muốn thắng thì chỉ còn cách sử dụng lối đánh dài tay còn lại mà thôi. Vì có được một tí cơ hội là bọn chúng sẽ đổ riệt cho anh chơi xấu. Đani vứt bỏ hết sự thận trọng. Trong suốt hai hiệp hắn lăn xả vào kẻ không dám xáp lá cà với hắn. Rivêra lại bị đấm dồn. Anh chịu đựng hàng chục cú để tránh cái quắp người nguy hiểm đó. Trong thời gian Đani dốc toàn lực lần cuối cùng này, khán giả đứng cả lên như điên dại. Họ chẳng hiểu ra làm sao cả. Họ chỉ thấy rõ một điều là trước sau võ sĩ con cưng của họ cũng sẽ thắng.

- Tại sao không đấu? - Họ giận dữ hỏi Rivêra. - Đồ hèn! Đồ hèn! Chơi đi, đồ chó! Đánh chết nó đi, Đani! Đánh chết nó đi!

Trong cả rạp, chẳng trừ một ai, Rivêra là người duy nhất bình tĩnh. Theo tính khí và huyết thống thì anh là người cuồng nhiệt nhất ở đấy, nhưng vì anh đã từng chịu đựng những sức nóng hơn rất nhiều, nên tất cả cái cuồng nhiệt tập thể của mười nghìn cổ họng cứ dâng lên từng đợt này đối với đầu óc anh chỉ giống như cái mát dịu của buổi hoàng hôn mùa hạ.

Đani dốc toàn lực vào hiệp thứ mười bảy. Bị một cú đấm rất mạnh, Rivêra khuỵu xuống. Hai tay anh buông xuôi trong khi người anh lảo đảo ngã về phía sau. Đani cho rằng thời cơ đã đến. Tính mạng đối phương nằm trong tay hắn rồi. Nhưng Rivêra chỉ giả vờ để làm hắn mất cảnh giác. Anh lập tức vút một cú đúng vào giữa mồm hắn. Đani ngã xuống. Khi hắn chồm dậy, Rivêra

đánh gục hắn bằng một cú đấm từ trên xuống bằng tay phải vào cô và quai hàm. Anh lặp lại ba lần như thế. Bất kỳ trọng tài nào cũng không thể bảo đó là những cú chơi xấu được.

- Kìa Bin, Bin! - Kêli năn nỉ trọng tài.

- Tớ chịu thôi. - Trọng tài ca cẩm. - Hắn không chịu để cho tớ có một dịp nào cả.

Đani, bị nhừ đòn và anh dũng, vẫn cố đứng lên. Kêli cùng những tên khác cạnh võ đài bắt đầu hét gọi cảnh sát ngừng trận đấu, mặc dù phía Dani không chịu thất bại. Rivêra nom thấy viên đại úy cảnh sát béo phục phịch lóng cóng trèo qua vòng dây, và anh chẳng hiểu thế là thế nào. Trong cái trò này của bọn Gringô, có nhiều kiểu gian lận lắm. Dani, đã đứng dậy được, bước loạng choạng muốn ngã trước mặt anh. Cả trọng tài và viên đại úy cảnh sát lao tới phía Rivêra khi anh giáng cú cuối cùng. Không cần thiết ngừng trận đấu nữa, vì Đani không đứng dậy được.

- Đếm! - Rivêra hét vào tai trọng tài.

Và khi trọng tài đếm xong, cái trợ thủ của Đani vực hắn lên khiêng vào góc của hắn.

- Ai được? - Rivêra hỏi vặn.

Miễn cưỡng, trọng tài nắm lấy bàn tay mang găng của anh giơ lên cao.

Không có lấy một lời khen ngợi đối với Rivêra. Anh bước về góc của mình chẳng được một ai săn sóc. Ở đây các trợ thủ của anh chưa kịp đặt chiếc ghế con vào. Anh ngả người dựa lưng vào dây thừng và nhìn bọn chúng hết

sức căm thù. Anh đưa mắt nhìn quanh khắp lượt toàn bộ mười nghìn tên Gringô. Hai đầu gối anh run lên, và anh nấc lên vì kiệt sức. Trong cơn nôn nao choáng váng anh nom thấy những khuôn mặt đáng ghét kia nhấp nhô trước mắt. Anh sục nhớ đó là những khẩu súng. Súng kia là của anh. Cách mạng có thể xốc tới.

HOÀNG TÚY *dịch*

R. Akưtagaoa
(Nhật)

HÂYCHU, KẺ BỢM TÌNH

Hâychu nổi danh một kẻ đào hoa. Không một tiểu thư ở chốn cùng đinh hay một cô gái hạ lưu nào lại không khát khao được nhìn trộm chàng.

Lượm lặt trong bộ Uji (Uji Sui mônôgatari)[1]

Hâychu mòn mỏi trông chờ được gặp người đàn bà của lòng mình và cuối cùng chàng lâm bệnh héo hon vì thất tình cho đến vĩnh biệt cõi đời.

Truyện xưa và nay (Kônjaku Mônôgatari)[2].

Đó là lối mòn của khách đa tình.

Mười điều khai trí (Jukunsô)[3]

---

(1) Uji Sui Mônôgatari; Bộ truyện sưu tập trong thế kỷ 13.

(2) Kônjaku Mônôgatari: Bộ truyện và đồng giao sưu tập trong thế kỷ 12. Nhiều truyện của Akưtagaoa đã dựa vào hai bộ sưu tập này.

(3) Jukunsô: Bộ sưu tập các văn liệu triết lý của thế kỷ 13.

1. BỨC CHÂN DUNG HÂYCHU

Đầu vấn chiếc khăn sang trọng, thanh nhã, biểu trưng của thời đại thanh bình, một người da dẻ hồng hào và cực kỳ đẹp trai đang đứng trước chúng ta. Bên dưới chiếc mũi cân đối những sợi ria mép nổi bật tựa như được kẻ bằng mực tàu. Những nụ cười đáng yêu tỏa ra từ đôi mắt nhỏ long lanh, đôi mắt trong vắt như thể chúng đã nắm bắt được các sắc màu rực rỡ của những đóa anh đào nở rộ.

Tuy nhiên, nhìn kỹ hơn thì ta sẽ thấy được sự thật: đôi mắt ấy chẳng phải bao giờ cũng được đón nhận một niềm hạnh phúc trọn vẹn, Vì những nụ cười của chàng như khát khao theo đuổi một cái gì đó xa xăm mà đồng thời lại cau mày với mọi sự vật xung quanh.

Cái mờ mờ xuất hiện phía sau chàng có lẽ là một tấm bình phong dệt bằng muôn cánh hạc hoặc một tấm rèm kéo có cây thông đỏ mọc dưới chân đồi.

Đấy là hình ảnh phong phú của Tairanô Xađamôri, "người khách tình vĩ đại nhất" hay là Đôn Juan Nhật Bản của chúng ta, mà tôi hình dung qua những truyện xưa kể về chàng tôi được đọc. Thân phụ của chàng, Tairanô Yôsikaghê, có ba người con trai mà chàng là con thứ hai. Vậy nên người ta bảo rằng chàng đã được đặt tên hiệu là Hâychu[1]

---

(1) "Hây là chữ và âm Trung Quốc mà tiếng Nhật Bản đọc là "Taria"

"Chu" cũng là chữ Trung Quốc có nghĩa là "ở giữa".

2. HOA ANH ĐÀO.

Hâychu tựa cột nhàn tản ngắm hoa anh đào trong vườn nhà. Hoa trên những cành vươn sát tận mái hiên dường như đã bắt đầu qua kỳ viên mãn. Nắng chiều muộn màng hắt bóng thanh tú của chúng trên những nhánh non quấn quít nhau cũng làm chúng nhạt đi một chút sắc hồng. Cặp mắt chàng đăm đăm trên những đóa anh đào, nhưng lòng chàng sao mà vời vợi. Chàng đang nghĩ tới nàng nữ tì của lòng mình.

- Lần đầu tiên ta gặp nàng là bao giờ nhỉ? - Chàng hỏi - Ta nghe nói nàng chảy hội Mùa Thiêng - Lúc đó ắt phải là buổi sáng mồng một tháng hai. Nàng toan bước lên xe thì ta chợt đi qua. Phải đấy là lần đầu tiên ta gặp nàng. Vì nàng che quạt nên ta chỉ thoáng trông thấy mặt nàng. Nàng vận chiếc kimônô lụa màu mận chín phủ ngoài bộ đồ dỏ tía và trong cùng là đồ mận lót màu lục sáng. Phục trang hấp dẫn tôn cao nhan sắc của nàng thành không lời nào tả xiết. Khi bước lên xe, một tay nâng váy, nàng cúi đầu duyên dáng. Lúc đó, sức huyễn dụ của nàng không thể cưỡng nổi. Giữa biết bao tiểu thư trong dinh Tể tướng, sắc đẹp nàng thật quả là vô song. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên nếu ta đã nặng lòng yêu nàng...

"Nhưng ta có thực sự yêu nàng không nhỉ?" Chàng nghĩ tiếp có vẻ nghiêm chỉnh. "Hình như ta yêu nàng, mà lại không yêu nàng. Càng nghĩ về chuyện này, ta càng khó quyết định. Nhưng phải công nhận là ta yêu nàng. Cho dù có đắm đuối, ta đâu có mù quáng vì tình. Có lần, ta

kể về nàng với Nôrizanê, một triều thần, thì hắn đưa ra một nhận xét hợm hĩnh là tiếc cho mớ tóc của nàng khí mỏng. Ta hiểu ý hắn. Nôrizanê có thể là một tay biết thổi sáo, chứ luận về tình thì... Thôi kệ hắn. Giây phút này ta chỉ muốn nghĩ về nàng. Ta có thể nói rằng mặt nàng nom có phần quá cô đơn. Mà một bộ mặt cô đơn thì cần một cái gì đó thanh cao, như một tờ tranh cuốn cổ vậy. Nét mặt nàng nom diềm tĩnh đến kỳ lạ, nó khiến người ta phải thận trọng. Một phụ nữ diện mạo như nàng có làm cho đàn ông phải ra ngẩn vào ngơ thì cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Người ta cũng không thể nói được là nước da nàng đẹp. Mặc dù không đậm nhưng da nàng gần như màu hổ phách. Nhìn nàng với sức cám dỗ khó cưỡng lại ấy làm sao ta chẳng ngẩn ngơ? Còn về sự mê hoặc của phái đẹp thì nàng thật quả là có một không hai.

- Ta đã gửi cho nàng bao nhiêu lá thư rồi vậy mà nàng chẳng hề một lần hồi âm. Ta chưa từng gặp một cô gái nào bướng bỉnh thế bao giờ. - Thu hai đầu gối lại. Hậychu nhìn lên khoảng trời bên trên mái hiên, nền trời xanh nhạt bị những chùm hoa anh đào che khuất. Ta chỉ viết cho họ đến lá thư thứ ba là hầu hết phụ nữ phải chiều theo ý muốn của ta. Dù là một cô gái trinh trắng nhất thì ta cũng chưa hề phải viết quá năm lần. Chỉ một bài thơ của ta cũng đủ để chiếm được trái tim của con gái Igen, nhà điêu khắc tượng Phật nổi tiếng. Và cũng đâu phải là thơ ta sáng tác. Ừ, đúng là tác phẩm của Yôsixukê. Ta nghe nói anh ta gửi bài thơ cho người tình, một tiểu thư phẩm trật vào loại thấp trong cung đình, vậy mà nàng cũng có buồn để ý đến sự săn sóc của anh ta đâu. Thậm chí vẫn chính bài thơ ấy, nếu như ta gửi...

Vậy mà nàng tùy nữ chẳng hề phúc đáp, mặc dù ta đã gửi những bài thơ của chính ta. Có lẽ ta chẳng thể quá kiêu hãnh. Nhưng dù sao thì tất cả những lá thư của ta đều chắc chắn được phụ nữ trả lời. Nhận được phúc đáp là hai đứa gặp nhau và ta hết sức tranh thủ, nhưng rồi sau đó ta lại thấy chán ngay. Đấy là lối mòn cố định của những cuộc tình của ta. Ta đã viết cho nàng phải đến hai mươi lá thư mà vẫn không có kết quả. Ta đâu có cả kho vô tận những mẩu thư tình, mà nguồn của ta thì cũng đã gần cạn. Trong lá thư hôm nay gửi nàng, ta đã viết "Xin hạ cố ban cho tôi ít nhất hai chữ: Tôi chờ". Vậy là ta hy vọng lần này sẽ nhận được tin nàng - mà ta cũng chẳng hay liệu nàng có phúc đáp hay không. Nếu không... Trời ơi! Cho đến gần đây thôi, ta đâu có hèn yếu mà quá sầu muộn vì những chuyện này. Người ta nói rằng con cáo già ở Lâu đài Buraku giả dạng đàn bà. Ai bị con cáo ấy bỏ bùa, ắt phải cảm thấy như ta hôm nay.

- Nàng thực sự đã làm ta nản lòng - Mắt ngước nhìn trời, Hâychu lặng lẽ cố giữ không ngáp. Thỉnh thoảng phía trên mái hiên, những đôi cánh trắng lóe lên, lướt nhẹ trong ánh chiều đã xế. Tiếng gù của những cặp chim câu từ đâu vẳng đến. - Thậm chí nếu nàng không ưng một cuộc hò hẹn, ta chỉ cần nói với nàng một lần, là chắc chắn ta sẽ chiếm được trái tim nàng. Trước khi các tiểu thư ở cung đình như Xetsun Kôc-hujô biết ta họ chẳng phải là những kẻ thù ghét đàn ông đấy sao! Một khi đã rơi vào vòng tay ta, họ mới say mê làm sao. Người đàn bà này đâu có phải gỗ, đá. Vậy thì tại sao ta lại không chiếm được trái tim nàng. Ta không cho là vào khoảnh khắc cuối cùng, nàng sẽ thẹn thùng như Xétsu. Nàng sẽ

nâng tay áo lên che miệng và mắt nàng sẽ mỉm cười, long lanh.

- Thưa chúa công! - một giọng nói vẳng đến.

- Chuyện sẽ xảy ra trong đêm, - chàng tưởng tượng tiếp. - Một ngón nến đang le lói. Ánh sáng hắt lên mái tóc nàng...

- Thưa chúa công! - giọng nói cất lên một lần nữa.

Hâychu hơi bối rối, chàng quay đầu có vấn chiếc khăn mềm lại. và trước khi nhận thức được vấn đề, chàng thấy chú tiểu đồng đưa ra một lá thư, mắt nhìn xuống đất. Rõ là nó phải cố lắm mới khỏi bật cười.

- Thư à?

- Vâng, của nàng nữ tì gửi thưa chúa công - Nói xong, chú tiểu đồng vội vã lui ra.

- Của nàng nữ tì? Thực thế ư?

Hâychu hồi hộp mở lá thư viết trên một tờ giấy mỏng màu xanh, - Biết đâu đây lại chẳng phải là trò chơi khăm của Nôrizanê hoặc Yôsixukê. Họ toàn là những kẻ nhàn cư và thích cái trò quái ác này hơn hết thảy. Trời ơi! Thư của *nàng*. Rõ là chữ của *nàng*. Viết gì đây? Câu này có nghĩa gì nhỉ?

Vừa đọc xong, chàng vội quẳng thư đi. Vì trong thư trả lời cho bức thư chàng viết "Xin hạ cố ban cho tôi ít nhất hai chữ: Tôi chờ, chàng chỉ thấy có hai chữ "Tôi chờ" và lại là hai chữ chàng đã viết được cắt ra từ chính lá thư của chàng và dán trên một tờ giấy trắng.

- Thử nghĩ như Hâychu này, vốn nổi danh là một khách tình vĩ đại nhất mà lại bị đem ra làm trò đùa như

thế này! Thật ô nhục! Ả cung nữ này thật xấc xược! Để xem, ta sẽ cho nàng biết tay...

Hai tay bó gối, Hâychu ngẩn ngơ nhìn lên ngọn anh đào. Những cánh anh đào rơi như bao bông tuyết múa lượn trên những chồi lá xanh non đang rung rinh trong gió.

3. ĐÊM MƯA

Khoảng hai tháng sau. Một đêm mưa tầm tã. Hâychu có ý định lẻn vào khu nhà của nàng cung nữ. Mưa trút như thể cả bầu trời sắp tan thành nước. Đường sá nhiều chỗ ngập lụt, lầy lội. "Ta đã chịu mọi điều khốn khổ, ra đi trong mưa bão khủng khiếp thế này để được gặp nàng đêm nay, thì dù nàng có trái tim sắt đá đến đâu cũng phải động lòng trắc ẩn", chàng suy nghĩ trên đường đi.

Đến trước cửa, Hâychu gõ cửa bằng chiếc quạt giấy nạm bạc rồi hắng giọng trước khi lên tiếng. Một cô gái mười lăm tuổi tức thì ra mở cửa. Đêm đã khuya, bộ mặt trát phấn nom già trước tuổi còn ngái ngủ. Chàng thì thầm nhờ cô bảo với nàng có chàng đến thăm.

Cô gái lui vào rồi trở lại cửa và cũng thấp giọng: "Xin vào lối này rồi chờ một chút. Mọi người sẽ về nghỉ ngay thôi. Cô nương bảo là rất sung sướng được gặp ông".

Hâychu bất giác mỉm cười. Khi được dẫn vào chàng ngồi xuống bên cánh cửa lùa của căn phòng hình như sát vách với phòng của nàng cung nữ.

- Mình cũng đa mưu đấy chứ, - chàng cười nhủ thầm sau khi cô gái đã lui ra. Nàng kiêu hãnh là thế, mà cuối

cùng hình như cũng phải xiêu lòng. Nhi nữ thường tình. Ta cứ tỏ ra ân cần tử tế với nàng thì nàng biến thành miếng mồi ngon tức khắc. Cả Yôsixukê lẫn Nôrizanê cũng chẳng có được ngón này, nhưng nói cho cùng thì họ...

- A, xem nào... Ta sẽ được gặp nàng, thật khó mà tin được!

Một mình chờ đợi trong bóng tối, Hâychu bắt đầu cảm thấy băn khoăn, - "Một người phụ nữ đã khước từ ta một cách khiêu khích đến thế thì khó lòng mà lại nhận lời gặp ta. Ta đã viết cho nàng khoảng sáu chục lá thư mà nàng chẳng trả lời ta được một lần. Vậy thì chả trách ta nghi ngờ lòng chân thật của nàng. Nhưng liệu nàng cứ một mực không thèm để ý đến ta, có thể...? Cân nhắc cho kỹ thì ta dám chắc là mối nghi ngờ của ta không phải hoàn toàn vô căn cứ. Mặc dầu vậy, cuộc đeo đuổi kiên trì của ta có thể đã chiến thắng. Dẫu sao thì người tỏ tình với nàng cũng là Hâychu này. Có thể là do cảm kích vì lời cầu xin chân tình của ta mà nàng bỗng chợt xiêu lòng. May rủi trên đời xưa nay vẫn trớ trêu như thế. Vậy tốt hơn hết là hãy cho rằng mối nghi ngờ của ta là sai. Rồi cô gái sẽ tức thì..."

- Điều quan trọng nhất đối với ta lúc này phải thật bình tĩnh. - Vuốt thẳng chiếc Kimônô chàng hồi hộp nhìn quanh. Nhưng chàng không nhìn thấy gì ngoài bóng tối. Căn phòng tràn ngập tiếng mưa xối trên ván mái mỗi lúc một to hơn. Chàng dỏng tai lên khi tiếng huyên náo của những người đi ngoài hành lang dội tới. Hòa với giàn đệm đơn điệu của tiếng mưa rơi không dứt, các cung nữ, những người vừa phục dịch cho Ngài Tể tướng có lẽ đang trở về phòng riêng.

- Khoảng nửa giờ nữa niềm khát vọng ấp ủ từ lâu của ta sẽ được thỏa mãn - dòng suy tư của chàng tiếp tục. - Nhưng ta chưa thể biết chắc được. Thôi, ta đừng nghĩ đến gặp nàng nữa, nhưng lạ thay, ta vẫn sẽ có thể gặp nàng. Nhưng số phận trớ trêu có thể nhìn thấu mưu toan sâu thẳm nhất của ta. Vậy thì ta cứ nghĩ đến cuộc hội ngộ với nàng. Biết đâu, sự thể có thể chẳng diễn ra như toan tính của ta... Ôi, tim ta nhức nhối. Ta cứ nghĩ về những chuyện chẳng liên can gì đến nàng thì hơn. Ta chỉ nghe thấy tiếng mưa rơi. Giờ ta sẽ nhắm mắt lại mà nghĩ về mưa. Có bao nhiêu từ đi với từ mưa nhỉ? - hạt mưa, áo mưa, mây mưa...

Chàng đang triền miên với những suy nghĩ ấy, thì hết đỗi kinh ngạc, chàng nghe thấy một âm thanh thật bất ngờ. Có thể chính xác hơn thì phải nói rằng âm thanh ấy dội đến như thể lời công bố Đức Phật giáng thế đối với đệ tử của Người. Mặt chàng hiện rõ vẻ xuất thần, hơn cả lúc nhà sư nhập định. Vì chàng nghe rõ mồn một tiếng ai đó mở then cánh cửa lùa ở phía ngoài phòng. Cánh cửa mở và trượt nhẹ trên ngưỡng. Cũng là lúc một hương vị ngọt ngào tràn ngập căn phòng tối đen như mực. Chàng qùy xuống mà dò dẫm bò đi trong bóng đêm đầy phấn khích. Không nghe được một âm thanh gì ngoài tiếng mưa đều đặn trên mái, cũng không thấy được một dấu hiệu gì trong đêm đen. Đây đó, tay chàng sờ phải chiếc mắc áo, chiếc giá gương. Chàng cảm thấy tim mình đập nhanh hơn, nặng hơn.

- Nàng ở đây ư? Nếu nàng ở đây, ắt nàng sẽ nói một điều gì đó. - Rồi tay chàng bỗng cảm nhận một bàn

tay mềm mại của phụ nữ. Tay chàng tiếp tục dò quanh, rồi chạm phải ống tay áo như tơ lụa của nàng. Sau đó, nó lần lên đến ngực, bên trong chiếc kimônô, lên cái cổ mềm mại và đôi má tròn trịa và cuối cùng là mái tóc giá lạnh của nàng. Cuối cùng, chàng đã lần mò đến được nàng cung nữ chàng yêu, người đang nằm ngay trước mặt chàng. Cặp môi run rẩy của chàng hôn lên bàn tay nàng, chàng cũng nằm xuống.

Đây không phải là giấc mơ hay ảo ảnh. Người phụ nữ yêu dấu của chàng đang nằm xõa tóc bên chàng và chỉ vận đồ lụa mỏng, đang là lực nam châm chàng không thể cưỡng lại nổi. Toàn thân run rẩy, chàng xáp lại bên nàng. Nhưng nàng vẫn hoàn toàn lặng thinh, chẳng hề nhúc nhích. Chàng còn nhớ đã từng đọc về những điều tương tự trong một cuốn truyện cổ. Cũng rất có thể chàng đã từng thấy cảnh tượng tương tự trong bức tranh cuốn mà nhiều năm trước đây chàng đã giở ra dưới ánh sáng của cây đèn lồng bấc lớn trong Hoàng Cung.

- Tôi cảm tạ em vô cùng! Cho đến vừa đây, tôi vẫn nghĩ là em vô tình, em tàn nhẫn với tôi. Nhưng từ giờ trở đi, tôi sẽ dâng hiến mình cho em chứ không phải là cho Đức Phật nữa, - kéo nàng vào sát mình, chàng mong được thì thầm bên tai nàng. Dù chàng có hăm hở cố nói đến đâu đi nữa, nhưng lưỡi chàng cứ líu lại, giọng chàng cứ tắc nghẹn. Trong khi đó, mùi hương dìu dịu của tóc nàng, hơi ấm lạ kỳ và hương nồng mê đắm làn da mềm của nàng cứ mặc sức bao phủ lấy chàng. Đúng lúc ấy hơi thở của nàng phả vào mặt chàng.

Một khoảnh khắc - trong chính khoảnh khắc này, giữa cơn bão táp của cuộc tình nồng cháy, họ hầu như

quên tiếng mưa rơi, mùi hương nồng, ngài Tể tướng trong Cung điện và các cung tần.

Vào chính khoảnh khắc ấy, nàng cung nữ nhổm dậy, mặt giáp mặt với chàng thẹn thùng nói "Xin chờ một chút. Cửa chưa cài then. Để em ra chốt lại".

Hâychu gật đầu. Nàng nhón chân đi, để lại sau mùi hương dịu dịu, ngọt ngào. Mắt mở to, chàng nằm nóng lòng đợi nàng trở lại. Một lát sau, chàng nghe tiếng trượt nhẹ của cánh cửa và tiếng lách cách của then chốt.

Rồi chàng nhớ lại một bài thơ cổ:

Giấc mơ sống động hão huyền

Trong đêm tăm tối mịt mùng bao la

Cùng với sự thật theo ta

Tuy hai thực chất vẫn là một thôi.

Một lúc sau, chàng nhổm dậy. Bầu không khí vẫn ngát hương như trước. Nhưng chẳng thấy được gì ngoài đêm đen. Tiểu thư đã ra đi, tiếng xiêm áo cũng chẳng còn nghe thấy.

Chắc chắn là không! Nhưng rất có thể nàng... - chàng nghĩ. Trở dậy, chàng lại lần mò tìm rồi đến bên cửa. Ở đấy, chàng thấy cửa đã cài then ở bên ngoài. Chàng lắng nghe, nhưng chẳng có lấy một tiếng chân. Toàn bộ khu nhà các cung tần đều vắng lặng.

- Hâychu, Hâychu, mi không là khách tình lớn nhất trên đời này nữa. - Đờ dẫn vì thất vọng, chàng tựa cửa lẩm bẩm. - Sức quyến rũ của mi đã phai nhạt rồi. Cả tài ba thiên phú của mi cũng chẳng đáng kể như xưa. Mi còn

là một tên khốn nạn đáng khinh hơn cả Nôrizanê lẫn Yôsixukê.

4. HÂYCHU OÁN THÁN.

Một hôm, cảm thấy tuyệt vọng và cô đơn, Hâychu đứng trên đường hành lang vắng lặng gần khu nhà của nàng cung nữ, không cách đại sảnh của Tể tướng là bao. Ánh nắng rực rỡ, loang loáng đổ xuống hàng lan can báo trước một ngày oi ả. Phía trên mái hiên, vòm lá xanh xum xuê của cụm thông tạo được một sự mát mẻ cô tịch trong nắng nóng.

"Nàng đã kiên quyết khước từ lời cầu xin của ta. Ta cũng đã từ bỏ nàng. - Mặt mũi xanh xao, chàng suy nghĩ một cách nghiêm chỉnh. Nhưng dù ta có cố xua đuổi nàng ra khỏi đầu óc thân hình mê đắm của nàng vẫn cứ ám ảnh mắt ta. Để xua nàng ra khỏi suy tư, đã bao lần ta đã thành kính cầu xin trời phật bốn phương! Thế nhưng ta vẫn không thể đến Đền Kamô mà không nhìn thấy rõ khuôn nàng trong chiếc gương nơi thánh thất. Ta cũng không thể thăm viếng hậu cung của Chùa Kiyômizu[1] mà lại không thấy tượng Đức bà Quan âm biến thành tượng nàng.

"Chỉ còn có một cách để quên nàng. Đó là tìm ra một điều gì gớm guốc ở nơi nàng", chàng tiếp tục ngẫm nghĩ. "Nàng đâu có phải là tiên giáng thế, vậy nàng có

---

(1) Đền Kamô và chùa Kiyômizu là hai di tích lịch sử được ghi nhận trong thành phố Kyôtô.

thể có đôi điều uế tạp chú. Nếu như ta thấy được chỉ một điều ấy thôi, thì hình ảnh mê đắm của nàng trong ta sẽ tiêu tan ngay, cũng như con cáo Râynad[1] (từng trá hình là một người vợ) vào phút bộ móng chẽ hai của nó bị lộ. Chỉ khi đó cuộc sống mới thực sự là của ta. Hỡi Đức Đại từ Đại bi Cứu thế, xin hãy ban cho con một chứng cứ giải mê rằng nàng cũng chỉ bằng xương bằng thịt chẳng khác gì một mụ ăn mày trên đường phố". Nghĩ vậy, chàng uể oải nhìn lên.

- Ồ, cô nữ tì nhà nàng cung nữ.

Cô gái tươi tỉnh, vận bộ đồ hồng và chiếc váy màu đỏ thắm, tình cờ đi về phía anh. Cô đang giấu một vật gì đó như chiếc tráp nhỏ sau cái quạt đỏ xòe ra. Chàng nghĩ rằng cô ắt đang đi đổ rác. Nhìn thấy cô, một quyết định táo tợn chợt lóe lên trong đầu chàng như một tia chớp. Mất trọn trừng dữ tợn, chàng chặn lối cô, và ngay khi giật được chiếc tráp trong tay cô, chàng vụt biến vào một phòng trống. Bị bất ngờ, cô gái lon ton chạy theo, vừa chạy vừa kêu thét. Nhưng ngay sau khi lao vào phòng, Hâychu đã tức khắc chốt cửa lại.

- Ừ, nếu ta mở ra xem, thì mối tình thiên thu sẽ tan biến như một giấc mộng hão huyền. Hai tay run rẩy, chàng nâng cái tráp lên. Đó là một cái tráp mới do một bàn tay tinh tế làm ra với những họa tiết vàng son mài.

- Đồ thải của nàng ở trong này, và cả cuộc đời của mình nữa, - chàng nói và nhìn chằm chằm chiếc tráp đẹp

---

(1) Râynad: con cáo trong thiên anh hùng ca các loài vật ở thời trung cổ "cáo Râynad".

kia. Cô gái vẫn kêu la than khóc ở bên ngoài, nhưng tiếng kêu khóc cũng lắng dần. Giờ đây, chàng hết sức bồn chồn kích động đến mức cả cánh cửa lẫn bức rèm trượt bằng giấy đều bắt đầu nhạt nhòa như sương khói trước mắt chàng, và chàng không còn khả năng phân biệt đêm với ngày. Chỉ có cái tráp với hình con cu gáy sơn mài vàng chạm nổi cứ lồ lộ từng nét trước mắt chàng. "Để quên nàng và để sống, cả hai tùy thuộc vào cái tráp này. Nếu ta mở nắp ra, và toàn bộ... Không! Đó là điều ta phải suy nghĩ mới được". Vào khoảnh khắc cuối cùng, chàng lưỡng lự, và những vệt nước mắt long lanh trên má. "Ta không quyết định được phải làm cách nào, quên nàng đi ta sống một cuộc đời vô nghĩa hay là chết với ký ức về sắc đẹp mê đắm của nàng. Thậm chí nếu ta chết, ta có để nắp hộp đóng nguyên không?"

Sau một phút suy nghĩ, chàng điên dại kêu thầm trong lòng, mắt long sòng sọc "Hâychu. Hâychu. Mi thật đón hèn làm sao! Mi đã quên cái đêm mưa rồi sao? Giờ đây có thể nàng vẫn nhạo báng tình yêu của mi đấy. Sống đi! Gắng lên! Và sống tiếp! Xem đồ thải của nàng đi và nhất định mi sẽ thắng".

Cuối cùng chàng điên cuồng mở nắp. Bên trong, chàng thấy lưng tráp là một thứ nước mờ mờ màu cam và dưới đáy là hai, ba vạt hình tăm màu cam sẫm. Đồng thời, mùi đinh dương sực lên mũi chàng như đang trong giấc mơ vậy. Có thể nào đây lại là đồ thải của nàng? Đến Vệ nữ hay nữ thần tình yêu Aphrôdit cũng chẳng có thứ đồ thải ấy.

Nhíu mày, chàng nhón một vật dài khoảng năm phân tềnh bềnh ở trên cùng và cứ gí sát mãi vào mũi. Rõ ràng đây là mùi gỗ trầm hương loại thượng hảo hạng.

- Sao thế này? Dịch thải của nàng như cũng ngát hương. Có thể đây cũng là nước hoa.

Chàng ngửa mặt lên, khẽ khàng nhấm nháp thứ nước kia. Không còn nghi gì nữa, đó là một chất lỏng trong vắt cất từ gỗ đinh hương.

Chàng nhai nếm vật chàng đã nhón lên. Nó có cái vị vừa ngọt lại vừa đắng và miệng chàng tức khắc bão hòa một mùi hương gắt hơn nhưng lại thanh cao hơn cả mùi hoa cam giấy. Nàng cung nữ đã nhìn thấu toan tính của Hâychu, và để phá tan ý đồ của chàng, nàng đã làm thứ đồ thải tinh tế bằng gỗ thơm.

- Cung nữ, nàng đã giết Hâychu, - chàng rên lên và quẳng chiếc tráp sơn mài vàng xuống. Rồi chàng ngã rập xuống sàn. Trong mắt chàng, nàng cung nữ có sắc đẹp mê hồn, trên đầu tỏa sáng một vầng hào quang, đang mỉm cười.

5. GHI CHÚ VỀ CÂU CHUYỆN.

Đây là một đoạn chuyện phiếm giữa hai người bạn của Hâychu, Yôsixukê và Nôrizanê.

Yôsixukê: Người ta bảo thậm chí Hâychu cũng không xứng với nàng tùy nữ.

Nôrizanê: Phải, họ bảo vậy đấy.

Yôsixukê: Hắn có thể "tán thành" bất cứ người phụ nữ nào trừ các phu nhân trong bộ phận dịch vụ và phục trang của Hoàng gia. Đó là một bài học tốt cho hắn.

Nôrizanê: Anh cũng là một môn đệ của đức Khổng tử đấy à?

Yôsixukê: Tôi đâu có biết gì về những điều giáo huấn của đức Khổng tử. Nhưng tôi biết rất rõ đã có biết bao phụ nữ phải đau khổ vì Hâychu. Và tôi cũng biết rất rõ nỗi đau đớn khủng khiếp chồng con họ phải chịu đựng, sự tủi nhục cay đắng cha mẹ họ phải nuốt, và mối hằn thù sâu thẳm mà họ hàng thân thích của họ phải nuôi dưỡng. Những kẻ gây ra những điều rắc rối đó phải đưa ra cho công chúng khiển trách.

Nôrizanê: Nhưng có phải bao giờ cũng vậy cả đâu. Đúng là Hâychu có thể gây rắc rối cho công chúng, nhưng tôi có thể nói rằng không nên đổ lỗi cho một mình hắn.

Yôsixukê: Thế thì còn ai vào đây nữa?

Nôrizanê: Cánh đàn bà.

Yôsixukê: Phụ nữ phải lãnh trách nhiệm trong tội lỗi này thì thật là sai.

Nôrizanê: Tôi cho là chỉ có Hâychu phải chịu trách nhiệm thì không công bằng.

Yôsixukê: Nhưng hắn đã tán tỉnh biết bao đàn bà. Dẫu sao chúng ta cũng không gây phiền hà cho mọi người như Hâychu đã làm, đó là điều chắc chắn.

Nôrizanê: Anh không thể đoán chắc vậy được. Tôi không hiểu sao, chứ đã là con người thì chúng ta chẳng thể sống lấy một phút mà lại không làm khổ lẫn nhau.

Chỉ có điều khác là Hâychu gây phiền nhiều hơn chúng ta mà thôi. Đấy là số phận không thể tránh khỏi của một thiên tài.

Yosixukê: Hâychu mà được liệt vào bậc thiên tài thì cá chép trong cái ao này cũng rất có thể hóa rồng.

Nôrizanê: Hâychu là một thiên tài, chắc chắn là như vậy. Hãy nom bộ mặt hấp dẫn của anh ta. Hãy nghe cái giọng ngọt ngào của anh ta. Hãy đọc những lá thư tuyệt trần của anh ta. Nếu anh là đàn bà, tôi cuộc là anh cũng sẽ mê anh ta. Ngay từ phút lọt lòng mẹ, anh ta đã được trời phú cho những thiên năng phi thường, cũng như Thánh Kukai[1] Ônônô Đôfu[2] vậy. Trong ý nghĩa khe khắt của thiên tài thì chúng ta chẳng có cách nào sánh nổi anh ta.

Yôsixukê: Thiên tài cũng có thể mắc lỗi, nhưng họ làm biết bao việc tốt. Ví thử, nhìn vào thuật viết chữ của Ônônô Đôfu, anh sẽ xúc động vì những nét thần kỳ của cây bút bậc thầy. Nghe Thánh Kukai cầu nguyện hoặc đọc kinh Phật anh sẽ...

Nôrizanê: Tôi không hề nói là các bậc thiên tài chẳng làm được cái gì ngoài việc phạm tội lỗi. Tôi muốn nói là họ cũng có thể phạm tội.

Yôsixukê: Vậy thì họ khác Hâychu là người chẳng làm được tích sự gì ngoài phạm tội.

---

(1) Thánh Kukai. (771-835) là một nhà sư Nhật Bản đầy thiên bẩm uyên bác tuyệt vời. Ông cũng được gọi là "Thánh Kôbô".

(2) Ônônô Đôfu (896-966) thường được nhắc đến trong ba người viết chữ đẹp nổi tiếng của Nhật Bản cùng với thánh Kukai.

Nôrizanê: Đấy là điểm mà chúng ta không đủ tư cách để phán xét. Đối với những người thậm chí không đọc nổi cả chữ nôm[1] Nhật Bản, thì thuật viết chữ của Ônônô Đôfu có thể chẳng là cái gì hết. Còn đối với những kẻ không sùng đạo, thì những bài ca cửa miệng của gái điếm có thể còn hơn cả những bài tụng niệm của Thánh Kukai. Để hiểu một thiên tài, anh phải hiểu được tư chất của người ấy.

Yôsixukê: Anh nói đúng. Nhưng tôi chẳng thấy tài năng gì ở Hâychu cả.

Nôrizanê: Anh thấy đấy, chỉ có phụ nữ mới biết được Hâychu ưa điểm gì. Anh vừa mới nói là biết bao phụ nữ đã phải đau khổ vì Hâychu. Tôi thì lại nói rằng nhờ có anh ta mà biết bao phụ nữ đã đạt đến tột đỉnh của hoan lạc, đã cảm thấy sâu sắc cuộc đời là đáng sống, đã học được đức hy sinh, và...

Yôsixukê: Thôi, đủ rồi. Cách lập luận của anh có thể biến bù nhìn giữ dưa thành một hiệp sĩ.

Nôrizanê: Dưới cặp mắt ghen tuông của anh thì một hiệp sĩ có lẽ cũng chẳng hơn gì một bù nhìn giữ dưa.

Yôsixukê: Đấy là một phát hiện đối với tôi.

Nôrizanê: Anh không buộc tội những người đàn bà phóng đãng như anh đã lên án Hâychu, có phải không? Cũng có thể là ngoài miệng thì anh buộc tội họ, nhưng trong lòng thì không. Anh thấy đấy, chúng ta là đàn ông, vậy nên ghen tuông lẻn vào đầu chúng ta trước khi chúng

---

(1) Chữ Nhật Bản đã đơn giản hóa.

ta nhận biết nó. Tất cả chúng ta đều giấu giếm một tham vọng hay một khát vọng được ít nhiều giống như Hâychu. Cho nên anh ta bị ghét bỏ hơn cả một tên phản bội. Thật bất hạnh cho anh ta.

Yôsixukê: Thế thì anh thích là một Hâychu à?

Nôrizanê: Tôi à? Không, tôi chẳng thiết gì cái đó. Vì thế mà tôi nhìn nhận anh ta công bằng hơn anh. Ngay giây phút anh ta chiếm được một cô gái, anh ta ngán cô ta liền, và thật buồn cười, anh ta lại mê một cô khác. Đó là vì trái tim anh ta luôn mang một hình ảnh đậm nét của Vệ Nữ hay một sắc đẹp nơi tiên giới nào đó mà con người không thể vươn tới. Anh ta luôn luôn cố tìm cái đẹp đó ở những người đàn bà trần tục. Khi thực sự yêu, anh ta nghĩ là đã nhìn thấy nó. Nhưng sau khi nhìn thấy hình ảnh lý tưởng ấy nhiều lần trong tưởng tượng, thì anh ta mất nó luôn. Vậy là anh ta mòn mỏi đi vì yêu hết người đàn bà này đến người đàn bà khác. Thời buổi này không thể có được cái đẹp lý tưởng ấy, cho nên cuộc đời anh ta chẳng thể nào khác là chấm dứt trong đau khổ. Về phương diện này thì anh và tôi hạnh phúc hơn anh ta nhiều. Hâychu bất hạnh và anh ta là bậc kỳ tài. Nhưng đấy không chỉ là số phận của mình anh ta đâu. Thánh Kukai và Ônônô Dôlu ắt phải có nhiều điểm chung với anh ta. Xét cho cùng, nếu anh muốn có hạnh phúc thì điều tốt nhất anh có thể làm là hãy làm một con người bình thường.

LÊ VĂN VIỆN *dịch*

Kdzuô Ôikava
(Nhật Bản)

NHỮNG CON BÚP BÊ NGÀY HỘI

Tiễn đưa đoàn đại biểu phong trào hòa bình đi dự cuộc mít tinh kỷ niệm "Ngày Bi ki ni" (tổ chức đúng vào ngày mồng một tháng ba) trở về, tôi tới nhà khi trời đã tối khuya, giá lạnh. Vợ tôi xúc động báo cho tôi hay là nàng đã bày biện xong những con búp bê ngày hội dành cho con gái chúng tôi, cô học trò lớp hai trường tiểu học.

Thế có nghĩa là ngày hội của các cô bé đã đến, tháng ba đã đến! Thật không thể ngờ được. Một tình cảm tươi sáng choáng ngợp lòng tôi. Suốt cả tháng trời tôi lo công việc quyên góp, vùi đầu vào các vấn đề tổ chức trong các công đoàn cũng như đủ mọi thứ công việc khác tương tự như vậy. Nhưng dù sao tôi cũng thấy xấu hổ. Xấu hổ vì tôi đã quên khuấy đi mất về việc tháng ba xịch đến nơi rồi, mặc dù thường lệ vẫn tổ chức "Ngày Bi ki ni" vào ngày mồng một tháng ba, và tôi thường vẫn tham gia hết sức tích cực trong việc chuẩn bị ngày này.

Những con búp bê ngày hội do bà nhạc tôi mua, khi con gái tôi mới lên ba, giá khá đắt. Được xếp đặt trên một cái giá gỗ đặc biệt có bậc, phủ vải đỏ, những con

búp bê trông thật xinh đẹp, tôi đặc biệt thích năm nhạc công cung đình. Đồng thời màu vải đỏ bất giác gợi nhớ đến một màu đỏ khác, màu đỏ mà đã bao năm tôi không bao giờ lãng quên.

- Những con búp bê của anh em để ở *tôkônôma* (1) trên gác hai. Chỉ việc lấy chúng ở hộp ra thôi.

- Ờ ờ.

"Không lẽ đã là tháng ba rồi ư?" - Bây giờ tôi lại thấy đau đớn. Vào tháng ba bao giờ lòng tôi cũng nặng trĩu. Và nếu ta hình dung ký ức đại loại như một thứ lò xo xoáy trôn ốc thì ở cái đế của nó bao giờ tôi cũng thấy thời gian, vật đối trọng độc đáo của đời tôi, sự tồn tại của tôi. Nó cũng như thể là cái cục nặng trong con lật đật, không để cho chú ta ngã.

Trở lại cái tháng ba xa xôi năm 1945.. cái tháng ba ấy cứ bừng lại bừng lại trong ký ức tôi. Và tôi nâng niu giữ gìn những con búp bê "Ngày hội cũ - hoàng đế và hoàng hậu ăn mặc lễ phục cổ - như một chứng cớ về thời gian đó.

"Đồ gia bảo của anh", - vợ tôi thường bảo tôi. Nàng không hề châm chọc tôi, không, nhưng nàng nói một cách dễ dãi dường như không hề biết tôi đã trải qua chuyện gì khi ấy, và điều đó làm tôi phật lòng.

Tôi cởi áo bành tô, đi lên gác hai, lấy những con búp bê ngày hội từ trong cái hộp cũ đã thẫm lại bởi thời gian và đem bày lên *tôkônôma* của căn phòng giá lạnh.

---

(1) Ngăn xây vào tường.

Những con búp bê này đã sống suốt hai mươi nhăm năm thiếu người nữ chủ, và sau thời gian đó chúng thảy cũng đã già đi. Những hình hoa văn kim tuyến trên lễ phục của chúng đã bạc màu, lụa đỏ nhạt phai. Những gương mặt khi trước dường như sống thực, giờ đã xin lại. Chỉ có những bàn tay là không mất nước da trắng và rất giống hai bàn tay của mẹ tôi khi lần cuối cùng người bày biện những con búp bê này. Giá lạnh xuyên thấm vào tận xương tủy, và bỗng từ sâu thẳm ký ức phả ra một luồng giá lạnh khác, giá lạnh của thời gian xa xôi ấy.

Phải, vào ngày hôm ấy trời rất lạnh. Và không chỉ riêng ngày hôm ấy. Mùa đông năm 1945 ở Tôkiô rất khắc nghiệt, đúng là một mùa đông chiến tranh với đầy đủ ý nghĩa của nó. Những cuộc oanh tạc của không quân Mỹ càng ngày càng trở nên ác liệt hơn, làm cho ai nấy đều nghĩ tới cái chết đến gần. Cuối tháng hai trời đổ một trận tuyết dày không hề có từ thời Minh Trị. Bấy giờ tôi học ở lớp năm trường học nhân dân và lần đầu tiên trải qua mọi điều xảy ra: cả cái lạnh khác thường vào đầu năm, cả bầu trời xám nặng như chì là thấp, cả trận tuyết rơi. Có thể vì thế mà tất cả mọi chuyện đó mới in sâu vào ký ức tôi.

Bấy giờ chúng tôi sống ở gần chùa Kitidziôdzi trong quận Kômagômê. Cách đấy không xa còn có cả một mê cung những ngõ hẻm và phố nhỏ cũng như vô số những chùa chiền lắt nhắt khác. Anh đang đi, và bất chợt trước mặt anh hiện ra một bờ rào cao hay vòm cổng, còn phía sau chúng ta những bức tường trắng của một ngôi chùa. Những cành lá rậm rạp của những vườn cây quanh năm

xanh tươi xòe ra khỏi bờ rào, vì thế mà chiều chiều và vào những ngày xấu trời ngõ hẻm chìm vào bóng tối ghê rợn. Và ngõ hẻm u tối ấy cũng như bầu trời đông ảm đạm giờ đây hiện lại trong ký ức như hiện thân của cái thời gian nặng nề, khủng khiếp ấy. Vào một buổi sáng, tôi có nhiệm vụ phải đập vỡ mặt băng phủ trên nước trong cái thùng gỗ phòng cháy để ở bên cửa nhà. Và thường lớp mặt băng đó quá dày, quá sức với đôi tay trẻ con. Thậm chí đến nước sôi đem ra đổ cũng chẳng ăn thua gì.

Vào buổi sáng đáng ghi nhớ hôm ấy nước trong thùng gỗ cũng bị phủ kín bởi lớp băng dày cứng. Trên mái nhà còn đọng tuyết rơi suốt mấy ngày qua. Tôi lấy cái kẹp sắt nặng ra sức phá lớp mặt băng. Mảnh vụn bắn tung tứ phía. Bàn tay tê dại đi vì mỏi, tôi thở hổn hển, nhưng vẫn tiếp tục phá lớp băng đùng đục.

- Đưa đây ta giúp cho nào! - Một giọng nói cất lên. Tôi giật mình vì đột ngột, mặc dù biết rằng đó lại là "gã" ta, người đàn ông cao mặc áo măng tô đen. Cười gằn, ông ta đưa mắt nhìn tôi chòng chọc.

- Không cần thiết, - quay đi không nhìn ông ta, tôi bực bội trả lời và lại nhìn vào những mảng băng lóng lánh.

- Bố có nhà chứ?

Bao giờ tôi cũng cảm thấy giọng người mặc áo măng tô đen lãnh đạm và như hiện thân điềm gở gì đó.

- Còn chiều tối hôm qua ông cụ trực ở trường Đại học tổng hợp, có đúng không nào?

"Thật là kinh khủng" - tôi nghĩ bụng. - "họ thường xuyên theo dõi nhà mình". Nhân viên mật vụ cứ bắt đồ

xuất hiện và cũng lại bất đồ biến đi, làm chúng tôi luôn luôn lo sợ.

- Ba ngày nay nhà cậu có khách hả?

- Không có ai tới cả! - Tôi trả lời một cách ngỗ ngược, thâm tâm không muốn như vậy, và ra sức giáng mạnh thanh kẹp sắt xuống mặt băng. Mảnh băng vụn bắn tung tóe đi khắp các phía, một số lấp lánh bám vào cái áo măng tô đen. Ngọ ngoạy bàn tay đi găng da, măng tô đen cất tiếng cười khì khì rồi sải rộng bước bỏ đi.

"Gã" đi theo ngõ hẻm dọc bờ tường dài bằng đá của tu viện Kitidziôdzi ra phía đường tàu điện. Tôi nhìn theo hút ông ta cho đến lúc ông ta khuất hẳn sau cành lá cây ghingkô xòa ra khỏi bờ tường đá.

Tôi ngước nhìn lên bầu trời sớm mai trong trẻo và đột nhiên cảm thấy ớn lạnh, dường như linh cảm thấy một điềm gở.

Khi cùng với mẹ và chị tôi ngồi vào bàn ăn, tôi nói:

- "Gã" ấy lại đến!

- Em nói gì vậy? Bao giờ thế?

- Vừa nãy, lúc em đang phá băng.

- Con sợ lắm mẹ ạ, - gương mặt nhợt nhạt của chị Iôkô ngây ra căng thẳng.

- Không việc gì phải sợ, - mẹ tôi cố ý kéo dài giọng, - Cha các con chẳng làm điều gì xấu. Con người ta để ý đến cha các con bởi vì ở khoa cha các con trông nom sinh viên nước ngoài. Thì các con cũng đã biết đấy.

- Nhưng lần trước ở sở cảnh sát họ đã đánh đập cha đến sưng vều cả mặt lên. Thương cha quá. - Đôi mắt chị Iôkô giàn giụa nước mắt.

- Thôi đủ rồi, các con ăn đi!

Mẹ tôi đẩy đến cho tôi cái bát đựng cháo gạo.

- Ô, cháo gạo! - Tôi khẽ thốt lên, bởi vì vào thời kỳ ấy chúng tôi thường chỉ được ăn khoai tây, đậu hoặc cao lan.

- Các con ăn cho thật no vào, chỉ có thể ăn được vào bữa sáng, còn chiều chiều lại sẽ có báo động máy bay.

Chị tôi đưa những ngón tay nhỏ nhắn nhón lấy cái bát. Trên bàn còn đó món súp óc đậu nành và đậu mặn.

- Muối đây... Mà này, gạo là của cậu Aoki ở Tabata hôm kia mang đến làm quà đấy.

- Hôm kia ạ? - Tôi lo lắng hỏi lại, nhớ đến "gã".

- Phải, mẹ bảo cậu ấy rẽ vào chơi, mẹ muốn hỏi ý kiến cậu ấy về việc đóng gói đồ đạc phòng trường hợp phải đi sơ tán.

Aoki, người họ xa của mẹ tôi, thợ làm vườn ở Tabata.

Trong bữa ăn sáng ấy chúng tôi không còn trao đổi thêm với nhau một lời nào nữa.

*

* *

- Kadzuô - chain, con mở đài đi con! - từ bếp tiếng mẹ tôi vọng ra. Tôi đi đến căn phòng xa, mở cái đài để ở bên cạnh bàn thờ rồi tôi nằm dài ra thảm, thọc hai

chân vào dưới chăn, trên *kôtatxu*[1]. Tôi cứ nằm như vậy, lơ đãng nhìn ra sân qua lần kính cửa xếp dán kín những mảnh giấy chéo nhau.

Ngày hôm ấy ở trường không có giờ học. Từ cuối tháng giêng số những trận ném bom tăng lên nhiều, ở Tôkiô không ngày nào là không có báo động máy bay, những vết tro tàn nâu sạm mỗi ngày một thêm rộng. Những trận oanh kích do các máy bay ném bom loại lớn của Mỹ B-29 đóng căn cứ ở đảo Xaipan thực hiện. Cuối mùa thu năm qua hầu như toàn bộ trường học ở quận Hongo, nơi tôi học, đều đã được đưa đi sơ tán, và mỗi năm học chỉ để lại vẻn vẹn có một lớp. Sau mỗi lần oanh kích mới biết hết bàn học này đến bàn học khác cứ vắng dần. Trong những ngày ấy không ít các bạn cùng lớp của tôi đã chết. Còn sống sót chủ yếu là những người có nơi ra đi, chẳng hạn về với bà con họ hàng. Trong trường không còn nghe thấy tiếng trẻ con nô đùa, không một âm thanh nào phá tan bầu không khí yên ắng tang tóc, dường như không khí trên những đồng hoang tàn. Hai ba ngày chúng tôi mới đến trường một lần, nhưng không có bài học, chúng tôi đến chẳng qua vì miếng bánh, xuất ăn của học sinh, và qua một hai tiếng là chúng tôi quay trở về nhà.

Thậm chí trong tâm hồn trẻ thơ này cũng chứa đựng chỉ một nỗi sợ hãi trước cái chết hoặc những đám cháy. Có cảm giác chúng tôi đến trường chỉ để biết xem ai còn sống... và mặc dù ông hiệu trưởng già của chúng tôi nhắc đi nhắc lại rằng trong tình huống đã phức tạp lên, toàn

---

(1) Bếp lò xây trong buồng.

thể dân tộc một trăm triệu người Nhật Bản phải sẵn sàng hy sinh cuộc sống, cảm giac buồn bã không rời bỏ chúng tôi. Bởi vì ở trường không có giờ học nữa, nên bọn trẻ chúng tôi vất vưởng như những kẻ mất hồn.

Cảm giác thật sự sống chỉ xuất hiện ở tôi trong thời gian có báo động máy bay và các đám cháy vì bom cháy, khi tất cả bầu trời đỏ ánh lửa.

- Chị coi bộ hôm nay em không có giờ học? - Chị tôi đến gần hỏi tôi. Chị thọc hai tay xuống lần chăn để trên *kôtatxu* và áp mặt vào chăn.

- Cả chị cũng không có việc hả?

Chị Iôkô đang học lớp ba trường trung học nữ, nhưng bây giờ chị bị động viên vào đội nữ công nhân.

- Hôm nay được nghỉ, nhà máy của chị mới bị cháy rồi. Ngày kia chị sẽ đến trường xem bây giờ người ta phải đi đâu, - chị Iôkô uể oải nói.

- Giá người ta phái chị về nông thôn thì hay, - tôi tỳ cằm vào chăn, ghé sát mặt chị tôi.

Chị Iôkô mở to đôi mí mắt đỏ hoe rồi lại cụp ngay lại...

- Không, tốt hơn là ở lại Tôkiô. Để ba ở lại một mình thương lắm.

Tôi hiểu chị tôi muốn nói gì. Chỉ nay mai là gia đình chúng tôi sẽ tản mát khắp thế gian. Tôi với mẹ tôi định về quê cha tôi ở Ivatê. Anh tôi đến hè sẽ đi Kumamôtô, vào học trường trung học chuyên nghiệp. Chị tôi sẽ phải đi đâu không rõ. Thế là cha tôi sẽ chỉ còn một mình ở lại Tôkiô.

- Chị yêu ngôi nhà mình lắm, chị chẳng muốn đi xa đâu.

Chúng tôi im lặng, người ta thường xuyên khuyên bảo chúng tôi rằng cần phải kiên trì chịu đựng thì thắng lợi trong chiến tranh sẽ được bảo đảm. Rằng không được sợ chết. Và tôi bỗng cảm thấy sự tồn tại của chúng tôi mới mỏng manh làm sao. Bởi vì không rõ cái gì sẽ xảy ra, thậm chí ngày mai thôi, có lẽ cái kết thúc đã đến gần rồi.

- Iôkô, lại đây con. Cả con nữa, Kadzuô - chain! - nghe thấy tiếng gọi chúng tôi giật mình, trong giọng nói của mẹ tôi, tôi nhận ra vẻ xúc động. Chị Iôkô đứng dậy đi lên gác. Chị chạy bổ đến ôm lấy vai mẹ tôi.

- Ô, mẹ!

- Cẩn thận, Iôkô!

Trên giá có bục để xếp búp bê rực đỏ tấm vải phủ. Chị tôi và mẹ tôi nhìn những con búp bê phấn chấn hẳn lên, tựa hồ trước mặt, trong thế giới đã phai lạt màu sắc đột nhiên nở rộ muôn ngàn hoa thắm.

- Bất chợt lúc nào chúng cũng có thể biến thành tro bụi. Vì thế mẹ muốn bày mọi thứ đúng như ngày hội, mặc dù chẳng có rượu trắng xakê ngọt ngào, cũng như chẳng có *hiximôtae*[1].

Vừa nói, mẹ tôi vừa đặt con búp bê - hoàng đế lên bục trên cùng, sau khi đã bỏ tờ giấy mềm bọc ngoài. Đến

---

(1) Một thứ bánh hình quả trám, bằng bột gạo nhuộm ngũ sắc.

khi chị Iôkô đặt bức bình phong vàng xong, mẹ vội vã đặt con búp bê - hoàng hậu lên chỗ của nó. Tôi cảm thấy phật lòng vì bị bỏ quên, nhưng đồng thời vẫn say sưa ngắm nhìn mẹ tôi và chị Iôkô khéo léo bày các con búp bê.

Đôi mắt chị tôi vui mừng ngấn lệ. Chị Iôkô nói chung thường hay khóc, nhưng bấy giờ tôi hoàn toàn chia sẻ tình cảm của chị. Và quả thực, nếu không có mẹ tôi thì cả tôi, cả chị Iôkô bấy giờ đều chẳng nhớ gì đến các con búp bê. Ấy vậy mà tháng ba đã sịch đến của rồi.

- Những con búp bê này - hoàng đế và hoàng hậu - ba các con đã sung sướng đi mua khi Iôkô ra đời. Bấy giờ mẹ bảo ba là Iôkô còn chưa biết gì hết, nhưng ba các con đâu có chịu nghe.

Mẹ tôi đã kể lại chuyện này không phải chỉ một lần, nhưng bây giờ đầu óc tôi chợt có những ý nghĩ mơ hồ về nghĩa lý và giá trị cuộc sống. Im lặng một lát, mẹ tôi nói:

- Nếu con đi lấy chồng, con hãy mang chúng đi theo.

Chị tôi nghiêm nghị ngồi tư lự, mắt nhìn đâu đó xa xăm.

Chung quanh im ắng lạ thường. Lơ đãng nhìn các con búp bê, tôi suy nghĩ đến chuyện chẳng bao lâu nữa cả chúng, cả ngôi nhà của chúng tôi đều sẽ cháy thành tro bụi. Cái cảm giác tôi chưa từng nếm trải đó gợn lên trong tôi bởi những đám tro tàn, mỗi ngày thêm một nhiều hơn, nó giống như cái cảm giác chờ đợi.

Thời tiết bấy giờ cũng lại khác thường. Suốt cả ngày hôm sau đổ tuyết. Nhưng sau bữa ăn trưa tôi tự nhiên

muốn đi ra đường phố. Đội lên đầu chiếc mũ trùm phòng không và mặc áo Ka pốt chế phục với hàng khuy lấp lánh, tôi đi đến chùa Kitiđziôđzi.

Từ ngoài cổng chùa vào sân trong kéo dài một hàng cây gingkô. Phủ một lớp tuyết dày và một làn khói vẩn vơ, đường cây giống như bức họa mực tàu. Mái chùa chính và tháp chuông cũng phủ tuyết. Trong sân hoang vắng tịnh không bóng người, bầu thinh không chỉ thỉnh thoảng bị tiếng tàu điện đi qua ngoài phố chính làm kinh động. Ngày hôm đó hai lần tuyết rơi dày, chưa bao giờ tôi từng được thấy như thế và vì thế tôi cho điều đó càng khác thường hơn cả những trận máy bay oanh tạc hàng ngày, những trận oanh kích gợi lên trong tâm trí trẻ thơ của tôi đang thèm khát những chuyện phiêu lưu mạo hiểm một cảm giác kích động mạnh mẽ. Vậy là không đủ sức dẹp nỗi xúc động trong người, tôi đi thơ thẩn khắp sân phủ tuyết của nhà chùa.

Những lối nhỏ giữa các hàng bia mộ đan nhau đến mức tạo thành một mê lộ. Còn tuyết thì cứ rơi, rơi mãi, phủ dày trên cành cây và thân cây. Khi tôi quay trở về nhà, những vết chân của tôi ở đường hàng cây hầu như không còn thấy nữa. Và tôi tha thiết mong muốn trận tuyết này không bao giờ ngưng, để những đám tro tàn cũng như đường phố bẩn thỉu biến đi dưới lớp phủ dày của nó. Nỗi xúc động của tôi mỗi lúc một tăng. Tôi chợt nhớ đến Ôxiti Iaô-ia, có một lần mẹ tôi đã kể về nàng cho chị tôi nghe. Cô gái ấy sau trận nhà cháy đã trú nhờ ở chùa Kitiđziôđzi và đã phải lòng chú tiểu. Đến khi trở về ngôi nhà mới, cô lại đốt nó đi để lại được đến trú nhờ

ở chùa Kitiđziôđzi và gặp gỡ người yêu. Oxiti bị kết tội hỏa thiêu, trước khi bị hành hình, cô bị dẫn đi bêu giếu khắp cả Êđô. Bấy giờ cô gái mới mười sáu tuổi. Tôi nhớ, chị tôi đã nén thở lắng nghe câu chuyện của mẹ tôi kể ra sao, gương mặt của chị tôi bấy giờ nhợt nhạt đi như thế nào. Còn tôi bấy giờ thì cố hình dung ra ngọn lửa đám cháy. Bấy giờ khắp Tôkiô tràn ngập các đám cháy. Chìm đắm trong suy tư của mình, tôi cứ thục bừa chân ngập đến đầu gối trong tuyết.

Mãi chiều tối tôi mới trở về nhà: người mệt rũ. Đôi ủng của tôi ướt sũng, và tháo đôi ủng ra, tôi lại cảm thấy đôi chân mình lạnh cóng.

- Có chuyện gì thế? Sao con ướt sạch cả người thế? - mẹ tôi hỏi một cách nghiêm nghị. Và quả thực, tuyết dính thậm chí cả vào mép ống tay áo và mũ chụp. - Nghe nói tàu điện không chạy nữa. Chị Iôkô của con khó khăn lắm mới về tới nhà.

- Thế ba làm sao về được? - Tôi hỏi, cởi bỏ áo măng tô ngoài phòng ngoài.

- Hôm nay ba con ngủ lại tại trường đại học, con đi ăn nhanh lên rồi đi ngủ. Chứ không lại sắp báo động bây giờ.

Mẹ tôi lấy khăn lau mặt lau áo măng tô cho tôi. Bên cạnh áo của tôi là áo măng tô của chị Iôkô.

Trong phòng sân dưới ngọn đèn bọc kín bằng giẻ đen, giường đã sắp dọn. Chị tôi ngồi bên *kôtatxu* đọc sách.

- Tuyết dày lắm hả? - nghe thấy tiếng tôi nói, chị tôi đặt cuốn sách xuống bên cạnh, dường như giấu khuất tôi.

- Chị đọc gì thế?

- À, vậy thôi. Chị lấy ở phòng làm việc của ba. Nếu ba biết ba sẽ giận.

Tôi không bao giờ lấy sách vở của cha tôi. Một lần bọn "ấy" xộc vào nhà chúng tôi. Chúng lục bới các giá sách rồi lôi cha tôi đến sở cảnh sát. Hôm sau cha tôi mới trở về, mặt mày sưng húp. Tôi nhớ, ở trường học về tới nhà, tôi thấy đôi giày bốt tin của cha tôi ở phòng ngoài, thế là tôi yên lòng. Nhưng sang giây lát sau tôi lại cảm thấy trong tôi mỗi lúc một rõ cảm giác chống lại cha tôi. Không tháo bỏ túi sách tôi chạy vào phòng làm việc của người. Cha tôi mỉm cười với tôi, và tôi lập tức nhận ra là gương mặt của cha tôi sưng húp lên.

- Sao lại thế này ba? - Tôi chỉ có thể thốt lên ngần ấy, cổ tôi nghẹn lại, và tôi chỉ nhìn đăm đăm vào mắt người.

Qua mấy hôm sau trong bữa ăn tối, sau một chén sakê, cha tôi kể lại chuyện đã xảy ra. Hóa ra là, họ bắt anh sinh viên Triều Tiên của trường đại học tổng hợp, nơi cha tôi giảng dạy, kết tội anh ta rằng trong khi làm nghĩa vụ lao động cưỡng bức, anh sinh viên ấy đã tỏ ra "thụ động". Đồng thời anh sinh viên ấy lại còn thuê một chỗ ở nhà tôi. Bấy giờ tôi hiểu ra rằng vì sao cha tôi bị đánh đập tại sở cảnh sát.

Cho đến nay tôi còn nhớ có một lần trong câu chuyện với mẹ tôi, cha tôi nói:

- Gần đây có nhiều tội trạng được gọi là tội trạng kinh tế.

Tôi nhớ anh tôi bấy giờ còn sống ở nhà đã tranh cãi gay gắt như thế nào với cha tôi.

Sau khi cảnh sát xông vào khám xét nhà, căn phòng làm việc của cha tôi được dọn dẹp lại, nhưng tôi tránh không vào đó. Tôi biết rằng cần phải im lặng không được nói cả về chuyện cảnh sát đến lục soát, cũng như cả về cái "gã" theo dõi nhà chúng tôi. Tôi không còn giận cha tôi. Bởi vì tôi tin cha tôi, mà chủ yếu là bởi vì tôi căm ghét và sợ những "gã" đã đánh đập cha tôi.

- Chị đi để sách vào chỗ cũ, - chị tôi nói, đứng lên và thêm: - Em đừng có nói với ai đấy nhé!

Khi chị tôi ra khỏi phòng, tôi kê hai chân lên cái rèm gỗ trên *kôtatxu*, rúc vào chăn và đột nhiên thấy toàn thân mệt mỏi rã rời. Tôi nằm nhớ lại tên gọi của anh sinh viên Triều Tiên, và nhớ ra: người ta gọi anh là Lưu Miôn Tri.

Tháng ba tới. Nhưng vẫn còn lạnh.

Chị tôi nhận được lệnh động viên phải có mặt tại xưởng may ở Hôndziô và chị vui mừng được ở lại Tôkiô. Kể ra thì đi đi về về Hôndziô cũng nguy hiểm vì các trận máy bay oanh kích.

- Con đành phải ở nhà ông bác ở Xirakava vậy, - một hôm đang ăn sáng cha tôi bảo thế.

- Không, con không thích thế, - chị tôi không đồng ý, trước đây không bao giờ chị lại cãi lại cha tôi.

- Bậy nào, - mẹ tôi nói, - ở đấy con không làm phiền ai. Mà bố mẹ cũng yên tâm hơn.

Ông bác sống ở Xizakava là anh mẹ tôi, làm ở sở quản lý ống dẫn nước thủ đô. Bác có con gái là chị Aiakô, ít tuổi hơn tôi.

Vừa lúc chúng tôi ăn sáng xong thì rađiô ọ ẹ lên tiếng.

- Thông báo của quân khu miền đông! Thông báo của quân khu miền đông! Máy bay địch đang đến gần từ phía nam hướng tới bán đảo Iđzu.

- Hôm nay sao bác lại sớm thế. - cha tôi thốt lên.

Vừa lúc đó còi báo động rú lên chói tai, và rađiô lại giật giọng lên tiếng:

- Ở khu vực Kantô có báo động. Ở khu vực Kantô có báo động. Bộ chỉ huy khu Hải quân Iôkôxuka thông báo...

Cha tôi đứng lên, dẹp bình phong, mở toang cửa ra hiên. Sau đó người đi xuống sân và mở cửa vào hầm trú ẩn. Không khí lạnh buốt sáng ùa vào căn phòng. Mẹ tôi cũng xuống sân và đậy cái chiếu rơm ướt nước lên cái thùng phòng cháy.

- Nào các con, đi ra hầm.

Tôi với chị tôi chụp mũ trùm đầu, ôm chăn và đệm chui xuống hầm trú ẩn. Mẹ tôi đi theo chúng tôi. Không ai nói một lời nào. Bầu không khí im lặng chỉ bị phá vỡ bởi những tiếng còi báo động ngắt quãng, lúc đột ngột lặng đi, lúc lại réo lên ghê tợn, làm chúng tôi căng thẳng. Đạn pháo phòng không ầm ầm phóng lên bầu trời đông. Cha tôi là người xuống hầm sau chót. Người đóng tấm cửa bịt sắt dày và trong bóng tối sực mùi ẩm mốc, cha

tôi bật diêm châm nến, sau đó ngồi xuống, chân xếp bằng tròn.

- Tai họa chút nữa thôi là trên đất Tôkiô chỉ còn lại nắm tro tàn, - cha tôi nói đứt quãng, - chúng ta sẽ cháy sạch cả.

Hai chị em tôi quấn một chăn. Run rẩy, chị tôi ôm lấy tôi và người chị run truyền lây sang cả tôi.

- Mọi cái đang xảy ra thật kinh khủng, - mẹ tôi thốt lên giọng run rẩy.

- Người ta bảo kẻ địch đã đổ bộ lên đảo Iôgaxima. Và nếu Ôkinaoa thất thủ, trận chiến sẽ bắt đầu diễn ra ngay trên đất nước Nhật, - Cha tôi nói, và người bảo chị tôi - Iôkô!

Chị tôi im lặng ngước nhìn người.

- Ngay ngày mai con phải đến bác ở Xizakava. Hôm nay ba sẽ gọi điện đến chỗ bác làm, ở chỗ bác dù sao cũng yên ổn hơn. Bây giờ điều chủ yếu là sống sót cho được. Bây giờ không còn bao lâu nữa đâu.

- Vâng, thưa ba, - chị tôi trả lời, run rẩy bóp vai tôi.

- Cuối tháng mẹ với em Kađzuô sẽ đi về Ivatê. Cần phải bằng cách nào đó sống cho qua được thời kỳ này. Còn sau đó cả nhà đoàn tụ. Còn ba tạm thời sẽ đến ở tại trường.

- Phải, bằng cách nào đó phải sống qua, - thút thít mẹ tôi nói.

- Đừng khóc, mẹ! - Chị Iôkô thốt lên.

Mẹ tôi thở dài và thôi không khóc nữa.

- Để tôi lên xem ngoài ấy ra sao. - Cha tôi mở cửa hầm. - Yên rồi!

Sang ngày hôm sau, khi tôi chuẩn bị đến trường, mẹ tôi bảo:

- Mẹ phải đến chỗ bác ở Xizakava. Chúng ta sẽ đi xa mà, phải chào bác. Mẹ sẽ ngủ lại chỗ bác, sáng mai mẹ về. Ba con hôm nay ở nhà, vì vậy mẹ hi vọng mọi cái sẽ yên ổn cả.

- Được mẹ ạ. Mẹ cho con gửi lời chào chị Aiakô.

Mẹ tôi âu yếm mỉm cười và gật đầu. "Mẹ mới đẹp làm sao" - tôi chợt nghĩ thầm.

*
* *

Tôi đi dọc theo bờ tường rào Kitidziôdzi, cố bước đi vào chỗ có tuyết, - nơi bóng của bờ tường rào đổ xuống, tuyết còn chưa tan. Tôi đứng lại bên cạnh cổng hậu nhà chùa, bên cạnh một cây gingkô cổ thụ. Con đường nhỏ rải đá dẫn vào sân chùa đã được dọn sạch tuyết, nhưng hai bên đường những đống tuyết cao lù lù như những chướng ngại vật không thể vượt qua nổi. Cây cối bên cạnh tháp chuông trong những tia nắng ban mai trông như một màu trắng toát tường cũng phủ tuyết.

- Kadzuô-chia-ian! - Tiếng gọi của chị tôi vọng đến tai tôi. Tôi ngoái lại. Đứng cạnh nhà, chị tôi đưa tay vẫy tôi. Chắc là chị muốn chào tôi, bởi vì dù sao thì chúng tôi cũng xa một thời gian nào đó. Từ xa chị tôi trông hoàn toàn bé nhỏ, còn tay chị mảnh dẻ và rất dài. Ánh nắng chiếu vào mắt, nên tôi không thể nhìn rõ vẻ mặt

chị tôi. Tôi cũng đưa tay vẫy mấy lần rồi cất bước chạy, vừa chạy vừa ngoái lại.

Tôi đã đến bên đường xe điện, bấy giờ dường như một linh cảm nhói lên trong tôi rằng có thể tôi không bao giờ gặp lại chị Iôkô, tôi dừng bước để một lần nữa ngoái nhìn chị tôi, nhưng chị không còn đứng bên cạnh nhà, và lòng tôi tê tái một cảm giác chưa bao giờ thấy. Bữa chia tay này tôi cảm giác như chính cái chết. Tôi không lên tầu điện. Bởi vì tôi chỉ phải đi tất cả có hai ga. Và trong lúc bước đi, tôi cảm thấy trống trải trong lòng.

Từ ga tầu điện đến trường học nhân dân Kômamôtô nơi tôi học phải đi dọc theo bờ tường gạch theo con đường rải than xỉ. Ở đây xây dựng dày đặc đến nỗi bản thân ngôi trường ta không nhìn thấy. Người ta bảo rằng ngôi trường này được xây dựng vào thời kỳ phồn thịnh sau cải cách Minh Trị[1]. Tôi yêu mến cả bờ tường gạch này, cả con đường rải than xỉ này, nơi ánh nắng mặt trời không lọt tới.

Tôi vào tiền sảnh của trường, căn phòng im ắng và tối om om, rồi đi lên gác hai. Ngoài hành lang có hai cô gái đang đứng bên cạnh cửa sổ và rì rầm trò chuyện, trong lớp học không một người nào. Tôi vào lớp đi đi lại lại, sau đó ngồi vào bàn học của Ôdzaki, người bạn tôi vừa bị chết trong một trận máy bay oanh tạc mới đây. Tôi nhớ lại gương mặt bạn ấy, đôi tay trắng trẻo mảnh dẻ. Vì bệnh tim bạn ấy không đi sơ tán. Khó có thể tưởng

(1) Cuộc cách mạng tư sản nửa vời ở Nhật (1867-1868)

tượng là bạn ấy không còn sống nữa. Nhưng bạn ấy đã không còn sống nữa thật. Cái chết giờ đây rình rập mọi người. Tuy nhiên cảm giác về sự không tránh khỏi của cái chết không gợi lên nỗi sợ hãi. Tôi lại nhìn bao quát cả lớp, bất giác dừng lại ở mỗi bàn của những người đã bị chết

Hai cô gái vừa trò chuyện ngoài hành lang đi vào lớp. Hai bạn ấy cho biết cô giáo Phukatxu của chúng tôi mới đây đã bị thương nặng trong trận máy bay oanh tạc, cô đã được đưa đi bệnh viện.

- Bệnh viện nào thế?

- Hình như bệnh viện ở Kômagômê.

- Nghe nói, khắp cả quận kể từ Đangôdzaki và xa nữa, đã bị rải bom cháy.

Nghe thấy điều đó, thần kinh tự nhiên căng thẳng. Bọn Mỹ thường ném bom cháy vào đêm, và khi chúng bay xuống thấp, tự nhiên nảy ra một tình cảm mê hoặc, dường như có ai đó cẩn thận rải những tia lửa khắp xung quanh. Càng có cảm giác kỳ quặc hơn cái điều những tảng sắt đen hung bạo xé tan mọi vật ra thành mảnh nhỏ, điều đó gây nên nỗi tức giận và kinh tởm.

- Bom cháy ư!...

Tôi bỗng cảm thấy rằng kết thúc đã đến gần rồi.

Hai cô gái sang ngày hôm sau sẽ đi đến chỗ bà con ở xa. Tôi từ giã họ và ra khỏi trường học. Thân thể tôi cơ hồ chai cứng lại. Trên đường về nhà tôi rẽ vào bệnh viện Kômagômê.

Cô giáo Phukatxu đã chết rồi. Trước mắt tôi cô vẫn sừng sững như đang sống - một phụ nữ to béo đeo kính không gọng. Cô chỉ có một thân một mình.

Ra khỏi bệnh viện, tôi nhìn ngoái lại. Khắp nơi đều có dấu vết những đổ nát vừa qua, trống hoác những hố bom lớn, đất đá đen thui bị bới lên còn mới. Dám cháy từ trên đồi lan ra tứ phía. Chỉ đôi chỗ còn sót lại vài ba ống khói, điều đó càng tăng thêm vẻ ảo não cho bức tranh buồn thảm này. Từ đâu đó phả ra mùi ga. Tôi hít phải mùi ga ấy, nhìn cảnh tàn phá, và chợt nhận ra ngôi chùa năm tầng tháp Uênô làm tôi kinh ngạc. Từ trước đến nay, ngôi chùa vẫn nấp kín ta không nhìn thấy, sau khi hàng loạt dãy nhà cửa bị tàn phá nay bỗng hiện ra, tôi đứng ngây ra, cố sức dẹp ý muốn ngay tức khắc đi đến thăm chùa.

Mệt mỏi rã rời, cuối cùng tôi lần về đến nhà, đúng lúc cha tôi đang sửa soạn đi đâu đó.

- Ba đi có việc. - Cha tôi nói nhanh.

- Ở trường tổng hợp ạ?

Cha tôi im lặng, liếc xem đồng hồ.

- Không, ba đến một địa điểm gần đây. Có lẽ đến chiều ba về.

Giọng nói của cha tôi không hiểu sao làm tôi lo lắng.

- Nếu ba về muộn, con cứ ăn trước một mình đừng đợi. Mà không, ba nhất định sẽ về vào bữa tối.

Tôi đứng im không đủ sức động đậy.

Đến lúc đã xỏ tay vào găng ở phòng ngoài, cha tôi quay lại nói với tôi:

- Con cẩn thận với điện đèn và bếp. Có báo động con chạy đến chùa, ở đấy ít nguy hiểm hơn dưới hầm trú ẩn.

- Vâng, - tôi chỉ có thể nói chừng ấy, cổ tôi nghẹn lại. Cha tôi có điều gì xúc động, và nỗi xúc động của người truyền lây sang tôi.

Sau khi cha tôi ra đi, trong căn nhà trở nên tối tăm và lạnh lẽo hơn. Một lúc tôi càng thêm lo lắng, cảm thấy mình như một kẻ tù phạm trong xà lim biệt giam.

Tôi nằm xuống bên cạnh bếp, trên bếp ấm nước đang sôi, phả hơi phì phì, nhìn theo hơi nước bốc lên cao, tôi vơ vẩn đoán mò không hiểu cha tôi đi đâu. Phải chăng phải đến sở cảnh sát? Cái ý nghĩ ấy hoàn toàn choán lấy tôi và nhanh chóng chuyển thành nỗi lo lắng mỗi lúc một tăng. Lâu nay tôi không gần gụi cha tôi lắm, nhưng bao giờ tôi cũng có cảm giác là người không giống tất cả những người lớn khác mà tôi biết, dường như người đến từ một thế giới khác. Có thể có cảm giác đó là do sự theo dõi thường xuyên của cảnh sát đối với gia đình chúng tôi? Máy bay Mỹ càng ngày càng đến oanh kích nhiều hơn, càng ác liệt hơn, tình hình quân sự trở nên bất lợi cho nhà nước Nhật, nhưng về điều đó cấm ngặt không được nói tới. Còn cha tôi thì khẳng định là chỉ cần chịu đựng không bao lâu nữa. Nhưng chịu đựng cho cái gì? Tôi luôn luôn có cảm giác khổ sở bởi mây đen kéo đến bao phủ dày trên gia đình tôi, và nguyên nhân của điều đó là bởi "gã" ấy. Không lẽ cha tôi lại trở về với

gương mặt sưng húp? Nỗi uất ức nghẹn lên trong tôi. Nỗi uất ức chống lại cha tôi ư? Chống lại "gã" nọ? Điều đó tôi không hiểu rõ. Chợt nghĩ đến mẹ tôi. Tôi nghĩ đến với tấm lòng thương mến.

Cha tôi trở về muộn, và không chỉ có một mình, mà cùng với anh sinh viên Triều Tiên, trước đây đã trọ ở nhà chúng tôi. Tôi đã nằm ngủ, để nguyên cả áo quần, quấn trong chăn mệt mỏi vì chuỗi suy nghĩ rối bời kỳ quặc nhất. Tôi chợt nghe thấy tiếng người nói, nhưng không làm sao tỉnh hẳn ra. Còn cha tôi với anh sinh viên có lẽ đã về từ lâu và đã kịp ăn xong bữa tối. Trên bàn vẫn còn bát đĩa. Cha tôi rót nước trà nấu bằng rong biển. Lưu Miôn Tri người cao lớn. Anh ngồi khoanh tay bên cạnh bếp. Bây giờ tóc anh đã cắt ngắn. Mặt hóp lại.

- Đáng tiếc là vấn đề chỗ ở của anh cho đến nay vẫn chưa được ổn. Nhưng anh có thể sống ở đây. Sang tháng sau tôi chỉ còn lại một mình tại nhà.

Lưu Miôn Tri không trả lời gì, sau đó hỏi lại:

- Thưa thầy... Tại sao họ bắt tất cả mọi người phải tuyên thệ lời thề ấy.

Cha tôi im lặng uống trà.

- "Chúng tôi - các thần dân của đế chế sẽ trung thành phụng sự nhà vua và đất nước". - Lưu Miôn Tri sẽ sẽ bắt đầu, giọng hoàn toàn lãnh đạm. - "Chúng tôi các thần dân của đế chế, sẽ củng cố đoàn kết, tin tưởng lẫn nhau và thống nhất nỗ lực. Chúng tôi, các thần dân của đế chế, sẽ tự rèn luyện cho mình ý chí và tinh thần chịu đựng và bằng điều đó sẽ làm rạng rỡ con đường của hoàng đế...!".

Lưu Miôn Tri cầm cái cặp sắt bới tro trong bếp:

- Họ bắt nhắc lại những lời đó hàng nghìn lần...

Hai người im lặng. Lưu Miôn Tri đưa tay lấy tách nước và bỗng rên sẽ.

- Đau hả?

- Dạ không, không đau lắm.

- Lưu-kun! - Cha tôi tư lự một hồi lâu, sau đó nói: - Bây giờ không còn lâu nữa. Có một người nói với tôi là sẽ chịu đựng không lâu nữa. Điều chủ yếu là phải giữ gìn sức khỏe. Bằng mọi cách sống sót cho được, anh hiểu chứ?

-...

- Còn lời thề... anh có nhắc đi nhắc lại hàng chục ngàn lần, anh vẫn là người Triều Tiên. Anh cần phải tìm cách sớm trở về nhà.

Bây giờ thì tôi hiểu "còn phải chịu đựng không lâu nữa" nghĩa là thế nào. Những lời ấy của cha tôi giống như lời tiên tri kinh khủng và đồng thời lóe ra tia hy vọng về lối thoát ra khỏi tình trạng mỏng manh ngày nay, tình trạng ngày ngày càng trở nên không chịu nổi vì đói và những trận máy bay oanh kích. "Thật là hạnh phúc, nếu cha sống và khỏe mạnh" - tôi vui mừng nghĩ thầm và trở dậy.

- Dậy rồi đấy à? Còn ba, con thấy không, ba đưa Lưu-kun về đấy - Cha tôi nhìn thẳng vào mắt tôi.

- Ô, lớn quá rồi, Kađzuô - xan.

- Lưu-iu-xan!

Gọi tên anh bao giờ cũng kéo dài âm "lu".

- Thế là tôi lại đến làm phiền gia đình. - Lưu Miôn Tri cười thoải mái. Tôi nhận thấy mặt anh sưng húp, tôi đã hiểu và lòng tôi thắt lại. Nhưng trông Lưu Miôn Tri không đến nỗi phiền muộn lắm, và điều này làm tôi hơi yên lòng. Tôi thấy yên lòng cả vì việc cha tôi đã trở về nhà -thế có nghĩa là mọi chuyện tốt đẹp. Kể ra, tôi nghĩ bụng, từ nay "gã" ấy hẳn sẽ thường xuyên đến thăm chúng tôi hơn.

Vừa lúc đó tiếng còi báo động rền rĩ rúc lên phá tan bầu không khí yên tĩnh, cha tôi thở dài nói:

- Lại bắt đầu rồi...

Những loạt đạn pháo phòng không theo nhau nổ lục bục không thành tiếng, còi báo động lại vang lên. Ngoài ngõ có ai đó chạy qua kêu to:

- Máy bay! Máy bay!

Cha tôi tắt đèn.

Trận oanh kích tập trung chưa từng có vào Tôkiô đêm 9 rạng ngày 10 tháng ba bắt đầu như vậy. Hơn ba trăm máy bay ném bom B-29 ném bom thành phố cho đến rạng sáng.

Từ hiên tầng hai nhìn thấy rõ bầu trời hừng hực lửa sau lớp mái nhà màu đen. Có cảm giác cả Tôkiô tràn ngập lửa. Chỉ có đôi chỗ còn bóng đêm và nền trời tiếp giáp, chỗ ấy là bầm tím. Những loạt đạn lửa phóng lên một cách uổng công, chung quanh do ánh lửa các đám cháy cũng đã sáng rực cả. Những thân máy bay B-29 bạc xanh lấp lánh. Một số chiếc bay là sát trên đầu. Điều này xảy ra lần này là lần đầu tiên nên gây một ấn tượng khủng

khiếp. Tiếng động cơ át cả tiếng đạn pháo vút lên ầm ầm.

Hết đoàn máy bay này đến đoàn máy bay khác là thấp xuống sát trên đám lửa bừng bừng, lái ngoặt và hướng về bán đảo Bôxô.

- Hình như quận Kôtô bị thiệt hại nặng.

Giọng nói của cha tôi run rẩy, có thể, vì bị lạnh chăng. Tôi trùm chăn kín cả đầu.

- Không hiểu mẹ với chị Iôkô ở đó ra sao?

Cha tôi không trả lời. "Chi cốt sao còn sống sót, chi cốt sao không chết". - tôi lẩm bẩm, thở dài đau xót.

Bỗng nhiên có cái gì đó rít mạnh sàn sạt và trong không trung những tia lửa vàng bắn ra tung tóe, ném ra những tàn lửa. Đó là những trái bom cháy. Chúng rơi xuống đất qua những khoảng thời gian cách nhau đều đặn, với một độ chính xác lạ thường. Bên trên đường phố chính phía sau ngôi chùa những lưỡi lửa bùng bốc lên cao.

- Ở lại đây nguy hiểm!

Chúng tôi nhanh chóng chuẩn bị để bất cứ lúc nào cũng có thể rời bỏ ngôi nhà.

- Nếu bom rơi ở gần, lấy chăn trùm đầu mà chạy vào chùa!

Ngay bên cạnh bắt đầu một đám cháy bung lên, thậm chí chúng tôi nghe thấy tiếng lửa lách tách. Mà lúc đó gió lại nổi lên mạnh.

Và rồi thế là những giây phút chót cùng. Mái ngôi chùa chính Kitđziôđzi chói lọi như vừa được gội rửa, trên đó khi phản chiếu nền trời xanh, khi phản chiếu ánh lửa

đám cháy. Những chiếc máy bay chậm chạp hạ thấp, vòng lượn rồi bay đi. Nín thở tôi nhìn cảnh tượng đang diễn ra trước mắt tôi bi thảm đồng thời cũng thật đẹp, ít ra là như tôi nhận thấy như vậy.

Một phần nhỏ đường phố nơi chúng tôi đang sống, trong đó có ngôi nhà chúng tôi, còn nguyên vẹn thật là thần kỳ. Sang ngày hôm sau tôi, cha tôi và Lưu Miôn Tri, mệt bã người, ngủ mê mệt một mạch cho đến tận bữa trưa. Từ ngoài phố đưa đến một mùi gì đó lạ lùng, không còn điện, không còn ga, ống nước cũng tắt.

Cả ba chúng tôi cùng tỉnh dậy hầu như một lúc, nhưng hầu như suốt khi đó đều im lặng. Lưu Miôn Tri, lết cái chân phải đi thu thập một số than còn lại trong lò sưởi cho vào cái bếp lò tự động, xách bếp lò ra sân, nhóm lửa nấu nước đem mời cha tôi rửa. Sau đó vẻ buồn buồn anh đem đậu tương ra rang, chậm chạp đảo đậu trong chảo. Từ trên hiên nhà tôi theo dõi anh làm, và tâm trạng u buồn của anh truyền sang tôi. Và tôi lại thấy lo lắng về mẹ và chị tôi, nỗi lo lắng dâng lên đến mức hoảng sợ. Sau bữa ăn trưa cha tôi đi hỏi xem tình hình mẹ và chị tôi thế nào, còn tôi chẳng còn gì khác ngoài việc kiên nhẫn chờ đợi người trở về. Nhưng bao giờ cha tôi về? Tôi thực sự đứng ngồi không yên. Chắc chắn là chẳng chờ đợi được điều gì tốt. Trí tưởng tượng vẽ ra cho tôi những xác người mà nhiều lần tôi đã nhìn thấy, và tôi lập tức hình dung ra mẹ và chị tôi bị chết rồi. Điều đó dường như một ảo giác ma quỷ. Tôi không còn chờ đợi một cuộc sống khác,, có gì tốt đẹp hơn.

Tôi đi lên gác hai. Trong căn phòng ngổn ngang các đồ vật, những con búp bê ngày hội mà mẹ tôi bày hôm

ấy vẫn ở nguyên chỗ cũ. Tấm vải đỏ đã bị phủ một làn bụi dày do trận gió hôm qua đưa vào. Dường như có một kẻ nào đó vô hình thô lỗ xộc vào cái thế giới êm đẹp, bôi bẩn rồi bỏ đi.

Tôi ngồi tựa lưng vào bên tường, ngay trước mặt những con búp bê, và lập tức tôi cảm thấy lạnh lưng. Nhưng tôi không bỏ đi, tôi nhìn lũ búp bê, nhìn những đôi tay trắng trẻo của ba nhạc công thổi sáo cung đình, nhìn những ngón tay nhỏ nhắn, cong cong và chúng gợi cho tôi nhớ tới tay của mẹ và chị tôi.

Thang gác bỗng cọt kẹt, và Lưu Miôn Tri hiện ra bên ngưỡng cửa.

- Có lạnh không? - anh hỏi tôi, chậm rãi đi dọc hàng hiên rồi ngồi vào chiếc ghế nan.

- Iôkô-xan bày những con búp bê này hả?

- Không, mẹ em, - tôi trả lời. - Kể ra thì cả mẹ lẫn chị em cùng bày.

Tôi bỗng thấy buồn tê tái. Mong sao mẹ và chị tôi không bị chết! Mong sao mẹ và chị tôi trở về! Cổ tôi nghẹn lên. Tôi suýt òa lên khóc nức nở.

- Ở quê hương tôi còn mẹ và người chị cả đã lấy chồng. - Lưu Miôn Tri se sẽ cất lời - Chỉ mong chóng được thấy lại họ.

Tôi vội lau nước mắt, nhìn Lưu Miôn Tri. Đôi môi anh mím chặt nghiêm nghị. Mãi sang chiều tối ngày hôm sau cha tôi mới trở về, kiệt sức, hốc hác, trong bộ quần áo bị đầy bẩn. Dường như, thậm chí cha tôi thấp hẳn

người xuống. Tôi và Lưu Miôn Tri âm thầm im lặng đón cha tôi.

- Vậy là tôi không tìm ra... - người cất tiếng khàn khàn, tháo đôi giày bốt tin lảo đảo đi vào bếp, hùng hục vục gáo múc nước ở thùng gỗ rồi thèm khát uống ừng ực. Thái độ cục cằn như vậy trước đây không có ở cha tôi.

Tôi lập tức hiểu ra là cái điều không cứu vãn nổi đã xảy ra, và cảm thấy một nỗi căm tức như ngọn sóng dâng lên trong tôi.

- Mẹ và chị không thể chết được! Có thể chạy đi đâu đó, ẩn nấp đâu đó!

Cha tôi đang đứng quay lưng về phía tôi, bỗng đưa hai tay chộp lấy cái bồn rửa, hất đổ nước đi và thở hổn hển.

- Thưa thầy, xin thầy nằm nghỉ, thầy cần nghỉ ngơi. - Lưu Miôn Tri nói.

- Phải, phải!

Người nhìn chúng tôi bừng đôi mắt đỏ hoe, sưng húp rồi đi về phòng nằm.

- Chuyện ấy đã xảy ra như thế nào, hả ba? Bác với gia đình bác cũng không tìm ra được ạ? - Tôi hỏi vậy dường như thể trách móc cha tôi.

- Ba đi tìm mãi, tìm mãi, đi khắp mọi nơi, nhưng vô hiệu.

Cha tôi nói một cách khó khăn. Rõ ràng là không chỉ mắt mà cả cổ họng của cha tôi cũng bị khói làm cay.

- Kadzuô! - Cha tôi hơi nhỏm dậy, nhắm tịt mắt. - Con làm ơn cho ba chén trà.

Trên mặt cha tôi hiện rõ nỗi đau đớn, người ôm lấy bụng. Tôi lấy cái tách của mẹ tôi, rót trà nấu bằng rong biển vào chén, thứ trà mà người yêu thích, đem đến cho người. Cha tôi nhấp một ngụm trà, hai tay bưng cái tách dày vẻ sùng kính. Tôi im lặng chờ cha tôi lên tiếng.

- Tất cả cháy trụi. Chẳng có chỗ nào mà ẩn nấp. Biết bao là người chết. Con kênh ở vùng ngoại ô chất đầy xác người chết. Thậm chí không còn phân biệt được đâu là đàn ông, đâu là đàn bà. Thật là một cơn ác mộng!

Cha tôi nói, cố nén nỗi xúc động, chốc chốc lại thở dài.

- Đáng ra không được để mẹ với chị con đi, - giọng nói của người run rẩy đầy nước mắt.

Tôi không đủ sức thốt lên lời. Mẹ và chị tôi chết rồi! Chết rồi! Không! Mẹ và chị tôi còn sống! Những ý nghĩ ấy dường như đuổi theo nhau, giày vò tâm hồn tôi.

- Ừ thì chiến tranh, chiến tranh tàn khốc nhất đi nữa, nhưng không thể để cho con người bị chết đến như thế. Không được, không được! - Cha tôi chua xót thốt lên và kiệt sức nằm vật xuống.

Tôi không khóc. Không hiểu vì sao thậm chí tôi không thấy buồn. Tôi ra đi khỏi nhà và nhìn hồi lâu đường ngõ chìm trong bóng tối dày đặc.

Sáng hôm sau cha tôi viết thông báo đề nghị người nào hay biết về số phận gia đình bác tôi ở Xizakava cũng

như về mẹ và chị tôi, xin báo lại cho tôi, rồi người ra đi. Người trở về lúc trời tối, hoàn toàn kiệt sức.

Lê thê một chuỗi dằng dặc những ngày trống trải, u sầu. Và rồi một đêm khuya khoắt cả ngôi nhà của chúng tôi cũng cháy nốt. Mấy trái bom cháy đã rơi trúng ngôi nhà. Chúng tôi may mắn lắm mới sống sót. Không thể nói gì đến chuyện mang theo bất cứ một vật dụng nào. Riêng Lưu Miôn Tri không hiểu sao lúng túng mãi, - anh ngủ trên gác hai, thang gác đã cháy bùng bùng, thế là anh phải nhảy từ mái nhà xuống bờ tường rào bằng đá và từ đó mới lại nhảy xuống đất. Tất cả ba chúng tôi cùng chạy về chùa Kitiđziôđzi. Tôi nhìn lại xem ngọn lửa thiêu đốt ngôi nhà tôi đã sống suốt đời ra sao. Chỉ một thoáng nó chẳng còn lại chút gì ngoài mấy cái cột.

Trời rạng sáng, một buổi sáng lạnh lẽo. Những người chạy đến ẩn nấp trong chùa dần dà trở lại những đống tro tàn của mình để ít ra được sưởi ấm đôi chút.

- Hừm, dọn dẹp mới sạch trơn!

- Cháy hết! Tất cả thành tro bụi!

Thay vào những lời chào hỏi mọi người trao đổi những lời tràn đầy tuyệt vọng như vậy.

- Thưa thầy, bây giờ thầy dự định làm gì? - Lưu Miôn Tri hỏi, khó nhọc lết cái chân đau. Hẳn là anh bị thương thêm khi nhảy từ bờ tường đá. Cha tôi chỉ ậm ừ thay vào câu trả lời, mắt nhìn đi đâu xa xăm.

- Kađzuô-xan, em cầm lấy cái này! - Lưu Miôn Tri đưa cho tôi vật gì đó bọc trong tấm khăn sặc sỡ. Tôi lập tức nhận ra tấm khăn này. Bọc đồ hóa ra nhẹ. Trong đó

là cái hộp gỗ đựng những con búp bê ngày hội. Bây giờ tôi đã hiểu vì sao Lưu Miôn Tri lúng túng, khi đám cháy bắt đầu. Tôi qùy xuống, lòng hồi hộp, đưa tay mở bọc khăn, nắp hộp và trước mặt hiện ra những con búp bê - hoàng đế cùng với hoàng hậu mặc áo đại lễ, chói ngời trong những tia nắng ban mai...

Trời đổ tuyết vụn, rì rầm rơi phủ trên mái nhà, và tiếng rì rầm ấy thoảng vọng vào trong lòng tôi bấy nay đã lắng xuống yên tĩnh. Tôi chợt nghĩ không hiểu bây giờ Lưu Miôn Tri sống ra sao. Hồi ấy anh có trở về Triều Tiên hay không? Nếu anh trở về rồi thì về đâu, về miền Bắc hay miền Nam Triều Tiên? Anh có chiến đấu trong cuộc chiến tranh Triều Tiên hay không? Và điều cuối cùng là liệu anh còn sống chăng? Ý nghĩ về anh cứ quanh quẩn trong đầu óc tôi.

Vợ tôi mang trà đến cho tôi, nói:

- Anh cẩn thận chẳng cảm lạnh đấy! - nàng đóng cửa mở rộng ra hiên nhà, rồi ngồi xuống bên cạnh. - Anh rót trà đi.

Tràn ngập tình cảm biết ơn, tôi bắt đầu từ tốn nhấm nháp, hai tay bê tách trà sưởi ấm.

- Anh bao giờ cũng uống trà ngon lành quá. Thực tế, - vợ tôi nói. Sau đó nhìn thẳng vào mắt tôi, im lặng giây lát nàng sẽ hỏi: - Chị anh nếu còn giờ đây đã bốn mươi rồi đấy nhỉ?

- ...

Bốn mươi! Bấy giờ mẹ tôi còn ít tuổi hơn thế. Lòng tôi thắt lại đau đớn. Tôi nhanh chóng nhớ lại chị

tôi đúng như đã nhìn thấy chị lần cuối khi chị đưa tay vẫy tôi, cánh tay dài và nhỏ nhắn. Tôi nhớ lại khi chia tay với mẹ, tôi đã nhìn gương mặt dịu dàng của mẹ và nghĩ bụng: "Mẹ mới đẹp làm sao".

Sau một phần tư thế kỷ những con búp bê đã mất vẻ chói lọi ngày trước, nhưng nhìn tôi bằng cái nhìn bất động của mình, chúng gợi nhớ đến những người đã chết trong cái đêm thê thảm ấy...

Cả cha tôi nay cũng không còn nữa, người mà mỗi khi nhìn đến những con búp bê cũ này đều không nén nổi xúc động.

THÚY TOÀN *dịch*

Iukhanxôn
(Thụy Điển)

TẤM KHĂN TRẢI BÀN

Chiếc ôtô buýt chở khách du lịch Thụy Điển leo dốc lên một làng miền núi Tây Ban Nha. Hành khách trên xe phần nhiều là phụ nữ hạng các quan bà đĩnh đạc. Trong số họ cũng có đôi ba cánh chim tự do, tham gia chuyến du lịch chỉ cốt được gặp những biến cố phi thường, hay ít nhất cũng mua sắm được cái gì đó.

Cái từ "mua sắm" có một sức hút kỳ diệu. Nhu cầu đã có từ thuở xa xưa trong việc mua và mặc cả đã thay đổi đến nỗi khó nhận ra được. Cái từ "mua sắm" không mảy may truyền đạt nỗi niềm say mê mà những con người đi ra nước ngoài vồ vập lấy mọi thứ vô dụng. Chỉ có thể bằng những vật mua sắm mới và mới nữa mới thỏa mãn được niềm say mê đó. Vì thế mà những người du lịch Thụy Điển đã học được những tiếng "Curacias" chẳng hạn.

Việc trước tiên là họ mua sắm những cái sắc đồ sộ để đựng đồ. Nghĩa là sắm những cái bì để đựng những thứ sẽ mua sắm. Những cái sắc đó sẽ dần dần chứa đầy đồ thủ công, những đôi dép, những cái sắc nhỏ hơn, những cái hộp đựng thuốc lá, những con dao rọc giấy, đồ

trang sức - nào khuyên, nào vòng đeo tay, những con búp bê, những con lừa gỗ, những cái mộc nhỏ tí xíu, những cái bình nhỏ đựng rượu mùi, đồ bằng da- tất cả mọi thứ có thể mua được ở cả vùng này và sau đó lại bảo xằng rằng đó là sản phẩm tiêu biểu của riêng một địa phương đó...

Chiều lòng hành khách, chiếc ôtô buýt thở phì phò dừng lại ở các thị trấn và các xóm dân cư nhỏ. Dân địa phương đã chú ý đến thị hiếu của những người du lịch, họ bán hàng ở những nơi thuận tiện. Còn ở nơi người ta chưa bao giờ làm nghề thủ công, giờ đây ai nấy bắt tay vào làm đủ các thứ đồ chơi để bày biện, khá là kệch cỡm, và đem bán như là "hàng mỹ nghệ thủ công".

Những tiếng "hàng mỹ nghệ", "hàng thủ công" - cũng có một quyền lực màu nhiệm. Thường mỗi làng làm một mặt hàng thủ công nhất định nào đó. Trong các bản hướng dẫn du lịch có chỉ rõ điều này, và xem xét kỹ lưỡng, ta cũng có thể phân biệt được cái thứ đồ vớ vẩn mang từ một làng khác về.

Khi mua, bạn không thể không mặc cả. Và thói thường, bạn thích thú cái việc mặc cả hơn những thứ mua sắm được. Những người du lịch cho rằng tất cả dân bán hàng bao giờ thoạt đầu cũng đưa ra một cái giá cao không tưởng tượng được. Cần phải gạt bỏ mọi liêm sỉ, mặc cả một giá thấp lạ lùng. Thường thường, những mưu toan như vậy cũng đã thành công.

Những kẻ khốn khó đáng thương dù thế nào cũng phải bán món hàng của mình để có tiền. Đôi khi những người du lịch làm như vậy chẳng qua cũng do thói quen.

Và mỗi khi họ tin chắc được rằng họ đã thực sự xỏ mũi được người bán hàng, họ dương dương tự đắc.

*
* *

Lượn vòng vèo theo con đường khấp khểnh, chiếc ô tô buýt đến được địa điểm của những người đàn bà làm nghề thêu khăn trải bàn. Vải để thêu những chiếc khăn này là vải mua ở các cửa hàng, nhưng những người đàn bà ở đây đã phủ lên nó một lớp thêu dày dặn, và cuối cùng thì không còn thấy vải đâu nữa. Họ phủ lên đó những vì sao, những con ốc con sò, những dây nho, những bông hoa rực rỡ. Dưới bàn tay họ vườn tuyết trắng bỗng chốc nở vàng hoa lá. Những chiếc khăn trải bàn đã thêu xong, dài hai ba mét được viền chung quanh một đường rua diêm dúa.

Trước tiên người hướng dẫn du lịch muốn giới thiệu với khách du lịch "đám ăn hang ở hốc". Những người dân miền nam Tây Ban Nha không có nơi ở nên phải nương náu vào những hang hốc tự nhiên hoặc đào hõm vào núi, xếp những tảng đá thành nơi ở. Họ thường bài trí chốn ở: một cái bếp lò bằng sắt dùng để thổi nấu, mấy cái chăn cũ kỹ để đắp đêm, cái giá đựng vài ba cái ca và vài thứ đồ dùng gia đình khác mà ngay cả trong hoàn cảnh nghèo túng, cùng quẫn này cũng vẫn không thể thiếu được. Trước cửa hàng là những cây cọ, khuynh diệp, hạnh nhân, hồ tiêu, dứa sợi... Khách ngoại quốc nhìn phong cảnh tưởng như thiên đường, cái nghèo khó lẩn đi không để ai nhận thấy.

Khách du lịch xúm xít trước cửa hang. Trong hang, một bà già đang ngồi thêu một chiếc khăn trải bàn to rộng. Bà vận bộ đồ đen bình thản như những ngọn núi nơi bà sinh ra. Trước mặt bà là một cái khung thêu.

Bà già chỉ thoáng ngước lên nhìn khách du lịch. Tấm khăn hầu như đã sắp xong. Rõ ràng là bà ta đang vội làm nốt. Chỉ có bản thân bà ta với những người láng giềng ở đây mới biết bà đã mất bốn tháng trời để thêu tấm khăn này và ngày nào hy vọng sẽ bán được tiền. Tấm khăn thực sự là một tác phẩm nghệ thuật.

Các du khách Thụy Điển đã toan mặc cả mua luôn, nhưng người hướng dẫn du lịch đã thuyết phục họ chờ đợi.

- Xin các vị đừng vội, bà ta sẽ tự tìm đến xe ô tô, trước khi chúng ta rời khỏi nơi đây.

Vì không có chuyện gì khác, các khách du lịch hỏi người đàn bà già nua xem bà ta sinh sống bằng gì.

- Tôi sống bằng nghề thêu may này.

Đôi mắt của bà ta, xưa kia giống nhung đen, với năm tháng, nay đã ngả màu xanh nâu.

- Bà chỉ có một mình?

Người đàn bà thoáng ngước nhìn họ:

- Vâng, tôi góa chồng, nhưng tôi có con gái và con rể ở hang bên cạnh. Con gái tôi ốm lắm. Nó bị lao, còn chồng nó bị thất nghiệp.

- Thế họ sống bằng gì?

- Tôi nuôi chúng bằng nghề thêu của mình.

- Bà có cháu không?

Cái chuyện hỏi dai dẳng này làm người đàn bà vận đồ đen bực bội.

- Có, một đứa đang sống với tôi, chỗ bố mẹ nó chật chội quá.

- Mỗi tháng nhiều nhất bà có thể làm được bao nhiêu?

Bà già không còn biết đi đâu cho thoát những câu hỏi khó trả lời này.

- Cũng tùy ở chỗ có bán được hàng hay không. Tạm nói là năm trăm pêxêta.

Đám khách du lịch thầm chuyển số tiền đó sang đơn vị tiền Thụy Điển. Thì ra được gần bốn mươi cuaron.

Nhưng người đàn bà đã nói phóng đại. Bà ta không muốn phải xấu hổ trước mặt những người xa lạ ăn mặc sang trọng này. Thường bà ta thu nhập không được một nửa, nhiều khi không được lấy một phần tư số tiền đó. Bà ta thấy cần phải nói thêm cái điều quả thực có thật:

- Kể ra thì trong đời tôi chỉ có một lần tìm kiếm được ngần ấy tiền.

Một nửa tấm khăn còn nằm trên khung, và người ta thấy rõ đường thêu mà người đàn bà đang thêu dở. Bà ta chỉ còn phải đưa vài mũi nữa.

- Đứa cháu sống với bà lên mấy rồi?

- Mười hai, nó là cháu ngoại tôi.

- Nó đi học chứ?

- Không.

Lúc đó có vật gì động vào khung thêu. Một khách Thụy Điển tò mò nâng tấm khăn đã thêu xong được xếp lại kia. Từ đó một đàn ruồi bay ra như tổ ong bị động.

Dưới tấm khăn là một đứa bé ở trần, gầy còm, mắt mở trừng trừng, xương sườn gio cả ra như quai giỏ. Không cần phải nhờ y tế xác định cũng rõ là đứa bé chẳng còn sống được bao lâu nữa. Ruồi đậu đen trên mép và mắt nó. Nó không buồn xua chúng đi nữa.

- Đây là cháu ngoại bà?

- Phải.

Các khách du lịch cảm thấy xúc động. Tình cảm hào phóng tự nhiên dâng lên trong họ. Mỗi người đều đặt xuống tấm khăn đang thêu kia một đồng tiền. Và người này để ý xem người kia bố thí bao nhiêu. Mỗi người trong bọn họ đều thấy lòng tự hào dâng lên đặc biệt mạnh mẽ mỗi khi làm chuyện bố thí. Một đức bà béo tốt, vui tính, tự giới thiệu một cách suồng sã với đám người du lịch rằng bà ta tên là Xơvêa, đặt xuống tấm khăn một pêxêta tròn màu vàng.

- Chúng ta đã làm hết khả năng của mình, - đám người Thụy Điển quyết định. - Bây giờ ta cần xem xem có thể mua được cái gì ở đây.

Họ bị mùi xú khí nồng nặc xua đuổi ra khỏi hang. Họ thấy khổ sở, họ muốn mau mau được ra ngoài trời thoáng đãng.

Họ bước đi trên mảnh đất cổ xưa, mà họ thấy vừa hoang dã vừa có văn hóa lâu đời, vừa được khai phá trồng tỉa, lại hầu như chưa bao giờ được động đến. Theo con

dường cây hai bên xanh biếc, khách du lịch đi xuống cái làng dưới thung lũng giống như lòng bát, tràn đầy nắng óng vàng sóng sánh như mật ong.

*
* *

Thèm thuồng về chuyện may mắn, các khách du lịch vơ vét mọi thứ có thể tìm thấy ở cái chợ duy nhất của cái làng dành cho khách du lịch - những đồ trang trí đơn giản ở đây bán rẻ hơn ở khách sạn ngoài thành phố, những cái xiên nhỏ có thể gài nút áo gilê. Dùng những cái xiên này có thể nướng được xúc xích. Họ mua những khăn ăn và khăn trải bàn thêu của chính địa phương này.

Hỏi mua các hàng bằng vải, trước tiên, nhất thiết họ hỏi xem đó có phải là "hàng thủ công" hay không?

- Đây thực là hàng thêu tay chứ?

- Đúng, - người hướng dẫn viên du lịch trả lời, - thực nhất trên đời này.

- Thêu bằng tay?

- Vâng, bằng những ngón tay, những ngón tay bị kim đâm rớm máu.

- Lạ thật, làm sao mà vải có thể trắng như thế này, khi chính bản thân họ sống như lợn.

- Sau khi hoàn thành, người ta đã tẩy giặt cả mà?

- Ông cho rằng họ dùng những chất tẩy độc hả?

Một trong những người Thụy Điển sỏi lỏi chen vào một lời an ủi:

- Khó lòng mà họ lại có một chất gì như thế. Họ còn chưa đủ văn minh đến mức ấy. Cuối cùng thì chiếc xe buýt nổi còi báo hiệu xuất phát. Các bà phụ nữ chiếm các hàng ghế phía trên, gần người lái xe. Họ sợ bị xóc, những cái xắc của họ đã nhét chật ních. Và bây giờ họ kiểm tra lại những thứ mua được, so sánh chất lượng và giá cả. Nếu như một bà lão nào đó mua được thứ gì với giá rẻ hơn bà khác, thì mọi người tái mặt đi vì ghen tị. Còn những người trả hó lại sợ bạn bè chê cười là mình bị lừa.

Đột nhiên, khách Thụy Điển thấy có năm người đàn bà vận đồ đen mang các tấm khăn trải bàn lớn đến tận các cửa sổ ôtô mời chào. Phía sau những người đàn bà là cây hạnh nhân nở hoa. Khách du lịch vội hạ kính cửa xuống và bắt đầu mặc cả.

- Một ngàn pêxêta, - một người đàn bà địa phương đứng dưới cửa sổ xe đòi giá, tấm khăn trải bàn thêu thật đẹp lạ lùng. Thêu được tấm khăn này hẳn đã mất bao nhiêu tháng dài miệt mài lao động.

Và khách du lịch lại tính xem sang tiền Thụy Điển là bao nhiêu. Một ngàn pêxêta thì bằng khoảng tám mươi cuaron. Không thể có chuyện ấy được!

- Ba trăm, - một bà Thụy Điển trả và lập tức lấy tiền ra.

- Tôi cần sáu trăm cơ.

- Ba trăm, - bà người Thụy Điển lạnh lùng nhắc lại bằng tiếng Thụy Điển, thậm chí không để ý rằng những người bán hàng đã hiểu được chữ số bằng tiếng Thụy Điển.

- Sáu trăm, - người đàn bà vận đồ đen nhắc lại.

- Ba trăm, bà không nghe rõ sao?

Người lái xe đã sốt ruột. Anh ta phải bảo đảm thời gian hành trình. Thế là anh ta nổ máy thử.

- Ba trăm, - người đàn bà vận đồ đen nhắc lại vì đưa tay kia lên chìa ra một tấm khăn khác, ra hiệu đồng ý.

Việc mua bán thỏa thuận. Các khách Thụy Điển khác hùa theo, cũng đưa ra những cái giá thấp như trò đùa.. Sự cạnh tranh buộc những người đàn bà bán hàng phải nhắm mắt nhận mọi điều kiện, sự cạnh tranh làm cho những người đàn bà đi mua trở nên nhẫn tâm, tàn ác.

Bà già ở trong hạng nọ lúc này đứng ở phía sau mấy người đàn bà vận áo đen. Bà ta đã kịp hoàn thành công việc đúng lúc. Tấm khăn của bà ta át tất cả các khăn khác. Nó dài tới ba thước rưỡi và rực rỡ đường thêu có một không hai.

Tưởng rằng bà già không buồn đưa tấm khăn ra chào mời nữa, sau khi nghe thấy những cái giá trả thấp đến nhục nhã như thế.

- Cuánto cuesta? - bà người Thụy Điển tên là Xôvêa hỏi.

Bà ta ngồi ở hàng ghế trên cùng, thầm tính xem cái bàn ở nhà bà ta rộng bao nhiêu.

Bà già tỏ một điệu bộ bất lực.

- Một ngàn pêxêta.

- Một trăm.

Tấm khăn thêu trên tay người đàn bà hạ xuống. Người lái xe tiếp tục nổ máy. Từ dưới bánh xe bụi đất bắn tung lên.

- Anh cho xe đi, sau đó ngừng lại, - Xôvêa đề nghị người lái - tôi sẽ thưởng.

Xe chuyển bánh, bà già tập tễnh đuổi theo. Tấm khăn bà cầm cao trên đầu giống như một cánh buồm thêu.

- Dừng lại, - bà ta gọi theo.

Chiếc xe dừng lại.

- Thì một trăm, - người đàn bà vận đồ đen nói lí nhí. - bà cầm lấy.

Người chiến thắng cầm tấm khăn trải bàn lên đùi. Chuyến xe chuyển bánh theo tuyến đã định.

- Tất nhiên, trước khi dùng tấm khăn này, bà phải tẩy giặt cẩn thận đã, - một người nào đó lên tiếng.

- Vâng, - bà Xơvêa trả lời, nghĩ đến nhà mình, nơi tấm khăn này mãi mãi sẽ nhắc nhở cho bà ta về chuyến đi này, - Tôi sẽ tự tay làm việc này. Sau tất cả cái sự bẩn thỉu khủng khiếp ấy.

THÚY TOÀN *dịch*

Uif Malmgren
(Thụy Điển)

HUYỀN THOẠI QUẢ TÁO

Mùa hè năm nay hoa quả mất mùa. Táo ra nhỏ hơn bình thường, vỏ bệch bạc. Và ngay khi cây còn đang nở hoa, mặc dù những người làm vườn đã phun và rắc cho chúng đủ thứ thuốc đắng và hóa chất, nhưng sâu vẫn chui vào được các bầu hoa. Thế là bao nhiêu quả đậu đều đầy những lỗ sâu đục xuyên ngang xuyên dọc trong lòng. Tất nhiên sâu bọ cần phải ăn thứ gì đó, cả những người làm vườn cũng phải có cái gì đó để mà sống chứ. Vì thế, cuối hè họ hái táo ra chợ bán.

- Thế nào, hôm nay giá táo bao nhiêu thế? - Những bà mang theo túi tiền, dừng lại bên các quầy bán, lên tiếng hỏi.

- Loại thượng hảo hạng đây! Bà cần bao nhiêu? - Các ông già bán hàng chào mời và đưa tay với túi giấy.

- Có lẽ tôi lấy hai kilô. Thằng bé nhà tôi thích ăn táo lắm lắm kia.

Và hai ki lô những quả táo nhỏ xíu, khô cằn, với những vết chấm đen trên vỏ được cho vào túi đựng.

Cả những người đàn ông không phải bao giờ túi cũng sẵn tiền, mắt vẫn sáng lên khi nhìn thấy táo.

- Tôi muốn mua độ hai quả thôi. Ngọt đấy chứ?

- Thì tất nhiên rồi, cái loại táo này ngọt tuyệt. Mời ông.

Và hai quả táo ủng nhạt nhẽo bởi vì tất cả năm nay đều ủng nước và nhạt nhẽo được đưa lên đĩa cân.

Việc mua bán cứ diễn ra như vậy.

Sau một quầy hoa quả nọ, có một ông già đứng quan sát cuộc sống của cái chợ.

Sự thế là nhà ông chỉ trồng có một cây táo duy nhất. Cây táo già, quả già ấy, mỗi năm ra quả càng tồi hơn, tồi hơn thêm. Bởi vậy có lẽ ông cụ đã tính chặt nó đi, nhưng rồi lại không nỡ làm việc đó. Cây táo đã có trong vườn nhà khi ông cụ còn là một chú bé con. Khi ấy, hằng năm cây táo trĩu xuống vì những quả táo mọng đỏ. Chú bé có thể ăn bao nhiêu tùy thích. Sáng sáng chú tới trường, thế nào cha mẹ cũng để một vài quả vào cặp sách cho chú mang theo.

Nhưng rồi thời gian thay đổi, cha mẹ chú ra đi không bao giờ trở lại. Cây táo ngày càng bé teo, thấp thấp xuống và địa y mọc ra như những chòm rau, phủ đầy các cành nhánh của nó. Các vụ quả sai mọng nay chỉ là một chuyện quá khứ. Nhưng đã có biết bao kỷ niệm tươi sáng gắn với cây...

Năm nay cây táo chỉ ra một quả duy nhất. "Phải, - con người suy nghĩ - đã đến lúc kết thúc với cây táo này. Cái dám củi khô kia chỉ làm xấu đi vẻ mặt của khu nhà".

Nhưng quả táo lớn lên khá là lạ lùng. Mới còn ương mà nó đã to bằng những quả táo to nhất vào thời gian cây còn ở độ tuổi trẻ trung. Ai có thể nghĩ rằng dưới những túm địa y nó vẫn còn ngần ấy sức sống? - "Thôi được, - ông già suy tính, - cứ để nó đứng đấy cho đến mùa thu, nhưng sẽ cương quyết không trì hoãn thêm một ngày nào nữa".

Quả táo cứ mọng lên, mọng lên mãi, có cảm giác là dưới cái vỏ của nó thu thập tất cả những gì mà các quả táo khác trong vùng không có được. Rồi cuối cùng nó thay đổi màu sắc, ngả vàng, thắm đỏ, và lấp lánh bóng lên, không hề có một vết thâm nào. Quả táo chín, trở nên to hơn tất cả những quả táo to nhất mà ông già đã được thấy trong suốt cuộc đời mình.

"Ta sẽ mang quả táo này ra chợ, - ông cụ nghĩ - Ta muốn mọi người nhìn thấy nó, và ai hiểu được vẻ đẹp của nó như ta, ta sẽ trao nó cho người ấy. Thế là quả táo của riêng ta sẽ làm cho ai đó được vui. Thôi, cứ như vậy".

Chính vì lẽ đó mà bây giờ ông già mới đứng đây và còn đang lưỡng lự chưa vội trưng bày quả táo ấy.

Nhưng rồi ông cụ cũng đặt quả táo được bọc giấy bóng kính lên mặt quầy, và gài mẩu giấy đề giá, viết bằng mực đỏ.

Ông cụ bắt đầu đợi. Chỉ ít phút sau, một thiếu phụ đã dừng lại trước quả táo tuyệt vời, hầu như kết tinh tất cả những gì ưu tú nhất có thể có trong các quả táo. Bà ta vừa định cất tiếng hỏi thì chợt trông thấy mẩu giấy đề giá. Bà chậm chạp lấy tay che miệng, lắc đầu, nhìn lại bảng giá một lần nữa, rồi bỏ đi.

"5 ere"[1] - Chữ đề trên bảng giá. Đó quả thật là cái giá quá rẻ so với giá trị của quả táo bình thường nhất. Ông cụ nghĩ đến cây táo nhiều hơn là đến tiền, vì thế ông đặt giá hoàn toàn tượng trưng, chẳng qua chỉ để mọi việc diễn ra như nó phải như vậy.

Ông cụ đưa ra chào mời mọi người không phải một giá trị vật chất. Ông đưa ra chào mời mọi người một quả táo đẹp, hoàn hảo.

Một lát nữa qua đi. Một bà khách khác đến, kính của bà ta để trong túi xách, nên bà ta đứng trước quả táo lâu hơn bà trước. "Bà hoan hỉ trước tạo vật tuyệt vời này đến thế đấy!" Ông già thầm nghĩ. Nhưng khi bà ta xem bảng giá, bà ta cũng bỏ đi như người trước.

Các bà, hết người nọ đến người kia, theo nhau đến trước quả táo, rồi lại theo nhau bỏ đi. Điều đó không phật lòng ông già. Quả táo không vì thế mà kém sút, chẳng qua cái đó chỉ có nghĩa rằng chưa xuất hiện người mua biết giá trị thật của quả táo.

Dần dà các đống táo trên các quầy bán vơi đi trông thấy. Sau nửa buổi, người mua thưa hẳn. Những người bán đã có thể thu xếp ra về, họ biết rằng những ai hôm nay cần táo thì đều mua cả rồi. Chính vì vậy họ vội xóa giá cũ, đề giá mới xuống phía dưới, khoanh đậm lại họ bớt đi đúng một cuaron một kilô, và trên một số tấm biển còn viết chữ rõ to: "Bán rẻ, Cực rẻ".

Trước quả táo đẹp, một chàng trai trẻ dừng bước. Anh ta đọc bảng giá, nhưng không bỏ đi.

---

(1) Tiền Thụy Điển. 1 cuaron = 100ere.

- Thế đấy! - Anh ta nói một cách láu lỉnh - Năm ere, không đắt. Ví thử cụ để cho tôi với giá ba ere thôi, tôi xin mua.

Anh ta đắc ý nhìn ông già quan sát mọi biểu hiện trên nét mặt ông cụ. "Cụ không thể lừa tôi được đâu, tôi là tôi còn ranh ma hơn cụ".

Ông già mỉm cười:

- Tại sao lại không nhỉ? Anh muốn mua quả táo với giá ba ere! Xin mời.

"Thế đấy! - Chàng trẻ tuổi nghĩ bụng, con cáo già! Ta phải thay đổi chiến thuật vậy!"

- Xin cụ nói thẳng cho xem quả táo có những khuyết tật gì?

- Khuyết tật ư? Nó chẳng có khuyết tật nào hết, nó thực sự hoàn mỹ.

Onrai![1] Bố già ơi, nếu một ere, thì xin cụ đưa nó đây.

Giờ ông già đã thấy rằng anh chàng này cũng không phải là người mua mà ông cụ chờ đợi. Vì vậy ông cụ chẳng nói chẳng rằng, cầm lấy quả táo cất vào vạt áo varơi.

Ngày qua đi, mặt trời bắt đầu ngả về phía tây.

Khi ấy ông già bỏ bảng giá, đặt thay vào đó một tấm biển: "Ai muốn lấy quả táo thì lấy. Có một quả táo rất dở". - Không ai tin rằng nó tốt. Vậy thì bây giờ ta xem xem con người có khả năng tin vào cái gì?

---

(1) All right (tiếng Anh): xong.

Thế là đàn bà, đàn ông, trẻ con kéo đến.

- Phải, - một bà lên tiếng, - hình như sâu đục thối ruỗng rồi. Ai chứ, tôi thì tôi chẳng lấy.

- Trông đến lạ, - bà khác nói, - hình như vị táo ghê miệng lắm.

- Tất nhiên, nó tồi - bà thứ ba thêm vào, - cái ấy thì ai có mắt mà chẳng thấy. Nhưng làm sao lại dám trưng bày món hàng như thế nhỉ?

Hết bà này đến bà kia xét nét quả táo. thôi thì không thiếu một mặt nào cả và rồi đều nhăn mũi khinh khỉnh.

Cuối cùng tiếng đồn về quả táo thối lan đến tận tai viên cảnh sát trưởng. Ông ta tiến đến quầy hàng với bộ dạng quan trọng.

- Nghe nói ở đây kiếm chác bằng những quả táo thối. Hả? - Viên cảnh sát trưởng hỏi, - cụ có giấy phép bán táo không?

- Không, - ông già đáp, - nói chung, tôi không có bởi vì tôi chỉ có một quả táo duy nhất...

- Ơ, hờ, - viên cảnh sát trưởng hắng giọng. Ông ta quả thực chỉ có thể nhìn thấy một quả táo duy nhất đúng như ông già vừa nói. - Nhưng dù sao đi nữa ông cũng bán nó?

- Không, tôi nghĩ đơn giản là cho ai đó quả táo...

Viên cảnh sát trưởng thấy tình thế quả thực không thể hiểu nổi và lạ lùng quá.

- Mời ngài về bót, ở đấy sẽ xét xem sao. - Ông ta ra lệnh.

Ông già đi theo viên cảnh sát trưởng. Qua cuộc thẩm vấn, biên bản được lập xong, nhưng chẳng có thể làm sáng tỏ gì hơn những điều mọi người đã biết. Người ta phải để ông già ra về, sau khi khuyên ông cụ không được bước chân vào chợ nữa, - bởi vì ông cụ đã làm cho khách hàng bối rối - đồng thời cảnh cáo ông cụ rằng lần sau còn như vậy sẽ bị truy tố vì hành vi thiếu đứng đắn.

Chợ đã vãn khách, quầy hàng cuối cùng cũng đã được thu dọn chở lên xe. Qua chuyện trò của những người buôn bán, thấy rõ rằng ngày chợ hôm nay đối với họ là suôn sẻ. Hoa quả bán hết sạch, trừ có một quả táo, quả táo thật to, đỏ thắm, bóng loáng, tươi rói.

Và ông già cũng trên đường trở về, vừa đi vừa lẩm bẩm. "Phải". - Ông cụ nói, - "tất nhiên trật tự là trật tự, nhưng bây giờ thì ta thấy rõ ràng hôm nay ngoài chợ có cái gì đó không ổn. Ta không nỡ ăn mi đâu, quả táo của ta ơi. Dù sao cũng sẽ tìm ra được người mà mi còn làm cho người ấy vui sướng. Mọi chuyện vừa xảy ra cho thấy một điều rằng, trong những năm qua, ta đã trở thành xa lạ đối với mọi người. Ta và họ hôm nay ở chợ đã chuyện trò bằng ngôn ngữ khác nhau".

Khi trở về đến nhà ông già đặt quả táo xuống đám cỏ trước cây táo già.

- Đây, cây thấy không, - ông cụ nói, - đứa con của cây lại trở về với cây.

Sang xuân, khi tuyết tan và mọi chốn cây cối đều xanh lại, thì riêng cây táo đứng trơ trụi. Nó chết hẳn. Nhưng ở nơi ông già đặt quả táo, đã có hai mầm non xanh thắm nhỏ xíu đang nhú lên chào đón ánh nắng xuân.

THÚY TOÀN *dịch*

Xêdiin Đamdinxuren[1]
(Mông Cổ)

NGỰA TÍA TỪ NÚI THẦN

Thuở nhỏ một lần tôi theo mẹ đến chơi nhà ông cậu, lúc đó trại du mục của nhà ông cậu đang cắm ở vùng núi thần Undzit. Mặt trời đã ngả về tây, cái nóng ban ngày đã ít nhiều giảm xuống. Ba người lớn - ông cậu, bà mợ cùng mẹ tôi - đang ngồi uống trà trong chỗ mát đằng sau lều và thủ thỉ trò chuyện gì đó. Còn chúng tôi, mấy đứa trẻ nhỏ, chơi đùa với nhau ở gần đấy, xếp đá thành căn nhà lều con con. Chung quanh thanh vắng, yên tĩnh. Chiều hôm dịch đến gần.

Đột nhiên mợ tôi đứng bật dậy, lật đật chạy vào nhà lều và bưng ra một bình đầy nước trà pha sữa với một đĩa arun (phó mát sấy khô). "Không hiểu mợ định làm gì thế nhỉ? - tôi thoáng nghĩ. Ngay lúc đó tôi nhìn thấy - một con ngựa tía mượt mà, béo tốt đi đến gần lều. Ngựa không có dây cương, cũng không có dây buộc nó, nó đi thẳng đến chỗ mợ tôi. Mợ tôi liền đưa bình trà sữa ra cho ngựa uống, rồi đưa arun cho ngựa ăn. Trên bụng

---

(1) Nhà văn đương đại Mông Cổ (sinh năm 1908).

ngựa còn in vết dây dai bụng. Ở chỗ vệt dây dai cọ vào nay đã mọc lên dám lông bàng bạc, rõ ràng là, trước đây có thời ngựa đã phải làm lụng không ít, còn những năm gần đây, chắc hẳn, lại không có ai động đến nó, chính vì thế nó mới ăn uống đẫy ra, mỡ màng lên nước. Trong đám bờm ngựa tết nhiều túm len màu sặc sỡ - dấu hiệu rõ ràng là ngựa đã được dâng cho các thiên thần linh thiêng.

Khi ngựa tía đi khỏi căn lều, mợ tôi thành kính nói với theo: "Ôi ngựa từ núi Thần, hãy phù hộ cho người chủ tôn kính của ta!" Nói vậy, mợ tôi rắc những vụn arun về phía có ngọn núi Undzit: Con ngựa vừa gặm cỏ, vừa thư thả đi về phía ngọn núi Thần.

Tôi hỏi mợ tôi, con ngựa ấy là thế nào, và thế là mợ tôi đã kể cho nghe câu chuyện truyền thuyết. Bây giờ tôi thử kể lại theo như lời mợ tôi kể, mà tôi còn nhớ được.

- Khắp vùng này người ta gọi con ngựa ấy là Ngựa Tía từ núi Thần, - mợ tôi kể, - Nó rất hiền lành, nhưng không một ai trong vùng dám bắt và đóng cương nó. Bởi vì thần núi - chủ nhân của núi Thần Undzit, cưỡi trên con ngựa ấy. Thật ra không ai nhìn thấy thần núi cưỡi trên mình ngựa, nhưng tất cả đều một mực tin vào điều ấy.

Đã lâu rồi ở vùng này có một người tên là Ôtsir Mặt trắng. Nói chung lẽ ra người ta chỉ gọi đơn giản là Ôtsir. Nhưng mặt ông ta ngăm ngăm, gần như đen sạm, nên người ta nhạo báng lại gọi ông ta - Mặt trắng. Ôtsir Mặt trắng có rất nhiều ngựa, nhưng con ngựa yêu quý

nhất là con Tía, chính cái con ngựa mà mọi người vừa thấy đấy.

Vậy là, Ôtsir Mặt trắng có rất nhiều ngựa. Vì vậy người ta thuê ông phục vụ trạm giao thông chuyển tiếp ở gần núi Undzit. Ngựa Tía rất quen thuộc các điểm trong vùng. Mà thói quen, như người ta nói, không biết đến dây cương. Nghe bảo, nhiều con vật, đã quen với chỗ nào đó rồi, bao giờ cũng trở về nơi ấy. Và ngựa Tía của chúng ta cũng vậy. Khi thảm cỏ trên các bãi chăn tốt tươi, ngựa Tía bao giờ cũng ăn quanh quẩn bên cạnh núi Thần, và bao giờ cũng ăn lảng riêng một mình, cách xa bầy đàn. Còn khi cỏ tàn lụi và có khi đói kém, ngựa Tía trở về bầy và cùng cả bầy đi tới các bãi chăn xa xăm. Và ở đó, xa trại du cư thân thuộc, nó đi lên một ngọn núi nào đó, từ đó nhìn thấy núi Undzit, nó đứng và nhìn về phía núi quê nhà, rồi, nghe nói, nước mắt nó nhỏ xuống. Núi Undzit không cao lắm, nhưng trong vùng thảo nguyên ở đây có thể nhìn thấy từ xa. Còn đến mùa xuân trời ấm lên, vụ dzut chấm dứt. Ngựa Tía lập tức trở về với núi Thần của mình sớm hơn tất cả các con ngựa khác.

Dù ngựa Tía có buộc phải đi đến đâu chăng nữa chỉ cần nó được thả ra - nó thế nào cũng trở về được tới nhà. Vậy là, Ôtsir bấy giờ làm ở trạm giao thông chuyển tiếp. Hễ cứ có một giao thông viên nào đến trạm, đi nhẹ nhàng, không có hàng hóa nặng, Mặt trắng thế nào cũng trao cho người ấy con Tía để đi thay. Và phải đi không cần người đi theo. Chỉ có điều rằng, người đi đường phải thả con ngựa ra ở trạm giao thông kế tiếp. Và con ngựa nhất thiết trở về. Điều đó rất tiện lợi cho Ôtsir.

Một bận gặp trận bão tuyết lớn. Trận bão làm bầy ngựa của Ôtsir tan tác khắp trên thảo nguyên. Ôtsir buộc phải cử người đi tìm. Suốt mấy ngày đêm những người chăn ngựa lùng xục khắp thảo nguyên, gom bầy ngựa, mà rồi chỉ lùa được nửa bầy trở về. Không tìm thấy cả con tía, nhưng sang ngày hôm sau ngựa Tía tự trở về, lại còn dưa theo về thêm cả một chú ngựa giống khác nữa. Việc đó thật đúng lúc, bởi vì trạm tiếp tục làm việc, đón nhận và gửi đi tiếp không chậm trễ những người qua lại.

Cứ như vậy công việc tiếp diễn trong mấy năm. Nhưng rồi Ôtsir Mặt trắng quyết định rời bỏ công việc phục vụ trạm giao thông và thu xếp du cư đến một nơi khác.

Ngựa Tía không chịu theo bầy của Ôtsir ra đi, nó đã thực sự gắn bó với núi Undzit. Mà, về phía Ôtsir thì ông đâu lại chịu từ bỏ ý định của mình chỉ vì một con ngựa. Thêm vào đấy những người phu trạm mới nằng nặc đòi ông ta phải ra đi. Súc vật của Ôtsir nhiều, mà bãi chăn chỉ vừa đủ cho ngựa của phu trạm. Thế là đành phải làm một việc: dù Ôtsir có yêu quý con Tía đến mấy đi nữa, ông cũng đành quyết định bán nó đi. Mà người mua, lợi dụng tình huống như thế, trả giá rất thấp, vì thế việc mua bán không thành. Trong vùng thì mọi người đều biết rõ tính nết con Tía, vì vậy không ai ở địa phương lại đi chuốc lấy nó. Vừa hay gặp ngày hội Nadom[1] của núi Thần xịch đến. Từ Khôsun[2] xa có một đô vật đến dự

---

(1) Ngày hội mùa hè truyền thống của Mông Cổ

(2) Đơn vị hành chính ở Mông Cổ trước cách mạng, tương đương với quận, huyện.

ngày hội. Trên đường đi ông ta hỏi thăm dân địa phương mách cho người nào có ngựa bán. Ôtsir đã gặp ông ta, nhượng lại con Tía. Hai bên thỏa thuận giá cả. Con ngựa khỏe mạnh và lanh lẹ, mà đô vật, không biết tính nết khác thường của nó, nên đã trả cái giá kha khá.

Ngày hội Nadom kết thúc, đô vật đóng yên cương con Tía và, dắt cương con ngựa què của mình theo, lên đường trở về nhà. Mấy ngày qua đi. Thế rồi một hôm mọi người lại nhìn thấy con Tía trở về bình thản đang ăn trên bãi cỏ dưới chân núi Thần Undzit. Đô vật nọ sống ở nơi xa, cách đó đến mấy urtôn[1], vì thế không cất công đi một chặng đường xa như vậy để tìm ngựa về. Theo tục lệ, Ôtsir Mặt trắng lại trở thành chủ nhân con ngựa.

Thế là khi ấy Ôtsir nảy ra một ý nghĩ - kiếm tiền bằng cách bán con ngựa Tía đến các vùng xa xôi. Khi thì đem bán con Tía cho một khách vãng lai, khi thì lại bán cho đoàn thổ hàng từ đâu từ đâu đến. Giá cả chỉ đòi vừa phải đối với một con ngựa lanh lẹ và béo tốt như thế này. Còn lần nào cũng vậy, chỉ ít thời gian sau là con Tía lại rời bỏ chủ mới trở về nhà. Do đó Ôtsir Mặt trắng kiếm được món lời khá to. Người ta kể đủ thứ chuyện về các việc đen tối của Ôtsir. Chẳng hạn, người ta kể rằng, dường như một bận, sau khi được bán cho một khách vãng lai, con Tía đã mang trên lưng trở về cả một bộ yên nạm bạc. Sau sự việc đó máu tham của Ôtsir càng nổi lên. Ông ta dạy cho con Tía biết đá hậu và hất người cưỡi khỏi

---

(1) Một trạm ngựa, khoảng cách từ đâu này đến đâu kia khoảng 30 cây số.

yên, dựt đứt dây cương buộc vào đàn ngựa, và đủ thứ trò tinh ma khác nữa. Lời lãi của Ôtsir càng to thêm mãi.

Người ta còn nói rằng, có lần thậm chí con Tía còn từ Đariganga xa tít tắp tìm được trở về, mang theo cho chủ cả một bao hàng đầy của cải quý giá. Và năm đó vợ và các con gái Ôtsir đến hội Nađôn, mặc những chiếc áo đêla bằng thứ lụa rất quý - thứ hàng trước đây họ chưa hề biết đến. Đồn rằng, dường như trong cái bao đó đựng của hồi môn của cô dâu.

Thời gian trôi qua. Chuyện xảy ra khi ở Nội Mông bùng nổ cuộc tao loạn rối ren. Những đám thổ phỉ vũ trang bắt đầu xâm nhập vào vùng này. Dân chúng địa phương lục tục rời bỏ những mảnh đất đã quen sống - tránh xa tội lỗi. Vào thời ấy ở vùng này loại súng trường bắn nhanh là của hiếm cực kỳ. chỉ có Ôtsir có một khẩu như vậy. Bằng khẩu súng ấy ông ta đã hạ sát được một tên thổ phỉ. Đám còn lại đuổi theo trả thù cho bạn chúng. Để trốn thoát chúng, Ôtsir đóng yên cương con Tía - con ngựa nhanh nhất trong những con ngựa đua của mình. Bọn thổ phỉ trên đường đã phải thay ngựa mấy lần, nhưng vẫn không sao đuổi kịp được Ôtsir. Con ngựa ấy chạy nhanh đến như thế đấy! Chỉ nhờ có nó mà Ôtsir thoát được khỏi cuộc rượt đuổi của bọn phỉ.

Nhưng câu chuyện ấy cũng chẳng kết thúc tốt đẹp. Ở miền hoang mạc không có nước, dưới chân dãy núi Mênên, nơi Ôtsir cưỡi con ngựa Tía lạc tới, chính ông ta đã trở thành nạn nhân trò tinh quái của mình. Con ngựa đã hất ngã chủ, như ông ta đã huấn luyện nó, rồi bản thân nó mang bộ yên cương trên mình tìm trở về với núi Undzit. Từ đó Ôtsir bặt vô âm tín.

Nhưng qua mấy năm sau, khi ở vùng này tuyết xuống quá nhiều, súc vật không có gì để ăn, dân chăn nuôi bèn du mục đến thảo nguyên gần chân núi Mênên. Trong vụ trú đông có người đã phát hiện ra một bộ xương người, còn bên cạnh là khẩu súng trường của Ôtsir đã han gỉ cùng chiếc roi da đã bợt đi vì mưa nắng. Người ta tìm ra cái hố giếng cách đó không xa. Dự đoán rằng, Ôtsir đã dùng báng súng và cán roi da để đào cái hố ấy kiếm nước, nhưng, như vậy là, không đào tới nước, ông ta đã chết khát. Ôtsir Mặt trắng tham lam đã kết liễu cuộc đời của mình như vậy đó.

Còn con ngựa từ đó được mọi người gọi tên là - Ngựa Tía từ núi Thần, nó quanh quẩn ở đây đã từ lâu. Dù mọi người có thương hại Ôtsir tội nghiệp, nhưng xúc phạm đến ngựa Tía ở đây được coi là trọng tội. Mọi người yêu qúi và bảo vệ nó, cho nó ăn uống những thứ mà chính họ dùng để ăn để uống.

Còn Ôtsir, thôi thì, chính ông ta có lỗi trong mọi chuyện, một khi biến cái thói quen tốt của con ngựa - tình yêu đối với chốn du cư thân thuộc - thành trò độc ác đối với người khác.

THÚY TOÀN *dịch*

Xêdin Đamdinuren
(Mông Cổ)

MA QỦI

Cho đến nay ở Mông Cổ người ta vẫn kể có đến hàng đống đủ các các thứ chuyện hoang đường về những thần ác, thần hiền, về ma về quỷ. Thậm chí người ta còn bảo rằng có ông già bà cả nào đó còn tận mắt nhìn thấy quỷ sứ rồi. Tôi biết đó chỉ là chuyện hoang tưởng, sinh ra bởi sự mê tín và nỗi sợ hãi trước những hiện tượng khó hiểu của thiên nhiên, tuy vậy tôi vẫn thích thú nghe những câu chuyện về ma quỷ.

Hoàn toàn tình cờ tôi có mặt trong một căn nhà lều nơi người ta đang nói chuyện về ma quỷ. Bữa ấy tôi đi ra vùng ngoại thành Ulan-Bator và bên cạnh căn nhà lều của ông già người quen biết tôi nhìn thấy con ngựa xám tro của *guai*-Mandakh. Con ngựa mõm đầy bọt nước miếng. "Hôm qua ông già Mandakh đã đi Gaxurtai rồi kia mà. Có chuyện gì mà đột nhiên ông lão lại quay trở về?" - tôi ngạc nhiên.

Guai - Mandakh đang ngồi trong nhà lều, mặt hốc hác, vẻ ngơ ngác và hoảng sợ.

- Ông lại trở lại ư? - tôi hỏi.

- ... Phải, chuyện nó thế đấy... - ông trả lời, cố mỉm cười và trong lúc đó lại chắp hai tay cầu niệm.

"Chắc hẳn, ông già gặp chuyện gì đó",- tôi nghĩ và đã toan hỏi han về chuyện xảy ra, nhưng không ai nghe tôi nói, thế tôi dành nín lặng.

Guai- Mandakh đang xúc động mạnh, vì thế, không muốn khuấy động ông, chúng tôi ai đều im lặng. Cuối cùng chủ nhân căn lều ghé sang bên tôi và tin cậy thì thầm:

- Bữa nay xảy ra một chuyện lạ lùng với Mandakh này. Đêm qua không hiểu ông ta sợ gì mà phi ngựa quay trở về.

- Có thể, có kẻ ngỗ ngược nào chặn đường ông ta? - tôi hỏi.

- Tôi chẳng sợ kẻ nào hết, - *guai*- Mandakh cướp lời và dường như để xác nhận lời mình nói, ông đưa tay vuốt con dao đi săn to tướng đeo bên thắt lưng.

Thấy rằng tôi đưa mắt thông cảm nhìn ông, ông già nói tiếp:

- Anh nghe đây, chuyện gì đã xảy ra với tôi đêm qua... Trời, tôi mới được một mẻ hoảng hồn chứ!... Anh biết hai khe núi, Uliaxtai và Gaxurtai, và cái đèo giữa hai khe núi ấy? Tôi ra đi, có nghĩa là, hôm qua, và trong lúc con ngựa nhỏ nhắn của tôi đang thoăn thoắt chạy nước kiệu, thì trời đổ tối. Rồi thì đêm đến, mảnh trăng mờ đục ló ra. Tôi lên đèo và đi đến bên một *ôbôn* [1]. Mà ở đấy.

Ôbôn (ôbô) - đống đất, đá, cành cây ở ngã tư đường hay ở trên đeo; từ xa xưa được tạo dựng lên thờ thần núi hay thần đường. Khách qua đường, để mong sự che chở của thần, thường để một hòn đá, đồng xu, dải lụa màu v.v... vào đó.

nghe bảo, thường có lũ quỷ. Tất nhiên, tôi không tin chuyện ấy, tôi vẫn nghĩ rằng người ta nói láo, nhưng vẫn quyết định cho ngựa đi cẩn trọng hơn và ghìm cương. Tôi nghĩ bụng, có thể xảy ra đủ thứ chuyện, bỗng nhiên cú rúc lên một cái, thế là ngựa loạng choạng sang bên vệ đường. Tôi vừa toan nhảy xuống đất để hút thuốc với lại cho ngựa nghỉ ngơi, nhìn lên thì thấy từ trên đèo xuất hiện một người. Và cũng giống như tôi, anh ta cưỡi ngựa. Không hiểu đây là ai nhỉ, mà lại vào lúc này nữa? Anh ta người vùng chúng ta hay từ đâu tới? "Chào ông!" - tôi nói. Và tôi bỗng nghe thấy trả lời: "Chào ông!" - dường như tiếng vọng lan đi trên núi, còn giọng thì - y hệt giọng tôi... Tôi lạnh toát cả người, sống lưng rờn rợn.. Tôi ho một tiếng, và anh ta... cũng ho, cứ như thế chọc tức tôi. Tôi vung roi ngựa lên - anh ta cũng vung roi ngựa. "Ông là ai?" - tôi kêu to, và anh ta lại trả lời: "Ông là ai?". Tôi nhìn kỹ, thì thấy, dường như đấy chính là tôi đứng ở chỗ đó, còn con ngựa anh ta cưỡi - giống y hệt con ngựa xám tro của tôi. Dường như tôi nhìn thấy mình trong gương! "Trời phật, chuyện quái quỷ gì thế này không biết? Có lẽ mình bị mệt mỏi quá chăng", - trong đầu tôi lóe lên như vậy, và tôi lau mắt. Tôi nhìn, thì thấy anh ta cũng lau mắt. Tôi sửa lại cái mũ đội đầu, và anh ta - cũng sửa lại mũ. Chà, tôi nghĩ, ở đây có chuyện gì không ổn rồi. "Này!" - tôi kêu to. Và anh ta cũng kêu: "Này!" - Đến đây thì tôi thực sự hoảng sợ và, thế là hết hồn hết vía phóng ngựa trở lại. Chỉ về tới khe Uliaxtai tôi mới trấn tĩnh được đôi chút. Rồi sáng ra thì trở về tới nhà. - *Guai*- Mandakh dứt lời và lại chìm sâu vào suy tư.

Tôi ngạc nhiên về câu chuyện của ông, nhưng không tin.

Trong ngôi nhà lều trở nên yên vắng, mỗi người suy nghĩ riêng về chuyện của mình. Phút im lặng kéo dài được anh lái xe Ôidôv phá vỡ.

- Phải, phải, chuyện đó là có thật. Ở đèo Gaxurtai có quỷ, - anh ta nói. - Một đêm tôi cũng có việc phải đi qua đấy. Tôi cho xe lên núi, dừng lại và định ra ngoài trời *trong lành* không khí hút thuốc, dưới mái che của *ôbôn* để tránh gió thổi. Bấy giờ gió mạnh lắm, không cẩn thận, gió thổi tung mũ trên đầu đi. Tôi đi đến *ôbôn*. Nhìn thì thấy bên chân cột có buộc một cái chai dựng nước rỗng không và một cái vỏ đồ hộp. Gió thổi làm hai vật ấy đập đập vào nhau, và trong đêm tối phát lên một âm thanh mới khó chịu làm sao. Bỗng chợt dường như có ai đó huýt sáo vào bên tai tôi. Tôi lắng nghe thì nhận ra những lời như thế này:

Cô vợ Ôtgôn không còn nữa,

Lái xe Ôidôv những u buồn,

Nhưng tìm đến lại có cô nàng khác,

Cùng cô nàng chàng rong ruổi lên đường...

Tôi sẽ mất tăm, mất tích ngay tại chỗ, nếu như đó không phải quỷ sứ! Bởi và quả thực là Ôtgôn của tôi chết rồi, còn chị tôi cứ luôn khuyên nhủ tôi đi lấy vợ khác... Tôi nhảy lên xe, quay trở lại và tăng ga, nhưng bài hát quỷ ấy vẫn bay đuổi theo tôi. Tôi cho xe đi và nhìn thấy đèn pha của xe ôtô nào khác. Trời phật, tôi nghĩ bụng, không chỉ có một mình ta ở đây. Nhưng chỉ vừa muốn cho xe đi tới gần, thì ánh sáng đèn pha biến mất, còn chiếc xe của tôi rơi xuống mương...

"Trên đèo này có những chuyện rõ là lạ thật. Giá tìm hiểu xem ra sao cũng lý thú đấy" - tôi nghĩ bụng.

Qua mấy ngày sau cuộc chuyện trò này một tối tôi đi dạo chơi. Lúc đó đã khá khuya. Đèn đường bất chợt phụt tắt, thế là trên đường phố tối như hũ nút. Bỗng nhiên phía trước lập lòe chấm lửa đỏ... Không trông thấy người, còn chấm lửa dần dà tiến lại gần phía tôi. "Không lẽ quỷ ư?" - nghĩ thầm vậy và dù sao đi nữa tôi cũng cảnh giác. Nhưng vừa lúc đó ánh sáng cây đèn pin chiếu vào tôi.

- A-a, ông đấy ư? - một giọng quen thuộc vang lên, và tôi nhìn ra Đormet ngậm điếu thuốc đang cháy, lúc đó rực lên trong bóng tối, - Ông định đi đâu thế này? - anh ta hỏi.

- Đi vơ vẩn, thở hít không khí trong lành.

- Để thở hít không khí trong lành phải ra ngoại thành. Những người làm công việc lao động trí óc, cái đó thực sự là cần thiết, - Đormet nói một cách răn dạy, sau đó nhã nhặn đề nghị: - Nếu như ông không phản đối, tôi sẵn sàng chở ông bằng môtô ra ngoại thành.

- Nhưng chúng ta đi đâu nào?

- Đi đâu ông muốn cũng được.

- Nhưng anh có thể cùng đi với tôi cả một ngày một đêm không.

- Tất nhiên rồi, trên chiếc mô tô này thì đi đâu chẳng được.

"Chàng trai muốn cho mình vui, còn gì bằng nào?" - tôi nghĩ bụng".

- Thế vợ anh không bực mình, nếu như anh đi suốt cả ngày cả đêm ư?

- Không, không, ông nói gì vậy?! Hơn thế nữa, tôi lại không có vợ.

- Không lẽ thế ư? Tôi nhớ là mùa xuân vừa rồi anh đến Gun-gidam với một người đàn bà nào đấy kia mà. Bây giờ tôi lại nghĩ rằng đó là vợ anh.

- Đúng thế. Tôi đã sống với người đàn bà ấy hai năm. Sau đó tôi đi Gôbi-Antai. Trong khi tôi đi vắng cô ta đã lừa dối tôi. Tôi không muốn làm bố đứa trẻ của người khác và là chồng của một ả đàn bà lang chạ, vì thế mà chúng tôi bỏ nhau.

- A-a... có nghĩa là, quả thực anh có ý định đi với tôi ra ngoại thành?

- Đúng thế! Bao giờ chúng ta đi và đi đâu?

- Ngày mai ta đến Gaxurtai.

Đormet đồng ý ngủ một đêm ngoài trời tại vùng ngoại thành, vì thế tôi quyết định nói cho anh ta biết hết sự thật.

- Mai nhất thiết chúng ta phải ngủ lại trên đèo Gaxurtai, bên cạnh *ôbôn*. Nghe bảo ở đó có quỷ sứ. Ta thử xem có thật thế hay không.

- Thảo nào tôi cứ nghĩ hoài, không hiểu sao người ta không đi qua đèo Gaxurtai nữa! Chắc hẳn, họ sợ quỷ.

Tôi kể cho Đormet nghe những chuyện xảy ra với ông già Manđakh và anh lái xe Ôiđôv, và câu chuyện của tôi rõ ràng làm cho anh chàng thích thú.

Chúng tôi thỏa thuận với nhau địa điểm và giờ giấc gặp nhau và về việc phải mang những gì theo.

Tôi chuẩn bị một ít thức ăn, chai rượu *vốtka* và phích nước trà nóng, xếp tất cả mọi thứ đó vào ba lô, đề phòng bất chắc mang theo khẩu súng và con dao găm đi săn và sang ngày hôm sau vào giờ hẹn tôi đến chỗ Đormet.

Khi tôi vào nhà, Đormet đang ngồi bên bàn hút thuốc lá. Thấy tôi anh ta bật dậy, tắt điếu thuốc đang hút dở dang và, đúng phép một người chủ, anh ta mời tôi ngồi chơi và nếm món mì sợi Mông Cổ ngon lành, mà anh ta vừa mới nấu xong.

Căn phòng ấm áp của anh ta bày biện các thứ đồ gỗ nước ngoài bóng lộn. Tôi kịp nhận ra một tấm thảm đắt tiền, mấy tủ sách đầy các sách Nga và sách Mông Cổ. Trên bàn là một cái gạt tàn bằng thủy tinh đầy những đầu mẩu, trên một số đầu mẩu có vết son môi.

Trước khi lên đường, Đormet đưa ra cho tôi xem một bản thảo của mình, - hóa ra là, anh ta vừa viết xong cuốn sách về giáo dục cộng sản chủ nghĩa cho thanh niên. Tôi hiểu ra, Đormet đã ký hợp đồng với một nhà xuất bản, đã nhận tiền tạm ứng và bây giờ, khi thời hạn nộp đã sắp đến, anh ta đang rất lo lắng cho số phận cuốn sách.

Tôi giở xem qua bản thảo, còn Đormet giải thích cho tôi:

- Các luận điểm cơ bản tôi lấy ở sách Nga ra, còn tài liệu thực tế - từ cuộc sống Mông Cổ...

Đập vào mắt tôi là tên một chương sách: "Các quan hệ gia đình mới", còn phía dưới tôi đọc thấy: "Gia đình dựa trên tình yêu thương và kính trọng lẫn nhau, sẽ bền chặt" - và tiếp theo: "Việc giáo dục đứa trẻ phụ thuộc vào gia đình và trường học..."

Nói chung, có nhiều lời lẽ đẹp và đúng, còn các điều dẫn chứng, theo tôi nhận thấy, hơi ít ỏi. Dormet cứ nói hoài về công việc của anh ta và mấy lần thậm chí còn gợi ý, giá được tôi nhận sửa chữa và bổ khuyết cho cuốn sách của anh ta thì rất hay. Tôi vội vã khước từ.

- Thế nào, ta đi chứ? - tôi hỏi.

- Ngồi thêm một chút, hãy còn sớm. Chiếc mô tô của tôi lao đi là - lập tức chúng ta đã có mặt ở Uliartai, rồ máy lần nữa - liền đến Gaxurtai. Ban ngày ở đó chẳng có gì mà làm. Quỷ chỉ xuất hiện về đêm mà thôi. - Và Dormet mỉm cười với bộ dạng của con người sành sỏi...

Câu chuyện của chúng tôi từ các quan hệ gia đình mới, sau đó chuyển sang tình yêu tự do. Đột nhiên Dormet đăm chiêu, dường như chợt nhớ ra điều gì đó.

- Theo các cứ liệu tổng điều tra dân số ở các nước khác nhau đàn bà nhiều hơn đàn ông nhiều. Không hiểu vì sao thế kia nữa? Ông có biết không? - anh ta đột ngột hỏi.

- Tôi không biết, nhưng quả thực là như thế.

- Nhưng như vậy thì phải thế nào chứ?

Tôi ngạc nhiên nhìn anh ta.

- Hóa ra là, mỗi người đàn ông phải có mấy người đàn bà. Bản thân thiên nhiên đòi hỏi như vậy. Tất nhiên! Nếu không nhiều đàn bà sẽ phải cô độc...

Đormet từ cằm xuống ngực và, hệt như một con ngỗng đực, lắc lư đầu hết bên nọ lại sang bên kia.

- Không lẽ anh định trình bày về phát hiện này trong cuốn sách của mình? - tôi nói đùa.

- Nghĩ là một chuyện, còn viết lại là một chuyện khác. - Đormet nheo mắt trả lời.

Tôi bác lại:

- Có thể viết ra hàng nghìn cuốn sách hay ho. Nhưng nếu như viết hoàn toàn không phải cái điều anh nghĩ, thì đấy còn là sách vở gì nữa?

- Vâng đúng, ông nói chí phải. Tôi nói đùa thôi mà, - Đormet trả lời.

Anh ta thay chiếc áo *dêla* duyên dáng ra, mặc trang phục đi đường. Tôi nhận thấy trong tủ hai tấm áo *dêla* nữ rất đẹp và rất nhiều đồ chơi trẻ em.

- Ông giữ làm gì trang phục phụ nữ với đồ chơi trẻ con thế? - tôi ngạc nhiên.

- Ông không biết hết cuộc sống. - Dormet cười nhạt.

Khi chúng tôi ra khỏi nhà và ngồi lên mótô, anh ta se sẽ nói:

- Vợ cũ của tôi để lại các thứ ấy.

Im lặng một lát, anh ta đột nhiên cất tiếng kêu toáng lên:

- Đội săn ma qui, tiến lên!..

- Sẽ chứ! Nếu biết chúng ta đi thanh tra ma quỷ, người ta cười cho. Mà ma quỷ cũng bỏ chạy hết, không chờ chúng ta nữa.

Trên đường đi chúng tôi rẽ vào cột xăng. Một người đàn ông cao lớn ra đón chúng tôi, sau khi chào hỏi liền nói với người bạn đường của tôi:

- Này, Đormet, ít ra thì anh đến bệnh viện lấy một chút. Thằng nhỏ nằm ở đó đã nửa năm rồi, mà anh không thăm nó lấy được một lần. Làm sao anh có thể vứt bỏ đứa con đẻ của mình? Đến với thằng nhỏ, vuốt ve đầu nó, mong cho nó chóng khỏi. Vì đó chẳng có hại gì cho anh, mà thằng con anh sẽ sung sướng. Mẹ nó anh đã xua đuổi...

- Bây giờ tôi không rảnh *guai* Bánzar ạ, chúng tôi đang vội, - Đormet ngắt lời người đàn ông. - Đến tối ta sẽ bàn mọi chuyện sau. - Và anh ta bắt đầu nổ máy.

Ông Banzar hy vọng nhìn tôi, tìm sự ủng hộ. Thấy tôi không hề tỏ ra một chút gì là nóng ruột, ông liền lại tiếp tục xỉ nhục Đormet:

- Khoan đã, nghe tôi nói đã. Rõ là anh không có lỗi gì trong việc em gái tôi bị chết khi sinh nở. Kể ra thì, cô ấy có mang với anh... Bây giờ thằng nhỏ lớn lên côi cút, mà anh thậm chí không đến ngó ngàng nó một chút. Vậy mà trong ngày mai táng thì anh lại đã nói những lời lẽ mới hay ho làm sao... Suốt thời gian qua thậm chí anh không mua được lấy ba đồng *tugrich* kẹo cho thằng nhỏ. Cho dù chỉ là một người coi gác bình thường, tôi đâu có trông đợi gì sự giúp đỡ của anh, - bằng cách này hay cách khác tự tôi nuôi dưỡng thằng nhỏ. Nhưng nó biết rằng,

nó có bố, - cho đến hôm nay nó còn giữ cái cà vạt rách mà một bận anh đã để quên ở chỗ chúng tôi. Vậy mà thậm chí anh không đến thăm nó...

Ông Banzar khoát tay và lau nước mắt ứa ra. Ông còn muốn nói thêm gì nữa, nhưng Đormet cầm tay ông dắt ra xa. Chắc hẳn, anh ta dỗ dành ông im lặng, sau đó rút tiền trong ngực áo ra và giúi cho ông Banzar.

Khi Banzar trở lại chiếc xe mô tô, tôi đưa mắt nhìn anh ta và nghĩ bụng: "Hắn không tốt..." Anh ta đi đến trước mặt tôi, trên mặt anh ta đọng một nụ cười gượng, cặp mắt nheo nheo. Trong giây lát đó anh ta giống như con cáo, tuột được ra khỏi bẫy...

Chúng tôi lên đường ra đi.

- Ông quen biết Banzar chứ? - Đormet hỏi tôi. - Một con người khó tính khó nết...

- Bởi vì các tội lỗi của anh lộ hết cả ra, - tôi nhận xét.

- Không, ông phải hiểu cho: ở đây có những nguyên do nghiêm trọng kia... Tôi là người bất hạnh, như người ta nói, bỗng tự dưng lại bị sa lầy. Trước đây tôi có một người bạn... kể ra thì bây giờ đây anh bạn vẫn còn đó... Trước đây chúng tôi cũng công tác với nhau... Như vậy là: anh ta làm bậy bạ ra đấy, rồi tôi lại phải gánh chịu...

- Vậy thì vì sao mà ông Banzar lại buộc tội tất cả cho anh?

- Không ai biết hết mọi sự thật, mà kể ra thì lắm chuyện... Nhưng, thứ nhất là, người đàn bà ấy chết mất rồi, thứ hai là, tôi không thể bôi nhọ thanh danh người

bạn, còn thứ ba nữa là, kể ra cả tôi cũng có lỗi. Nếu chúng ta không bắt được ma qủi, tôi sẽ kể lại mọi chuyện. - Và anh ta se sẽ bật cười.

Vừa lúc đó chúng tôi đi tới gần cửa Uliaxtai. Máy móc mô tô bị liệt, và chúng tôi phải loay hoay rất lâu, cho đến khi mệt phờ người ra. Không còn cách gì khác, dành phải đi bộ trở về. Chúng tôi chậm chạp bước đi, ra sức đẩy chiếc xe lên trước. Đi ngang qua cổng một *khasắc* lớn, chúng tôi nhìn thấy ông thợ cơ khí già Đugar quen biết, đang đứng bên cổng, tôi bèn đề nghị ông xem hộ máy móc. Ông đồng ý.

Trong lúc ông Đugar cùng với Đormet loay hoay với máy móc, tôi vào ngồi trong nhà lều của ông Đugar và uống nước chè. Lát sau ông Đugar vào nhà để lấy dụng cụ.

- Sao bỗng dưng ông lại đi nghĩ ra cái trò đi đến Gaxurtai với cái gã này? - Ông ta hỏi tôi. - Trông hắn không còn chút gì của con người ta nữa.

Tôi không biết trả lời ông ấy ra sao nữa.

- Nếu quả là ông rất muốn đến Gaxurtai, thì để chủ nhật tới cùng đi với tôi.

- Tôi muốn ở qua đêm trên ấy.

- Cũng được thôi, có gì là khó.

Tôi cám ơn Đugar, và chúng tôi thỏa thuận với nhau về chuyến đi. Vừa hay Đormet xuất hiện.

-Tôi phải đi thôi. Ngày mai mới chữa được xe, rồi tôi sẽ đến đón ông sau. Còn bây giờ ông đành phải trở về bằng ô tô buýt vậy, - anh ta nói chia tay với tôi.

Khi anh ta đã đi khỏi, tôi hỏi Đugar:

- Có chuyện gì với Đormet thế, thậm chí không thèm chữa cho xong xe?

- Hắn vừa nhìn thấy cô Đarima, thế là bỏ chạy thôi.

- Lại còn ai thế nữa? - tôi ngạc nhiên.

- Một người đàn bà bất hạnh, ốm đau, trước đây đã là vợ của Đormet.

Tôi mở to mắt, vì ngạc nhiên và lặng đi. Chỉ trong vòng có một ngày mà đã phải nghe bao nhiêu là chuyện về cái anh chàng Đormet này?

- Anh ta đã kịp thay đổi bao nhiêu là vợ rồi? - Tôi hỏi.

Đugar suy nghĩ, gập ngón tay vào đếm.

- Phải đến hơn năm cô gái. Còn nếu như tính tất cả các cô mà hắn đã lừa dảo, thì phải có tới hai mươi nhăm cô ấy. Hắn luôn luôn mê hoặc đầu óc những cô bé ngây thơ, chưa biết gì cuộc sống. Trước đây Đormet ở trường phổ thông, nhưng hắn đã bị đuổi khỏi trường, không cho làm giáo viên nữa.

Đugar mời tôi ngồi xuống ghế băng và thong thả kể tiếp câu chuyện:

- Darima trước là một cô bé ngoan ngoãn, học giỏi. Mà lại xinh đẹp nữa chứ - thật sự là một bông hoa! Đormet dạy ở lớp ấy. Hắn luôn luôn khen ngợi cô bé, chú ý đến cô ta. Tôi thường có dịp lui tới trường sửa chữa ô tô nhà trường, - chính mắt tôi đã thấy, thầy giáo đặt cô bé lên ngồi đùi mình, vuốt ve tóc nó. Thế rồi sau đó cô bé Đarima gầy gò, mảnh dẻ bỗng lập tức lớn vọt lên, dầy dặn ra, mập lên... Đormet vội vàng thu xếp cho cô

bé vào học trường trung cấp kỹ thuật. Chẳng bao lâu sau cô ta sinh cháu nhỏ. Thời gian đầu mọi chuyện của họ có vẻ tốt đẹp. Nhưng khi đứa con nhỏ thứ hai ra đời, Đormet thôi không lui tới nữa... Người ta bảo, đàn bà ngoài hai mươi hắn bỏ, coi là già rồi. Xét ra quả thực chuyện có như thế. Đứa con đầu lòng của hai vợ chồng hắn, một thằng con trai, bị hư hỏng, hiện nay đang trong trại cải tạo, còn đứa thứ hai, đứa con gái, người chị gái của Đarima đã đón về nuôi dưỡng. Đormet không thừa nhận con gái của mình, đơn giản hắn quên khuấy về chúng. Còn người đàn bà đáng thương kia không may mắn trong chuyện gia đình, - sau Đormet cô ta hai lần lấy chồng lại, nhưng đều không tìm ra hạnh phúc. Đormet đã làm què quặt cuộc đời của cô... Đấy, câu chuyện của Đarima là thế...

Đugar dứt lời, chúng tôi ngồi, lặng đi, mỗi người theo đuổi một ý nghĩ riêng tư. Sau đó Dugar đề nghị cùng đến thăm Đarima.

Trong căn nhà lều nhỏ bốn vạt, một người đàn bà tóc bạc lọm khọm ngồi bó gối. Bộ mặt nhăn nheo của bà ta biểu lộ vẻ mệt mỏi và lãnh đạm. "Có lẽ, bà ta không có chồng", - bất giác tôi thầm nghĩ.

Dugar giới thiệu tôi làm quen với nữ chủ nhà, có điều không gọi tên bà ta ra. Người đàn bà đem trà và đĩa bánh bích qui. Bà ta im lặng, luôn thở dài, chỉ thỉnh thoảng mới đưa ra một câu hỏi, và khi ấy thấy rõ hàm răng hỏng lộ ra.

Đugar nói cho người đàn bà ấy biết về tôi, nói về chuyện tôi cùng với người đồng hành đi đâu và tại sao quay trở về.

- Người bạn của ông đi rồi ư? - người đàn bà hỏi.

- Đó là Đormet, - Đugar nói rõ.

Người đàn bà đỏ mặt, và thế là tôi hiểu ra, trước mắt tôi chính là Đarima.

Người đàn bà bất hạnh, cô ta mới chưa đầy ba mươi tuổi, vậy mà trông như một bà lão. Tôi thực lòng thương xót Đarima. Con người ấy đã đưa cô đến nước này đây.

Hy vọng giây lát làm cho người đàn bà này quên lãng những suy nghĩ đau buồn, tôi lấy tất cả các thức ăn dự trữ mang theo trong túi xách ra - một chai rượu vốtca, hộp đồ ăn, bánh mì - và bày lên cái bàn thấp. Đarima đi chuẩn bị món ăn nóng. Vợ Đugar mang đến một xô sữa ngựa chua *kumux*. Chúng tôi uống vào và không khí vui lên.

Tuy nhiên câu chuyện của chúng tôi chốc chốc lại quay về những nghịch cảnh và những nỗi đau lòng trong cuộc sống.

- Cô kể cho mình và đồng chí đây nghe. Đồng chí là nhà văn. Đồng chí biết rõ cuộc sống, sẽ thông cảm những nỗi bất hạnh của cô, - Đugar thuyết phục Đarima.

Thấy rõ là, Darima uống hơi say: nước mắt lã chã thay cho sự im lặng cau có. Câu chuyện về mình người đàn bà kể một cách lộn xộn, vừa nói vừa thút thít khóc và đưa tay gạt nước mắt giàn giụa trên má.

- Bà mẹ quá cố của tôi xưa là một người thợ may, làm ở xưởng may. Còn tôi đi học ở trường phổ thông. Tôi học khá, cố gắng, chăm chỉ. Tôi khá hơn cả là môn hóa. Trường chúng tôi có nhiều thầy giáo đôn hậu, tuyệt vời.

Nhưng thế gian chẳng đã nói là gì: đâu có thần thánh, ở đấy cũng lại có ma quỷ. Trong số các thầy giáo của chúng tôi xuất hiện quỷ sứ. Nó thường xuyên khen ngợi tôi. Cho chúng tôi thêm bài vở. Cuối cùng nó quyến rũ được tôi... Thế là tôi đi chệch mất đường...

Darima òa khóc nức nở. Khi cô ta nguôi nguôi đi một chút, tôi thận trọng nói với cô ta:

- Tất nhiên, hắn là tên đểu cáng, nhưng không lẽ sau đó cô không gặp được những người tốt, chân chính sao?

- Người xấu ít thôi, người tốt - nhiều hơn. Sau Đormet tôi lấy hai đời chồng nữa, và cả hai đều là những người tốt. Một người ngay bây giờ vẫn thường đi thăm thằng con bất trị của tôi.

Darima thở dài não nuột, sau đó cầm lấy bát trà, uống ực một hơi.

- Cô bảo, những người ấy đều tốt, tại sao họ bỏ cô? - tôi lại hỏi và chăm chú nhìn người đàn bà.

- Chính tôi có lỗi trong tất cả mọi chuyện...

Con người đáng thương ấy lại òa khóc. Vợ Đugar cố an ủi cô ta. Chị lau nước mắt cho cô ta, còn với tôi chị ra hiệu để tôi dừng hỏi thêm gì nữa.

- Tại sao họ bỏ nhau với lại tại sao chia tay nhau, - bây giờ còn nói làm gì nữa. Điều quan trọng là: nếu gặp chuyện không may - phải tìm cách mà khắc phục, bị bệnh - thì phải chạy chữa. Có các thầy thuốc giỏi với lại bạn bè tốt, - Đugar nói.

Nhưng Darima ngắt ngang lời:

- Tôi là người bỏ đi rồi...

- Tại sao lại thế, cô còn chưa đến ba mươi kia mà! - Tôi ngạc nhiên.

- Tôi bị bệnh. Gã Đormet đã chà đạp cuộc đời tôi...

- Đừng nói thế. - Đugar cố an ủi cô. - Không được tuyệt vọng, cô còn trẻ.

- Mặc dù tôi đã sinh ra trong thời đại hạnh phúc đấy, nhưng rõ ràng là, cái số tôi không được hưởng hạnh phúc. - Đarima nói.

- Trong cuộc sống có nhiều cuộc gặp gỡ và nhiều cuộc chia ly, - Đugar nói tiếp. - Hãy vững tâm. mọi chuyện của cô còn cả trong tương lai!...

- Không, không, bệnh của tôi không chữa lành được. Tôi không bao giờ còn có thể là người vợ tốt...

Tôi cùng với Đugar hết lời an ủi, khuyên nhủ cô ta kiên trì chạy chữa. Tôi viết thư cho một bác sĩ quen thuộc, đưa cho Đarima. Cô cảm ơn nhận lấy lá thư, và tôi thấy thoáng niềm hy vọng trong khóe mắt cô.

Trời đã đổ tối, khi tôi ra khỏi nhà Đarima. Tôi lên xe buýt trở về nhà. Trong đầu tôi cứ lẩn quẩn lời của Darima về con quỷ đã nảy sinh ra trong đám các thầy giáo của cô.

"Đormet đã hủy hoại cuộc đời của nhiều người. Hắn sẽ còn tiếp tục làm những điều ác... Tôi đi tìm ma quỷ người ta tưởng tượng thấy, trong khi đó hóa ra con quỷ thực sự lại ở ngay bên cạnh tôi rồi", - tôi xót xa thầm nghĩ.

Những chuyện, dường như đêm đêm ma quỷ đốt lửa, rung trống, dọa người, chỉ là những chuyện hoang tưởng của người già. Những loại ma quỷ như thế làm gì có thực. Mà ma quỷ - chính là những con người xấu xa, độc ác, đang sống giữa chúng ta và đang làm què quặt cuộc sống của những người khác. Đốm lửa quỷ sứ nhấp nháy trong đêm, - đó là lửa đầu thuốc lá của gã Dormet. Còn lời lẽ của gã Dormet - chính là lời lẽ quỷ sứ, tiếng cười của hắn - là tiếng cười của quỷ xa tăng. Phải, tôi đã nhìn thấy ma quỷ rồi, tôi biết thế nào là ma quỷ, và bây giờ tôi chẳng cần gì phải đi đến Gaxurtai nữa...

THÚY TOÀN *dịch*

Trimitdoócgin
Nátxácdoócgiơ[1]
(Mông Cổ)

"BÁ TƯỚC MÔNGTÊ CRISTÔ"

Anh chàng béo phị bị lắc lư xiêu xiêu vẹo vẹo như một cây sậy trước gió. Anh ta cực kỳ khó nhọc dứt đế giày lên khỏi mặt đường nhựa chảy nhão nhoét dưới mặt trời ban trưa thiêu đốt, nhưng kiên trì không muốn rời bỏ đường cái. Cảnh tượng ấy trông ngộ nghĩnh đến mức Amra phải bật cười sằng sặc, lãng quên đi trong giây lát nỗi phiền muộn của mình: chiếc áo pun kiểu cách anh vừa mua được mấy phút trước đó có kích thước hợp với cô em vợ hơn là vợ anh.

Giờ đây anh mường tượng chuyện vừa xảy ra mà vẫn khó tin là có thật: trước hết, là một người nói chung không thông thạo việc bán mua, nhưng thoáng nhìn một cái anh đã đánh giá ngay được cái vật duyên dáng trên tay chú bé đứng ở góc cửa hàng mậu dịch là sản phẩm của Pháp. Hai nữa, sau một cuộc tranh cãi ngắn ngủi nhưng quyết liệt, anh đã giành được chiếc áo này trước hai bà cô cũng đã để mắt đến.

---

(1) Nhà văn đương đại Mông Cổ (sinh năm 1934)

Mỉm cười, chú bé nhận số tiền anh đưa ra và, không cần đếm lại, chú nhét ngay vào túi. Lúc này, nhó lại bộ mặt thông minh với đôi mắt đen láy màu phúc bồn tử của chú, Amra lấy làm tiếc là bấy giờ đã không nghĩ ra chuyện cám ơn chú, nhưng anh không định đuổi theo chú bé nữa. Mặt trời thiêu đốt đến mức tưởng như không phải nó ở mãi trên cao nơi đỉnh trời, mà cháy rực ngay đâu đó bên cạnh, ở trên ngõ nhỏ nào cạnh đây, và trên mặt đường nhựa ngột ngạt, một màn ảo ảnh bốc lên chờn vờn.

Chiều về Amra đem chiếc áo pun ra khoe với vợ.

- Dù sao đi nữa ở phương Tây người ta cũng biết cách làm ra sản phẩm! - Chị vợ lên tiếng. - Ở ta cũng toàn sản xuất ra một thứ đại loại cái này - có điều làm sao nổi kia chứ!

Chị giở đi giở lại chiếc áo và chỉ cho chồng thấy cái nhãn hiệu nghiêm chỉnh đính vào áo: "Made in France" và tên hãng sản xuất óng ánh màu kim nhũ.

- Thế này chứ: Cứ tưởng những cái này là nhỏ nhặt, vặt vãnh, vậy mà cũng được làm đâu ra đấy. Thế mới là trình độ sản xuất chứ! Ở ta tự mình chẳng làm được thứ gì cho ra hồn, chỉ có biết đi ăn cóp mẫu của ngoại. Mà thôi thì... ăn cóp cũng không nên thân nữa... Thật là đáng xấu hổ.

- Đáng tiếc là, ở ta còn có những người không muốn mở mắt ra, - Amra tán đồng. - Để có được chút vinh quang rẻ tiền, họ làm rùm beng cả lên: "sản phẩm mới", "sản phẩm mốt mới". Nhưng trong lúc vội vàng, họ quên cả việc tìm ra các khả năng có thể có. Thế là thu được

một món hàng ăn cóp tồi tệ của một kiểu mẫu nào đó nhập từ nước ngoài.

Cuối cùng hai vợ chồng quyết định không nhất thiết phải chờ đến ngày hội. Có thể trao quà tặng sớm hơn, thậm chí ngay tối hôm nay cũng chẳng sao. Vì lý do gì mà không đem lại cái thứ mới mua được làm cho cô em vui mừng, hơn thế nữa, cô ta có bao giờ thèm dùng hàng nội địa đâu.

Ướm thử chiếc áo pun, cô em vợ sung sướng đến ngây người. Đến khi trấn tĩnh lại cô mới thốt lên trầm trồ:

- Cảm ơn anh chị, chà anh chọn mới khéo làm sao! Nếu không, em còn phải nát đầu, nát óc mà vẫn chưa biết đến ngày hội sẽ lấy gì mà mặc. Mà loại áo pun này thì không thể chỉ mua một chiếc được.

- Anh mà thấy ở đâu có thì phải mua lấy ngay chiếc nữa, đừng có tiếc tiền, - chị vợ ủng hộ cô em.

Giờ thì ngày nào Amra cũng tìm đến cửa hàng, hy vọng gặp lại chú bé quen. Đôi khi cũng có người chào mời thứ hàng gì đó, nhưng trong số những thứ hàng chào mời ấy không thấy có áo pun. Tất nhiên có thể cầu may ở chợ giời, nhưng, của đáng tội, anh thà đi quét đường cả tuần còn hơn phải đến chỗ ấy!

Dần dần những nỗi khát vọng lắng xuống, những câu chuyện về chiếc áo pun cũng nhạt đi, cho đến một buổi tối có tiếng chuông gọi cửa...

Một cô bạn gái của em gái vợ anh xộc vào phòng ngoài. Bộ dạng cô ta điên khùng đến nỗi Amra đâm ra hoảng sợ.

- Cô ấy ở trong đó... ở bếp ấy, - anh lúng búng.

Người đàn bà lao vụt qua trước mặt - Amra cảm thấy có cả một luồng gió cuốn theo.

- Sự thể là thế đấy... Có chuyện gì xảy ra thế không biết? - Amra bối rối nhìn theo cô ta và đi đi lại lại trong phòng. Một lát sau anh cảm thấy có người gọi anh vào bếp thì phải?

Amra rụt rè ngó vào bếp.

- Vào đây, vào đây, đừng sợ, - cô em vợ nhìn thấy anh bật cười.

- Nếu như cả đến anh, một người đã tốt nghiệp đại học, mà còn mắc, thì với chúng tôi, xin thượng đế soi xét cho. - Cô ta nói, và dứt cái nhãn hiệu ra, đưa cho Amra xem.

- Anh nhìn cho kỹ vào, của rởm đấy chứ còn gì nữa, cô đưa cho anh ấy xem cái áo, - cô em vợ anh bảo cô gạn gái.

Cô kia bèn lấy trong túi ra một chiếc áo pun khác, giống hệt như chiếc áo Amra đã mua, giống hệt như hai giọt nước vậy. Mọi chuyện rõ như ban ngày. Có kẻ đã bóc nhãn hiệu thực ở những cái áo pun nội địa rồi đính nhãn hiệu giả vào. Những mẩu chỉ còn chưa dứt hết là chứng cớ rành rành về điều đó. Khi vỡ lẽ rằng món quà tặng sang trọng của anh hóa ra là của rởm, Amra quên hẳn ý định làm sáng tỏ cái việc anh đã biết ra chuyện này như thế nào.

- Cần phải báo cho công an biết về cái tên lừa dảo này. Trông có vẻ một thằng bé tử tế, vậy mà lại là một

kẻ ám muội thực sự! Thế mới biết là: con người không như con rắn, màu da không bộc lộ bản thân mình. Tôi cứ hình dung mãi mà chưa biết cha mẹ của một thằng bé như vậy phải là người thế nào - cô khách điên tiết nói.

Cuối cùng cô ta bỏ ra về, nhưng câu chuyện về chiếc áo pun còn được kéo dài hết buổi tối.

Amra kể lại mọi chuyện cho chị vợ vừa đi làm về. Cả anh, cả cô em vợ đều thấy xấu hổ phải thừa nhận mình bị mắc lừa nên cứ làm bộ chẳng có chuyện gì đặc biệt xảy ra. Thật đáng ngạc nhiên vì sự sắc sảo của cô bạn quen chung của họ, vừa nhận ra cái nhãn hiệu phai màu, cô đã nghi là có chuyện chẳng lành. Cuối cùng cả nhà quyết định cho qua chuyện, chỉ lấy đó làm bài học đáng buồn cười, rồi mọi người giải tán đi ngủ. Nhưng cả đến sáng hôm sau Amra vẫn thấy trong lòng không yên. Anh không buồn ăn sáng, cứ thấp thỏm muốn đi dạo một chút, và, không chờ vợ, anh ra đi trước.

Xe cộ đã bắt đầu đi lại trên đường phố, nhưng mùi xăng còn chưa kịp át hương vị của lộc cây vừa nhú. Không khí trong sạch, song điều đó cũng không làm Amra vui. Và khi vừa nhớ lại giấc mơ anh thấy đêm qua, anh bèn hiểu ra mọi chuyện. Anh đã mơ thấy dường như chú bé hôm nọ đang đứng bán những chiếc áo pun "sản xuất tại Pháp" ở bên cửa một cửa hàng tổng hợp lớn. Chung quanh người mua chen chúc. Đột nhiên một tiếng thét từ trong cửa hàng dội ra. Hóa ra là ở trong đó người ta cũng đang bán những chiếc áo hệt như thế, nhưng đó là hàng nội địa và giá rẻ hơn rất nhiều! Những người mua hàng giận dữ, mắt đỏ ngầu, lừ lừ tiến đến chỗ chú bé lừa dảo, vậy

mà chú ta cứ thản nhiên như không, vẫn tiếp tục chào mời món hàng của mình! Tình hình đang gay cấn, thì tiếng còi cảnh sát vang lên. Chú bé biến mất, còn khách hàng thì kinh ngạc, nhớn nhác nhìn quanh. Vừa lúc đó cô bạn của em vợ Amra phát hiện ra thủ phạm, cô nắm tai chú bé lôi xềnh xệch đến trước mặt anh cảnh sát, cả đám đông reo hò: "U-ra-a".

Nhưng không hiểu sao, một kết cục như vậy không làm Amra thỏa mãn. "Không, không thể đưa chú ta đến công an" - anh nghĩ thầm và nhìn quanh: liệu gương mặt chú bé quen có thoáng hiện ra đâu đó giữa đám đông hay không?

"Nhưng mặt khác, nếu không làm như vậy, chú ta có thể gây nên một chuyện gì đó còn nghiêm trọng hơn".

Ý nghĩ về chú bé cứ như cái dằm nhói vào tim gan... Thế mà chưa đầy nửa tiếng sau ở bên xe buýt Amra đã thực sự mặt đối mặt với kẻ gây ra những điều phiền muộn cho mình. Xét về mọi phương diện thì rõ ràng chú bé đang đi đến trường: tay chú cắp sách, vở.

"Cốt sao nó đừng lẩn tránh..." - Amra lo lắng nghĩ thầm trong bụng, nhưng căn cứ vào đôi mắt của chú bé, anh hiểu rằng, chú cũng nhận ra anh.

"Thế nhưng nếu nó không muốn bắt chuyện với mình? Nó khăng khăng chối - có phải cháu đâu nào... Vậy thôi". Amra phân vân. Anh nháy mắt gật đầu gọi chú bé ra một chỗ bên cạnh. Chú bé đi theo anh không hề ngờ vực.

- Này chú mình, chú còn chiếc áo pun Pháp nữa không? Tôi rất cần một chiếc nữa, - Amra thì thào hỏi.

- Chiều, - mỉm cười, chú bé trả lời gọn lỏn.

"Mà mình khôn khéo với nó làm gì kia chứ, cứ hệt như với một tên tái phạm nào vậy? Cứ nói thẳng thừng ra có phải tốt hơn không. Và nếu nó biết hối hận về hành động của mình, nó sẽ không lặp lại nữa... Không lẽ chỉ vì một chuyện còn con thế mà mình phải muộn giờ làm, mà nó phải muộn giờ học? Mà cũng phải nói thật ra thì cũng chưa rõ chuyện này thực hư là thế nào!"

Tuy vậy, quyết định không bỏ dở công việc đã bắt đầu. Amra dẫn chú bé ra đường cây xanh, cách xa mọi người.

"Ông ta bám mới gớm chưa" - bằng tất cả bộ dạng của mình, chú bé muốn nói ra như vậy, nhưng chú vẫn ngoan ngoãn đi theo Amra.

Nghe Amra nói, chú bé iu xìu và dúm cả người lại.

- Nếu chú hứa không nói gì với mẹ cháu, cháu sẽ nói hết, nói hết với chú. Nói thật mọi chuyện. Cháu cũng chẳng sợ bị chú dẫn đến gặp công an đâu. Chỉ có điều làm sao cho mẹ cháu đừng biết chuyện gì, - chú bé đề nghị.

- Chú thì chú chẳng nói đâu. Nhưng có thể một người nào đó sẽ nói. Chú thử giúp cháu, nhưng ta thỏa thuận với nhau một điều: Không được nói dối! - Amra đe trước, và đề phòng khi cần thiết, anh cho chú bé biết địa chỉ, tên họ của mình.

Trong khi đó Banbiléc bắt đầu kể:

- Bố cháu mất đã một năm nay. Hồi đó cháu mới mười ba tuổi. Nhà cháu còn lại năm người: mẹ cháu, chị cháu, hai anh trai và cháu.

... Là con út trong gia đình, chú bé lớn lên thoải mái, không thiếu thốn gì. Bẩm sinh đã có năng khiếu, chú học khá. Chú rất có ý thức tự lập và sắc sảo trong việc đánh giá và bình phẩm mọi chuyện (điều này Amra nhận ra ngay). Bé nhỏ và gầy gò, nhưng chú không sợ những đứa trẻ to lớn hơn mình.

- Sợ thì còn là đàn ông cái nỗi gì nữa? Với lại đã là đàn ông thì phải giữ lời hứa, - Banbiléc bày tỏ lập trường của mình.

"Hừm, không phải tất cả người lớn đã lớn đến mức hiểu ra chân lý đó", - Amra nghĩ thầm trong khi anh vẫn lắng nghe chú bé nói: Đôi lúc anh cảm thấy bản thân mình chỉ là một thằng bé vắt mũi chưa sạch so với người đang chuyện trò với mình.

... Banbiléc yêu mẹ hết mức và rất hãnh diện về chị mình. Cả hai người đều là thợ may trong xí nghiệp nhà nước. Một lần chú vào cửa hàng bách hóa tổng hợp và dừng lại bên quầy quần áo, sung sướng thầm nghĩ: "Ở đây bán những chiếc áo pun mà chị gái và mẹ mình may".

Vừa lúc đó một đôi trai gái trẻ đến bên quầy hàng.

- Hàng may mặc ở ta mới chán làm sao! Em nhìn xem những chiếc váy, những cái áo pun này này. Chỉ đáng làm giẻ lau! Cổ lỗ, cứ như những cái túi ấy - nói gì thì nói, đúng là những cái túi, những cái bao tải, - anh con trai nói một cách khinh bỉ, và cả hai phá lên cười hô hố. Banbiléc tức giận sa sầm mặt mày và thề rằng, sẽ làm cho họ phải hối tiếc về những lời nói.

Không ai khi đó có thể thuyết phục được Banbiléc rằng lời nhạo báng của đôi trai gái nọ nói chung không hẳn đã nhắm vào mẹ và chị chú.

Về tới nhà, Banbiléc tiết lộ với anh trai ý định của mình - đính những cái nhãn hiệu giả nước ngoài vào để lừa những kẻ sùng mộ từ cái giẻ rách của nước ngoài trở đi. Anh trai cậu tán thành và họ bắt tay vào việc một cách khéo léo, qua một tháng đã làm được những cái nhãn hiệu của các hãng ngoại quốc.

Thoạt đầu Banbiléc định bán những chiếc áo pun đúng giá của chúng, nhưng như thế đã khiến người mua ngạc nhiên và ngờ vực. Vậy thì, phải nâng giá lên công việc mới trôi chảy được. Quả nhiên, người ta giành nhau những chiếc áo pun ấy. Chú chỉ bán từng chiếc một không hơn. Tiền thu được, chú lại dùng để mua những chiếc áo pun mới, những dải băng lụa và chỉ thêu để làm nhãn hiệu giả. Đôi khi Banbiléc rủ bạn cùng lớp đi ăn kem sữa và xem phim. Nhưng phần lớn số tiền đó chú cóp lại và mơ ước sẽ chi tiêu cho một sự nghiệp cao cả sau này.

Nghe câu chuyện của chú bé, thoạt đầu Amra còn thoáng nghi ngờ, nhưng rồi chỉ cần nhìn vào đôi mắt sáng và đen màu phúc bồn tử của Banbiléc, mọi ngờ vực của anh đều tan biến.

Lúc này, chú bé đã chuyển sang một câu chuyện khác về một sự việc xảy ra trong đời mình. Câu chuyện này càng khiến Amra sửng sốt hơn...

Trước đây có một công nhân - một ông tên là Giamian, - chơi thân với bố Banbiléc. Nhưng ông ta vừa được cất nhắc lên hàng thủ trưởng, thì tình bạn của hai

người cũng chấm dứt. Giamian không lui tới nhà chú nữa. Ông ta chỉ đến nhà chú có mỗi một lần, khi bố chú phải nghỉ việc vì thương tật, rồi thì từ đó ông ta mất mặt. Đến hôm đưa tang bố chú, ông ta cũng không thèm tới. Thậm chí đến gọi điện cũng không. Banbiléc xúc động về điều đó hơn hết thảy mọi người trong nhà.

- Tại sao bác Giamian không đi lại với nhà ta nữa? - một lần chú hỏi mẹ.

- Nếu ông ta là một con người, thì hẳn ông ta đã lui tới. - bà mẹ đáp.

"Trong những người lớn, Giamian tồi tệ hơn cả", - chú bé quyết định như vậy và trong cái phong bì không có địa chỉ người gửi, chú gửi đến cho ông ta một tờ giấy ghi ba chữ cái to tướng BMC trên nền đỏ đen màu tang.

- Cái đó giải ra có nghĩa là: "Bá tước Môngtê Cristô". - chú bé giải thích. - Và ba chữ cái đó còn có thể đọc là "Banbiléc". Chắc chú chưa nhận thấy là, những chữ cái ấy có ghi trên tất cả các dải nhãn hiệu, ở một góc...Chỉ có điều chú đừng kể gì lại với mẹ chú, - im lặng một lát, chú bé lại đề nghị. - Mẹ cháu mà biết thì mẹ cháu xấu hổ đến chết mất. Cháu hiểu mẹ cháu hơn cả bản thân mình. - thở dài run rẩy, Banbiléc nói.

Amra lặng người đi khi nghe câu chuyện của chú bé. Anh có cảm tưởng rằng người đang nói chuyện với anh không phải là một chú bé mà là một người đàn ông lớn tuổi.

- Thôi được, Banbiléc ạ, - Amra trả lời, ôm lấy vai chú bé, - Chạy đến trường đi. Chú sẽ đến gặp thầy giáo cháu để báo cáo rằng cháu lỡ mất tiết học là vì chú.

Nhưng nếu cháu quả thật yêu mẹ, cháu phải lập tức chấm dứt những chuyện buôn bán nhảm nhí ấy đi. Cánh phụ nữ sẽ mặc những chiếc áo pun của ta, không cần có những cái nhãn hiệu giả ấy. Họ sẽ thấy rõ là áo pun ta chẳng thua kém gì áo pun của nước ngoài. Cháu cũng phải giảng giải cho cả anh cháu nữa, đừng quên đấy. Còn nếu như có ai nhận ra cháu, cháu tìm ngay tới chú. Mặc dù cháu đã đánh lừa cả chú, nhưng chú vẫn giữ lời hứa, như một người đàn ông thực sự, - Amra nói và đưa tay ra. Anh thích thú cảm thấy trong lòng bàn tay mình bàn tay rắn rỏi và ấm áp của chú bé.

- Chào chú, - Banbiléc sung sướng mỉm cười. - Chú quả là một người đàn ông thực sự, - nói rồi chú bé rảo bước đến bến xe.

Lắng nghe tiếng lạo xạo dưới chân mình, Amra nhìn theo chú bé cho đến lúc thân hình bé nhỏ lẫn vào đám đông người qua lại.

- Cháu muốn như bá tước Môngtê Cristô, cháu muốn là một người trả thù cao thượng, trừng phạt cái bọn sùng ngoại mù quáng những kẻ không hiểu rằng con bò đực trong sân nhà vẫn tốt hơn là con tuần lộc trong núi. Cháu nhầm rồi, người anh em nhỏ tuổi của tôi ạ, người ta không trả thù sự ngu ngốc, chẳng bao lâu nữa rồi tự cháu sẽ hiểu ra điều đó. Đôi mắt đen như quả phúc bồn tử của cháu sẽ nhìn thế giới một cách đúng đắn. Tạm biệt, đứa cháu nhỏ, đứa em trai nhỏ của tôi! Hy vọng cháu sẽ gặp được mọi sự tốt đẹp. - Thở phào, Amra nói khe khẽ, khó ai có thể nghe rõ.

THÚY TOÀN *dịch*

G.G.MACKẾT
(Côlômbia)

CHUYỆN BUỒN KHÔNG THỂ TIN ĐƯỢC CỦA ÊRÊNHĐIRA NGÂY THƠ VÀ NGƯỜI BÀ BẤT LƯƠNG

Êrênhđira đang tắm cho bà nội thì cơn gió bất hạnh của đời cô cũng bắt đầu nổi lên. Căn nhà khổng lồ, tường đã lở vôi, vốn đã xiêu vẹo trong cảnh cô đơn của hoang mạc rùng mình ngay từ cơn gió giật đầu tiên. Nhưng Êrênhđira và người bà đã quen với những nguy hiểm của thiên nhiên hung bạo ấy, cho nên cả hai người, đang ở trong buồng tắm, cái buồng tắm được trang trí bằng những chiếc lông công bện lại và bằng những bức khảm nổi thường dùng trong các nhà tắm thời các Hoàng đế Xêda - hầu như không nhận ra được sức gió mạnh tới mức nào

Bà già, trần truồng và khổng lồ, như một con cá voi, nằm trong chậu tắm bằng đá hoa cương. Cô cháu vừa xấp xỉ tuổi mười bốn, dáng người mảnh khảnh và quá ngây thơ so với tuổi của mình. Với cử động thong thả mang vẻ kính cẩn, cô cháu tắm cho bà mình bằng thứ nước lá thơm mà cứ mỗi bận giội nước xong, lá bám vào cái lưng nần nẫn, lá bám vào mái tóc ngả màu cước, lá

bám trên đôi vai vạm vỡ có xăm hình nhăng nhít với vẻ giễu cợt của các thủy thủ.

- Đêm qua bà nằm mơ thấy mình đang chờ thư,- người bà nói.

Êrênhđira, vốn chỉ nói khi thật cần thiết, hỏi bà:

- Bà nằm mơ vào hôm nào cơ?

- Vào ngày thứ Năm!

- Vậy là một lá thư buồn bà ạ! Nhưng có lẽ không khi nào nó tới, bà đừng lo!

Khi tắm xong cho bà già, cô cháu dắt bà mình vào phòng riêng. Bà già béo ục ịch tới mức mỗi bận đi lại bà phải vịn vào vai cô cháu gái hay chống một cái ba toong giống hết cây gậy của Đức giáo chủ. Nhưng trong những cử chỉ nặng nề ấy của bà già, người ta vẫn nhận ra cái vẻ oai phong của lối sống vương giả đã hết thời. Trong căn phòng bày biện có phần hơi bừa bãi y hệt sự bày biện trong toàn căn nhà, Êrênhđira phải mất hai giờ liền mới trang điểm xong cho bà nội mình. Trước tiên cô cháu gỡ từng sợi tóc một, xức nước hoa và chải mượt mái tóc cho bà sau đó mặc cho bà bộ váy áo hoa sặc sỡ. Cuối cùng cô tô điểm cho bà; thoa phấn da mặt, tô môi son, đánh má hồng, tô móng tay. Khi trang điểm xong cho bà mình như trang điểm cho con búp bê có cỡ người thực, Êrênhđira dẫn bà ra vườn hoa, cái vườn hoa nở toàn hoa sặc sỡ y hệt màu hoa trên váy bà, rồi để bà ngồi trên chiếc ghế có tay dựa y như chiếc ngai vàng của các đấng Quân vương, một mình lặng lẽ nghe đĩa hát.

Khi người bà đắm say trong những ký ức xa xưa thì cô cháu lo lau quét nhà, một căn nhà tối, loang lổ ánh

sáng, bày biện lộn xộn những bàn ghế giường tủ, những bức tượng tạo hình của Đức Hoàng đế Xêda, những ngọn đèn chùm, những bức tượng thánh bằng thứ thạch cao tuyết hoa, một cây đàn pianô thiếp vàng và một lô đồng hồ đủ kiểu đủ dạng. Ngoài sân có một bể chứa nước trong nhiều năm thứ nước giếng do những người thổ dân Anhđiêng gánh từ xa về. Ngay cạnh bể nước có một chú đà điểu dị kỳ, một con vật lông vũ duy nhất đã sống sót sau những trận giông bão phũ phàng của miền hoang mạc có khí hậu ác liệt này. Ngôi nhà ở xa tất cả, ở giữa lòng hoang mạc, bên cạnh một xóm nhỏ toàn nhà lá có những con đường nắng bụi mưa bùn, nơi những con dê cũng phải buồn khi cơn gió bất hạnh thổi tới.

Cuộc sống ẩn dật không thể hiểu được ấy do chính chồng bà tạo nên. Y là một tên buôn lậu nổi tiếng với cái tên Amadix. Bà già chung sống ngoài giá thú với y, sinh được một người con trai cũng tên là Amadix. Người này là cha đẻ của Êrênhđira. Không một ai hay biết gốc gác của gia đình ấy. Câu chuyện lan truyền rộng rãi bằng tiếng thổ dân Anhđiêng ở đây kể rằng: Amadix bố đã cướp người phụ nữ đẹp nhất của một nhà chứa ở vùng Angtidat bằng cách dùng dao đâm chết một người đàn ông rồi sau đó mang cô gái về sống ngoài vòng cương tỏa tại hoang mạc này. Khi cha con Amadix chết, người bố chết vì những cơn sốt tương tự, người con chết vì đạn của kẻ tư thù xăm lỗ chỗ khắp thân thể, người đàn bà đã chôn hai thây ma ấy ngay tại sân nhà, rồi đuổi mười bốn cô hầu gái đi, một mình thụ hưởng giấc mộng quyền uy trong căn nhà tranh tối tranh sáng này nhờ lòng tận

tụy hầu hạ của cô cháu gái ngoài giá thú do chính bà nuôi từ khi mới lọt lòng.

Chỉ để lên dây cót và chỉnh lại kim cho những chiếc đồng hồ có trong nhà, Êrênhđira phải mất sáu giờ liền. Ngay hôm nổi bất hạnh của đời cô bắt đầu, cô không phải làm cái công việc đó bởi những chiếc đồng hồ này còn dư sức chạy cho tới sáng ngày hôm sau. Tuy thế cô vẫn không được nghỉ ngơi. Ngày hôm ấy cô bé phải tắm và trang điểm cho bà mình, phải lau sân nhà, nấu ăn trưa và đánh bóng các cửa kính. Đến lúc 11 giờ trưa, khi cô đang thay xô nước mới cho chú đà điểu và nhổ cỏ dại mọc um tùm trên nấm mộ song táng của cha con Amađix thì ngay từ lúc ấy trở đi cô phải gắng hết sức mới đứng vững trước sức giật của cơn gió hung hãn. Thế mà cô bé vẫn chưa nhận ra cơn gió ấy là điềm gở báo cho cô biết nỗi bất hạnh của đời cô đã bắt đầu. Đến lúc 12 giờ trưa khi cô đang đánh bóng nốt mấy chiếc cốc uống sâm banh thì ngửi thấy mùi nước thịt thơm lừng. Thế là cô bé ba chân bốn cẳng chạy một mạch tới nhà bếp như người có phép lạ không thể làm đổ vỡ các cốc tách bằng thủy tinh xứ Vênêxia. Cũng may cô tới kịp để nhấc xanh thịt ra khỏi bếp lửa, rồi đặt tiếp nồi nước xốt lên bếp. Trong lúc chờ đợi, Êrênhđira ngả lưng xuống một chiếc ghế dài kê trong nhà bếp nằm nghỉ. Nhắm mắt lại rồi ngay sau đó mở mắt ra, cô cảm thấy người mình khoan khoái dễ chịu. Cô đứng dậy đi múc súp ra bát loa. Cô làm việc trong lúc ngủ.

Người bà một mình ngồi vào bàn tiệc đã bày những cây đèn nến bằng bạc và đồ dùng ăn uống cho mười hai người ăn. Bà rung chuông và chỉ một lát sau cô cháu đã

bước vào phòng ăn, tay bưng bát súp đang nghi ngút bốc hơi. Trong lúc cô cháu dâng món súp thì người bà nhận ra những động tác mộng du của cháu gái mình. Người bà huơ huơ tay trước mặt cô cháu như thể đang lau một tấm kính vô hình. Cô bé vẫn không hay biết gì. Người bà tiếp tục quan sát cháu mình. Đến khi Êrênhđira quay lưng để bước vào nhà bếp, lúc ấy bà quát:

- Êrênhđira!

Cô bé giật nẩy mình thức dậy, để rơi bát súp xuống tấm thảm trải nhà.

- Ấy là bà gọi thế thôi! Chẳng có việc gì cả đâu cháu ạ,- người bà nhẹ nhàng nói.- Cháu mắc bệnh mộng du rồi.

- Cháu đã quen thói rồi! - Cô cháu tự bào chữa.

Êrênhđira cúi xuống nhặt chiếc bát loa và định lau vết súp vấy bẩn trên tấm thảm trong trạng thái ngái ngủ.

- Để nguyên đấy cháu ạ! - người bà nói vẻ vỗ về, - Chiều nay cháu hãy làm cũng được.

Thế là ngoài những công việc thường xuyên của buổi chiều, cô bé phải giặt tấm thảm trong nhà ăn, cả quần áo đã thay từ hôm thứ Hai. Cô làm những công việc này trong lúc cơn gió cứ lồng lộn quanh nhà tìm khe hở để chui vào. Cô bận túi bụi đến mức đêm đến lúc nào cũng không hay. Khi cô trải tấm thảm xuống nền nhà phòng ăn thì cũng là lúc tới giờ đi ngủ.

Cả buổi chiều hôm đó người bà chơi đàn pianô, bằng giọng the thé hát cho mình nghe những bài hát của thời trẻ. Trên mi mắt bà còn ngấn đọng những giọt lệ.

Ấy vậy mà khi vừa nằm dài trên giường, bà già đã lại chìm đắm trong những kỷ niệm đẹp có pha vị cay đắng của cuộc đời. Bà mặc bộ váy áo ngủ bằng thứ vải mỏng.

- Ngày mai cháu hãy giặt tấm thảm phòng khách nhé- Người bà bảo Êrênhđira, - Tấm thảm ấy đã lâu ngày chưa được nhìn thấy mặt trời đấy.

- Thưa bà, vâng ạ!

Cô bé cầm lấy chiếc quạt lông quạt cho người bà bất lương. Còn người bà ấy tiếp tục đọc tên những công việc cần làm cho cô cháu trong lúc giấc ngủ từ từ đến với mình:

- Hãy là tất cả quần áo trước khi đi ngủ để ngủ cho yên giấc cháu nhé.

- Thưa bà, vâng ạ!

- Hãy kiểm tra kỹ các tủ quần áo kẻo những đêm gió nhiều như đêm nay, gián đói sẽ nhấm hết quần áo đấy cháu ạ!

- Thưa bà, vâng ạ!

- Lúc rảnh cháu nhớ đưa hoa ra ngoài trời cho nó thở!

- Thưa bà, vâng ạ!

- Nhớ cho đà điểu ăn nhé!

Người đàn bà ngủ rồi, tuy nhiên vẫn ra lệnh cho cháu gái mình và cái nết *thức trong khi ngủ* ấy của bà đã được cô cháu kế thừa. Êrênhđira nhẹ nhàng bước ra khỏi phòng để làm nốt những công việc còn lại. Trong khi làm, cô bé trả lời đầy đủ những lời dặn dò của người bà đã ngủ say:

- Cháu nhớ cho ngôi mộ của cha con Amadix uống nước nhé!

- Thưa bà, vâng ạ!

- Trước khi đi nằm cháu nhớ rằng tất cả các thứ vặt vãnh đâu đã vào đấy. Bởi vì cũng như con người ấy mà, những đồ vật này sẽ khó chịu một khi nó không được nằm đúng vị trí của mình.

- Thưa bà, vâng ạ!

- Nếu cha con Amadix có về thì bảo họ chớ vào nhà bởi vì đồng đảng của Porphiriô Galăng đang rình giết họ đấy.

Êrênhđira thôi không trả lời nữa, bởi cô bé biết rằng bà mình đã ngủ rồi và từ lúc này trở đi chỉ còn nói nhảm mà thôi. Sau khi đã kiểm tra lại tất cả các then cửa, đã tắt đến những ngọn nến cuối cùng trong nhà, Êrênhđira cầm lấy một cây đèn nến nơi phòng ăn để soi đường vào phòng mình. Bên ngoài tiếng gió gầm rít từng chập, từng chập hòa nhịp với tiếng ngáy vang vọng và đều đều của người bà ở trong phòng.

Phòng riêng của cô bé cũng lộng lẫy tuy rằng nó không thể bì nổi với phòng riêng của bà già. Trong phòng cũng bày la liệt những con búp bê được cuộn bằng những mảnh vải, và những con vật làm bằng dây da, những thứ đồ chơi của tuổi ngây thơ mà cô bé vừa trải qua. Quá mệt mỏi bởi công việc trong ngày, Êrênhđira chỉ kịp đặt cây đèn nến lên chiếc bàn rồi lên giường nằm vật ra, không còn tâm tưởng nào mà nghĩ tới việc thay quần áo ngủ. Sau đó, cơn gió bất hạnh của đời cô, như một bầy

chó ngộ, đã ùa vào phòng cô hất đổ cây đèn nến đang cháy vào màn cửa.

*

* *

Sáng ra, khi bão tan cũng là lúc có mấy hạt mưa to lác đác rơi làm tắt những mẩu than hồng còn sót lại và làm nguội đám tro tàn còn bốc khói của ngôi nhà bị cháy. Dân chúng trong làng, phần lớn là thổ dân Anhđiêng, đang cố thu nhặt những thứ còn sót lại sau vụ hỏa hoạn: cái xác cháy thành than của chú đà điểu, bộ khung của cây đàn pianô, thân một bức tượng... Người bà nhìn số tài sản còn lại quá ít ỏi, lòng đầy ngao ngán. Êrênhđira, ngồi bên cạnh ngôi mộ song táng của cha con Amađix, cũng vừa nín khóc. Khi nhận ra rằng giữa đống tro tàn chỉ còn lại một số ít đồ vật nguyên vẹn, người bà nhìn Êrênhđira lòng thương hại:

- Ôi cháu ơi! - Mụ thở dài, - Cả đời mình cháu cũng không thể trả nổi món nợ này cho bà đâu cháu ạ!

Ngay chính chiều hôm đó cô bé đã phải trả nợ mụ. Dưới trời mưa tầm tã, mụ dẫn cháu mình tới nhà lão lái buôn trong xóm, một người đàn ông gỏa bụa già trước tuổi, người hom hem. Gã là người nổi tiếng khắp hoang mạc về tính bốc trời có thể tiêu tiền như nước trong việc chơi gái tân. Trước thái độ trơ tráo của người bà, gã lái buôn chẳng ngại ngùng gì hết. Gã cứ xét nét Êrênhđira như lão lái trâu xem xét con vật. Gã định giá độ săn chắc của bắp vế, độ nở của bộ ngực và bộ mông cô bé. Lão

làm việc chăm chú tới mức không hề mở miệng nói lấy một lời.

- Con bé hãy còn nhãi ranh. - Gã nói. - Vú vê gì mà bé như vú chó thế này!

Ngay sau đó gã bắt cô gái lên bàn cân. Êrênhđira chỉ nặng 42 kg.

- Đắt lắm cũng chỉ đáng một trăm đồng pêxô thôi.

Người bà liền nổi cơn tam bành:

- Một trăm đồng một cô gái hoàn toàn trinh tiết! Ông không xấu hổ sao? Trả như thế chẳng hóa ra ông cũng là hạng đàn ông rẻ rúng chữ trinh lắm sao?

- Trăm rưởi vậy.

- Con bé vừa làm thiệt hại của tôi những một triệu đồng kia đấy. Nếu với món tiền ông trả cho cái sự trinh tiết của nó như thế thì e nó phải trả nợ tôi trong vòng hai trăm năm mất.

- Thực tình mà nói chỉ có tuổi trẻ của con bé là đáng thôi bà chị ạ!

Cơn gió to đe dọa giật đổ căn nhà ọp ẹp của lão lái buôn. Mưa rơi trong nhà y như mưa rơi ngoài trời vậy. Người bà cảm thấy quá ư đơn độc trong cái thế giới đầy tai họa khủng khiếp này.

- Ông anh xem có thể trả cho nó được ba trăm không?

- Thôi, tôi cũng trả hai trăm rưởi đấy. Bà chị có đồng ý không?

Cuối cùng bọn họ ngã giá như thế này: người đàn ông góa vợ trả hai trăm hai mươi đồng tiền mặt. Số còn

lại trả bằng hiện vật gồm lương thực, thực phẩm. Người bà ra hiệu cho Êrênhdira đi với gã đàn ông góa vợ. Gã này dìu cô bé đưa vào nhà trong y hệt người cha dẫn con mình đến trường học.

- Êrênhdira này, bà đứng đây đợi cháu nhé.

- Thưa bà, vâng ạ!

Khi trong làng không còn người đàn ông nào có thể xài tiền để *chơi* Êrênhdira, người bà liền mang cô bé lên một chiếc xe tải đi tìm bọn buôn lậu. Giữa những tải gạo và thùng bơ là những đồ đạc còn sót lại sau vụ hỏa hoạn của mụ: một vài thang giường, kiểu giường bà phó vương, một tượng thần chiến tranh, một chiếc ghế dựa có tay ngai cháy nham nhở và một số đồ vặt vãnh. Trong một chiếc hòm có vẽ hình chữ thập nguệch ngoạc dựng hài cốt cha con Amadix.

Người bà dùng chiếc ô đã sờn mép để che nắng. Mồ hôi hột vã ra và bụi bặm quấy rầy khiến mụ thở phì phò vẻ nặng nhọc. Tuy nhiên mụ vẫn giữ cái phong độ quyền quý của mình. Sau đống tải gạo và thùng bơ, Êrênhdira trả cước phí hàng hóa và tiền vé hai bà cháu bằng việc *làm tình* với gã phụ xe. Thoạt đầu cô cự tuyệt anh chàng này giống như cô đã cự tuyệt gã đàn ông góa vợ nọ. Song cách tán gái của gã phụ xe khác hẳn: thong thả từng bước và có kinh nghiệm hơn, do đó gã đã chinh phục được cô bé. Khi chiếc xe tải đi tới làng đầu tiên sau một ngày chạy miết thì Êrênhdira và gã phụ xe đã mệt lả vì tình nồng say ở đằng sau đống hàng hóa chất cao. Người lái xe tải nói như quát vào tai người bà:

- Từ đây trở đi chúng ta đã bước vào một thế giới khác hẳn, bà ạ!

Người bà nghi ngờ nhìn những con đường bẩn thỉu và thưa thớt bóng người trong một làng tuy có lớn hơn nhưng cũng buồn tẻ như chính cái làng bà cháu mụ vừa mới bỏ đi.

- Chẳng có gì khác cả. - Mụ nói.

- Đó là đất dưới quyền cai quản của Hội truyền giáo.

- Đây chẳng tìm của bố thí mà chỉ tìm những người buôn lậu thôi.

Đang mải nói chuyện với gã phụ xe ở đằng sau đống hàng hóa. Êrênhđira thọc tay vào một tải gạo. Bỗng ngón tay dụng phải một sợi dây. Cô túm lấy nó rồi lôi ra. Đó là một chuỗi hạt ngọc trai rất đẹp. Cô bé thảng thốt ngắm chuỗi hạt, tay cứ mân mê nó như mân mê con rắn chết. Trong lúc đó, ở phía buồng lái, người lái xe cãi lại bà già:

- Thôi đi, chớ có mơ tưởng hão huyền đi bà chị. Làm gì có bọn buôn lậu!

- Sao lại không có?

- Không tin thì đành chịu vậy. Bà chị cứ việc đi tìm và rồi bà chị sẽ thấy. - Người lái xe nói để chọc tức bà già.- Cả thế gian cứ đồn ầm lên về bọn buôn lậu song không một ai đã nhìn thấy họ ở đâu cả.

Gã phụ xe thấy Êrênhđira đã lôi ra được một chuỗi hạt ngọc, vội vàng giật lấy và nhét nó vào tải gạo như cũ. Tuy cái làng này nghèo thật nhưng bà già đã quyết

định dừng lại ở đây. Mụ gọi cô cháu gái giúp mình xuống xe. Êrênhđira vội vã hôn, từ biệt gã phụ xe.

Bà già ngồi trên chiếc ghế dựa có tay ngai đặt ở giữa đường cái đợi cho tới khi bốc hết đồ lề của mình xuống. Cái hòm đựng hài cốt cho con Amadix được bốc xuống sau cùng.

- Ôi chao! Cái của này sao nặng thế, nặng y như một cái thây ma ấy.- Người lái xe nói rồi cười.

- Những hai đấy chứ không phải là một đâu! Anh hãy kính trọng vong linh họ.

- Có lẽ là những bức tượng tạc bằng ngà, - người lái xe lại cười nói.

Người lái xe đặt bừa cái hòm đựng hài cốt cha con Amadix xuống bên cạnh những đồ vật cháy nhạm nhỏ khác, rồi chìa tay ra trước mặt bà già:

- Xin bà chị 50 đồng!

- Ô kìa, cháu ta đã trả cho người của anh rồi thôi!

Người lái xe ngạc nhiên quay lại nhìn người giúp việc của mình. Anh này làm hiệu đã nhận tiền rồi.

Người lái xe trở lại ca bin. Một phụ nữ mang khăn tang, một tay bế một đứa bé đang khóc nức nở vì không khí ngột ngạt, đã ngồi ở trong đó. Với giọng đầy tự tin người phụ xe, nói với bà già:

- Nếu cụ không phản đối, Êrênhđira sẽ đi cùng cháu. Cháu nói thật lòng đấy cụ ạ!

Cô bé vội chen vào:

- Hay nhỉ, tôi có hứa hẹn với anh điều gì đâu nào!

- Anh nói điều anh nghĩ thôi, em ạ!

Bà già nhìn chăm chú vào gã, không phải để tỏ ý khinh thị mà để xem gã bạo phổi tới mức nào.

- Tôi không ngăn cản anh, nếu anh trả tôi số tài sản mà con bé, do vô ý, đã làm thiệt hại. Số tài sản ấy trị giá cả thảy là tám trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm năm mươi đồng pêxô. Nếu trừ đi bốn trăm năm mươi đồng đã trả được thì nó còn nợ tôi tám trăm sáu mươi mốt ngàn tám trăm tám mươi đồng nữa.

Chiếc xe tải rồ máy.

- Cụ ơi! Cụ hãy tin rằng cháu sẽ đưa cụ khoản tiền kếch xù đó nếu cháu có.- Gã nói nghiêm chỉnh. - Quả thật cô gái đáng giá bấy nhiêu tiền đấy cụ ạ!

Bà già, nhận ra tấm lòng thành thực của chàng trai, nói:

- Vậy hãy trở lại khi nào cháu có đủ tiền nhé! Còn bây giờ thì hãy cút đi kẻo ta tính lại tiền thì cháu hãy còn nợ ta 10 đồng nữa đấy.

Gã phụ xe nhảy lên thùng chiếc xe tải đang chạy vẫy tay chào từ biệt Êrênhđira. Nhưng cô gái không kịp đáp lại bởi cô chưa qua cơn thảng thốt vừa xảy ra xong.

Êrênhdira và người đàn bà dựng tạm một túp lều ngay trên bãi đất hoang. Họ lợp lều bằng những tấm tôn và dùng mấy mẩu thảm cháy dở để thưng che chung quanh lều. Trải hai chiếc dát giường xuống đất rồi lấy đệm đặt lên làm giường ngủ và hai bà cháu ngủ ngon lành như ở trong nhà vậy. Đến khi mặt trời lên cao xuyên nắng qua khe hở trên nóc lều rọi vào mặt lúc ấy bà cháu cô bé

mới thức dậy. Khác với mọi khi, hôm ấy bà già trang điểm cho Êrênhđira. Mụ thoa son phấn lên mặt cô cháu, tô điểm theo kiểu đẹp u hoài, một mốt thịnh hành trong thời con gái của mụ. Người bà kết thúc công việc bằng cách dính thêm đôi lông mi giả và buộc thêm một chiếc nơ đen, nom y hệt một con bướm, lên mái tóc cô cháu.

- Cháu thấy đẹp chưa?- mụ hỏi, - trang điểm theo mốt này thì thật là tuyệt. Bọn mày râu là chúa hám *của lạ*.

Cả hai bà cháu đều nghe thấy tiếng chân lạ nện trên nền đất cứng nơi hoang mạc trước khi nhìn thấy chúng. Theo lệnh bà mình, Êrênhđira nằm trên một chiếc giường tạm bợ- cô làm vẻ vụng về y hệt một diễn viên mới vào làm nghề lúng túng trước khi sân khấu mở màn. Chống cây ba toong của Đức Giáo chủ, bà già chui ra khỏi túp lều đến ngồi trên chiếc ghế có tay ngai đợi đàn la tới.

Một nhân viên bưu điện đi tới. Gã chưa tới tuổi 20, thế mà nom già khọm. Gã vận bộ đồ ka ki, đi ủng cao ống, đội chiếc mũ bộp, lưng đeo khẩu súng lục, có một băng đạn dài vắt chéo ngang vai. Gã cưỡi trên lưng một con la và dắt theo một con la khác. Con này thồ các túi thư.

Khi qua trước mặt bà già gã giơ tay chào, rồi cứ thế đi thẳng. Nhưng mụ già đã kịp làm hiệu cho gã nhìn vào trong lều. Gã thấy Êrênhđira trang điểm lộng lẫy, mặc bộ váy áo có dải lưng màu tím sẫm nằm trên chiếc giường làm tạm bợ.

- Anh có thích không?- mụ già hỏi.

Cho tới lúc này gã nhân viên bưu điện mới vỡ nhẽ điều bà già mong đợi ở mình.

- Tuyệt!

- Năm mươi đồng, xin mời!

- Ôi chao! Đắt hơn vàng- gã nói. - Số tiền ấy bằng tiền ăn cả tháng của tôi đấy chứ có phải chơi đâu!

- Chớ có mà hà tiện quá thế anh bạn ạ! Nhân viên bưu điện hàng không giàu lắm đấy, lương còn xộp hơn cả lương cha cố kia mà!

- Bà nhầm rồi. Tôi chỉ là nhân viên bưu điện nội địa thôi. Nhân viên bưu điện hàng không họ đi xe ô tô kia.

- Gái cũng cần thiết như cơm ăn, nước uống hàng ngày đấy anh bạn ạ!

- Nhưng không trừ bữa được bà ạ!

Đến đây bà già vỡ nhẽ, rằng cái con người sống bằng những hy vọng hão huyền có thừa thời gian để mà cò kè bớt một thêm hai. Cho nên mụ nói thẳng:

- Hiện giờ anh có bao nhiêu tiền?

Gã nhân viên bưu điện liền xuống ngựa. Rút trong ví ra vài tờ giấy bạc nhàu nát gã đưa cho bà già. Mụ chìa tay ra vó vội lấy như vó quả bóng.

- Thôi được! Ta hạ giá cho anh nhưng với điều kiện anh phải loan tin đi khắp nơi.

- Xin hết lòng hầu bà. Tôi sẽ loan tin rõ rộng, rõ xa, sang tới bờ bên kia Đại Tây dương.

Êrênhdira, lúc ấy đang mở to con mắt đầy vẻ ngạc nhiên, liền gỡ đôi lông mi giả rồi nằm né sang một bên giường nhường chỗ cho gã nhân tình ngẫu nhiên. Ngay sau khi gã nhân viên bưu điện bước vào trong túp lều, bà liền đóng trái cửa lại.

Việc làm ấy rất *kiến hiệu*. Bị cám dỗ bởi những lời *huyền truyền* từ miệng gã nhân viên bưu điện, bọn mày râu từ mọi miền dù xa mấy, cũng ùn ùn kéo tới để thưởng thức cái tân kỳ của Êrênhdira. Bọn người này tới kéo thêm những bàn xổ số, những quán nhậu và cả một cửa hàng ảnh lưu động. Cửa hàng ảnh này chỉ có một cỗ máy chụp ảnh đặt trên giá và một phông vẽ cảnh những con thiên nga có chân đứng bên hồ nước.

Ngồi trên chiếc ghế có tay ngai, tay phe phẩy chiếc quạt lông, bà già tỏ vẻ thờ ơ đối với chính cái quang cảnh náo nhiệt như hội chợ trong tiệm chứa của mình. mụ chỉ để ý tới trật tự của hành khách đợi tới lượt và số tiền trả đủ trước khi vào với Êrênhdira. Thoạt tiên cũng xảy ra một vụ cãi vã khá gay gắt tới mức phải đuổi một khách hàng vì vị này đã gian lận trả thiếu năm đồng. Những tháng gần đây đã cho mụ những bài học đích đáng bởi vậy mụ quyết định nhận tất cả những vật dụng có giá trị bảo đảm như huy chương các thánh, kỷ vật của gia đình và cả nhẫn cưới nữa thay cho tiền.

Vào lúc kết thúc một thời gian tạm trú khá dài trong cái làng đầu tiên ấy, người bà đã thu được khá nhiều tiền để có thể sắm được một con lừa. Nhờ có con lừa này mụ sẽ ngày một đi sâu hơn vào hoang mạc tìm đến những đại điểm để kiếm tiền hơn, nhanh chóng thu lại số tiền

Êrênhđira còn mắc nợ. Bà già ngồi trên một chiếc yên làm tạm đặt trên lưng lừa. Êrênhđira đi bộ cầm chiếc ô đã sờn mép che nắng cho bà mình. Sau bà cháu Êrênhđira là những người Anhđiêng khiêng vác những đồ đạc không thể bỏ lại được như giường chiếu, cái ghế dựa có tay ngai, vị thần hộ mệnh, và cả chiếc hòm đựng hài cốt của cha con Amadix. *Bác phó nháy* ngồi trên chiếc xe đạp của mình cũng đi theo đoàn tùy tùng của bà cháu Êrênhđira, nhưng lúc nào bác cũng đi sau cách một khoảng khá xa.

Đã được sáu tháng trời kể từ ngày xảy ra vụ hỏa hoạn ấy. Đó cũng là lúc bà già có thể có một cái nhìn chung đối với *Công việc làm ăn* của bà cháu mụ. Bà già nói với Êrênhđira.

- Nếu công việc cứ thuận buồm xuôi gió như lúc này thì cháu sẽ trả xong công nợ cho bà trong tám năm sáu tháng mười ngày.

Với đôi mắt lim dim, bà già soát lại những con số ấy cho chắc chắn bằng việc lần đếm lại những hạt ngọc moi ra từ trong túi đựng tiền. Rồi mụ bảo:

- Dĩ nhiên là chưa tính tới tiền lương và cơm ăn hàng tháng của bọn Anhđiêng làm thuê cho mình cùng một số những chi tiêu lặt vặt khác.

Êrênhđira, lúc này đã mệt bã người vì không khí ngột ngạt và đầy bụi bặm trong khi cuốc bộ bên cạnh con lừa, không tranh luận để bác bỏ những con số tính toán của bà. Tuy nhiên cô bé phải ngậm bồ hòn làm ngọt.

- Bà ơi! Người cháu mỏi như có ai dần trong xương ấy.

- Mày lại muốn ngủ chứ gì?

- Thưa bà, vâng ạ!

Cô bé nhắm mắt lại, hít thật sâu vào phổi thứ không khí nóng hầm hập rồi tiếp tục vừa đi vừa ngủ.

*

* *

Bỗng xuất hiện một chiếc xe tải cũ nhỏ chở toàn lồng chim làm cho bầy dê nháo nhác chạy giữa làn bùi dày đặc in nơi chân trời. Tiếng chim kêu gợi một cảm giác tươi mát giống như cảm giác nhận được sau một trận mưa rào trút xuống cái làng nhỏ Xăng Mighen thuộc vùng hoang mạc vào một ngày chủ nhật buồn tẻ. Ngồi sau vô lăng là lão lái buôn cam người Hà Lan. Da lão sần sùi, xạm nắng, dấu ấn không thể chối cãi của khí hậu khắc nhiệt vùng hoang mạc. Bộ râu lão màu vàng hoe, vật thừa kế được của tổ tiên mình. Uylix, con trai lão ngồi bên cạnh. Anh là một chàng thanh niên đang độ xuân phơi phới, có đôi mắt sáng, vẻ cô đơn, dấu hiệu ẩn dật của một thiên thần. Lão lái buôn người Hà Lan chú ý tới cái quán hàng mà trước nó tất cả lính tráng của đội cấm vệ địa phương xếp hàng dài chờ tới lượt. Chúng ngồi phệt xuống đất chuyền nhau tu khắp lượt chai rượu mạnh. Chúng dội trên đầu cành lá bàng như thể chúng ngụy trang phục kích một trận đánh. Bằng tiếng Hà Lan lão hỏi con trai mình:

- Ở đấy người ta đang bán *cái quái* gì vậy?

- Một người đàn bà, - Con trai lão trả lời.- Người ấy tên là Êrênhđira.

- Sao mày biết?

- Cả hoang mạc này đều biết!

Lão Hà Lan xuống xe đi vào khách sạn. Uylix còn ngồi nán lại trên xe. Anh khéo léo mở chiếc cặp của cha để ở ghế xe, lôi ra một tập giấy bạc rồi rút lấy mấy tờ dút vào túi áo mình. Xong xuôi đâu đó anh cẩn thận để lại xếp tiền ấy vào chỗ cũ cho cha mình. Đêm ấy khi cha ngủ, Uylix trèo qua cửa sổ khách sạn để ra phố. Anh đến quán hàng của Êrênhđira để sắp hàng.

Lúc này quang cảnh trước quán thật náo nhiệt. Những kẻ hiếu động say khướt thi nhau nhảy một mình để khỏi bỏ phí thú âm nhạc cho không. Bác phó nháy nháy máy ảnh liên tục bằng thứ giấy ma nhê. Trong lúc trông coi quán hàng, bà già đếm tiền trong lòng mình. Mụ chia tiền thành từng bó đều nhau rồi xếp gọn gàng trong chiếc làn. Cho đến lúc này hàng chỉ còn 12 người lính nhưng sau đó cái hàng người ấy đã dài ra rất nhiều do có những người đàn ông dân sự, công chức, nhà buôn... tới tham gia. Uylix là người đứng sau cùng.

Đến lượt một người lính vẻ thẫn thờ buồn. Bà già không những không cho gã vào mà còn tránh không đụng tay tới tiền của gã chìa ra cho mụ.

- Dù anh có tất cả số vàng của bọn mọi anh cũng không được vào. Anh bị *lậu*.

Người lính, vốn không phải là người vùng này ngạc nhiên hỏi: - Cái ấy nghĩa là gì?

- Nghĩa là anh sẽ để lại một thứ bệnh nguy hiểm cho cháu ta. Chỉ cần nhìn mặt anh là biết ngay mà!

Nói đoạn mụ gạt người lính ấy sang một bên để lấy lối vào cho người khác.

- Mời vào, cái anh chàng nghiện xì ke kia!- Mụ tếu. - Chớ có mà chậm trễ đấy kéo tổ quốc đang đợi anh.

Người lính vào nhưng lại ra ngay tức khắc bởi Êrênhđira muốn nói chuyện với bà mình. Mụ liền khoác cái làn đựng tiền rồi bệ vệ bước vào trong nhà. Tuy quán hàng này hẹp nhưng gọn gàng ngăn nắp và sạch sẽ. Tít trong cùng, Êrênhđira nằm trên giường, người run lên như cầy sấy. Cô bé bị bọn lính hành hạ khắp người nhóp nhúa thứ mồ hôi của chúng.

- Bà ơi!- cô bé nức nở.- Cháu chết mất thôi bà.

Người bà sờ tay lên trán cháu mình. Khi nhận ra cháu mình không sốt, liền an ủi:

- Chỉ còn một chục thằng lính nữa thôi, cháu ạ!

Êrênhđira ào lên khóc đầy sợ hãi. Nhân ra rằng cháu mình đang quá khiếp đảm, mụ xoa đầu an ủi cháu...

- Chỉ tại cháu yếu sức quá thôi. Nào! Nín đi nào! Chắc hãy đi tắm nước nóng có pha muối, người sẽ khỏe lại ngay thôi mà!

Bà già bước ra ngoài khi cô cháu đã bình tâm trở lại. Mụ trả tiền cho người lính đang đợi. - "Hôm nay tạm dừng ở đây anh nhé! Ngày mai mời anh trở lại ta sẽ để anh vào trước tiên!". Sau đó mụ nói to cho mọi người đều hay biết:

- Nghỉ thôi, hỡi các chàng trai trẻ! Ngày mai, 9 giờ mời các anh tới!

Lính tráng và cả những người đàn ông khác tản ra khỏi hàng miệng gào thét phản đối. Bà già huơ huơ cây ba toong của đức Giáo chủ dọa lại họ:

- Đồ mạt hạng! Các người tưởng cháu ta là đá sao. Đá còn biết đổ mồ hôi nữa là người. Các người cứ tự đặt mình vào hoàn cảnh của nó xem thì khắc biết khổ sở thế nào. Ấy thế mà các người cứ đòi hành hạ nó thả sức. Đồ mặt mẹt cả lũ.

Bọn đàn ông chửi lại mụ bằng những lời còn tục tịu hơn nữa. Nhưng bà già đã dẹp được cảnh hỗn độn ấy và giờ đây, mụ chống cây ba toong của đức Giáo chủ đứng gác đợi cho tới khi giải tán hết các bàn ăn và quay xổ số. Đang định bước vào quán hàng của mình, bà già bắt gặp Uylix đang đứng tần ngần ở giữa bãi tối vã trống trải mà trước đây ít phút bọn mày râu đã xếp hàng chen chúc. Anh có khuôn mặt đẹp, khuôn mặt của đấng thiên thần.

- Còn anh này, anh bỏ quên đôi cánh thiên thần của mình ở đâu?

- Thưa cụ, người có đôi cánh thiên thần chính là ông cháu, - anh thản nhiên trả lời.- Nhưng chẳng một ai tin cả.

Bà già tò mò nhìn kỹ anh hơn: - "Thế thì ta tin anh đấy! Ngày mai anh hãy mang đôi cánh thiên thần tới đây nhé!" - Nói xong mụ chui vào nhà để mặc Uylix trong tâm trạng nôn nóng đứng một mình ngoài cái bãi đã trống vắng lại tối tăm.

Sau khi tắm xong, Êrênhđira cảm thấy dễ chịu hơn. Cô bé mặc bộ đồ lót có thêu thùa khá đẹp, ngồi hong

tóc cho khô để đi nằm. Đến tận lúc này, cô vẫn còn tấm tức muốn khóc. Người bà đã ngủ say.

Từ phía sau giường của Êrênhđira, Uylix nhô hẳn đầu lên. Êrênhđira nhìn thấy một đôi mắt trong như ngọc để lộ vẻ thèm muốn da diết. Không nói không rằng gì hết, Êrênhđira gỡ tấm khăn che trước mặt để nhìn cho rõ hơn. Không phải là một ảo ảnh mà đích thực là đôi mắt người. Khi Uylix chớp mắt Êrênhđira khẽ hỏi:

- Anh là ai?

Uylix nhô hẳn người lên để lộ cả đôi vai, trả lời: "Tôi là Uylix". Anh vội xòe mấy tờ bạc vừa ăn cắp của cha mình cho cô gái xem, rồi nói:

- Tôi có mang tiền đây:

Êrênhđira tỳ tay lên giường, rướn gương mặt mình lại sát gương mặt của Uylix, rồi tiếp tục nói chuyện y như thời đi học trường tiểu học của mình:

- Phải xếp hàng thôi anh ạ!

- Tôi đã đợi suốt cả tối rồi!

- Vậy thì anh phải đợi tới ngày mai. Tôi đang mệt lắm. Chỗ thận tôi đau như có ai đang chọc que vào ấy.

Chính trong lúc này người bà bắt đầu nói nhảm!

- Đã hai mươi năm trôi qua kể từ khi có trận mưa to gió lớn. Đó là một trận bão thật khiếp người đi được. Mưa to trong lúc nước thủy triều lên làm cho cả làng này lụt. Khi trời sáng thì nhà đầy cá và ốc biển. Êrênhđira, ông nội mày đã yên giấc ngàn thu, lúc ấy nhìn thấy sao chổi sáng rực vút ngang trời.

Nghe thấy vậy Uylix vội nấp ngay xuống sau giường Êrênhđira cười thú vị.

- Khoan nào, đồ khỉ!- Cô bé nói, - Bà tôi thường vẫn thế. Khi ngủ bà nói nhảm nhí như người điên ấy. Thế mà dù có động đất cũng không lay tỉnh nổi bà.

Uylix lại nhô người lên. Êrênhđira nhìn anh với nụ cười hóm hỉnh có pha chút ít cảm tình. Cô bé lột tấm vải trải giường đã nhàu.

- Hãy vào đây giúp tôi thay vải trải giường đi anh!

Uylix ra khỏi nơi ẩn, tới cầm lấy một đầu tấm vải, vì nó quá rộng nên phải gấp lại vài lần mới xong. Cứ mỗi lần gấp tấm vải lại là một lần Uylix xích lại gần Êrênhđira hơn.

- Anh muốn được nhìn em như điên. Cả thế gian đồn rằng em đẹp lắm. Lời đồn ấy quả không ngoa.

- Thế mà tôi sắp đi chầu trời rồi đấy anh ạ!

- Mẹ anh bảo rằng những ai chết ở hoang mạc sẽ không lên trời mà ra biển đấy.

Êrênhđira đặt tấm vải trải giường đã bẩn sang một bên rồi trải lên giường nằm một tấm khác sạch bong và còn nguyên nếp là.

- Tôi không được biết biển như thế nào.

- Biển mênh mông giống như hoang mạc ấy, chỉ khác cái là toàn nước thôi.

- Thế thì người ta không thể đi lại trên biển được.

- Cha anh biết một người có thể đi lại trên biển được, nhưng đã lâu lắm rồi.

Mặc dù câu chuyện đang lý thú nhưng Êrênhđira lại thèm được ngủ hơn. Cô bé bảo anh:

- Nếu ngày mai anh tới sớm tôi sẽ ưu tiên cho anh vào trước đấy!

- Sáng mai cha con anh đã phải rời khỏi đây rồi!

- Chẳng lẽ anh không bao giờ trở lại đây nữa sao?

- Ai mà biết trước được! Vì bị lạc đường ở biên giới mà cha con anh phải ghé lại đây thôi.

Êrênhđira nhìn bà mình vẻ đắn đo:

- Thôi được, anh cho xin tiền vậy!

Uylix đưa tiền cho cô gái. Êrênhđira nằm xuống giường nhưng anh lại đứng ngây ra, người run rẩy. Cái quyết tâm của chàng trẻ tuổi bỗng bay mất ngay trong lúc cần phải hành động nhanh chóng. Êrênhđira cầm lấy tay anh giục mau lên. Chỉ lúc này cô gái mới biết anh đang sợ sệt. Cô gái thừa biết cái kiểu sợ ấy của những chàng trai lần đầu được hưởng cái *của ấy*.

- Lần đầu tiên phải không?- Cô gái hỏi.

Uylix không trả lời nhưng lại gượng cười vẻ thú nhận. Lúc này Êrênhđira trở thành một người khác, một phụ nữ sành sỏi.

- Anh hãy thở đều đều và chầm chậm thôi. - Cô gái nói. - Lần đầu tiên người đàn ông nào mà chẳng thế. Chỉ lát nữa thôi anh sẽ thấy hết sợ.

Cô để anh nằm bên cạnh mình. Trong lúc cởi quần áo cho anh, với thủ thuật nhà nghề, cô đã làm cho anh ngày một dạn thêm.

- Anh tên gì?

- Uylix.

- Tên ấy có vẻ tên người Mỹ nhỉ?

- Không phải. Đó là tên một người từng du lịch trên biển.

Êrênhđira vạch bộ ngực của Uylix hôn lên nó rồi khịt mũi ngửi.

- Ôi đẹp quá. Cứ như vàng ấy. À mà sao thơm thế, thơm mùi hoa quả.

- Mùi cam chín đấy.

Giờ đã hết lo, anh mỉm một nụ cười hóm hỉnh;

- Để lừa thế gian, cha con anh mang nhiều chim trên xe tải. Thực cha con anh mang cam lậu lên vùng biên giới.

- Cam không phải là hàng lậu.

- Nhưng những quả cam này lại là một thứ hàng lậu. Em có biết không, mỗi quả cam này trị giá năm vạn đồng đấy.

Lâu lắm rồi lần này Êrênhđira mới bật cười.

- Gớm! Anh phịa chuyện mà mặt cứ tỉnh bơ đi. Rõ ghét!

Cô gái trở nên thành thật và hay nói, cứ như thể tính ngây thơ, trong trắng của Uylix không những khiến cô thay đổi tính tình mà còn thay đổi cả tư chất nữa. Người bà, nằm cách xa họ bao lăm, vẫn tiếp tục nói nhảm:

- Cũng vào thời kỳ này, khoảng đầu tháng Tư, người ta mang cháu tới nhà. Nom cháu cứ y hệt con thằn lằn cuộn trong bông ấy. Amađix bố cháu, lúc ấy còn trẻ và

đẹp trai, sướng như điên rồi phái người đi kiếm cho được 20 xe bò chở toàn hoa. Khi hoa về, bố cháu reo lên ầm ỹ rồi đi khắp làng tung hoa đến nỗi làng ta trong cái ngày ấy rực rỡ toàn hoa.

Bà già cứ nói mê như vậy trong vài giờ liền. Nhưng Uylix không nghe thấy mụ nói. Bởi vì lúc này Êrênhdira đang yêu anh, yêu anh thực sự. Lúc đầu, cô còn lấy nửa tiền, sau cho không và cứ như vậy đôi trai gái đắm say cho tới khi trời sáng.

Giữa hoang mạc, giáo sĩ của Hội truyền giáo đứng xếp thành hàng ngang. Lá cờ Chúa bay phần phật trên đầu họ. Cơn gió mạnh vù vù thổi làm bay quần áo bằng vải gai và râu ria của họ. Nhiều lúc cơn gió còn thổi bạt cả người họ. Sau lưng họ là tòa nhà của Hội truyền giáo: một tòa kiến trúc thời thuộc địa, có một tháp chuông nhỏ nhô lên trên những bức tường vôi lởm chởm.

Một giáo sĩ trẻ tuổi hơn cả, đang chỉ huy cả nhóm, tay chỉ vào một kẽ nẻ tự nhiên trên đất sét, rồi ra lệnh:

- Cấm bước qua vạch này!

Bốn người Anhđiêng đang khiêng bà già ngồi trên một chiếc cáng ghép bằng những tấm ván đã dừng lại khi nghe thấy tiếng người thét của giáo sĩ trẻ tuổi. Mặc dù phải ngồi gò bó trên cáng và đang khó chịu vì bụi bặm và mồ hôi, bà già vẫn giữ được vẻ đài các của mình. Êrênhdira đi bộ. Sau cáng là một hàng dài tám người Anh điêng khiêng vác những đồ đạc lặt vặt. Người đi sau cùng vẫn là *bác phó nháy* cưỡi trên xe túc tắc đạp theo.

- Ta cứ đi đấy! Hoang mạc chẳng phải riêng của ai cả. - Mụ nói.

- Của thượng đế!- Giáo sư trẻ tuổi nói. - Với cái nghề nhơ nhuốc của mình, người đã vi phạm luật lệ thiêng liêng của ngài.

Trong cách nói năng của giáo sĩ trẻ tuổi bà già đã nhận ra cái cung cách ăn nói của những người thuộc miền bán đảo, vốn ngang ngạnh. Mụ tìm cách tránh voi chẳng xấu mặt nào. Mụ lại trở lại chính con người mình.

- Thưa cậu, ta thực chưa hiểu được luật lệ huyền bí của ngài. Vậy xin cậu thứ lỗi cho.

Giáo sĩ chỉ tay vào Êrênhđira, nói:

- Cô bé kia còn ở tuổi vị thành niên phải không?

- Nhưng nó là cháu ta, cậu ạ!

- Ồ! Thế thì tội của nhà ngươi càng nặng hơn! Biết điều thì hãy để con bé cho chúng ta bảo trợ. Nếu không thì sẽ biết tay!

Bà già đấu dịu để cho bọn giáo sĩ khác khỏi kéo tới thêm:

- Được! ta chịu cậu. Nhưng cũng xin nói để cậu biết: dù sớm dù muộn thế nào ta cũng bước qua cái vạch này.

Đã ba ngày rồi kể từ khi có cuộc chạm trán với các giáo sĩ, bà già và Êrênhđira ngủ lại trong một làng ở gần tu viện. Đêm ấy khi bà cháu ngủ, có những bóng đen qua lại trước cửa quán hàng của họ. Những chiếc bóng ấy thận trọng và lặng lẽ, cứ bò lết như đang bò vào đồn giặc. Đó là sáu tín đồ mới người Anhđiêng, trẻ trung và cường tráng, mặc quần áo tu sĩ bằng vải gai thô. Chúng lấy một tấm màn chụp lên người cô bé, dựng đứng cô dậy và không làm cô thức giấc. Sau đó chúng khiêng cô đi như khiêng một con cá bị mắc lưới. Tất cả những công việc

này bọn chúng làm rất nhẹ nhàng và nhanh chóng, không gây một tiếng động nhỏ.

Để giành lại cháu mình từ tay các giáo sĩ, người bà không từ một thủ đoạn nào. Chỉ khi tất cả những thủ đoạn này, từ những thủ đoạn trâng tráo nhất đến những thủ đoạn mềm dẻo nhất, đều thất bại, lúc ấy bà già mới chạy tới kêu cửa nhà chức trách địa phương do một võ quan cầm đầu. Bà già gặp ngài ngay ở ngoài sân dinh. Ngài đang trần lưng chĩa súng lên bầu trời nóng bỏng, nã đạn vào đám mây đen cô đơn đang bay. Ngài đang cố sức bắn thủng đám mây đen này để làm cho nước từ trên trời mưa xuống. Những tràng đạn của ngài nghe sao phẫn nộ nhưng cũng thật vô tích sự. Tuy nhiên ngài cũng ngừng tay để nghe bà già giãi bày.

- Tôi chịu bó tay thôi bà ơi- ngài nói khi đã nghe bà già nói xong.- Bởi vì theo *Giáo ước* thì các tu sĩ có quyền giữ con bé cho tới khi nào nó trưởng thành hoặc cho tới khi nó lấy chồng.

- Vậy ngài làm xã trưởng để làm gì?

- Để làm mưa!

Sau đó khi thấy đám mây đã bay ra ngoài tầm bắn của mình rồi, ngài nghỉ tay và chỉ lúc này ngài mới thực sự tiếp bà già.

- Bây giờ bà phải tìm một người có thế lực, - Ngài nói.- Người ấy sẽ tự tay cho bà một tờ giấy bảo đảm đạo đức và tiết hạnh của bà. Thế bà có quen biết ông nghị Ônêximô Xăngchết không?

Ngồi trên một chiếc ghế đẩu quá hẹp so với bộ mông rộng bè bè của mình dưới trời nắng chang chang, bà già lộn tiết đáp cộc lốc:

- Tôi chỉ là mụ đàn bà cô đơn giữa hoang mạc mênh mông thôi!

Mắt phải nheo lại vì nóng, ngài xã trưởng đáp lời bà già:

- Thôi! Chớ có mà nằn nì thêm nữa! Đồ quỷ tha ma bắt.

Nhưng quỷ thần nào có bắt mụ đi cho cam! Bà già dựng một túp lều đối diện với tu viện, rồi mụ ngồi trước cửa vẻ suy tư như một chiến binh đứng gác nhìn chăm chăm vào thành phố đang bị vây. *Bác phó nháy*, vốn là người hiểu được tâm can bà già đã thu xếp đồ nghề buộc lên gác ba ga xe đạp của mình. Bác chuẩn bị bỏ đi nơi khác. Chỉ khi này, bác mới nhìn thấy bà già ngồi dưới trời nắng giữa trưa mắt đăm đăm nhìn vào tu viện.

- Nào thử xem ai sẽ là người phải bỏ cuộc trước, bọn họ hay là ta? - Mụ nói.

- Bà nhầm rồi! Bọn họ từng ở đây ba trăm năm và hiện nay họ vẫn đàng hoàng ở đấy.- *Bác phó nháy* nói. - Thôi, tôi chuồn đây bà ạ!

- Anh đi đâu?

- Cũng liều nhắm mắt đưa chân!- Bác nói rồi dắt xe đi.- Đường còn rộng còn dài.

- Cũng chẳng rộng chẳng dài như anh tưởng đâu. Đồ mặt thớt.

Dù có hối hận, bà già vẫn không chịu ngoảnh mặt đi nơi khác. Mụ cứ nhìn chăm chăm vào tu viện trong nhiều ngày dưới mặt trời thiêu đốt, trong nhiều đêm mưa gió. Trong suốt thời gian ấy, mụ mong mỏi có người từ

trong tu viện bước ra mà chẳng có ma nào cả. Những người Anh điêng làm thuê cho mụ dựng tạm một túp lều lá cọ ở ngay cạnh. Trong khi họ ngủ say trên võng, bà già lại thức rất khuya, cái đầu cứ ngọ nguậy trên thành chiếc ghế có tay ngai và lần đếm những đống tiền vàng dựng trong túi với thái độ thách thức điên cuồng đối với bọn giáo sĩ.

Một đêm nọ, có đoàn xe tải qua trước cửa nhà mụ. Những chiếc xe này bịt kín mui lặng lẽ chạy. Chỉ có những ngọn đèn âm thầm lóe sáng làm nổi dậm hình thù những chiếc xe này tựa như những chiếc bàn thờ đang quờ quạng chạy trong đêm đen. Nhưng bà già nhận ngay ra những chiếc xe này bởi chúng giống y hệt những chiếc xe của cha con Amadix ngày xưa. Bống chiếc xe sau cùng đi chậm rồi đứng hẳn lại. Từ trên ca bin một người đàn ông bước xuống đi về sau xe để sửa sang một vật gì đó giấu trong thùng xe. Gã ăn mặc y hệt những người đã phục vụ cha con Amadix lúc sinh thời: cũng mũ bêrê, cũng đi ủng cao ống, cũng khoác chéo ngực hai băng vải, cũng đeo một khẩu súng dài ở sau lưng, hai khẩu súng ngắn ở hai bên hông. Bà già không thể cưỡng lại ý muốn của mình đã gọi người ấy:

- Không nhận ra ta là ai sao, anh kia?

Người đàn ông thản nhiên rọi đèn pin thẳng vào mặt bà già. Gã nhìn khuôn mặt đau buồn vì thất vọng, nhìn đôi mắt mệt mỏi vì thức nhiều, nhìn mái tóc đã ngả màu xám chì của người phụ nữ mà dấu tuổi đã cao và đang ở trong tình huống cực kỳ khó khăn vẫn có thể nói đó là người đàn bà đẹp nhất trần gian. Khi đã quan sát

kỹ để có thể vững tâm rằng mình không nhầm, rằng mình chưa hề gặp người đàn bà này, gã tắt đèn pin.

- Tôi biết chắc chắn bà không phải là Đức mẹ Đồng trinh miền Rêmêđiôt.- Gã nói.

- Thế mà ta lại là phu nhân! - Mụ nói với giọng ngọt xớt.

Theo thói quen người đàn ông sờ ngay vào báng súng lục:

- Phu nhân nào?

- Phu nhân của Amadix vĩ đại!

- Vậy là ông ta đã ngoẻo từ lâu rồi, -gã nói, vẻ căng thẳng.- Bà muốn gì?

- Hãy giúp ta giành lại Êrênhđira, cháu của Amadix vĩ đại, con của Amadix con. nó đang bị giam trong tu viện kia kìa.

Người đàn ông rụt vai vẻ run sợ:

- Bà gõ nhầm cửa rồi! Nếu bà nghĩ rằng chúng ta dám coi thường luật lệ của Chúa thì bà không phải là người mà bà vừa tự xưng, càng không phải là người thân quen cha con Amadix, càng không phải là người ít nhiều có hiểu biết về nghề buôn lậu!

Đêm ấy, bà già ít ngủ hơn các đêm khác. Mụ cứ trằn trọc hoài trên tấm thảm len mà suy nghĩ lao lung trong lúc đêm cứ tan dần khiến cho trí nhớ của mụ bị nhầm lẫn lung tung và những cơn mê sảng bị dồn nén lại cứ chờ dịp bục ra như thế một quả bóng căng hơi. Mụ phải lấy tay ôm chặt lấy con tim để cho cái ký ức về ngôi nhà từng chứng kiến cuộc sống hạnh phúc của mụ-

ngôi nhà ở vùng biển lúc nào cũng rực rỡ những bông hoa to và lộng lẫy- khỏi bóp nghẹt trái tim mình. Cứ như vậy mụ ngồi cho tới khi chuông tu viện đổ hồi, đèn các phòng tu viện thắp sáng và hoang mạc lại rộn lên những tiếng cầu kinh buổi sáng. Chỉ đến lúc này, một hy vọng hão choán lấy tâm hồn mụ xua tan mọi nỗi mệt nhọc, ấy là lúc mụ đinh ninh rằng Êrênhđira đã dậy, tìm được chỗ ẩn để trốn khỏi tu viện trở về với mình.

Nhưng không đêm nào, kể từ khi bị bắt cóc về tu viện đến nay Êrênhđira ngủ không ngon giấc. Bộ tóc dài của cô bé đã bị cắt. Đầu cô bị cạo trọc tếu nom y hệt chiếc bình vôi. Tu viện phát cho cô bộ quần áo trắng bằng vải thô, một chiếc thùng đựng nước vôi và một chiếc chổi để cô quét vôi vào các bậc cầu thang mỗi bận có người giẫm lên chúng. Đó là công việc của một con lừa bởi vì bọn tu sĩ say rượu và bọn tín đồ làm nhiệm vụ khuân vác cứ nườm nượp lên xuống cầu thang suốt ngày. Nhưng Êrênhđira lại cảm thấy công việc của mình vui như trẩy hội ấy. Mặt khác cô bé không phải là người duy nhất bị mệt lử sau mỗi ngày làm việc bởi cái tu viện này được dựng lên không nhằm chống lại số phận mà chống lại cái cô đơn của hoang mạc. Tận mắt Êrênhđira đã nhìn thấy những tín đồ mới người Anhđiêng phải vít đầu cổ những con bò sữa ương ngạnh ở trong chuồng để vắt sữa hoặc chăm nom những con dê đẻ khó. Tận mắt Êrênhđira đã nhìn thấy những tín đồ mới, da đen nhẻm, mình dầm dìa mồ hôi, gánh nước tưới rau trong mảnh vườn vốn là đất chó ăn đá gà ăn sỏi vừa được khai phá xong. Tận mắt Êrênhđira nhìn thấy cảnh địa ngục trần gian ngay ở lò

làm bánh hay ở buồng giặt là. Tận mắt Êrênhđira đã nhìn thấy cô tu nữ đang dồn đuổi một con lợn ngay trong sân tu viện. Tu nữ nắm lấy hai tai con vật bị nó lôi cô trượt trên những vũng bùn, làm cô ngã lăn ra đất. Cô vẫn giữ nguyên như thế chờ các tín đồ mới chạy tới giúp sức. Một người trong bọn học rút con dao bầu đâm vào cuống họng con vật. Thế là cả bọn ngày người lấm lem những bùn cùng máu. Tận mắt Êrênhđira đã nhìn thấy những tu sĩ ho lao đang đợi Chúa gọi về hầu, ngồi thêu những tấm vải trải giường dôi ở ngoài hiên một ngôi đền ngay cạnh nhà thương của tu viện. Các cô vừa làm, vừa hát một bài hát buồn thê lương. Trong khi đó, các giáo sĩ đang đi truyền giáo khắp hoang mạc. Sống trong bóng tối cô bé phát hiện ra những vẻ khác nhau của cái đẹp và nỗi đau khổ mà chưa khi nào cô nường trước nổi trong cái thế giới chật hẹp của mình trước kia, cái thế giới chi quẩn quanh bên một chiếc giường. Kể từ khi cô bé vào tu viện đến nay, không một tín đồ nào, dù là người thô bạo hay là người lịch thiệp, có thể moi nổi lấy một lời từ miệng cô. Một buổi sáng nọ, khi đang pha vôi trong xô, bỗng cô bé nghe thấy tiếng đàn trong như ánh pha lê nổi lên giữa ánh sáng của hoang mạc. Cái tiếng đàn kỳ diệu ấy đã bắt mất hồn cô bé, buộc cô phải bước vào phòng khách rộng mênh mông với bốn bức tường trơn và những cánh cửa sổ lớn. Qua những cánh cửa sổ này ánh sáng chói chang của mùa hè rọi vào và đọng lại trong đó. Ngay giữa phòng khách một cô gái đang chơi khúc kinh Paxqua trên cây đàn Clavêximbôlô. Cô bé nghe đàn không chớp mắt. Hồn cô cứ căng ra như một sợi dây đàn. Cô mải nghe

cho tới khi chuông tu viện vang lên báo giờ cơm trưa. Sau bữa cơm trưa, cô bé lại tiếp tục lau trắng những bậc cầu thang. Đợi cho hết người lên xuống, cô dừng tay đứng một mình. Tại nơi vắng vẻ không bóng người này, cô mới thốt ra lời:

- Ôi sướng quá!

Trong lúc ấy người bà không còn hy vọng cháu mình sẽ tìm cách thoát thân trở về. Tuy nhiên mụ vẫn kiên trì theo dõi mọi động tĩnh trong tu viện cho tới lễ Hạ trần. Trong thời gian này, các giáo sĩ vây quét khắp hoang mạc lùng bắt những *gái bao* có mang đem về làm lễ thành hôn cho họ. Các giáo sĩ ngồi trên một chiếc xe tàng đi tới tận những xóm nhà lá hẻo lánh nhất. Trên mỗi xe có bốn người lính trang bị đầy đủ súng ống và một thùng đựng đủ các thứ hàng hóa. Trong cuộc săn người Anhdiêng này, công việc khó khăn nhất vẫn là việc thuyết phục bọn *gái bao*. Bởi vì bọn này cố sống cố chết chống lại việc làm từ thiện của Hội truyền giáo bằng một luận điệu tức cười: bọn đàn ông *đều* lắm cứ bắt vợ mình làm quần quật trong khi hắn nằm trên giường, dạng háng ra ngủ. Nhưng hắn lại chiều chuộng ve vuốt *gái bao*. Thế thì chẳng thà theo không còn hơn lấy chồng. Cần phải lừa phỉnh các cô *gái bao* bằng việc dùng tiếng địa phương của người Anhdiêng để giảng giải đạo lý của Chúa, để họ dễ dàng nhận ra ý lành của Chúa. Nhưng đối với những ả dễ thuyết phục nhất cũng không thể chỉ dùng lời nói ngọt được mà còn phải dùng đến những chiếc nhẫn bằng vàng giả. Trái lại việc bắt bọn đàn ông Anhdiêng về tu viện có phần dễ dàng hơn. Nếu họ chống cự thì chỉ việc phang cho mấy gậy rồi gô cổ lại vất lên xe mang đi. Thế là xong.

Trong nhiều ngày liền, bà già nhìn thấy xe tải toàn chở bọn *gái bao* có chửa về tu viện. Mụ vẫn chưa nhận ra dịp may đã tới. Chính trong ngày lễ Hạ trần này mụ mới nhận ra điều đó khi thấy tiếng pháo nổ giòn giã và tiếng chuông dóng dả đổ hồi trong tu viện. Mụ nhìn thấy đám người ăn mặc rách rưới nhưng vui vẻ đang đi dự tiệc. Trong đám người ấy, mụ thấy những người đàn bà mặc đồ cô dâu khoác tay các đức ông chồng ngẫu nhiên gặp được để hoàn lương qua cái đám cưới tập thể này. Có một chàng trai đi sau rốt. Đầu anh ta cạo trọc nom y hệt quả bí ngô. Anh ta mặc bộ quần áo rách bươm tay mang một cây đèn nến có thắt nơ. Bà già gọi anh:

- Cậu hãy nói cho ta biết cậu làm gì trong đám hội này?

Chàng trai cảm thấy xấu hổ với việc mang cây nến trên tay và cậu ta phải khó nhọc lắm mới mím môi lại được để che bộ răng vẩu của mình đi.

- Thưa bà, các cho sẽ làm lễ ban thánh thể đầu tiên cho con ạ.

- Người ta trả cậu bao nhiêu tiền?

- Thưa bà, 5 đồng ạ!

Bà già rút túi tiền lấy ra một cuộn giấy bạc. Anh thanh niên nhún vai ngạc nhiên.

- Ta trả cậu 20 đồng đây, nhưng không phải để cậu chịu lễ ban thánh thể đầu tiên mà là để cậu cưới vợ.

- Cưới ai kia, thưa bà?

- Cháu gái ta chứ còn ai nữa!

Thế là Êrênhđira làm lễ thành hôn ngay tại sân tu viện mà vẫn chưa biết tên người chồng do bà mua cho mình. Cô bé vận đồ cưới trong tu viện do các tín đồ trang điểm cho. Với hy vọng còn mơ hồ, cô gái cảm thấy ngột ngạt khó thở vì nỗi đau ê ẩm phải qùy gối trên sân toàn sỏi, vì phải ngửi mùi hôi thối xông lên từ tấm da dê mới lột, vì phải nghe thơ Sứ đồ của thánh Pablô bằng tiếng la tinh trong không khí của oi bức. Mặc dù phải làm lễ thành hôn cho Êrênhđira và chỉ làm khi đã hết phương chống lại mưu chước của bà già, các tu sĩ vẫn tin rằng có thể giữ cô bé lại trong tu viện. Tuy nhiên khi hôn lễ kết thúc trong sự chứng giám của cha xứ, của viên xã trưởng bẩn mây để làm mưa ấy và đứng bên cạnh người chồng mới cưới và bà nội mình, Êrênhđira vẫn cảm nhận trong mình đang sống rất mãnh liệt cái tình ruột thịt đối với bà nội. Khi các giáo sĩ hỏi cô muốn gì thì cô đã không hề đắn đo, cứ thật bụng trả lời:

- Cháu muốn đi.- Cô chỉ tay vào người chồng, - nhưng không phải đi với hắn mà là đi với bà cháu kia.

*

* *

Uylix mất cả buổi chiều vẫn không tài nào đánh cắp nổi quả cam trong vườn cam của cha mình. Bởi trong lúc tìm những cành sâu, lão Hà Lan không rời mắt theo dõi anh. Ở trong nhà, bà mẹ anh cũng để ý anh. Thế là anh phải từ bỏ ý định của mình, tiu nghỉu làm việc cho tối khi xong.

Vườn cam rộng bạt ngàn. Âm thầm và vắng lặng. Trong khung cảnh ấy nổi lên ngôi nhà gỗ mái lợp đồng thau, cửa sổ căng những tấm lưới đồng chắn muỗi. Trước nhà là một hàng hiên rộng có cột trụ đỡ ở phía dưới. Chậu cảnh trồng toàn loại cây nguyên sinh trổ hoa to bông. Chúng được bày la liệt trên hàng hiên này. Bà mẹ Uylix ngồi trên chiếc ghế đu đưa. Hai thái dương bà giắt toàn lá hương nhu. Con mắt tinh nhanh của bà dõi theo Uylix giống như ánh sáng xuyên tới nơi thầm kín nhất của vườn cam. Bà là một phụ nữ trẻ và đẹp so với đức ông chồng. Không chỉ mặc y phục của bộ lạc mình bà còn am tường những điều bí mật xa xưa nhất của chủng tộc mình.

Khi Uylix cầm chiếc kéo làm vườn bước vào nhà, mẹ anh sai mang tới cho bà cốc nước thuốc uống lúc bốn giờ chiều đặt ở bàn bên cạnh. Anh vừa bưng cốc thuốc thì lập tức cốc và nước đều chuyển màu nhanh chóng. Sau đó vì vô ý tay lại chạm phải những chiếc cốc bên cạnh. Lập tức những chiếc cốc này cũng chuyển thành màu xanh. Bà mẹ chăm chú theo dõi anh và khi đã chắc chắn rằng sự thay đổi màu sắc một cách huyền bí này không phải do căn bệnh của mình gây nên, lúc ấy bà hỏi anh rằng tiếng nói của người thổ dân Anhđiêng:

- Con có sự thay đổi màu này từ bao giờ?

- Từ khi con ở hoang mạc trở về. Sự thay đổi màu này chỉ xảy ra khi tay con chạm phải những đồ dùng bằng thủy tinh thôi mẹ ạ!

Để chứng minh lời mình nói, Uylix cầm hết chiếc cốc thủy tinh này đến chiếc cốc thủy tinh khác. Chiếc cốc nào cũng đổi màu sắc rất nhanh.

- Con có biết sự thay đổi màu sắc này chỉ xảy ra khi người ta đang yêu không?

Uylix không trả lời mẹ. Cha anh, vốn không biết tiếng người Anh điêng, giữa lúc ấy cũng từ ngoài vườn bước vào nhà, tay cầm một cành cam.

- Các người đang nói chuyện gì vậy?- ông hỏi con trai bằng tiếng Hà Lan.

- Thưa cha, không có chuyện gì đặc biệt cả ạ!

Mẹ Uylix không biết tiếng Hà Lan. Khi thấy chồng đã bước vào phòng rồi, bà hỏi con trai:

- Cha con bảo con cái gì vậy?

- Không có gì đặc biệt cả đâu mẹ ạ!

Uylix không nhìn thấy cha mình khi lão bước vào phòng nhưng rồi ngay sau đó, anh lại thấy cha mình hiện ra ở văn phòng. Đợi cho tới khi chỉ còn lại hai mẹ con với nhau thôi, bà hỏi con trai:

- Hãy nói cho mẹ hay: con đã yêu ai?

- Con không yêu ai mẹ ạ!

Anh trả lời mẹ mình cho qua chuyện bởi anh đang mải theo dõi những hoạt động của cha mình trong văn phòng. Anh thấy cha mình đặt những quả cam ấy vào két bạc. Trong lúc anh theo dõi cha thì mẹ anh lại theo dõi anh.

- Đã lâu mẹ không thấy con ăn bánh!

- Con ngán bánh mẹ ạ!

Khuôn mặt bà mẹ bỗng biến sắc. Bà trở nên nghiêm nghị "Con nói dối mẹ" - bà nói - "Chỉ tại con thất tình

thôi. Những ai thất tình thì mới biếng ăn". Giọng của bà cũng như ánh mắt bà đều mang vẻ giận dữ.

- Tốt hơn hết là con hãy nói thực đi. Con yêu ai? Nếu không mẹ phải tắm tẩy trần cho con đấy.

Trong văn phòng mình, lão Hà Lan mở két bạc rồi cẩn thận đặt những quả cam vừa mang từ ngoài vườn vào đấy. Sau đó lão trở ra khóa trái cửa lại. Chỉ khi ấy Uylix mới rời mắt khỏi hình bóng của cha mình để cãi lại mẹ:

- Con đã nói để mẹ biết là con chưa yêu ai cả. Nếu không tin mẹ hãy hỏi cha con ấy!

Vừa hay lão Hà Lan xuất hiện ở cửa phòng, châm tẩu hút thuốc và dưới nách cắp một cuốn *Kinh Thánh*. Bà vợ hỏi chồng bằng tiếng Tây Ban Nha:

- Mình và con có quen ai ở ngoài hoang mạc không?

- Không quen ai cả? Nếu mình không tin thì hãy hỏi thằng Uylix ấy?

Nói đoạn lão ngồi vào cuối phòng ăn cứ bậm môi rít thuốc cho tới khi thuốc cháy tọt nõ. Sau đó lão mở cuốn sách ra nguyện kinh trong hai giờ liền bằng tiếng Hà Lan trôi chảy và vang vọng.

Đã nửa đêm rồi, Uylix vẫn còn nghĩ ngợi mông lung đến mức không thể ngủ được. Anh đi nằm lại thêm một giờ nữa cố xua đi nỗi nhớ nhung khắc khoải nhưng chính nó lại chắp cánh cho anh, tăng thêm sức mạnh cho anh, khiến anh cảm thấy mình cần phải hành động kiên quyết. Thế là anh vùng dậy mặc chiếc quần bò và chiếc áo sơ mi kẻ sọc, đi đôi ủng cao ống. Nhảy qua cửa sổ, lên chiếc xe tải đã có sẵn mấy chiếc lồng chim, cho xe nổ máy, anh

trốn gia đình mình. Khi xe chạy qua khu vườn cam anh ngắt liền ba quả cam. Đó là những quả cam anh không thể ăn cắp được trong buổi chiều qua.

Suốt đêm ấy anh cho xe vượt hoang mạc. Sáng ra, xe anh đã chạy qua các xóm nhà lá rồi qua các bản làng đông dân hơn. Anh hỏi thăm dân chúng hướng đi của Êrênhđira nhưng không một ai có thể trả lời đích xác được. Cuối cùng anh được tin rằng Êrênhđira đang đi theo đoàn vận động tuyển cử của ông nghị Ônêximô Xăngchết. Và có thể đoàn vận động của ông nghị hiện ở làng Tân Caxtida. Anh tới làng này nhưng không gặp, phải tới làng bên mới gặp đoàn của ông nghị. Nhưng bà cháu Êrênhđira đã không đi theo ông nghị nữa vì bà già đã xin được tờ chứng chỉ do chính tay ông nghị viết. Nhờ tờ chứng chỉ này bà già đã có thể vượt qua được những cửa ải khó khăn nhất của hoang mạc. Đến ngày thứ ba Uylix gặp được nhân viên bưu điện. Gã này chỉ cho anh hướng đi chính xác của Êrênhđira:

- Họ đi về phía biển đấy.- Gã bảo anh.- Cậu phải nhanh lên mới kịp kẻo bà già đang định vượt biển đi sang đảo Aruba đấy.

Theo hướng ấy, sau một ngày phóng xe như gió, Uylix nhìn thấy một cái rạp rộng và đã hoen ố của một gánh xiếc phá sản mà bà già mua lại. Mụ mua rạp này để làm tiệm *chơi*. Bác *phó nháy* lưu động đã trở lại cùng làm ăn với bà già với bà phải thừa nhận rằng con đường làm ăn cũng không phải là dài rộng như bác đã tưởng. Bác dựng hiệu chụp ảnh của mình ngay bên cạnh cái tiệm chơi của bà già. Trong cửa hiệu của bác có bày những

tấm phông vẽ cảnh điền viên. Một ban nhạc với những bản nhạc buồn đã quyến rũ khách làng chơi đến với Êrênhđira.

Uylix xếp hàng chờ tới lượt vào. khi bước vào trong rạp anh nhận ra ngay cái vẻ ngăn nắp, gọn gàng và sạch sẽ của nó. Giường nằm của bà già đã lấy lại cái vẻ đường bệ phong lưu của kiểu giường bà phó vương. Bức tượng thánh được đặt đúng chỗ ở ngay cạnh chiếc hòm đựng hài cốt cha con Amadix. Ngoài ra còn có một chậu tắm bằng thiếc được đặt trên bốn chiếc chân sư tử qúy. Êrênhđira để trần, lặng lẽ nằm trên chiếc giường kiểu bà bá tước. Dưới ánh sáng lọc qua tấm vải bạt lợp rạp, Êrênhđira hồng lên vẻ hồng hào thời thơ trẻ. Cô gái ngủ mà mắt vẫn mở to. Uylix đứng bên cạnh cầm những quả cam chín. Nhận ra cô gái đang nhìn mà không thấy mình, anh liền chìa tay ra trước mắt cô và gọi cô bằng cái tên anh phịa ra trong lúc nghĩ tới cô:

-Êritnêrê!

Êrênhđira tỉnh dậy. Cô thấy xấu hổ quá vì trước mặt Uylix mình không mặc quần áo. Cô gái khẽ kêu rồi kéo tấm vải trải giường lên kín đầu.

- Đừng nhìn em đi anh.- Cô gái nói.- Eo ơi, em sợ quá!

- Da em cứ hồng như màu cam chín ấy- Uylix nói, anh chìa những quả cam chín ra trước mặt Êrênhđira để cô gái liên tưởng. - Hãy xem này em!

Êrênhđira gạt tấm vải xuống dưới để lộ hai con mắt. Cô nhìn và nhận rằng quả thật những quả cam này có màu y hệt nước da mình.

- Bây giờ em không muốn anh ở đây đâu!

- Anh vào chỉ cốt để em xem những quả cam này thôi. Hãy xem.

Dùng móng tay anh bóc vỏ cam rồi hai tay anh tách quả cam làm đôi. Anh cho cô bé xem hạt kim cương lóng lánh ghim ở giữa.

- Những quả cam này là hàng cha con anh mang tới biên giới.

- Nhưng đó là những quả cam tươi. - Cô gái thốt lên vẻ ngạc nhiên.

- Đúng rồi, cha anh trồng thứ cam này mà!

Êrênhđira không thể tin được điều đó. Cô gạt tấm vải xuống dưới hơn nữa để lộ hẳn khuôn mặt ra. Cầm lấy hạt kim cương cô ngạc nhiên ngắm nghía.

- Chỉ với ba hạt này thôi chúng mình có thể du lịch khắp thế giới, em ạ!

Êrênhđira thản nhiên trả lại viên kim cương cho Uylix, Uylix cố gạ gẫm thêm:

- Anh còn có cả một chiếc xe tải nữa. Ngoài ra... còn... Hãy nhìn này, em!

Anh rút khẩu súng lục từ trong túi áo ra.

- Trong vòng mười năm tới em không thể bỏ đi được.

- Em sẽ đi mà. Đêm nay khi con cá voi ấy ngủ, anh đứng ngoài bắt chước tiếng cú rúc huýt gọi em.

- Anh huýt thử cho cô gái nghe. Lần đầu tiên mắt cô bé sáng lên cười khi thấy tiếng huýt sáo ấy y hệt tiếng cú rúc.

- Chỉ tại bà em thôi! - cô gái nói.

- Con cú vọ phải không?

- Không phải, cái con cá voi ấy!

Cả hai cùng cười vẻ đắc chí vì sự hiểu lầm ấy. Êrênhdira trở lại câu chuyện:

- Không ai có thể đi đâu được nếu không được phép của bà mình.

- Việc gì em phải nói với bà già nhỉ!

- Cái gì bà em cũng biết hết. Luôn luôn bà em được báo mộng trước.

- Khi bà già được mộng báo thì chúng mình đã ở tận biên giới rồi. Chúng ta sẽ sống bên nhau như những người buôn lậu.

Rồi bắt chước bộ dạng của tài tử điện ảnh, Uylix tay như nhứ khẩu súng lục miệng kêu "đoàng! đoàng!" y hệt tiếng súng nổ thật để cù cho Êrênhdira cười. Cô gái không nói không rằng nhưng đôi mắt cô lại tỏ vẻ sẵn sàng. Cô hôn tạm biệt anh. Uylix cảm động miệng khẽ reo:

- Chỉ ngày mai thôi là chúng mình sẽ được thấy tầu thủy đi trên biển, em thân yêu ạ!

Đêm ấy, trước lúc sáu giờ tối, khi Êrênhdira đang chải tóc cho bà mình thì cơn gió bất hạnh của đời cô lại nổi lên. Những người Anh điêng làm thuê và người nhạc trưởng đứng ở ngoài rạp đợi bà già trả tiền công. Bà già

đếm xong số tiền giấy đựng trên két bạc và sau khi xem xong bảng thanh toán, mụ trả tiền công cho người đứng đầu bọn làm thuê người Anhdiêng.

- Tiền lương trong tuần của bọn anh cả thảy là hai mươi đồng pêxô. Nay trừ đi tám đồng tiền cơm, ba đồng tiền nước, và năm hào tiền thuê áo sơ mi mới. Vậy bọn anh còn được lĩnh cả thảy là tám đồng năm hào. Tiền đây, anh hãy đếm lại đi.

Người Anhdiêng đếm lại tiền. Xong xuôi đâu đó bọn họ kéo nhau ra về không quên cảm ơn mụ:

- Xin đa tạ bà!

Người nhạc trưởng vào ngay sau đó. Bà già xem lại bảng thanh toán, rồi nhìn bác *phó nháy*, bác này đang hí hoáy sửa lại ống kính máy ảnh:

- Nào anh bạn có chịu trả một phần tư số tiền nhạc không?

Bác *phó nháy*, không ngẩng đầu lên, trả lời mụ:

- Nhạc không hiện hình trên ảnh của tôi chụp!

- Nhưng mà nhạc khêu gợi khách hàng thích chụp ảnh.

- Hoàn toàn ngược lại, bà ơi! Nhạc chỉ làm cho bọn khách hàng buồn thiu buồn thiu và khi họ hiện hình trên ảnh của tôi thì mắt cứ nhắm tít lại y như người đang ngủ. Thế là tôi lại chụp đèn cho họ.

Người nhạc trưởng lúc ấy cũng vui miệng tham gia:

- Nhạc không làm cho họ phải nhắm mắt đâu. Chính là ánh chớp của đèn chụp làm họ phải nhắm mắt lại đấy, anh bạn ạ!

- Chỉ tại cái thứ nhạc chết tiệt của anh đấy thôi!

Bà già kết thúc cuộc cãi vã giữa hai người: - "Thôi đi, anh gàn bỏ mẹ đi ấy! - mụ nói với bác *phó nháy*.

- Anh thử xem ông nghị Ônêximô Xăngchết đấy. Ông gặp biết bao may mắn nhờ âm nhạc đã phụ giúp ông. - Rồi mụ kết thúc bằng biện pháp cứng rắn hơn:

- Hoặc là anh trả phần tiền thuộc về mình hoặc là anh đi kiếm ăn một mình. Thật vô lý cứ bắt con bé phải gánh chịu đủ thứ tốn kém.

- Thôi được, tôi sẽ đi làm ăn một mình vậy!- bác *phó nháy* nói. - Dù thế nào đi nữa tôi vẫn cứ là cái thằng tôi, một người nghệ sĩ.

Bà già nhún vai vẻ khó chịu. Mụ quay sang nói với nhạc trưởng:

- Của anh có tất cả hai trăm năm mươi tư lần chơi nhạc bình thường, mỗi lần giá năm hào và ba mươi lần chơi nhạc vào chủ nhật và các buổi chợ, mỗi lần giá sáu hào. Vị chi anh được lĩnh tất cả là một trăm năm mươi sáu đồng hai hào.

Nhạc trưởng không chịu nhận tiền, nói:

- Tất cả là một trăm tám mươi hai đồng bốn hào kia, bà ơi. Nhạc nhảy đắt tiền hơn.

- Vì sao?

- Vì đó là những bản nhạc buồn, rất buồn.

Tuy vậy bà già vẫn buộc được nhạc trưởng phải nhận tiền, mụ nói:

- Tuần này mỗi điệu nhảy mà ta yêu cầu, anh hãy chơi hai bài nhạc vui. Như thế sẽ ổn thỏa hết.

Nhạc trưởng tuy chưa hiểu hết ý tứ của mụ vẫn đành phải nhận tiền. Cũng chính trong lúc ấy cơn gió mạnh khủng khiếp suýt nữa giật đổ cả rạp. Trong lúc người nhạc trưởng lặng lẽ bước ra khỏi rạp thì từ bên ngoài vọng vào tiếng cú vọ rúc nghe não nùng.

• Êrênhđira dâm ra bối rối, không tài nào tự trấn tĩnh nổi mình. Cô gái khóa két bạc lại, giấu nó xuống gậm giường rồi đưa chùm chìa khóa cho bà mình. Bà già nhận thấy tay cháu mình run run khi đưa chùm chìa khóa. "Cháu đừng hoảng thế. Trong những đêm giông bao giờ cú vọ cũng rúc như thế đấy". Nhưng khi thấy bác *phó nháy* cắp máy ra đi thì mụ lại dọa bác:

- Nếu muốn thì anh hãy ngủ lại đây. Đêm nay thần chết sẽ lảng vảng ngoài đường đấy. Vô phúc mà gặp phải nó thì khốn.

Bác phó nháy nghe thấy tiếng cú rúc nhưng không hề thay đổi sắc mặt.

- Thôi, hãy nghe ta, dẫu chỉ là để tỏ lòng vì nể cái tình cảm của ta đối với anh, anh hãy ngủ lại đi.

- Nhưng tôi sẽ không trả tiền nhạc kia.

- Ồ không! Cái ấy thì không được. Anh phải trả tiền nhạc!

- Đấy bà xem: bà có thương ai đâu nào!

Bà già giận tái mặt:

- Thế thì xéo đi cho rảnh mắt. Đồ ăn cháo đái bát.

Bà già cảm thấy nhục nhã quá thể, miệng cứ lảm nhảm chửi bới bác *bác phó nháy* cho hả cơn tức trong lúc Êrênhđira giúp mụ nằm nghỉ: "Thằng mất dạy! Quân

ăn cháo đái bát!" Êrênhdira không thèm để ý tới những lời thóa mạ của bà già bởi tiếng cú rúc giữa lúc cơn gió yếu đi càng rõ mồn một giục giã cô và trong lúc này cô đang lúng túng chưa biết làm gì. Theo thói quen bà già vừa nằm xuống giường là đã nói mê. Trong lúc quạt cho bà mình cô cháu cố xua tan những dự cảm không tốt lành về điều sắp xảy ra để trở lại sống cuộc sống thực tại của mình, nghĩa là lại thở hít cái không khí ngột ngạt đang bao bọc quanh cô.

- Cháu phải dậy sớm đun cho bà nồi nước tắm trước khi khách tới nhé!

- Thưa bà vâng ạ!

- Khi rồi cháu giặt quần áo bẩn mà bọn Anhđiêng thay ra vất đấy. Như vậy tuần sau chúng ta đỡ tốn một khoản chi.

- Thưa bà, vâng ạ!

- Cháu nhớ khi ngủ phải thở cho đều. Như thế mới ngủ ngon giấc kẻo ngày mai là ngày thứ Năm, ngày vất vả nhất trong tuần.

- Thưa bà, vâng ạ!

- Nhớ cho đà điểu ăn đấy!

- Thưa bà, vâng ạ!

Cô cháu đặt cái quạt lông xuống giường, châm lửa hai ngọn nến đặt trên bàn thờ đối diện với cái hòm đựng hài cốt cha con Amadix. Lúc này bà già mới nhắc cháu mình:

- Thắp đèn cho cha con Amadix.

- Thưa bà, vâng ạ!

Êrênhđira biết rằng bà mình sẽ không thức dậy nữa bởi đã bắt đầu nói mê rồi. Cô đã nghe thấy tiếng gió sủa gầm gừ quanh nhà, nhưng cũng như lần trước, lần này cô không nhận ra đó là cơn gió bất hạnh của đời mình đã nổi lên. Cô gái thò đầu ra ngoài sân đợi cho đến khi nghe thấy tiếng cú rúc vọng tới và lúc này ý muốn được tự do đã dứt dứt sợi dây tình cảm từng ràng buộc cô với bà mình.

Cô mới chỉ bước ra khỏi rạp khoảng năm bước thì bắp gặp bác *phó nháy* đang hì hục buộc đồ nghề lên chiếc xe đạp. Nụ cười hóm hỉnh của bác làm cô gái yên tâm.

- Tôi không biết gì cả- bác nói, - chẳng nhìn thấy gì và tôi cũng không trả tiền!

Cô gái tạm biệt bác, chạy một mạch vào hoang mạc và mất bóng trong cơn gió mù mịt bụi, cơn gió đang thổi tới tai cô tiếng cú rúc.

Lần này bà già chạy ngay tới kêu cửa nhà chức trách. Viên chỉ huy đơn vị bộ đội địa phương bật dậy khỏi giường vào lúc sáu giờ sáng cũng là lúc bà già trình trước ngài tờ chứng chỉ của ông nghị Ônêximô Xăng chết. Bố của Uylix cũng đứng chờ ngoài cửa.

- Đồ con khẹc... Lại còn bắt ta phải đọc thư nữa! Nào ta có biết đọc cho cam.

- Đó là thư của ông nghị Ônêximô Xăngchết đấy ạ!

Chẳng cần biết nếp tẻ gì hơn, viên chỉ huy với tay cầm lấy khẩu súng để ở đầu giường, rồi quát tháo ra lệnh cho bọn tùy tùng của mình. Chỉ 5 phút sau, tất cả đều đã ngồi vào xe tải phóng như bay về phía biên giới. Nó

phóng ngược chiều cơn gió đang xóa sạch dấu vết của những kẻ chạy trốn. Viên chỉ huy ngồi phía trước bên cạnh người lái xe. Phía sau là lão lái buôn người Hà Lan và bà già. Còn bọn lính tráng ngồi ở phía sau xe.

Ngay sát cạnh làng, bọn họ đã dừng một đoàn xe tải bịt bạt kín mít. Những người ẩn trên những thùng xe này đã vén bạt lên chĩa súng máy và súng trường vào chiếc xe tải nhà binh có viên chỉ huy đang ngồi. Viên chỉ huy hỏi người tài xế ngồi trên ca bin chiếc xe đầu tiên của đoàn xe nọ rằng họ đã gặp chiếc xe chở lồng chim cách đây bao lâu rồi.

Người lái xe mở máy trước khi trả lời:

- Chúng tôi không phải là quân mách lẻo mạt hạng. Bọn buôn lậu là chính chúng tôi đây!

Viên chỉ huy tận mắt nhìn thấy những họng súng đen ngòm lướt qua ngay trước mũi mình. Gã liền giơ hai tay lên và mỉm cười.

- Chỉ ít các người cũng phải thấy xấu hổ nếu không bắt được chiếc xe ấy ngay trưa nay- Ngài nói với đám quân lính của mình như vậy.

Chiếc xe tải đi sau cùng có một hàng chữ bằng phấn viết trên thành hậu thùng xe: Êrênhdira, anh nhớ em!

Càng lên phía bắc gió càng khô hơn, nóng càng gay gắt hơn và ngồi trong thùng xe tải người ta càng cảm thấy khó thở hơn trước cái không khí bụi bặm, nóng hầm hập ấy.

Bà già là người trước tiên phát hiện ra bác *phó nháy*, đầu vẫn đội một chiếc khăn, vật duy nhất che chở cho

bác trước cái thiên nhiên hung bạo ấy, đang gò lưng đạp xe chạy cùng chiều với chiếc xe nhà binh.

- Đó! Nó đấy! Chính hắn là người đã gây ra chuyện rắc rối đấy ạ! Thằng đểu!

Viên chỉ huy giao ngay cho một tên lính cái nhiệm vụ tóm cổ bác *phó nháy*.

- Hãy tóm cổ nó cho ta và đợi chúng ta ở đây, nghe chưa!

Người lính ấy nhảy xuống xe, thét bác phó nháy. Đứng lại. Nhưng vì ngược gió bác chẳng nghe thấy gì. Khi chiếc xe nhà binh vượt xe bác, bà già làm dấu ra hiệu đe nẹt bác. Nhưng bác lại tưởng rằng bà già chào mình thế là bác mỉm cười, huơ huơ tay chào mụ. Trong lúc làm những động tác ấy, bác *phó nháy* không nghe thấy tiếng súng nổ phía sau mình. Bỗng bác nhảy chồm lên rồi ngã gục xuống chiếc xe đạp, sọ đầu vỡ tung do viên đạn súng trường bắn trúng mà bác sẽ chẳng bao giờ biết được nó từ đâu bắn tới.

Gần trưa, người ngồi trên chiếc xe tải nhà binh bắt đầu nhìn thấy lông chim. Đó là những chiếc lông mới xổ ra, bay theo gió dọc hai bên đường. Lão Hà Lan nhận ra ngay những chiếc lông chim quen thuộc ấy. Người lái xe cứ việc lăn theo con đường có những chiếc lông chim mà nhấn hết ga cho xe chạy hết tốc độ. Chỉ một lát sau bọn họ nhìn thấy một chiếc xe ở xa tít nơi chân trời.

Khi Uylix, qua chiếc gương nhìn sau, thấy một chiếc xe nhà binh đang đuổi theo xe mình, liền tăng hết tốc độ. Nhưng xe chết máy. Hai người đã đi thâu đêm suốt sáng và hiện đang lả đi vì mệt và khát. Đang ngủ gục trên vai

Uylix, Êrênhđira choàng thức dậy đầy hoảng hốt. Cô gái thấy chiếc xe nhà binh sắp đuổi kịp họ và tới sự liều lĩnh không tính toán vớ ngay lấy khẩu súng lục.

- Vô ích!- Uylix nói- Đó là đồ chơi của hãng Phrăngxi Đrăc sản xuất đấy.

Cô bấm còi vài lần rồi vứt súng qua cửa xe. Chiếc xe nhà binh đuổi kịp xe họ và vượt lên phía trước, mở một vòng hẹp rồi đỗ lại ngay phía trước chắn đường.

*
* *

Thời kỳ ấy tôi có biết bà cháu cô gái này. Đây là thời kỳ hành nghề phát đạt nhất của họ. Dẫu rằng lúc ấy tôi chưa có được nhiều tài liệu về đời sống của cô gái như nhiều năm sau này. Nhưng khi nghe bài hát do nhạc sĩ Raphaen Excalôna sáng tác nói về đoạn kết tấn bi kịch đời cô, tôi đã nghĩ ngay rằng nếu viết về cô ta thì hay tuyệt. Thời ấy tôi đang lang thang khắp tỉnh Riôacha để bán rong từ điển bách khoa và các sách nói về y học. Anvarô Xêpêda Xamuđiê, cũng đang lang thang như tôi để bán máy ướp lạnh bia, đã mời tôi lên xe anh để lần mò tới các làng hẻo lánh nơi hoang mạc. Anh mang tôi theo cốt để có bạn đường cho vui. Ngồi trên xe, chúng tôi nói biết bao nhiêu chuyện, toàn chuyện trời ơi đất hỡi; chúng tôi uống không biết bao nhiêu chai bia đến nỗi khi xe chúng tôi đã vượt qua được hoang mạc và đã đưa chúng tôi tới miền biên giới này từ lúc nào và từ chỗ nào chúng tôi không hay biết. Tại đây một *tiệm chơi* được dựng lên với bảng quảng cáo viết trên những tấm lụa:

Tuyệt trần Êrênhdira!, Êrênhdira đang chờ anh! Thật vô vị cuộc đời nào chưa biết Êrênhdira! Cái hàng người vòng vèo và vô tận kia gồm đàn ông đủ hạng: lính tráng có, công chức, dân buôn có, da trắng có, da màu cũng có. Nó giống như một con rắn khổng lồ. Đó là những người đàn ông ngủ vật vờ trong những xóm nhà lá, trên quảng trường, giữa những buổi chợ đông đúc và ồn ào. Sau giấc ngủ tạm bợ ấy, bọn đàn ông này đổ ra các đường phố của thành phố biên giới ồn ào những lái buôn thập phương. Mỗi đường phố là một sòng bạc công khai, mỗi cặn nhà lá là một quầy hàng, sau mỗi cánh cửa là nơi ẩn náu của bọn *bụi đời*. Âm nhạc ồn ào và tiếng rao hàng inh ỏi đã quện vào nhau tạo thành một thứ âm thanh hỗn độn đến rợn người trong không khí oi ả của hoang mạc.

Giữa đám đông lúc nhúc những kẻ vong quốc và những tên ăn bám nổi lên hình ảnh bác Blacamăng - người tốt bụng, ngồi trên chiếc bàn bắt con rắn phải chịu thử nghiệm trên da thịt nó thứ thuốc giải độc do bác sáng chế ra; nổi lên hình ảnh một người phụ nữ đã biến thành gái làng chơi vì tội không nghe lời cha mẹ. Thị cứ đứng để cho bọn mày râu *sờ mó* nếu họ trả cho thị năm hào, và thị sẽ nói về nỗi bất hạnh nếu họ hỏi; nổi lên hình ảnh lão thầy bói đang rao giảng về sự xuất hiện không thể tránh khỏi của con dơi sao khổng lồ mà chỉ riêng cái hơi thở nóng bỏng mùi lưu huỳnh của nó cũng đủ làm thay đổi trật tự của thiên nhiên và làm cho bao điều huyền bí của biển phải nổi lên trên mặt nước.

Xóm thợ nhẫn nhục là nơi duy nhất vắng lặng của thành phố. Chỉ có hồi âm náo nhiệt của thành phố là

vọng tới nơi đây thôi. Những người đàn bà tứ chiếng tới đây ngồi trong tiệm khiêu vũ và ngáp dài. Họ đã ngồi để ngủ trưa mà không một ma nào đánh thức họ dậy để làm tình. Không biết làm gì họ liền nghĩ tới sự xuất hiện của con dơi sao ấy dưới chiếc quạt bốn cánh hình chữ thập mắc trên trần nhà. Bỗng một người trong đám đàn bà ấy đứng dậy đi ra hàng hiên có trồng hoa bướm hướng thẳng ra đường. Hàng dãy khách hàng của Êrênhđira đang diễn qua đấy.

- Ở này các ông ơi! - Thị gọi- Con bé ấy có cái gì mà chúng tôi không có hả?

- Tờ chứng chỉ của ông nghị!- Một người đàn ông trong bọn đáp.

Bị lôi cuốn bởi tiếng cười ha hả và tiếng gào thét, những người đàn bà còn lại chạy ào ra hiên nhà.

- Đã mấy ngày nay rồi cái hàng người này vẫn dài như thế, - người đàn bà khác nói.- Hãy tưởng tượng mà xem những 50 đồng pêxô một lần kia đấy.

Người đàn bà ra đầu tiên nói vẻ kiên quyết:

- Vậy tôi phải đi xem xem con bé quắt queo ấy có gì nào! Của nó bằng vàng chắc!

- Tôi cũng đi với. - Người đàn bà khác nói. - Thà như thế còn hơn là cứ ngồi lì ở đây!

Trên đường đi còn có một số đàn bà khác nhập bọn. Khi tới *tiệm chơi* của Êrênhđira thì đoàn người ấy đã trở thành một đám rước ồn ào như ong vỡ tổ. Không thèm bảo trước, bọn họ cứ mặc nhiên vào tiệm, dùng gối đạp túi bụi để đuổi người đàn ông mà họ bắt gặp giữa lúc gã

đang tận hưởng cái khoái lạc đê mê nhờ đồng tiền đã bỏ ra mua. Cứ để nguyên Êrênhđira nằm trên giường, bọn họ xúm lại khiêng cả người lẫn giường ra đường cái.

- Thật là quá quắt!- bà già gào lên. - Đồ quỷ cái! - Sau đó mụ quay về phía bọn mày râu: - Còn các ông nữa! Mới chỉ có bọn đàn bà thôi mà các ông đã thụt dái lên tận cổ rồi, để mặc cho đám quỷ cái thả sức hành hạ con bé chân yếu tay mềm. Ôi! Các ông nhu nhược đến thế là cùng!

Mụ cứ gào thét cho tới khi đứt hơi, cứ việc phạng cây ba toong của đức Giáo chủ vào bất kể kẻ vô phúc nào ở trong tầm tay mụ. Cơn giận của mụ thật tức cười giữa tiếng thét, tiếng huýt sáo chế giễu của đám đông dân chúng đứng xem.

Êrênhđira xấu hổ quá không biết rúc đầu vào đâu cho khỏi dơ cái mặt bởi vì cô gái bị cái xích chó ghìm chặt vào thành giường hậu. Từ khi bắt lại được cô, mụ già lấy chiếc xích chó xích cô vào đuôi giường. Bọn đàn bà không hề đánh đập cô. Để cô nằm nguyên như thế trên cái giường kiểu giường bà bá tước mà *rước* khắp phố phường nhộn nhịp và sau đó đặt cô nằm têng hênh trên bục xi măng nóng bỏng ở giữa quảng trường dưới trời nắng đang trưa. Êrênhđira không khóc, nằm vặn người giấu mặt đi, lòng sôi lên nỗi đau đớn và căm giận cái xích chó- biểu tượng cho số phận tủi nhục của mình. Cô gái cứ nằm nguyên như thế cho tới khi có người vì lòng thương hại đã lấy chiếc áo sơ mi che mặt cho cô.

Đó là lần duy nhất tôi gặp bà cháu Êrênhđira. Nhưng tôi biết chắc chắn rằng bà cháu cô còn ở lại cái thành

phố biên giới ấy cho tới khi két bạc của bà già chật ních mới thôi. Chỉ khi đó bà cháu cô gái này mới từ bỏ thành phố biên giới để đi ra miền duyên hải. Chưa bao giờ người ta thấy một gia đình giàu nứt đố đổ vách giữa cái vương quốc cực kỳ khốn khổ và bần hàn ấy. Đó là một hàng dài xe bò chở những đồ vật còn sót lại sau vụ cháy nhà và không chỉ có những bức tường bán than tạc các đức hoàng đế Xêda, những chiếc đồng hồ cổ quái mà còn có cả cây đàn pianô, một chiếc máy hát với những đĩa nhạc buồn. Một đoàn người Anh điêng lo việc chuyên chở đồ dùng. Một ban nhạc đi theo cử nhạc chào mừng mỗi khi đoàn của mụ già tới một làng nào đó để báo tin cho dân chúng.

Mụ già ngồi trên chiếc kiệu hoa lần đếm hạt ngũ cốc đựng trong túi để tính tiền hiện có. Thân xác mụ vốn đồ sộ là thế càng đồ sộ hơn bởi bên trong chiếc áo blu mụ mặc thêm một chiếc áo trấn thủ may bằng vải bạt. Trong chiếc áo trấn thủ này, mụ nhồi nhét vàng lá vào như thế người ta dộn bông ấy. Êrênhdira ngồi bên, ăn mặc rất lộng lẫy nhưng cổ chân cô vẫn mang chiếc xích chó.

- Giờ thì cháu hết ca thán rồi nhé! - Bà già nói với cô cháu khi bọn họ bắt đầu ra khỏi cái thành phố biên giới ấy, - cháu đã có quần áo sang trọng của một hoàng hậu này, một chiếc giường qúy phái này, một ban nhạc riêng này và cả 14 người hầu Anh điêng nữa. Đời cháu như vậy là vương giả lắm rồi đấy, chứ còn mong gì hơn!

- Thưa bà, vâng ạ!

- Giá như ta có phải đi hầu Chúa thì cháu không phải sống nhờ bọn mày râu nữa. Cháu đã có nhà riêng

của mình ở ngay giữa thành phố tráng lệ. Lúc ấy cháu sẽ được tự do và sung sướng.

Đó là một cái nhìn mới vào tương lai. Mụ già không đả động tới món nợ đời của cô cháu nữa. Bởi vì những tình tiết của nó đã trở nên nhàm chán lắm rồi và thời hạn phải thanh toán nó cứ ngày một tăng thêm khiến mụ lú lẫn trong khi cần phải tính toán con đường làm ăn. Mặc cho bà nói, Êrênhđira cố giữ vẻ thản nhiên, không hề thở dài não nuột để bà già khỏi nhận ra những suy tư sâu kín nhất của mình. Cô nghĩ tới cuộc đời nhục nhã của mình trên một chiếc giường lúc thì ở vùng mỏ diêm sinh lầy lội, lúc thì ở trong làng bản những bộ tộc cổ xưa, lúc thì ở bên cạnh những giếng khai thác mỏ đá tan. Cô gái miên man nghĩ trong lúc bà nội tán tỉnh về một tương lai huy hoàng của mình như thể đọc chúng qua những lá bài tây. Một buổi chiều nọ, sau một ngày vất vả trèo dèo, bỗng họ gặp cơn gió lộng- cơn gió quen thuộc đối với mụ già, - nghe thấy tiếng ồn ào nói chuyện của dân Hamaica. Trước khung cảnh tự nhiên thoáng mát đầy sức sống ấy, cả hai bà cháu đều náo nức một cảm giác sống mãnh liệt hơn. Đó chính là lúc bà cháu Êrênhđira đã đi tới miền duyên hải.

- Cháu thấy chưa? Biển đấy!- mụ già nói trong khi hít thở không khí trong lành và mắt nhìn ánh sáng vừa trong sáng vừa thoáng đãng của vùng Caribê mà đã một nửa đời người mụ không được hưởng.- Cháu có thích không?

- Có ạ!

Bà cháu Êrênhđira dựng tiệm chơi ở đây. Đêm ấy mụ già ngủ yên giấc. Tuy mụ nói suốt đêm nhưng không

nói mê. Thỉnh thoảng mụ có nhầm lẫn giữa những kỷ niệm xưa đầy lưu luyến với cái tương lai hay hoàng đang mở ra. Mụ dậy trưa hơn thường lệ với cảm giác dịu dàng trong tiếng gió thì thào của biển. Tuy nhiên, khi Êrênhđira tắm cho mụ, thì mụ lại tiếp tục tiên đoán tương lai cho cháu mình.

- Cháu sẽ là một bà mệnh phụ, - mụ nói,: - là một phu nhân dòng dõi, sẽ được sung sướng và vẻ vang nhờ những bậc quyền cao chức trọng yêu mến cháu. Từ các hải cảng trên thế giới, các vị thuyền trưởng sẽ gửi bưu thiếp thăm hỏi cháu.

Êrênhđira không để ý nghe lời bà. Nước ấm thơm mùi kinh giới theo máng nước bắt từ ngoài chảy vào chậu tắm để trong nhà. Cô lấy vỏ quả bí ngô làm gáo múc thứ nước này tắm cho bà mình. Một tay cô xoa xà phòng khắp người mụ, tay kia múc nước giội cho hết bọt xà phòng. cô gái làm nhanh tới không kịp thở nữa.

- Danh tiếng ngôi nhà của cháu sẽ bay từ miệng người này sang miệng người khác, lan từ quần đảo Angtidax sang tận nước Hà Lan xa xôi.- Mụ già nói. - Căn nhà của cháu còn quan trọng hơn cả dinh Tổng thống bởi tại đây những vấn đề của Nội các sẽ được bàn cãi và số phận của Quốc gia sẽ được định đoạt.

Bồng nước ấm trong máng cạn sạch. Êrênhđira bước ra ngoài nhà để xem sao thì thấy người Anhđiêng chuyển đổ nước vào máng lúc ấy đang phải chẻ củi ở trong bếp.

- Thưa cô, đã hết nước rồi sao? - người hầu hỏi.- Cô nhớ phải pha thêm nước lạnh vào nữa đấy.

Êrênhdira vào bếp. Trên bếp lửa một chảo nước đang sôi sùng sục. Cô vớ lấy chiếc giẻ lau nhấc thử chảo nước thì thấy một mình mình cũng bưng nổi.

- Tránh ra, - cô thét người hầu.- Để tôi tự rót lấy nước!

Chờ cho người Anhdiêng ra khỏi bếp, Êrênhdira rụi bớt củi trong bếp, khệ nệ bưng chảo nước đang sôi lên ngang tầm máng nước. Cô rót nước vào máng. Giữa lúc ấy người bà từ trong nhà gọi to:

- Êrênhdira!

Như thể đang nhìn thấy bà mình cô gái bị tiếng gọi giật của bà nội làm cho kinh hoàng hối hận không dám thực hiện nổi âm mưu của mình.

- Thưa bà cháu đang pha thêm nước lạnh đây ạ. Cháu vào ngay bây giờ đấy ạ!

Đêm ấy Êrênhdira suy nghĩ mãi cho tới khuya, trong lúc người bà đã ngủ ngon giấc, mình mặc chiếc áo trấn thủ nhồi đầy vàng lá. Như chú mèo ngồi bóng tối, Êrênhdira ngồi ở giường mình ngắm bà già. Sau đó cô đi nằm, người mệt lử như kẻ bị ngạt, hai tay ôm lấy ngực, đôi mắt mở to thao thức. Với toàn bộ sức sống hiện có, cô gọi thầm:

- Uylix anh ơi!

Uylix giật mình tỉnh dậy trong ngôi nhà ở giữa vườn cam. Anh nghe rõ mồn một tiếng gọi của Êrênhdira đến nỗi anh tưởng cô gái đang ở trong phòng mình vội đi tìm khắp phòng. Sau một hồi suy nghĩ căng thẳng, anh đứng dậy đi thu dọn áo quần và giày tất rồi cuộn tròn chúng

thành một gói. Một lần nữa anh lại bỏ nhà ra đi. Khi qua hiên anh giật mình nghe thấy tiếng cha mình, gọi:

- Đi đâu đấy con?

Anh nhìn thấy cha mình đang tắm trong ánh trăng.

- Con đi đây cha ạ!

- Lần này tao không cấm mày, - lão Hà Lan nói.- Nhưng tao nói cho mà biết: dù mày đi tới đâu thì lời nguyền rủa của cha mày sẽ theo tới đấy, nghe chưa!

- Dù có như vậy cũng chẳng sao hết cha ạ!

Trước giải pháp dứt khóat của con trai, lão cảm thấy ngạc nhiên và có phần tự hào chút ít. Lão cứ nhìn theo con trai mình đang đi trong vườn cam ngập ánh trăng. Đôi mắt lão dần dần nở một nụ cười. Bà vợ đứng ngay cạnh lão trong tư thế của một phụ nữ Anh điêng tuyệt đẹp. Khi Uylix đóng cửa vườn cam lại, lão Hà Lan nói:

- Rồi mày sẽ bị cuộc đời giày vò và sẽ lại dẫn cái thân xác mày trở về nhà này nhanh hơn là mày tưởng.

- Thôi đi! Ông sao mà thô bạo thế! - Bà nói. - Con nó sẽ không bao giờ trở về đâu! Rồi đấy ông xem!

Lần này Uylix không cần phải hỏi đường của Êrênhđira. Anh trốn trong những chiếc xe tải gặp dọc đường để chúng đưa anh vượt qua hoang mặc từng chặng một. Anh ăn trộm để sống qua ngày. Cứ như thế anh đi cho tới khi gặp được *tiệm chơi* của Êrênhđira ở trong một làng bên bờ biển. Từ làng này có thể nhìn thấy những ngôi nhà cao tầng lộng lẫy của thành phố tráng lệ. Từ làng này cũng có thể nghe thấy tiếng còi tàu đêm hú để tiễn biệt thành phố cảng trong lúc nó nhổ neo đi đảo

Aruba. Êrênhdira đang nằm ngủ, chân vẫn bị chiếc xích chó xích vào đuôi giường. Cô vẫn nằm với tư thế của kẻ bị ngạt thở, cái tư thế cô gọi anh đêm nọ. Không đánh thức cô gái, Uylix cứ đứng chiêm ngưỡng cô một lúc lâu. Nhưng vì anh ngắm cô, ngắm hoài và trong khi ngắm cô anh nghĩ về cô rất dữ nên Êrênhdira cũng phải thức dậy. Thế là trong bóng tối họ hôn nhau... họ tận hưởng những phút giây kỳ diệu của tình yêu xa nhau lâu ngày mới gặp lại.

Ở đầu bên kia, bà già đang ngủ bỗng cựa quậy trở mình và bắt đầu nói nhảm:

- Điều đó xảy ra vào thời kỳ có chiếc tầu thủy của người Hy Lạp cập bến.- Mụ nói- Đó chính là một tai họa mà bọn lính thủy điên điên rồ rồ gây ra cho chị em làng chơi. Chúng đến làm tình với người ta nhưng lại lấy con bọt biển sống thay tiền trả cho họ. Những con bọt biển này sau khi bò lồm ngồm khắp nhà cứ rên rẩm như người ốm nặng. Những con vật này sống bằng cách dọa trẻ em khóc để liếm nước mắt.

Bà già cựa quậy mạnh rồi ngồi vục dậy:

- Chính lúc ấy ông ta đến. Trời ơi!- Mụ gào. - So với Amadix thì ông ta to hơn, khỏe hơn và trời ơi! Sao mà dễ thương...

Cho tới lúc ấy Uylix vẫn không để ý tới cơn mê sảng của mụ. Nhưng khi thấy mụ ngồi vục dậy, anh định đi ẩn. Êrênhdira khuyên anh yên tâm.

- Ngồi yên nào! Khi tới cái đoạn này thì bao giờ bà cũng ngồi dậy nhưng vẫn không tỉnh ngủ đâu!

Uylix lại nằm xuống gối đầu lên tay cô gái:

- Đêm ấy ta đang cùng hát với bọn thủy thủ và ta nghĩ rằng việc ông ta đến là một sự kiện to lớn có thể so với trận động đất. - Mụ già lại tiếp tục cơn mê sảng của mình. - Tất cả đều nghĩ như ta bởi bọn họ đều ù tế chạy, vừa chạy vừa hát, vừa cười sằng sặc. Duy chỉ có ông ta đứng lại dưới mái hiên đài khí tượng. Ta nhớ rõ chuyện ấy như là chuyện vừa xảy ra ngay hôm qua. Khi ta hát những bài hát mà thời ấy mọi người đều hát thì đến cả những chú vẹt nuôi trong sân nhà cũng phải cất tiếng hót theo.

Và nhạt nhẽo làm sao bà già cất tiếng hát cái bài hát đắng cay của đời mình, cái bài hát được hát lại trong cơn mơ:

Hãy trả lại em tuổi thơ ngây

Để hưởng cùng chàng mối tình đầu đắm say!

Chỉ lúc này Uylix mới thực sự cảm thấy thích thú cái nỗi buồn thương của bà già.

- Chàng ta đứng đó với con vẹt đuôi dài đậu trên vai, với khẩu súng Etpintơn săn kẻ ăn thịt đồng loại. Ta cảm thấy hơi thở sặc mùi người chết khi chàng đứng trước mặt ta và bảo ta: "Anh đã đi khắp thế giới hàng ngàn lần, đã nhìn thấy tất cả phụ nữ của mọi dân tộc, vì thế anh có quyền để nói với em rằng: em là cô gái kiêu kỳ nhất đồng thời lại là cô gái đáng yêu nhất, em là cô gái đẹp nhất trần gian này".

Bà già lại nằm xuống giường rồi gục mặt vào gối khóc nức nở. Uylix và Êrênhđira ngồi yên lặng trong chỗ

tranh tối trang sáng. Tiếng thở khò khè của mụ khiến cả hai đều sợ run người. Bỗng Êrênhđira hỏi anh một cách dứt khoát:

- Anh có dám giết bà ấy không?

Bị hỏi bất ngờ, Uylix không biết trả lời thế nào.

- Ai mà biết được!- anh trả lời. - Em có dám không.

- Em chịu thôi vì đó là bà em!

Thế là Uylix lại quan sát một lần nữa cái cơ thể khổng lồ đang ngủ như thể anh đang tính xem cái sức sống tiềm ẩn trong đó, rồi quyết định;

- Vì em anh có thể làm được!

Uylix mua nửa cân thuốc chuột về trộn lẫn với kem sữa và mứt cam rồi nhét vào giữa một chiếc bánh ngọt thay cho nhân của nó đã bị móc đi. Sau đó anh lấy thứ kem sữa khác đặc hơn và dùng cùi dìa phết kem lên chiếc bánh, miết cho đều chung quanh y như một chiếc bánh còn nguyên. Anh lấy 72 cây nến hồng cắm lên trên chiếc bánh ngọt.

Bà già ngồi trên chiếc ghế dựa có tay ngai, tay vung vẩy cây ba toong vẻ hăm dọa khi nhìn thấy Uylix đang khệ nệ bưng chiếc bánh chúc mừng sinh nhật bước vào nhà mình:

- Rõ dợ cái mặt chưa! - Mụ thét.- Người không biết xấu hổ sao? Thế mà còn dám bước chân tới nhà ta đấy!

Lúc ấy, Uylix cố giấu con người thật của mình đi sau khuôn mặt thiên thần. Anh nói:

- Thưa cụ! Hôm nay là ngày sinh nhật của cụ, vì thế cháu đến để xin cụ tha tội cho ạ!

Mụ bị Uylix lừa mà không biết, lại cứ tưởng anh thật bụng tới chúc mừng sinh nhật của mình nên ra lệnh bày bàn ăn như bày bàn tiệc. Mụ bảo Uylix ngồi xuống ngay bên trái mình và sai Êrênhdira hầu bàn. Sau khi thổi tắt 72 ngọn nến thắp trên cái bánh, mụ cắt bánh làm ba phần bằng nhau. Mụ đưa cho Uylix phần đầu tiên, nói:

- Người biết cách làm cho người khác phải bỏ giận làm lành với mình là người đã chinh phục được nửa thiên hạ đấy. Ta dành cho cháu phần đầu tiên là phần của hạnh phúc.

- Thưa cụ, cháu không thích của ngọt ạ! Xin cụ cứ tự nhiên cho ạ!

Mụ cho Êrênhdira phần khác. Cô gái mang nó vào trong nhà ném vào thùng rác.

Một mình bà già ăn tất cả phần còn lại. Mụ cứ nhét từng miếng bánh to vào miệng rồi nuốt chửng, luôn miệng xuýt xoa kêu ngon và đưa mắt nhìn Uylix vẻ sung sướng thật sự. Khi phần mình đã hết sạch sành sanh, mụ ăn luôn phần mà Uylix chê. Trong lúc chép chép nhai miếng bánh cuối cùng, mụ lấy ngón tay vét nốt những vụn bánh rơi vãi trong đĩa rồi bỏ tất cả vào miệng.

Bà già đã ăn hết một lượng bả chuột bằng cả lượng dùng để diệt một thế hệ chuột. Ấy thế mà mụ vẫn chơi pianô, vẫn hát cho tới nửa đêm, vẫn đi nghỉ bình thường và ngủ ngon lành như mọi khi. Chỉ có khác mọi khi là đêm ấy mụ thở khò khè suốt đêm.

Từ chiếc giường của mình, Uylix và Êrênhđira theo dõi bà già, chỉ đợi mụ thở hắt ra. Nhưng không. Tiếng nói của mụ rất khỏe, đầy sức sống, cất lên oang oang khi mụ bắt đầu nói mê.

- Trời ơi! Ta lại điên, ta lại điên mất! Ta đã chẹn hai thang cửa để hắn đừng vào. Thêm vào đó ta còn mang tới cửa cả một cái bàn, một chiếc máy hát. Ta còn chồng cả mấy chiếc ghế lên chiếc bàn ấy. Thế mà chỉ một cái gõ nhẹ đã làm cho tường chắn cửa sổ vỡ ra, những chiếc ghế rời khỏi mặt bàn, chiếc bàn và chiếc máy hát tự tách ra, rồi những chiếc thang chắn cửa cũng bung ra.

Êrênhđira và Uylix cứ mỗi lúc một ngạc nhiên hơn bởi cơn mê sảng của mụ này càng mang vẻ bi kịch hơn. giọng nói của mụ sôi nổi tha thiết hơn:

- Lúc ấy ta cảm thấy rằng mình sẽ chết. Người ta toát mồ hôi lạnh mà lòng thì khấn thầm: Lạy chúa! Cánh cửa hãy mở mà đừng mở; hắn hãy vào mà đừng vào; rằng hắn sẽ chẳng bao giờ đi khỏi cái nhà này và cũng chẳng bao giờ hắn trở lại ngôi nhà này để khỏi phải giết hắn!

Trong vài giờ liền, mụ hồi tưởng lại tấn bi kịch của mình, y như thể nó đang sống lại trong giấc mơ của mụ. Trước lúc rạng sáng ít lâu, mụ trở mình rầm rầm trên giường và tiếng nói của mụ nghẹn lại trong tiếng khóc nức nở:

- Ta tiến gần lại hắn nhưng hắn lại cười. Ta lại tiến gần thêm và hắn lại cười cho tới khi hắn phải trợn ngược mắt lên đầy sợ hãi, nói; ôi, lạy Hoàng hậu! ôi, lạy Hoàng hậu! Cái tiếng van xin ấy không phát ra từ miệng hắn mà lại phát ra từ vết dao chém nơi cổ họng.

Kinh ngạc trước hành động tàn bạo của mụ, Uylix nắm chặt tay Êrênhđira, thét lên:

- Mụ già sát nhân!

Êrênhđira không thèm để ý tới tiếng thét của anh, bởi lúc này trời đã hửng đông. Đồng hồ điểm 5 giờ.

- Thôi anh đi đi! Bà già sẽ thức dậy bây giờ đấy!

- Bà ấy khỏe hơn cả voi. Thật kỳ quái!

Êrênhđira nhìn anh thất vọng:

- Chỉ tại anh cả thôi. Đồ ăn hại!

Lời mắng mỏ của cô gái vang vọng khắp căn nhà khiến Uylix càng cảm khái. Êrênhđira nhìn bà mình đang ngủ với một sự căm thù lặng lẽ, với một sự tức giận vì thất bại, trong lúc ở bên ngoài mặt trời đã ló rạng, chim chóc cất tiếng hót líu lo. Bà già mở mắt nhìn cháu mình với một nụ cười dễ thương.

- Lạy chúa! Chúa hãy cứu giúp cháu tôi.

Chỉ có một sự thay đổi đáng để ý là sự đảo lộn trật tự trong công việc một tuần. Hôm ấy là ngày thứ Tư nhưng bà già lại muốn diện bộ ngày Chủ nhật và bảo Êrênhđira không tiếp khách trước lúc 11 giờ để nhuộm móng tay và chải tóc theo mốt ngày hội cho mình.

- Chưa bao giờ ta lại thèm chụp ảnh như bây giờ.

Êrênhđira chải tóc cho bà mình. Nhưng khi cô vừa đưa lược vào gỡ tóc thì một mớ tóc bám ngay vào răng lược. Cô chìa cho mụ xem. Bà già cầm lấy xem rồi lấy ngón tay, cuốn tóc lại giật thử một cái. Một mớ tóc khác nằm nguyên trong tay. Thế là lấy hai tay mụ tự dứt tóc mình, cười như nắc nẻ, rồi mụ tung những mớ tóc rụng

ấy lên khoảng không với niềm vui kỳ quái. Mụ cứ tự dứt tóc mình như thế cho tới khi đầu mụ rụng hết tóc nom y hệt chiếc bình vôi

Hai tuần sau Êrênhđira mới lại thấy tăm hơi Uylix khi cô nghe thấy tiếng cú rúc. Lúc ấy bà già đang chơi pinô, đang đắm say trong nỗi u hoài luyến tiếc của mình đến nỗi không hay biết điều gì đang xảy ra chung quanh mình. Đầu mụ đội một bộ tóc giả lởm chởm.

Êrênhđira vội chạy ra nơi có tiếng gọi mình thì chỉ thấy một sợi dây cháy chậm lòi ra từ hộp đàn pianô rồi cứ dài ra lẫn trong cỏ dại, và mất hút trong bóng tối. Cô gái chạy tới nơi Uylix đứng, cùng anh ẩn trong lùm cây. Cả hai nín thở nhìn ngọn lửa xanh lè phụt ra từ đầu dây cháy chậm, cái ngọn lửa ấy chạy qua khoảng không tối mù rồi chui tuột vào trong nhà.

- Bịt tai lại! - Uylix bảo cô gái.

Cả hai cùng bịt tai mà lẽ ra chẳng cần phải làm như thế. Căn nhà bỗng rực sáng bởi ngọn lửa phụt cháy dữ dội mà không hề có tiếng nổ, hay nói đúng hơn quả mìn ấy đã nổ trong im lặng. Rồi ngọn lửa ấy lại tắt phụt đi trong đám khói dày đặc. Khi Êrênhđira bạo phổi bước vào trong nhà thì thấy bà mình vẫn sống khỏe mạnh hơn bao giờ hết, tay đang phẩy phẩy tấm vải để dập tắt lửa. Bộ tóc giả của mụ cháy xém gần hết. Chiếc áo sơ mi của mụ rách bươm. Thế mà cô gái cứ đinh ninh rằng lần này thì bà già phải *nghoẻo* rồi.

- Thật cứ y như chuyện ma quỷ ấy.- Bà già nói.- Không khi nào tự nhiên đàn pianô lại nổ cả.

Bà già cố đoán xem nguyên nhân của vụ hỏa hoạn vừa rồi là do đâu nhưng vì Êrênhđira khéo phỉnh phờ và cứ thản nhiên như không, nên mụ không biết đằng nào mà lần. Bà già hoàn toàn không bắt gặp một sự thất thố nào trong cung cách đối xử của Êrênhđira và cũng không nhớ rằng Uylix đang có mặt tại vùng này. Mụ ngồi tới khuya hết đoán thế nọ lại đoán thế kia và tính đi tính lại những tài sản vừa bị thiệt hại. Mụ ngủ ít do đó trăn trở hoài trên giường. Sán hôm sau khi Êrênhđira cởi giúp bà mình chiếc áo trấn thủ dộn vàng thì thấy những vết bỏng trên vai và thấy ngực bà đỏ hon hỏn. "Hèn nào mà bà ngủ không ngon- mụ nói- và ta còn nằm mơ một giấc mơ kỳ quái". Mụ cố gắng tập trung tư tưởng để nhớ lại giấc mơ cho tới khi nó rõ mồn một trong trí nhớ của mình:

- Một con sông nằm trên chiếc võng trắng. - Mụ nói.

Êrênhđira ngạc nhiên nhưng ngay lập tức cô lấy lại điệu bộ thản nhiên thường ngày:

- Đó là một điềm may bà ạ! Con cồng trong giấc mơ là điềm báo về cuộc đời trường thọ.

- Lạy chúa! Chúa hãy chứng giám lời cháu nói vì một lần nữa chúng ta lại phải bắt đầu từ đầu.

Êrênhđira không cãi lại bà mình. Cô gái bước ra khỏi nhà tay cầm cuộn băng để mặc mụ già ngồi một mình trong tư thế để trần nửa người trên bôi lòng trắng trứng gà và cái đầu trọc tếu bôi loang lổ nước lá cây mù tạc. Êrênhđira đứng dưới mái lợp lá cọ dùng tạm làm bếp đang đổ thêm lòng trắng trứng gà vào cuộn băng thì nhìn thấy đôi mắt Uylix ở đằng sau bếp lò như lần nào cô đã

thấy chính những đôi mắt ấy ở sau giường mình nằm. Cô không hề giật mình, chỉ nói với anh bằng cái giọng mệt mỏi:

- Việc anh làm chẳng được cái tích sự gì, chỉ làm tôi thêm nợ.

Đôi mắt của Uylix càng lúng túng. Anh ngồi ngắm Êrênhdira, nhìn cô bửa những quả trứng gà. Cô giả bộ chăm chú làm việc không thèm để ý tới anh. Rõ ràng cô gái đã khinh anh ra mặt. Sau đó Uylix đảo mắt quanh bếp: những chiếc chảo móc quai vào tường, bát đĩa úp trong trạn, và một con dao bầu... Vốn làm việc lặng lẽ. Uylix bước vào lấy con dao bầu ấy.

Êrênhđira vẫn không thèm nhìn anh. Nhưng khi thấy Uylix cầm con dao bước ra khỏi bếp, cô khẽ nói cho anh biết:

- Hãy cẩn thận kẻo bà già vừa được báo mộng. Bà mơ thấy một con công nằm trong chiếc võng trắng.

Bà già nhìn thấy Uylix cầm con dao bầu bước vào trong nhà liền đứng bật dậy không cần phải chống chiếc ba toong như mọi bận. Mụ giơ hai cánh tay lên:

- Mày điên rồi sao, thằng kia! - mụ thét.

Uylix đè lên người mụ đâm luôn cho một nhát dao bầu vào ngực. Mụ la lên thật to. Mụ lật người một cái lại nằm đè lên người Uylix. Với đôi tay lực lưỡng mụ định bóp cổ chàng thanh niên.

- Đồ đểu, - mụ gầm gừ như con sư tử cái, - Bây giờ ta mới biết mi có bộ mặt của qủy Satăng.

Mụ không nói thêm được nữa. Uylix đã gỡ được cánh tay cầm dao bầu khỏi tay mụ, rồi đâm cho mụ một

nhát nữa vào mạng sườn. Mụ rên rỉ yếu hơn và ôm ghì lấy kẻ thù của mình. Uylix lại đâm thêm cho mụ một nhát dao nữa. Một dòng máu phụt ra thật mạnh phun vào mặt anh. Đó là một thứ máu đặc sánh, óng ánh một màu xanh giống như thứ máu trong lông ống còn tơ.

Êrênhđira tay cầm cuộn băng đứng ở cửa ra vào, theo dõi cuộc ẩu đả giữa hai người mà lòng rộn lên niềm thích thú - cái thích thú đầy tội ác.

Bà già cứ ôm ghì lấy Uylix, đau đớn và tức giận, cứ gầm gừ như con sư tử cái. Mụ vạm vỡ như một tảng đá nguyên khối. Máu xanh đầm đìa khắp người mụ, từ tứ chi cho tới cái đầu trọc tếu của mụ. Tiếng thở khò khè của mụ vang khắp nhà. Lại một lần nữa, Uylix gỡ được cánh tay cầm dao bầu khỏi tay mụ, rạch một đường rõ dài trên bụng mụ. Máu ộc ra phun khắp người Uylix. Thế mà mụ vẫn cố gượng dậy. Nhưng lúc này mụ đã kiệt sức nên ngã vật ra sàn. Uylix hoàn toàn thoát khỏi đôi tay lực lưỡng của mụ tha hồ băm vằm mụ.

Lúc này, Êrênhđira đặt cuốn băng xuống bàn, cúi nhìn mụ già. Mày cô chau lại. Khi chắc chắn rằng mụ già đã tắt thở, gương mặt cô bỗng trở thành gương mặt của người đứng tuổi đầy ưu tư, mặc dù cô chưa đầy 20 tuổi - những năm tháng đắng cay và bất hạnh. Thận trọng và nhanh nhẹn, Êrênhđira cúi xuống nhặt chiếc áo trấn thủ may bằng vải bạt nhồi toàn vàng lá rồi bước ra khỏi nhà.

Sau trận ẩu đả, Uylix mệt rũ ngồi bên cạnh cái thây ma. Càng muốn lau sạch mặt bao nhiêu thì mặt anh càng xanh lè thứ máu ấy như thể nó đang rỏ ra từ năm đầu ngón tay anh và vì vậy anh càng lau thì mặt anh càng xanh lè. Chỉ khi thấy Êrênhđira mang chiếc áo trấn thủ

nhồi toàn vàng lá đi ra, Uylix mới nhận ra tình cảnh trớ trêu của mình.

Anh gọi to mà không thấy cô gái trả lời. Anh bò lết ra tới cửa thấy Êrênhđira đang chạy như bay dọc theo bờ biển để lại sau lưng mình thành phố tráng lệ này. Anh lấy hết bình sinh đuổi theo cô gái, vừa chạy theo vừa gọi tên cô một cách thảm thiết. Tiếng gọi của anh lúc này không còn là tiếng gọi của người tình mà là tiếng gọi của đứa trẻ thơ gọi mẹ. Nhưng anh đã kiệt sức - cái sức trẻ trung tráng kiện anh đã dùng nó vào việc tiêu diệt mụ già gian ác. Những người Anhđiêng giúp việc đã đuổi kịp anh, thấy anh nằm sấp đang khóc lóc thảm thiết.

Êrênhđira không nghe tiếng anh khóc. Chạy ngược gió mà cô chạy nhanh hơn cả hươu nai và không một tiếng gọi nào của thế gian này có thể ghìm chân cô lại. Cô cắm đầu cúi cổ chạy trong không khí ngột ngạt của vùng mỏ diêm sinh, chạy bên miệng những chiếc giếng khai thác than đá tan, chạy qua những làng bản thưa thớt người của người Anhđiêng. Cô cứ chạy như thế cho tới khi vượt ra ngoài bầu không khí oi nóng, ngột ngạt của miền hoang mạc. Nhưng rồi cô cũng chưa dừng lại ở đấy. Cô vẫn mang chiếc áo độn toàn vàng lá chạy vào sâu hơn nữa trong lòng hoang mạc nơi còn xa hơn cả nơi có những cơn gió nóng hầm hập và những buổi chiều buồn dài lê thê tưởng như không bao giờ chấm dứt. Từ đó chẳng bao giờ người ta nhận được thêm tin tức mới về cô gái và cũng chẳng được biết thêm những tình tiết bí mật của cuộc đời bất hạnh ấy.

NGUYỄN TRUNG ĐỨC *dịch*.

Vante Khaufman
(Đức)

MỐI HỌA CỦA VÙNG MARALINGA

Tuy không sính rượu lắm, nhưng khi viên đại tá gợi ý mời uống một hai ly rượu mạnh cho ấm bụng trước khi máy bay cất cánh, tôi cũng không từ chối. Trong lúc ngồi vắt vẻo trên những chiếc ghế đẩu gần quầy rượu của khách sạn, chẳng ai trong chúng tôi nói thêm gì nhiều ngoài những điều đã thổ lộ với nhau trong quãng thời gian ngắn ngủi, kể từ khi phát hiện ra rằng cả hai chúng tôi đều bay sâu vào vùng đất liền của Ôxtrâylia. Chắc bạn cũng biết, gặp một người đồng hương ở nước ngoài thì phấn khởi biết bao. Thông thường, bạn sẵn lòng thổ lộ hết cả bầu tâm sự trong nửa tiếng đồng hồ mới gặp. Sau đó, dù muốn hay không cuộc gặp gỡ cũng trở nên tẻ nhạt và câu chuyện trở thành vụn vặt. Việc tôi gặp viên đại tá này cũng thế.

Thoạt đầu tôi cho ông ta biết rằng tôi là một nhà địa chất, làm việc cho Tổng công ty thăm dò khoáng sản Caliphonia và đang trên đường tới vùng Xlâyđơn Oatơ, dọc bờ biển phía Tây và phía Nam Ôtrâylia, là nơi một nhà khoa học trẻ tuổi của chúng tôi cho rằng đã phát hiện được một khoáng sản nào đó. Tôi không tiết lộ đó là khoáng sản

gì; quá bộc trực chẳng bao giờ có lợi. Song tôi lấy làm lạ vì viên đại tá biết rất rõ là chính phủ Ôxtrâylia đã bật đèn xanh cho hãng chúng tôi được sử dụng một vùng rộng trên 4.000.000 âycơ[1] để dò tìm nicken.

- Một vùng đất thập đẹp, - viên đại tá nói, - cũng bỏ công chờ xem nó đem lại cái gì.

Ngay sau đấy, ông ta băn khoăn không hiểu liệu mình có thể được thông tin ngay hay không về một khối lượng quặng nào đó được phát hiện, trước khi tin ấy đến thị trường chứng khoán. Và khi tôi báo cáo có thể làm được một việc đại loại như thế, thì ông ta khẳng định lòng biết ơn của mình, trao cho tôi một tấm danh thiếp và giải thích rằng ông ta đã từ Oasinhtơn bay đến đây vì một công vụ tuyệt mật là quan sát một vụ nổ bom hạt nhân sắp xảy ra ở Maralinga, tại miền Nam Oxtrâylia. Không biết tôi đã đến đấy bao giờ chưa nhỉ ? Chưa. mà cũng chưa bao giờ đến Oasinhtơn thì phải ? Ôi, gia đình ông ta sẽ mở rộng cửa đón tôi bất kỳ khi nào tôi trở về nước Mỹ: bơi lội, đánh "gôn", quần vợt và nếu tôi muốn bứt khỏi cảnh sống gia đình thì ông ta đã có những số điện thoại[2]. Nói tới đó, ông ta mỉm cười chớt nhả và tôi thấy không thích ông ta.

Cố nhiên, chúng tôi lại bắt đầu tranh luận về những vụ nổ hạt nhân và những ý kiến ông ta đưa ra cũng chẳng làm cho sự có mặt của ông ta lý thú gì hơn so với hầu hết những chuyện khác ông ta đã nói trước đó.

---

[1] Mẫu Anh, khoảng 0.4 ha (N.D.)

[2] Gái làm tiền có số điện thoại để khách gọi (Call-girl) (N.D.)

Tôi đặt nước Mỹ lên trên hết, có lẽ cũng như bất kỳ người Mỹ nào, song kẻ nào tâng bốc chú Sam đến thế thì sẽ không nhìn thấy bất kỳ ai khác đang sống trên hành tinh này.

- Dù sao đi nữa, - viên đại tá nói, - sau cả tá vụ nổ như vậy của chúng ta ở Nêvađa, đã đến lúc sân sau của một kẻ nào khác phải chuốc lấy vài vụ, miễn là chúng ta có một chỗ ngồi quan sát.

Tuy đồng ý rằng chúng tôi không thể để cho người Nga muốn sao được vậy, tôi cũng có những ý kiến nhất định về việc năng lượng hạt nhân phải được sử dụng một cách xây dựng như thế nào và tôi thấy buồn chán vì quá nhiều hăm họa binh đao. Song tôi cho rằng có nói chuyện với viên đại tá về những cuộc kiểm tra toàn cầu và về các hiệp ước Ngũ cường thì cũng chẳng được tích sự gì. Thế là tôi trầm ngâm suy nghĩ và lặng thinh, đồng thời quyết định thề sẽ chẳng làm người nếu như tôi điện cho đại tá Doaltơ G. Xoanxơn biết về những khoản đầu tư lớn của công ty. Những lời lẽ quá quất của ông ta đã bắt đầu khiến tôi bực mình và tôi lấy làm tiếc là đã cho ông ta xem bức ảnh chụp vợ và gia đình tôi. Cái câu "cô nàng duyên dáng quá" của ông ta nghe như một gã lái buôn xe hơi cũ lăm băm tán tụng các loại xe.

Thế là, như tôi đã nói, chúng tôi nhấm nháp những ly rượu mạnh một cách hơi lặng lẽ. Trong lúc đó, viên đại tá dán chặt mắt vào những bộ phận hở hang trên mình cô gái bán "ba". Ông ta vừa toan tìm cách kiếm thêm một số điện thoại nữa vào bản danh mục kinh khủng của mình, thì một người trực tầng đã đến thông báo rằng xe hơi của chúng tôi

đang chờ đưa chúng tôi ra sân bay.

- Này, cô em, bận khác nhé, - viên đại tá vừa nói với cô bán "ba" đang mỉm cười vừa ôm hôn gỡ gạc và quẳng cho cô ả một món "puôc boa" hậu hĩ.

- Ồ, cám ơn ông. - Cô ả nói.

- Em sẽ gọi anh là Doaltơ nhe. - Viên đại tá nói với cô ả một cách thoải mái, và rồi vì chẳng còn cánh tay nào để nắm lấy, hắn nắm lấy cánh tay tôi và dẫn tôi về phía phòng giải lao. Vì ghét cái tính suồng sã như vậy nên tôi gỡ tay mình ra, và hơi quay đầu lại. Tôi nhác thấy cô bán "ba" có mái tóc màu bạch kim hoe vàng đang chiêm ngưỡng dung nhan mình trong tấm gương phía sau những chai rượu. "Cô nàng duyên dáng quá", viên đại tá nói, và lần này lẽ ra tôi đã có thể vả vào mồm hắn một cái cho hắn câm họng.

Lúc mắt tôi đã quen với ánh nắng tháng chín chói lòa xuyên vào gian ngoài và cái cầu thang đá hoa cương của khách sạn, tôi nhìn thấy một thổ dân già phía ngoài những tấm cửa kính. Ông lão đứng quay lưng lại phía xe cộ ồn ĩ và đám đông người qua lại trên vỉa hè, bên cạnh cái cột ở phía cuối lối vào khách sạn. Quần áo ông lão rách bươm, đôi giày phải buộc dây. Tóc bạc, da đen, ông lão đưa đôi bàn tay gầy guộc lên, ấn chặt vào môi và mỗi khi những người trực tầng mở những cánh cửa có lò xo, tôi lại nghe thấy một âm thanh não nùng như tiếng một đứa trẻ thổi kèn bằng lá cỏ. Khi theo đại tá Xoanxơn ra chiếc xe hơi đang đợi, tôi cố bỏ vài đồng xu vào chiếc mũ rách bươm đặt dưới chân ông lão. Song ông lão phớt lờ tôi, vẫn nhìn chằm

chằm vào một ảo ảnh nào đó hình như chỉ riêng lão thấy, đồng thời vẫn tiếp tục thổi cái nhạc cụ quái quỷ sản sinh ra những âm thanh kỳ bí kia, và trong khoảnh khắc, tôi cảm thấy mình phiêu diêu tới những miền hoang vu mà tôi sắp phải tới. Thậm chí, sau khi tôi tìm cách lưu ý ông lão tới số tiền tôi đã cho, ông ta vẫn không tỏ dấu hiệu đã biết mà cứ đứng đó với một vẻ trang nghiêm xa vời lạ lùng.

- Thôi được rồi, ông Cocxơ ạ, - tôi nghe tiếng viên đại tá sốt ruột gọi, - chúng ta đi thôi !

Tôi lên xe khi người lái xe và mấy người trực đang sắp xếp hành lý của chúng tôi, còn viên đại tá oang oang những chỉ thị cuối cùng. Lúc xe hơi chúng tôi mở máy, tôi thấy một viên cảnh sát dẫn ông lão thổ dân đi. Lão bước rất thanh thản, không nhìn ngang nhìn ngửa mà vẫn điềm nhiên hướng về phía trước với cái nhìn xa xăm của một người mù.

Ngồi bên tôi, trên chiếc ghế bọc nhung của chiếc xe hòm, viên đại tá vẫn nói một điều gì đó mà tôi không chú ý. Mãi sau, hắn đập nhẹ vào đầu gối tôi và liến thoắng :

- Ông Cocxơ này, ông cứ gửi điện báo tin, phần còn lại Doaltơ G. Xoanxơn sẽ làm nốt. Tôi không bao giờ quên ơn đâu, ông ạ.

- Maralinga, - tôi nói, - đó không phải là một khu dành riêng cho người bản xứ à ?

- Phải chứ, - viên đại tá nói : - thấy thì sao ?

- Tôi đang băn khoăn...

- Ồ, - hắn nói, - cái đám mọi rợ ấy đã được chuyển đi

nơi khác rồi. Ông biết đấy, cái bọn du mục thời đồ đá ấy mà. Nay đây, mai đó. Chúng ở đâu chẳng được. Ông đừng nghĩ rằng bọn chúng bị ảnh hưởng bởi những vụ nổ. Cho đến lúc quả địa cầu nổ tung, bọn chúng cũng chẳng khôn ra chút nào. Dù sao thì cũng chỉ có một dúm thôi.

Cảm thấy khó mà quên nỗi lão ăn mày da đen giữa đám người qua lại thờ ơ, tôi nghĩ rằng hầu như người ta đều thiếu quan tâm - như viên đại tá này - đến sự diệt vong chắc chắn sẽ không thể tránh khỏi của thổ dân Maralinga. Tuy nhiên, tôi đâu phải một kẻ thương người chuyên nghiệp và tôi thiên về cách cho rằng nên dành cái việc cứu nhân độ thế cho nhiệt huyết của những người lý tưởng chủ nghĩa. Quả thực, sự nhẫn tâm của viên đại tá khiến tôi khó chịu, song tôi là một nhà địa chất chứ đâu phải một nhà cải cách luôn luôn sẵn sàng ôm vào lòng tất cả những nỗi đau của thế gian ? Càng tìm những nỗi đau thì càng thấy nhiều - người ta bảo thế. Đối với tôi, tôi đã trở nên có khuynh hướng đi tìm theo chiều ngược lại. Vì vậy, tôi lặng thinh, tuy có nghĩ lần này tôi đã lặng thinh quá nhiều.

Chúng tôi tới sân bay vừa kịp để kiểm tra hành lý và hối hả lên chiếc máy bay Xkaimaxtơ đang gầm rú đinh tai để khởi động bốn động cơ của nó. Viên đại tá cứ giục hoài cô chiêu đãi viên xinh đẹp giải phóng hai chỗ cạnh nhau cho chúng tôi, song máy bay sắp sửa cất cánh, nên cô phân trần với hắn một cách lịch sự nhưng kiên quyết rằng, không còn thì giờ để di chuyển chỗ ngồi của hành khách nữa. D.G.Xoanxơn đã toan giơ ủy nhiệm thư của mình ra bắt cô xem, thì đèn báo "không hút thuốc - thắt dây an toàn" đã

bậc ở bảng tín hiệu phía trên cửa vào buồng lái. Thế là chúng tôi ngồi vào những ghế theo vé đã mua trước, trong lúc viên đại tá cứ làu bàu một câu gì đó về thái độ bất lịch sự, còn cô chiêu đãi viên thì đỏ mặt lên và cam đoan với hắn rồi cô sẽ tìm cách thu xếp chỗ ngồi tiện lợi cho chúng tôi.

Khi máy bay lên cao dần trong khoảng trời mùa xuân xanh ngắt, và sân bay, các nhà máy cùng những mái nhà đủ màu sắc của thành phố Xitni lùi lại phía sau, quang cảnh mênh mông với Thái Bình Dương xanh trong đầy bãi tắm, thì tôi hy vọng từ đây trở đi tôi sẽ không phải nghe những lời đàm luận khó chịu của viên đại tá nữa.

Lén quan sát người ngồi bên, tôi cố đoán xem ông này có sẵn sàng đổi chỗ với viên đại tá không, khi cô chiêu đã viên đặt vấn đề. Ông ta là một người rắn chắc, mặt rám nắng, ngồi ngay đuồn đuỗn trong bộ quần áo chặt cứng, giống như một người không quen đi máy bay. Ngay cả khi bảng tín hiệu đã tắt, ông ta cũng chẳng buồn cởi dây an toàn và tuồng như ông ta sẽ giữ nguyên cái mũ rộng vành trên đầu suốt cuộc hành trình. Một người chủ trại, tôi nghĩ, hoặc có lẽ một người cắt lông cừu, từ thành phố Xitni trở về miền Tây - rõ ràng là một người lầm lì chẳng chịu tự nguyện mở mồm lấy một câu ngoài việc bảo cô chiêu đãi viên rằng ông ta ngồi đó ổn rồi và sau đó sẽ ngồi lỳ tại chỗ.

- Bây giờ ông có thể cởi dây an toàn được rồi ạ. - Cô chiêu đãi viên nói, giọng lãnh đạm.

Song ông láng giềng của tôi chỉ điềm nhiên quan sát cô và ung dung trả lời :

- Được thôi, cô ạ, khi nào tôi muốn thì tôi sẽ cởi.

Tôi không thể không khâm phục tính tự chủ, không nao núng của ông ta khi phải đối phó với những yêu sách lạ lùng đặt ra cho mình trong một môi trường xa lạ, song chủ yếu tôi khoái ông ta đã là một công cụ ngăn không cho viên đại tá đến gần tôi.

Khi chúng tôi bay ngang qua một vùng đồng quê trơ trụi chẳng có gì ngoạn mục, chỉ loáng thoáng đó đây vài mảng cây cối và những quả đồi thấp màu nâu, phía sau là vầng mặt trời ban chiều đỏ ối đang lặn, thì viên đại tá theo lối đi giữa hai hàng ghế lại gần và tán tỉnh ông láng giềng của tôi đổi chỗ cho hắn. Bằng một động tác chậm rãi, ông này lấy bàn tay chai sạn quệt ngang miệng và nói :

- Này ông người Mỹ ơi, có thể là các ông đang sai khiến được chính phủ chúng tôi đấy, nhưng bây giờ chưa đến lúc ông bảo được tôi đi đâu hoặc phải làm gì. Tôi ngừng lời ở đây, nếu như ông cũng không có gì để nói nữa.

Ô. Doaltơ G.Xoanxơn thì lại không muốn ngừng lời. Hắn hơi bốc lên và sẵn sàng nổi khùng. Đưa ra một câu trả miếng gay gắt, tình thế vẫn không cải thiện chút nào. Hắn giục tôi cùng đến quầy rượu phía cuối máy bay. Tuy vậy, tôi phân trần rằng ngay lúc ấy có lẽ tôi không nên uống. Tôi khước từ lời mời và náu mình sau một tờ tạp chí.

Tuy thế, quả thực tôi ít chú ý đến những điều mình đọc hơn là đến phản ứng của ông láng giềng của tôi đối với cuộc cãi lộn với viên đại tá. Ông ta lặng thinh, bất động một lát, rồi lấy ra một cái túi nhỏ đựng thuốc lá, vấn một điếu châm hút và bình luận như thể nói với riêng mình :

- Có một thời bọn Mỹ các người được hoan nghênh ở đất nước này. Hiện nay vẫn còn như vậy, cứ cho là như thế, đối với một vài người. Còn ta, ta có quan điểm của ta.

Ông ta không tìm cách giải thích rõ thêm ý kiến của mình, còn tôi, tôi cũng chẳng bụng dạ nào thúc ép. Ông ta quan sát tôi và cuối cùng nói :

- Thô lỗ đáng ghét thật, kể cũng muốn... nhưng mỗi khi thấy bọn sĩ quan các ông nghênh ngang trên đất nước này thì tôi lại thấy hơi tức mình.

- Ông để tâm làm gì, - Tôi nói. - Ông nên nhớ rằng trong quân đội có đủ hạng người.

- Té ra là tôi không biết đấy ! - Ông ta đồng ý, nhưng hầu như vẫn thoáng vẻ khó chịu mơ hồ cho mãi tới khi ông ngỏ ý bỏ tiền mời tôi cùng uống với ông một ly, không đếm xỉa gì đến những lời tôi vừa phân trần với viên đại tá. - Chẳng gì tuyệt bằng một ly bia Ức Đại Lợi, - ông gợi ý. Trong tình thế ấy, tôi chẳng có cách lựa chọn nào hơn là khước từ lời mời, tuy rằng cũng cố ăn nói thật lịch sự để ông khỏi mếch lòng.

- Thôi được, - ông nói, lập tức lại cảnh giác, - xin tùy ông.

Nhưng nghe giọng nói thì hầu như ông đã khẳng định rằng bọn người Mỹ tất thảy đều không thể tha thứ được.

Thật tình, tôi không có nhiều ác cảm với ông như ông tưởng. Song vì tôi mải bận suy nghĩ về nhiều chuyện hơn là về cái vẻ yên lặng kín đáo mà ông giữ mãi suốt chặng

đường tới Adơlét[1] nên chúng tôi chẳng bao giờ làm thân với nhau. Và thế là, cứ bằng vào cái nhìn trừng trừng hằn học ông đã dùng để đo lường khả năng viên đại tá trước khi xuống máy bay, cũng đủ biết khi đi ngang sân bay, ông mang theo trong lòng những ý nghĩ thù địch đối với người Mỹ như một món hành lý quá tải.

- Thế đấy. - D.G. Xoanxơn nói và thở dài. Hắn nghĩ về người Ôtrâylia đang khuất dạng kia, điều đó đã quá rõ. - Thôi, chào ông Cocxơ nhé, - hắn nói tiếp trong lúc chuẩn bị chia tay với tôi. Một máy bay quân sự Mỹ đặc biệt đi Maralinga đợi gã ở Adơlét, còn tôi thì ngồi lại trên chiếc Xkaimaxtơ để đi nốt chặng đường ngàn dặm tới Kalguli, tại đây công ty của chúng tôi thuê một máy bay riêng để đưa tôi về hướng đông bắc tới vùng Xlâydơn Oatơ. - Chúc may mắn và dò tìm thắng lợi nhé !

Mặc dù chắc hẳn đã uống liên tục suốt cuộc hành trình, hắn vẫn đủ minh mẫn để nhắc tôi về bức điện tôi sẽ gửi cho hắn. Hắn mỉm cười lúc bắt tay tạm biệt, song ánh mắt hắn vẫn khôn ngoan và đầy tính toán. "Đừng quên mình nhé" là những lời cuối cùng hắn nói.

- Tôi sẽ nhớ ông. - Tôi trả lời mập mờ. Và hắn ra khỏi cuộc đời tôi mà không gợn chút nghi ngờ gì về việc tình giao hảo giữa con người với nhau tốt nhất là được xây dựng trên nền tảng lợi ích tài chính chung.

---

[1] Một thành phố lớn trên tuyến bay từ Xitni miền Tây Ôxtrâylia (N.D.).

Chuyến bay đêm về hướng tây không có gì đặc biệt : những vì sao lướt qua các cửa sổ, các động cơ ầm ĩ đều đều và cái cảm giác bị nhốt trong lồng, cái thứ cảm giác bao giờ cũng khiến tôi khó chịu trên những chuyến bay dài, cứ vây chặt lấy tôi và khiến tôi bồn chồn. Tôi đã xua đuổi hẳn viên đại tá ra khỏi đầu óc, và cả ông láng giềng người Ôxtrâylia nữa, tôi nghĩ thế. Ghế bên cạnh tôi vẫn bỏ trống và tôi để đầy giấy má lên đó, nào biểu đồ, nào bản đồ, song mặc dù sẵn có thời giờ tôi vẫn cảm thấy không thể làm được bất kỳ công việc thực sự nào. Tôi hăm hở muốn đi vào các chi tiết cụ thể, kế hoạch và cơ sở lý thuyết đã lập sẵn, chỉ còn việc quyết định dứt khoát xem phát hiện của Tơnbul (Tơnbul là nhà địa chất trẻ tuổi người Ôxtrâylia, đang làm việc cho chúng tôi) có đảm bảo chắc chắn cho những chi phí vào việc thăm dò quy mô lớn không. Trong tâm trạng vui vẻ, tôi nhớ lại giai thoại về chàng chăn cừu vùng Kalguli năm 1891 nhặt hòn đá ném một con quạ, ngờ đâu hòn đá ấy lại là vàng. Tôi hy vọng có một bức điện đang chờ tôi ở Kalguli : "HÃY NÉM MỘT TẢNG ĐÁ VÀO MỘT CON GOANA (hoặc bất kỳ loài thằn lằn nào còn tồn tại ở Xlâyđơn Oatơ) VÀ TẢNG ĐÁ BỖNG TRỞ THÀNH NICKEN NGUYÊN CHẤT - TƠNBUL". Nicken, Nicken, một lượng cỏn con đối với nền quốc phòng của chúng ta còn quan trọng hơn bất kỳ khối lượng vàng nào. Nicken Nicken, Nicken - chính các động cơ chiếc máy bay đang ầm ĩ cái âm thanh ấy khi tôi rơi vào một giấc ngủ chập chờn.

Tôi đến Kalguli vào lúc đêm đã khuya, mệt mỏi, người cứng đờ và đầu óc quay cuồng vì chuyến bay đó.

Cái lạnh sắc như một lưỡi dao và tôi cảm thấy sung sướng được ngồi trong chiếc xe chở thuê đưa tôi vùn vụt qua những dãy nhà ở huếch hoác đang ngái ngủ và cuối cùng qua đường phố chính rộng rãi, dọc đường có trồng cây, hai bên là những cửa hiệu có ánh đèn lờ mờ phía sau những tấm vải bạc căng trên cột giống như một thành phố hoang dã miền tây trong một bộ phim của Hôliút. Họ thức chờ tôi ở khách sạn, và một người đàn ông trán hói có bộ ria đồ sộ chỉ cho tôi căn phòng trên gác là nơi dành cho tôi ở vài giờ đồng hồ. Vâng, ông ta biết sẽ phải đánh thức tôi vào mấy giờ, bữa điểm tâm và chiếc xe hơi cho thuê sẽ sẵn sàng đợi tôi lúc 5 giờ sáng. Dặn dò như vậy xong, ông ta để tôi đi nghỉ, cho mãi đến khi ánh sáng xam xám đầu tiên của bình minh ló vào cửa sổ phía trên bao lơn. Tôi tắm rửa, cạo râu, thay quần áo và sau bữa điểm tâm thịnh soạn, tôi lại thấy khỏe khoắn để đón chờ một ngày bắt đầu bằng chuyến xe trở lại sân bay.

Nhìn qua cửa sổ phía sau, tôi có thể thấy ở phía xa, sau những ngôi nhà thấp, mái lô nhô là đống đất thải hình chóp đồ sộ và cái tháp thang máy phía trên đường hầm vào "Dặm đường vàng" vùng Kalguli - mỏ vàng huyền thoại của Ôxtrâylia.

Quang cảnh ấy làm sống lại tất cả những gì tôi đã nghe và đã đọc về miền Kalguli của dĩ vãng xa xôi, không bao giờ trở lại. Những dòng người mạo hiểm dồn dập chảy

về phía tây vì khát vọng giàu có, những tài sản được và mất trong một ngày, những lều láng, rượu và đàn bà, và tôi bỗng thấy mình tràn ngập cái khí phách cương cường của người chờ đợi những khám phá. Có lẽ, chính cái cảm xúc này, nó cùng bà con gần gũi với máu mê cờ bạc, như bất kỳ điều gì tôi từng nếm trải, đã khiến tôi sỗ sàng với anh phi công điều khiển chiếc máy bay nhỏ hai mình Đơ Havilân, đậu chờ tôi tại sân bay. Đó là một người Ôxtrâylia cao lớn, gầy nhưng rắn đanh, mái tóc đỏ hoe, mặt đầy tàn nhang, cặp mắt màu xanh xám cứ nheo nheo nhìn về phía tôi như thể lúc nào anh ta cũng chăm chú quan sát những vật thể xa xôi. Anh ta không chịu khởi hành ngay, anh ta đang chờ chuyến thư, anh ta phân trần, và chờ một chút đồ ăn trẻ con cho đứa con nhỏ của bà Xitli - đứa con của người truyền giáo gần Xlâydơn Oatơ.

- Đừng băn khoăn về việc ấy. - Tôi nói. - Tôi đang gấp. Có lẽ chúng ta nên khởi hành thôi.

Song anh ta cứ ấn ấn gót chân xuống đất như một con la ương ngạnh và nói thêm một điều gì đó về việc nhân dân vùng hẻo lánh ở Ôxtrâylia thường bị gián đoạn quan hệ với thành phố hàng tuần lễ. Chuyến thư là quan trọng và cả món đồ ăn trẻ con cũng vậy.

- Ông Cocxơ ạ, ông hãy xem xét việc đó theo hướng này, - anh ta bắt đầu phân trần, nhưng tôi cắt lời ngay và bỏ mặc anh ta đứng trong cái lạnh của gió đông bắc đang thổi ngang qua mặt đường đá dăm trộn hắc ín. Tôi cảm thấy môi khô nẻ, da mặt căng và mua bàn tay tôi đang trở nên tai tái trong không khí khô hanh. Tôi nhớ đến người láng giềng của

mình trên chiếc Xkaimaxtơ và sẵn sàng tin rằng người Ôxtrâylia nói chung không có thiện cảm với người Mỹ.

Vừa uống trà trong phòng tiếp khách của sân bay, tôi vừa quan sát các hoạt động qua kính cửa sổ. Mặt trời đang lên trên bầu trời quang đãng; một chiếc xe vận tải công cộng lăn bánh chầm chậm về phía chiếc máy bay ĐH-84. Tôi thấy người tài xế trao cho viên phi công một túi thư và vài gói nhỏ. Rồi khoảnh khắc sau, động cơ bắt đầu quay, thoạt đầu chầm chậm rồi nhanh hẳn.

Ngay từ lúc cất cánh, anh phi công tên là Hili chẳng tìm cách lấy lòng, anh chỉ nói khi được hỏi đến, lặng im khi tôi lặng im, và tôi - vốn chẳng ghét ai hơn kẻ khúm núm - đã bắt đầu kính nể anh. Anh điều khiển máy bay như một phi công kỳ cựu, và cứ bằng vào đồng hồ chỉ tốc độ thì chúng tôi đã đến hơi sớm. Cái vùng đất hoang vu phía dưới chúng tôi chỉ bị gián đoạn bởi những vạt bụi rậm, và những hồ nước mênh mông, cạn khô, lóe sáng trong ánh mặt trời. Chẳng đâu thấy bóng dáng chim chóc.

Cuối cùng, khi cảm thấy tôi ân hận về thái độ lúc trước của mình đối với anh. Hili bắt đầu kể về những trận hạn hán, sự khan hiếm nước và cảnh ngộ của những người thổ dân di trú sang phía tây của sa mạc, vì một số vùng dành riêng cho họ đã bị đóng cửa nhằm mục đích phục vụ thử bom hạt nhân. Điều anh nói đã khẳng định những gì tôi có giải thích cho viên đại tá ngày hôm trước.

Cảm thấy thái độ anh không có vẻ gì ác cảm đối với tôi, trong lúc anh thông báo tin tức rõ ràng và có tình có lý, tôi bắt đầu suy nghĩ ít hơn về nhiệm vụ trước mắt của mình

mà nghĩ nhiều hơn về Hili. Tính cách anh đang định hình trong đầu óc tôi. Anh bảo tôi rằng, suốt mấy năm trời anh đã tham gia Sở Hàng không Y tế, là cơ quan cử thầy thuốc tới các trạm hẻo lánh. Dần dần, tôi bắt đầu coi anh là một anh chàng tuyệt vời và hy vọng là mình đã tìm cách xóa được cái ấn tượng sỗ sàng lúc đầu tôi đã gây ra. Có lẽ tôi đã thành công, bởi anh mời tôi dùng chung nước trà và bánh xăngđuých mà anh mang theo trong một cái phích và một cái hộp các-tông.

Thời gian trôi nhanh. Tôi tưởng còn lâu mới đến nơi, thì anh đã chỉ một dãy núi thấp và hỏi xem tôi có nhận ra đường băng phía bên này là dãy núi cùng ba, bốn nóc trại nằm giữa những căn nhà phụ nhỏ hơn tạo thành trạm truyền giáo Xlâyđơn Oatơ. Mặt trời hầu như rọi thẳng vào máy bay và trong ánh nắng chói chang ấy, tôi chẳng nhìn thấy gì mấy, mặc dù đã đeo kính râm. Máy bay lượn vòng, thấp dần, thấp dần, rồi đụng nhẹ xuống mặt đất và chúng tôi hạ cánh.

Khi tôi trèo xuống đất, cái nóng ban trưa trùm lên tôi như một tấm chăn đang rực cháy. Trừ một người, tất cả những người đến bên đường băng đều xúm xít quanh Hili như đàn ruồi quanh một hũ mật ong. Nào thuốc tẩy uế, nào thuốc men... Một người bề ngoài có vẻ là thợ máy muốn biết chiếc bánh răng xe "Jip" đã được chuyển đến chưa. Tôi nhớ là khi còn đang hy vọng rằng cái xe mà anh ta đề cập tới không phải là xe của công ty chúng tôi, thì cùng lúc ấy một anh chàng mảnh khảnh, nước da ngâm ngâm, khuôn mặt trẻ trung bị khuất dưới chiếc mũ phớt rộng vành, tự

giới thiệu là Kết Tơnbul, nhà địa chất trẻ tuổi của chúng tôi, và nói luôn cái tin khiến tôi bối rối là chiếc xe "Jip" của chúng tôi bị hỏng vì vỡ bánh răng. Thật là một sự khởi đầu đáng buồn.

Phản ứng đầu tiên của tôi là liếc nhìn đồng hồ đeo tay một cách sốt ruột như một kẻ chờ đáp tàu hỏa. Tôi có 3 ngày để hoàn thành công việc và mười ngày để báo cáo về Caliphonia trước khi chuyển sang một sứ mệnh khác. Cái tin kia thật đáng nguyền rủa.

Có lẽ, tôi đã chào hỏi những vị chủ nhà - vợ chồng mục sư Xitli[1] điều khiển trạm truyền giáo - một cách ít lịch sự nhất. Tôi chẳng chú ý gì mấy đến đàn ông, đàn bà hoặc trẻ con và lại càng ít chú ý hơn đến những điều họ nói, khi dẫn tôi rời đường băng về ấp trại. Người bốc vác da đen ở trạm mang hành lý cho tôi cứ toét miệng ra cười với tôi, phô hàm răng chắc nịch ánh lên trong cái miệng rộng, trong khi đó Tơnbul cứ nhắc đi nhắc lại rằng chiếc xe "Jip", đã bị hỏng 3 hôm trước và anh đã tranh thủ cơ hội đầu tiên để kiếm phụ tùng thay thế. Anh muốn biết chờ thêm một ngày nữa, có thực sự ảnh hưởng nhiều lắm không. Tôi chỉ lặng lẽ nhìn anh và anh đỏ mặt lên rồi nín thinh. Ngay lúc ấy, tôi chẳng cần quan tâm về việc anh không thoải mái thế nào; anh được trả lương cao và chúng tôi có quyền chờ đợi mọi việc phải chu đáo ở mức cao nhất.

Vợ chồng mục sư Xitli dẫn tôi vào một gian phòng ngủ khá rộng rãi và đầy đủ tiện nghi, cửa ra vào có rèm và

---

[1] Các mục sư theo đạo Tin lành được phép lấy vợ (N.D.)

các cửa sổ không hướng về những dãy núi mà lại nhìn ra những đồng cát mênh mông đầy rừng thấp, bụi rậm và có sắc. Tương phản với ánh nắng chói chang bên ngoài, căn phòng hầu như tối tăm vì đã được một tấm vải bạt che ngang hàng hiên. Bỗng một luồng gió phả hơi nóng vào mặt tôi. Cánh cửa ra vào sập lại. Ruồi nhặng kêu vo vo.

Sau khi trình bày là chẳng mấy chốc người ta sẽ dọn bữa trưa, hai người cáo lui để tôi sửa soạn nghỉ ngơi, song tôi chẳng còn bụng dạ nào mà mở hành lý để lấy ra, thậm chí là những thứ cần dùng nhất. Tôi chỉ ngồi lên giường, chằm chằm nhìn qua bức rèm suy nghĩ xem làm thế nào để khắc phục được sự chậm trễ một cách tốt nhất. Lờ mờ ở phía xa, tôi nhìn thấy những tốp người bản xứ chuyển động giữa những túp lều xiêu vẹo làm bằng gỗ và tôn, cỏ và giẻ vải bố. Hình như có nhiều chó hơn là trẻ con và bằng vào những cái mà tôi nhìn rõ được thì những người thổ dân ấy nom cũng lôi thôi như những túp lều của họ. Nhưng tôi đến đây đâu phải để tiến hành những nghiên cứu về xã hội và những gì tôi nhìn thấy cũng không gây nhiều ấn tượng bằng tình trạng bế tắc hiện thời của tôi.

Tuy vậy, thời gian cứ trôi đi, hầu như tôi càng khó lòng vùi đầu vào những mối lo riêng của mình như một con đà điểu vùi đầu vào cát.

Suốt bữa ăn trưa vui vẻ do một cô gái dọn ra, mục sư Alơn Xitli dồn dập hỏi tôi về những vấn đề mà rõ ràng hiếm khi ông có thể thổ lộ với những người ngoài cuộc. Chằm chằm nhìn tôi bằng đôi mắt màu xanh nước biển trên khuôn mặt hồng hào của mình, ông tuôn ra một tràng tin

tức mà nếu tóm tắt một cách thích hợp, có thể làm cơ sở cho một bản báo cáo về điều kiện sống của thổ dân khu vực Xlâyđơn Oatơ.

- Thưa ông, ước gì ông biết được, - thỉnh thoảng mục sư lại nhắc lại, - công việc của chúng tôi trở nên lộn xộn như thế nào kể từ khi những kẻ bất hạnh khốn khổ kia bị lùa về hướng tây, ra khỏi vùng Maralinga, ước gì ông biết được, và nghe như thể ông ta tin rằng vì là một người Mỹ, chừng mực nào đó tôi cũng đáng bị khiển trách, trong khi tôi chỉ có thể suy luận chính phủ Ôxtrâylia cóc cần biết đến việc thổ dân sống hay chết.

Tất cả những điều ông nói - mà tôi không thể không nói thêm giọng điệu ông nghe có vẻ sùng đạo chẳng kém gì vợ ông , một bà béo tốt nom sạch sẽ, nhẵn nhụi như một quả trứng đã bóc vỏ - chắc chắn đã lộ ra là những thổ dân bị xua đuổi lang thang quanh trạm truyền giáo của họ thiếu thốn hầu hết những thứ cần dùng cho đời sống.

- Suy dinh dưỡng, sẩy thai, mù lòa, trẻ em chết, - ông mục sư vừa nói vừa điểm tên từng thứ tệ nạn trên đầu ngón tay mình, - bệnh tật và bị bỏng vì cháy, cùng các loại tệ nạn khác rất phổ biến trong bọn họ. Nước thì khan mà quanh đây lại hiếm dã thú, có Thượng đế chứng giám, việc lo liệu vượt quá sự quan tâm về tinh thần và chăm sóc thuốc men đầy đủ hiện nay quả là ngoài khả năng chúng tôi.

- Vâng, - tôi nói, - đúng thế !

Song cứ bằng vào vẻ mặt khó chịu mà anh phi công Hili nhìn tôi từ phía bên kia bàn, tôi cho rằng thái độ của

mình có vẻ tàn nhẫn.

- Nhưng thưa ông, - mục sư Xitli vẫn khổ sở trình bày, - ông sẽ thấy tận mắt.

Tơnbul từ trước vẫn băn khoăn quan sát tôi, lúc này tham gia vào cuộc trao đổi bằng lời đề nghị dẫn tôi đi khắp trạm trong khi chúng tôi chờ chữa chiếc xe "Jip".

- Ông Tơnbul nghe đây, - tôi bảo anh. - Chúng tôi có việc phải làm, - và tôi lại liếc nhìn đồng hồ đeo tay như một du khách sốt ruột. - Chúng ta không thể thuê được một chiếc xe nào ở trạm mà dùng một ngày à ?.

Câu hỏi đó khiến mọi người ngây ra nhìn tôi chằm chằm, rồi tiếp đến là một loạt phỏng đoán. Rõ ràng, ngày đã xế chiều rồi, chẳng thể nào đi đâu được nữa. Hoặc giả tôi không sợ mệt mỏi vì cuộc hành trình hoặc không khó chịu vì cái nóng ? Liệu đợi đến sáng hôm sau có hơn không ? Tôi phủ nhận tất cả những lập luận ấy.

- Tôi có một chiếc Đốtgiơ cổ. - Cuối cùng ông mục sư tuyên bố, - song theo tôi không nên liều dùng xe ấy vào những cuộc hành trình dài.

- Trước khi biết đọc, biết viết, tôi đã từng đi các loại xe Đốtgiơ. - Tôi nói khá đúng sự thật. - Tôi sẵn sàng thuê chiếc xe ấy, ông Xitli ạ. Tiền không thành vấn đề.

Khía cạnh thương mại của câu nói ấy hình như khiến ông mục sư mếch lòng.

- Ồ, thưa ông, tôi sẵn lòng cho ông thuê thôi, - ông nói, - có điều tôi lo về chuyện an toàn của ông.

- Tôi sẽ liều. - Tôi vừa nói vừa liếc nhìn Tơnbul, anh ta chẳng có tư cách gì để phản đối bất kỳ lời gợi ý nào của tôi.

Và thế là sau một hồi bàn bạc ngắn gọn, chúng tôi quyết định sẽ mạo hiểm về phía dãy núi đá gần nhất, cách đó 150 dặm về phía đông nam, là nơi Tơnbul đã có những phát hiện đầu tiên về nicken. Giôây - bác lao công người bản xứ ở trạm - sẽ cùng đi với chúng tôi. Chúng tôi sẽ đem theo nước, đồ ăn, dụng cụ cắm trại và nếu trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ mà chúng tôi không trở về, thì anh thợ máy sẽ phải đi tìm bằng xe "Jip". Kế hoạch nghe có vẻ hết sức rõ ràng và trước hết là tiết kiệm được thời gian. Có lẽ tôi đã mỉm cười lần đầu tiên kể từ lúc đến đây.

Quả thực, chiếc Đốtgiơ ấy rất cổ : một chiếc xe du lịch đợt 1892 - 1929 đã ọp ẹp mà phải tốn công sức lắm mới có thể tìm thấy ở nước Mỹ ngày nay. Đó là loại xe tôi đã tập lái hồi mười bảy tuổi và hình dáng nó khiến tôi nhớ lại cái thời vui nhộn phá phách ở trường cao đẳng, tám đứa chúng tôi chồng chất lên xe, phóng thục mạng, bằng cho mãi đến lúc xe hết xăng.

Tôi nhớ là lúc nào cũng có một người nào đó bảo : "Cái xe này bền lắm - cứ chạy hết tốc lực !" - Song đó là vào những năm ba mươi về trước, còn bây giờ là năm 1956, nghĩa là hai mươi sáu năm nay tôi không ngó ngàng đến máy móc hoặc gần một chiếc xe hơi. Mà cái phương tiện vận tải của đức cha Xitli cũng chẳng trẻ ra chút nào.

Song cái xe đã nhúc nhích ngay khi Tơnbul ấn bộ khởi động và máy chạy đều, phát ra những âm thanh êm

êm. Các lốp xe nom chắc chắn và có một chiếc dự trữ, các thứ dụng cụ đầy đủ, xăng dầu đủ dùng và bộ tản nhiệt chặt khít, những chiếc rèm bằng giấy bóng mờ ở hai bên không thiếu chiếc nào, còn cái còi thì vừa mới thay.

Lúc này vợ chồng Xitli đang nêu lên những đặc tính chiếc xe của mình, như thể họ tìm cách bán nó và họ nhìn chúng tôi bằng những bộ mặt hăm hở khi chúng tôi lúc lắc chầm chậm rời khỏi ấp với Giôây, bác lao công của trạm, và một đống bánh răng chồng chất trên ghế sau, còn tôi và Tơnbul thì ngồi phía trước. Tôi nhớ, lúc ấy tôi đã băn khoăn tự hỏi không biết những con dê mà chúng tôi phát hiện ngay trong vùng ngoại vi của trạm sống bằng cái gì - hầu như bất cứ nơi nào cũng rất ít cây cỏ.

Một lúc lâu, Tơnbul lặng im để lái xe cho thật chắc. Khi thấy anh lái chiếc Đốtgiơ cẩn thận và không phải không có tay nghề, len lỏi qua các bụi rậm và các đồi cát để bám vào những mạch đường ít gồ ghề nhất, tôi thấy mến anh hơn so với khi mới gặp ban đầu.

Tôi bao giờ cũng thận trọng với người khác cho đến khi họ tỏ ra có thiện chí, và giờ đây Tơnbul đang tỏ ra có thiện chí.

Chẳng mấy chốc, anh bắt đầu tường thuật tỉ mỉ về công việc thăm dò hiện trường của mình và những điều anh thổ lộ nghe có vẻ đầy hứa hẹn.

- Ông sẽ có địa vị khá đấy, nếu như tất cả điều đó được xác minh là đúng. - tôi bảo anh và anh đỏ mặt lên vì sung sướng.

Dần dà, tôi vui vẻ lên, đặc biệt từ lúc cái nóng giảm xuống đôi chút và tôi bảo Giôây nhấc hai bàn chân đi đất của bác ta khỏi thành ghế phía trước và kéo những bức rèm hai bên để bụi vào thật ít.

- Ông xem có thể tăng tốc độ xe một chút không ? - Cuối cùng tôi hỏi Tơnbul.

- Tôi không biết, ông Cocxơ ạ, - anh nói. - tôi không biết. Có lẽ chúng ta gấp gấp một cách từ từ thì hơn.

- Mà nhấn mạnh cái phần gấp gấp ấy. - Tôi bảo anh, giọng khá vui vẻ.

Thế là anh cúi đầu xuống và lát sau anh cho chiếc Đốtgiơ chạy tốc độ 30 dặm, cái tốc độ mà tôi cho là hợp lý. Có cái gì đó kêu lạch cạch ở phía sau và khi quay lại bảo Giôây xem có chuyện gì tôi thấy bác đang ngủ trên ghế sau trong khi nước từ cái thùng bốn galơn[1] của chúng tôi ộc ra và chảy liên tục vào một lỗ hổng trên sàn xe như một dòng suối.

- Dừng xe lại !. - Tôi quát Tơnbul và có lẽ tốt hơn hết là không nên nói nhiều về những điều tôi nói với bác lao công sau khi đánh thức bác ta dậy.

- Xin lỗi ông chủ, xin lỗi. - Giôây vừa nói đi nói lại bằng tiếng Anh "bồi" của mình vừa ngước nhìn tôi với vẻ mặt sợ hãi trước khi vặn nắp thùng nước lại, - vẫn còn nhiều nước lắm ạ !

Nhưng cứ bằng vào trọng lượng cái thùng, chúng tôi đã mất già nửa số nước.

---

[1] Đơn vị đo lường, ở Anh là 4,5 lít, ở Mỹ là 3,78 lít (N.D.)

- Ý ông thế nào ? - Tôi hỏi Tơnbul.

- Tôi nghi chúng ta có thể cứ liều xem. - Anh trả lời. - Giôây biết chỗ có những vũng nước, phải không Giôây ?

- Tôi biết khối vũng nước. - Giôây nói.

- Thế thì ông cứ thử liều xem. - Tôi nói.

Tuy không phải là một người mê tín, thế nhưng chuyện rủi ro này vẫn khiến tôi e sợ phần còn lại của cuộc hành trình. Suốt ngày hôm ấy, chẳng có chuyện gì trơn tru. Cái ý nghĩ họa vô đơn chí khiến tinh thần lạc quan của tôi giảm sút rất nhiều. Căng thẳng và lầm lì, tôi bắt đầu lắng nghe xem có âm thanh nào đáng ngại có liên quan tới chiếc xe hoặc hành lý của chúng tôi không. Mà quả có thật. Chẳng mấy chốc, tôi nghe thấy một âm thanh lách cách nhè nhẹ hình như phát ra từ phía trục chuyển động mỗi khi Tơnbul vượt quá tốc độ 30 dặm.

- Ông đã kiểm tra mức dầu nhờn trong trục chưa đấy ? - Tôi hỏi.

- Chưa, ông Cocxơ ạ. - Anh thú nhận.

- Tôi nghe có những tiếng động, - tôi nói, - ống hãy để tôi lái xe.

Anh dừng xe để tôi cầm tay lái và trong nửa tiếng đồng hồ sau tôi sang số hai, lái chiếc Đốtgiơ chầm chậm, theo sự chỉ dẫn của Tơnbul, giữa các bụi rậm và đồi cát. Tiếng cành cạch đã ngừng, nhưng một lát sau tôi lại nghe rõ hơn. thỉnh thoảng có những chú thỏ băng qua đường và một lần, tôi nhìn thấy, có lẽ là hai con chuột túi, nhảy vọt vào một vùng bằng phẳng, ở phía xa. tôi để ý thấy khói cuộn

hình trôn ốc tỏa lên chân trời quang đãng. Song khi đến nơi ấy, chúng tôi chẳng thấy thổ dân đâu mà chỉ thấy những cỏ gai bị đốt thành than và những cành cây cháy âm ỉ.

- Bọn này đã chạy xa rồi, - Giôây vừa nói vừa hất hàm về phía vệt đi trên cát.

Tôi quyết định liều mạng cho xe chạy nhanh hơn, xong vừa mới làm như vậy thì những tiếng cành cạch lại vang lên, lúc này nghe rõ hơn. tôi nhấc chân ra khỏi chân ga và để mặc cho xe tự dừng lại. Song trước khi xe dừng hẳn, một tiếng vỡ loảng xoảng bỗng vang lên như thể toàn bộ lòng của nó rơi xuống mặt đất.

Tôi hãm phanh cho chiếc Đốtgiơ đỗ hẳn.

- Lạy chúa ! - tôi nói.

- Trời hại chúng ta rồi ! - Tơnbul nói, sau khi đã chui vào phía sau gầm xe, tháo chỏm trục truyền lực ra và thò một ngón tay vào phía trong. - Khô không khốc. Vì thế mà vỡ.

- Chắc chắn ông sẽ phải để cái xe mục ra trên miền đất hoang vu này ! - tôi nói, giọng bực bội và chửi đổng.

Thực ra, trước đó, nếu tôi không bảo Tơnbul tăng tốc độ chiếc Đốtgiơ thì bây giờ có thể chiếc xe vẫn còn chạy được. Nhưng khi ấy tôi không nghĩ ra. tôi phát điên phát rồ và cũng chẳng giấu giếm điều đó. Chúng tôi lâm vào cảnh khó khăn thế đấy : bị kẹt giữa một bên là địa ngục, một bên là nước sâu - tôi có nói là nước sâu không nhỉ ? Thật là một hình tượng đáng buồn, nếu như quả có một hình tượng như thế : Miền đất xung quanh tôi nom khô khốc, có lẽ

cũng giống như những bộ phận bị cháy của cái trục ôtô khi chúng tôi tháo ra.

Tơnbul bắt đầu kích chiếc xe lên và tôi hỏi anh ta làm như vậy để làm quái gì. Quả nhiên chẳng mấy chốc anh nhận ra rằng có cố sửa chữa mà không có phụ tùng thay thế thì cũng vô ích. tôi nghĩ tất cả những việc anh làm là cố gắng tuyệt vọng để tôi vui lòng, và tôi bắt đầu cảm thấy ái ngại cho anh. Suy nghĩ cho cùng thì anh là một chàng thanh niên, một sinh viên đại học non nớt hệt như tôi ngày trước, và hầu như mọi việc anh làm điều tốt đẹp cho đến khi cái chuyện vớ vẩn kia xảy ra. Mà, mẹ kiếp, hai chiếc xe bị tê liệt và cùng một ngày ! Quá ư là tệ hại !

Sau khi đã bàn bạc mọi điều hơn lẽ thiệt, cuối cùng chúng tôi quyết định sẽ chẳng làm gì hơn là ở lỳ một chỗ mà chở chiếc xe "Jip". Thế là vào khoảng thời gian mặt trời bắt đầu lặn, chúng tôi đã sẵn sàng chờ đêm đến. Giôây thu nhặt nhiên liệu và khéo léo nhóm một bếp lửa, trên đó chúng tôi nấu ít nước trà với phần tốt nhất trong số nước còn lại. "Vũng nước - gần thôi !" Giôây cứ luôn mồm trấn an chúng tôi trong lúc chúng tôi chia khẩu phần và ăn trước khi đi ngủ.

Đêm buông xuống như một bức rèm. Trong màn đêm đầy sao, mặt đất nguội nhanh và không khí trở lạnh.

Tuy tôi đã nhích cái túi ngủ lót lông cừu của mình vào gần đống lửa mà người vẫn lạnh cứng ở những chỗ cái nóng của lửa không đến được trực tiếp. Mỗi lần mở mắt ra trong suốt giấc ngủ chập chờn của mình, tôi lại thấy hình dáng Giôây vai phủ một tấm mền đang giữ cho ngọn lửa

rực cháy. Lão Giôây tốt bụng, tôi nghĩ chúng tôi sẽ còn cần đến lão : Tơnbul ngủ say, thậm chí không động cựa khi tiếng hú của những con chó hoang từ xa vọng lại làm khuấy động cái tịch mịch của ban đêm. Những giấc mơ hồi học sinh về phiêu lưu mạo hiểm thoáng qua trong đầu tôi cho đến khi tôi nhớ ra rằng sứ mệnh dở dang của tôi lúc này đang có nguy cơ bị thất bại hoàn toàn.

Tôi ngủ dậy trước bình minh và đánh thức Tơnbul trong lúc Giôây chăm chú quan sát tôi.

- Tý nữa chúng ta sẽ đến vũng nước. Vũng nước gần thôi. - Bác ta vừa nói vừa hất cái cằm lên theo cách đặc biệt của mình, và lại nhắc lại những điều mà bác biết mọi người sẵn lòng muốn nghe.

- Nhất định rồi, Giôây ạ. - Tôi nói. - Sau bữa sáng.

Khi ánh sáng đầu tiên của ngày ló qua những đồi cát, Tơnbul và tôi theo Giôây trên con đường không thể sai trật của bác, đi về hướng đông. người thổ dân ấy bước nhanh và thoải mái, mặc dù phải mang chiếc thùng cồng kềnh, trong khi đó Tơnbul và tôi mỗi người chẳng mang gì ngoài chiếc bình đựng lượng nước cuối cùng của mình. Sau hai giờ đồng hồ len lỏi giữa cát và cỏ gai đâm nhói vào chân như những mũi kim, tôi bắt đầu cảm thấy bước đi khó khăn. Và một giờ đồng hồ sau, khi cái nóng ập xuống chúng tôi như những ngọn lửa lò nung, tôi nói :

- Cái vũng nước ở chỗ đếch nào ấy nhỉ ? - Tôi hỏi, giọng khàn khàn vì cổ họng khô cháy.

- Gần thôi. - Giôây trả lời.

Tôi nhìn Tơnbul :

- Cái bọn da đen này nói, "gần thôi" nghĩa là thế nào nhỉ ? - Tôi hỏi.

Tơnbul nhún đôi vai hẹp của mình.

- Cái đó còn tùy, - anh nói.

- Quá xa. - Tôi bảo anh.

Đồi cát, có gai, bụi rậm, chẳng có dấu hiệu nào của sự sống, chẳng có những dãy núi đá là nơi có thể có nước. Chúng tôi lê bước về phía trước, hoặc đúng hơn là tôi lê bước, vì Giôây vẫn bước dễ dàng và Tơnbul thì chịu đựng cũng khá. Cuộc hành trình tỏ ra gian khổ hơn tôi dự liệu. Cuối cùng tôi dừng lại chỉ vì kiệt sức và bằng một động tác bốc đồng, tôi uống cạn chỗ nước còn lại trong bình, còn Tơnbul thì vẫn giữ vẻ im lặng, nom hơi có vẻ khinh bỉ đối với tôi.

- Có chuyện gì thế ông ? - Tôi hỏi, vẻ thách thức.

- Chỉ chút xíu nữa là đến vũng nước. - Giôây nói. Nếu còn sức lực thì tôi đã lấy cái bình rỗng của mình mà ném vào mặt lão.

Chúng tôi tiếp tục đi cho đến khi Giôây bỗng dừng lại như thể bị rắn mổ. Lão nhìn chằm chằm vào một cái gì đó trên mặt đất, và khi đến gần, chúng tôi thấy bên một bụi cây khô, là một đứa trẻ, một đứa trẻ người bản xứ, đã chết. Con bé nhỏ nhắn, tóc dài lòng thòng và không thể nào quá 2 tuổi. Hai cánh tay nó như que củi, cái bụng nó phồng lên. Lưỡi và hai mắt nó lòi ra ngoài như thể bị bóp cổ. Ruồi nhặng vo vo quanh đầu nó.

Quang cảnh ấy khiến các phản ứng của tôi bị chùn lại. Lâu lắm tôi mới hỏi được 1 câu và được biết rằng đứa

trẻ hình như đã bị cha mẹ giết đi để chấm dứt sự hành hạ của cái khát.

- Vũng nước cách đây bao xa ? - Tôi nói với Giôây lần cuối cùng.

- Bây giờ sắp đến rồi. - Lão vừa buồn bã trả lời vừa lắc đầu và chỉ dãy núi ở chân trời. Bố mẹ đứa bé này không biết có hồ nước.

*

* *

Bọn họ nằm dưới chân một tảng đá che chở cho vũng nước nông như một cái mái - bốn người thổ dân gầy guộc gần như lõa lồ : một đàn ông, một đứa trẻ và hai phụ nữ. Một ngọn giáo nằm bên cạnh người đàn ông và một cây bummơrăng[1]. gần hai người phụ nữ, thằng bé con ngồi giữa đám đồ đạc linh tinh, đôi mắt sáng rực của nó nom có vẻ to thêm trên khuôn mặt héo hon.

Giôây nhìn họ bằng một vẻ thù địch, rồi tìm cách nói với họ, song họ chỉ ngẩng đầu lên một cách mệt mỏi. Người đàn ông trả lời bằng mấy từ nhỏ giọt mà cả Tơnbul lẫn Giôây hầu như đều không hiểu.

- Họ là người vùng Maralinga. - Cuối cùng Giôây nói sau khi đã trao đổi được với họ bằng ngôn ngữ ký hiệu. - Họ từ xa đến đây - và lão chỉ về phía đông.

Tôi nhìn về phía đó và thấy chỏm một đám mây hình nấm đang dâng thẳng lên, trông thật lạ lùng.

- Mưa. - Tôi nói.

---

[1] Vũ khí của thổ dân ở Ôtrâylia (N.D.)

- Không phải mưa. - Giôây thét lên, hoảng hốt. - Từ trước tới giờ tôi chẳng thấy đám mây nào như đám mây này. Không, không. - Rồi lão chạy đi và nấp sau tảng đá.

Những người thổ dân bên hố nước rùng mình. Họ rên rỉ thảm hại. Đôi mắt họ thể hiện một nổi sợ ghê gớm và rồi tôi hiểu, hiểu một cách vô cùng chắc chắn rằng, quả bom hạt nhân kia đã nổ ở Maralinga. Một lóe chớp của ánh sáng tàn lụi xóa sạch ảo ảnh trong tâm trí tôi về lão ăn mày gần khách sạn Xintli, những thổ dân sợ hãi trong vùng ngoại vi trạm truyền giáo, đứa bé chết bên bụi rậm. Đám mây cao mãi và những ký ức của tôi trở về. Song tôi chỉ có thể nói với Tơnbul :

- Giôây nói đúng. Không phải là mây mưa, bom nổ đấy.

Mãi một lúc sau, Giôây mới từ sau tảng đá chạy ra. Cái bộ dạng vô tư lự, hầu như có vẻ trẻ con của lão đã tan biến khi lão nhìn chúng tôi vục xuống vũng nước mà uống, trong lúc đám thổ dân thu hết sức tàn để rút lui. Nom lão có vẻ hãi hùng như một kẻ bị roi vọt.

- Nào, Giôây, - tôi bảo lão, - uống đi ! - Song lão chẳng để ý đến tôi. Lão cứ thản nhiên chăm chú nhìn chân trời phía đông và không động cựa cho mãi đến khi màu xanh của bầu trời bắt đầu ló ra qua đám mây hư ảo đang bốc lên.

"Trữ lượng các mỏ nicken rất vừa sý". Mười hôm sau tôi báo cáo cho người đứng đầu Tổng công ty thăm dò khoáng sản như vậy.

Ông ta chỉ cần biết có thế.

NGUYÊN TÂM *dịch*

Thomas Mann
(Đức)

LUIDƠ BÉ BỎNG

Có những cặp nên vợ nên chồng kỳ lại đến nỗi óc tưởng tượng văn học lão luyện nhất cũng không tài nào hình dung nổi. người ta đành phải chấp nhận chúng như khi trong rạp hát người ta chấp nhận những sự kết hợp oái oăm giữa tuổi già và tài năng với vẻ đẹp và sự tươi trẻ, những thú được đặt ra như điều kiện có trước; tạo cơ sở cho một kết cấu mang tính toán học của một dàn cảnh.

Còn nói đến bà vợ ông luật sư Yacôby ư, bà ta quả là trẻ và đẹp, một người phụ nữ với những vẻ quyết rũ khác thường. Cách đây cứ cho là ba chục năm, bà ta đã được làm lễ đặt tên theo những cái tên Anna, Macgaret, Rosa, Anialie; nhưng bằng cách nối những chữ cái đầu của chúng lại, từ đấy đến nay người ta chẳng gọi bà ta bằng cái tên nào khác ngoài cái tên Amra lạ tai, phù hợp với tính cách của bà ta hơn bất cứ một cái tên nào. Bởi vì mặc dù mái tóc thô sợi, mềm mại - mà bà ta rẽ ngôi lệch trên cái trán hẹp xõa xuống hai bên, chỉ có màu nâu của hạt dẻ, thì nước da của bà ta vẫn cứ để lộ một màu vàng dịu hoàn toàn theo kiểu phương nam và sậm màu, làn da đó phủ lên cái hình thể lồ lộ cũng chín mọng như vậy bởi mặt trời phương nam; và với cái vẻ sum sê sung sức của

cây cỏ mà lại thiếu hoạt động, hình thể ấy gợi nhớ đến một vị nữ hoàng Hồi giáo. Đúng với ấn tượng mà thể xác cử động có vẻ uể oải của bà ta gây ra, lý trí của bà ta rất có thể bị con tim chế ngự. Bà ta chỉ cần nhìn vào người nào đó mỗi một lần thôi với đôi mắt nâu ngây ngô của mình, bằng cách rướn đôi lông mày đẹp nằm ngang trên cái trán hẹp theo một kiểu rất độc đáo khiến người ta phải nao lòng và thế là người ta biết được điều đó. Nhưng chính bà ta, bà ta cũng chưa đủ ngốc để mà không biết điều này. Chẳng cầu kỳ gì, bà ta cố không để lộ mình bằng cách rất hiếm khi mới nói và nói rất ít : Đối với một người đàn bà đã đẹp lại làm thinh, thì chẳng còn lấy một điều gì để mà chê nữa cả. Ồ cái từ "Ngốc" chắc hẳn là hết sức thiếu chính xác để lột tả bà ta. Ánh mắt của bà ta không phải chỉ ngốc nghếch mà còn mang một vẻ xảo quyệt dâm đãng nào đó, và người ta hẳn cũng nhận thấy rằng bà ta không phải đần đến mức sẵn sàng gây ra những tai họa chẳng lành... Ngoài ra khi trông nghiêng, cái mũi của bà ta vẻ là hơi thô và mập quá, nhưng cái miệng tươi mọng và rộng của bà ta thì thật là đẹp tuyệt, mặc dù nó chẳng mang một nét biểu hiện nào khác cả, ngoài biểu hiện về mặt nhục dục.

Vậy là người đàn bà đáng ngại này làm vợ của ông luật sư trạc bốn mươi tuổi Yacôby, và ai trông thấy không ta cũng đều kinh ngạc. ông ta béo phị, cái ông luật sư ấy, ông ta lại còn hơn cả béo phị nữa cơ, ông ta đích thực là một gã đàn ông khổng lồ ! Đôi chân thường xỏ vào hai ống quần màu xám tro của ông ta nom chẳng ra hình thù gì, cứ hệt như hai cái cột đình làm người ta liên tưởng đến những cái chân của một con voi, cái lưng phồng lên, nung núc

những mỡ của ông ta là lưng của một con gấu, và phủ lên cái bụng tròn quay to đến dị thường của ông ta là một chiếc áo vét nhỏ màu xanh xám nom rất khác thường mà ông ta hay mặc, cố gắng lắm mới cài được lấy một chiếc khuy nên, nó liền bung ra ngay hai bên và tụt xuống đến tận vai mỗi khi chiếc khuy bị buột ra. Trên tấm thân đồ sộ hầu như không có đoạn nối tiếp của một cái cổ, ấy vậy lại nằm ngay ngắn một cái đầu tương đối bé, với đôi mắt nhỏ, him híp và ướt át, cái mũi ngắn, mập và đôi má phì phị xệ xuống mà ở giữa hai cái má đó cái miệng tí xíu với hai khóe miệng trễ xuống rầu rĩ chẳng còn nhìn thấy đâu cả. Cái sọ tròn cũng như bên trên mép phủ đầy những sợi lông vàng sáng màu thưa thớt và cứng, để cái phần da không được che đậy gì cứ lộ ra bóng nhẫy ở khắp chỗ như da của một con chó được cho ăn đẫy quá... Ôi dào ! Cả thiên hạ cũng phải nhận rõ là cái thân thể phì nộn của ông luật sư chẳng có gì là mạnh khỏe cả. Cái cơ thể khổng lồ cả về chiều ngang, lẫn chiều dài của ông ta quá ục ịch chẳng có một tí cơ bắp nào và thường thường người ta có thể quan sát thấy một cơn nhồi máu đột ngột trào lên trên khuôn mặt hùm hụp của ông ta để rồi cũng đột ngột như vậy nó lại nhường chỗ cho một cơn làm cho mặt mày ông ta méo xệch lại một cách khổ sở.

Việc hành nghề của ông luật sư rất hạn chế, nhưng vì ông ta có được một gia tài khấm khá một phần nhờ bên vợ, nên cặp vợ chồng - nói thêm là không có con cái gì cả - ở cả một tầng gác đầy đủ tiện nghi tại phố Kaidơ và duy trì một quan hệ xã giao rất nhộn nhịp, mà chắc chắn chỉ là theo ý thích của bà Amra, bởi vì không thể nào cái ông luật sư, con

người dường như chỉ tham gia vào mọi chuyện với một tâm trạng bị hành hạ, lại cảm thấy sung sướng vào những lúc như vậy. Tính cách của người đàn ông béo phệ này thật hết sức kì dị. Không có một người nào đối với tất cả thiên hạ lại lịch sự hơn, xởi lởi hơn, nhũn nhặn hơn là ông ta. Nhưng có thể chả phải nói ra, người ta đều nhận thấy cái thái độ đối xử quá ư thân thiện và xun xoe của ông ta là bị ép buộc bởi những nguyên do nào đó, nó dựa trên một tính khí nhu nhược và một tâm trạng bất ổn, và người ta cảm thấy bị xúc phạm đến khó chịu. Không có ánh mắt nào xấu xa hơn ánh mắt của một người tự khinh bỉ chính bản thân mình, một kẻ đã vậy - do hèn nhát và kiêu ngạo - lại vẫn cứ muốn tỏ ra đáng yêu và thích làm đẹp lòng người khác : và đối với ông luật sư, theo tôi thừa nhận thì chẳng khác gì như vậy cả, một con người co rúm lại, gần như quá quỵ lụy ở mức độ khả dĩ giữ được cái danh dự cá nhân cần thiết. Ông ta có thể nói được với một mạđam mà ông ta mời vào bàn ăn như thế này : "Thưa quý bà, tôi là một con người tai quái, nhưng xin bà rủ lòng tốt mà..." Và cái câu ông ta nói ra chẳng phải tài cán gì trong việc tự giễu mình, mà nghe ngọt phát khé cổ, thảm hại và ghê tởm. Cái giai thoại sau đây, tương như như vậy cũng dựa trên sự thật : Ngày nọ, khi ông luật sư đang đi dạo, một lão người ở lỗ mãng kéo một chiếc xe chẹt rõ mạnh vào chân ông ta. Lão dừng xe lại quá muộn và quay mặt lại. Ngay lập tức, ông luật sư, - hoàn toàn bối rối chẳng còn biết làm gì, mặt mày nhợt nhạt với hai gò má giật giật, - kéo sụp hẳn cái mũ xuống và lắp bắp : "Xin ông tha lỗi cho tôi". Lên cơn phẫn nộ như vậy đấy. Nhưng cái ông khổng lồ kì dị này dường như lúc nào cũng bị lương tâm

xấu xa giày vò. Khi cùng bà vợ xuất hiện trên "Núi sơn ca", chỗ dạo mát chủ yếu của thành phố, giữa lúc thảng hoặc mới đưa một cái nhìn bẽn lẽn về phía bà Amra đang bước những bước nhún nhảy tuyệt vời, ông ta chào hỏi khắp xung quanh thật hết sức nhiệt tình, sợ sệt và đon đả, cứ như ông ta cảm thấy có nhu cầu phải hạ mình cúi đầu trước mỗi một viên trung uý và xin lỗi rằng ông ta, chính ông ta, là người đang hưởng quyền sở hữu đối với người phụ nữ xinh đẹp đó, và cái miệng của ông ta có vẻ xun xoe khốn khổ như thể muốn van xin người ta đừng nhạo báng mình.

Thế là phần nào cũng đã rõ : tại sao Amra lại lấy ông luật sư Yacôby; sự thể là như vậy. Nhưng về phần mình, ông luật sư lại yêu vợ, với một tình yêu quá đỗi nồng nàn, một tình yêu như vậy hẳn rất hiếm thấy ở những người có vóc dáng như ông ta, và quá đỗi quỵ lụy, đầy sợ sệt, nó thật phù hợp với phần bản tính còn lại của ông ta. Rất nhiều lần, vào những lúc đêm khuya, khi Amra đã đi nằm trong phòng ngủ lớn có những ô cửa sổ cao được treo những tấm rèm điểm hoa, gấp nếp, thì ông luật sư bước vào, nhẹ nhàng đến mức người ta không nghe thấy tiếng bước chân, mà chỉ nghe có tiếng rung chuyển chầm chậm của sàn nhà và của các thứ đồ gỗ, tiến đến cái gường nặng nề của bà ta, quỳ xuống và cầm lấy tay bà ta với một sự thận trọng vô hạn. Amra, trong trường hợp như vậy, thường rướn cao đôi lông mày trên trán, và lẳng lặng, với vẻ độc ác dâm dục, bà ta quan sát ông chồng khổng lồ bấy giờ phủ phục trước mặt mình trong ánh sáng yếu ớt của chiếc đèn ngủ. Còn ông ta, đôi tay lóng ngóng, vừa run rẩy thận trọng vén tay áo của bà ta lên vừa

áp khuôn mặt béo phị và rầu rĩ của mình vào cái khuỷu mềm mại của cánh tay đẫy đà màu nâu ngà, đúng chỗ những mạch máu nhỏ màu xanh hiện trên nước da sẫm màu. Ông ta bắt đầu nói bằng một giọng nghẹn ngào và thổn thức của một người mà ta có thể hiểu được đáng ra thường không nói như vậy trong cuộc sống hàng ngày. "Amra", ông ta thì thầm. "Amra yêu dấu của anh ! Anh không quấy rầy em đấy chứ ? Em chưa ngủ à ? Lạy Chúa, suốt ngày anh cứ nghĩ mãi một điều rằng em mới đẹp làm sao và anh yêu em biết nhường nào !... Em hãy chú ý này, điều mà anh muốn nói với em (diễn đạt được điều đó thật khó quá)... anh yêu em nhiều lắm, đến nỗi con tim anh nhiều khi thót lại và anh chẳng biết là anh phải đi đâu nữa, anh yêu em quá cả sức của anh ! Em hẳn là không hiểu được điều đó đâu, nhưng em sẽ tin anh như vậy, và em phải nói với anh dù một lần thôi, rằng em cũng sẽ hàm ơn anh tí chút về điều đó, bởi vì, em thấy đấy, một tình yêu như vậy, như tình yêu của anh đối với em, có cái giá trị của nó trong cuộc sống này... và rằng em sẽ không bao giờ phản bội và lừa dối anh, ngay cả khi em thậm chí không thể yêu anh được, nhưng do hàm ơn, chỉ do hàm ơn thôi... Anh đến với em, để cầu xin em điều đó, cầu xin hết sức nhiệt thành, hết sức thiết tha..." Và những lời diễn đạt kiểu ấy thường kết thúc bằng cái cảnh ông luật sư cứ nằm nguyên ở tư thế như vậy, không hề nhúc nhích, bắt đầu khóc ti tỉ và tức tưởi. Vậy mà Amra lại lấy làm động lòng, đưa tay vuốt những sợi lông đầu của ông chồng và nói rất nhiều lần với cái giọng kéo dài, an ủi và nhạo báng mà người ta nói với một con chó khi nó đến để liếm chân mình:

"Ờ! - ờ! - Ngoan lắm!"

Cách cư xử đó của Amra chắc hẳn không phải cách cư xử của một người đàn bà có đạo đức. Vả lại cũng đã đến lúc tôi nói toạc sự thật ra cho nhẹ người, cái sự thật mà cho đến bây giờ tôi vẫn giữ lại, cái sự thật thế này : rằng bà ta thế mà lại đã phỉnh gạt ông chồng, rằng bà ta, tôi nói, đã lừa dối ông ta, và cụ thể là với một tay tên là Anphơrết Loitơnơ. Tay này là một nhạc sĩ trẻ có năng khiếu, nhờ những bản nhạc mua vui nho nhỏ, mới hai mươi bảy tuổi đầu đã tạo cho mình một danh tiếng khá đẹp đẽ, một con người dong dỏng với bộ mặt trơ tráo, mớ tóc vàng buông lơi và những tia cười ánh lên ở trong đôi mắt, nom rất đắc ý. Gã thuộc vào cái loại những tiểu nghệ sĩ nọ của thời nay, những kẻ chẳng đòi hỏi ở mình nhiều lắm, mà trước tiên là muốn trở thành những người hạnh phúc và đáng yêu, sử dụng chút tài mọn dễ ưa của mình để tăng sự đáng yêu của cá nhân lên, và trong xã hội thì lại thích chơi cái trò vĩ đại ngây ngô. Trẻ con một cách cố tình, vô đạo đức, chẳng ngần ngại điều gì, vui vẻ, tự mãn theo cách riêng, và vẫn đủ lành mạnh để có thể tự lấy làm thích thú trong những căn bệnh của mình, cái tính kiêu căng của họ thực tế vẫn đáng yêu chừng nào nó còn chưa hề bị tổn thương. Thế nhưng hãy coi chừng những con người may mắn tầm thường, những tay diễn viên hý kịch này, một khi có điều bất hạnh hẳn hoi ập đến với họ, một sự đau khổ mà họ không muốn để nó đùa cợt với mình, một sự đau khổ không còn có thể làm họ đắc ý được nữa. Họ sẽ không hiểu được là phải chịu đựng bất hạnh một cách đàng hoàng, họ sẽ

chẳng còn biết phải "bắt đầu" thế nào với sự đau khổ nữa, họ sẽ suy sụp hẳn... Chỉ riêng điều đó không thôi tự nó cũng đã là một câu chuyện rồi. Ông Loitơnơ làm ra những thứ khá hay ho. Những bản Vanxơ và những bản Mazuyêka là chủ yếu, mà sự vui thú do chúng mang lại hơi bình dân quá cái mức (theo như tôi hiểu về điều này) để nhẽ ra chúng đã có thể được xếp vào hạng "Âm nhạc", giá như không phải bất cứ một bản nhạc nào trong số những bản nhạc này cũng đều chứa đựng một đoạn nho nhỏ độc đáo, một đoạn chuyển tiếp, một đoạn phụ họa, một đoạn chuyển hòa âm, một tác động bối rối nho nhỏ như thế nào đó, bộc lộ cái tính khôi hài và sáng tạo mà dường như vì chúng mà những bản nhạc đó được làm ra, là cái đã làm cho những bản nhạc đó trở nên thú vị đối với cả những người sành sỏi nghiêm túc. Rất nhiều khi hai nhịp đơn điệu này, bản thân nó mang nét gì đó u buồn và sầu muộn đến kỳ lạ, lại vang lên một cách đột ngột và nhanh chóng lắng đi trong không khí vũ trường náo nhiệt của những bản nhạc nho nhỏ.

Thế mà đối với tay đàn ông trẻ này. Amra Yacôby lại ấp ủ một thiện cảm cháy bỏng đáng để bị trừng trị, còn về phần mình, gã này cũng không đủ đạo đức để cưỡng lại những sự quyết rũ của bà ta. Người ta gặp nhau nơi này, người ta gặp nhau nơi khác, và một mối quan hệ không e dè gì nữa đã gắn bó cả hai lại với nhau kể từ nhiều năm tháng. Một mối quan hệ mà cả thành phố đã biết và cả thành phố đã bàn tán sau lưng ông luật sư. Còn đối với con người vừa được nhắc tới này thì sao ? Amra quá ngu để không hề cảm thấy bị lương tâm xấu xa giày vò và vì thế

cũng không để lộ ra với chồng. Còn ông luật sư, dù con tim lúc nào cũng bị những nỗi lo lắng và sợ hãi đè nặng đến mấy, cũng không thể mảy may nảy ra một ý nghi ngờ về vợ mình. Điều này cứ như là đã được thỏa thuận hoàn toàn.

Giờ đây, để làm rộn ràng con tim mỗi người, mùa xuân đã ập đến khắp vùng, và Amra nảy ra một ý nghĩ hết sức đáng yêu. "Coritxtian", bà ta nói. Ông luật sư tên là Cơrixtian. "Chúng mình sẽ làm một buổi liên hoan, một buổi liên hoan thật to để mừng bia xuân mới ủ xong - tất nhiên là hoàn toàn đơn giản thôi, chỉ có món thịt bê rán nguội, nhưng phải có mặt thật đông người".

"Chắc chắn rồi", ông luật sư trả lời. "Thế nhưng chúng mình hoãn nó lại, có lẽ là ít lâu, có được không em?"

Sau câu nói đó, Amra không trả lời gì cả, mà lập tức đi ngay vào những việc cụ thể.

"Sẽ có rất nhiều người đến dự, anh biết chứ, nên gian phòng của chúng mình ở đây sẽ trở nên quá chật chội, chúng mình phải thuê lấy một nhà hàng, một khu vườn, một gian phòng lớn kể từ ngoài cổng trở vào để có đủ chỗ và đủ thoáng. Cái đó rồi anh sẽ hiểu. Ngay từ đầu em đã nghĩ ngay đến gian phòng lớn của ông Vendêlin nằm dưới chân núi Sơn Ca. Gian phòng này đang rảnh và được nối chính với nhà hàng và xưởng bia bằng một hành lang. Người ta có thể trang trí nó theo kiểu ngày hội, có thể kê những dãy bàn dài vào đó và uống bia xuân. Người ta có thể nhảy ở đó và chơi nhạc, có lẽ cả diễn kịch một chút nữa, vì em biết ở đó có một sân khấu nhỏ - điểm mà em đặc biệt coi trọng... Ngắn gọn thế này : Đó phải là một buổi

liên hoan hoàn toàn độc đáo và chúng mình sẽ cùng giải trí một cách thật tuyệt vời".

Cái mặt của ông luật sư trong suốt lúc trò chuyện đã có hơi bệch ra, và hai khóe miệng của ông ta giần giật xuống phía dưới. Ông ta nói :

"Từ trong thâm tâm, anh rất vui mừng đón chờ điều đó. Anh biết là anh được phép phó mặc mọi chuyện cho sự khéo léo của em. Anh xin em hãy tiến hành những công việc chuẩn bị..."

Và Amra tiến hành những công việc chuẩn bị. Bà ta bàn bạc với những ông nọ, bà kia, bà ta đích thân đi thuê lấy gian phòng lớn của ông Vendêlin, bà ta còn thậm chí còn thành lập cả một cái kiểu như tiểu ban bao gồm các quý vị, được yêu cầu hoặc tự nguyện tham gia đóng góp vào những tiểu mục trình diễn vui nhộn để tô điểm thêm cho buổi liên hoan. Tiểu ban này chỉ gồm các bậc mày râu, rồi mới đến bà vợ ông diễn viên cung đình Hinđơbơrant, ông trợ giáo Vitxơnaghen, một ông họa sĩ trẻ và ông Anphơrêt Loitơnơ cũng được tính vào số đó. Không kể một vài cậu sinh viên - được thâu nạp thông qua ông trợ giáo và để trình diễn những điệu nhảy của người da đen.

Tám ngày sau khi Amra đưa ra quyết định của mình, tiểu bang này, nhằm mục đích trưng cầu ý kiến, đã nhóm họp tại phố Kaidơ, tại phòng khách của Amra, một gian phòng nhỏ, ấm áp, trang bị đầy đủ : một tấm thảm dày, một tràng kỷ dài Ottôman với nhiều những tấm đệm, một cây cọ xòe, những chiếc ghế bành bọc da theo kiểu Ănglê và một cái bàn theo kiểu Mghagani với những cái chân khuỳnh, bên

trên trải một tấm khăn bàn bằng nhung với vô số những đồ quý giá hào nhoáng. Lại còn có cả một cái lò sưởi được đốt lên cho ấm tí chút, trên cái bệ đá màu đen bày biện cái đĩa với những lát bánh mì được phết một lớp bơ mỏng, những chiếc cốc và hai cái bình đựng rượu Sery. Amra, hai chân vắt nhẹ lên nhau, tựa lưng vào cái đệm của chiếc tràng kỷ Ottôman đặt dưới bóng cây cọ xòe, trông xinh đẹp như một bầu trời đêm ấm áp. Một chiếc áo sơ mi bằng lụa sáng màu và rất mỏng mảnh trùm lên bộ ngực của bà ta, nhưng cái váy của bà ta lại bằng một thứ vải thô nặng, sẫm màu, có thêu những bông hoa lớn, thỉnh thoảng bà ta lại đưa tay gạt mái tóc màu hạt dẻ ra khỏi vầng trán hẹp.

Bà Hinđơbơrant, nữ ca sĩ, cũng cùng ngồi cạnh trên cái tràng kỷ Ottôman, bà này có mái tóc màu hung đỏ và mặc một bộ quần áo cưỡi ngựa. Còn đối diện với hai *mađam* là các bậc mày râu đang ngồi chen chúc thành hình bán nguyệt - trong số đó có ông luật sư, người chỉ vớ được độc chiếc ghế bành bọc da rất thấp và trông bộ điệu bất hạnh hết chỗ nói; thảng hoặc ông ta lại thở một hơi rất nặng nhọc và nuốt đánh ực một cái, như kiểu đang gắng gượng chống lại cơn buồn nôn dâng lên đến tận cổ... Ông Anphơrêt Loitơnơ trong bộ quần áo chơi quần vợt ở bãi đã từ chối không ngồi lên ghế mà tựa lưng một cách rất đỏm dáng và vui vẻ vào cái lò sưởi, vì ông ta cả quyết rằng ông ta không ngồi yên một chỗ lâu được.

Ông Hinđơbơrant nói với một giọng nghe rất êm tai về những bài hát Ănglê. Ông ta là một người đàn ông vận đồ đen trông hết sức cường tráng và đẹp đẽ với cái đầu

Xêda to bự và phong thái rất tự tin. Một diễn viên cung đình có giáo dục, có những kiến thức đáng tin cậy và những sở thích tinh tế. Ông ta rất thích lên án Ibsen, Zola và Tônxtôi trong những cuộc trò chuyện nghiêm túc, những người hẳn là cùng theo đuổi những mục đích xấu xa như nhau. Nhưng hôm nay ông ta lại tỏ ra rất vui vẻ với mọi người trong câu chuyện hơi kém phần trọng đại này.

"Các quý vị có lẽ là đã biết cái bài hát hay tuyệt *That's Maria* rồi chứ ?". Ông ta nói "Nó hơi có tính chất châm chọc một chút nhưng lại công hiệu khác thường. Hoặc giả còn có bài nổi tiếng...", và thế là ông ta lại đề nghị một số bài nữa là những bài mà rốt cục người ta cũng chấp thuận để chọn và bà Hinđơbơrant tự nhận sẽ hát. Tay họa sĩ trẻ, một gã với đôi vai xệ hẳn xuống và bộ ria mép vàng, sẽ phải bắt chước một nghệ sĩ ảo thuật, trong khi ông Hinđơbơrant có ý định sắm vai những người nổi tiếng... Nói ngắn gọn là mọi việc đã tiến triển một cách hết sức tốt đẹp, và khi cái chương trình dường như đã được sắp đặt xong xuôi đâu đấy rồi, thì ông trợ giáo Vitxơnaghen, người có những cử chỉ nịnh đầm vồ vập và rất nhiều vết sẹo danh dự, đột nhiên lại nói tiếp:

"Hay lắm và được lắm, thưa các quý vị, mọi việc hứa hẹn sẽ thực sự trở nên vui nhộn. Duy có một điều nữa mà tôi không ngần ngại nói ra. Tôi thiết tưởng chúng ta vẫn thiếu một cái gì đó mà thực ra là tiết mục chính, tiết mục đặc sắc, mấu chốt, một đỉnh cao - một cái gì đó thật đặc biệt, thật ngỗ ngàng, một trò đùa, cái trò sẽ nâng không khí vui nhộn lên đến tột đỉnh ấy... nói ngắn gọn, tôi xin để tùy

mọi người, tôi không có một ý nghĩ gì rõ ràng cả; thế nhưng tôi có cảm tưởng..."

"Quả là đúng như vậy !", từ phía lò sưởi Loitơnơ cất lên cái giọng nam cao the thé của mình cho mọi người nghe. "Vitxơnaghen nói đúng. Một tiết mục chính và là tiết mục để kết thúc chương trình có lẽ là rất đáng phải có. Chúng ta hãy nghĩ xem nào!" Và trong khi nhanh nhẹn cầm cái dây thắt lưng màu đỏ của mình xốc lại cho ngay ngắn, ông ta liếc nhìn một cách thăm dò khắp xung quanh. Cái bộ điệu trên nét mặt ông ta trông quả thực là đáng yêu.

"Giờ thì tùy thôi", ông Hinđơbơran nói. "Nếu người ta không muốn coi tiết mục về những con người vĩ đại là đỉnh cao..."

Tất cả đều đồng tình với ông trợ giáo. Một tiết mục chính đặc biệt vui nhộn là rất đáng phải có. Ngay cả ông luật sư cũng gật đầu và nói nho nhỏ: "Đúng thật - một cái gì đó thật vui vẻ nổi bật...". Mọi người lặng yên suy nghĩ và vào lúc kết thúc chặng nghỉ giữa chừng kéo dài chừng một phút của cuộc bàn bạc và chỉ bị gián đoạn bởi những đề xuất nho nhỏ, thì cái điều kỳ lạ đã diễn ra.

Amra ngồi ngã lưng tựa vào những cái đệm của chiếc tràng kỷ Ôttôman và đang thoăn thoắt, say sưa cắn cái móng nhọn hoắt trên ngón tay nhỏ bé của mình như một con chuột trong lúc khuôn mặt bà ta biểu lộ một vẻ rất đặc biệt. Một nụ cười phảng phất quanh cái miệng của bà ta, nụ cười lơ đãng, gần như là ngớ ngẩn, vừa toát lên vẻ dâm đãng, vừa như đau đớn lại đồng thời có vẻ tàn nhẫn, còn đôi mắt của bà ta, đôi mắt mở to và sắc lạnh, đảo dần về

phía lò sưởi, nơi chúng dừng lại một giây khi bắt gặp cái nhìn của tay nhạc sĩ trẻ. Nhưng rồi tức thì, với một cử động đột ngột, bà ta ngoẹo hẳn lưng sang một bên, ngả về phía ông chồng của mình, cái ông luật sư ấy, và hai tay đặt vào lòng, nhìn chằm chằm vào mặt ông ta với một cái nhìn xoắn xuýt và xoi mói, mặt tái nhợt hẳn đi, bà ta nói với giọng đỉnh đạc và chậm rãi:

"Cơritxtian, em đề nghị là để kết thúc chương trình anh sẽ xuất hiện trên sân khấu như một Chanteuse[1] với cái áo dài bằng lụa đỏ may theo kiểu áo của trẻ em sơ sinh và múa cho tất cả chúng em xem một điệu gì đó".

Công hiệu của lời nói ít ỏi đó mới kỳ lạ làm sao. Chỉ có tay họa sĩ trẻ là gượng cười để làm ra vẻ tốt bụng, trong khi ông Hinđơbơrant mặt lạnh như tiền phủi phủi hai cánh tay áo, mấy cậu sinh viên thì ho khù khụ và xỉ mũi hơi mạnh vào những chiếc khăn mùi-xoa nghe đến thiếu tế nhị, bà Hinđơbơrant thì đỏ dừ cả mặt lên - điều này không phải xảy ra thường xuyên, còn ông trợ giáo Vitxơnaghen thì cứ thế bỏ chỗ chạy lấy bánh mì phết bơ. Ông luật sư ngồi ở tư thế hết sức khổ sở trên cái ghế bành thấp tè của mình và liếc nhìn khắp xung quanh với bộ mặt vàng ệch và một nụ cười đầy lo sợ, khi ông ta lắp bắp từ chối:

"Nhưng lạy Chúa... Tôi... làm gì có đủ khả năng... đừng để như là... xin lỗi các quý vị..."

Anphơrét Loitơnơ không còn giữ được vẻ mặt vô tư lự nữa. Dường như mặt ông ta đã đỏ lên một chút, và với

---

[1] Chanteuse: nữ ca sĩ.

cái đầu rướn về phía trước, ông ta nhìn vào mắt của Amra, bối rối, không hiểu cái gì cả, vẻ như thăm dò...

Còn bà ta, Amra, thì không hề thay đổi thái độ một mực quả quyết của mình, vẫn tiếp tục nói với sự nhấn mạnh có trọng lượng như cũ: " Mà anh ta lại còn phải hát một bài hát nữa, anh Coritxtian ạ, cái bài hát do ông Loitơnơ phổ nhạc và sẽ đệm dương cầm cho anh. Đó sẽ là đỉnh cao hay nhất và gây được nhiều ấn tượng nhất trong buổi liên hoan của chúng mình ".

Lại một khoảnh khắc yên lặng, một khoảnh khắc yên lặng nặng nề. Thế nhưng sau đó hoàn toàn đột ngột, cái điều dị thường đã diễn ra, ông Loitơnơ, như cũng bị lây, bị lôi kéo và kích động đã tiến một bước lên phía trước và run lên trước một kiểu phấn khích mãnh liệt, bắt đầu nói liến láu:

"Có Chúa chứng giám, thưa ông luật sư, tôi sẵn sàng, tôi xin nói là tôi sẵn sàng soạn cho ông một bài hát gì đó... Ông sẽ phải hát, phải úa theo nó... Nó là cái đỉnh cao duy nhất mà người ta có thể nghĩ ra được cho buổi liên hoan... Ông sẽ thấy, ông sẽ thấy. Nó sẽ là một cái gì đó tuyệt nhất so với những thứ mà tôi đã sáng tác ra và sẽ còn có lần sáng tác ra nữa... Trong chiếc áo dài bằng lụa đỏ may theo kiểu áo của trẻ sơ sinh ! Ồ, bà vợ của ông là một nữ nghệ sĩ, một nữ nghệ sĩ, tôi khẳng định như vậy đấy ! Nếu không thì có nhẽ bà ta đã không thể nghĩ ra được những điều như thế. Ông hãy ừ đi, tôi van ông, ông hãy đồng ý đi !Tôi sẽ tạo ra một cái gì đó, tôi sẽ làm một cái gì đó, rồi ông sẽ thấy... "

Lúc này tất cả như xổ tung ra, và tất cả bắt đầu chuyển động, không hiểu là do độc ác hay do lịch sự - tất cả bắt đầu

tấn công ông luật sư bằng những lời cầu xin dồn dập và bà Hinđơbơrant đã đi xa đến mức dám nói lên rất to với cái giọng Bơruynhinđen của mình : "Ông luật sư, ông thường vẫn là một người vui tính và thích đùa cơ mà !" Nhưng ngay bản thân ông ta, ông luật sư ấy, lúc này cũng đã tìm ra được những lời lẽ và mặt mày vẫn còn hơi nhợt nhạt, nhưng bằng sự vận dụng cao độ lòng quyết tâm ông ta nói :

"Các vị hãy nghe tôi nói, thưa các quý vị ! Tôi cần phải nói với các vị thế nào nhỉ ? Tôi không phù hợp, các vị hãy tin tôi. tôi có rất ít năng khiếu hài hước, và chưa kể là... ngắn gọn là thế này, không, điều đó đáng tiếc là không thể được".

Lời từ chối này, ông ta cứ một mực giữ nguyên và vì Amra không tiếp tục tham gia vào cuộc tranh luận nữa, vì bà ta ngồi tựa ra phía sau với vẻ mặt gần như lơ đãng và vì cả ông Loitơnơ cũng không nói một lời nào nữa mà cứ nhìn chằm chằm một cách hết sức trầm tư mặc tưởng vào một cái hoa văn trên tấm thảm, vậy nên ông Hinđơbơrant mới có thể lái được câu chuyện sang một hướng khác, và một lúc sau thì mọi người giải tán mà chẳng đi đến một quyết định gì về vấn đề cuối cùng này. Thế nhưng vào tối ngày hôm đó, khi Amra đã lên giường và đang nằm mở mắt, thì ông chồng của bà ta nặng nề bước vào, kéo một cái ghế đến cạnh giường bà ta, ngồi xuống nói nho nhỏ và ngập ngừng :

"Nghe anh, Amra, chẳng giấu gì em, anh thấy trong lòng trĩu nặng vì những suy nghĩ giày vò. Nếu như hôm nay anh đã tiếp đón các quí vị đó với cái vẻ quá ư là lạnh nhạt, nếu như anh đã bốp chát làm mất lòng họ - có Chúa biết - đó không phải là do anh chủ định. Hay là nếu ví thử em có

ý nghĩ như vậy thật... anh xin em..."

Amra lặng im một chốc, trong khi cặp lông mày của bà ta từ từ rướn lên trên trán. Thế rồi bà ta vặn mình và nói:

"Em không biết phải trả lời anh thế nào nữa, anh bạn ạ. Anh đã cư xử với một thái độ mà em chưa bao giờ ngờ tới. Với những lời lẽ bất nhã, anh đã từ chối không chịu hỗ trợ những tiết mục trình diễn bằng sự tham gia đóng góp của anh, một sự đóng góp, mà đối với anh đó chỉ có thể là một sự vỗ về chiều chuộng mà thôi, khi nó được mọi người xem như là một sự đóng góp cần thiết. Diễn đạt một cách nhẹ nhàng thì em phải nói rằng anh đã làm cho cả thiên hạ thất vọng ở mức độ nặng nề nhất và bằng thái độ thô lỗ khó chịu của mình anh đã gây rối cho toàn bộ buổi liên hoan, trong khi nghĩa vụ khổ chủ của anh nhẽ ra đã phải là..."

Ông luật sư từ từ cuối đầu, rồi vừa thở một cách nặng nhọc vừa nói :

"Đâu mà, Amra, anh có muốn gây khó chịu đâu, em hãy tin anh như vậy. Anh không muốn làm mếch lòng một ai và không muốn làm ai phải khó chịu, còn nếu như anh đã cư xử một cách xấu xa, thì anh sẵn sàng khắc phục điều đó. Nó là một trò đùa, một trò hóa trang, một trò cười vô hại - tại sao lại không nhỉ ? Anh không muốn phá rối buổi liên hoan, anh xin nhận là anh sẵn sàng..."

Vào buổi chiều hôm sau Amra lại đi ra phố để "lo các khoản". Bà ta dừng lại ở số nhà 78 phố Honzơstơraxơ và bước lên lầu hai, nơi mà người ta đợi bà ta. Và trong khi duỗi người ra, rạo rực yêu đương ép đầu người tình vào ngực mình, bà ta thì thầm với vẻ rất háo hức :

"Hãy soạn cho hai người chơi, anh nghe đấy chứ chúng mình sẽ cùng nhau đệm cho ông ấy, trong khi ông ấy hát và múa. Còn em, em sẽ lo chuẩn bị để hòa trang..." Và một cơn rùng mình kỳ dị, một trận cười bị nén lại và quằn quại lan truyền khắp tứ chi của cả hai người.

Đối với bất cứ một ai có ý muốn tổ chức một buổi liên hoan, một cuộc vui có tầm cỡ đôi chút ở ngoài trời thì tốt nhất là nên giới thiệu đến những dinh cơ nhà ông Vendơlin bên núi Sơn Ca. Từ một đường phố đầu ô duyên dáng, qua một cổng sắt cao người ta bước vào một khu vườn giống như kiểu công viên liền với khu nhà hàng và ở giữa khu vườn đó là gian phòng dài rộng dùng để tổ chức những buổi liên hoan. Cái gian phòng đó, gian phòng mà chỉ có một đường hành lang hẹp nối với nhà ăn, nhà bếp và xưởng bia, và được xây dựng bằng gỗ quét sơn nhiều màu rất vui mắt theo kiểu cách pha tạp lố lăng giữa kiểu Tàu và kiểu Phục Hưng, có những cánh cửa lớn mà nếu đẹp trời người ta có thể để ngỏ để đón hơi thở của cây cối, và chứa được rất nhiều người.

Hôm nay, những cổ xe lăn bánh tới đây ngay từ xa đã được những ánh đèn màu lấp lánh chào đón, bởi khắp hàng rào sắt, cây cối trong vườn và cả gian phòng rửa đều được trang hoàng bằng những chiếc lồng sặc sỡ treo sát cạnh nhau, còn ở phía trong phòng liên hoa ư, thì quả là cả một khung cảnh thực sự vui nhộn. Dưới trần nhà chăng những dải hoa lớn, và những dải hoa đó lại được gắn vô số những chiếc đèn lồng bằng giấy, mặc dù giữa những đồ trang hoàng trên các bức tường gồm những cành lá và hoa giả,

những ngọn đèn điện chiếu ra đã làm cho gian phòng sáng choang hết mức rồi. Ở cuối gian phòng là sân khấu mà xung quanh nó đặt những chậu cây cảnh lá to và phía trên tấm màn đỏ của sân khấu một thiên thần có cánh do bàn tay nghệ sĩ vẽ ra đang bay lơ lửng.

Nhưng từ đầu kia của gian phòng, kéo dài gần đến tận sân khấu là những bàn ăn dài, có cắm hoa trang điểm, bên những bàn ăn đó, những vị khách của ông luật sư Yacôby đang tranh thủ gỡ gạc lấy phần bia xuân và thịt bê rán : luật sư, sĩ quan, thương nhân, nghệ sĩ, các quan chức cao cấp cùng với các bà vợ và những cô con gái của họ. Chắc chắn là phải hơn một trăm năm mươi vị quan khách. Người ta ăn vận hoàn toàn rất đơn giản khi tới dự, com-lê đen và áo dài ngày xuân gần như sáng màu, vì thoải mái vui vẻ là luật của ngày hôm nay. Các bậc mày râu đích thân cầm những cái bình chạy đến chỗ những thùng bia lớn được đặt cạnh bức tường bên, và trong gian phòng rộng, sặc sỡ và rực rỡ, tràn ngập bầu không khí hội hè có vị ngòn ngọt và ngột ngạt của những cây thông, của hoa, người, bia và thức ăn, những tiếng lách cách, những câu trò truyện to và qua quít, những tiếng cười oang oang, lịch sự, say sưa và vô tư của tất cả những con người này vang lên thật náo nhiệt và ầm ĩ... Ông luật sư ngồi ì ra và chẳng còn biết làm gì ở cuối một cái bàn ăn, cạnh sân khấu; ông ta uống không nhiều và thỉnh thoảng lại thốt ra một tiếng nghe rất vất vả với cái bà ngồi cạnh ông ta, bà chánh án Haverơman. Ông ta thở có vẻ rất khó nhọc với hai khóe miệng xệ xuống, và dôi mắt sưng húp, ướt đục của ông ta nhìn trân trân một

cách xa lạ, rầu rĩ vào cái cảnh vui vẻ nhốn nháo, cứ như là trong bầu không khí hội hè này, trong cái cảnh vui vẻ ầm ĩ này có cái gì đó quà đỗi buồn bã và không sao hiểu nổi...

Vào lúc này, những chiếc bánh kem lớn được dọn ra khắp lượt, kèm theo đó người ta bắt đầu uống rượu vang ngọt và trình bày những lời phát biểu. Ông Hinđơbơrant, nghệ sĩ cung đình, đón mừng bia xuân với một bài phát biểu gồm toàn những câu trích dẫn cổ điển, đúng vậy, cả những câu tiếng Hy Lạp nữa, và ông trợ giáo Vitxơnaghen với những cử chỉ nịnh đầm nhất của mình, trong cung cách hết sức tế nhị đã nâng cốc chúc tụng tất cả các bà hiện đang có mặt bằng cách rút từ cái lọ hoa ngay bên cạnh và lấy ở trên tấm khăn bàn một nắm hoa và so sánh mỗi một bông trong số đó với một bà. Nhưng Amra Yacôby, người mặc một chiếc áo dài bằng lụa mỏng màu vàng ngồi đối diện với ông ta lại được gọi là "người chị em có phần nhan sắc hơn của bông hồng trà".

Ngay tức thì bà ta lấy tay vuốt lên đường ngôi mềm mại của mình, rướn đôi lông mày và gật đầu với ông chồng nom có vẻ rất trịnh trọng. thế là cái ông to béo này nhổm người dậy và suýt nữa làm mất cả vui, khi ông ta - trong cung cách hết sức ngượng ngập đến và khổ sở; chỉ có vài tiếng hoan hô giả tạo vang lên, và tiếp đến một khoảnh khắc yên lặng nặng nề. Ấy thế nhưng ngay sau đó, cái không khí vui vẻ lại thắng thế và người ta cũng đã bắt đầu đứng dậy, vừa hút thuốc lại vừa có vẻ hơi ngà ngà, và ầm ĩ tự tay khênh những chiếc bàn ra khỏi phòng, vì người ta muốn nhảy đầm... Lúc đó vào khoảng sau mười một giờ, và không khí tự nhiên thỏa mái đã đạt đến mức trọn vẹn. Một phần số người dự liên hoan đã tràn ra

ngoài khu vườn được thắp sáng sặc sỡ để hít thở không khí trong lành, trong khi số người khác ở lại trong phòng đứng thành từng cụm, hút thuốc, tán gẫu, rót bia ra, vừa đứng vừa uống. thế rồi từ sân khấu vang lên một hồi kèn Trompêt rất to, gọi tất cả quay trở lại phòng. Nhạc công - những người thổi kèn và đánh đàn - đã tề tựu và ngồi xuống phía trước màn; những dãy ghế phía trên có đặt những bản ghi các tiết mục, đã được kê xong và các bà ngồi xuống, trong khi đó thì các bậc mày râu đứng ở phía sau hoặc ở hai bên. Một sự im lặng đầy hồi hộp đang ngự trị.

Sau đó các dàn nhạc bé nhỏ chơi một bản dẫn khúc ầm ào, màn mở. Và xem kìa một lô những ông da đen ghê tởm đứng đó, với những bộ trang phục lòe loẹt và những đôi môi đỏ như máu, nhe răng ra và bắt đầu rú lên man rợ... Những tiết mục này thực sự đã tạo đỉnh cao của buổi liên hoan của Amra. Những tràn vỗ tay cuồng nhiệt vang lên và cái chương trình được sắp đặt một cách thông minh cứ tiếp tục phát triển hết tiết mục này đến tiết mục khác : Bà Hinđơbơrant bước lên sân khấu với một bộ tóc giả rắc đầy phấn, giống một cái gậy dài xuống sàn và hát ông ổng: *that's Maria*"! Một ông nghệ sĩ ảo thuật xuất hiện trong tấm áo choàng phủ đầy huân chương để trình diễn cái điều kinh ngạc nhất. Ông Hinđơbơrant sắm vai Gớt, Bixmác và Napôlêông giống đến giật mình, và ông chủ bút Đốc-tờ Videnspơrung trong phút chót đã đảm nhận trình bày một bài diễn thuyết khôi hài về đề tài : "Bia xuân trong ý nghĩa xã hội của nó". Thế nhưng đến phần kết thúc, sự hồi hộp đã đột đến tột đỉnh, bởi vì tiết mục cuối cùng sắp sửa bắt

đầu, cái tiết mục đầy bí hiểm đó, cái tiết mục được viền bằng một vòng nguyệt quế trong bản ghi các tiết mục và lại còn được gọi là thế này : *"Luidơ bé bỏng. Hát và múa. Âm nhạc của Anphôrêt Loitơnơ"*.

Cả gian phòng náo động, và những ánh mắt nhìn nhau. Khi các nhạc công xếp những thứ nhạc cụ của mình sang một bên, và ông Loitơnơ, người từ nãy tới giờ lặng lẽ đứng tựa vào một cánh cửa, một điều thuốc cắm ở giữa đôi môi dẩu ra một cách phớt đời, cùng với Amra Yacôby đến ngồi xuống bên cạnh chiếc đàn dương cầm được kê ở chính giữa phía trước màn, khuôn mặt ông ta đỏ ửng, và ông ta luống cuống lật lật những bản chép nốt nhạc, trong khi Amra, thì ngược lại, hơi có phần tai tái, một tay chống vào thành ghế, nhìn thẳng vào khán giả với một ánh mắt lấm lét chờ đợi. Thế rồi một tiếng chuông sắc gọn vang lên, trong khi mọi cái cổ rướn lên, ông Loitơnơ và Amra chơi một vài nhịp dẫn khúc xoàng xĩnh chẳng có gì đáng để ý cả, màn mở, Luidơ bé bỏng xuất hiện...

Một sự rùng mình ngỡ ngàng và chết lặng lan truyền khắp đám khán giả, khi cái khối thịt đồ sộ đầy vẻ buồn bã đã được bôi son trát phấn trông đến kinh dị ì ạch tiến vào sân khấu theo điệu nhún nhảy lặc lè của một con gấu. Đó là ông luật sư. Một cái áo choàng rộng, không gấp nếp, bằng lụa đỏ như máu, buông thõng đến tận gót chân, trùm lên cái thân thể phì nộn của ông ta và cái áo choàng đó được cắt cốt sao cho cái cổ trát đầy bột của ông ta lộ ra một cách gớm ghiếc. Cả hai cái tay áo được cắt rất ngắn và khâu bồng lên ở hai bên vai, thế nhưng hai cái găng tay dài, màu vàng nhạt lại trùm lên hai cánh tay múp míp chẳng có chút cơ bắp nào, trong khi

đó thì ở trên đầu là một bộ tóc bồng, vàng ruộm, được uốn thành từng món quăn quăn mà bên trên lại cắm một cái lông màu xanh ngất nghểu đung đưa hết bên này sang bên kia. Đã vậy dưới bộ tóc giả đó lại ló ra một khuôn mặt vàng ệch, húp híp, bất hạnh, tỉnh táo đến không thể tưởng được, mà hai gò má cứ liên tục dập dềnh hết lên lại xuống trông rất tội nghiệp, hai con mắt ti hí, viền những quầng đỏ chẳng trông thấy gì cả, gắng gượng nhìn chằm chằm xuống sàn, trong khi cái ông béo phị đó ì ạch bước hết bước này đến bước khác, với cái điệu bộ hoặc là đưa hai tay túm vào cái áo choàng hoặc nâng hai cánh tay yếu ớt chĩa cả hai ngón trỏ lên trời. Ông ta chẳng còn biết động tác nào khác nữa, cất cái giọng tắt nghẹn và rên rỉ hát theo tiếng đệm dương cầm một bài hát ngớ ngẩn...

Đã có lúc, cái thân hình khốn khổ đó toát ra một luồng âm khí lạnh lẻo đau thương, cái đã giết đi mọi không khí vô tư vui vẻ và trùm lên tất cả mọi người như sức ép không sao tránh khỏi của một tâm trạng ái ngại hay chưa ?... Sự rùng rợn thực sự nằm trong đáy bấy nhiêu con mắt đang bị bức bách phải hướng vào đôi anh ả đang ngồi bên chiếc đàn dương cầm và vào cái ông chồng đang ở trên sân khấu. Cái cảnh chướng tai gai mắt lặng lẽ, quá đáng đó kéo có đến 5 phút dài dằng dặc.

Thế rồi đến một khoảnh khắc mà không ai đã được chứng kiến lại có thể quên được trong suốt cuộc đời mình...

Chúng ta nhìn lại xem cái gì đã diễn ra trong khoảng thời gian ngắn ngủi, khủng khiếp và phức tạp này.

Người ta biết cái *Couplet*[1] được gọi là "*Luidơ bé bỏng*", và chẳng nghĩ ngợi gì cũng nhớ ngay đến câu vè sau đây :

"Điệu Vanxơ và điệu Ponka.
Chưa có ai nhảy như tôi vậy.
Tôi là Luidơ bé bỏng vốn thường dân
Mà làm rung tim vô số kẻ mày râu cơ đấy..."

Cái câu vè chẳng hay ho gì mà ý tứ lại quá dễ dãi nọ đã tạo thành điệp khúc của ba khổ thơ khá dài đó. Vậy Anphơrêt Loitơnơ đã hoàn tất tuyệt tác của mình, bằng cách đột ngột đưa ra giữa một trò thô tục và khôi hài một mẫu có tính chất nghệ thuật của âm nhạc cao siêu khiến người ta phải ngỡ ngàng, ông ta đã nâng tài nghệ của mình lên đến tột đỉnh. Cái giai điệu đang uyển chuyển ở cung *Đô-thăng-trưởng* trong những khổ đầu tiên nghe khá hay và hoàn toàn nhàm rồi. Vào lúc bắt đầu cái điệp khúc được nêu thì trường độ trở nên dồn dập hơn, và những quãng nghịch chói tai xuất hiện với tiếng ngân nổi bật lên mỗi lúc một dồn dập của một nốt si, chúng để cho chúng ta trông đợi một đoạn chuyển tiếp sang cung *Pha-thăng-trưởng*. Những sự không hòa điệu chói tai này cứ phức tạp dần lên đến cái câu "nhảy như tôi vậy" và sau "tôi là", cái đã làm cho sự rối loạn và căng thẳng trở nên trọn vẹn, phải tiếp đến cái đoạn nối thẳng sang cung *Pha-thăng-trưởng* mới phải. Đáng lẽ là như vậy thì một điều vô cùng ngạc nhiên lại xảy ra. Mà ở đây sự thực là bằng việc đảo phách đột

---

[1] Couplet: Bài vè châm biếm, khôi hài.

ngột nhờ một sự nhanh trí gần như thiên tài, cái cung giọng ở đoạn này lộn trở lại cùng pha trường, và cái đoạn này, cái đoạn tiếp tục được trình bày với việc sử dụng cả hai cái Pêđan theo ba từ vẫn được ngân dài *Luidơ bé bỏng*, có một tác dụng không sao tả nổi, thật ghê gớm hết chỗ nói ! Nó là một đòn hoàn toàn ngỡ ngàng đến choáng váng, chạm ngay vào thần kinh, làm rợn cả sống lưng, nó là một sự kinh ngạc, một sự lột tả sống sượng, một sự giũ bỏ mọi thứ che đậy đột ngột đến man rợ, một bức màn bị xé toang...

Và đến hợp âm *Pha trưởng* này, ông luật sư Yacôby ngừng múa. Ông ta đứng lặng người đi, ông ta đứng như trời trồng ở ngay chính giữa sân khấu, hai ngón tay trỏ vẫn còn chĩa lên trời. Ngón này thấp hơn ngón kia một chút - cái chữ i của từ *Luidơ bé bỏng* khựng lại trong mồm ông ta, ông ta im bặt, và trong khi gần như đồng thời cả tiếng đàn dương cầm đệm theo cũng dừng lại một cách sắc gọn, cái hình thù oái oăm và nức cười kinh tởm đó ở trên sân khấu nhìn trừng trừng về phía trước với cái đầu rướn lên như một con vật có đôi mắt bị nhiễm trùng...

Ông ta nhìn trừng trừng vào gian phòng được trang hoàng, sáng sủa và chật nít người này, gian phòng chất chứa cái điều chướng tai gai mắt gần như đã cô đặc lại thành bầu không khí cùng với hơi hám của tất cả những con người đó...

Ông ta nhìn trừng trừng vào tất cả những khuôn mặt đang rướn lên, nhíu lại và được chiếu sáng rất rõ, nhìn vào hàng trăm con mắt này, tất cả những con mắt với cùng một vẻ thông tỏ đang hướng vào cái đôi phía dưới, trước mặt ông ta và vào chính ông ta nữa... Trong khi một sự im lặng rùng rợn,

không hề gián đoạn bởi một tiếng động nào đang trùm lên tất cả, thì ông ta cứ để đôi mắt mỗi lúc một trợn lên to hơn của mình từ từ và lạ lùng đảo hết từ cái đôi đó lại sang khán giả và từ khán giả sang cái đôi đó. Một biểu hiện nhận thức dường như đột ngột vụt qua trên nét mặt ông ta, một cơn nhồi máu dồn lên khuôn mặt đó, làm cho nó sưng húp lên, đỏ như cái áo choàng lụa, rồi lập tức sau đó lại để cho nó trở lại vàng ệch như sáp - và cái ông béo phị này ngã nhào xuống, làm những tấm lát sàn kêu răng rắc.

Trong một khoảnh khắc, sự yên lặng tiếp tục ngự trị, sau đó những tiếng hét bắt đầu vang lên, tất cả trở nên nhốn nháo, một vài ông hảo tâm, trong đó có cả một viên bác sĩ trẻ, từ chỗ ngồi của dàn nhạc nhảy lên sân khấu, màn được hạ xuống...

Amra Yacôby và Anphơrết Loitơnơ, vẫn còn ngồi trước đàn dương cầm, mỗi người ngoảnh mặt sang một bên. Ông ta, đầu cúi xuống, dường như vẫn còn đang mãi tiếp tục lắng nghe cái đoạn chuyển tiếp sang cung Pha trưởng của mình; bà ta, bất lực, với cái óc chim sẻ làm sao mà nhận thức ra nhanh như thế được điều gì xảy ra, nên đang nhìn quanh với gương mặt hoàn toàn trống rỗng.

Ngay sau đó, viên bác sĩ trẻ lại xuất hiện lần nữa trong phòng - một người Do Thái bé nhỏ có bộ mặt nghiêm trang và bộ râu nhọn màu đen. Với vài quan khách đang xúm quanh ông ta cạnh cửa, ông ta nhún vai trả lời : "Thế và hết".

HOÀNG HỮU KỲ *dịch*

MỤC LỤC (TẬP I)

Lời Nhà xuất bản 5

1. Chiếc lá cuối cùng 6
   Ô. Henry (Mỹ)
2. Món quà của người đạo sĩ 17
   Ô. Henry (Mỹ)
3. Câu chuyện cũ 27
   W. Saroyan (Mỹ)
4. Sóng lớn Canaca 72
   G. Lânđơn (Mỹ)
5. Xôlômông quần đảo khủng khiếp 118
   G. Lânđơn (Mỹ)
6. Dưới mái hiên boong tàu 142
   G. Lânđơn (Mỹ)
7. Ma quỷ trong lòng tôi 156
   J. Morrisson (Mỹ)
8. Đứa trẻ khôn trước tuổi 169
   A. Austin (Mỹ)
9. Định luật rơi tự do 183
   A. Porges (Mỹ)
10. Lương tâm nhắc nhở 198
    R. Hardwick (Mỹ)
11. Những cái chết được đặt trước 218
    C.B. Gilford (Mỹ)
12. Hai cô gái, một chàng trai 242
    D. Campbell (Mỹ)
13. Sự phối hợp ngẫu nhiên 273
    C. Howard (Mỹ)
14. Nạn nhân 296
    F. Walton (Mỹ)
15. Bào chữa theo lối nghệ thuật 314
    H. Slesar (Mỹ)

16. Tuyết trên đỉnh Kilimangarô 356
E. Hêminguây (Mỹ)
17. Trận quyết đấu 396
C. Lândơn (Mỹ)
18. Hâychu, kẻ bợm tình 436
Akutagaoa (Nhật Bản)
19. Những con búp bê ngày hội 455
Kdzuô Ôikava (Nhật Bản)
20. Tấm khăn trải bàn 487
Iukhanxôn (Thụy Điển)
21. Huyền thoại quả táo 497
U. Malmgren (Thụy Điển)
22. Ngựa tía từ núi thần 504
Xêđiin Đamdinxuren (Mông Cổ)
23. Ma quỷ 511
Xêđün Đamdinxuren (Mông Cổ)
24. "Bá tước Môngtê Gristô" 529
Trimitđoócgin Natxacđoócgiơ (Mông Cổ)
25. Chuyện buồn không thể tin được của
Êrênhđira ngây thơ và người đàn bà bất lương 540
G.G. Mackết (Côlômbia)
26. Mối họa của vùng Maralinga 610
V. Khaufman (Đức)
27. Luidơ bé bỏng 639
Thomas Man (Đức)

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN THẾ GIỚI CHỌN LỌC

Chịu trách nhiệm xuất bản:

LỮ HUY NGUYÊN

HOÀNG THÚY TOÀN

Chịu trách nhiệm bản thảo:

PHẠM ANH TRÚC

Biên tập: *BAN VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI*

Sửa bản in: *BAN VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI*

In 700 bản khổ 13 x 19 cm tại Xí nghiệp In Quận 1, TP.HCM.
Giấy chấp nhận đề tài số 127/36-CXB, ngày 14/7/1998.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 10/1998.

– Lòng tâm chỉ là một thứ vô dụng (153)